

Thư Viện Hoa Sen
chuyển qua định dạng sách Ebook PDF
từ nguyên bản ngày 21/2/2014

MINH ĐỨC TRIỆU TÂM ẢNH

MỘT CUỘC ĐỜI
MỘT VẪNG
NHẬT NGUYỆT

(Tái bản lần thứ nhất)

3

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Lời giới thiệu

Cuộc đời đức Phật là nguồn cảm hứng bất tận cho nhiều sử gia, triết gia, học giả, nhà văn, nhà thơ, nhà khảo cổ, nhạc sĩ, họa sĩ, những nhà điêu khắc, nhà viết kịch, phim ảnh, sân khấu... Và hàng ngàn năm nay đã có vô số tác phẩm về cuộc đời đức Phật, hoặc mang tính lịch sử, khoa học hoặc phát xuất từ cảm hứng nghệ thuật, hoặc từ sự tôn kính thuần tín ngưỡng tôn giáo, đủ thể loại, nhiều tầm cỡ, đã có ảnh hưởng sâu xa trong tâm khảm biết bao độc giả, khán giả, khách hành hương chiêm bái và những người yêu thích thưởng ngoạn nghệ thuật.

Tuy nhiên, qua văn chương, thi phú, hội họa, điêu khắc... một số tác phẩm không khỏi ít nhiều nhuốm màu sắc cá tính, tình cảm, phong cách, tầm nhìn hoặc trình độ nhận thức chủ quan của tác giả. Do đó, nhiều tác giả đã đánh tráo đức Phật lịch sử thành một nhân vật thần thoại, một đấng siêu huyền; những tác giả khác có dụng ý đánh đồng cuộc đời đức Phật với những hoạt động đầy chủ quan của mình, hầu phô trương bản ngã hay đề cao uy tín cá nhân, đã không ngần ngại biến đức Phật thành một con người tầm thường, dung tục. Và tệ hại nhất là không ít tác giả ngoại đạo có âm mưu phá hoại Phật giáo, đã khéo léo tôn vinh đức Phật lên tận mây xanh, nhưng thực ra là để xuyên tạc sự thật, đánh lừa quần chúng.

Thấy rõ điều nguy hại này, Sư Giới Đức (Minh Đức Triều Tâm Ảnh) đã kiên nhẫn đọc rất nhiều tác phẩm, cùng những sử liệu đáng tin cậy để tìm tòi, tra cứu, đối chiếu, xác minh sự thật qua những chứng cứ di tích lịch sử, với tâm nguyện công hiến một tác phẩm vừa giàu tính văn chương nghệ thuật vừa đầy đủ những chi tiết khách quan và trung thực nhất về cuộc đời đức Phật.

Với lối văn kể chuyện, tất nhiên phải có nhiều đoạn văn chương hư cấu, chỉ cốt để chuyên mạch, để làm cho câu chuyện càng thêm thi vị, hấp dẫn, đồng thời làm rõ bối cảnh của những sự kiện lịch sử mà vẫn không làm mất đi ý nghĩa sâu xa, mâu nhiệm của những pháp thoại được trình tự trích dẫn một cách trung thực, đúng lúc và đúng chỗ.

Tôi trân trọng giới thiệu tác phẩm **“Một cuộc đời, một vàng nhật nguyệt”** đến quý bạn đọc để chúng ta cùng chia sẻ với tác giả lòng kính ngưỡng sâu xa một bậc giác ngộ đầy trí tuệ và vị tha nhân ái, một con người lịch sử nhưng siêu việt và sáng ngời như một vàng nhật nguyệt.

Trân trọng.

Tổ Đình Bửu Long, ngày 20-4-2008
Hòa thượng Viên Minh
Phó Ban Thiền Học
Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam

Con Chó Khôn Ngoan

Vào thời không có đức Phật Chánh Đẳng Giác ra đời, tại vùng Allakappa bị dịch bệnh hoành hành, lây lan từ người này sang người khác, nhà này sang nhà khác làm cho rất nhiều người chết, đói kém xảy ra khắp nơi. Những người còn mạnh khỏe, chưa bị lây nhiễm, tìm cách bỏ đi nơi khác, trong đó có gia đình hai vợ chồng và một đứa con nhỏ. Trên quãng đường hành trình gian lao vất vả, chẳng tìm đâu ra cái ăn, họ lây lất tẩm thân tàn, dường như sắp chết đến nơi, lạc vào một trại nuôi súc vật. Người chủ trại hỏi ra, biết họ nhịn đói đã nhiều ngày nên thương tình làm cơm sữa cho ba người ăn tùy thích! Người chồng, suốt dọc đường, vì có cái gì đều nhường cho vợ, cho con nên bị cái đói hành hạ nhiều hơn. Được cho ăn đồ ngon, không kèm chế được, người chồng đã ăn quá nhiều nên bị trúng thực rồi mạng chung ngay đêm đó. Trước khi mất, oan nghiệt thay, người chồng nhìn thấy con chó cái của chủ trại, to lớn, đầy đà do được thực phẩm đầy đủ, sung mãn đang chơi trò chơi vợ chồng với một con chó đực cũng to lớn, nung núc thịt và mỡ. Chỉ một khởi niệm luyến ái, yêu thích con chó cái (hâm mộ, ước ao vật thực đầy đủ) thì tức khắc, thức tái sanh nhập vào thai bào con chó ấy!

Đủ tháng, đủ ngày, chó mẹ sinh ra một chú chó đực xinh xắn, dễ thương, khôn ngoan, dễ dạy (do mới từ cũi người sinh ra)! Được mấy tháng tuổi, chú chó con lớn như thổi, càng lớn, càng khôn, chủ nói gì nó biết đấy, do vậy, đi đâu, chủ trại nuôi gia súc thường dẫn nó đi theo.

Một hôm có một vị đạo sĩ (vốn là một vị Độc Giác Phật) đến nhà chủ trại để khát thực. Chủ nhà thành kính cúng dường vật thực thượng vị, lại còn thỉnh mời ngài để được đặt bát hằng ngày. Nơi ngụ cư của vị đạo sĩ là một hang đá trong một ngôi rừng vắng, không gần mà cũng không xa làng xóm bao nhiêu. Vào mỗi buổi chiều, lúc rảnh rỗi, ông chủ trại thường đến chỗ đạo sĩ, vấn an sức khỏe, nghe pháp hoặc cúng dường thêm dầu đèn, một vài loại thuốc cảm sốt, ho, nhức đầu thông thường do thời khí hoặc hơi đá, sương mù, gió độc. Và lúc nào cũng có chú chó con đi theo. Ông chủ trại thông minh, linh mẫn đã biết cách huấn luyện chú chó mỗi lần đi hay về đến hang đá thăm vị đạo sĩ. Trên đường đi, nơi nào có bụi rậm, có một hang hốc sâu, ông chủ trại lấy một hòn đá ném vào và giả vờ kêu la, vỗ tay, đập chân ầm ỉ; con chó tinh minh, biết ý chủ nên nó sủa theo. Làm vậy, cốt ý là đuổi thú dữ! Năm bảy lần thành quen, thành quán tính, các lần đi và về sau, không cần chủ ném đá nữa, hễ cứ thấy bụi rậm, hang hốc sâu là chú chó cứ cong đuôi sủa ầm ỉ, sủa vô hồi kỳ trận; và chắc hẳn rằng, có thú dữ nào ở trong, chắc phải trốn biệt hoặc chạy mất tiêu.

Thấy việc huấn luyện chú chó thuần thực rồi, hôm kia đến thăm đạo sĩ, người chủ trại nói rằng: “Lúc nào con chó này đến đây một mình, nó sủa lên thì xin đạo sĩ cứ hiểu cho là nó thay mặt con, thỉnh ngài về nhà để đặt bát cúng dường!”

Thế là bắt đầu từ đây, chú chó thường thay mặt chủ trại. Khi được chủ ra dấu hiệu chỉ tay vô rừng, là nó cong đuôi, mừng rỡ chạy đi. Hễ ngang qua những bụi rậm, những hang

hốc... thì nó nhớ bài học, châu mả sửa loạn cả lên. Đến hang đá nơi đạo sĩ ở, nó cũng sửa từ ngoài xa, đến khi thấy được đạo sĩ rồi, nó sửa ba tràng nữa, rồi nằm bẹp bên chân đạo sĩ, ve vẩy đuôi, liếm chân hoặc đưa mắt hiền lành, trong sáng nhìn đạo sĩ như cố ý chờ đợi. Hiểu ý, đạo sĩ xoa đầu nó một cách rất triu mến rồi với y bát, với gậy cầm tay lên đường. Thế là con chó chạy trước, đến các chỗ rậm, sửa, làm công việc an ninh, dọn đường mới trở lại dẫn đạo sĩ đi tiếp. Đến nhà chủ trại, sau khi nhận đầy đủ vật thực, đạo sĩ ôm bát trở lại hang thì chú chó cũng cần mẫn, tận tụy làm công việc “vệ sĩ” của mình rất mực chu đáo! Và bao giờ cũng vậy, phần vật thực còn thừa, loại cứng loại mềm, chú chó được hưởng phần “tàn thực” một cách rất ngon lành!

Cứ thế, thời gian trôi qua, sau mấy tháng an cư, khi người chủ trại dâng cúng y áo, vật dụng tứ sự, đạo sĩ (vị Độc Giác Phật) phải lên đường, du phương hóa độ người hữu duyên.

Từ khi vị đạo sĩ ra đi, con chó ngày ngày nằm bên ngưỡng cửa, nhìn vào rừng, mắt buồn rười rượi. Vài ba lần, nó vào ra hang núi, lụng sục, kiếm tìm, thất vọng, trở về, bỏ ăn bỏ uống! Người chủ trại lo lắng, vuốt ve triu mến, đưa thức ăn ngon tận miệng, nhưng nó cũng không chịu ăn. Mười hôm sau thì con chó chết, tức khắc hóa sanh làm một vị thiên tử ở cõi trời Tāvātīsa. Đặc biệt vị trời này không những cao sang, chói sáng mà còn có giọng nói ngân vang, du dương, trầm bổng không ai bì nên có tên là thiên tử Ghosaka⁽¹⁾. Hết phước báu cõi trời, thời hiện tại này, Ghosaka sinh vào thai bào của một cô kỹ nữ. Sợ ảnh hưởng đến nghề nghiệp của mình, nên vừa sinh ra, cô kỹ nữ đã đem quăng đứa trẻ nơi một đồng rác bên vệ đường.

Sớm hôm ấy, người làm công cho một vị đại phú hộ đi

⁽¹⁾ Nghĩa: Người có tiếng nói lớn, vang xa, du dương, mỹ diệu.

ngang, thấy một bầy bò câu quây quần, xúm xít xung quanh một vật lạ. Tò mò, đến xem thì ông thấy một hài nhi còn đỏ hỏn, được bầy bò câu bảo vệ chu đáo; nghĩ đây là điềm triệu lạ thường, đưa hài nhi có thể là quý nhân trong tương lai nên ẵm bông về nhà để nuôi dưỡng.

Vị đại phú hộ là chủ ngân khố của triều đình, làm chủ tất cả các nghiệp đoàn thương mại tại kinh thành Kosambī, ở cạnh ông luôn túc trực một lão bà-la-môn giỏi về chiêm tinh, thiên văn, thuật số... Sáng hôm ấy, vị đại phú hộ hỏi vị cố vấn, tham mưu của mình rằng:

- Ngài đoán quẻ, xem thử trong ngày hôm nay, tại kinh thành có chuyện lạ thường gì xảy ra không?

Lão bà-la-môn sau khi gieo quẻ nói rằng:

- Mọi việc đều bình thường, duy có một điều lạ, hài nhi nào sinh ra trước giờ sao mai mọc sớm hôm nay, sau này sẽ phú quý, danh vọng, địa vị... không kể xiết được!

Vị đại phú hộ mỉm cười hỏi:

- Thế thì có bằng ta hiện nay không?

- Hơn, hơn nhiều! Nếu không muốn nói, khi vị này có mặt thì ngài sẽ bị lu mờ như ánh sáng ngôi sao so với ánh sáng đom đóm vậy!

Giật mình, lo lắng, vị đại phú hộ tức tốc cho hàng chục gia nhân lùng sục khắp kinh thành, xem thử có đứa trẻ nào sinh ra sớm hôm nay, trước giờ sao mai thì với giá nào cũng phải mua về cho bằng được! Khi biết đây là đứa hài nhi còn đỏ hỏn mà người làm công của mình vừa nhặt được, ông đã trả một ngàn đồng tiền vàng māsaka đem về nuôi dưỡng. Tự nghĩ: “Vợ ta, ít hôm nữa thì đến ngày sinh. Nếu là gái thì ta sẽ nhận đứa trẻ này làm con. Nếu là trai – thì ta sẽ giết chết đứa trẻ này để trừ hậu hoạn sau này nó sẽ tranh đoạt ngôi vị phú quý, giàu sang và địa vị của ta!”

Quả thật vậy, ba hôm sau, vợ ông sinh được con trai; ông bèn cho người bỏ đứa hài nhi đầu công trại nuôi gia súc,

nơi mấy trăm con bò vô ra hằng ngày, với ý nghĩ: “Ta được học hỏi từ giáo chủ Ni-kiền-tử rằng, thân nghiệp tội nặng hơn ý nghiệp. Vậy ta sẽ không đích thân ra tay giết chết nó mà chỉ sai người đặt nó ở đó thôi!”

Người chăn bò, khi mở cổng lừa đàn bò ra khỏi chuồng chợt thấy một con bò mẹ to lớn, đứng bốn chân vững chắc như bốn trụ đồng, dường như cố ý bảo vệ vật gì bên dưới. Tò mò đến xem, thì thấy một đứa trẻ. Tự nghĩ: “Thật lạ lùng! Con bò mẹ này đã có linh tính gì đấy, đứng bảo vệ đứa trẻ vì sợ các con bò khác đụng nhằm hoặc dẫm đạp chết. Vậy đứa trẻ này, không phải là một con người tầm thường, ta phải đem về để nuôi dưỡng, sau này sẽ có chỗ nhờ cậy!”

Chiều hôm đó, ông đại phú hộ cho người đi xem thử đứa bé đã bị đàn bò dẫm đạp chết chưa? Khi biết là còn sống do người chăn bò đã mang về nhà, ông đại phú hộ lại phải tốn thêm một ngàn đồng māśaka nữa. Rồi lần này ông cho mang ra quặng tại nghĩa địa, nơi thường có hằng trăm dê, cừu ăn cỏ và hằng trăm kên kên, điều hâu tìm kiếm xác chết, săn bắt các động vật nhỏ như chồn, cáo, thỏ... Lần này thì đứa trẻ được một con dê cái to lớn nằm ôm và bảo vệ, liếm đầu, liếm tóc rất ư là thâm thiết, lại còn tìm cách cho trẻ bú no nê bầu sữa của mình nữa! Người chăn dê thấy hiện tượng lạ lùng lại đem về nuôi!

Rồi còn nữa, tiếp theo là quặng vào giữa xa lộ thương mại thường có hằng trăm đoàn xe có bò hoặc ngựa kéo, chuyên tải hàng hóa phương này sang phương khác. Hai con bò dẫn đầu đoàn xe, thấy trẻ bèn dừng lại không chịu đi. Người chủ chiếc xe đem về nuôi. Ông đại phú hộ lại tốn thêm một ngàn đồng māśaka, cho đến một ngàn đồng kahāpaṇa, người chủ xe mới cho nhượng lại. Tức giận quá, lần này thì ông cho quặng trẻ xuống vực sâu cho tan xác nhưng lại được lau sậy nâng đỡ! Người tiều phu lại nhặt được.

Biết là mệnh trời hoặc phước báu của trẻ bảo vệ, ông đại phú hộ đành phải mang về nuôi dưỡng chung với con trai của mình!

Hai trẻ lớn lên rất thương yêu nhau, bao giờ con ông đại phú hộ vẫn xem Ghosaka là anh. Trong khi vui chơi hoặc trong khi học hành, Ghosaka luôn chứng tỏ sự thông minh, sáng dạ, khôn ngoan và khéo léo hơn con trai ông đại phú hộ. Còn nữa, Ghosaka luôn tỏ ra lễ phép, lễ độ, dễ dạy, dễ bảo và chưa hề làm ông phải méch lòng về điều gì! Đối với cả đại gia đình, người làm, kẻ ở, bạn hữu, quyến thuộc... ai cũng yêu thích và cảm mến Ghosaka hơn con trai ông chủ. Chính vì vậy ngày càng làm cho ông chủ bức mình, khó chịu; sự thù hận như tro than cứ âm ỉ cháy mãi ở trong lòng. Hôm kia, không chịu nổi, ông chủ suy nghĩ mưu kế giết trẻ.

Ngoại ô thành phố có một chủ lò gốm, vốn là người làm công thửa trước của ông, mang ơn ông rất sâu nặng. Ông tìm đến, sau khi thăm hỏi xã giao, ân cần nắm tay ông chủ lò gốm, rồi nhờ một việc. Ông nói nhỏ vừa đủ nghe:

- Tôi có đứa con nuôi, nó ngỗ nghịch, hoang tàn, bất hiếu, cứng đầu, khó dạy, sau này sẽ là hiểm họa cho gia đình, họ tộc. Tôi nhờ ông làm ơn ra tay giết nó giúp. Ở đây có rất nhiều lò lửa cháy đỏ rực, quăng nó vào trong là xương thịt thành tro ngay, ma không biết, quỷ không hay! Ông làm được việc ấy là bảo vệ được gia sản và thanh danh gia đình tôi sau này. Tôi nhớ ơn ông. Bây giờ ông nhận trước một ngàn đồng tiền vàng kahāpaṇa, xong xuôi công việc, tôi sẽ đền trả thêm bằng ngân lượng như vậy nữa.

Ban đầu, ông chủ lò gốm chần chừ, nhưng thấy số tiền cả đời ước mơ cũng không thấy, nên tối mắt, gạt đầu ưng thuận. Cả hai to nhỏ ra dấu hiệu, bày mưu kế thực hiện.

Đúng ngày hẹn, ông đại phú hộ kêu Ghosaka đến bên:

- Này con thân! Cha có đặt ở nhà thợ lò gốm một số bình, chậu đặc biệt để tiến cung. Bây giờ, con đi ngay đến

đó xem thử số hàng ấy đã được thực hiện xong chưa?

Ông chủ chỉ đường. Nghe lời, cậu bé Ghosaka ngoan ngoãn chạy đi. Ra đến đầu ngõ, Ghosaka gặp đứa em, con ông chủ, đang chơi đáo với trẻ hàng xóm. Thấy Ghosaka, đứa trẻ nắm tay kéo lại, hỏi đi đâu. Ghosaka kể lại. Đứa trẻ nói:

- Vậy thì anh hãy ở đây đánh đáo giúp em, gỡ gạc giúp em! Còn việc kia để em đi thay cho!

Khi đứa trẻ đến nhà chủ lò gốm, nghe nói đúng nguyên văn là hàng gốm đặc biệt đã thực hiện xong chưa thì ông biết phải làm gì rồi!

- Này cậu bé, hãy ra đây mà xem! Ông giả vờ vui vẻ nói - Hàng như thế này! Đang ở chỗ này này!

Rồi ông dẫn trẻ lui sau. Bất ngờ, ông xách hồng chân đứa trẻ quăng vào lò than đang cháy đỏ ngọn, đứa trẻ không kịp kêu la một tiếng. Rồi ông còn cẩn thận phủ than, củi lửa thêm nữa để xóa hết tất cả mọi dấu tích. Ông âm thầm làm một mình, vì hôm ấy ông đã cho tất cả mọi người nghỉ việc.

Ghosaka đã đánh đáo gỡ thua cho em, đợi lâu không thấy em về. Đến nhà chủ lò gốm, trong ngoài thấy vắng tanh, tưởng là em đã về nhà rồi, đành quay lui.

Ông đại phú hộ chợt dung thấy nóng ruột, đứng đợi bên hiên, dăm dăm nhìn ra đầu ngõ... thì lù lù thấy Ghosaka bước vào. Ngạc nhiên, ông hỏi han tự sự. Ghosaka kể lại đầu đuôi.

Như gáo lửa xối xuống đầu, nhưng ông vẫn cố gắng bình tĩnh, cho dong xe ngựa chạy nhanh đến nhà ông chủ lò gốm. Vừa đến cửa, ông đã ba chân, bốn cẳng chạy vào bên trong, hét toáng lên: “Hãy dừng tay lại! Hãy dừng tay lại! Đó là con trai yêu quý của ta!” Nhưng muộn mất rồi! Ông chủ lò gốm nghe được, thất thểu bước ra, mặt như gà bị cắt tiết, run lẩy bẩy! Nói gì được nữa, trách gì được nữa, vì ông chủ lò gốm đã làm đúng “hợp đồng” một cách nghiêm túc!

Càng lớn lên thì tư cách Ghosaka càng thêm chững chạc, càng đẹp người, đẹp nét hơn. Nhưng ông đại phú hộ đã không còn ăn cơm chung với Ghosaka nữa! Ông thù ghét Ghosaka, thù hận Ghosaka đã đến tận xương, tận tủy!

Sự mất tích đứa con trai, được ông phú hộ che giấu rất kỹ, bảo là đã cho đi du học ở Takkasilā tận nước Gandhāra kia lận! Tuy nhiên, Ghosaka vẫn mơ hồ biết, mơ hồ hiểu. Nhất là đêm đêm, tiếng khóc của người mẹ lọt qua kẽ hở các bức tường, vọng đến tai Ghosaka. Biết nguyên nhân bởi mình, Ghosaka càng để ý nét ăn, nét ở, càng để ý chăm sóc, hầu hạ ông bà rất mực chu đáo hầu mong cứu vãn một phần nào tình yêu thương trống vắng trong gia đình ông đại phú hộ.

Đến tuổi thanh niên, Ghosaka trông rất khôi ngô tuấn tú, ai thấy cũng mến, cũng ưa! Tuy nhiên, ông phú hộ lại tìm cách giết chàng kiêu khác.

Hôm nọ, ông trao cho Ghosaka hai lá thư xanh đỏ khác nhau, được niêm phong cẩn thận rồi ông dặn dò:

- Tại thủ đô Vesāli, ta có một người bạn làm ăn thâm giao, đây là triệu phú Gāmaka, hỏi tên ông tại các cửa hàng thì ai cũng biết. Gặp ông, con trao lá thư màu xanh, đây là những bản giao kèo, cam kết chuyện làm ăn những món hàng sắp tới! Rồi Vesāli con tìm đến thủ đô Videha, ta cũng có một người bạn thâm giao khác là triệu phú Kikiṭṭāra, hỏi ông thì ai cũng biết con sẽ đưa lá thư màu đỏ, con đừng hỏi han gì vì đó là chuyện bí mật trên thương trường của chúng ta.

Ông chủ sai người hầu đóng cho chàng một một cỗ xe hai ngựa để lên đường, với tay nải, với lương thực... tức tốc đi ngay! Đến Vesāli, Ghosaka mới mở rộng tâm con mắt, thấy kinh thành này xa hoa tráng lệ hơn Kosambī nhiều. Hỏi tên triệu phú Gāmaka, người ta vui vẻ chỉ đường, hóa ra đây là một dinh thự nguy nga, giàu sang tột bậc.

Gặp triệu phú Gāmaka, chàng kính cẩn chào hỏi rồi trao lá thư màu xanh. Đúng là chuyện làm ăn, những món hàng quốc cấm, lời lãi được tính toán người bốn, người sáu... Ông triệu phú cười sáng khoái:

- Thật là tri ân vị ân nhân đã chỉ chuyện làm ăn cho ta! Ta cũng cảm ơn con lặn lội đường xa đến đây! Con trai của bạn ta cũng là con trai của ta. Con hãy ở lại đây vui chơi ít ngày, ta sẽ xem con như thượng khách!

Người tớ gái dọn cơm thết đãi, sau đó quét dọn phòng ốc cho Ghosaka nghỉ ngơi. Cô cứ liếc nhìn chàng rồi tùm tùm cười hoài vì chàng trai trẻ đẹp quá, hiền lành quá. Khi người ở gái đi mua hoa về để chưng cho đẹp thì bắt gặp cô tiểu thư, con triệu phú ở cửa. Cả hai to nhỏ chuyện trò. Nghe nói chàng trai đẹp lắm, tuấn tú lắm, tò mò, cô tiểu thư bạo gan hé cửa nhìn. Ghosaka vì đường xa mệt mỏi nên ngủ say như chết, đâu có biết gì! Cô tiểu thư đến ngắm nhìn, do sợi dây luyến ái từ quá khứ, cô động lòng và yêu thương ngay! Chợt thấy nơi tay nải của chàng trai rơi ra một lá thư màu đỏ, động tính hiếu kỳ, cô tiểu thư lấy nước miếng nhẹ nhàng thấm lên, mở dấu niêm phong ra đọc. Chữ là một thứ chữ chưa hoàn chỉnh, lẫn lộn nhiều ký hiệu chấm, móc, ngoặc... phức tạp... Nhờ tinh thông văn tự, cú pháp, văn phạm, ký tự, dấu hiệu... cô tiểu thư vừa đọc, vừa đoán. Đại ý, thư gửi triệu phú Kikiṭṭāra ở Videha, như sau:

“- Bạn thân mến! Cậu thanh niên mang lá thư màu đỏ này đưa đến tay bạn, chính là người đã giết chết con trai của ta một cách rất tức tưởi. Vì địa vị, vì danh vọng của ta ở Kosambī nên ta chẳng thể làm gì được, sợ mang tiếng xấu! Vậy bạn hãy giúp ta, tìm cách giết nó đi! Ta biết bạn là người cẩn thận, chu đáo lại có nhiều mưu kế hay, giỏi - vậy hãy chịu khó giúp ta – ta sẽ tri tạ hậu hĩ, sau khi xong việc! Ký tên: Đại phú hộ Kosambī!”

Đọc xong lá thư, cô tiểu thư toát mồ hôi hột. Vì quá yêu

thương chàng trai, cô gái liền tức khắc viết giả mạo một bức thư khác. Thư gửi triệu phú Kikittāra, như sau:

“- Bạn thân mến! Cậu thanh niên mang lá thư màu đỏ này đưa đến tay bạn, là đứa con trai mà ta rất yêu mến. Vậy khi nhận được thư này, bạn chịu khó sắm giúp cho ta 100 mâm lễ vật, có cả vải vóc, rượu trà, gấm lụa Kāsi, tư trang, tư dụng quý đẹp được đặt trên những mâm vàng, mâm bạc - trên những cỗ xe hai ngựa, bốn ngựa cao sang và lộng lẫy. Rồi bạn và người thân uy tín, thay mặt ta, đến kinh thành Vesāli, hỏi cưới cô tiểu thư, con của triệu phú Gāmaka – cũng là bạn của chúng ta, giúp ta! Lúc này ta già yếu và lại hay đau ốm bất thường, không đi đâu được! Vậy việc đại sự cho nó, bạn coi nó như là con của bạn mà lo chu toàn cho ta nhé! Mọi tổn kém ta sẽ trả lại gấp đôi, bạn đừng lo ngại gì! Kính mến! Triệu phú Kosambī!”

Viết xong, cô tiểu thư khéo tay, niêm phong trở lại rồi bỏ vào đũa, nửa rơi ra ngoài y như cũ!

Hôm sau, Ghosaka vô tư lên đường, đến Videha, tìm ra dinh thự của triệu phú Kikittāra kính cẩn, lễ phép trao phong thư màu đỏ. Đọc xong thư, ông triệu phú vui mừng, triệu tập cả đại gia đình, giới thiệu chàng trai rồi tuyên bố hỷ sự mà ông bạn thâm tình nhờ cậy. Nhìn thấy Ghosaka, ai cũng phát tâm yêu mến nên sẵn sàng vui vẻ giúp một tay! Chính Ghosaka cũng ngạc nhiên, ngỡ người về chuyện lạ; và hôm ở nhà triệu phú Gāmaka, chính chàng cũng cảm nghe trái tim mình rung động khi thấy mặt cô tiểu thư quý phái, xinh đẹp ấy!

Thế rồi, cả hai gia đình triệu phú chung lo công việc. Hôn lễ cử hành tốt đẹp. Ông nhạc gia thương chàng trai và con gái cưng của mình nên tặng cho một biệt cư, trong một ngôi vườn có cây trái, hoa lá xanh tươi bốn mùa để hưởng tuần trăng mật, xây tổ ấm! Thật là hạnh phúc đến quá bất ngờ làm cho Ghosaka choáng ngợp!

Mọi việc diễn ra, đến tai đại phú hộ Kosambī, chẳng hiểu trời trăng gì nữa, tức quá, ông hộc máu tươi, ngất xỉu. Tỉnh lại, ông biên thư cho người triệu về, viện có đau ốm quá nặng, hai vợ chồng hãy về cho ông thăm lần chót! Thấy Ghosaka tức tốc muốn lên đường, cô tiểu thư biết chàng quá thật thà, quá ngây thơ và quá trung hậu nên đem chuyện lá thư tận tình kể lại cho chàng nghe. Ghosaka hiểu. Chàng hiểu ông triệu phú manh tâm muốn hãm hại chàng lâu rồi, nhưng phận làm con, không công sinh thì cũng có công nuôi dưỡng từ tấm bé, không biết làm sao cho lưỡng toàn? Tuy nhiên, khi cấp tốc nhận được lá thư thứ hai, mới biết quả thật ông đại phú hộ đã lâm bệnh nặng! Thế là hai vợ chồng son trẻ phải lựa ngày, tính ngày để lên đường; nhưng cô tiểu thư căn dặn là phải nhất nhất nghe theo lời nàng mới tránh khỏi tai họa. Chàng đồng ý. Thế là tức khắc, nàng không nệ bạc vàng, với giá rất cao, tìm thuê ba mươi người thân tín, cung cấp ba mươi con ngựa nòi, ngựa khỏe, đặt một đường dây liên lạc, từng trạm, từng trạm dọc đường, từ nhà triệu phú Kosambī - để báo tin cho nàng biết hằng ngày về bệnh tình của ông ta. Khi biết chắc, quả thật ông triệu phú chỉ còn ăn cháo loãng, đang nằm trên giường bệnh, hai vợ chồng mới chính thức lên đường! Vừa về đến cửa nhà, Ghosaka chưa biết làm gì - thì cô tiểu thư đã bù lu bù loa khóc thương thảm thiết. Ai cũng thương tình cô dâu có hiếu, tránh đường để cho cô đi. Đến bên giường, cô lại nắm tay, nắm chân, nắm ngực, càng khóc lóc lớn hơn nữa. Ông đại phú hộ lúc ấy hơi thở đã yếu, mở hé mắt ra - thì thấy cô gái đập cái đầu xuống ngực mình như trời long đất lở. Ông bị vỡ tim ngay lúc ấy rồi qua đời. Mọi người nhẹ nhàng kéo cô gái ra, an ủi, dỗ dành, bảo thôi đừng khóc nữa, không ai thoát khỏi cái chết, đừng thương tâm như vậy nữa! Một hồi sau, cô mới chịu nín, còn tát ta, tát tươi, giọt ngắn, giọt dài - không ai biết là chính cô vừa giết ông phú hộ độc ác một cách rất

khôn khéo!

Sau đó, đám tang được cử hành trọng thể. Bảy ngày sau, đức vua Udena, quốc vương nước Vamsā phong Ghosaka chức đại thủ khổ thay cha, và chàng vẫn làm chủ tịch nghiệp đoàn thương mại. Đã giàu, chàng lại giàu hơn do thời gian sau, vị triệu phú Gāmaka tại Vesāli mất, để lại cho vợ chàng cả một gia tài cự phú nữa! Tuy nhiên, hai vợ chồng Ghosaka còn có tấm lòng quảng đại hơn các triệu phú khác một việc: Là họ đã đồng lòng, cùng có trái tim bi mẫn giống nhau nên họ đã lập những trại tế bần khắp nhiều nơi, và còn thường xuyên cúng dường các sa-môn, đạo sĩ đến Kosambī! Nhưng sau khi được gặp đức Phật và giáo pháp của ngài, hai ông bà đã kiến tạo khu lâm viên tên là Ghositārāma như đã nói ở trên để cúng dường thập phương Tăng. Rồi tuần tự, thứ lớp, hai vị triệu phú bạn thân của ông bà là triệu phú Kukkuṭa và triệu phú Pāvārika đồng kiến tạo hai khu lâm viên khác, có tên là Kukkuṭārāma và Pāvārikarubavana rồi cúng dường đến thập phương Tăng có đức Phật chứng minh.

MÙA AN CƯ THỨ TÁM
(Năm 580 trước TL)

Chánh Hậu Của Đức Vua Udena

Trong mùa an cư năm thứ tám, khi nghe tin đức Phật ở Kosambī thì chư trưởng lão và tỳ-khưu tăng các nơi về đánh lễ ngài ngày càng đông. Tôn giả Sāriputta bàn với các vị trưởng lão hiện có mặt để phân bố họ đến ba khu lâm viên để an cư mùa mưa. Trưởng lão Vappa, Assaji, Yasa, Upāli, Kāḷudāyi... đảm trách tu tập và giáo giới khoảng ba trăm tỳ-khưu ở lâm viên Ghositārāma. Trưởng lão Kimbila, Bhagu, Nandiya... hướng dẫn tu tập và giáo giới chừng một trăm năm mươi tỳ-khưu ở lâm viên Kukkuṭārāma. Trưởng lão Devadatta, Bhaddiya, Anuruddha... chăm sóc sự tu tập và giáo giới cho chừng khoảng như vậy ở lâm viên Pāvārikarubavana. Riêng hai trưởng lão Nadī Kassapa và Gayā Kassapa chăm sóc hội chúng hơn một trăm vị tỳ-khưu đầu-đà khổ hạnh thì tùy nghi lựa chọn trú xứ cho mình.

Khi hội chúng rời chân đi rồi, hai trưởng lão Bhaddiya và Anuruddha tìm gặp tôn giả Sāriputta, đại ý rằng:

- Trưởng lão Devadatta chỉ lo tu tập, trưởng dưỡng các tăng trí nhưng không chịu hướng tâm, hướng trí đến việc đoạn tận các lậu hoặc, không biết phải khuyên nhủ làm sao?

- Biết làm sao được! Tôn giả Sāriputta mỉm cười – tuy

nhiên, bên cạnh Devadatta luôn có mặt hiền giả Bhaddiya, bậc đầy đủ sáu thông; luôn có mặt hiền giả Anuruddha, người mềm mỏng, dịu hiền mà ai cũng phải cảm mến, do vậy, hiện tại vẫn chưa có gì đáng ngại!

Anuruddha chợt cười vui:

- Hóa ra, việc phân bổ người và công việc, bậc Tướng quân Chánh pháp vẫn hơn chúng đệ một, hai cái đầu!

Các bậc thánh gặp nhau, chia tay nhau, ai lo việc nấy, an nhiên và thanh bình xiết bao! Và như vậy, tại khu rừng lớn Bhesakalā, gần chỗ thành Susumāragira, an cư ở đây chỉ có đức Phật, tôn giả Sāriputta, Ānanda, thị giả Upavāna cùng vài mươi vị tỳ-khuru đã có sơ quả, nhị quả trong đó có tỳ-khuru Kaccāyana. Đến gần ngày an cư, tỳ-khuru Kaccāyana đến đức Phật xin đề tài thiền quán thích hợp với đời sống độc cư. Đức Phật giáo giới xong rồi nhắc nhở câu cuối:

- Hãy tháo gỡ, quăng bỏ tất cả mọi kiến thức, tri thức cũ! Hãy lắng nghe và học hỏi những lời pháp hiện tiền, phong phú, sinh động, mới mẻ chưa ai viết ra, chưa ai đọc lên ở chính nơi thân, tâm của mình trong tương quan với ngoại giới. Sinh diệt ở đây mà bất tử cũng ở đây! Lúc nào cần thiết, Như Lai sẽ có mặt tức khắc ở bên cạnh.

Tỳ-khuru Kaccāyana phủ phục đánh lễ rồi rút vào tĩnh cư ở một hang đá sâu ở khu rừng bên cạnh; chàng quyết chứng quả vô sanh ngay mùa an cư này! Và quả đúng như vậy, tỳ-khuru Kaccāyana dễ dàng chứng quả A-la-hán với bốn tuệ phân tích, sau này nổi danh là đệ nhất biện tài trong giáo hội của đức Tôn Sư – nên ai cũng gọi là Mahā Kaccāyana.

Đức vua Udena, nội ngoại cung, triều đình đều nghe bàn tán xôn xao về đức Phật, các vị sa-môn và giáo pháp. Lúc cả ba vị đại triệu phú hầu như nhất loạt hiền cúng ba đại lâm viên thì cả kinh thành Kosambī như lên cơn sốt. Chưa thôi, trên những con đường phố, phường ấp, các tụ lạc, làng mạc ở ngoại ô xuất hiện các sa-môn áo vàng ngày càng nhiều. Họ

ăn bận tươm tất, dù hoại sắc, dù vải xấu, vải lượm... nhưng vẫn toát ra phong cách chừng mực, chừng chạc, trang nghiêm. Ngay cả việc đi khất thực cũng vậy, vị nào trông cũng đàng hoàng, ung dung, chậm rãi. Có một số vị cao ráo, đẹp đẽ, phước tướng chói sáng, và rõ ràng không phải là những kẻ đi ăn xin! Còn nữa, có một số vị quốc thước, uy nghi, đỉnh đạc toát ra trình độ tri thức, học vấn, trông chẳng khác gì những bậc hiền triết, ẩn sĩ! Như thế rõ là, họ không giống các đạo sĩ, du sĩ trong các tôn giáo cổ truyền trước đây tại các xứ sở này. Họ bắt đầu nghe tin về đức Phật, bàn tán sự xuất thân của đức Phật và uy lực về giáo pháp của Người. Họ biết rằng, hai vị đại vương và quần thần của hai đế quốc Māgadha và Kosala đã phủ phục, quy y tôn giáo mới này. Và nghe đâu, trình độ kiến thức và tu chứng của các vị đệ tử của Người còn cao siêu hơn các vị giáo chủ đương thời nữa.

Tuy nhiên, đức vua Udena vốn là tay võ biền, vũ phu, thô lỗ quen với nếp sống, nếp nghĩ trần tục; ông chỉ thích săn bắn, tửu sắc, ca vũ không thèm để ý đến dư luận về những sa-môn, đạo sĩ xin ăn trong quốc độ của ông. Triều thần cũng vậy mà các bà thứ phi cũng vậy, họ thích thú vui ngũ dục hơn là các giá trị tinh thần.

Chỉ riêng hoàng hậu Sāmāvatī là người đầu tiên trong nội cung đi nghe giáo pháp tại lâm viên Ghositārāma qua các trưởng lão Yasa, Kāḷudāyi... trước đây. Bà đã thâm tín giáo pháp này. Khi nghe đức Phật đến, niềm háo hức nghe pháp đã thôi thúc bà, nhưng do bụng mang dạ chửa với đủ mọi thứ kiêng khem phức tạp, bắt bà phải nấn ná từ ngày này sang ngày khác. Hôm kia, biết đức vua đi săn bắn ở một rừng xa, bà với hai thị nữ tùy tùng, sắm sanh lễ vật trọng hậu, lên cỗ xe hai ngựa đến khu rừng Bhesakalā.

Đức Tôn Sư biết nhân duyên tốt đẹp của bà chánh cung hiền thiện này, nên ngài ngồi đợi dưới gốc cây ngoài bìa rừng. Khi cỗ xe không còn đi được, hai thị nữ dìu bà bước

qua một lối đi nhỏ thì bà nghe tiếng nói thoảng vào tai:

- Nay, Sāmāvatī! Hãy cẩn thận từng bước đi, chẳng phải gấp gáp gì mà ảnh hưởng đến thai nhi! Như Lai đang ở đây! Đang đợi bà ở đây!

Thế là bà Sāmāvatī thấy đức Phật sau khi nghe được tiếng nói trầm âm vi diệu ấy.

- Không cần phải đánh lễ, bà đã đánh lễ ở trong tâm rồi! Hãy ngồi nhẹ nhàng trên tảng đá kia, Như Lai sẽ nói chuyện!

Chợt dừng, bà Sāmāvatī cảm giác như gặp lại một vị cha già hiền lành, nhân hậu lâu xa nào đó trong quá khứ! Bà cảm nghe một sự bình yên, mát mẻ, một hạnh phúc lạ lùng tuôn tràn, thấm đẫm cả châu thân.

- Bạch đức Thế Tôn! Bà nói – Nghe đức Thế Tôn đến Kosambī đã lâu, hôm nay con mới có dịp đến thăm! Con ngưỡng mong rằng, đưa con trong bụng con, dẫu trai hay gái phải làm một con người tốt, quý nhất là được làm một cận sự nam hay một cận sự nữ trong giáo hội thanh tịnh cho đến trọn đời!

- Như Lai đã chấp nhận, đã chứng minh cho sự quy y của cả hai mẹ con; và rồi cả hai mẹ con sẽ được như nguyện!

Rồi đức Phật căn kẽ giải thích nghĩa đích thực của “sự trở về nương tựa Tam Bảo” từ nghĩa “sự tướng” đến nghĩa “lý tính” ra sao! Sự tướng chính là đức Phật ba đời, Giáo pháp ba đời và Tăng chúng ba đời! Lý tính nghĩa Phật Bảo chính là sự giác ngộ, tánh sáng suốt, tỉnh thức thường trực trong tâm trí mình. Lý tính nghĩa Pháp Bảo, là chân lý, là sự thật phải luôn tuân chỉ, thực hành! Lý tính nghĩa Tăng Bảo chính là luôn hướng đến sự hiền thiện, thanh tịnh, chính trực, quang minh cao đẹp!

Biết bà hoàng hậu là bậc trí thức nên đức Phật chỉ nói tóm tắt về Tam Bảo với những thuật ngữ khá cao siêu. Nhờ

quán đứng cơ căn nên bà tức khắc thấy pháp, đặc quả Nhập Lưu với tâm tịnh tín bất động. Bà cúi xuống khom lưng đánh lễ đức Phật mà có vài giọt nước mắt lăn đọng như mấy hạt kim cương!

Khi tôn giả Sāriputta, Ānanda vừa thọ nhận xong lễ vật cúng dường của hoàng hậu – thì một đoàn tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni tìm đến, chừng năm mươi vị. Họ đến từ Vesāli và cả Rājagaha. Trong số đó, có trưởng lão ni Gotamī, Yasodharā, Nanda và Rāhula cùng một số vị thuộc dòng Sākya khác nữa. Họ viện cớ thấy đức Phật đi vắng lâu ngày nên muốn tìm đến đây để an cư, đồng thời để học hỏi giáo pháp.

Khi được thấy thân quyến của đức Phật, bà vô cùng hâm mộ, quyến luyến đến nắm tay trưởng lão ni Gotamī và Yasodharā không chịu rời. Lát sau, do trí thông minh có sẵn, bà thưa trình:

- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử có một khu rừng gỗ hương trầm rất quý báu, cũng không xa đây lắm. Đây là nơi có sẵn một số cốc liêu, nhà nghỉ cùng các công trình phụ mà đệ tử thường hay lui tới để an dưỡng. Quý ni sư mình mai vóc hạc, tu hành kham khổ mà ở đây thanh khí từ vỏ, từ lá, từ nhựa hương chiên đàn đỏ, chiên đàn vàng... rất tốt cho sức khỏe của chư ni! Đệ tử xin được cúng dường cho trưởng lão ni cùng ni chúng thập phương thì hạnh phúc cho đệ tử lắm vậy.

Đức Phật mỉm cười, ngài biết nhân là vậy, duyên là vậy. Còn hội chúng thì tán thán “Sādhu, sādhu” đầy hoan hỷ và vui vẻ.

Thế là mùa an cư năm ấy, tôn giả Sāriputta và Ānanda ngoài việc tiếp đón liên tục ba vị đại triệu phú và bạn hữu của họ, còn phải thay mặt đức Phật thuyết pháp đến hội chúng cư sĩ. Riêng đức Phật thì tùy nghi. Lúc thì ngài dẫn Nanda cùng đi, xuất hiện ở lâm viên này, mai ngài xuất hiện ở lâm viên khác để giáo giới chư tỳ-khưu! Đôi lúc ngài lại

dẫn theo Rāhula, sang khu rừng gỗ hương để giáo giới tỳ-khuru-ni. Ông hoàng si tình, tỳ-khuru Nanda, vẫn chưa tiến bộ, vẫn còn nhớ nhung quay quắt vị hôn thê công nương xinh đẹp. Đi bên Phật, được ngài ân cần nhắc nhở, hướng dẫn một vài phương pháp tu tập để đôi tri, đại đức này trông đã khá hơn. Sa-di Rāhula lúc này đã gần mười bốn tuổi, đã là một thiếu niên cường tráng và khỏe mạnh. Đức Phật chỉ dạy những pháp ngăn, thật ngăn, dị giản về hít thở, đi đứng nằm ngồi... để Rāhula tự suy nghĩ, tìm kiếm thêm. Đôi khi, đức Phật chỉ cách nhìn ngắm mọi vật xung quanh, các trạng thái nơi thân, nơi tâm mình; và phải phản ánh cho trung thực, chính xác! Luôn luôn, lúc nào cũng phải biết dùng chánh niệm và tỉnh giác để an trú trong hiện tại. Ý thức trong sáng luôn luôn được thắp lên, bất kể lúc nào! Đức Phật thấy rõ Rāhula khuôn mặt rạng rỡ, đôi mắt sáng quắc, lấp lánh niềm vui, nhưng ngài biết rõ, không phải là sự đắc pháp mà do tao ngộ, gặp gỡ cả “đại gia đình”! Trưởng lão ni Gotamī trông đã vững chãi, đã hoàn toàn làm chủ bản thân, an trú pháp và chu toàn rất tốt mọi công việc trong ngoài! Đúng là bản lãnh một bậc Ni trọng! Tỳ-khuru-ni Yasodharā trông cứng cáp hơn nhờ gió sương, mưa nắng; ngài còn đọc được sự tĩnh lặng và bình an nhất định trong đôi mắt của bà.

Nhưng khi mưa gió quá, không đi đâu được thì đức Phật ẩn ở động sâu. Chỉ riêng tôn giả Sāriputta mới biết rằng, đức Phật luôn luôn có công việc của ngài. Chúng phi nhân như thọ thân, sơn thân, dạ-xoa, a-tu-la, rồng, càn-thát-bà, kim-xí-điều, cư-bàn-trà, Tứ đại thiên vương, Sakka, phạm thiên... luôn là hội chúng, thánh chúng của đức Phật nơi này và nơi khác, kể cả giữa đêm hôm khuya khoát.

Hôm kia, trời mây thưa, gió nhẹ có vẻ tạnh ráo, sáng sớm, đức Phật lại ôm bát ra đi một mình. Ngài đi rất xa về phía Tây Bắc thuộc thượng nguồn sông Yamuna, đến vùng

Kuru, thị trấn Kammāsadhama⁽¹⁾, gần các ngôi đền thờ các vị thần của bà-la-môn giáo. Đức Phật tọa thiền suốt đêm tại một vòm công bằng đá, sáng ngày, ngài ôm bát theo con lộ chính trong thị trấn để khát thực. Trời mưa rất nhẹ, chỉ như sương mù lay bay, đường đất thấm nước, không có bụi, khí trời mát mẻ. Đây là vùng đất, là xứ sở của bà-la-môn giáo! Các vị sa-môn, chư tỳ-khưu cho biết rằng, ở đây rất khó kiếm vật thực mặc dầu đời sống cư dân khá sung túc họ vẫn không đặt bát cho người khác tôn giáo! Tuy nhiên, nhờ tướng hảo quang minh, sự sáng chói từ hào quang lan tỏa nơi ngài đã hấp dẫn lôi cuốn mọi người nên vật thực ngài cũng có đủ! Lựa tìm một cội cây tại ngã ba đường, đức Phật xếp bốn tấm y hai lớp rồi ngồi độ thực. Dùng xong, ngài trú quang định để chờ đợi hai kẻ hữu duyên sẽ đắc quả A-na-hàm (Anāgāmi)!

Thị trấn Kanumāsadamma có một bà-la-môn gia chủ hữu danh, đây là ông bà Māgaṇḍi. Suốt đêm, ông ở trong đền để chăm lo việc tế thần lửa, trên đường về nhà, ông chợt thấy đức Phật ngồi dưới cội cây! Sững sốt, ông đứng lặng, ngắm nhìn mê mải - vị này là ai mà đẹp quá! Cả thân thể sao mà tỏa sáng như châu ngọc! Từ vùng trán, khuôn mặt, cái mũi, cái miệng, chân mày, đôi mắt, vai, ngực, chân tay... cả những ngón tay... đều do thợ điêu khắc tuyệt hảo của đức thần Brāhmā! “Chà! Ông tự nghĩ – Ta có cô con gái xinh đẹp tuyệt trần, nếu có được một chú rể đông sàng tướng hảo tuyệt mỹ như thế này thì mới thật là xứng đáng!” Nhà ông cũng ở gần đây nên ông hấp tấp đến báo cho bà hay: “Này bà, có một chàng trai tuyệt đẹp, đúng là quý nhân, quý tướng! Bà hãy mau đến gốc cây đầu đường kia mà xem! Ta đã chọn cho con gái rượ của chúng ta một tấm chồng đây!”

Đức Phật biết chuyện gì xảy ra nên ngài bước xuống, để

⁽¹⁾ Hoặc Kammāsadamma - gần Delhi ngày nay.

lại một dấu bàn chân⁽¹⁾ rồi đi sang hướng khác.

Khi hai ông bà Māgaṇḍi dẫn cô gái Māgaṇḍiyā tìm đến thì không thấy đức Phật đâu mà chỉ thấy dấu bàn chân có cả ngàn cặm bánh xe, trông rõ ràng như điêu khắc ở trên đất. Hai ông bà vốn có tài xem tướng, bà giỏi hơn ông, thấy dấu bàn chân lạ lùng nên đồng ngồi xuống, sấm soi nhìn kỹ.

Bà nói:

- Không phải là dấu bàn chân của con người, ông mày ạ! Ông trông có lầm chăng? Đâu có phải của con người?

- Con người thật mà! Ông gặt đầu “chắc nụi” - Ta thấy rõ là con người bằng xương bằng thịt thật mà!

- Thế thì lạ lùng quá! Dấu bàn chân này oai lực lắm!

Ông tròn mắt, gặng hỏi:

- Ma vương chăng?

- Nói bậy!

- Quý vương chăng?

- Càng nói bậy!

- A-tu-la vương chăng?

- Đừng có “hằm hồ”! Bà chau mày, nói như gắt - Dấu bàn chân này rất trung chính, chăng có tà ma, quỷ quái nào ở đây cả!

- Vậy thì thọ thần, chư thiên gì ở đây rồi!

- Còn chưa đáng kể gì! Vị này còn cao sang, oai lực hơn nữa kia!

- Đại phạm thiên chăng?

- Cái này thì tôi chịu! Bà lắc đầu – nhưng dấu bàn chân này phải là của một con người đã tận diệt mọi khát dục, khát vọng ở đời!

- Khiếp! Thế là không thể bắt người này làm chồng con gái cung của chúng ta nữa hay sao?

Bà trầm ngâm một lúc, có lẽ suy nghĩ lung lăm, sau đó,

⁽¹⁾ Nguyên lực để lại dấu bàn chân được gọi là “Pādacetiya”.

bà thở dài, nói như hơi gió thoảng:

- Hồng rồi ông mày ạ! Theo tôi được học thì dấu bàn chân có ngàn cặm bánh xe như thế này, trong nhân tướng học, nói về đại quý nhân thì chỉ có hai người. Một là đức Chuyển luân Thánh vương, hai là đức Phật Chánh Đẳng Giác. Nếu là Chuyển luân Thánh vương thì luôn có 7000 cô tiên nữ theo hầu, con gái ta cũng không bén mảng tới được. Tuy nhiên, vì dấu bàn chân này quá thiêng liêng và trong sạch nên ta phải loại bỏ ông này ra. Vậy chỉ còn là dấu bàn chân của đức Chánh Đẳng Giác thì con gái ta đâu đẹp như chúa của tiên nữ, vị ấy cũng không thềm để dính một ngón chân đâu!

- Phải đấy, này hai ông bà Māgaṇḍi - Đức Phật đã đứng bên vệ đường, gằn sát bên họ, cất giọng phạm âm - Nhận xét như vậy là chính xác! Thuở ấy có ba cô tiên nữ thiên kiều bá mị, con gái của Đại ma vương, chúa cõi trời Paranimmitavasavattī⁽¹⁾ nỡn nường, lả lơi, gợi tình; đã đến quyến dụ Như Lai, mê hoặc Như Lai bằng thiên sắc, thiên âm, thiên hương... Phải biết rằng, thiên sắc ấy tế nhị, thù thắng, mỹ diệu. Thiên âm ấy tế nhị, thù thắng, mỹ diệu. Thiên hương ấy tế nhị, thù thắng, mỹ diệu. Thế nhưng, một sát-na nhanh như ánh chớp, Như Lai cũng không để cho lục căn bị vướng vào đâu cả. Như Lai không hề động tâm! Huống hồ là cô gái đẹp của ông bà!

Rồi đức Phật đọc lên câu kệ:

“- Đã nhận thấy sự rỗng không, bọt bèo, bất tịnh của ái dục, bất mãn và tham vọng. Như Lai không còn thích thú, đắm say trong dục lạc phù phiếm của ái tình nữa. Cái thân thể xú ố, ô trược ấy là cái gì? Như Lai không bao giờ muốn

⁽¹⁾ Cõi trời Tha hóa tự tại.

sờ chạm đến nó, dầu chỉ đụng bằng chân!”⁽¹⁾

Lạ lùng làm sao, đức Phật chỉ nói chừng ấy, xác chứng một sự thực – mà ông bà Māgaṇḍi tức khắc, chứng quả Bất Lai - quỳ năm vóc sát đất, đánh lễ ngài với lòng tri ân vô hạn. Riêng cô gái Māgaṇḍiyā thì tức tưởi, khóc lóc bỏ chạy! Cô thấy mình bị sỉ nhục một cách đau đớn khi đức Phật chê thân thể cô xú ối, ô trược... không muốn sờ chạm đến, dầu chỉ đụng bằng chân! Xác xược thế là cùng! Vậy nên, bắt đầu từ đây, cô cột oán kết với đức Phật bằng một mối hận thù sâu sắc. Cô quyết tìm cơ hội báo thù⁽²⁾.

Còn ông bà Māgaṇḍi, sau khi để lại toàn bộ gia sản cho người em trai là bà-la-môn Cūlamāgaṇḍi, gởi gắm chăm sóc cô con gái, hai người tìm đến khu rừng lớn Bhesakaḷā xin xuất gia, trở thành tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, không lâu sau họ đắc quả A-la-hán.

⁽¹⁾ Phỏng dịch từ câu kệ ngôn:”Disvāna taṇhaṃ aratiṃ rāgañca. Nāhosi chando api methunasmim. Kimevidaṃ muttakarīsapuṇṇaṃ. Pādāpinam samphusitum na icche”.

⁽²⁾ Chuyện xảy ra năm sau, khi cô được làm thứ phi đức vua Udena – xem sau.

Một Số Giới Điều Cần Thiết

Hôm kia, chợt đức Phật bảo thị giả Upavāna đi thỉnh mời tất cả trưởng lão phụ trách ba khu lâm viên, tụ họp tại khu rừng Bhesakalā. Khi đã đầy đủ tất cả chư vị thánh tăng A-la-hán, đức Phật nói:

- Chư tăngi ni tại Kosambī hiện nay có gần một ngàn vị, số lượng ấy không ít đâu, phạm tăng thì quá đông, chắc chắn nhiều việc xấu ác đã duyên khởi! Vậy, trong hai tháng an cư mùa mưa vừa rồi, tại các khu lâm viên do chư vị đảm trách, có chuyện gì xảy ra do các phạm tăng gây nên, có thể đưa đến hậu quả không tốt như: phá hòa hợp tăng, tạo nên sự bất tịnh; hoặc khi thọ dụng tứ sự, cách sử dụng tứ sự, cách mặc y, mang bát, dù dếp, lúc độ thực, tại nhà ăn, nhà tắm hơi, nhà vệ sinh, đi quá sớm, về quá muộn; thân cận vua quan, giới cầm quyền, nhà giàu có, nơi có nữ nhân... làm mất đức tin của các hàng cư sĩ? Chư vị hãy phản ánh để chúng ta cùng tìm biện pháp đối trị - để cho giáo pháp ở quốc độ Vamsā này được toàn hảo hơn!

Đức Phật vừa phác họa sơ khởi thì chư trưởng lão đã biết rõ là ngài đã nắm bắt toàn bộ vấn đề phát sanh. Quả là có quá nhiều vấn đề, chưa biết nêu vấn đề nào trước, vấn đề

nào sau nên họ im lặng.

Tôn giả Upāli nói:

- Bạc đức Thế Tôn! Đệ tử đã tìm cách phân chia từng chúng từ ba mươi đến năm mươi vị; mỗi chúng như vậy có hai vị đại đức phụ trách! Có chúng thiên về tụng đọc, ôn tập kinh. Có chúng chúng tỏ nề nếp oai nghi giới hạnh. Có chúng chỉ thích học Abhidhamma! Có điều rõ ràng nhất là bốn phận giữa thầy và trò, trò và thầy còn nhiều khiếm khuyết. Bốn phận đối với kẻ trên người dưới cũng chưa có quy định cụ thể. Đối xử trong tương quan chung cũng có nhiều việc đáng phàn nàn...

Tôn giả Kāludāyi phản ánh tiếp:

- Có một nhóm tỳ-khưu ở Bārāṇasī và Kāsi đến hôm đầu mùa an cư. Người thì trùm đầu lùm thùm bằng vải hoa, vải xanh, vải đỏ; trùm rồi cột một góc có thắt nơ, cột hai góc có thắt con bướm bướm; kẻ để tóc um tùm, kẻ để râu một chòm, hai chòm, tĩa râu mép, để râu cằm và ngược lại! Chúng quăng dép lung tung, ào ào bước vào lâm viên nhìn ngược, nhìn xuôi, chẳng chào hỏi ai; tự động đẩy cửa liêu cóc, quăng bát, quăng y, quăng gậy lung tung...

Cách trình bày cụ thể có hình ảnh như vậy làm ai cũng mỉm cười và ai cũng biết đây là sự thật mà họ hay nhắc nhở, chỉnh đốn lại...

Tôn giả Yasa nói:

- Đây là lỗi tại tôi chưa đủ thì giờ giáo hóa. Một số trong họ là các đạo sĩ lửa thê, thờ thần lửa hoặc khổ hạnh sang. Sau khi nghe pháp, họ đồng đến đây xin xuất gia tỳ-khưu chứ chưa phải là tỳ-khưu.

Tôn giả Anuruddha nói:

- Chuyện của trưởng lão Yasa nói thì còn khả thứ được; nhưng có một số trưởng hợp, đã là tỳ-khưu rồi mà con đeo hoa tai, đeo dây chuỗi ở cổ, đeo vòng ở tay... lại còn đeo nhẫn vàng, nhẫn bạc, nhẫn ngọc nữa chứ! Còn nữa, không

những tóc để quá hai ngón tay mà còn chải tóc với sáp ong, với dầu nước óng ánh. Có một số vị lấy dầu thoa mặt, phấn thoa mặt, vẽ mắt bằng bột phấn đỏ, bột phấn vàng. Có vị còn hát ca lí ló, ỡng ẹo nhảy múa... Còn nữa, lúc trời lạnh, họ sắm áo choàng bằng lông chồn, lông cừu, lông thỏ... thật là quái dị làm sao!

Tôn giả Bhaddiya mỉm cười tiếp:

- Những việc mà chúng ta đã chấn chỉnh ở Trúc Lâm, ở Đại Lâm, ở Kỳ Viên... bây giờ đang xảy ra ở đây. Chư vị trưởng lão biết không, thật không thể tưởng tượng được. Tôi đã loáng thoáng thấy chỗ này và chỗ nọ, các vị tỳ-khưu vừa từ ngoại đạo sang; đi bát, họ lấy cái bầu đựng nước, cái hũ đựng nước, cái âu chứa đồ dơ; và khiếp nhất, quý sứ cũng phải bỏ chạy khi vị tỳ-khưu nọ đi bát bằng cái sọ người, bằng cái đầu lâu người chết!

Tiếng cười nhẹ nhàng qua.

Rồi nhiều vị khác tiếp tục nêu ra sự thực, đại lược như sau:

- Sử dụng dao có cán bằng bạc, bằng vàng, có nạm ngọc...

- Mừng mên, thăm len, gồi kê tay, gồi kê chân, gồi nằm... đều rắc dầu thơm...

- Ngủ chung một giường, chung một tấm trải, ăn chung một đĩa, uống chung một cốc...

Tôn giả Ānanda phát biểu:

- Hôm tại Kỳ Viên, tôi vắt đại y trên vai để đi trì bình khát thực. Mới được một đôi đường thì gặp một cơn gió lốc cuốn bay tấm đại y; rồi y nội, y ngoại rơi rớt tùm lum. Một tay tôi túm chặt y bát, một tay lượm đại y, vội vã trở về Kỳ Viên để sửa sang lại. Buổi chiều, tôi tường trình sự việc cho đức Thế Tôn nghe. Ngài dạy: “Này Ānanda! Như Lai cho phép chư tỳ-khưu phải sắm dây lưng chắc bền để cột y nội và đại y để tránh trường hợp tương tự xảy ra!” Thế rồi, sau

đó, một số tỳ-khưu đã sắm dây lưng, dây buộc để trang điểm cho mình. Vị thì dùng dây tơ, sợi len bện lại thành từng vòng xoắn; cái thì giống hình con rắn nước, cái giống sợi dây xích. Chưa thôi, họ còn bày trò làm khóa thắt lưng bằng vàng, bằng bạc, cột nơ, thắt bướm hai đầu để dài lòng thòng bảy hoặc tám lóng tay. Có vị cài bằng những hạt nút ngà, nút sừng, nút vàng, nút bạc... Chưa thôi, áo lót thì quần tùy tiện như vòi voi, vắt lên như đuôi cá, có tua, có ren...hắn hời...!

Tôn giả Vappa nói:

- Cũng tương tự vậy. Một lần nọ, tại Vesāli, có một tỳ-khưu bị bệnh, không có gậy, không bước đi được, không có dây cột bát, không ôm bình bát nổi. Chuyện đến tai, đức Thế Tôn đã cho phép sắm gậy và dây cột bát. Thế rồi, một số vị tỳ-khưu lấy có ấy, sắm đủ mọi loại gậy cầu kỳ bằng kim loại quý, bằng mắt tre, bằng kỳ mộc, quái mộc, bằng gỗ trầm hương, chạm trổ công phu đủ mọi dạng hình rồng rắn, sư tử, cọp beo, chuột chồn, công hạc... các loại. Dây cột bát cũng vậy, đều là cái có để họ trang sức cho mình! Rồi lại còn sắm thêm một túi đeo, hai túi đeo... ở cổ, ở vai, quanh lưng nữa...

Tôn giả Assaji nói:

- Có vị tỳ-khưu có tật nhai lại thức ăn. Cứ hễ chiều đến là vị ấy “ừa” lại thức ăn buổi trưa để nhai lại cho nên miệng ông ta cứ nhóp nhép hoài. Đức Phật đã vén mở quá khứ của vị ấy rồi nói rằng: “Do nghiệp quá khứ, ông ta là điền chủ, đã bóc lột, đã bóp túi, nặn hầu mấy chục người tá điền nô lệ nên phải bị đọa làm trâu cày, trâu kéo liên tục mấy chục kiếp trâu để trả nợ. Do thói quen nhai lại, nghiệp còn dư sót... nên ông ta phải nhai lại thức ăn như trâu. Vậy Như Lai cho phép được nhai lại đối với những ai có tật nhai lại”. Sự thực là vậy. Nhưng tôi đã từng thấy nhiều vị tỳ-khưu, buổi chiều, ban đêm không chịu tọa thiền, kinh hành, học hỏi kinh, luật, Abhidhamma... mà miệng thì cứ nhóp nhép, nhóp nhép! Khi

biết ra thì hóa ra đây là thức ăn chùng, thức ăn vụng được cất giấu sau buổi trưa. Không thể thì nhai tỏi, nhai gừng, nhai quế, nhai cam thảo, nhai hương hồi, nhai vỏ nhựa ngọt, nhựa thơm...

Rồi lần lượt, chư trưởng lão có mặt như Devadatta, Kimbila, Bhagu, Nandiya, Nadīkassapa, Gayākassapa đều có phát biểu, kể ra một số trường hợp xoay quanh những việc bất ổn xảy ra tại nhà kho, nhà bếp, phòng tắm hơi, nhà tắm, hồ tắm, nhà vệ sinh - tiểu tiện, đại tiện, các hầm rác, hố rác... Và cuối cùng, chư vị trưởng lão đề nghị cấm hẳn tất cả các trò chơi, không chỉ của sa-di mà còn là của các tỳ-khưu nữa, đó là: trò chơi cờ tám ô vuông, mười ô vuông, đánh gậy, ném xúc xắc, thổi kèn bằng lá cây, uốn dẻo, nhào lộn, bắn cung, đố chữ, nhái điệu bộ hát kịch, phường tuồng, huýt sáo, vật lộn...

Thấy chư vị trưởng lão đã bao quát trọn vẹn mọi việc đã xảy ra, đang xảy ra... Tôn giả Sāriputta vốn là bậc có sẵn tuệ trí, ngài dường như tóm tắt lại:

- Bạch đức Thế Tôn! Đúng là có quá nhiều vấn đề mà đệ tử biết rằng, chư vị trưởng lão ở đây cũng đã khổ tâm không ít! Và chính quý ngài cũng đã nhắc nhở, giáo giới rồi. Đối với bậc trí, kẻ đã thấy, một hạt bụi cũng thấy thì mọi giới điều, giới luật đều có sẵn trong tâm và trí của mình; nói cách khác, mọi biểu tượng, biểu hiện ở bên ngoài của quý ngài đã là giới điều, luật nghi! Nhưng đối với kẻ ngu, người không thấy, núi Tu-di cũng không thấy thì chúng ta phải đưa ra, điều một này, điều hai này, nói một lần này, nói hai lần này, nói ba lần này; việc này nên làm này, việc kia không nên làm này... nói mãi mãi, nói hoài hoài như thế... thì may ra, lâu ngày chầy tháng, một tí bụi sương cũng dính được trên đầu ngọn cỏ kusa! Chư vị trưởng lão vốn sẵn có từ, có nhẫn, có xả... nên đã làm như vậy, đã làm được điều kỳ diệu như vậy trong thời gian gần đây tại các khu lâm viên. Tuy nhiên,

giáo pháp của đức Tôn Sư là toàn cõi châu Diêm-phù-đề; rồi còn phải tồn tại năm ngàn năm nữa; vậy nên, những quy định, những chế định dù bất thành văn nhưng cũng phải được bố cáo rộng rãi, từng điểm một, từng trường hợp một, hầu quảng bá sâu rộng cho bảy chúng tu học⁽¹⁾! Đóa hoa đức hạnh, giới hạnh phải mãi khai, khi ấy, khu vườn giáo pháp mới ngát ngào hương sắc được...

Nhìn quanh chư vị trưởng lão, cảm giác ai cũng đồng thuận, tôn giả tiếp:

- Hiện tại, dường như chưa có điều đáng tiếc, hệ trọng xảy ra, vậy chúng ta nên gói gọn vấn đề mà đưa ra một số điều về thanh quy, gồm những việc cấp thiết như sau:

Một, tư cách và trách nhiệm của thầy đối với trò.

Hai, tư cách và bổn phận của trò đối với thầy.

Ba, thái độ xử sự lúc giao tiếp với đức vua, triều thần, quan lại, giáo chủ và đồ chúng các tôn giáo bạn; giới trí thức, danh gia, triệu phú, người của các giai cấp.

Bốn, tư cách, thái độ xử sự với các vị trưởng lão, vị cao hạ đối với vị thấp hạ và ngược lại, tỳ-khuru đối với sa-di và ngược lại; với tỳ-khuru-ni, sa-di-ni; với thiện nam tín nữ.

Năm, những việc cần làm khi đến, lúc đi khỏi rừng, cội cây, nghĩa địa, lâm viên, tu viện, tịnh xá...

Sáu, thời khắc và cung cách đi vào phố, vào làng, vào xóm để khát thực và trở về cùng cách thức mặc y, mang bát... cái gì được phép và cái gì không được phép...

Bảy, công việc nơi trú xứ; những việc cần phải làm để mang lại lợi ích chung; ví dụ quét dọn liêu cốc, vườn tược, phơi phóng sàng tọa, y và bát, cất đặt, sắp xếp bàn ghế, dọn dẹp nhà giảng, nhà hội; làm đầy các ghè nước nơi này và nơi kia...

Tám, cách xử sự và những việc cần phải làm, phải ý

⁽¹⁾ Tỳ-khuru, Tỳ-khuru-ni, sa-di, sa-di-ni, sikkhamanī, uru-bà-tắc, uru-bà-di.

thức tại nhà ăn, hồ tắm, phòng tắm hơi, nhà vệ sinh - đại tiện, tiểu tiện, hố rác, hầm rác...

Chín, biết rõ giờ đức Phật thuyết pháp, giáo giới; giờ chư trưởng lão tập hợp khi có công việc chung...

Mười, sắp đặt thì giờ, đâu là tập thể, đâu là cá nhân, để việc trì bình khát thực, chư thí chủ thỉnh mời, kinh hành, tọa thiền, nghỉ ngơi không ảnh hưởng đến sinh hoạt chung...

Kính bạch đức Thế Tôn! Đây là mười nhóm công việc khá cần thiết ở trong lúc này, có thể áp dụng cho cả tỳ-khuru và tỳ-khuru-ni vì chúng sẽ ổn định được đời sống nội bộ, kiện toàn tư cách, phẩm hạnh của hàng tăng ni; đồng thời tạo uy tín đối với quần chúng, thêm đức tin cho cư sĩ tại gia!

Khi tôn giả Sāriputta dứt lời, chư vị trưởng lão đồng tán thán. Tôn giả Ānanda thì nhiệt tình nhất:

- Thật tuyệt vời thay là trí tuệ của bậc Tướng quân Chánh pháp! Tung một nắm hoa lên trời, lúc rơi xuống, là vị anh cả của chúng ta biết rõ cánh nào rơi trước, cánh nào rơi sau trong một thứ lớp, trật tự không chệ vào đâu được!

Đức Phật mỉm cười:

- Ủ, Như Lai cũng thấy như thế! Và Như Lai cũng chấp thuận cả mười điều, cả mười nhóm công việc. Vậy, các vị trưởng lão hãy tùy nghi sắp xếp thì giờ để thảo luận từng điểm một, chế định từng điểm một. Nhưng phải lưu ý là phải dựa trên từng trường hợp cụ thể, đã xảy ra, đang xảy ra và sẽ xảy ra...

Thế rồi, tại lâm viên Ghositārāma, dưới sự chủ tọa của tôn giả Sāriputta, suốt bảy ngày, chư vị trưởng lão đã sơ thảo được một thanh quy khả dĩ đáp ứng được nội dung, nhu cầu đề cập. Đức Phật chuẩn y. Tôn giả Upāli nhờ được tiếng giới hạnh uy nghiêm, quy củ, mẫu mực tỏa sáng trong giáo hội bấy lâu nay nên được đại hội đề cử làm bậc thượng thủ tối cao giám sát thanh quy này! Tôn giả Ānanda do trí nhớ tốt đã tuyên đọc lại ba lần. Ai cũng hoan hỷ. Sau đấy, chư vị

trưởng lão trở về trú xứ của mình để giáo giới chư tỳ-khưu còn non nớt, vụng về hoặc bừa bãi, phóng túng, thiếu trí... đi vào nề nếp. Tôn giả Sāriputta và Ānanda còn đi sang khu rừng trầm hương để phổ biến một số giới luật mới cho trưởng lão ni Gotamī và ni chúng ở đây.

Hiện Tại Pháp Lạc

Sau hạ thứ tám, chư vị trưởng lão phân bố đi các nơi để tuyên thuyết một số giới điều liên hệ đến mười nhóm thanh quy đã chấn chỉnh tại lâm viên Ghositārāma. Riêng ni chúng tại khu rừng trầm hương thì chỉ giữ lại chừng ba mươi người; số còn lại, trưởng lão ni Gotamī, Yasodharā dẫn họ về Koliyā và Sākya để thành lập ni viện ở quê nội và quê ngoại. Đi theo giúp đỡ có bốn vị trưởng lão cùng bản quán – đó là Bhaddiya, Kimbila, Kāḷudayi, Devadatta. Đức Phật cũng gật đầu mỉm cười cho Rāhula dẫn theo một số sa-di về thăm quê! Riêng ngài thì chỉ giữ lại tôn giả Sāriputta, Ānanda, thị giả Upavāna và có thêm Nanda nữa.

Khi mọi người đã ra đi hết rồi, đức Phật nói chuyện với tôn giả Sāriputta:

- Kỳ Viên, Trúc Lâm, Đại Lâm... là quan trọng nhất vì số lượng tăng đông nhất nên các vị trưởng lão phải trở về đó. Tại Vamsā này, ba cơ sở ở Kosambī tạm thời đã đặt được nền móng. Các vị giáo thọ ở đây, tuổi đạo, kinh nghiệm cũng như trình độ giáo pháp đều còn non trẻ; sau này, chúng ta sẽ quan tâm nhiều hơn.

Thế rồi, đức Phật dẫn theo chừng hai trăm vị tỳ-khuru còn non yếu nhất đến xứ Kuru, họ đa phần là bà-la-môn

giáo. Là nơi mà đức Phật vừa độ cho vợ chồng gia chủ bà-la-môn Māgaṇḍi chúng quả A-na-hàm rồi xin xuất gia. Khi hai vợ chồng khẳng khái từ bỏ gia sản, tặng không cho người em trai Cūlamāgaṇḍi rồi theo đoàn sa-môn – đã làm cho thị trấn bàn tán không ngớt. Chuyện cô gái Māgaṇḍiyā xinh đẹp tuyệt trần mà “ông ta” không dám sờ chạm vì ghê tởm, dầu đụng bằng chân họ cũng đã được nghe và dư luận ấy hiện đang còn nóng hổi. Ông em trai của vợ chồng Māgaṇḍi nghe xôn tai quá khi quần chúng có vẻ cười nhạo, sỉ nhục cháu mình; tức giận tràn hông, mấy ngày hôm sau, ông cho cô gái phục sức sang trọng, diễm lệ vào triều đình, dâng cho đức vua Udena! Dung nhan cô gái đã làm xiêu lòng đức vua tửu sắc, ông tức khắc phong cho cô ta làm thứ phi. Chuyện này, nhân dân cũng đang bàn tán. Bây giờ, nghe tin “ông Phật ấy” lại đến, làm cho mọi người ai cũng tò mò!

Đức Phật và hội chúng ngụ trong một khu rừng vắng, không gần mà cũng không xa thị trấn Kammāsadhama bao nhiêu. Buổi sáng, trước lúc xuống xóm làng để khát thực, đức Phật dặn bảo tôn giả Sāriputta, Ānanda:

- Như Lai nhờ hai ông kiểm soát toàn bộ tóc, râu, y và bát của tất cả tỳ-khưu này. Ai không đúng cách, phải chỉnh sửa lại. Toàn bộ phải đi chân đất, không được mang theo dù, dép, gậy, đeo dây nào trên vai, trên cổ. Phải tập tành, chỉ về cho họ cách đi dọc đường, từng bước đi chánh niệm, tỉnh giác ra sao. Khi đi, không nhìn qua, nhìn lại, mặt hơi cúi xuống, nhìn đằng trước chừng một đòn gánh. Khi đứng trước cửa mọi nhà, xoay nghiêng người và bình bát ra sao, nhận vật thực phải im lặng như thế nào; nếu cần, chỉ đọc một câu kệ phúc chúc là đủ. Người đặt bát dẫu là ai, cũng đừng nhìn ngắm! Nhớ đừng nắm giữ tướng chung, nam nữ, trẻ già; đừng nắm giữ tướng riêng, những chi tiết về thân thể, tay chân, mặt mũi; lúc nào cũng phải lắng nghe hơi thở của mình, bình hòa, vắng lặng và mát mẻ...

Nhờ được hướng dẫn tốt, nên khi đoàn sa-môn có đức Phật, tôn giả Sāriputta, Ānanda, Nanda, Upavāna dẫn đầu đều trông đẹp như Phạm thiên; lại trông rất có trật tự, kỷ cương, quần chúng trông, ai cũng thích, ai cũng phát tâm hoan hỷ. Một số ngoại đạo cũng phải phát tâm tín mộ, đặt bát cúng dường...

Buổi chiều, nhân dân quanh vùng, có rất đông đồ chúng bà-la-môn tìm đến khu rừng để chiêm ngưỡng “ông Phạm thiên đẹp đẽ” cùng nghe pháp. Đức Phật biết dân chúng ở đây thật thà, chất phát, tâm và trí họ còn khá trong sáng chưa bị vấy nhiễm nhiều bụi cát như tại các kinh thành lớn nên ngài phương tiện, ân cần giáo giới dịu dàng với giọng phạm âm như người mẹ hiền. Đồng thời, cũng do đức tin sai lạc nhiều đời, với quá nhiều thần linh bà-la-môn huyền hoặc, ru ngủ, họ rất sợ thánh thần phạt tội, “không cấp giấy thông hành lên nước trời” nên đức Phật cũng biểu tỏ một vài uy lực thần thông cho họ thấy, họ tin. Và sau đó, ngài mới nói đến các cảnh trời, nhân và quả, tâm và cảnh từ thấp lên cao... Các ngày hôm sau, người ta kéo đến đông hơn nữa. Thế rồi, ngài lại giao cho tôn giả Sāriputta, Ānanda thuyết pháp. Và rõ ràng, vị nào thuyết cũng dịu dàng, lưu loát, rõ ràng, phân minh, khúc chiết... với những đoạn ngôn, ví dụ dễ nghe, dễ hiểu. Những ngày hôm sau nữa, một số bà-la-môn trí thức, một số doanh gia, phú hộ tìm đến. Ai cũng được thỏa mãn. Ai cũng cảm thấy rất hài lòng, rất có đức tin đối với tôn giáo mới này! Người ta quy y rất đông. Một số cư sĩ trí thức chứng quả Tu-đà-hoàn! Một số thanh niên của nhiều giai cấp xin xuất gia. Thế rồi, khu rừng này lại biến thành một khu lâm viên nữa với một số cốc liêu, nhà giảng, các công trình phụ...

Đặc biệt, thời gian ở đây, đức Phật giảng nói cho chư tỳ-khưu về Bốn Niệm Xứ - là bài kinh quan trọng cho tất cả mọi người, không kể xuất gia hay tại gia. Đối với các vị tỳ-

khuru trẻ, sơ tu lại càng quan trọng, vì nhờ vậy, họ mới biết chính xác niệm thân, thọ, tâm, pháp ra sao...

Đức Phật giảng rất chi ly, giản dị, dễ hiểu từ thấp lên cao, từ cạn vào sâu. Ngài nói:

- Nay các thầy tỳ-khuru! Đây là con đường độc lộ, độc đạo, độc nhất đưa đến an vui, thanh tịnh cho chúng sanh; vượt thoát sầu não, diệt trừ khổ ưu, hướng đến chánh trí, thành tựu tuệ giác, đạt được tự do tối thượng, an vui tuyệt đối, chứng ngộ Niết-bàn. Đó là Bốn Niệm Xứ.

Này các thầy tỳ-khuru! Thế nào là Bốn chỗ niệm, Bốn lãnh vực cần phải chú tâm, soi chiếu, minh sát, quán niệm? Đây là thân, thân thể, thân sắc; thọ, cảm giác; tâm, các trạng thái tâm lý; và pháp, đối tượng của tâm⁽¹⁾.

Bây giờ nói về cái cần phải chú tâm, quán niệm thứ nhất là thân. Là cái thân này, từ lúc sanh ra cho đến lúc bị thiêu xác hoặc bị quăng bỏ nơi nghĩa địa, nó sinh diệt liên tục, biến đổi liên tục từ hài nhi, ấu thơ, thiếu niên, trung niên, già lão rồi tử vong. Thanh xuân thì trẻ trung, đẹp đẽ; già lão thì suy yếu, nhăn nheo, xấu xí. Đây là sự thật, là tất yếu. Nó lại còn chứa đầy vật bất tịnh. Nhưng chúng sanh thì không biết, không thấy sự thật ấy nên yêu mến, đam mê, luyến ái cái thân này một cách quá đáng. Muốn nó ăn cho no, cho ngon, cho sướng. Mặc cho nó đẹp, nó sang, nó oai! Trang điểm cho nó kiêu cách, mỹ miều, lộng lẫy! Xoa dầu thơm, tẩm hương liệu, bôi cao dưỡng da cho nó mỡ màng, non tơ, láng lẩy nữa! Chưa thôi, lại còn làm sao cho mắt, tai, mũi, lưỡi, thân được thỏa mãn tất cả mọi dục lạc ở đời. Thỏa mãn rồi còn muốn thỏa mãn nữa, thỏa mãn nữa... Dục lạc càng thỏa mãn càng thiếu, càng uống càng khát, nên cuộc chạy đuổi, săn tìm ấy không thể dừng lại, suốt đời không thấy dấu hiệu

⁽¹⁾ Thân (kāya), thọ, cảm giác (Vedanā), tâm (tâm vương - citta và tâm sở-cetasika), pháp(dhamma)..

dừng lại! Trên đường tìm kiếm ấy, thức tri của nó bị tham, sân, si, tà vạy, bất chánh chi phối... nên nó tạo tác các nghiệp ác, bất thiện pháp, nói chung là mười nghiệp bất thiện⁽¹⁾ để rồi bị quả báo đau khổ, đọa sanh vào 4 con đường dữ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la! Vậy, đầu tiên, ta phải để ý đến cái thân vì nó thô thiển, dễ thấy; vì nó phải ăn uống, đi đứng, ngồi nằm, co vào, duỗi ra, hít thở...; vì nó ở bên ta suốt ngày, suốt đêm; vì nó cùng ở chung căn nhà với ta, nó chở mang ta từ lúc sinh đến lúc chết. Và nếu chúng ta không thấy rõ nó, không kiểm soát được nó thì nó sẽ vọng động tạo tác ác nghiệp ngay tức khắc.

Vậy, cái gọi là niệm thân nghĩa là ghi nhớ cái thân, chú tâm nơi cái thân, chánh niệm nơi cái thân sẽ có hai lợi ích. Thứ nhất ta sẽ kiểm soát được nó, làm chủ được nó; và khi kiểm soát được nó, làm chủ được nó thì nó không còn vọng động để tạo tác các ác nghiệp. Đây là lợi ích thuộc về tục đế, tục thể, thế gian, nó là nhân sanh thiện pháp, phước báu của nó là cõi người và cõi trời, không còn đọa vào những cảnh giới đau khổ nữa. Lợi ích thứ hai thuộc về bình diện tuệ giác, xuất thế, là khi thấy thực cái thân, là tổng hợp sắc, nó chỉ là sắc; là sắc sanh, sắc già lão, sắc tàn lụi, sắc hoại diệt; thật sự thấy rõ bản chất vô thường, vô ngã, dukkha của chúng, chẳng còn rơi vào chấp thủ, vào các khái niệm phạm trù nữa, ta sẽ có được cái thấy chân đế, như thực là cánh cửa mở vào cõi siêu thế, Niết-bàn, chấm dứt tất cả khổ.

Này các thầy tỳ-khưu, hãy tập sự niệm thân! Hãy chăm chú, quan sát, chú tâm, nhìn ngắm nó khi đi đứng nằm ngồi, co tay, duỗi chân, khi mặc y, mang bát, đi trì bình khát thực, khi đang ăn, đang uống, đại, tiểu tiện... Suốt ngày, ba thời, sáu khắc thì ý thức, trực thức phải được thắp sáng lên như

⁽¹⁾ Thân 3 (Sát sanh, trộm cắp, tà hạnh); khẩu 4 (nói dối, nói hai lưỡi, nói thù dật, nói ác độc), ý 3 (tham, sân, tà kiến).

ngọn đèn để nhìn ngắm tất thấy mọi oai nghi cử động của nó. Phải liên tục, miên mật chánh niệm, tỉnh giác. Còn khi tọa thiền, kinh hành, các thầy phải chú tâm vào hơi thở. Hơi thở nó dài ngắn, thô tế ra sao thì phải được ghi nhận trung thực, như thực. Phải thấy rõ hơi thở cụ thể như thực bằng tuệ tri chứ không phải thấy hơi thở bằng tưởng tri hay thức tri. Cái thấy bởi tưởng tri, bởi thức tri và tuệ tri giống nhau và khác nhau ra sao, các thầy cũng phải thấy, phân biệt cho thông tỏ⁽¹⁾.

Này các thầy tỳ-khuru! Tưởng tri, thức tri, tuệ tri đều là thấy, chức năng thấy giống nhau. Ví dụ như thấy hình tướng, hình dáng, hình sắc, âm thanh, mùi, vị... một cách khái quát, tổng quát, thoáng qua... gọi là tưởng tri (tri giác). Thấy qua kinh nghiệm, kiến thức, hiểu biết; phân biệt rõ ràng màu sắc, hình dáng, các chi tiết... là cái thấy của thức tri (thức, tâm vương). Chỉ có thấy rõ thực tánh, bản chất như thực của các pháp mới sử dụng tuệ tri (thấy như thực thấy). Một đứa trẻ chỉ có tưởng tri còn thức tri thì muội lược, yếu ớt, nhỏ nhiệm. Lớn lên, trưởng thành do học hỏi, do kinh nghiệm - thức tri mới được vun bồi, huân tập. Tất cả mọi trí trên thế gian đều thuộc về thức tri, trí năng, cho dầu là thắng trí⁽²⁾ (ngũ trí thần thông) thì vẫn còn là phàm phu, tại thế. Chỉ có ai tu tập tuệ quán, quán chiếu mới sử dụng tuệ tri để thấy rõ sự vô thường, vô ngã và dukkha của các pháp, nhờ vậy mới mở hé được cánh cửa Niết-bàn, siêu thế, chấm dứt tất cả khổ.

Này các thầy tỳ-khuru! Cũng là cái thân, nhưng với ai quá nhiều tham dục thì phải biết nhòm góm cái thân này, nó đầy đủ ba mươi hai thể trược. Nói cách khác, chẳng có gì đáng quý, đáng đam mê, đáng ái luyến cái thân này cả; nó

⁽¹⁾ Tức là tưởng (saññā), thức (viññāṇa), tuệ (paññā)..

⁽²⁾ Abhiñña.

chỉ là nước, sức nóng, đất, không khí... kết hợp mà thành; nó gồm có tóc, râu, lông, móng, răng, da, xương, thịt, gân, tủy, ruột non, ruột già, mồ hôi, đờm, mủ, phân, mồ hôi, nước tiểu... mà thôi! Cứ quán tưởng như thế, niệm tưởng như thế để tham dục, ái luyến cái thân một cách quá đáng sẽ yên lặng đi, giảm nhẹ đi! Trường hợp này cũng nên ra tận nghĩa địa lấy cái tử thi mà làm đề mục. Hãy quan sát, nhìn ngắm cái tử thi từ khi mới chết, một cô gái hoặc một chàng trai tuổi đang còn thanh xuân. Qua vài ngày, cái thân sẽ trương phình, hôi thối; những ai tham thích hình dáng, khi thấy cái thân trương phình ấy thì chẳng còn mê gì cái hình dáng nữa! Ngày hôm sau, cái thân sẽ bầm xanh, bầm tím, rỉ nước; ai tham thích màu da sẽ không còn tham thích màu da nữa. Cái thân sẽ dần dần thối rữa, xú uế nồng nặc; ai tham thích xông ướp hương hoa cho cái thân sẽ bắt đầu thấy ghê tởm cái thân. Rồi cái thân sẽ đứt lia, nối với nhau bởi những sợi gân, bày nhầy máu thịt sẽ đối trị với những ai yêu thích sự săn chắc của cơ bắp. Cái thân bị thú vật như kền kền, quạ, điều hâu, chó rừng... mổ, cắn, khới, gặm để đối trị với những ai yêu thích mộng, ngực. Các chi tiết, bộ phận của tử thi rã rời, đứt khúc nằm ngổn ngang để đối trị với người thích nhìn ngắm tay chân nõn nà, ngọc chuốt! Cái thân bị phân hủy, nát như, vương vãi đây kia thích hợp với người ưa trang điểm cho thân thể được đẹp đẽ, diễm kiều! Tương sâu trùng, dòi bọ, kiến ruồi.. đục khoét, bầu rúc.. sẽ đối trị với người thích sở hữu, chấp thủ cái thân của mình. Rồi còn đông xương khô, phơi bày trắng hếu giữa nắng mưa dành cho ai thích hàm răng đẹp! Như thế, khi hành giả quán sát thực, thấy thực mười tướng của tử thi như vậy sẽ quán tưởng rằng: Thật vậy, sự thật là như vậy, thân này cũng y như thế ấy, cũng cùng một bản chất như vậy, cũng trở thành như vậy và sẽ không thể tránh khỏi trạng thái ấy! Nhờ vậy, dần dà tâm đam mê, ái luyến để tìm thỏa mãn cho cái thân sẽ đi đến

giảm trừ, muội lược, chấm dứt hẳn; không còn bám víu, chấp thủ vào cái thân, không còn nô lệ cho cái thân nữa!

Này các thầy tỳ-khuru! Cái thứ hai cần phải chú tâm, quan sát, quán niệm là thọ, tức cảm giác. Cảm giác có hai, là cảm giác ở nơi thân và cảm giác ở nơi tâm. Cảm giác ở nơi thân, là cảm giác thuộc về cơ thể vật chất, thuộc sinh lý. Khi một cái gì, một đối tượng nào tác động lên thân để ta có cảm giác dễ chịu, sảng khoái, thích thú, đây được gọi là lạc! Cái gì đó, một đối tượng nào đó, tác động lên thân để ta bị đau, nhức, tê, ngứa... đưa đến cảm giác khó chịu, bực bội - đây được gọi là khổ. Còn những khi không có lạc hay khổ mà có cảm giác trung tính, được gọi là xả! Cảm giác ở nơi tâm thì thuộc về tâm lý tức là một loại cảm giác đã tác động vào tâm. Khi ta thấy sung sướng, an vui, hạnh phúc... có vợ đẹp, con xinh; thành đạt danh vọng, tiền tài, sản nghiệp, địa vị; được may mắn, được khen ngợi... thì ta khoái thích, sung sướng, mãn nguyện gọi là hỷ. Những khi ta thất bại, thua thiệt, rủi ro, bị chê bai, phỉ báng; vợ chồng, con cái bất hòa, ly tán; sản nghiệp tiêu vong, mất mát; xa người mình thương, ở gần người mình ghét... tất cả đưa đến đau khổ, buồn chán, sầu não, ưu phiền... đây được gọi là ưu! Còn những khi không có hỷ hay ưu thì có xả. Hỷ, ưu, xả - đây là ba cảm thọ của tâm. Vậy, hành giả khi quán niệm, theo dõi, chú tâm vào các cảm thọ, dù ở nơi thân hoặc ở nơi tâm thì đều phải được ghi nhận rõ ràng, vô tư, khách quan, trung thực. Những cảm thọ ở nơi thân như nhức răng, đau mắt.. thì dễ ghi nhận vì nó có đối tượng cụ thể được gọi là thô tháo; những cảm thọ ở nơi tâm thì vi tế hơn, phát sanh nhanh hơn nên cần sự chú tâm nhiều hơn. Một hành giả chú tâm, minh sát các cảm thọ có công phu liên tục, miên mật có thể thấy rõ cả ba giai đoạn lúc cảm giác sanh, lúc cảm giác tồn tại và cả lúc cảm giác diệt mất. Tức là sanh, trụ và diệt. Ở đây, không cần thiết phải tinh tấn, nỗ lực gì một cách cường liệt,

căng thẳng; mà cũng chẳng cần khởi dậy một ý niệm tịnh hóa, loại trừ, chối bỏ hay phủ nhận mà cứ lắng nghe nó một cách trung thực, định tĩnh, sáng suốt thì nó sẽ tự động sinh, tự động diệt theo đúng bản chất của nó. Nói cách khác, các cảm giác là những ngọn gió hoặc cơn cuồng phong sẽ lay động thân, lay động tâm; và lưu ý, xem chừng là nó sẽ làm cho lửa tham, lửa sân bùng lên, bốc cháy, thiêu đốt thiện pháp. Vậy nên, không chỉ khi đi đứng nằm ngồi, ăn uống, mặc y, mang bát, tắm rửa, đại tiểu tiện, tọa thiền, kinh hành mà phải công phu suốt ngày, suốt đêm, ngoại trừ lúc có giấc ngủ sâu!

Này các thầy tỳ-khuru! Cũng từ cảm giác, cảm thọ đi sâu thêm một chút nữa, là quan sát, minh sát, quán niệm tâm. Tâm đây gọi chung là tâm ý hay là các trạng thái tâm lý. Cái tâm thì rất vi tế. Thường thường, chúng sanh không thấy được tâm ý của mình vì bản chất của tâm nó chập chờn, dao động luôn; nó như chú ngựa ham thích dong ruổi, như khỉ vượn mãi mê níu nhánh, vin cành. Nó khởi quá nhanh mà hành tung thì bất định. Lại mù mờ như khói như sương. Chỉ những hành giả nào niệm thân, niệm thọ lâu ngày mới bước sang được giai đoạn niệm tâm. Không dễ gì ta thấy được ta đang tham hay ta đang sân. Tại sao thế? Vì khi ta đang nhìn ngắm một cô gái đẹp, một đóa hoa đẹp hay một cảnh sắc đẹp, do bị đối tượng thu hút nên ta đã mãi mê nhìn ngắm hình dáng, màu sắc, các chi tiết bộ phận... mà không biết tâm ưa thích, tham muốn, ái luyến khởi lên lúc nào! Sân cũng vậy. Khi nghe một tiếng chửi mắng, một lời phỉ báng thì ta liền tá hỏa tam tinh, nổi sùng, nổi sộ ngay. Nói cách khác, khi một đối tượng là một sắc, một thanh... làm ta khó chịu, ta bị nó cuốn theo không biết lúc nào! Có người nửa chừng mới biết. Có người rời khỏi đối tượng rồi mới biết. Có người, lúc tưởng nhớ lại mới biết. Chỉ hành giả có công phu thâm sâu mới biết rõ nó khi vừa khởi sanh, đang chi

phối tâm và cả sau khi nó ra đi! Vậy, niệm tâm đi sau niệm thọ là bước chuẩn bị, là hành trang nội lực cần thiết. Lúc niệm tâm phải cần trang bị chánh niệm, tỉnh giác cao độ. Tâm, khái quát có cả thấy mười sáu loại tâm cần phải nhìn ngắm rõ ràng, vô tư, trong sáng và chân thực:

Tâm có tham tức là mọi tham muốn, ưa thích, đam mê, ái luyến phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

Tâm không có tham phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

Tâm có sân tức là các trạng thái tâm nóng nảy, bực bội, sân hận, chúng ra sao thì phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

Tâm không có sân, phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

Tâm có si tức là các trạng thái tâm đần độn, mê mờ, tối tăm, si mê, phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

Tâm không có si, phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

Tâm có thu nhiếp tức là tâm có tập trung, có thu thúc, phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

Tâm bị tán loạn nghĩa là tâm phóng dật, vọng tưởng, thất niệm, bất giác, hỗn loạn, bối rối...⁽¹⁾ phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

Tâm quảng đại là tâm rộng lớn⁽²⁾ phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

Tâm không quảng đại⁽³⁾ phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

Tâm hữu hạn là tâm có giới hạn, có biên độ⁽⁴⁾ phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

Tâm vô thượng⁽⁵⁾ phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

Tâm có định⁽⁶⁾ phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

(1) Vikkhitta-citta: Tâm hỗn loạn, bối rối.

(2) Tâm sắc giới-hàm chỉ Tứ vô lượng tâm.

(3) Tâm không rộng lớn – không chỉ là tâm nào, có thể là Dục giới và một phần Sắc giới (hạn cuộc trong đề mục hoặc tầng thiền của mình).

(4) Tâm Dục giới - giới hạn, ràng buộc trong ngũ dục..

(5) Anuttara-citta: Tâm cao nhất, không có tâm nào hơn – có thể là định phi phi tưởng, tầng cao nhất trong Vô sắc giới.

(6) Samāhita -citta: Tâm ổn định, có định, an trụ vững vàng.

Tâm không có định⁽¹⁾ phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

Tâm giải thoát là tâm tự do, không dính mắc⁽²⁾ phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

Tâm không giải thoát⁽³⁾ phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

Này các thầy tỳ-khuru! Quán niệm tâm là như thế, những trạng thái tâm có mặt trong hiện tại như thế nào phải được nhìn ngắm đúng như vậy, đừng bao giờ xen dự vào đây một phản ứng chủ quan nào, chông lên chúng một tướng một tư nào. Và các trạng thái tâm ấy cũng phải được nhìn ngắm xuyên suốt cả ba giai đoạn sanh khởi, tồn tại và diệt tận của chúng nữa.

Cuối cùng là niệm pháp. Pháp ở đây là gì? Pháp rất rộng nghĩa, chỉ giới hạn pháp với nghĩa là đối tượng của tâm trên hành trình tu tập.

Này các thầy tỳ-khuru! Đầu tiên là năm triền cái⁽⁴⁾, tức là năm pháp nó vấn, nó quán chặt, nó che lấp sự tịnh định và trong sáng của tâm trí: Hôn trầm, thụy miên – hoài nghi – sân – phóng tâm - dục⁽⁵⁾. Bất cứ ai chưa tu tập cũng bị năm pháp này chi phối; người đang tu tập cũng bị chúng chi phối. Vậy khi nào có những pháp chướng ngại này phát sanh, phải nhìn cho rõ mặt mày của chúng. Phải chú tâm, phải biết rõ, phải thấy rõ (tuệ tri) hôn trầm, thụy miên qua ba giai đoạn sanh, trụ và diệt. Các pháp chướng ngại khác như nghi, sân nhuế, trạo hối, tham dục cũng được nhìn ngắm như thế. Và như vậy, chỉ cần đối trị như vậy, đừng nên gia cố thêm một

(1) Asamāhita-citta: Tâm không có định, không ổn định, không an trụ được.

(2) Vimutta-citta: Tâm giải thoát tạm thời.

(3) Avimutta-citta: Tâm không có giải thoát tạm thời - tức còn bị buộc ràng, dính mắc ở trạng thái nào đó, chấp thủ nào đó.

(4) Nīvaraṇa: Triền cái, ám cái (vấn, quán, xoay chuyển, che lấp)

(5) Thīna-middha (hôn trầm, thụy miên), vicikiccha (hoài nghi, bất định, bất nhất, bất quyết), vyāpāda (sân, nhuế, hại, nộ, nóng nảy, giận dữ), uddhacca-kukkucca (trạo hối: phóng tâm, phóng dật, ăn năn hối quá, lo âu), (kāma-chanda (dục, tham muốn, tham dục)

ý niệm nào khác, vì trong chú tâm và tuệ tri đã có đầy đủ tinh tấn, chánh niệm và tỉnh giác⁽¹⁾. Đây là cách loại trừ, diệt tận, bùng nổ năm triền cái bởi tuệ quán. Còn nếu sử dụng định để đối trị thì ta phải tự tìm một đề mục thiền định (trong 40 đề mục) thích hợp để gia công tu tập. Nếu đề mục (đối tượng) được chú tâm liên tục, tinh cần thì những thiền chi sẽ tuần tự phát sanh. Lúc tâm thiền chi được nung nóng, chú niệm miên mật - thì nó sẽ đối trị với hôn trầm, thụy miên (giải đãi, lờ đờ, mệt mỏi, buồn ngủ). Khi tứ thiền chi phát sanh thì hoài nghi, lưỡng lự, bất nhất, bất quyết sẽ không còn. Lúc phi thiền chi với năm hiện tượng⁽²⁾ xảy ra nơi thân thì nóng nảy, bực bội, khó chịu, sân nhuế... sẽ ra đi. Khi lạc thiền chi hiện khởi thì những buồn lung, phóng dật, trạo cử... không tồn tại. Và cuối cùng, khi nhất tâm thiền chi thành tựu thì mọi tham muốn, dục lạc, khát ái, khát vọng... sẽ lặn chìm, mất bóng. Như thế có nghĩa là khi 5 thiền chi phát sanh, được duy trì, được làm cho sung mãn thì nó sẽ tạo ra một năng lực mạnh mẽ, khả dĩ làm cho năm triền cái không thể nhúc nhích được, chúng sẽ như cái bợn được lặn chìm dưới đáy bát nước, hoặc như một đám cỏ bị một tảng đá lớn đè lên trên... Nếu định còn yếu, sơ khởi thì gọi là cận định; thuần thực, chín muồi, vững chắc hơn thì gọi là an chỉ định (định sơ thiền - nơi vắng lặng các dục vật chất).

Pháp tiếp theo mà hành giả cần phải chú tâm, thấy rõ,

⁽¹⁾ Đây là nguyên lý đối trị 5 pháp triền cái của tuệ quán, tuệ tri, của minh sát. Còn với định - thì có 5 thiền chi đối trị với 5 triền cái: Tầm, tứ, phi, lạc, nhất tâm - đối trị trực tiếp với hôn trầm-thụy miên, nghi, sân nhuế, trạo hối, tham dục.

⁽²⁾ Một, tiểu hỷ (mọc ốc, nổi da gà, rần rần cả người một cách dễ chịu...). Hai, khinh hỷ (nhẹ nhàng, lâng lâng với cảm giác như bóc khỏi mặt đất). Ba, hải triều hỷ (như sóng chao, như nằm trên võng ru). Bốn, quang hỷ (thấy ánh sáng, điểm sáng, ánh sáng xẹt qua xẹt lại hoặc thân phát ánh sáng). Năm, sung mãn hỷ (được tâm mát, no đầy cả thân tâm)..

biết rõ - đây là ngũ thủ uẩn⁽¹⁾, tức là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn - mà chúng sanh thường chấp thủ là ta, là của ta, là tự ngã của ta. Phải tuệ tri, phải thấy rõ như thực rằng, sắc chỉ là sắc; đây là sắc sanh, đây là sắc diệt - chẳng có ta, có ngã nào ở đây cả. Thọ, cảm giác, cũng vậy, phải tuệ tri, phải thấy rõ như thực rằng, cảm giác chỉ là cảm giác, đây là cảm giác sanh, đây là cảm giác diệt - chẳng có ta, có ngã nào ở đây cả. Quán sát tưởng, hành và thức cũng phải được nhìn ngắm như chân, như thực như thế. Chúng có mặt, thấy rõ chúng có mặt, chúng ra đi thấy rõ chúng ra đi. Đừng để cho sắc chồng chất lên sắc mà thành sắc uẩn. Đừng để cho thọ chồng chất lên thọ mà thành thọ uẩn. Tưởng, hành và thức cũng vậy. Rỗng không, rỗng rang, vô thường, vô ngã.

Này các thầy tỳ-khưu! Còn nữa, hành giả tu tập cần phải sống quán pháp trên các pháp đối với sáu nội ngoại xứ. Thế nào là sáu nội ngoại xứ?

Ở đây, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là sáu nội; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là sáu ngoại. Trong ngoài mà gặp nhau, xem chừng là chúng sẽ sanh khởi trùng trùng phiền não, kiết sử⁽²⁾. Ví dụ mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, duyên hai pháp này, tức khắc tham sân, thương ghét sanh khởi. Vậy, phải tuệ tri như chân, như thực rằng, mắt chỉ là mắt, tai chỉ là tai, sắc chỉ là sắc, thanh chỉ là thanh. Giả dụ kiết sử đã sanh khởi - thì cũng thấy rõ kiết sử đã sanh khởi, đang sanh khởi, đang tồn tại, đang diệt mất. Đối với mũi - hương, lưỡi - vị, thân - xúc, ý - pháp cũng phải được tuệ tri, được nhìn ngắm như chân, như thực như thế, đúng với bản tánh sanh diệt của các pháp. Chúng rỗng không, rỗng rang, vô thường, vô ngã.

(1) Upādāna-pañca khandha: Ngũ thủ uẩn: Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn.

(2) Kết dính, kết buộc, sai khiến.

Này các thầy tỳ-khưu! Cứ quán niệm như thế, tu tập như thế, hành trì miên mật như thế - chur vị càng ngày càng thấy pháp sanh, pháp diệt rõ ràng, như chân như thực. Cả bảy giác chi, bảy yếu tố giác ngộ, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ cũng phải được thường trực quán niệm, tuệ tri. Khi có niệm giác chi, biết rõ, thấy rõ đang có niệm giác chi. Khi không có niệm giác chi cũng phải được biết rõ, thấy rõ không có niệm giác chi. Khi niệm giác chi được củng cố, huân trưởng, cụ túc, viên mãn cũng biết cũng thấy rõ ràng niệm giác chi như thế. Cứ như vậy là trạch pháp, tinh tấn, hỷ, an, định và xả.

Này các thầy tỳ-khưu! Cuối cùng là Tứ diệu đế. Thế nào là sống quán pháp trên các pháp đối với Bốn Sự Thật về khổ, tập, diệt và đạo? Đây là khổ, phải như thật tuệ tri. Đây là khổ tập, phải như thật tuệ tri. Đây là khổ diệt, phải như thật tuệ tri. Đây là con đường đưa đến khổ diệt, phải như thật tuệ tri.

Này các thầy tỳ-khưu! Đây là toàn bộ bốn lãnh vực quán niệm mà các thầy phải nghiêm túc hành trì để chấm dứt sâu bi ưu não ở trên đời; nó có công năng đưa đến an lạc, hạnh phúc, thanh tịnh, chánh trí, giác ngộ, giải thoát... ngay trong hiện tại này! Người nào nhiệt tình, chuyên tâm, tinh cần hành trì rốt ráo có thể đắc đạo quả A-la-hán, không thì cũng A-na-hàm, Bất Lai. Đừng nói là bảy năm, sáu năm, năm năm, bốn năm, ba năm, hai năm... mà chỉ cần một năm tu tập tinh mật là được như thế. Cũng không nhất định là một năm, mà chỉ cần bảy tháng, sáu tháng, năm tháng, bốn tháng, hai tháng, một tháng, nửa tháng cũng được như ý. Có thể có vị chỉ cần bảy ngày là thành đạt rốt ráo cứu cánh của sa-môn hạnh, xứng đáng là một thiện gia nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình cần cầu vượt thoát mọi khổ ách đa mang trên trần thế!

Đức Thế Tôn chấm dứt thời pháp dài. Rợn ngợp là các pháp cốt lõi, tinh yếu! Đại chúng hoan hỷ. Một số tỳ-khưu

đắc quả Nhập Lưu. Một số tăng trưởng đức tin. Một số thấy rõ đường đi. Một số đã biết rõ mình phải tự điều chỉnh thân, khẩu, ý, tứ oai nghi như thế nào cho xứng đáng với phẩm mạo sa-môn. Một số khác nữa, khá đông chưa nắm bắt được, có lẽ phải còn nghe đi nghe lại rất nhiều lần qua các vị trưởng lão.

Tôn giả Ānanda rất hạnh phúc vì ngài đã thuộc nằm lòng không bỏ quên bất cứ một câu nào, một đoạn nào; và rồi đây, hễ có dịp, hễ đức Thế Tôn cho phép thì tôn giả sẽ trùng tuyên lại.

Tôn giả Sāriputta trí nhớ cũng đâu có kém gì. Ngài chăm chú tiếp thu khái quát, tổng hợp... như một thống kê, như một biểu đồ mà các phân đoạn, tiết, mục của thời pháp được tóm thâu, phân chia thứ lớp rất phân minh. Nói cách khác, ngài nắm chắc toàn bộ nội dung và ngữ nghĩa. Gặp lúc giảng thuyết lại – ngài sẽ đi từ cái nguyên lý, cái phổ quát ấy rồi sẽ tự tìm ra phương pháp, cách thức để phân tích và giải nghĩa các chi tiết.

Và quả thật như thế. Những ngày hôm sau, các tỳ-khuru phương xa tìm đến, tôn giả Sāriputta và Ānanda đã phải thuyết lại, được đức Phật khen ngợi vô cùng.

Như tâm đắc về thời pháp Bốn lãnh vực quán niệm vi diệu, hôm kia, tôn giả Sāriputta hỏi Phật:

- Bạch đức Tôn Sư! Bài kinh Bốn Niệm Xứ tối thượng này dường như bao hàm toàn bộ giáo pháp thoát khổ. Đệ tử an lạc cả từng chân tơ kẽ tóc khi thuyết lại cho chư vị tỳ-khuru phương xa. Đệ tử xin được mạo muội nêu ra một ý nghĩ đã khởi sanh, đang khởi sanh; rằng là pháp môn tu này có thể giảng nói giới hạn hay không giới hạn cho hàng tại gia cư sĩ được chăng?

- Được chứ, này Sāriputta! Được, đối với cư sĩ nào có căn cơ thượng trí! Đây là giới hạn. Được, đối với cư sĩ nào có tâm hồn thuần phác chưa thấm nhiễm quá nhiều kiến

thức, danh lợi hoặc những chân lý có sẵn! Đây là giới hạn. Được, cho phần đông sống đời có chánh niệm, tỉnh giác trong hơi thở, lúc đi đứng nằm ngồi... để có được hiện tại pháp lạc. Đây là không giới hạn.

- Vậy là đệ tử hiểu rồi! Bạch đức Thế Tôn! Dân chúng bộ lạc Kuru dễ thương này họ mộc mạc, hiền lương và chân thật. Nếu đức Thế Tôn cho phép, đệ tử sẽ giảng nói Bốn Niệm Xứ rất dị giản, rất dễ tiếp thu cho họ nghe hiểu và thực hành.

- Ủ! Như Lai để cho ông tùy nghi!

Đúng là trí tuệ của bậc đệ nhất đại đệ tử. Những thời pháp tiếp theo, tôn giả Sāriputta đã giảng nói đến hai hàng cư sĩ. Và ngạc nhiên xiết bao, họ đã tiếp thu khá dễ dàng rồi sau đó, đã thực hành rất tốt, đã áp dụng được Bốn Niệm Xứ trong đời sống hằng ngày – mang đến kết quả lợi lạc, an vui, hạnh phúc cho cư dân xứ này thật không kể xiết!

Về Hơi Thở

Ra giêng, thời tiết có nắng nhẹ, dễ chịu, đức Phật và hội chúng tỳ-khuru chuẩn bị du hành sang nơi khác; hai hàng cư sĩ và quần chúng quyên luyện, sụt sùi tiễn chân dọc hai bên đường. Tôn giả Sāriputta đi sau cùng, dừng lại thuyết cho họ nghe một thời pháp, dạy phải biết áp dụng Bốn Niệm Xứ trong đời sống để vượt thoát khổ ưu, nhất là chấm dứt được ngay những giọt nước mắt ái niệm để có được sự an vui trong hiện tại. Hãy trở lại với hơi thở đi thôi! Hãy an trú vào hơi thở đi thôi!

Mọi người đã nghe lời, ra về hết, tôn giả Ānanda hóa ra vẫn chưa chịu rời vị sư huynh khả kính, đáng mến của mình, ngài hỏi:

- Hơi thở! Hơi thở! Thưa tôn huynh! Thế nào an trú hơi thở có hiệu quả để được hiện tại pháp lạc?

- Hay lắm! Này hiền đệ! Câu trả lời này chỉ có đức Tôn Sư mới có đủ thẩm quyền để giảng nói. Tôi là ai mà lại dám đánh trống qua cửa nhà sấm?

Khi dừng chân tại khu rừng cây đa ven đường, độ ngo xong, đức Phật lựa ngồi một chỗ cao ráo dưới gốc cây; tịnh chỉ một lát rồi ngài nói với đại chúng vây quanh:

- Đáng lý ra, về hơi thở, về an trú hơi thở trong hiện tại,

Sāriputta có khả năng, có duệ trí để trả lời cho Ānanda nghe được, nhưng do bản chất khiêm tốn, do tôn kính Như Lai, do không dám qua mặt Như Lai; lại còn muốn cho phần đông được nghe nên ông ta đã thoái thác như vậy đấy!

Tôn giả Ānanda nói:

- Lành thay! Bạch đức Thế Tôn! Chúng đệ tử muốn nghe cho rõ ràng về hơi thở, cách thở, toàn bộ nguyên lý của nó để khả dĩ tu tập Bốn Niệm Xứ một cách có hiệu quả hơn.

- Vậy thì hãy nghe đây, này chư tỳ-khuru! Như Lai sẽ giảng, nhưng Như Lai sẽ thuyết tóm tắt, còn Sāriputta sẽ thuyết lại bằng trí tuệ phân tích chi ly, sắc bén của ông ta; và cũng nhờ thế, các thầy có thể đặt câu hỏi, đưa ra câu trả lời giữa nhau như là buổi hội thoại, một cuộc pháp đàm thú vị vậy.

Rồi đức Thế Tôn đã giảng như sau:

- Này chư tỳ-khuru! Phép quán niệm hơi thở nó có lợi ích tối thượng, có hiệu quả và công năng tối thượng. Người sơ cơ khi tu tập sẽ làm cho lắng dịu bất an, rối loạn do nóng nảy, giận hờn, bức xúc, buồn chán... gì gì đó tan biến đi. Kể trung căn thì giảm trừ được phóng dật, buông lung, trạo cử, vọng tưởng, thất niệm, bất giác do đã có chỗ để nương tựa, đã có chỗ để an trú. Bạc thượng căn, nếu muốn định, có định, đi sâu vào các tầng thiền định; muốn tuệ, có tuệ, từ cạn vào sâu để lần lượt chứng đắc các tầng thánh đạo quả!

Này các thầy tỳ-khuru! Thở thì ai cũng phải thở, có thở mới sống được, nhưng mấy ai thấy mình đang thở, biết mình đang thở và thở ra sao? Dường như ai cũng giao phó việc ấy cho sinh lý tự nhiên của cơ thể - thở, dường như là phận việc, chức năng của bộ phổi, ít ai để ý tới! Và quả đúng như thế, tất cả mọi người, tất cả chúng sanh – không ai quan tâm đến hơi thở cả; cái mà họ quan tâm là làm thế nào cho mình được sung sướng; gia đình, vợ con mình được ăn ngon, mặc đẹp, sở hữu tài sản kho đụn – còn thế gian, mọi người, dầu

cho đói khổ, thiên tai, dịch họa họ cũng không màng quan tâm! Chuyện ấy thì chớ vị biết rồi, Như Lai không cần nhắc lại. Chỉ cho đến khi tay đã nhúng chàm, chỉ đến khi tội lỗi đã đắm sâu, chỉ cho đến khi đau khổ, thống khổ, chán chường, tuyệt vọng... họ mới đắm ngực, bức tóc, than cha, oán mẹ, kêu trời, kêu đất. Giáo pháp của Như Lai là giáo pháp chỉ nói đến khổ, nguyên nhân khổ và con đường diệt khổ. Vậy những ai cảm thấy mình đau khổ thì hãy đến với giáo pháp của Như Lai. Và tập thở, lắng nghe hơi thở, theo dõi hơi thở, an trú vào hơi thở là bước đầu tiên của con đường nội quán.

Này các thầy tỳ-khuru! Trong thời pháp hôm trước, khi quán niệm thân, Như Lai có nói đến hơi thở - như dài ngắn, sâu cạn, thô tế - chúng vào ra như thế nào, cần phải chú niệm. Ở đây, Như Lai cũng trở lại đề tài này nhưng sẽ rộng rãi hơn, chi tiết và có hệ thống hơn, không chỉ dành riêng cho lãnh vực thân mà cả thọ, tâm và pháp nữa. Chúng ta sẽ có bốn cách thở thuộc quán niệm thân, bốn cách thở thuộc quán niệm thọ, bốn cách thở về quán niệm tâm và bốn cách thở về quán niệm pháp. Hãy lắng nghe và Như Lai sẽ giảng nói.

Này các thầy tỳ-khuru! Thế nào là bốn cách thở thuộc về quán niệm thân?

Ở đây, vị tỳ-khuru khi thở vô dài, biết rõ, thấy rõ đang thở vô dài. Khi thở ra dài, biết rõ, thấy rõ đang thở ra dài.

Khi thở vô ngắn, biết rõ, thấy rõ đang thở vô ngắn. Khi thở ra ngắn, biết rõ đang thở ra ngắn.

Cảm giác toàn thân khi thở vô, vị ấy thực tập, lắng nghe, theo dõi, ghi nhận. Cảm giác toàn thân khi thở ra, vị ấy thực tập, lắng nghe, theo dõi, ghi nhận..

An tịnh thân hành khi thở vô, vị ấy thực tập, lắng nghe, theo dõi, ghi nhận. An tịnh thân hành khi thở ra, vị ấy thực tập, lắng nghe, theo dõi, ghi nhận..

Bốn cách thở thuộc về thân này, Như Lai nhắc nhở các thầy chữ tuệ tri, nghĩa là thấy rõ, biết rõ hơi thở thực, trực tiếp trên hơi thở đang vận hành vào ra, xuống lên chứ không bởi tướng tri hay thức tri. Cảm giác toàn thân là ghi nhận trực tiếp, trọn vẹn toàn thân hơi thở; phải học, phải thực tập, phải thực hành bài học hơi thở ấy. Càng thực tập, càng chú niệm thì hơi thở sẽ càng ngày càng nhẹ nhàng, vi tế hơn. Khi mà hơi thở nhẹ nhàng, vi tế thì cái thân sẽ không còn thô cứng, tê ngứa hoặc nhức đau nữa, nó đã được ổn định rồi, đã được điều phục rồi. Hơi thở an tịnh, thân cũng được an tịnh. Chính ở đây là an tịnh thân hành khi thở vô, an tịnh thân hành khi thở ra; phải tuệ tri điều ấy, thực tập điều ấy.

Này các thầy tỳ-khuru! Thế nào là bốn cách thở thuộc về quán niệm thọ?

Cảm giác hỷ khi thở vô, vị ấy thực tập, lắng nghe, theo dõi, ghi nhận. Cảm giác hỷ khi thở ra, vị ấy cũng làm như vậy.

Cảm giác lạc khi thở vô, vị ấy thực tập, lắng nghe, theo dõi, ghi nhận. Cảm giác lạc khi thở ra, vị ấy cũng làm như vậy..

Cảm giác tâm hành khi thở vô, vị ấy thực tập, lắng nghe, theo dõi, ghi nhận. Cảm giác tâm hành khi thở ra, vị ấy cũng làm như thế.

An tịnh tâm hành khi thở vô, vị ấy thực tập, lắng nghe, theo dõi, ghi nhận. An tịnh tâm hành khi thở ra, vị ấy cũng làm như thế.

Đây là lãnh vực của cảm thọ, cảm giác nhưng đã được loại trừ khổ và ưu. Tại sao vậy? Vì khi hơi thở đã nhẹ nhàng, thân đã ổn định, an tịnh thì khổ và ưu không còn tồn tại mà chỉ có các cảm thọ hỷ, lạc trên lộ trình tu tập thiền quán. Vậy, khi có hỷ hay có lạc, vị ấy vẫn với tuệ tri, nhìn ngắm chúng như chân, như thực khi thở vô cũng như khi thở ra. Khi mà lạc đã thấm sâu, đến độ sung mãn thì tâm như

được thấm ướt, tâm mát rồi nó sẽ đưa đến sự an tịnh của tâm. Và đây chính là an tịnh tâm hành, là pháp lạc, là thực phẩm an lạc, nó nuôi dưỡng thân tâm trên lộ trình tu tập của mỗi người.

Này các thầy tỳ-khuru! Thế nào là bốn cách thở thuộc về quán niệm tâm?

Cảm giác tâm khi thở vô, vị ấy thực tập, lắng nghe, theo dõi, ghi nhận. Cảm giác tâm khi thở ra, vị ấy cũng làm như vậy.

Với tâm hân hoan khi thở vô, vị ấy thực tập, lắng nghe, theo dõi, ghi nhận. Với tâm hân hoan khi thở ra, vị ấy cũng làm như vậy.

Với tâm định tĩnh, khi thở vô, vị ấy thực tập, lắng nghe, theo dõi, ghi nhận. Với tâm định tĩnh khi thở ra, vị ấy cũng làm như thế.

Với tâm giải thoát, khi thở vô, vị ấy thực tập, lắng nghe, theo dõi, ghi nhận. Với tâm giải thoát khi thở ra, vị ấy cũng làm như thế.

Tâm ở đây, nó không đơn giản là tâm thức hay tâm ý. Nó gồm cả tướng, hành và thức. Nó gồm tất cả bảy tâm vương và tâm sở. Nói cách khác, nó gồm cả mười sáu loại tâm trong thời pháp quán niệm tâm. Tuy nhiên, ở đây, do thân tâm đã trở thành một khối thuần nhất an tịnh thì các loại tâm xấu, ác, bất thiện sẽ không còn tồn tại. Nếu hơi thở càng được an trú thì an tịnh càng được kiên trú, theo đó, các loại tâm lành, tốt, thiện sẽ nảy sinh, nó chi phối, lây lan ảnh hưởng làm cho thọ, tưởng và các tâm sở liên hệ cũng đều được thấm nhuần, thanh lương; và đó là các loại tâm hân hoan, định tĩnh, giải thoát.

Này các thầy tỳ-khuru! Thế nào là bốn cách thở thuộc về quán niệm pháp?

Với vô thường tùy quán khi thở vô, vị ấy thực tập, lắng nghe, theo dõi, ghi nhận. Với vô thường tùy quán khi thở ra,

cũng y như thế..

Với ly ái tùy quán khi thở vô, vị ấy thực tập, lắng nghe theo dõi, ghi nhận. Với ly ái tùy quán khi thở ra, cũng y như thế.

Với tịch diệt tùy quán khi thở vô, vị ấy thực tập, lắng nghe, theo dõi, ghi nhận. Với tịch diệt tùy quán khi thở ra, cũng y như vậy.

Với xả ly tùy quán khi thở vô, vị ấy thực tập, lắng nghe, theo dõi, ghi nhận. Với xả ly tùy quán khi thở ra, cũng y như vậy.

Khi tâm đã có được hân hoan, định tĩnh, giải thoát, nghĩa là giải thoát tạm thời được các triền cái, kiết sử, trần cấu, thầy tỳ-khuru còn cần phải đi sâu vào quán chiếu, minh sát các pháp để phát sanh tuệ giác, tuệ minh. Đến đây, thầy tỳ-khuru quán sát như thực tánh thấy rõ sắc sanh sắc diệt, thọ sanh, thọ diệt, tưởng sanh, tưởng diệt, hành sanh hành diệt, thức sanh, thức diệt. Nói gọn hơn là danh sắc sanh, danh sắc diệt. Chúng sanh diệt rất nhanh, chúng tụ rồi tan, chúng có rồi mất, chúng đến rồi đi. Nói cách khác, chúng sanh khởi, an trú, lụi tàn... tức là thay đổi, biến hoại, vô thường. Nhờ vô thường tùy quán⁽¹⁾ ấy mà thầy tỳ-khuru không còn thấy tướng của các hành, mở được cánh cửa thứ nhất là vô tướng giải thoát⁽²⁾.

Còn ly ái tùy quán? Ở đây vì thấy tất cả mọi danh sắc, nghĩa là thân hành, tâm hành đều thay đổi, biến hoại, vô thường nên thầy tỳ-khuru sẽ không khởi lên lòng ái dục với

⁽¹⁾ Aniccānupassī - người ta thường dịch là vô thường tùy quán – nhưng thật ra, anupassī đồng nghĩa với anupassaka - người đứng quan sát, là người đứng xem- là người đứng quan sát vô thường thì chính xác hơn. Cũng có từ tương đương là Aniccānupassanā.

⁽²⁾ Animitta vimokkha: Vô tướng giải thoát. Ý nói- vì chúng thay đổi luôn – nên các pháp vốn không có một tướng nào cả, một thực thể nào cả.

các pháp hữu vi, với các hành⁽¹⁾ nữa nên gọi là ly ái; và cũng nhờ ly ái tùy quán⁽²⁾ nên thoát khỏi các khổ, mở được cánh cửa giải thoát thứ hai là vô ái giải thoát⁽³⁾.

Này các thầy tỳ-khưu! Thế nào là tịch diệt tùy quán⁽⁴⁾? Tịch diệt nghĩa là vắng lặng các hành, nghĩa là Niết-bàn. Thật ra, hai cửa trước đã hàm nghĩa Niết-bàn rồi; một, hai phần Niết-bàn; nhưng chỉ có ở đây Niết-bàn mới toàn diện hơn. Ở đây, khi thầy tỳ-khưu thấy được sự vắng lặng các hành, hoặc các hành là rỗng không như thân cây chuối không có lõi, các hành vô ngã, đồng nghĩa thấy được không tánh của các hành trong đạo lộ siêu thế, vị ấy mở được cánh cửa cuối cùng được gọi là tịch diệt giải thoát hoặc không tánh giải thoát⁽⁵⁾.

Cuối cùng, này các thầy tỳ-khưu! Là xả ly tùy quán! Khi thấy được vô tướng, vô ái, không tánh, vị ấy đã giải thoát, biết mình đã giải thoát nhưng không chấp thủ vào giải thoát ấy nên được gọi là xả ly tùy quán. Nói cách khác là để tâm rỗng rang, không dính mắc bên trong, không dính mắc bên ngoài để tùy duyên rộng độ chúng sanh.

Này các thầy tỳ-khưu! Đây là nguyên lý thở; nói cách khác là toàn bộ cách thở, phương pháp thở trong bài pháp

(1) Saṅkhāra: Hành, sự lắng xặng tạo tác - gọi chung là 50 tâm sở - đi liền với các tâm vương để tạo tác các nghiệp bất thiện, thiện, bất động - thành dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu để thọ sanh ba cõi dục, sắc và vô sắc giới.

(2) Virāgānupassī: Ly ái tùy quán. Thật ra rāga ở đây hàm nghĩa cả tham, cả ái, cả dục, cả tình dục. Vì ly ái nên thoát khỏi các khổ - nên còn được gọi là khổ tùy quán (dukkhanupassanā). Cũng có từ tương đương là vô nguyện tùy quán (appaṇihītanupassanā).

(3) Arāgā vimokkha: Vô ái giải thoát - cùng một nghĩa vô nguyện giải thoát (appaṇihīta vimokkha).

(4) Nirodhānupassī: Tịch diệt tùy quán - cùng một nghĩa với không tánh tùy quán (suññātanupassanā).

(5) Suññāta vimokkha: Không tánh giải thoát. Giải thích thêm: Vì thấy mọi danh pháp, sắc pháp đều duyên khởi, vô tự tính, vô ngã - nên thấy được không tánh của các pháp.

Bốn Niệm Xứ! Không có, không còn một cách thở nào khác. Hãy như thế mà thọ trì! Điều gì chưa lãnh hội, chưa khai thông thì cứ hãy tìm bậc Chương giáo của các ông mà học hỏi để tu tập cho có hiệu quả hơn.

Chỉ Việc Thở Thôi

Bài pháp cô đọng quá, súc tích qua, tôn giả Ānanda tuy có thể tuyên thuyết lại được, nhưng về hàm lượng ngữ nghĩa để áp dụng vào đời sống tu tập hằng ngày thì còn nhiều thắc mắc.

Lúc gặp riêng bậc chương giáo, tôn giả Ānanda hỏi:

- Đầu tiên là bốn lãnh vực quán niệm, nếu nói cạn và sâu, thô và tế thì chúng ta nên đi tuần tự thân, thọ, tâm, pháp, có phải vậy không, hiền huynh?

- Đúng là vậy.

- Bây giờ cho đệ hỏi về thân. Bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi, co tay, duỗi chân, mặc y, mang bát, nói cười, tắm rửa, đại tiểu tiện... ta phải thường trực chú niệm mọi cử chỉ, mọi động thái đang diễn ra, đang xảy ra, đang vận hành, đang tương tác với ngoại giới; nghĩa là toàn bộ chúng đều được trực thức nhìn ngắm trong hiện tại, hiện tiền mà không nên để cho một sát-na thất niệm, buông lung, phóng dật nào?

- Đúng vậy!

- Đối với những người nhiều tham dục, nhiều đam mê thân xác và tình dục thì biện pháp đối trị cho căn cơ ấy thì nên quán ba mươi hai thể trước và mười tướng của tử thi?

- Đúng là vậy, hiền đệ đã hiểu rất chính xác.

- Về thân còn có hơi thở. Có cách niệm hơi thở nghiêng vào định, đi sâu vào định. Có cách niệm hơi thở nghiêng về tuệ, phát triển tuệ giác? Tuy nhiên, cả định và tuệ đều phải nhẹ nhàng, thanh thản, tự nhiên đừng cố gắng thái quá, nỗ lực thái quá; đừng bắt hơi thở phải như thế này, phải như thế kia; nghĩa là hơi thở mình sao thì cứ ghi nhận tự nhiên, trung thực như thế. Và quan trọng nhất, là phải thường trực thấp ở đáy một ngọn đèn!

- Chính xác!

- Tuy nhiên, khi mình nhìn ngắm một ngọn núi, một con suối, một rừng hoa, một dòng sông, một con đường mòn... thì chúng ta không thể nào vừa an trú hơi thở một cách trọn vẹn vừa nhìn ngắm đối tượng ngoại giới một cách trọn vẹn, như thực, như chân được?

- Dĩ nhiên là vậy, hiền đệ! Vòng tròn của một bánh xe chỉ tiếp xúc mặt đất chỉ một điểm thì tâm ta cũng vậy, chỉ một đối tượng; khi có đối tượng này thì không có đối tượng kia. Tâm ta không thể có hai tư tưởng đồng hiện hữu.

- Thọ, cảm giác nơi thân, nơi tâm cũng phải trong sáng và chân thực như thế, tự nhiên như thế?

- Ừ ! Hiền đệ đã nắm được nguyên lý.

- Tâm sanh khởi do duyên căn trần; nói cách khác, duyên xúc, thọ mới có ái, thủ, hữu. Vậy, nếu cảm giác được nhìn ngắm trong sáng, chân thực thì tâm, theo đó, cũng trong sáng và chân thực. Từ đáy mà ta quán tâm, và ta sẽ tuệ tri các trạng thái của tâm, phải vậy không hiền huynh?

- Đúng vậy!

- Duyên căn-trần-thức như thế nên có pháp như thế. Rồi trên lộ trình tu tập, đâu là pháp chương ngại, kiết sử, phiền não, đâu là pháp thanh lương, quang sáng, vô nhiễm... cũng bởi đó mà ta tuệ tri, chứng nghiệm trong lòng mình, có phải vậy không thưa bậc Chương giáo?

- Hay lắm! Tuyệt vời lắm! Tôn giả Sāriputta tán thán -

CHỈ VIỆC THỞ THÔI

Hiền đệ vừa có trí đa văn, bây giờ lại có thêm trí phân tích, cô đọng rất thiện xảo nữa!

Tôn giả Ānanda mỉm cười:

- Và đệ còn biết nữa rằng, chỉ cần thở, chỉ cần an trú trên hơi thở thì tất cả cái gọi là cảm giác, tâm, pháp gì đó sẽ lần lượt hiện ra để ta tuệ tri như thực; và rồi không chóng thì chầy cũng nếm thưởng được hương vị của pháp bảo tận đầu nguồn.

- Chỉ việc thở thôi, đúng vậy – Tôn giả Sāriputta cũng mỉm cười đáp lại – Hy vọng bậc đa văn, lợi trí của chúng ta sẽ làm được như thế, sẽ thành tựu được như thế.

Hóa Độ Du Sĩ Magandiya

Hôm kia, đức Phật lại ôm bát một mình đi khất thực, trở lại thị trấn Kammāsadhama, sau đó tìm đến một khu rừng để nghỉ trưa. Ngài có một cuộc hẹn vào buổi chiều ở nhà người bà-la-môn thờ thần lửa thuộc dòng họ Bhāradvāja.

Du sĩ Māgandiya⁽¹⁾, một biện sĩ thuộc phái hưởng lạc, trong khi đi bộ ngao du, rong chơi đây đó, ghé nhà người bà-la-môn thờ thần lửa có tiếng trong vùng, thấy đâu đó đã được dọn dẹp, sửa soạn tươm tất; chính giữa phòng khách thấy có một tấm nệm cỏ đẹp được đan bện công phu, tinh xảo như đang chờ đợi, để dành cho ai đó. Ngạc nhiên, y hỏi:

- Cái chỗ ngồi chỉ là cỏ rác mà có vẻ trân trọng thế kia, dường như được soạn sẵn cho một vị sa-môn khổ hạnh nào đó phải chăng?

- Là vậy mà không phải vậy - Người bà-la-môn mỉm cười, dịu dàng nói - tấm tọa cụ là cỏ rác nhưng tâm của tôi không hề cỏ rác chút nào! Còn đức Thế Tôn đâu phải là khổ hạnh sư, ngài là một bậc Chánh Đẳng Giác, một vị đại A-la-

⁽¹⁾ Māgandiya này còn thanh niên - theo Buddhaghosa giảng giải, ông ta là cháu trai của bà-la-môn Māgaṇḍi - chuyện dẫu chân Phật và cô con gái ở trong một chương trước (Tự điển Pāli Proper Names ghi là Māgandiya chứ không phải Māgaṇḍiya).

hán, là bậc thầy của chư thiên và loài người.

Du sĩ Māgandiya chột cười ha hả:

- À ha! Ông sa-môn Gotama hả? Ông ta đúng là một huyền sư, một tà sư! Ta vừa hay tin, vợ chồng ông cậu của ta đã bị ông ta quyến dụ nên bỏ cả gia sản để xuất gia theo ông ta rồi! Ô, đúng vậy rồi! Đúng là sa-môn Gotama rồi! Ôi, thật là bất hạnh thay! Ông ta còn là một vị đã phá hoại sự sống nữa!

- Này Māgandiya! Ông hãy thận trọng lời nói! Người bà-la-môn trừng mắt - tại sao ông dám bảo sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống?

- Đúng vậy chứ, tôi nói khác sao được? Sa-môn Gotama đã tự mình hành thân hoại thể; ăn, ở, mặc đều tiết chế, diệt dục rồi dạy cho đệ tử từ bỏ gia đình, sống không gia đình làm cho không biết bao nhiêu mầm sống của chúng hữu tình không được mở mắt chào đời! Thế không được gọi là hủy diệt sự sống hay sao?

Người bà-la-môn cất giọng bình tĩnh, ra đòn phản công, không khoan nhượng:

- Thôi được rồi, tôi nói chuyện không lại với ông. Nếu có ngon lành thì ông hãy đến đối thoại với sa-môn Gotama. Và tôi biết chắc chắn một điều rằng, là ông sẽ cúi đầu, thụt lưỡi, im re, run lập cập khi mà sa-môn Gotama chắt vấn ông. Tại sao vậy? Ôi! Có biết bao nhiêu là vua chúa trí giả, nhiều vương tộc trí giả, nhiều bà-la-môn trí giả, nhiều danh sĩ trí giả, nhiều đại triệu phú trí giả... đã phải quy y theo sa-môn Gotama? Ôi! Có biết bao nhiêu là du sĩ, biện sĩ, lang thang sĩ, miệng lưỡi trơn tuột, lắc léo, trườn uốn như con lươn; biết bao nhiêu là khổ hạnh sĩ, đạo sĩ, cuồng sĩ, ngu si sĩ... với môi mép hàng tôm, hàng cá, đánh tráo chữ nghĩa lươn lẹo như con buôn... Họ đậy, một phần đã phải co giò, vác cẳng, khòm lưng cúi tròn như chuột chù, chuột hôi; một phần quy giáo sa-môn Gotama hoặc đệ tử của sa-môn Gotama. Và

cũng rất đông là ngàn ấy trí thức đã xuất gia theo giáo pháp của đức Tôn Sư. Ông là gì? Là một biện sĩ lỗi lạc ư? Là một lang thang sĩ của phái hưởng lạc ư? Hãy giữ cái lưỡi cho cứng, cái lưng cho thẳng mà đối thoại với sa-môn Gotama, một bậc Chẳng Đẳng Giác hằng triệu triệu năm mới xuất hiện một lần. Có xứng không? Hãy chờ đấy!

- Thôi được rồi, đừng có mà tán thán kẻ phá hoại sự sống kia một cách cuồng tín như thế. Chửi rủa và phỉ báng ta như thế là đủ rồi. Kẻ trí không chấp nê miệng lưỡi của bọn ngu ngốc có cái tâm trí đen thui như cột nhà cháy. Được rồi, ta sẽ đợi và ta sẽ làm cho sa-môn Gotama thụt lưỡi, im re cho mà xem. Hãy dỏng tai mà nghe!

Đức Thế Tôn với thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, nghe biết cuộc đối thoại vừa rồi, ngài xả thiên đi đến nhà người bà-la-môn thờ thần lửa. Bà-la-môn Bhāradvāja tiếp đón đức Phật một cách cung kính, trong lúc du sĩ Māgandiya chỉ chào hỏi ngài có vẻ xã giao.

Ngồi trên chỗ đã được chuẩn bị sẵn, đức Phật lướt nhìn bà-la-môn chủ nhà và du sĩ Māgandiya rồi vào đề ngay:

- Có phải vừa rồi đã có một cuộc nói chuyện thú vị - cục đất quăng qua, cục bùn ném lại - giữa hai vị từ tám nệm cỏ này?

Du sĩ Māgandiya ớn lạnh xương sống. Bà-la-môn lông tóc dựng ngược, thưa bạch:

- Chính vì con đã không chịu nổi cái ngông nghênh, ngã mạn của ông đạo sĩ này nên đã có những lời khiếm nhã với y, có lẽ đã làm bấn tai bậc thiên nhĩ thuần tịnh. Chính vì con muốn trình bày chuyện ấy với đức Thế Tôn, nhưng hóa ra ngài đã biết tất cả rồi!

Đức Phật quay sang du sĩ Māgandiya:

- Sự sống, theo quan niệm của người là như thế nào hở Māgandiya?

Māgandiya thận trọng, giữ sự im lặng cần thiết, xem thử

có cái bẫy nào ở đây không!

- Hay theo học thuyết có vẻ cao siêu và lọc lõi của giáo phái người là sự trưởng thành, khôn ngoan, kinh nghiệm phải được thực hiện qua sáu giác quan? Và suốt cuộc đời là phải làm cho sáu giác quan ấy được tích lũy kinh nghiệm không hạn chế qua sự thỏa mãn sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp? Và đây chính là hạnh phúc tối thượng theo như thánh thư của phái hướng lạc?

- Đúng là vậy! Thánh điển của chúng tôi đã có truyền lại như thế.

- Và vì Như Lai chủ trương sống phòng hộ sáu giác quan, nghịch với quan điểm của phái hướng lạc nên người cho là Như Lai phá hoại sự sống?

- Đúng là vậy, thưa sa-môn Gotama.

Đức Phật cất giọng ôn nhu, điềm đạm:

- Nhưng nếu có những người hưởng thụ năm món dục lạc, đến một lúc nào đó cảm thấy chán nản, cảm thấy không chịu nổi; họ muốn tìm một nơi thanh vắng, muốn xa lìa đời sống ngũ dục thì người nghĩ về họ như thế nào hở Māgandiya?

Māgandiya cất giọng lửng thừng:

- Tôi không có ý kiến gì với hạng người ấy.

- Thế có một người khác, sau khi hưởng thụ ngũ dục, thấy nó dường như càng uống thì càng khát, không bao giờ thỏa mãn được dù săn đuổi suốt cuộc đời nên họ cảm thấy ngũ dục là nguy hiểm thì người nghĩ về họ như thế nào hở Māgandiya?

Māgandiya vẫn ơ thờ, dậm dẳng:

- Cũng thế! Hơi đâu! Cứ mặc! Kệ chúng! Tôi vẫn không có ý kiến gì, vì quả thật thế gian có những hạng người như vậy.

- Vậy thì năm món dục lạc - Đức Phật vẫn từ hòa, kiên nhẫn - đối với người này thì vị ngọt, đối với người khác thì

chán múa, đối với người khác nữa là nguy hiểm, có phải vậy không, Magandiya?

Māgandiya bây giờ mới gật đầu, có vẻ như “Chính ta cũng đồng quan điểm như vậy đó, có gì là lạ lắm đâu!”:

- Đúng thật vậy rồi!

- Như Lai cũng thế đấy, này Māgandiya! Thuở còn tại gia, Như Lai hưởng thụ đầy đủ, hưởng thụ sung mãn năm món dục lạc; đến một lúc nào đó, Như Lai cảm thấy không còn chịu nổi, cảm thấy nó nhiệt nảo, nóng bức, chán ngấy nên Như Lai đã từ bỏ chúng, xuất ly chúng. Nhờ từ bỏ chúng, xuất ly chúng nên Như Lai được vô khổ, vô phiền, an tịnh, thanh thoi... Đấy đâu phải là hủy diệt sự sống hờ Māgandiya? Hay đấy lại là sự sống thanh bình, mát mẻ, êm đềm, hư tĩnh, thanh cao hơn, hơn là sự sống bầy nhầy, bì bọp trong vũng ngũ dục tối tăm, thấp hèn như dòi bọ no nê trong đồng phân hôi, xác thối, cá ươn của chúng?

Māgandiya nín lặng, ông chợt toát mồ hôi lạnh và cảm thấy mình đang bị tấn công; và thánh điển của mình đã bắt đầu bị lộ khuôn mặt có nhoe đen và bùn bần...

- Dục lạc cõi người hạ liệt, thấp kém lắm, này Māgandiya! Một người sinh lên cõi trời Ba mươi ba được chúng thiên nữ hầu hạ, thọ hưởng các thiên dục một cách sung mãn, vị trời kia có khao khát trở lui thọ hưởng năm món dục lạc của cõi người nữa không, này Māgandiya?

- Thừa không, vì dục lạc cõi trời thù thắng, vi diệu hơn cõi người.

- Ví như một người bị bệnh cùi với thân thể lở loét, hư thối, nứt chảy, bị các loại trùng đục khoét đang dùng móng tay cào rách các vết thương rồi đốt chúng bởi lửa nóng, người ấy cảm thấy khoái trá vì dụi cơn ngứa, vì đã ngứa. Nhưng một người lành mạnh hay một người cùi đã khỏi bệnh, khi nhìn cảnh tượng ấy, có ao ước được như người cùi ấy không, này Māgandiya?

- Thừa không, không những không ao ước mà còn thấy tình cảnh ấy là đáng sợ.

- Dục lạc thế gian cũng tương tự như người bị bệnh cùi với tình cảnh như vậy. Lấy móng tay cào rách các vết thương, hơ lửa nóng để tìm sự khoái trá, đã ngứa, ngứa là tìm vui trong khổ, khổ thọ lại cho là lạc thọ, đây được gọi là ngu si điên đảo tưởng, là kiến chấp hoang vu tưởng, người có biết không, thầy người có biết không, thánh điển của nhà người có biết không, Māgandiya?

Māgandiya cúi đầu, tự nghĩ: “Vậy là, giáo thuyết của giáo phái ta đã thật sự không còn chỗ đứng trước ví dụ cụ thể, hiện thực của sa-môn Gotama rồi.”

- Dục là lửa nóng, dục là khổ não, dục là đáng sợ, phải biết xa lìa. Dầu cho lạc cõi trời, lạc của định sắc và vô sắc; chúng vi tế, thanh lương, thù thắng hơn rất nhiều; nhưng đối với bậc trí, họ cũng viên ly, xa lánh để sống đời an tịnh, giải thoát, vô bệnh, đứng như kệ ngôn:

“ - Vô bệnh, lợi tôi thắng

Niết-bàn, lạc tôi thắng

Bát chánh là độc đạo

An ổn và bất tử”.

Nghe đến đây, du sĩ Māgandiya cố gỡ gạc sĩ diện nên hoan hỷ thốt lên:

- Đúng là vậy, sa-môn Gotama đã nói rất đúng: “Vô bệnh, lợi tôi thắng. Niết-bàn, lạc tôi thắng”. Các vị Tôn Sư, đại Tôn Sư của chúng tôi cũng truyền bài kệ ấy.

- Vậy thế nào là không bệnh, thế nào là Niết-bàn, hỡi Māgandiya?

Māgandiya lúng túng, giả vờ lấy tay xoa bóp chân tay của mình rồi nói:

- Tôi nay cũng hoàn toàn vô bệnh, chẳng có triệu chứng ốm đau, bệnh tật gì.

- Nói như vậy chúng tỏ người không hiểu gì cả, chúng tỏ

ngươi đã bị Tôn Sư, đại Tôn Sư của ngươi lừa gạt rồi, ngươi có biết không?

- Bị lừa gạt như thế nào, thưa sa-môn Gotama?

- Câu kệ ngôn ấy không có trong thánh điển của giáo phái ngươi. Đây là kệ ngôn của bậc Chánh Đẳng Giác quá khứ còn truyền tụng giữa nhân gian, lâu quá, người ta quên mất hai câu sau. Tôn Sư, đại Tôn Sư của nhà ngươi, chỉ biết hai câu trước, đọc lên như vẹt mà không hiểu pháp ngữ của nó mà chỉ còn hiểu nơi thường ngữ thôi.

- Xin được nghe lời chỉ dạy.

- Này Māgandiya! Có một người mù bị lừa gạt về màu sắc thì người cũng bị lừa gạt về vô bệnh và Niết-bàn; hãy nghe, và Như Lai sẽ có ví dụ cụ thể.

- Thưa vâng.

- Một người sinh ra đã mù, không biết gì về màu sắc, không có khái niệm gì về thế giới xung quanh. Hôm kia, có một kẻ vô công rồi nghề, lấy chuyện lừa gạt thiên hạ làm thú tiêu khiển; y lấy một tấm vải thô dính nhọ dầu và bùn đất đem tặng người mù, nói rằng: “Đây là chiếc áo được sản xuất và may thêu tại xứ Kāsi, trắng như bông, lóng lánh những sợi tơ trời, đẹp lắm, bạn hãy mặc vào đi.” Người mù, tin tưởng người sáng mắt, mặc vào, đi tới, đi lui cảm thấy sung sướng, hãnh diện – nhưng đâu có biết rằng, mình bị người sáng mắt chơi xỏ, lường gạt? Cũng vậy là trường hợp của ngươi, này Māgandiya. Năm món dục lạc là khổ, là nóng bức, là nhiệt não, là cục bứu, là thấp thỏi... nhưng Tôn Sư, đại Tôn Sư của ngươi lại chủ trương hưởng lạc, coi khổ thọ như lạc thọ thì chúng đã không chơi xỏ, lường gạt ngươi là gì, này kẻ mù mắt?

Māgandiya lạnh người, bàng hoàng. Lát sau, y hỏi:

- Vậy làm thế nào để được sáng mắt, thưa sa-môn Gotama quý kính?

- Đối với những người mù mắt thì người ta thường làm

như thế nào để chữa trị, hỡi Māgandiyā?

- Tùy theo bệnh mù mắt nặng, nhẹ của từng người mà có thể nhờ y khoa xét nghiệm, để biết có người không thể chữa trị được do quá nặng bởi mù mắt tiên thiên, bẩm sinh; có người mù, nhẹ, do từng nguyên nhân bệnh lý khác nhau, thì có thể mổ xẻ hoặc có thể xúc thuốc, bôi thuốc tùy từng trường hợp!

- Cũng tương tự vậy, này Māgandiyā! Đối với người mù mắt quá nặng do tiên thiên, bẩm sinh được ví như người có vô minh, chấp kiến quá sâu dày, Như Lai không thể chữa trị được. Riêng đối với người mù mắt nặng, nhẹ do các trường hợp bệnh lý khác nhau, Như Lai sẽ chữa trị theo nhiều cách. Có người, Như Lai chỉ cho họ thấy các cảnh giới đau khổ của tứ ác đạo và hạnh phúc nơi các cõi trời. Có người, Như Lai hướng dẫn cho họ tu tập bố thí, trì giới. Có người, Như Lai chỉ cho họ các đề mục về thiền định. Có người, do có căn cơ sâu dày, Như Lai sẽ mổ xẻ, phân tích chi ly về khổ, về nguyên nhân khổ, về diệt khổ, về con đường diệt khổ. Có người, do có rất ít bụi cát trong mắt, Như Lai chỉ nói vài câu tinh yếu, cốt lõi của giáo pháp, tương tự như chỉ cần một tí thuốc để xúc, để bôi thì người kia liền lành bệnh... Và khi mắt đã được chữa lành, được sáng tỏ thì người mù mắt mới biết là mình bị lừa gạt. Khi người thân cận với bậc chân nhân, người mới học hiểu được rằng đục lặc thế gian là nhiệt não, là bệnh chướng, là cái đáng kinh sợ, nhòm góm, xa lìa. Cái thân này chính là bệnh, là cục bướng, là cái mũi tên cần phải nhổ đi. Đến đây, người mới nghĩ được rằng: Hóa ra, từ lâu ta đã bị phỉnh phờ, lường gạt, dối lừa nên đã xem khổ thọ là lạc thọ, sinh ra kiến chấp điên đảo tưởng, sinh ra chấp thủ ngũ uẩn. Bậc chân nhân dạy rằng: Do chấp thủ nên có hữu, có hữu thì có sinh, có sinh nên có già chết. Đây là tập khởi toàn bộ khổ uẩn. Thấy rõ toàn bộ khổ uẩn ấy là sáng mắt, là vô bệnh. Chấm dứt toàn bộ khổ uẩn ấy là Niết-bàn.

Thực hiện con đường đến Niết bàn chỉ có một đạo lộ duy nhất là bát chánh, là lộ trình của an ổn và bất tử vậy.

Nghe xong thời pháp, bà-la-môn thờ thần lửa thuộc dòng họ Bhāradvāja mở sáng được con mắt tuệ, có thể tự đi được bằng đôi chân của mình. Còn du sĩ Māgandiyā thì xin được quy y và xuất gia, thọ đại giới. Đức Phật bảo rằng, vì ông là ngoại đạo, cần phải biệt trú bốn tháng; thứ nhất là để suy gẫm, gột rửa những tri kiến cũ đã đóng khói, mọc rêu trong tâm thức truyền đời của ông; thứ hai là để học hỏi những oai nghi tế hạnh, thực tập những pháp căn bản vào buổi đầu.

Nghe vậy, du sĩ Māgandiyā xin được biệt trú bốn năm rồi hẳn thọ đại giới sau.

- Điều ấy là rất tốt, này Māgandiyā!

Đức Phật nói thế xong, và ngài còn biết rõ rằng, vị du sĩ này, sau này sẽ là một vị A-la-hán.

ÔI! Chàng Gọi Chúng Em Là Những Bà Chị!

Cũng tại Kuru, thị trấn Thullakoṭṭhika, đức Phật còn độ thêm một người đặc biệt nữa, đây là chàng thanh niên Raṭṭhapāla.

Hay tin đức Phật du hành đến thị trấn Thullakoṭṭhika cùng với hội chúng tỳ-khuru; các bà-la-môn gia chủ hay tin tìm đến rất đông. Đức Phật đã có nhiều buổi pháp thoại khích lệ, làm cho họ thích thú, hoan hỷ, phát khởi đức tin. Trong số đó có một chàng thanh niên con một gia đình thượng tộc, cự phú... nghĩ rằng: “Như đức Thế Tôn với những thời pháp thanh cao, vi diệu, ta đã hiểu được rằng, đời sống tại gia không dễ gì thực hành phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp y, mang bát, từ bỏ mái gia đình đầy những buộc ràng phiền não, xuất gia, sống đời không gia đình.” Nghĩ thế xong, chàng đến bên chân đức Phật, xin được xuất gia.

Đức Phật nói:

- Ông đã được cha mẹ cho phép chưa, này Raṭṭhapāla?

Khi được biết là chưa, đức Phật khuyên là hãy trở về nhà thuyết phục sao cho gia đình bằng lòng đã.

Khi thanh niên Raṭṭhapāla vừa bước đi khuất bóng, đức

Phật nhiếp tâm một lát rồi ngài mỉm cười.

Tôn giả Ānanda đứng hầu một bên, ngạc nhiên về nụ cười ấy, bèn thưa hỏi lý do; và vì hội chúng tỳ-khưu cũng mong muốn tìm biết nguyên nhân; đức Phật đành phải kể khái quát chuyện tương lai:

- Thanh niên Raṭṭhapāla này sẽ rất khó khăn mới được xuất gia. Cũng như Sāriputta trước đây, phải nhịn ăn, nhịn uống gần chết mới thực hiện được ước nguyện của mình. Raṭṭhapāla còn khó khăn hơn Sāriputta, vì dù sao, Sāriputta có đông các em trai và gái; còn Raṭṭhapāla lại là con trai độc nhất trong một gia đình mà tài sản, vàng ngọc và kho đụn không biết làm gì cho hết. Lớn lên trong nhung lụa, Raṭṭhapāla được sống trong an lạc, được nuôi dưỡng trong an lạc; và ăn uống, vui chơi, thụ hưởng ngũ dục một cách đầy đủ, sung mãn không thiếu thứ gì.

Khi biết được ý định xuất gia của con, ban đầu hai ông bà nghiêm khắc cấm đoán; rồi sau đã phải hết lời năn nỉ, van xin; đã trăm phương nghìn cách để níu giữ chân đứa con trai thân yêu bằng quyền lực, bằng lý lẽ, bằng tình cảm nhưng vô ích. Raṭṭhapāla một mực im lặng như thân tượng đá và giữ vững ý mình: Một là chết hai là được xuất gia. Cô vợ trẻ sụt sùi, đầm nước mắt bi lụy và đám thê thiếp, người hầu cũng vậy. Bạn bè, thân hữu Raṭṭhapāla, những vị công tử giàu sang, con em của những gia đình khá giả cũng rủ nhau tìm đến khuyên lơn phải trái. Tất thấy đều vô ích. Thế rồi, do bỏ ăn bỏ uống nhiều ngày, sợ con chết, hai ông bà đành phải bấm bụng cho Raṭṭhapāla ra đi, nhưng phải hứa là thỉnh thoảng về thăm gia đình...

Đức Phật chỉ kể ngang đây rồi dừng lại.

Tôn giả Ānanda nôn nóng hỏi tiếp:

- Rồi sau đó ra sao, bạch đức Thế Tôn?
- Vậy nên chúng ta phải ở lại thị trấn này năm bảy hôm nữa, đợi Raṭṭhapāla đến đây rồi Như Lai sẽ cho ông ta thọ

đại giới. Với thiện căn và túc duyên sẵn có, sau này, Rāṭṭhapāla sẽ trở thành một vị tỳ-khưu có đời sống với hạnh kiểm mẫu mực, ưa thích độc cư, viễn ly, tinh cần thiền quán. Khi trở thành vị A-la-hán rồi, tám năm sau, Rāṭṭhapāla mới xin phép Như Lai về thăm gia đình. Và chính chuyến đi này, với cung cách xử sự, với hành trạng vô nhiễm và vắng lặng của vị tỳ-khưu thánh nhân mới để lại bài học vô giá, để lại tấm gương sáng có ấn tượng sâu đậm trong hàng tứ chúng mai hậu.

Tôn giả Sāriputta với bản tính khiêm cung, dầu cũng biết chuyện tương lai của vị tỳ-khưu, nhưng vẫn thưa bạch:

- Xin đức Thế Tôn cho đại chúng được nghe.

- Ừ, Như Lai sẽ kể tiếp đây. Trở lại Kuru, về thị trấn Thullakoṭṭhika, con trai của Như Lai ôm bát khát thực từng nhà một rồi đến đứng trước cửa ngôi nhà cũ của mình. Lúc ấy, người cha của tôn giả đang đứng chải tóc, trông thấy Rāṭṭhapāla, do nhiều năm xa cách, thay đổi diện mạo ông không nhận ra nên đã nổi giận, quát lớn:

- Hãy cút đi! Hãy xéo đi cho khuất mắt! Chính vì những sa-môn đầu trọc như các ông, bọn ăn xin đầu đường xó chợ đã làm cho ta phải mất một đứa con trai độc nhất trong gia đình.

Nói xong, ông giận dữ đóng cửa lại, quay lưng bước vào trong. Con trai của Như Lai, vì là một vị A-la-hán, không lấy thế làm điều, đứng thêm một lát nữa rồi chậm rãi bước quanh ra ngõ sau, để đến một ngôi nhà khác. Lúc ấy, người nữ tỳ trước đây của Rāṭṭhapāla, tất tả đang bung nồi cháo ngày hôm qua còn thừa đem đổ vào hố rác. Tỳ-khưu Rāṭṭhapāla bèn dừng chân lại, nói với người nữ tỳ:

- Này chị, nếu cần phải quăng đổ số cháo thừa ấy thì xin chị hãy đổ nó vào bát của tôi đây.

Sau khi trút cháo thừa vào bát theo yêu cầu của vị sa-môn; người nữ tỳ sực nhớ lại giọng nói, thoáng nhìn tướng

tay, tướng chân, dáng đứng, khuôn mặt, chị ta hoảng kinh nhận ra vị cựu chủ của mình. Hốt hải, chị ta ba chân bốn cẳng chạy một hơi vào gặp người mẹ của tôn giả:

- Chủ mẫu ơi! Chủ mẫu ơi! Mau ra mà xem! Cậu ấm, công tử của chúng ta đã trở về!

Rồi cô thuật lại chuyện xảy ra vừa rồi.

Vọt dậy, bà nói nhanh:

- Nếu người nói đúng sự thật, ta sẽ cho người thoát khỏi thân phận nô tỳ.

Đến gặp chồng mình, bà la bai bai:

- Trời ơi là trời! Ông có biết không? Con trai của chúng ta! Cục cưng của chúng ta! Hòn ngọc, hòn vàng của chúng ta đang ăn món cháo chua mà con nữ tỳ đem đi quăng đổ đấy! Có khổ không chứ! Ông hãy chống mắt ra mà xem kia kìa!

Trong lúc ấy, tỳ-khuru Ratthipāla đang ngồi dựa vào bức tường, an nhiên thọ thực. Cả hai ông bà ra tận nơi, nhìn kỹ, thấy rõ là con trai yêu quý của mình.

- Này con yêu! Nỡ lòng nào mà con lại thọ dụng cái thứ nước cháo chua đem đi quăng đổ ấy, cái thứ mà chó nhà giàu cũng không thèm ngửi? Đây là nhà của con mà! Hãy vào nhà đi con!

Tỳ-khuru Ratthapāla, ngược đầu lên, nghĩ là mình phải nói những lời khách sáo để thức tỉnh mọi người nên cất giọng điềm đạm:

- Chúng tôi là những sa-môn sống đời không cửa, không nhà - đầu đường, xó chợ - thì làm gì có gia đình nào, thừa gia chủ?

- Thôi mà con! Nói gì những lời như gai đâm, như muối xát làm cha mẹ đau lòng! Hãy vào nhà đi con! Đến đây rồi thì con phải vào nhà chứ?

- Thừa gia chủ, quả thật là tôi có đến nhưng tôi không nhận được một lời nói tử tế nào mà chỉ nhận được những lời

sỉ nhục.

- Ôi! Vì ta không nhận ra con đó thôi! Ôi! Làm sao mà cha mẹ có thể nhận ra con qua gần mười năm xa cách? Ôi! Làm sao cha mẹ có thể hình dung một chàng trai tuấn tú, phi phàm trước kia, bây giờ đã biến thành một sa-môn gầy gò, khắc khổ? Nhưng mà thôi, hãy đứng lên, vào nhà rồi cha mẹ sẽ cúng dường những món ăn mà con thường ưa thích trước.

- Thôi vừa rồi, gia chủ. Hôm nay tôi đã thọ thực xong.

- Vậy này con thân yêu, hãy nhận lời mời ngày mai đến thọ thực nhé.

Tỳ-khưu Raṭṭhapāla im lặng nhận lời rồi tìm đến một khu rừng vắng để tịnh chỉ, thọ hưởng lạc về thiên, thọ hưởng lạc về quả.

Trong lúc ấy, cha mẹ của Raṭṭhapāla chuẩn bị mưu kế để dụ dỗ đưa con trai của mình. Bao nhiêu kim cương, ngọc lục bảo, vàng khối, vàng nén, tiền vàng to, nhỏ... trong rương tráp, nơi này và nơi kia chất thành ba đống lớn - lấy màn hoa che lại. Lại còn chi ly cặn kẽ bảo cô vợ trẻ và những tỳ thiếp xinh xắn trước đây của Raṭṭhapāla, phải tắm và gội đầu bằng nước thơm; ăn mặc phải thật đẹp, tế nhị, gợi cảm... làm thế nào cho tượng đá cũng phải xao xuyến, rung động...

Sáng ngày, lúc mặt trời đã lên cao, tỳ-khưu Raṭṭhapāla đắp y, mang bát rời khỏi ngôi rừng, thong dong bộ hành đến ngôi nhà cha mẹ của mình, được mời ngồi nơi chỗ đã được soạn sẵn, đã được tính trước.

Vừa mới yên vị, bức màn vải hoa trước mặt được kéo lên, Raṭṭhapāla chợt thấy ba đống châu báu chất cao, ánh sáng và màu sắc lóng la lóng lánh chói ngời. Và tiếng của cha chàng trầm âm, như mật ngọt rót vào tai:

- Này con thân yêu! Đống châu báu lớn nhất là của tô tiên để lại. Đống ít hơn một tí là tài sản mà cha đã khổ công kinh doanh, làm ăn một đời. Đống nhỏ nhất là của mẹ con,

một đời chắt bóp, dành dụm được. Tất cả đây là của con, ngay từ bây giờ. Vậy con hãy hoàn tục, trở lại cuộc sống của một gia chủ hiền thiện; vừa thụ hưởng ngũ dục sung sướng một đời mà còn có thể làm các công đức, bố thí cúng dường gì đó tùy thích...

Con trai của Như Lai mỉm nụ cười trong tâm, nhưng giọng nói rất bình thản:

- Châu báu nhiều thì sâu bi khổ ưu não nhiều, lại dễ kéo theo nhiều ác nghiệp do tà vạy, bất chánh... Châu báu ít thì sâu bi khổ ưu não ít, nhưng mà tâm trí đâu có an ổn, nhẹ nhàng, thanh lương, trong sáng trong thế giới tham sân và ái dục ấy? Vậy, muốn giải thoát ưu não cho mình, gia chủ hãy sắm một chiếc xe lớn với bốn con ngựa kéo, mang ba đồng châu báu này đem đổ xuống sông Gaṅgā, có lẽ là việc làm tốt nhất cho gia chủ đây!

Hai ông bà bàng hoàng. Cô vợ trẻ và những nàng tỳ thiếp xinh như mộng đã ăn mặc, trang điểm điểm lệ từ phòng bên bước ra, vây quanh tôn giả với hoa hương thượng hạng thơm lừng. Họ đồng thanh cất tiếng hỏi:

- Thưa phu quân! Chẳng hay vì mục đích những vị tiên nữ có sắc đẹp như thế nào mà phu quân lại chê chúng thiếp để sống đời phạm hạnh sa-môn?

- Thưa các bà chị! Các bà chị lầm rồi! Mục đích của sa-môn phạm hạnh không phải tầm thường, hạ liệt như thế. Các vị tiên nữ đâu xinh đẹp như thế nào, đối với thầy tỳ-khưu viễn ly trần cấu, họ cũng chỉ được xem như là những đồng thit thối mà thôi!

Các cô vợ cũ la lên:

- Ôi! Than ôi! Phu quân đã gọi chúng em là những bà chị!

- Ôi! Phu quân nói thân nữ của chúng em là tầm thường, là hạ liệt!

- Ôi! Phu quân còn nói chúng em là những đồng thit

thôi!

Rồi họ ngã ra, bất tỉnh.

Tỳ-khuru Ratthapāla chọt ôm bát, đứng dậy:

- Thôi vừa rồi, thôi đủ rồi là những trò quyến dụ ngây thơ và trẻ con ấy! Một ngàn lần thế, một vạn lần như thế cũng không thể làm động tâm những đứa con trai, đệ tử của đức Tôn Sư. Nếu gia chủ không đặt bát cúng dường thì tôi xin được từ giã, không nên ngồi nán thêm một chút nào nữa trong cái địa ngục ái luyến, trong cái hầm hố ái dục hạ liệt này.

Nghe vậy, cả nhà hối hả đặt bát với thức ăn thượng vị, loại cứng, loại mềm. Thọ thực xong, rửa tay xong, tay vừa rời khỏi bình bát, con trai của Như Lai đọc lên bài kệ nói đến “Tính chất dơ uế, khô, vô thường của thân xác, nhưng người đời lại muốn tô điểm, trau chuốt, phủ hương, phủ hoa ra bên ngoài để lừa bịp kẻ ngu... Ngọc ngà, châu báu thế gian cũng tương tự thế. Dù người thợ săn kia có gian manh, quỷ quyết, bỏ trong lưới sập những thức ăn ngon, mỹ vị, mỹ hương thì chúa loài nai khôn ngoan vẫn không bao giờ dính bẫy đâu”.

Câu chuyện còn dài nhưng đức Phật chỉ kể đến chỗ cần thiết nhất để khích lệ, sách tấn những vị tỳ-khuru sơ tu còn trẻ. Hội chúng hoan hỷ bởi pháp thoại ấy nên họ đã tinh cần tu tập hơn.

Cô Bé Visākhā

Rời Kuru, đức Phật và hội chúng tỳ-khưu bây giờ đã lên đến năm trăm vị, lần lượt bộ hành một quãng đường xa diệu vợi, xuôi Nam, vượt Kosambī, vượt Kāsi, Bārāṇasī, vượt Māgadha, theo bờ Bắc sông Gaṅgā, xuống miền Đông đến vương quốc Aṅga, kinh thành Campā là một bộ tộc nhỏ nhưng giàu sang, thanh mậu. Đây cũng là một địa chỉ có khá nhiều nhân duyên với giáo pháp.

Đức Phật chưa đến Aṅga, nhưng do giới thương buôn loan truyền, tin tức ấy đã đến nơi này từ mấy hôm về trước. Náo nức nhất là những người buôn bán làm ăn xa, đã có dịp nghe pháp tại Jetavanārāma hay Veluvanārāma. Trong số ấy có hai vợ chồng triệu phú Dhanañjaya và Sumanā Devi. Đặc biệt là triệu phú Meṇḍaka, cha của bà Sumanā Devi là người hoan hỷ nhất.

Lúc đức Phật dẫn đầu đoàn sa-môn trang nghiêm, vàng rực lần lượt trì bình khát thực tại thị trấn Bhaddiya thì tin lành ấy đã được truyền đến tai triệu phú Meṇḍaka. Ông liền cho gọi cô bé cháu ngoại, là Visākhā, lúc ấy mới bảy tuổi rồi nói rằng:

- Cháu yêu quý của ông! Đức Thế Tôn và Tăng chúng đang vân du hành hóa đến quê hương của chúng ta; ngài và

hội chúng còn ở Bhaddiya ngày nào, là những ngày an vui và hạnh phúc cho hai ông cháu chúng ta đây, cháu biết không?

Cô bé Visākhā mở tròn mắt, ngạc nhiên, ngây thơ hỏi:

- Tại sao thế ông ngoại? Không phải là chúng ta cũng đang sống trong an vui và hạnh phúc đó sao?

- Ừ, đúng là vậy! Triệu phú Menḍaka âu yếm vuốt mái tóc cô cháu gái – Nhưng ông đã được nghe pháp của đức Thế Tôn, ông mới hiểu được rằng, an vui và hạnh phúc của chúng ta hiện có ở đây, không được lâu bền; nó mong manh lắm, nó mau biến hoại, đổi khác lắm, như một đóa hoa buổi sáng nở, buổi chiều thì tàn vậy.

- Là hoa phù dung, cháu biết rồi – Cô bé Visākhā mau mắn nói - buổi sáng màu trắng, trưa màu hồng, chiều màu đỏ và tối thì tàn rụi. Cháu thấy rồi, và cháu thương cảm cho nó quá.

- Cháu thương cảm nó à?

- Phải, cháu thương cảm nó! Nên cháu thường nhặt những đóa hoa phù dung tàn ấy, bỏ trong ly nước, nhưng nó cũng không thờ được, không sống được, ông ngoại à!

- Ừ, không thể sống được đâu! Ông triệu phú Menḍaka đăm chiêu một lát rồi nói tiếp - Đức Thế Tôn, các bậc Chánh Đẳng Giác cũng thương cảm chúng ta cũng như cháu thương cảm đóa hoa phù dung kia vậy. Do thế, đức Thế Tôn đã chỉ dạy một con đường cho chúng ta tìm thấy một loại an vui và hạnh phúc lâu bền hơn.

- Vậy là tuyệt! Cô bé Visākhā vỗ tay – Cháu cũng muốn nghe sự chỉ dạy ấy của đức Thế Tôn. Nhưng ngài ở đâu, thưa ông ngoại?

- Ngài đã đến rồi! Đức Thế Tôn ấy, sáng nay cùng với hội chúng sa-môn năm trăm vị đang đi trì bình khát thực hóa độ chúng sanh tại thị trấn Bhaddiya của chúng ta đây.

- Thế tại sao ông ngoại và cháu không đi thăm, đánh lễ

và cúng dường đức Thế Tôn ấy rồi xin được nghe lời chỉ dạy.

- Đi chứ, đi chứ! Ông triệu phú cười vui, mau mắn nói – Nhưng hãy đợi đến sớm mai. Bây giờ, cháu hãy chuẩn bị cho thật trọng hậu và hoành tráng nhất; nghĩa là phải có đủ năm trăm cỗ xe có ngựa kéo với đầy đủ tứ sự, lễ vật cùng năm trăm thị nữ, gia nhân... rồi ông cháu chúng ta đến thăm đức Thế Tôn, có lẽ đang ở tại một ngôi rừng nào đó ở ngoại ô...

Sau khi cô bé đi lo công việc, ông triệu phú suy nghĩ: “Cha mẹ nó đều là bậc trí thức, hiền thiện, đã từng được nghe pháp nhiều lần ở nơi này và nơi kia; riêng cô bé thì chưa. Nó lạ lắm. Nó tiềm tàng những phẩm chất cao quý mà ít người có được. Khi sinh ra, nó nằm gọn gàng trong cái bọc điều tinh khiết, trông kháu khỉnh, sáng rỡ như viên hồng ngọc, lại còn hương trời ở đâu mà tỏa ngát, thơm lừng cả nhà nữa chứ. Càng lớn lên trông nó càng mỹ miều, duyên dáng. Theo nhân tướng học, nó có năm vẻ đẹp quý phái, đó là xương, vóc, tóc, da và tuổi trẻ. Tuy mới bảy tuổi, chưa phát lộ toàn diện năm vẻ đẹp ấy nhưng rõ ràng tóc nó mượt mà, lóng lánh, dài rồi cuộn lên như đuôi công. Cặp môi của nó đỏ hồng đi liền với nụ cười xinh xắn, dịu dàng. Còn hàm răng của nó nữa, trắng trong, khít khao đều đặn và sáng ngời như hai hàng bạch ngọc. Nước da cô bé mịn màng như cánh hoa sen màu vàng. Vóc nó trông mảnh mai, nhưng tiềm tàng một sức khỏe lạ lùng; có lần nó bồng một chú bê con trông nhẹ nhàng như ôm một bó bông! Điều đặc biệt, lúc nào, nó ăn uống đi đứng nằm ngồi đều toát ra cái phẩm chất cao quý, dường như không hề thấy thói hư tật xấu nào. Chỉ tiếc nó là gái, bằng không nó sẽ trở nên một bậc chí nhân, chí thiện trên đời này. Nhưng mà không sao, phải tạo cơ hội cho cô bé này được thân cận những bậc đại trí tuệ như đức Phật để cho nó được thăng hoa những phẩm chất ấy”.

Thế rồi, ngày hôm sau, ông triệu phú Menḍaka và cô bé Visākhā với năm trăm cỗ xe thực phẩm, lễ vật; năm trăm thị nữ, gia nhân rầm rộ, sang trọng không thua gì vua chúa đến khu rừng ngoại ô thăm viếng đức Thế Tôn và hội chúng tỳ-khuru.

Đức Phật biết trước chuyện này, là một nhân duyên lớn cho giáo pháp nên sáng nay đã không đi bát, ngài ngồi dưới một gốc cây lớn với hội chúng xung quanh.

Thấy được đức Phật, tự dung cô bé Visākhā phát khởi đức tin trong sạch, niềm hoan hỷ bùng bùng tỏa sáng nơi khuôn mặt, nó nói nhỏ với ông ngoại:

- Đức Phật và hội chúng sa-môn này có cái gì rất trong sạch, thiêng liêng, hoàn toàn khác với các đạo sĩ, du sĩ... với hình dong, y áo, tướng mạo lôi thôi, lếch thếch mà cháu thường gặp nhan nhản khắp mọi nơi, khắp mọi chỗ...

- Ừ, cháu nhận xét đúng đấy! Cái đó được gọi là tăng tướng và phẩm mạo thánh hạnh chỉ có được trong giáo hội của đức Tôn Sư thôi, cháu ạ!

Sau buổi đặt bát, cúng dường lớn, triệu phú Menḍaka và cô bé Visākhā còn được nghe pháp. Hôm ấy, đức Phật do biết được sự suy nghĩ trong tâm của ông triệu phú nên ngài nói về những tính xấu của con người cần phải loại bỏ, phải cần có trí tuệ soi sáng thường trực để nhận ra những thói quen, tật xấu nằm ngủ lưu niên lưu cữu trong dòng nghiệp của mỗi người. Nhờ vậy, mới hiển lộ được tư cách và phẩm chất tốt đẹp mà ai cũng sẵn có, rồi làm cho nó được thăng hoa, dần dần đưa đến toàn thiện và toàn mỹ. Muốn đi theo con đường ấy, ban đầu phải có ngũ giới, thập thiện, biết bố thí, cúng dường, biết mở rộng tấm lòng trong tương quan sự sống với con người, chúng sanh và xã hội.

Sau buổi pháp thoại, ông triệu phú rung rung nước mắt thấy đức Phật thuyết một thời pháp đúng với tâm nguyện của mình nên ông đã có được đức tin vững chắc đối với Tam

Bảo. Cô bé Visākhā, mặc dầu còn nhỏ, nhưng tinh thần đã đến mức tiến hoá bậc cao do căn duyên nhiều đời, nên đã chứng quả Nhập Lưu, hơn cả ông ngoại nó!

Khi về đến nhà rồi, hai ông cháu hoan hỷ quá, cứ huyên thuyên nói chuyện với nhau. Cha mẹ cô bé Visākhā, ông bà triệu phú Dhanañjaya và Sumanā Devi đi công việc ở xa về, nghe được, mỉm cười nói:

- Hai ông cháu thế là “bỏ xén” pháp, đức Thế Tôn sẽ cười chê đấy. Hai ông cháu đặt bát một lần thì chúng tôi sẽ đặt bát hai ba lần. Hai ông cháu được nghe pháp một lần thì chúng tôi sẽ nghe pháp hai ba lần cho mà xem.

Ôi, niềm vui nhẹ nhàng, thanh cao của cái gia đình hiền thiện này, ai mà không thèm muốn.

Thế là đức Phật và hội chúng phải ở lại đây một thời gian nữa để gieo duyên với chúng sanh. Không những hai vợ chồng gia đình triệu phú này đặt bát cúng dường mà còn bạn bè, thân hữu cùng rất đông gia chủ ở trong thị trấn Bhaddiya nữa. Vậy là tôn giả Sāriputta và Ānanda thỉnh thoảng phải thay mặt đức Phật để thuyết pháp đến quần chúng tín mộ. Họ quy y rất đông.

Sau đó, đức Phật tiết lộ một chút về tương lai:

- Cô bé Visākhā kia, sau này sẽ trở thành một nữ đại thí chủ, mà công đức hộ trì Tam Bảo, cúng dường tứ sự đến tăng ni cũng không thua gì ông triệu phú hiền thiện Cấp Cô Độc đâu đấy!

Thế Nào Là Một Bà-La-Môn Chân Chính?

Sớm hôm ấy, đức Phật đắp y, mang bát rồi nói với Ānanda đang đứng bên cạnh:

- Hãy thông báo với đại chúng, hôm nay, sau khi đi trì bình khát thực, chúng ta hãy đi đến bờ hồ Gaggarā (Già-già-liên-trì) để nghỉ trưa.

Cũng như các lần trước, tôn giả Sāriputta biết là đức Thế Tôn muốn hóa độ một người, một nhân vật quan trọng.

Campā thuộc vương quốc Āṅga, là nước của một bộ tộc nhỏ nhưng có dân cư đông đúc, cây cỏ, ao nước, lúa gạo phì nhiêu; là một lãnh thổ được sự ân tứ của đức vua Bimbisāra, một tỉnh bang tươi đẹp. Tại đây, có một trưởng lão bà-la-môn hữu danh tên là Soṇadaṇḍa⁽¹⁾, rất được các bà-la-môn trong vùng kính trọng, tôn quý. Vì dòng dõi ông có huyết thống thanh tịnh bảy đời, là nhà phúng tụng, trì chú, thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống, thông hiểu ngữ pháp và văn phạm, biện tài về tự nhiên học. Lại nữa, bà-la-môn Soṇadaṇḍa là bậc đại phú, đại quý; đẹp lão, có tướng của bậc đại nhân, màu da thù trắng, sắc vẻ khôi ngô tuấn tú, cử

⁽¹⁾ Xem thêm Soṇadaṇḍa Sutta.

chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng. Còn nữa, ông thường có lời thiện ngôn, tao nhã đối với mọi người; giọng nói không bập bẹ, phều phào, giải thích nghĩa lý minh xác. Tôn giả hiện là bậc Tôn Sư của nhiều người, đang dạy cho ba trăm thanh niên bà-la-môn từ nhiều phương, nhiều nước đến tham học...⁽¹⁾

Lúc ấy, bà-la-môn Soṇadaṇḍa bước lên lầu để nghỉ trưa, nhìn xuống đường thì thấy rất nhiều bà-la-môn gia chủ lũ lượt đi về phía bờ hồ Gaggarā; ngạc nhiên, ông cho người xuống hỏi. Được biết là họ cùng nhau đi chiêm bái, yết kiến sa-môn Gotama, nghe nói đây là đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác mà tin đồn về tu tập khổ hạnh, sự chứng ngộ chân lý bất tử, thành lập hai giáo hội Tăng và Ni đã tràn qua cửa tai của muôn dân nhiều quốc độ.

- Bảo họ hãy đợi ta - Bà-la-môn Soṇadaṇḍa hỏi hả nói - Ta cũng phải đích thân đi thăm viếng vị ấy.

Nghe được vậy, các vị bà-la-môn gia chủ lão thành đồng đến can ngăn:

- Không được đâu! Thật không xứng đáng chút nào nếu tôn giả đi yết kiến vị ấy!

- Tại sao?

- Nếu tôn giả đích thân đi yết kiến sa-môn Gotama thì danh tiếng ngài sẽ bị tôn giảm và danh tiếng sa-môn Gotama sẽ được tăng thịnh. Sa-môn Gotama còn trẻ tuổi, xuất gia chưa được bao lâu; còn tôn giả là bậc trưởng thượng, niên cao, lạp lớn được đức vua Seniya Bimbisāra nước Māgadha và bà-la-môn thượng thủ Pokkharasāti kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, trọng vọng ngài. Bởi lý do ấy nên sa-môn Gotama phải đích thân đến yết kiến tôn giả thì có lý hơn!

- Các vị nói rất đúng - Bà-la-môn Soṇadaṇḍa mỉm cười, gật đầu - Tuy nhiên, nếu quý vị biết rõ về sa-môn Gotama,

⁽¹⁾ Trường bộ kinh, tập I, tr.204.

THẾ NÀO LÀ MỘT BÀ-LA-MÔN CHÂN CHÍNH?

về xuất sinh, về đại nhân tướng, về tuổi trẻ, về xuất gia, về sở học, về kiến văn, về ngôn ngữ, về đức hạnh, về trí tuệ, về chân lý đã được chứng ngộ, tuyên thuyết, về ảnh hưởng của vị ấy đối với các giáo phái chủ, giáo phái sư, về sự tôn sùng, ngưỡng mộ, quy y không những chỉ đức vua và triều đình Māgadha, mà còn đức vua và triều đình Kosala và các bậc đại phú, đại quý, các tiểu vương, các thủ lĩnh tướng quân các nước liên bang cộng hòa nữa... thì chính quý vị phải khuyên ta nên đi yết kiến sa-môn Gotama mới đúng lẽ...

Nghe nói vậy, các bà-la-môn gia chủ nín lặng. Sau đó, có vị hỏi:

- Chẳng lẽ nào sa-môn Gotama lại hơn tôn giả về tất cả mọi lãnh vực?

- Không những hơn tất cả mà có lẽ trên thế gian này, hằng triệu triệu năm mới xuất sinh được một nhân cách kỳ vĩ như thế!

Thấy mọi người còn có vẻ hồ nghi, bà-la-môn Soṇadaṇḍa thông thả nói:

- Khi sinh ra, vị ấy có ba mươi hai quý tướng và tám mươi vẻ đẹp; chỉ cái tướng cách ấy thôi, thế gian cũng không có hai người; và chính vị đại tiên Asita tiên đoán, một, sẽ làm Chuyển luân Thánh vương, hai là đắc quả Chánh Đẳng Giác. Lớn lên trong nhung lụa, sau khi thu thập một kiến thức và một sở học phi thường, vị ấy từ bỏ cung vàng, điện ngọc, vợ đẹp, con xinh, chối từ cả vương vị để xuất gia tầm đạo khi tuổi đang còn thanh xuân, tóc đang còn đen nhánh... Và chỉ chừng ấy thôi thì ta đã không dám so sánh rồi.

Thấy mọi người đang chăm chú lắng nghe, tôn giả Soṇadaṇḍa tiếp tục:

- Ta được mọi người tôn sùng, ngưỡng mộ do huyết thống, tư cách, ngôn ngữ, kiến văn, sở học, ba tập Vệ-đà, chú giải cùng nhiều thứ khác nữa, nhưng so với sa-môn

Gotama thì có thâm thía gì! Ngoài lãm thông, uyên bác các loại triết học trong và ngoài truyền thống Vệ-đà, vị ấy còn thông hiểu cả hàng trăm ngôn ngữ của các bộ tộc và hàng chục cổ ngữ khác nhau, hiện đang tồn tại hoặc đã mất tích đâu cả ngàn năm trước! Sau sáu năm khổ hạnh đệ nhất tại dãy núi Gayā, vị ấy đã phát lộ con đường cổ xưa rồi giác ngộ dưới cội cây Asattha bên sông Nerañjanā. Từ đấy, vị ấy lên đường hoằng pháp với một loại giáo lý chưa từng được nghe, đấy là một chân lý độc sáng, chưa có trong kinh điển Vệ-đà. Quý vị thấy thế nào, một bậc như vậy có xứng đáng để chúng ta đi yết kiến, lắng nghe và học hỏi không?

- Quả rất xứng đáng!

- Ta được một vị đại vương, một vị bà-la-môn thượng thủ coi trọng thì có nghĩa lý gì! Ta có được ba trăm đồ chúng đến tham học thì có nghĩa lý gì! Chỉ mới mấy năm giống trồng pháp bất tử, sa-môn Gotama đã có bên mình hàng ngàn tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, sa-di, sa-di-ni; đã có hàng trăm ngàn cận sự nam, cận sự nữ... Trong số đệ tử xuất gia phạm hạnh ấy có tiểu vương, tổng trấn, thái tử, vương tử, công tử, tiểu phú hộ, đại phú hộ, thương gia, tướng quân, nhà tư tưởng, thông thái, biện sĩ, du sĩ lỗi lạc, bà-la-môn trưởng giáo hữu danh, chiến sĩ, công chúa, quý phi, công nương, quận chúa, cung nga... và còn có cả giai cấp Vệ-xá, Thủ-đà-la và cả Chiên-đà-la nữa!

Có ai đó thốt lên:

- Thật là kinh khiếp!

- Thật là vĩ đại!

- Chưa đâu – tôn giả Sonadaṇḍa tiếp tục - đệ tử của sa-môn Gotama, ngoài triều đình, chánh hậu, quý phi, công chúa các vị đại vương Kosala, Māgadha... còn có địa tiên, thọ thần, sơn thần, dạ-xoa, cru-bàn-trà, khản-na-la, kim xí điều, rồng, càn-thát-bà, chư thiên, Tứ đại thiên vương, Đế Thích thiên chủ cùng phạm chúng thiên, phạm phụ thiên và

đại phạm thiên nữa!

Mọi người im lặng như tờ.

- Một bậc như vậy mà phải đến yết kiến ta hay sao, quý vị thử nghĩ xem?

Họ cúi đầu xuống, không trả lời, ngậm chấp nhận. Giọng nói của tôn giả Soṇadaṇḍa còn vọng lại bên tai họ, rất nhiều, rất nhiều chuyện nữa...

- Quý vị biết không, tự nghĩ lại mà xem? Một số giáo chủ, giáo phái sư bà-la-môn của chúng ta tự nhận là xuất gia, sống không gia đình, ăn rau trái cây củ hoa lá, có vẻ như tôn trọng sự sống của chúng sinh nhưng thật ra trong các cuộc đại tế, trung tế, tiểu tế biết bao nhiêu là súc vật thật không kể xiết đã bị giết hại, lấy đầu và máu để tế thần. Cũng rất nhiều vị thuyết con đường đến với phạm thể một cách rất thanh cao, cao thượng nhưng bản thân họ thì làm giàu từ tài sản của thí chủ, đêm nằm trên những chiếc giường sang trọng để ôm ấp hầu non, gái tơ, có vị cả hàng chục tỳ thiếp như thế. Họ ăn chay, nhưng một ngày ăn ba bữa, bốn bữa cho thỏa thích, cho khoái khẩu, căng đầy da bụng! Còn sa-môn Gotama và chúng tỳ-khuru thì sao; họ giữ giới hạnh rất nghiêm túc, hoàn toàn bần hàn vô sản, mỗi ngày đi xin ăn và chỉ ăn một bữa. Vị Phật ấy hàng khuyên chúng đệ tử xuất gia phải biết xa lánh chốn phồn hoa, đô hội; nên sống ở cội cây, rừng, hang động, nghĩa địa, chỗ không có mái che, tùy duyên đi nơi này nơi khác để giáo hóa chúng sanh, xa lìa tham lam, sân hận, si mê, chấp thủ, sở hữu... để không còn một dính mắc gì nơi trần thế. Họ thuyết con đường xuất thế nhưng đã không mệt mỏi vì cuộc đời, vì con người, vì những chúng sanh đang tối tăm, đang đau khổ... Thử hỏi, chúng ta cao thượng ở chỗ nào, khi những vương mắc tục lụy như vợ, như con, như tài sản, như danh vọng, lợi dưỡng, địa vị vẫn đang còn cùm chân tất cả chúng ta; và biết bao nhiêu người do thiếu bản lãnh, thiếu tu tập đã đi vào đọa lạc, hạ liệt, tối

tăm, thấp thỏi?

Câu hỏi ấy rơi vào im lặng. Có một vị lão trượng chột quắc mắt, chất vấn:

- Sao tôn giả lại tự chê mình, khen người đến như thế được?

- Hóa ra tôn giả Soṇadaṇḍa đang ca tụng, tán thán sa-môn Gotama một cách tối thượng?

- Đúng thế! Một vị khác nói tiếp - Dầu cho một ai ở xa đây một trăm do-tuần, nếu nghe được lời ca tụng, tán thán ấy; có cơm đùm, gạo bó, khó khăn, vất vả thế nào cũng phải đi yết kiến sa-môn Gotama cho bằng được!

- Không sai, vì đây là sự thật - Tôn giả Soṇadaṇḍa gật đầu - Rồi quý vị sẽ biết, sẽ thấy - là còn rất nhiều đức tính ưu việt của sa-môn Gotama nữa, ông ta có vô lượng ưu điểm! Đây là một bậc Chánh Đẳng Giác thật sự. May mắn và hạnh phúc làm sao, khi tất cả chúng ta được cùng đi hội kiến với Người.

- Thôi được rồi! Một vị gia chủ kết luận - Tôn giả Soṇadaṇḍa đã nói như thế, đã xác quyết như thế thì đúng là sự thực như thế, tảng đá cũng phải gật đầu. Huống nữa, đất nước Campā tươi đẹp của chúng ta vốn rất hào sảng, mến khách. Cho dù sa-môn Gotama không phải là một vị Phật đi nữa, nhưng ngài và hội chúng đã đến Campā thì họ là khách quý của chúng ta!

Thế rồi, cả hội chúng gia chủ bà-la-môn rầm rộ lên đường, mang theo rất nhiều lễ phẩm, hướng đến bờ hồ Gaggarā. Vừa đi, trong tâm trí bà-la-môn khởi lên những lo lắng, bất an, như sau: “Các trưởng lão bạn hữu thâm tình của ta ở Kosala, Māgadha, Vesāli đều cho biết rằng, không ai ở trên đời này, cho dù Tôn Sư, đại Tôn Sư của các bậc giáo chủ có sống lại cũng không dễ gì đối thoại với sa-môn Gotama mà không có ấn tượng như thân lau bị bẻ gãy hoặc có cảm giác như đám cỏ bị gió thổi rạp! Ngoài ra, tâm tư của

người đối thoại nghĩ gì, định nói điều gì thì sa-môn Gotama đều thấy rõ, biết rõ cả. Ngại rằng, khi ta đặt một câu hỏi, dù cho câu hỏi ấy ta đã suy nghĩ chín chắn, nhưng sa môn Gotama lại nói: Này bà-la-môn, không nên đặt câu hỏi như thế, chính xác phải đặt câu hỏi như thế này! Nếu quả có chuyện ấy xảy ra thì ta sẽ bị bẻ mặt, bị ê mặt; theo đó, cái danh giá trí thức của ta sẽ như nước đổ sông; và hội chúng gia chủ này sẽ không còn coi ta ra gì nữa! Không chỉ có vậy mà thôi, ta còn ngại rằng, khi ta phải trả lời những câu hỏi của sa-môn Gotama, lại bị ông ta chất vấn, cật vấn ráo riết với lý luận chặt chẽ, đanh thép... khi ấy ta sẽ ú ớ, ngọng nghịu thì còn ra thể thống gì nữa? Thôi, ta chỉ mong rằng, sa-môn Gotama là bậc đại trí, đại lượng, đừng chê cười, khinh miệt ta một cách quá đáng; đại loại như đừng sỉ nhục ta là người ngu si, bất tài, thiếu học, dốt nát, tâm trí tối đen như đêm ba mươi là quý lắm rồi! Và chăng, bậc Chánh Đẳng Giác kia, chắc cũng hiểu ta là một bà-la-môn chân chính; tuy nhiên, ta còn có gia đình, vợ con, gia sản, đồ chúng cùng uy tín, địa vị đã được gầy dựng đồ mồ hôi, sôi nước mắt, hao tổn tim óc suốt mấy chục năm qua... mà giữ thể diện cho ta một phần nào!”

Lúc ấy, đức Thế Tôn và tăng chúng tỳ-khưu đã độ ngộ xong, đang ngồi tọa thiền hoặc tĩnh chỉ trong bóng im của những tàn cỏ thụ xanh mát. Hội chúng gia chủ bà-la-môn được tôn giả Sonaḍaṇḍa dẫn đầu, đến chào hỏi chùng mực, lễ độ, thân tình rồi ngồi xuống một bên. Trong số họ, có người đánh lễ, có người chấp tay xá, có người nói vài lời xã giao, có người không nói gì cả, tìm chỗ ngồi thích hợp. Và khá đông đưa mắt nhìn quanh, có cảm giác như rón cả tóc gáy khi thấy mấy trăm tỳ-khưu yên lặng như một rừng đại định, châu quanh đức Phật sáng rỡ như một vị đại phạm thiên.

Thật ra, bà-la-môn Sonaḍaṇḍa khỏi phải lo ngại như thế

vì đức Thế Tôn đã biết rồi, đã thấy rõ tất cả rồi, ngài nghĩ: “Đây là một trong số ít trưởng lão bà-la-môn có đời sống mẫu mực, trung thực. Tuy sống giữa cát bụi danh vọng và lợi dưỡng nhưng tự bên trong tâm hồn, một góc nhỏ nào đó vẫn còn một đèn thờ tâm linh thiêng liêng luôn rực cháy một ngọn đèn! Quý hóa thay, vậy ta sẽ hỏi những câu hỏi thuộc về kinh điển, về sở trường, liên hệ với một số đức tính mà ông ta hiện có!”

- Trưởng lão Soṇadaṇḍa quý mến! Hôm nay, thật là vinh hạnh thay cho Như Lai và hội chúng của Như Lai, khi hành hóa đến đất nước Campā tươi đẹp, thịnh vượng và phú cường này; đã chưa đi thăm viếng các gia chủ, lại được chur vị gia chủ đáng kính đồng đến thăm viếng đồng đức với lễ lạt trọng hậu!

- Không dám! Tôn giả Soṇadaṇḍa khiêm tốn nói - chúng tôi chỉ muốn làm tròn bổn phận của một gia chủ và chúng tôi xem sa-môn Gotama và hội chúng tỳ-khuru như những bậc thượng khách!

- Đúng là ngôn ngữ khả ái của một bà-la-môn hữu danh - Đức Phật mỉm cười, đi vào đề ngay - Chẳng hay, xin trưởng lão cho Như Lai được biết, một vị bà-la-môn phải gồm đủ bao nhiêu đức tính, để có thể nói, tôi là một bà-la-môn chơn chính mà không phải là vọng ngữ, vọng ngôn?

Tôn giả Soṇadaṇḍa nghe mát óc, mát ruột, tự nghĩ: “Lời chào hỏi, cách dụng ngữ của sa-môn Gotama đã làm cho lỗ tai của ta rất hoan hỷ. Bây giờ, lại hỏi ta một câu hỏi thuộc sự truyền về ba tập Vệ-đà, thuộc về kiến thức chuyên môn của ta; rõ là vị sa-môn này thấy biết cả tim óc người ta rồi!”

- Thưa sa-môn Gotama! Ông ngồi thẳng lưng, chững chạc; hoàn toàn lấy lại niềm tin và tư cách mô phạm cố hữu của mình - Có năm đức tính để có thể tự thành một bà-la-môn chơn chính, để khi tự xưng, tôi là một bà-la-môn thì lời nói ấy là chân thực, không phải vọng ngôn, vọng ngữ!

- Như Lai xin được rửa tai để nghe năm đức tính ấy.

- Thưa, thứ nhất là thiện sanh mẫu và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh bảy đời; không bị gièm pha, không bị nghi ngờ, bị một vết nhơ nào về huyết thống thọ sanh ấy. Thứ hai, phải thông hiểu ba tập Vệ-đà, biết phúng tụng, trì chú, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải, ngữ pháp, văn phạm... Thứ ba, vị ấy phải có dung sắc, khôi ngô tuấn tú, khả ái trong dáng điệu, cử chỉ và ngôn ngữ... Thứ tư, phải có đức hạnh, giới hạnh, đức độ cao dày. Thứ năm là phải thông minh, sáng suốt, có trí tuệ khả dĩ là người đệ nhất hay đệ nhị cầm muống đồ bơ trong các lễ tế thần. Thưa sa-môn Gotama! Đây là 5 đức tính để khả dĩ được gọi là một bà-la-môn chơn chính còn lưu truyền trong thánh điển tự ngàn xưa.

- Đúng vậy, thật là rõ ràng, mạch lạc thưa vị trưởng lão khả kính! Nhưng cho Như Lai được hỏi, trong năm đức tính ấy, ta có thể bỏ bớt một đức tính nào, chỉ còn bốn đức tánh thôi cũng có thể tự thành một bà-la-môn chơn chính mà vẫn thấy không hề khiếm khuyết?

- Được, thưa sa-môn Gotama! Chúng ta có thể bỏ bớt dung sắc, tức là bỏ điều thứ ba. Tại sao vậy? Vì trên đời này có biết bao nhiêu người hảo tướng, dung sắc đẹp đẽ, tuấn tú, khôi ngô; thái độ, cử chỉ, ăn nói đều dịu dàng, nhu nhuyến, khả ái nhưng mà tâm địa không được tốt; đôi khi còn là bụng lang dạ sói nữa. Vậy bỏ điều ba, còn lại bốn điều thôi vẫn là một bà-la-môn chơn chính như thường!

- Hay lắm, chính xác lắm! Như Lai rất là đồng tình lời nghị luận ấy. Nhưng mà này, trong bốn đức tính kia, có thể bỏ bớt thêm một điều nào đó nữa, chỉ còn ba thôi, mà vẫn không là lạm xưng một bậc bà-la-môn chơn chính?

- Có thể được, thưa sa-môn Gotama! Bỏ chú thuật, tức là bỏ tất cả nội dung của điều thứ hai. Tại sao vậy? Tại tôi đã từng thấy rất nhiều vị thiên kinh, vạn quyển, lão thông rất nhiều môn học, lại giỏi về phúng tụng, chú thuật, lễ nghi...

nhưng họ có đời sống sa đọa, thọ hưởng quá quất năm món dục lạc từ đồng tài sản cứng dường của những thí chủ thiện tâm. Đây là bất chính, là thấp thỏi, là hạ liệt. Vậy, bỏ điều thứ hai đi, chỉ còn lại ba đức tính, vẫn thủ đắc là một bà-la-môn chơn chính như thường!

Đến ngang đây thì hội chúng gia chủ đi theo, họ xôn xao, bàn tán, có nhiều người thốt lên, giọng xen kẽ nhau:

- Vị tôn giả đáng kính của chúng ta đã bước vào tròng của sa-môn Gotama rồi!

- Chỉ một vài câu hỏi khôn ngoan, sa-môn Gotama đã như một nhà huyền sư hoặc một nhà thôi miên đã làm cho tôn giả của chúng ta lú lẫn, mù mẫm mất rồi!

- Ai đời lại tự bác bỏ kiến thức sư truyền của mình để công phá trực diện, tấn công từng điểm một trong 5 đức tánh tự thành bà-la-môn từ ngàn xưa!

- Thôi vừa rồi, thôi đủ rồi, này các gia chủ! Bà-la-môn Sonaḍaṇḍa đứng dậy, quắc mắt nhìn quanh một vòng - Nếu quý vị thấy tôi không đủ trí năng, kiến thức để hầu chuyện với sa-môn Gotama thì ai ở đây có đủ tư cách ấy, hãy bước ra, tôi xin sẵn sàng nhường vai trò đại diện cho vị ấy!

Thấy mọi người im lặng, tôn giả tiếp:

- Chư vị biết không, với cách hỏi lạ lùng như thế ấy, rồi chư vị sẽ thấy là sa-môn Gotama đã dùng lưới grom tuệ sắc bén để chặt bỏ tất cả mọi lau lách, lùm bụi bao che bên ngoài, để phát lộ cho chúng ta thấy cái đức tính chân thật nhất, tối thượng nhất của mọi đức tính!

- Đúng vậy! Đức Phật gặt đầu - Cứ tuân tự như thế thì trong ba điều còn lại, cái chúng ta cần lược bỏ tiếp theo, chính là thọ sanh với cái huyết thống thanh tịnh bảy đời, có phải vậy không, trưởng lão Sonaḍaṇḍa?

- Phải rồi, thọ sanh mà làm gì, lý lịch bảy đời thuần chất huyết thống mà làm gì! Chỉ cần một con người có đạo đức, có giới hạnh, hiền thiện, thông minh, sáng suốt, có trí tuệ

xứng đáng là đệ nhất hay đệ nhị cầm đuốc đồ bơ trong các lễ tế thần, là xứng đáng được gọi là bà-la-môn chơn chính rồi!

Hội chúng lại la ó, phản đối:

- Hết rồi! Bà-la-môn trưởng lão của chúng ta đã khinh bác dung sắc, hảo tướng, khinh bác phúng tụng, chú thuật, lễ nghi, bây giờ lại khinh bác luôn cả thọ sanh nữa, thật sự, Soṇadaṇḍa đã làm quân cờ xung kích cho sa-môn Gotama rồi!

- Hai đức tính trước, phủ bác, còn nghe được; nhưng cái thọ sanh, cái huyết thống thanh tịnh bầy đời là phẩm chất đáng tự hào của dòng dõi bà-la-môn mà trưởng lão của chúng ta cũng phủ bác luôn thì còn đâu là bà-la-môn nữa mà gọi bà-la-môn, là bà-la-môn chơn chính?

Tôn giả Sāriputta đang đứng hầu một bên, muốn phụ giúp bà-la-môn Soṇadaṇḍa một vài lời, nên nói với hội chúng gia chủ:

- Xin lỗi, nếu chư vị nghĩ rằng bà-la-môn Soṇadaṇḍa không phải là bậc đa văn, không phải là nhà hùng biện, không phải là nhà bác học, không phải là nhà nghị luận có gang có thép để có thể nói chuyện với đức Tôn Sư của chúng tôi thì xin ngài Soṇadaṇḍa hãy đứng qua một bên và để chư vị đại diện làm người đối thoại? Bằng ngược lại thì xin chư vị giữ cho sự im lặng cần thiết, vì cuối buổi pháp thoại, chắc chắn chư vị sẽ thấy rõ sự thật, sẽ thấu hái được nhiều điều lợi ích.

Mọi người im lặng. Bà-la-môn Soṇadaṇḍa đứng dậy, nói:

- Rất cảm ơn bậc chưởng giáo, nhưng không cần thiết ngài phải tôn hơi. Để chính tôi, phải, cứ để tôi nói chuyện với hội chúng này bằng chánh pháp.

Rồi ông nhìn quanh một vòng, cất giọng trầm tĩnh:

- Thật ra, chư vị đã hiểu lầm khi bảo tôi phủ bác, khinh

bác những đức tính kia rồi ngã theo quan điểm của sa-môn Gotama. Không, tôi chỉ ngã theo chánh pháp thôi.

Lúc ấy, bên cạnh ông, có người thanh niên bà-la-môn tên là Aṅgaka. Bà-la-môn Soṇadaṇḍa nắm tay chàng đứng dậy giới thiệu, rồi nói chuyện với mọi người:

- Đây là cháu, thanh niên Aṅgaka, con bà chị của tôi! Quý vị có thấy không, thanh niên Aṅgaka rất tuấn tú, đẹp trai, đệ nhất về dung sắc, khả ái về ngôn ngữ, thái độ, cử chỉ; ở đâu cũng toát ra chất thanh cao, tao nhã. Dường như ai ở đây cũng không thể so sánh với y về dung sắc, có lẽ ngoại trừ sa-môn Gotama. Nay các bạn, thanh niên Aṅgaka là nhà trì chú, phương thuật, thông hiểu ba tập Vệ-đà, chú giải cùng những kiến văn liên hệ. Aṅgaka còn là thiện sanh phụ và mẫu hệ, huyết thống thanh tịnh bảy đời. Chính tôi dạy cho nó và tôi biết rõ cha mẹ nó. Nay các bạn, Aṅgaka ưu việt đầy chứ? Nhưng mà, nếu Aṅgaka sát sanh, giết hại các loài hữu tình, trộm cắp, lấy của không cho, đi tư thông, tà hạnh, tà vạy với vợ con người, nói dối, nói láo, uống rượu say sưa thì dung sắc kia để mà làm gì? Học thông hiểu rộng, phương thuật, chú thuật để làm gì? Huyết thống thanh tịnh để làm gì? Ba đức tính ấy có làm nên một con người tốt đẹp không, một bà-la-môn chơn chính không khi không có giới hạnh, đạo đức?

Hội chúng lại im lặng, dường như họ bắt đầu hiểu những lý lẽ, dẫn chứng của bà-la-môn Soṇadaṇḍa là chính xác. Có rất nhiều sự đồng tình:

- Quả thật vậy!
- Không có giới hạnh thì quả là con người bỏ đi!
- Ba đức tính kia dầu là vàng ròng cũng không thể làm sang trọng được, che lấp được những hành động xấu xa!

- Cảm ơn chư vị đã hiểu! Bà-la-môn nói tiếp - Vậy, theo tôi, khi một bà-la-môn có giới hạnh, hiền thiện, đạo đức cao dày, mà vị ấy lại thông minh, sáng suốt, có trí tuệ, xứng

đáng đệ nhất hay đệ nhị trong những người cầm muồng, người như vậy, chỉ cần hội đủ hai đức tính ấy, thì đúng là một bà-la-môn chơn chính!

Đức Phật mỉm cười, hỏi tiếp:

- Thế trong hai đức tính còn lại ấy, có thể bỏ bớt một được không? Có thể bỏ bớt một đức tính mà vẫn được gọi là một bà-la-môn chơn chính?

- Không thể được, thưa sa-môn Gotama! Trí tuệ được giới hạnh làm cho thanh tịnh; giới hạnh được trí tuệ làm cho thanh tịnh. Chỗ nào có giới hạnh, chỗ ấy có trí tuệ. Chỗ nào có trí tuệ chỗ ấy có giới hạnh. Người có giới hạnh nhất định có trí tuệ. Người có trí tuệ nhất định có giới hạnh. Chúng liên hệ thiết cốt với nhau, cần thiết cho nhau như bàn tay này rửa bàn tay nọ, bàn chân này rửa bàn chân kia. Vậy, giới hạnh và trí tuệ được xem là tối thắng ở trên đời, thưa sa-môn Gotama!

Đức Phật tán thán:

- Lành thay, này trưởng lão bà-la-môn! Chúng ta đã cùng dẫn nhau đến sự thấy biết chơn chánh, đến cái lõi, cái tinh yếu của mọi đức tính, ấy là giới hạnh và trí tuệ. Nhưng mà này, thưa trưởng lão, vậy thế nào là giới hạnh, thế nào là trí tuệ, ngài có biết không?

- Thưa, tôi chỉ biết có vậy. Cái biết của tôi về vấn đề ấy, ngang chỗ đó là tốt bực. Lành thay, nếu sa-môn Gotama giải thông cho chúng tôi nghe rành rẽ về mọi ý nghĩa liên hệ.

Rồi, đức Thế Tôn với giọng phạm âm, tuần tự giảng nói cho bà-la-môn nghe về đời sống của một sa-môn từ khi cạo bỏ râu tóc, xuất gia, sống đời không gia đình, một bát, ba y xin ăn từ cửa mọi nhà không phân biệt giàu nghèo, sang hèn như thế nào. Ăn, mặc ngủ phải vừa đủ. Vị tỳ khuru ấy phải thọ trì những điều học, luật nghi như thế nào, giới nhỏ, giới lớn như thế nào. Rừng, cội cây, nghĩa địa, ngôi nhà trống, động vắng, miếu hoang... là chỗ ẩn cư lý tưởng để tu tập

thiền định, các tầng thiền định từ thấp lên cao, từ thô đến tế. Khi nội tâm đã thuần tĩnh, đã nhất như, đã làm sạch tất cả mọi cấu bợn, vị ấy bước qua tu tập thiền quán, nhìn ngắm, quan sát, theo dõi, để nhìn đúng thực tướng của các pháp, vượt qua tất cả mọi phạm trù ý niệm và khái niệm. Phải miên mật, tinh cần, công phu ngày đêm mới mong có được tuệ nhãn như thực tánh, có được trí tuệ tối hậu, chấm dứt tất cả khổ, giải thoát vô lượng ách phược đeo mang trên trần thế. Vậy này, trưởng lão bà-la-môn! Đây là lộ trình giới, ấy là lộ trình định, ấy là lộ trình tuệ trong giáo pháp của bậc thánh; chỉ hiện hữu trong giáo hội của Như Lai, không có mặt ở đâu trên cõi đời này, trong các tôn giáo khác!

- Ôi, nhiều khê đến vậy, sâu xa đến vậy, thừa sa-môn Gotama! Nhưng lộ trình ấy, trong giáo hội cao thượng này, có được mấy người đi đến nơi đến chốn?

- Đúng nói một, hai người, trăm người, mà phải nói là cả ngàn, cả hàng ngàn đệ tử của Như Lai, xuất gia và tại gia đạt được các quả vị và giải thoát tối hậu. Trong số họ, còn biết bao nhiêu là người chứng được thắng trí một thông, hai thông, ba thông, bốn thông, năm thông, đệ nhất biện tài, đệ nhất phân tích, đệ nhất đầu-đà, đệ nhất độc cư, đệ nhất trí tuệ, đệ nhất được chư thiên ái kính, đệ nhất ngôn ngữ, đệ nhất trì luật, đệ nhất thiền định... thật không kể xiết đâu!

Bà-la-môn nghe đến rộn ngợp nhưng lòng ông hoan hỷ, mát mẻ; ông thú nhận là mắt ông đã được sáng, đã được vén lớp mây mù... nên ông xin được quy y Tam Bảo, được làm một người thiện nam từ nay cho đến trọn đời.

Đức Phật biết được tâm địa nhu thuận, quy hướng của bà-la-môn Soṇadaṇḍa nên làm lễ quy y cho ông. Và sau đó, ngài im lặng nhận lời, cùng với đại chúng, ngày mai đến trang viên của ông để nhận sự đặt bát cúng dường của gia chủ.

Dịp này, sau khi thọ trai, đức Phật còn thuyết cho bà-la-

môn một thời pháp nữa, nói về bốn phận của một gia chủ, bốn phận của một bậc trưởng giáo, bốn phận của một cư sĩ trong việc mưu cầu an lạc, hạnh phúc cho mình và cho mọi người. Ngài cũng giảng nói đến, tuần tự, thứ lớp những an lạc hạnh phúc cao hơn, các cảnh trời và sự thanh bình nội tâm của các tầng thiên định...

Trước khi tiễn đức Phật và tăng chúng ra về, ông bắc một chiếc ghế thấp, ngồi xuống một bên, chấp tay thành kính, tâm sự:

- Bạch đức Thế Tôn! Hiện giờ đệ tử là trưởng giáo, là bậc thầy của nhiều người; và miếng cơm, manh áo cũng được phát sanh từ đây. Đệ tử đang sống trong thế giới cát bụi, phải đeo mang những hư vị, những danh vọng hão huyền, đành phải tuân thủ những quy ước của thế gian. Vậy, sau này, lúc nào, trong hội chúng, gặp đức Tôn Sư, đệ tử chấp tay vái chào, đấy là cái lễ thành kính của đệ tử. Lúc nào, gặp đức Tôn Sư, giữa hội chúng, đệ tử tháo khăn đầu, đấy là đệ tử đã kính lễ với cái đầu của đệ tử. Khi nào, giữa hội chúng, khi đệ tử đi trên xe, gặp đức Tôn Sư, đệ tử sẽ hạ cán roi xuống, đấy là sự kính lễ của đệ tử...

Đức Phật mỉm cười:

- Ủ, Như Lai sẽ giữ thể diện cho ông; danh tiếng ông mà bị tổn giảm thì mọi vinh quang liên hệ trên cuộc đời đều phải bị tổn giảm theo. Tuy nhiên, Như Lai hy vọng rằng, đến một lúc nào đó, chính ông sẽ thấy rõ như thực rằng, tất cả chúng đều là phù phiếm, thoáng qua, vô ngã, vô thường, như đóm nắng, như giọt sương, như giấc mộng đêm qua mà thôi vậy!

- Nhất định như thế rồi, bạch đức Tôn Sư!

- Khi nào thấy được các pháp hữu vi đều vô ngã thì ông sẽ rộng không muôn sự, không có gì phải bảo vệ, không có gì để gìn giữ, này trưởng lão!

- Tri ân Thế Tôn!

THẾ NÀO LÀ MỘT BÀ-LA-MÔN CHÂN CHÍNH?

Bà-la-môn Soṇadaṇḍa đăm đăm nhìn theo bóng đức Phật như nhìn theo một cái gì linh thiêng. Ông kính trọng, yêu thương những gót chân xuất thế xiết bao, nhưng chính ông lại chưa thể đi theo được. Đôi mắt ông chợt đọng long lanh hai giọt sương, nhìn cho kỹ, trong đó phản ảnh một bầu trời trong vắt!

Bà Phu Nhân Xinh Đẹp

Đức Phật trở lại Veḷuvanārāma khi trời đang còn tiết xuân trong lành và mát mẻ. Thoáng nhìn quang cảnh đó đây, ngài biết là có một vài dấu hiệu sa sút về chất lượng, phẩm hạnh của một số đông tỳ-khuru sau khi vắng ngài cũng như thiếu vắng những bậc thượng thủ A-la-hán.

Tuy nhiên, công việc chấn chỉnh nội bộ cũng không có gì cần được nhắc đến vì tôn giả Sāriputta và Ānanda đã lo việc ấy. Còn đức Phật thì hầu như phải thường xuyên thuyết pháp vào mỗi buổi chiều vì hai hàng cư sĩ rất khát khao học hỏi. Kết quả thật đáng ngạc nhiên là rất nhiều nam cư sĩ, nữ cư sĩ đắc quả Nhập Lưu. Đặc biệt có một trưởng giả tên là Visākha đắc quả Bất Lai!

Cuối buổi giảng, đức Phật nói với đại chúng:

- Hôm nay Như Lai rất vui mừng vì khá nhiều người đã bước vào dòng bất tử; lại còn có người đạt được quả vị bất thối... Từ đây, lộ trình của họ là lộ trình của an lạc và hạnh phúc, không bao giờ còn rơi đọa vào bốn con đường đau khổ nữa!

Sau lời tuyên bố của đức Phật, số cư sĩ ấy chột đứng dậy, đến đánh lễ gần bên chân đức Phật với niềm vui tươi mới, có kẻ sụt sùi nước mắt. Riêng trưởng giả Visākha thì

muốn xin xuất gia.

- Chưa phải lúc, này Visākha! Đức Phật nói - Đúng thời, Như Lai sẽ để cho ông tròn sở nguyện. Hiện tại, ông có pháp học vững chắc, tròn đủ tín, giới, văn, thí, tuệ - nên trong hình tướng cư sĩ, ông còn đem đến lợi ích rất nhiều cho gia đình, bà con quyến thuộc cũng như bè bạn gần xa.

Về nhà, trưởng giả Visākha lặng lẽ bước lên lầu, tìm chỗ yên tĩnh tọa thiền. Đến giờ cơm chiều, phu nhân xinh đẹp của ông là bà Dhammadinnā dịu dàng đến bên, đặt tay lên vai, âu yếm nói:

- Đến giờ cơm rồi, thưa phu quân! Đợi giấc tối, giấc khuya hãy tiếp tục công phu.

Xả thiền, trưởng giả Visākha nhẹ nhàng nắm tay bà đặt ra ngoài rồi ân cần nói:

- Bắt đầu từ hôm nay, ta hoàn toàn không muốn nắm bàn tay xinh đẹp của nàng nữa; xin nàng hãy thông cảm cho ta.

- Chàng ghê sợ bàn tay của thiếp sao?

- Không phải vậy! Rồi ta sẽ nói chuyện với nàng sau.

Yên lặng một lát, bà Dhammadinnā nói:

- Thôi, bây giờ đi rửa mặt, rửa tay rồi xuống dùng cơm; cả nhà đang đợi.

- Cũng không cần thiết phải ăn nữa! Ăn một bữa là đủ nuôi sống cái thân rồi.

Lại yên lặng.

- Hay thiếp đã có làm việc gì sai trái, có lỗi với chàng?

- Không, không có! Trưởng giả Visākha lắc đầu - Nàng là người đàn bà tài sắc vẹn toàn; và còn hơn thế nữa, còn cả giới hạnh và đức độ mà người ở gái xấu tính nhất cũng kính yêu và cảm mến.

- Đừng nói lời rào đón hoa hương ngọt mật như vậy nữa

- Bà Dhammadinnā giận dữ - Hay là chàng chán thiếp rồi, chán cái thân xác núc ních đã chảy tràn những thịt và mỡ và nơi nào cũng đầy đầy những xú uế và bất tịnh này?

Trưởng giả quay sang nhìn bà vợ yêu quý, thô lộ, tâm sự:

- Nàng đừng nói hơi quá như vậy nó làm rơi mất nghĩa tình tốt đẹp bấy nay. Ta không có lỗi mà nàng cũng không có lỗi. Ta nói thật cho nàng nghe. Số là sáng nay nghe được pháp từ đức Đạo Sư, tâm trí ta đã chìm vào rất sâu với giáo pháp. Nói rõ hơn là ta hiện đang sống, hiện đang thờ với giáo pháp ấy. Trạng thái tinh thần của ta hiện nay chỉ khế hợp với cái gì thanh lương, cao sáng, tĩnh lặng. Ở đây, nó không còn có chỗ cho những tình cảm vợ chồng, nhu cầu bản năng thân xác cũng như những cái gì thuộc dục lạc ngũ trần...

Bà Dhammadinnā yên tĩnh, chăm chú lắng nghe.

Trưởng giả Visākha tiếp tục:

- Vậy, cái duyên tơ tóc mặn nồng của chúng ta từ nay nên gác lại. Tài sản mấy trăm triệu đồng tiền vàng - ta để lại hầu hết cho nàng, cứ tùy nghi sử dụng. Ta chỉ cần một phần năm tài sản ấy để nuôi thân và bố thí, cúng dường cho đến khi đủ duyên xuất gia mà thôi. Nàng có thể cai quản gia sản, tùy ý. Nàng có thể lấy hết mang về nhà cha mẹ, cũng tùy ý. Nàng có thể lấy một tấm chồng khác, cũng tùy ý luôn! Thú thật với nàng là nàng còn trẻ, còn đẹp; hơn thế nữa, cái nữ tính đậm thắm, dịu dàng của nàng còn lôi cuốn, hấp dẫn biết bao nhiêu bậc vương tôn, công tử trên đời này! Đừng vì tự ái vắn vơ mà nói những lời làm trái tim của ta đau xót...

Bà Dhammadinnā chột cất giọng ráo hoảnh:

- Chàng nói đã xong chưa?

- Xong rồi!

- Vậy thì cho thiếp được phát biểu chính kiến, được chẳng?

- Sẵn sàng!

- Vậy thì sau khi liễu ngộ giáo pháp, sống từng hơi thở với giáo pháp chàng cảm thấy người vợ đầu gối tay ấp của

mình, gia sản mấy trăm triệu đồng tiền vàng của mình, đều là vật ngoại thân, là thứ không nên dính mắc, quyến niệm; nói rõ hơn là đáng vứt bỏ, quăng bỏ, có phải thế chẳng?

Trưởng giả Visākha nhìn sâu vào mắt bà:

- Về gia sản thì đúng vậy!

Bà Dhammadinnā cất giọng cứng cỏi:

- Đáng quăng bỏ có nghĩa là cái mà chàng đã bỏ đi, đã mưa ra thì xin nói thẳng, thiếp cũng cương quyết không nhận những vật mà chàng đã bỏ đi, không nuốt những vật mà chàng đã mưa ra!

Trưởng giả Visākha sững sờ:

- Ý nàg như thế nào?

- Chàng hãy cho thiếp được xuất gia!

Trưởng giả Visākha tưởng tai mình nghe lầm:

- Nàg nói sao?

- Chàng quăng bỏ được thì thiếp cũng quăng bỏ được! Hãy cho thiếp xuất gia.

Trưởng giả Visākha lạng người vì hoan hỷ! Cái hoan hỷ nó chảy rần rần như mọc ốc cả người, nghẹn ngào chưa nói được lời nào thì bà Dhammadinnā có vẻ trầm tư, xa vắng rồi cất giọng thủ thỉ:

- Đã lâu lắm rồi, thưa phu quân! Kể từ khi gá nghĩa, se duyên cùng chàng, thiếp sống rất hạnh phúc. Hạnh phúc vì có được người chồng tốt: tốt tướng, tốt nét, tốt bởi tâm đại lượng, tốt trong thái độ khu xử và tốt cả những ngôn lời nhã nhặn, lịch thiệp, dịu dàng... Chẳng có người đàn bà nào gặp được phúc duyên trọn hảo, tuyệt mỹ như thế. Tuy nhiên, có một cái cảm giác, ồ không, là một cảm thức lúc nào nó cũng chồn vờn, mơ hồ như sương như khói; rằng là, đây là kiếp sống ăn gỏi, ở nhờ, tạm bợ và phù du. Có cái gì đó không chắc thật, không vững bền. Dường như là phải có một thế giới khác, một cảnh giới khác, nó rất thân thuộc, lại nằm sâu đâu đó trong ký ức xa xăm! Có một tiếng gọi. Có một tiếng

gọi dò từ bên kia sông vắng lại. Có một cánh tay đưa vẫy đầu đó ở cuối con đường, bên kia dốc núi! Đã có nhiều đêm, nhiều đêm thiếp đã thao thức, thao thức một cõi về vịnh cửu nào đó, mà thiếp không dám thổ lộ với ai, kể cả chàng, thưa phu quân!

- Đúng, rất đúng! Chính ta trước đây, đôi lúc cũng có cảm giác như vậy, cảm thức mơ hồ như vậy!

- Hay là nhiều kiếp trước đây, đâu từ xa xăm, chúng ta đã từng sống đời xuất gia phạm hạnh? Và những cảm thức kia là những nhắc nhở để trở về, đừng có lang thang, phiêu dạt nữa?

- Cảm ân phu nhân! Và chợt như mới phát hiện, trưởng giả Visākha nhận xét - Thật là kỳ lạ! Sống đã lâu với nàng, mà cho đến hôm nay, ta mới phát giác là nàng nói hay quá. Hay ở ngôn ngữ, hay ở cung bậc, nhịp độ và hay ở âm thanh truyền cảm nữa! Đúng là nàng phải xuất gia mới tỏ lộ hết đạo hạnh, trí tuệ và tài năng!

Bà Dhammadinnā vui mừng nói:

- Cảm ân phu quân!

Ngày ngày hôm sau thôi, trưởng giả Visākha hoan hỷ đưa vị phu nhân xinh đẹp của mình, bà Dhammadinnā đến Ni viện trên cái kiệu vàng. Đức vua Seniya Bimbisāra hay tin chuyện hy hữu nên đã cùng bà chánh hậu Videhi và hoàng tử A-xà-thế cùng đến dự lễ.

Đức Thế Tôn đã biết chuyện này nên đã cùng các vị trưởng lão sang chứng minh và cho bà thọ cụ túc giới trước khá đông đủ Tăng ni hai viện. Trưởng giả Visākha làm thí chủ buổi lễ; và sau đó, đặt bát cúng dường Tăng ni lưỡng viện suốt một tuần lễ. Cũng suốt một tuần lễ ấy, đức Phật và các vị trưởng lão thay nhau thuyết pháp, đôi ngày lần sang cả đêm vì nhu cầu nghe pháp quá đông. Rải rác trong thời gian ấy, khá đông các công nương, các cô tiểu thư, các cô gái đủ mọi thành phần trong xã hội xin xuất gia tỳ-khưu-ni.

Trong số họ, sau này, có nhiều bậc trượng ni làm nơi y chỉ vững chắc cho Ni chúng!

Chuyện bà phu nhân xinh đẹp đột ngột quẳng bỏ tài sản, không nuốt vật đã mưa ra là mấy trăm triệu đồng tiền vàng để xin xuất gia, trong lúc ông chồng, trưởng giả Visākha, được đức Phật ngầm xác chứng đắc quả Bất Lai lại chưa được đức Phật cho phép đi theo giáo hội, được Tăng ni bàn tán thảo luận nơi này và nơi khác.

Hôm kia, có mặt đầy đủ Tăng ni hai viện, hai hàng cư sĩ áo trắng, cả đức vua Bimbisāra, đức Phật thấy là phải thời, nên vén mở bức màn quá khứ:

“- Bà Dhammadinnā từ thời Phật Padumuttara là một cô ở gái nghèo hèn, hôm ấy đi múc nước, trông thấy tướng hảo thanh tịnh của trưởng lão Sujāta - đại đệ tử của đức Phật - phát tâm hoan hỷ cúng dường một chiếc bánh ngọt. Thấy căn duyên sau này của cô gái, trưởng lão đã ngồi xuống và thọ dụng chiếc bánh ngay tại chỗ. Cô vô cùng sung sướng, thỉnh ngài về nhà và đặt thêm vật thực cúng dường nữa. Ông bà chủ thấy tính hạnh của cô gái, rất vừa lòng nên đã chọn nhận cô làm con dâu trong gia đình. Sau đó, cô thường cùng với cả gia đình đi nghe đức Phật Padumuttara thuyết pháp. Trong một lần cúng dường lớn đến đức Phật và chư tăng, lúc ngài đang tuyên dương một vị tỳ-khưu-ni tối thắng đệ nhất về hạnh thuyết pháp, hoan hỷ quá, cô thầm nguyện sau này mình cũng sẽ được như vậy. Biết tâm tư của cô gái, đức Phật Padumuttara đã thọ ký cho cô sẽ thành đạt nguyện vọng ấy vào thời đức Phật Sākya Gotama, chính là Như Lai hiện nay. Vào thời đức Phật Kassapa, cô gái sinh vào gia đình hoàng tộc, tại Bāraṇāsī, công chúa con vua Kikī, tên là Sudhamma. Họ có bảy chị em. Cô trưởng công chúa thuở trước, bây giờ là tỳ-khưu-ni Khemā. Cô công chúa út, chính là cô bé Visākhā, tại Bhaddiya, mới bảy tuổi đã đắc quả Nhập Lưu. Còn cô công chúa thứ sáu, chính là tỳ-khưu-ni

Dhammadinnā mà sau này, theo với ước nguyện cũ đã được đức Phật Padumuttara thọ ký, sẽ trở thành một vị tỳ-khưu-ni tối thắng đệ nhất về hạnh thuyết pháp trong hàng Ni chúng”.

Thuyết đến ngang đây, đức Phật mỉm cười:

- Này, tỳ-khưu Dhammadinnā! Cô có nhớ ước nguyện cũ khi quỳ bên chân đức Phật Padumuttara không?

Vị tân tỳ-khưu-ni cúi đầu, đáp lí nhí:

- Dạ, đệ tử do quá khứ che ám nên không nhớ gì, không biết gì cả, bạch đức Tôn Sư!

- Là hạnh đệ nhất về thuyết pháp đây! Vậy hãy cố gắng mà nghe pháp, suy tư pháp, chiêm nghiệm pháp - kết hợp với công phu nghiêm túc hành trì, tu tập rồi đến lúc cô sẽ thỏa được ước nguyện.

- Tâu vâng, bạch đức Thế Tôn!

Chợt đức Phật hỏi giữa hội trường:

- Tỳ-khưu-ni Khemā, con gái của Như Lai đâu rồi!

Đại chúng hoảng kinh, vì khi đức Phật gọi con trai hay con gái là ngài đã xác chứng vị ấy đã đắc quả A-la-hán rồi. Nên khi tỳ-khưu-ni Khemā bước ra, ai cũng chăm chú nhìn. Trước đây, bà nổi tiếng về sắc đẹp; bây giờ, dầu mặc y hoại sắc, phá tướng nhưng nét kiêu diễm, duyên dáng xưa vẫn không phai mờ. Trong mắt một số người, thì bây giờ, cái đẹp ấy được phủ bên ngoài một lớp đức hạnh và trí tuệ nữa, nên đã vượt xa phàm sắc thế tình, thiêng liêng và mỹ toàn hơn!

Riêng đức vua Bimbisāra thì cảm giác một hạnh phúc tràn đầy, chât ngất!

Đức Phật hỏi:

- Vào thời đức Phật Kassapa, cô là trưởng công chúa, con của đức vua Kikī, cô đã nhớ chưa?

- Bạch, đệ tử nhớ rồi!

- Vị tân tỳ-khưu-ni Dhammadinnā, cũng là công chúa, em gái thứ sáu của cô, cô vẫn còn nhớ chứ?

- Bạch, đệ tử nhớ. Đệ tử còn nhớ cô em gái út mà bây giờ là cô bé Visākhā nữa. Ngoài ra, đệ tử còn biết rằng, bốn cô em còn lại, trước sau cũng tao ngộ chánh pháp.

- Như Lai xác nhận như vậy! Và như để tuyên dương công hạnh của tỳ-khưu-ni Khemā, đức Phật hỏi tiếp - Mấy năm nay, con gái tu tập ra sao?

- Bạch Thế Tôn! Có lẽ do duyên phúc cổ xưa dày dặn nên sau khi xuất gia xong, đệ tử tìm cách thích ứng ngay với hoàn cảnh mới, đời sống mới. Hãy thôi đi thương vị loại cứng loại mềm. Hãy thôi đi xiêm lụa mịn màng, thơm tho với chất liệu và đo may tuyệt hảo. Hãy thôi đi giường nệm, gối kê, gối đỡ êm ái, cao sang. Hãy thôi đi tới lui xe ngựa kẻ hầu người đón, kẻ quạt, người nâng! Hãy thôi đi vào ra kiêu cách, quý phái tự khoe, tự hào về sắc đẹp của mình! Từ rày, ăn, mặc, ngủ gì cũng được, gì cũng xong! Tuy ban đầu thật là khó khăn, vất vả; nhưng cứ cố gắng, cố gắng, cứ tâm niệm mãi, riết rồi cũng quen, cũng vô vi, vô sự như ai! Khi đã thích ứng được rồi thì có được niềm vui tinh thần vô cùng lớn lao! Niềm vui này nó rất nhẹ nhàng, rất thanh khiết, nó lâng lâng hỷ lạc cả ngày! Hôm kia, vào khoảng tháng thứ bảy sau khi xuất gia, đệ tử nhìn ngọn đèn dầu lạc với tim và bắc, nó cháy sáng như thế nào rồi dần dần lụi tắt như thế nào. Dựa trên nền tảng có điều kiện, sinh diệt ấy; đệ tử quán tưởng cái thân được kết hợp hữu vi này. Từ đó, đệ tử đi sâu vào cảm thọ, tâm hành... thì thấy chúng cũng rỗng không, sinh diệt, vô tự tính. Khi thấy rõ danh sắc sinh diệt quá nhanh đệ tử bắt đầu nhằm chán các dục, các ái - chứng nghiệm sâu xa các trạng thái vắng lặng, tịch tịnh, thanh bình của tâm trí. Ôi! Quả thật là hạnh phúc! Rồi cũng từ đấy, đệ tử dễ dàng đi sâu vào định, vào tuệ, vào tuệ phân tích cùng các thắng trí! Thế là việc lớn, đệ tử đã làm xong, gánh nặng tử sinh đệ tử đã đặt xuống, bạch đức Thế Tôn!

Chợt đức Phật nói với tôn giả Sāriputta:

- Con gái của Như Lai đã nói lên sự tu tập của mình, định, tuệ, tuệ phân tích và các thắng trí, vậy ông có cách gì để cho đại chúng được thấy, được biết là con gái của Như Lai đã thuần thục trong các định, tuệ, đắc tứ vô ngại giải và tự mình thành thục, thông suốt cả Abhidhamma (A-tỳ-đàm)?

- Thưa vâng, bạch đức Thế Tôn!

Thế rồi, bậc Tướng quân Chánh pháp bước ra, mỉm cười, nhẹ nhàng đặt ba câu hỏi về sắc, ba câu hỏi về danh, ba câu hỏi về uẩn, ba câu hỏi về xứ, ba câu hỏi về giới, ba câu hỏi về tâm, ba câu hỏi về tâm sở, ba câu hỏi về sắc pháp, ba câu hỏi về Niết-bàn. Câu hỏi nào cũng ngắn gọn nhưng trọng lượng cả ngàn cân. Câu hỏi nào cũng hàm tàng kiến thức về giáo pháp nhưng nghiêng trọng ở kinh nghiệm, thực nghiệm tu chứng nội tâm. Cả pháp đường yên lặng phăng phắc. Một con ruồi bay cũng nghe được tiếng vo ve. Rồi tuần tự, trầm tĩnh và chín chắn, tỳ-khuru-ni Khemā lần lượt trả lời, giải minh; không bập bẹ, không phều phào, không áp úng, không gián đoạn mà nó lưu loát, gãy gọn, sáng sủa, liền lạc. Nó trôi chảy như lượng nước của trăm con sông dài. Cũng không chỉ có vậy, nó như nước chảy ra tự nguồn, cái nguồn suối trong vắt được tích lũy đâu tự ngàn xưa. Như sợi dây đàn căng đúng độ, chỉ cần một va động nhẹ là phát ra âm thanh tuyệt hảo... Tỳ-khuru-ni Khemā đã trả lời xong tất thảy mọi câu hỏi.

Tôn giả Sāriputta sau khi khảo nghiệm, đưa ra kết quả:

- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử không hỏi về thắng trí vì biết vị tỳ-khuru-ni ưu hạng này đã có đủ sáu thông. Còn về Tứ vô ngại giải và thông suốt Abhidhamma, đệ tử dám tuyên bố là trong hàng Ni chúng chưa có người thứ hai!

Đức Phật tán thán:

- Đúng là vậy! Quả là hy hữu thay! Này con gái! Lời nguyện xưa, khi quỳ bên chân đức Chánh Đẳng Giác Padumuttara, cô đã thành tựu rồi đây. Trước hội chúng Tăng

ni và cư sĩ hai hàng, hôm nay, Như Lai tuyên bố, tỳ-khưu-ni Khemā là bậc đệ nhất, tối thắng về trí tuệ trong hàng Ni chúng!

Không có vinh hạnh nào hơn, vinh quang nào hơn - khi lời tuyên bố ấy được nói ra từ đức Chánh Đẳng Giác!

Đức vua Seniya Bimbisāra chợt thực hiện một hành động rất đẹp, là sau lời tuyên bố của đức Phật, ông đã bước ra từ chỗ ngồi danh dự, đến đánh lễ đức Phật với năm vóc sát đất. Rồi ông cũng làm như thế trước tỳ-khưu-ni Khemā với thái độ vô cùng tôn kính, chậm rãi nói rằng:

- Trước đây, nàng là bà hoàng, là bậc quý phi vô cùng trân quý của trăm, nhưng nay thì khác rồi! Nay thì nàng đã là bậc xuất gia phạm hạnh, còn là bậc đệ nhất về trí tuệ qua xác chứng của đức Tôn Sư và bậc Tướng quân Chánh pháp! Vậy, từ rày về sau, trăm với tâm phục, khẩu phục xin làm bốn phận của một đệ tử, một thiện nam ngoan ngoãn và thuần thành nhất!

Cả giảng đường lớn rộng rộ lên lời tán thán, ca ngợi không ngớt, lâu sau mới yên lặng được.

Đức Phật nói lời cuối cùng, khép lại buổi giảng:

- Vậy là đã rõ, ở đây cũng là duyên xưa lồi cũ nữa! Nhân, duyên và quả ấy thật là sâu thẳm, thật là nhiệm mầu. Hãy ngắm mà xem! Thế ra, đôi khi chỉ một cành hoa, một tí bột hương, một miếng cơm, một muống canh, một cái bánh ngọt, một cây kim, một sợi chỉ, một ngọn đèn, một hình bóng y vàng thoáng qua, một khung cảnh thanh tịnh của am môn, một lời kinh, một câu pháp, một tình, một nghĩa... đã gieo ươm ở đâu đó, trong chợt thoáng nào đó, trong một kiếp phù du trôi nổi bọt bèo nào đó mà chúng có mất đi đâu! Tất thấy, tất thấy hăng sa vạn tượng, khi một nhân đã gieo, một duyên hỗ trợ, đã gặp gỡ, đã gắn kết... thì nó sẽ trùng trùng duyên khởi, duyên sở duyên... để trước sau, sớm muộn cũng tạo ngộ chánh pháp, đặt được bàn chân bất tử trong

giáo pháp của chư Chánh Đẳng Giác! Các người hãy ghi tâm, khắc cốt lời của Như Lai hôm nay.

Cả pháp đường vang lên “Sādhu, lành thay!”.

Bài Học Về Vườn

Lâu quá, đức Phật chưa ghé thăm khu vườn xoài của Jīvaka và núi Linh Thứu. Hôm ấy, sau khi đi trì bình khát thực ở Vương Xá, đức Phật chậm rãi bộ hành nhắm theo hướng nam, đi mãi ra ngoài ô, đến vườn xoài của thánh y Jīvaka. Rải rác đây đó có một số cốc liêu mà trước đây thánh y Jīvaka đã dâng cúng. Chư tăng ở nơi này thấy đức Phật đột ngột xuất hiện, họ đến tiếp bát, dâng nước rửa tay và chân, dọn dẹp và sắp xếp một chỗ tươm tất và sạch sẽ nhất để ngài an tọa.

Độ thực xong, đức Phật lựa tìm một gốc cây để tĩnh chỉ vào buổi trưa. Đến giờ phải lễ, đức Phật bước ra ngoài vườn thuốc, đứng nhìn ngắm hàng trăm loại cây loại lá mà thánh y Jīvaka đã thuê người chăm sóc, tưới tắm, vun quén công phu. Đức Phật ngồi xuống nơi một bụi cây, thò tay nắm và nâng lên một cành, hỏi vu vơ:

- Ai biết cây thuốc này chữa bệnh gì?

Có vị tỳ-khưu đáp:

- Đốt lên và xông khói, nó trị bệnh viêm xoan mũi, bạch đức Thế Tôn!

Đức Phật đưa tay chỉ cây khác, nằm trong luống khác:

- Cây kia dường như trị cảm, phải chăng?

- Tàu vàng!

Rồi tuần tự, đức Phật bước đi quanh một vòng vườn thuốc, tay sờ lá này, tay đụng nhánh kia... để hỏi chữa bệnh gì, chữa bệnh gì... Trong số chư vị tỳ-khưu đi theo, có người biết về thuốc nên họ lần lượt trả lời, nào là trị ho, tiêu đờm, ngăn tả lỵ, chữa chứng đầy hơi, sáng mắt, trị đau bụng quặn...

Trở về chỗ ngồi đã được soạn sẵn, đức Phật nói:

- Nay các thầy tỳ-khưu! Giáo pháp Như Lai cũng là một vườn thuốc như vườn thuốc của Jīvaka vậy. Các thầy hãy nghe để Như Lai giảng nói.

Thế rồi, đức Phật đã thuyết với đại ý như sau:

- Nay các thầy tỳ-khưu! Khu vườn này thật là đẹp. Cây lá tươi xanh, các lối đi, quanh các gốc cây đều được dọn dẹp sạch cỏ và rác; những cành khô, nhánh yếu, nhánh gầy đều được cắt tỉa thông thoáng, công phu. Hoa nở rộ, lác đác những chùm trái bắt đầu xuất hiện; hứa hẹn một mùa trái bội thu! Các thầy có biết tại sao được như thế không?

Một số vị đã trả lời:

- Nhờ đất tốt.

- Nhờ giống tốt do đã được chọn lựa kỹ càng.

- Nhờ phân nước và công chăm sóc.

- Nhờ thời tiết nắng mưa thuận lợi

- Nhờ biết cách cắt tỉa nhánh cành, sạch cỏ, sạch rác...

Một vị tỳ-khưu trước đây là người làm vườn, từng chăm sóc khu vườn này cho thánh y Jīvaka, mỉm cười nói:

- Cộng lại tất cả những điều kiện ấy là chúng ta đã có một khu vườn xoài tươi tốt. Tuy nhiên, có một yếu tố quyết định làm cho ngôi vườn này sây quả, vượt trội các nơi khác, ấy là yếu tố tâm, là tâm lòng, là có cái tâm thương yêu, cảm ứng vào đất nữa, bạch đức Thế Tôn!

- Hay thay là yếu tố tâm! Đức Phật khen ngợi, đưa mắt

một vòng, ngài nói tiếp - Vậy, ai có ý kiến gì về khu vườn của mình nữa không?

- Dạ thưa có, bạch đức Thế Tôn! Mảnh đất tốt chính là đức tin, có đức tin vững vàng rồi ta sẽ trồng cây giống tốt lên trên ấy. Cây giống tốt chính là tất cả mọi thiện pháp. Phân và nước chính là những công phu hành trì để tưới tắm thêm cho những thiện pháp ấy. Công chăm sóc chính là nỗ lực, tinh cần, cố gắng, chăm chuyên tu tập đừng có lười biếng, dễ duôi, giải đãi. Thời tiết nắng mưa thuận lợi chính là tạo thêm những duyên lành; duyên lành ấy có thể là nghe pháp, có thể là lựa chọn bạn lành, tìm trú xứ thích hợp như núi rừng, hang động, xa chốn thị thành huyên náo; gần gũi thiện hữu trí thức, tu tập tứ vô lượng tâm... Biết cắt tỉa những cành nhánh vô dụng, khô cỗi chính là trí tuệ; bởi trí tuệ có khả năng cắt bỏ, đốn bỏ, đoạn lìa những gai chướng, những trở ngại; biết dọn sạch cỏ rác ở trong tâm. Đây chính là khu vườn của những tỳ-khuru biết tu tập, bạch đức Thế Tôn!

- Khá lắm! Đức Phật khen ngợi - Ai có thể nghe được khu vườn này nói với chúng ta điều gì nữa không?

Mọi người im lặng. Đức Phật dạy tiếp:

- Một vị tỳ-khuru tu tập trong giáo pháp của Như Lai cũng phải biết cách săn sóc một khu vườn xoài tương tự như thế mới đạt được thành tựu cuối cùng: cứu cánh của sa-môn hạnh. Nếu khu vườn cho ta thâm hái một mùa bội thu thì thầy tỳ-khuru cũng thâm hái được tứ quả và tứ thánh! Vậy thì các thầy hãy chú tâm lắng nghe, Như Lai sẽ thuyết giảng thêm chút nữa, cũng về ngôi vườn ấy nhưng được nói theo hình tượng khác, ngữ nghĩa khác.

Này các thầy tỳ-khuru! Đức Phật nói tiếp - Giáo pháp của Như Lai có mặt giữa cuộc đời là giáo pháp của trí tuệ và từ bi; nói cách khác là một giáo pháp y cứ trên sự thật, sự thấy biết sáng suốt minh nhiên mà nói ra, mà giảng thuyết. Giảng

thuyết cho ai? Cho bất cứ ai có tai để nghe, có trí để tìm hiểu. Giáo pháp ấy được quảng bá nơi này và nơi kia là bởi tấm lòng đối với cuộc đời, bởi tình thương quảng đại, vô vị lợi, là bởi những tâm từ vô lượng mong cho tất thảy chúng sanh đều được nghe pháp, biết tu tập để lắng dịu khổ đau, phiền não, đem hạnh phúc, an vui đến cho mình. Và quả thật đấy là mảnh đất rất tốt. Tuy nhiên, mảnh đất tốt thì phải có hạt giống tốt được chọn lựa kỹ càng. Cái giống tốt ấy chính là những người hữu duyên với giáo pháp, có căn cơ sâu dày sẵn ví như những con trai của Như Lai! Còn nữa, ở đây có những vị tỳ-khưu có mầm giống tốt, tức là có căn duyên từ nhiều đời kiếp, gặp được mảnh đất tốt, được xuất gia trong giáo pháp này. Nhưng người mới được xuất gia ấy, phải làm như thế nào để cho lộ trình phạm hạnh của mình được thông suốt, sự tu tập mau tiến bộ, phát triển và thăng hoa? Đấy có phải là phân và nước cho cái cây kia không?

Một người đáp:

- Thừa phải! Như vậy, phân nước theo nghĩa rộng, chính là đức tin, có giới hạnh, biết nghe pháp, biết học hỏi, biết chiêm nghiệm...

Một người bổ túc:

- Ủ, đúng đấy! Nhưng còn thiếu! Nếu có tín, giới, vãng, tư mà không có pháp để hành trì, không có đề mục tu tập phù hợp với căn duyên, tâm tánh mình thì làm sao mà thành tựu được?

- Đúng vậy! Một người thêm ý kiến - Nói chung là tất thảy mọi thiện pháp...

Đức Phật thuyết giảng tiếp:

- Mảnh đất tốt, cây giống tốt cũng có nghĩa là những cây cỏ, những lùm bụi cũng theo đó mà mọc lên, những cành nhánh ăn theo cũng theo đó mà phát triển. Vậy, người có trí phải biết đốn bỏ những cây si, cây sân, cành tham, lùm bụi

gai độc chúng cũng cộng cư, hỗn cư ở đây nữa! Tất cả mọi duyên lành hỗ trợ từ bạn lành, trú xứ, tri túc trong vật thực, y áo, sàng tọa, thuốc men sẽ làm cho các bất thiện pháp khó phát sanh.

Đưa mắt nhìn một vòng, đức Phật cất giọng từ hòa:

- Các thầy lựa chọn trú xứ ở nơi này, với những hiểu biết, liên tưởng về khu vườn như vậy là đúng đắn, là chánh đáng. Hãy học những đức tính của khu vườn! Hãy nỗ lực, tinh cần để khu vườn kia được xanh tươi cây lá, sum suê hoa quả Tứ Thánh!

Bạc Chư Thiên Ái Kính

Rời vườn xoài, đức Phật nhắm hướng núi Linh Thứu, có một số đông tỳ-khưu tháp tùng. Chậm rãi từng bước một, ngài đưa mắt ngắm nhìn quang cảnh núi non tịch lặng, thanh bình. Mùa xuân, cỏ cây tươi xanh, phơi phới, suối chảy róc rách, mây nước trong lành... Hóa ra có rất đông tỳ-khưu đã tìm đến đây ẩn cư trong các hang động hoặc các cốc liêu sơ sài, rải rác dọc theo các triền núi, bờ khe...

Buổi chiều, sau khi xuất định, đức Phật rời hang động, ngồi trên một tảng đá bằng phẳng nằm dưới tán cây che im mát, rồi giáo giới chư tỳ-khưu ở xung quanh đến thăm. Trong câu chuyện, đức Phật tỏ ý khen ngợi hạnh độc cư, an tĩnh ở núi rừng để tu tập. Cuối cùng, đức Phật nhấn mạnh:

- Một vị tỳ-khưu có giới hạnh, tinh cần tu tập ở thành phố, thị trấn, dù hành trì rất tốt nhưng Như Lai vẫn lo ngại. Một vị tỳ-khưu độc cư ở núi rừng, dầu giải đãi, dầu hay ngủ ngày nhưng Như Lai vẫn ít lo ngại hơn. Tại sao? Vì vị tỳ-khưu ở thành phố, thị trấn kia không biết sẽ sa ngã lúc nào do chôn phồn hoa có rất nhiều sự cám dỗ. Vị tỳ-khưu ở núi rừng dầu giải đãi, dầu ngủ ngày, nhưng nếu có tâm tu tập thì sự trong lành, an tĩnh của núi rừng cũng làm cho cho tâm y vắng lặng hơn; rồi một lúc nào đó, chán ngủ thì y sẽ hành

thiền!

Sau buổi giảng, rất nhiều người nhắc đến những câu chuyện liên hệ đến tỳ-khưu Subhūti đang nổi danh về hạnh độc cư, ly dục, viễn ly phố thị - được rất nhiều chư thiên có oai lực ngưỡng mộ và quý kính. Subhūti⁽¹⁾ là ai?

Subhūti là em trai của trưởng giả Sudatta (Cấp Cô Độc), đã được đức Phật cho thọ giới cụ túc sau chuyến thăm Kỳ Viên đại tịnh xá lần thứ nhất. Rồi Sāvatti, đại đức được tháp tùng đức Phật trở lại Trúc Lâm. Sau khi được đức Phật giáo giới tóm tắt con đường của sa-môn hạnh, tỳ-khưu Subhūti xin phép ngài và xin phép vài vị thượng thủ của giáo hội đi vào núi rừng, tìm ẩn nơi các hang cốc để tu tập. Vốn là bậc thượng trí, thượng căn, tỳ-khưu Subhūti dễ dàng thu xếp nếp sinh hoạt tương xứng với phẩm hạnh của mình. Ngoài việc trì bình khát thực ở mấy xóm nhà ven chân núi cùng mấy ngôi làng thuộc ngoại thành của thành Vương Xá; tỳ-khưu Subhūti để dành hết thì giờ cho thiền định và thiền quán. Thân như tường vách, tâm như mặt hồ tĩnh lặng; tỳ-khưu Subhūti tuần tự đi vào các tầng thiền định, từ cạn vào sâu, từ thấp lên cao. Không nôn nóng, không vội vã; như con tằm thứ lớp dệt nên chiếc kén cho mình, tỳ-khưu Subhūti lần lượt thuần thục các định; đặc biệt, rất viên mãn là định tâm từ và định tâm bi. Khi tâm đã vắng lặng, trong suốt, vững chắc; ngài quay sang quan sát danh sắc, thấy rõ vô thường, dukkha, vô ngã của các pháp cấu tạo này, của danh sắc này; lần lượt đoạn trừ các kiết sử, chứng đắc các

⁽¹⁾ Theo các kinh điển Đại thừa, ngài Subhūti, tức Tu Bồ Đề được đặt vào một vị trí và chức năng đặc biệt; biểu tượng ngài là Tuệ Tánh Không, lúc thuyết pháp - thuyết vô ngôn - không nói gì cả mà chư thiên ái kính rải hoa. Theo Nikāya thì ngài thường trú định tâm từ, thỉnh thoảng cũng trú tuệ không và chư thiên cũng rất ái kính, ngưỡng mộ. Có điểm giống nhau: Ngài chỉ đi bát, nhận vật thực từ người giàu và trung lưu, không nhận vật thực của người nghèo - ngài sót bớt cháo cơm đã quá ít ỏi của cháu con họ.

thánh quả. Kể thì nhanh, nhưng đây lại là thành quả của nhiều năm tháng miệt mài, tinh cần, công phu, khổ hạnh... Nắng cũng như mưa, nóng hay lạnh, ngày hay đêm, sớm hay chiều; tỳ-khuru Subhūti không mấy lưu ý! Tâm và trí ngài luôn gắn chặt với đề mục trong từng bước đi, trong từng hơi thở. Thân xác tuy có khô gầy nhưng đôi mắt thì sáng lấp lánh như hai ngôi sao, biểu hiện sức mạnh tinh thần đã được phát tiết cao độ.

Suốt mấy năm ròng rã, tỳ-khuru Subhūti thỉnh thoảng có về Trúc Lâm đánh lễ các vị trưởng lão, ngoài ra, ngài không giao tiếp với ai. Khi vào thành khát thực, tỳ-khuru Subhūti thường bỏ qua các ngôi nhà, xóm nhà quá nghèo khổ; chỉ dừng chân và đứng bát nơi xóm nhà trung lưu hoặc giàu có. Và lúc nào ngài cũng trú định tâm từ. Những ai có cơ duyên đặt bát cho ngài đều cảm thấy mát mẻ và an lành suốt buổi.

Tin đồn về vị tỳ-khuru kỳ lạ này, tốt có, xấu có đến tai đức vua Bimbisāra. Tốt, là hạnh độc cư, ưa thích núi rừng, tu hành tinh tấn, có tâm từ vô lượng. Xấu, là không thèm giao tiếp với ai; chỉ đi bát hạng trung lưu và hạng giàu có, còn người nghèo khổ thì không! Cho người dò hỏi, tìm hiểu, chiều hôm kia, đức vua cùng vài quân hầu dong xe vào rừng. Tại nơi không còn đi được, bậc quân vương len lách qua những lùm bụi, mệt mề bước qua các dốc đá cheo leo rồi cũng tìm được nơi cần đến. Vị tỳ-khuru kia đang an tĩnh tọa thiền trên một tảng đá chênh vênh về hướng Tây trong một hang động. Ngồi nghỉ cho ráo mồ hôi, không dám làm kinh động vị sa-môn, đức vua hiện thiện của chúng ta nhẹ nhẹ bước đến hang động. Hóa ra là chỉ có hai tảng đá nhỏ úp lại, nằm khuất dưới một lùm dứa dại có hai cây ổi rừng phủ bóng mát! Bên trong chỉ có một chiếc bát đất, một cây gậy, một ống tre đựng nước và vài vật dụng khác của thầy tỳ-khuru. Chẳng có giường chõng, vật nằm, vật đắp gì cả. Đức vua nghe cay cay lòng mắt. Nghèo khổ đến tận cùng. Vô sản,

bần hàn cũng đã đến tận cùng. Đức vua còn biết được rằng, người thanh niên này, vốn là em ruột của trưởng giả Cấp Cô Độc, trước khi xuất gia cũng đã là một vị phú thương, một doanh gia, có một tài sản kếch sù! Vậy đấy! Khi đã phát tay rũ bỏ là rũ bỏ đến tận cùng! Ôi! Đáng kính, đáng trọng thay!

Tỳ-khuru Subhūti đã xả thiên. Đức vua bước đến tham vấn. Và họ có một đoạn đối thoại như sau:

- Trẫm là Bimbisāra...

- Tôi biết, tâu đại vương! Chẳng hay, hôm nay có việc gì mà bậc vương giả lại lặn lội đến chôn khỉ ho cò gáy này!

- Trẫm nghe được cái hạnh tinh tấn của đại đức...

Tỳ-khuru Subhūti mỉm cười:

- Gọi là sa-môn, là tỳ-khuru thì ai cũng phải tu tập tinh tấn như vậy cả, tâu đại vương!

- Đại đức còn nổi danh về hạnh độc cư, ưa thích núi rừng; đến đây, trẫm còn thấy rõ, đại đức còn sống đời thiếu dục, tri túc nữa!

- Cũng bình thường, chẳng có gì đáng để tự hào hay hãnh diện, tâu đại vương! Tôn giả Mahā Kassapa và đệ tử của ngài cũng sống như vậy với lạc thú thanh cao trong lòng mình, không có ngũ dục nào trên thế gian có thể lôi cuốn, cám dỗ họ được.

Đức vua đọc được thái độ khiêm nhu, vắng lặng trong thái độ và ngôn ngữ của vị sa-môn ẩn sĩ nên tự nghĩ: Không còn một chút xíu nào là ngã ái, ngã niệm huống gì là ngã mạn nơi vị tỳ-khuru hiền thiện này!

- Nghe nói, đại đức chỉ đi bát nơi các hạng trung lưu hoặc gia đình khá giả mà không tạo cơ hội, duyên phước cho những người nghèo khổ?

- Cũng không hẳn là thế, tâu đại vương! Nó có một duyên sự như sau. Hôm kia, tôi đứng bát nơi một gia đình nghèo khổ. Tôi đứng như vậy, yên lặng và rải định tâm từ. Một người đàn bà chiêm-đà-la vừa chuẩn bị xong một bát

cháo loãng định cho con ăn. Thấy tôi, bà nhìn quanh một lát, rồi đưa tay lục tìm chỗ này, chỗ nọ... Có lẽ thấy không còn vật thực nào khác nữa, bà bước ra, đổ hết bát cháo vào bát của tôi. Đứa bé khóc ngăn ngắt. Tôi bàng hoàng cả người, nói với người đàn bà: “Thí chủ không còn gì! Cả cho mình và cho đứa trẻ. Thọ nhận thì tôi đã thọ nhận rồi. Vậy hãy lấy cháo này cho trẻ nó ăn”. Nói ba lần như thế, người đàn bà cũng không chịu, nói rằng: “Thân phận con thấp hèn. Thấy ngài, con cảm giác như cọng cỏ khô mà hớp được một chút sương; như giữa sa mạc, một mầm xanh nhỏ nhoi lại được nhú lên! Ngài đừng lấy đi chút hy vọng cuối cùng của con trên cuộc đời này!” Nghỉ hơi một chút, tỳ-khưu Subhūti nói tiếp - Thuở ấy, tôi mới tu tập sơ cơ, chưa có tuệ quán nên tôi đã chảy nước mắt và người đàn bà cũng chảy nước mắt. Quả thật, tôi đã không kham nhẫn được khi nhận vật thực nơi những người quá nghèo khổ; tôi có cảm giác như tước đoạt hoặc bớt xén vào cái phần vật thực đã quá ít ỏi của họ! Tôi không đành lòng, tâu đại vương!

Đức vua cúi đầu xuống, mắt ngài cũng hoen lệ:

- Đúng là vậy! Có lẽ trăm cũng không đành lòng!

Nói thế xong, đức vua quay sang nói với hai quân hầu:

- Chút nữa, các người hãy thưa hỏi đại đức, chỗ ngôi nhà của người nghèo khổ ấy. Trăm sẽ ban thưởng xứng đáng, hậu hĩ; không chỉ là một giọt sương mà có thể là cả một cơn mưa rào!

Tỳ-khưu Subhūti hoan hỷ mỉm cười, chỉ chỗ xóm chiêm-đà-la, chòi lá lụp xụp, thứ ba, phía trái con đường đất đầu tiên, phía ngoại thành như vậy, như vậy... Rồi, ngài trú định tâm từ, một năng lượng mát mẻ chợt tuôn tràn ra xung quanh... cố ý ban rải phước lành cho đức vua hiền thiện.

Khi chấp tay vái chào từ giã, đức vua nói:

- Sắp đến kỳ an cư mùa mưa rồi, trăm sẽ sai người đến đây, dựng cho đại đức một liêu cốc tương đối, sắm sanh một

vài vật dụng cần thiết cốt để giữ gìn sức khỏe thôi, xin đại đức cho trăm được làm một chút phước sự nhé!

Ông vua có tâm tịnh tín đẹp đẽ này còn hứa một chuyện với bốn vị tỳ-khưu khác nữa.

Năm kia, tại khu vườn rừng cây bàng tại Kapilavatthu, bốn ông hoàng thuộc vương tộc Malla được xuất gia tỳ-khưu, sau đó nghe lời đức Phật, về Trúc Lâm để hành đạo. Đó là bốn vị tỳ-khưu Godhika, Subāhu, Valliya và Uttiya. Sau khi lắng nghe vị trưởng lão giáo thọ ở Trúc Lâm giảng giải cặn kẽ lộ trình thiền định, thiền quán, cả bốn vị đều xin được vào ẩn cư trong rừng. Từ đấy, họ có một đời sống mẫu mực, phạm hạnh, rất được đông đảo cư sĩ kính trọng, tín mộ, nhiều nhất là giới hoàng gia. Vốn dòng dõi hoàng tộc Malla, trước đây, bốn vị đã có quen biết khá nhiều một số hoàng thân quốc thích triều đình Rājagaha nên thỉnh thoảng họ tới lui thăm hỏi, vấn an bốn vị. Chuyện dễ hiểu thôi, là đức vua Bimbisāra sau đó hay tin, tò mò tìm đến thăm viếng. Đến khu rừng, bên cạnh khu rừng của tỳ-khưu Subhūti, đức vua rất cảm động vì họ sống dưới những cội cây, những hốc đá, nắng mưa không có chỗ che thân. Đức vua tức tốc cho người làm bốn liêu thất để dâng cúng chư vị. Chuyện đang tiến hành, chưa xong, lại sắp đến mùa mưa, bốn vị tỳ-khưu, lúc này đã là bốn bậc A-la-hán, họ cũng không lấy thế làm điều. Họ không để tâm.

Thế là có hai lời hứa, một gần xong, một chưa thực hiện.

Về triều, đức vua nhận liên tiếp nhiều tin báo về sự bất ổn, bất an ninh từ các xứ ngoại biên. Việc thứ nhất, ranh giới giáp nước chư hầu Vamsā của tiểu vương Udena, quan tổng trấn ở đấy đã không quản chế được nhóm binh lính của mình ở biên trấn - chúng đã tràn qua biên giới để cướp bóc, những nhiều dân lành. Việc thứ hai, một bọn tướng cướp mấy trăm tên, bị càn quét, truy đuổi các nơi, bây giờ về núp trốn trong mấy cánh rừng giáp biên địa Campā, lâu lâu lên sang các thị

trần thuộc Māgadha để cướp bóc của cải, lương thực, săn lùng gái về làm tỳ thiếp, hầu hạ chúng! Đức vua đã cử hai vị tướng tài, có uy, có đức với hai đội quân thiện chiến, tinh nhuệ đi thảo phạt một thàng trường mới đẹp yên. Một vị sứ giả của triều đình sang Vamsā, nghiêm khắc răn đe vị tiểu vương (vốn hiếu chiến và đam mê tử sắc) này, đã không quán xuyên được đất nước mình; phải biết cách xử lý, nghiêm trị thuộc hạ, cách chức viên tổng trấn. Vua Udena nhất nhất nghe theo, ra vẻ sợ hãi; sau đó, cử một đoàn sứ giả mang phẩm vật, lễ phẩm sang Vương Xá triều cống, tạ tội. Về phía Campā, đức vua thương các thôn làng này ở quá xa xôi, nghèo khổ, sau khi dẹp yên bọn cướp, đã cử một đại đội quân tình nguyện đến trợ cấp lương thực, thực phẩm, thuốc men, vải vóc, hạt giống cùng dụng cụ sản xuất. Rồi đại đội thiện chí này cùng ở với dân, vừa giữ gìn an ninh, vừa xây dựng nhà cửa và phụ giúp mọi người cày cấy, trồng trọt. Họ lại còn đắp những con đê, đào những con mương để dẫn nước vào ruộng, vào vườn... Nhân dân vui mừng không xiết kể, họ lạy trời, lạy đất, tạ ơn đức sáng của vua...

Việc thứ ba, liên hệ đến các nước cộng hòa Licchavī. Số là trong đợt cứu trợ nạn đói tại Vesāli, không kể hai ngàn tấn lương thực tặng không, còn có một ngàn tấn lương thực cho vay không lấy lãi - lúc nào đủ sức hãy trả! Thế nhưng, nhiều năm qua, các nước cộng hòa này luôn được mùa, lương thực dồi dào, nhưng cứ hện rày, hện mai, cứ khát nợ hoài. Năm nay, tại kinh thành, thời tiết chuyển đổi thất thường; có vùng, đang mùa mưa mà cả tháng nay lại không mưa; biết đâu đây là triệu chứng sẽ mất mùa, đói kém trong tương lai? Biết phòng xa, mặc dầu kho lẫm còn đầy, đức vua cho sứ giả sang Vesāli đòi nợ. Họ cũng lần khần không chịu trả! Cương quyết ra oai tạo áp lực, đức vua cho đồ những đội quân lớn, rầm rộ ngày đêm, vận chuyển quân nhu, khí giới đến trấn thành Pāṭaligāma, sát bờ bên này sông Gaṅgā. Tiếp theo,

vua ra lệnh cho quan tổng trấn ở đây, rục rịch đóng thuyền bè, diễu binh, bắn tin hành lang là: “Đang chuẩn bị lực lượng quân bị chỉ để bảo vệ danh dự và uy tín của quốc gia, không để cho bất cứ nước nào coi khinh, xem thường!”

Māgadha và Kosala vốn là hai cường quốc, thay nhau trấn thủ hai phương, bá chủ chư hầu, đặt nền thống trị và ban ân tứ cho cả hàng chục tiểu quốc. Nên khi Vesālī trông thấy con rồng thần kia đã nổi giận, không dám chậm trễ, ba vua nước cộng hòa và hội đồng tướng lĩnh Licchavī tức tốc hội họp, cử đoàn sứ giả đến Vương Xá khấu đầu tạ tội, đồng thời trả một ngàn tấn lương thực mà họ nợ đã lâu.

Khi mọi việc quốc gia đã yên ổn trở lại, đức vua Bimbisāra đặt tay lên trán, suy nghĩ: “Cái đức của ta suy giảm rồi sao? Triều thần của ta chẳng lẽ đạo đức đã bắt đầu suy đồi rồi sao? Đức Thế Tôn có dạy rằng, hạn hán mất mùa, lũ lụt, đói kém, dịch bệnh, sâu rầy... xảy ra ở nước nào - thì cần phải xét đến đức hạnh của vị vua đương triều tại đấy! Ở kinh thành, tuy chỉ có một vùng, suốt một tháng không mưa, tuy chưa nguy hại gì - nhưng chắc chắn đã có dấu hiệu gì bất ổn! Vậy thì ta đã có làm gì bất kính với chư thiên, thiện thần? Ta đã có làm gì đụng chạm đến đức Thế Tôn cùng các vị thánh Tăng A-la-hán?” Nghĩ đến đây, đức vua Bimbisāra chợt giật thót mình: “Chết rồi! Phụ cấp vật liệu làm nhà, lương thực và một số tiền bạc cho người đàn bà nghèo khổ tội nghiệp - thì hôm đó, quân hầu đã làm ngay. Nhưng việc ta có hứa làm 4 cái thắt cho 4 vị tỳ-khưu không rõ đã xong chưa? Rồi còn cái thắt cho vị tỳ-khưu trong hang núi, vậy mà do công việc triều đình quá bận rộn, ta đã quên khuấy đi mất? Ta phải làm sao để chuộc lại lỗi lầm này!”

Đang suy nghĩ như thế thì đột nhiên, trước mắt đức vua chợt sáng rực lên, tôn giả Mahā Moggallāna xuất hiện, mỉm cười nói:

- Có đúng một phần đấy, tâu đại vương! Sám hối là

đúng! Chuộc lỗi là đúng! Một tháng trời không mưa, một vùng, ở xung quanh hang núi, nơi có năm bậc A-la-hán ngụ cư, là do tình cảm bất minh, thiên vị của một số vị trời có oai lực. Tôi sẽ kể hầu cho đại vương nghe đầu đuôi sự việc: “ Bốn cái thất cho bốn vị tỳ-khưu dòng dõi hoàng tộc Malla, tường vách thì xong nhưng chưa lợp mái, bạn bè thân hữu của bốn vị cho người lợp rồi, việc ấy không bàn nữa. Đặc biệt là tỳ-khưu Subhūti, một bậc thánh A-la-hán, người mà đại vương có hứa làm một cái thất để vị ấy an cư mùa mưa, có rất nhiều phẩm tính làm cho rất nhiều vị trời ái kính. Ngoài cái đức khả ái ly dục, khả ái độc cư, khả ái viễn ly đô thị, vị ấy luôn đầy tràn ra không gian xung quanh tâm từ, tâm bi... và cả tâm rộng không giải thoát nữa! Chư thiên, sơn thần, thọ thần ở đây luôn được hạnh phúc, an lạc. Vị ấy còn có cái hạnh lạ lùng là khi đã vào định rồi thì không ngại chuyện nắng mưa. Ngày này sang ngày khác, ngoài trời cũng như trong hang cốc, vị ấy vẫn diêm nhiên trú định, đi sâu vào định, hoặc để biến mãn tứ vô lượng tâm hoặc phát triển các thắng trí! Có những ngày trời mưa tầm tã, chư thiên rất nóng ruột, sợ vị tỳ-khưu mà mình kính mộ bị cảm hàn - họ bàn cùng nhau tìm cách ngăn mưa lại. Thế là từ đó, họ luôn làm việc ấy để che chở vị thánh Tăng suốt một tháng trời rông rã. Đức Thế Tôn lúc ấy đang ở Kỳ Viên, tận Sāvattī nhưng ngài biết chuyện này. Dùng thần thông, đức Phật dạy tôi - Tôn giả Mahā Moggallāna kể tiếp - lúc ấy đang ở tận ngoài nam đảo nước Avantī, hãy lên thông báo chuyện này cho trời Sakka (Đế Thích) rõ! Thiên chủ Sakka hoảng kinh, cho triệu tập Tứ đại Thiên vương, bảo phải đích thân điều tra sự việc, tại sao có vị trời nào dưới quyền, do thiên vị, do tình cảm thiếu trong sáng, đã ngăn một tháng không mưa, làm cho cả một vùng núi thuộc kinh thành Vương Xá suýt rơi vào thảm họa? Bây giờ, mấy vị trời phạm tội đã bị Tứ đại Thiên vương tìm biện pháp xử lý thích đáng!

Vậy, đại vương hãy làm những gì theo với lời hứa của mình để chuộc lỗi, để cho vùng núi kia được yên ổn!”

Kể chuyện xong, tôn giả Mahā Moggallāna biến mất.

Đức vua Bimbisāra tóc dựng ngược trên đầu, cấp tóc cho người đến làm ngay một cái thất cho tỳ-khuru Subhūti cùng cung cấp một số vật dụng cần thiết. Khi vị tỳ-khuru này vừa an tọa trong mái che thì trời liền đổ mưa xối xả. Do không hướng tâm đến mọi việc xung quanh, vị tỳ-khuru này vẫn vô tư, thốt lên bài kệ rằng:

“- Am thất khéo lợp xiết bao

Bên ngoài ngăn chặn mưa rào, gió lay

Lạc an một cõi tâm này

Mưa thì cứ mặc, dẫu ngày hay đêm

Chừ ta tịnh định trú thiên

Rỗng không, giải thoát, vô phiền, vô lo!”

Thế là chuyện của tỳ-khuru Subhūti được đồn đãi, theo dật tràn qua cửa tai của mọi người, khắp kinh thành, đến quốc độ này sang quốc độ khác. Khen có, chê có, nói giễu có. Người ta khen hạnh độc cư thanh tịnh, biến mãn tâm từ, bậc xứng đáng được cúng dường, được chư thiên ái mộ. Người ta chê, đã là A-la-hán rồi, tại sao không biết chuyện, vì mình, vì an lạc định thiên của riêng mình, mà làm cho cả kinh thành mang họa theo? Người ta nói rằng, ông Mahā Kassapa, vị đại đầu-đà khổ hạnh, chỉ đi bát hóa độ cho người nghèo, tuy có tâm thiên vị, đánh mất tính bình đẳng nhưng tấm lòng ấy rất đáng cảm động, ái mộ! Còn tỳ-khuru Subhūti, chỉ đi bát để hóa độ cho người giàu! Người ta đã giàu, do có tâm bố thí, cúng dường bậc thánh vô lậu, biến mãn tâm từ, thì kiếp sau họ lại càng thêm cao sang, quyền quý hơn nữa, là tại làm sao hử? Người ta nói giễu, không phải đâu, đi bát người giàu là kiếm được thực phẩm thượng vị, loại ngon, loại ngọt, loại bở, loại béo - chứ bọn nhà nghèo có gì? Nước cháo chua hoặc cơm tấm thiu lynn với tro

trầu bản tạp hay sao? Họa là đồ ngu! Ai dạy gì!

Nói gì thì nói, tỳ-khuru Subhūti bình tâm như vại; ngài đi bát vẫn cứ rải tâm từ, độ cư, an tĩnh ở núi rừng. Khi gặp duyên, thuyết pháp, ngài không nói nhiều, chỉ một câu duy nhất: “Hãy làm lành, lánh ác, giữ tâm trong sạch!” Rồi ngài trú định tâm từ, rải tâm từ như một năng lượng mát mẻ tràn ra xung quanh. Tỉnh thoảng, ngài trú tâm rỗng không, giải thoát. Và lúc nào, chư thiên cũng ái kính, ngưỡng mộ, rải hoa, tán thán, ca ngợi, âm vang xuyên thấu Tứ đại Thiên vương, Đạo Lợi, Đâu Suất... và đến cả cõi Phạm thiên.

Bài Học Về Rừng

Chiều ấy, tỳ-khưu Subhūti đang ngồi trên một tảng đá để vá y. Nghe tin đức Phật đã về Trúc Lâm, chẳng lẽ nào lại mặc chiếc y rách nát này để đến thăm ngài, chắc sẽ bị quở trách. Từng mũi kim cân trọng xuyên qua xuyên lại mấy mảnh vải đã mục, vị tỳ-khưu mỉm cười. Cái thân của chúng sanh trong các kiếp sinh tử cũng tương tự vậy, cứ vá tới, vá lui mãi. Kiếp nào có nhiều phước báu thì những tấm vá được lành lặn, đôi khi lại sang quý nữa. Kiếp nào ít phước báu, hoặc quá thiếu phước thì có khác gì chiếc y này đâu?

Tỳ-khưu Subhūti chưa đi đánh lễ đức Phật mà ngài đã đến nơi rồi. Có cả tôn giả Mahā Moggallāna và số đông tỳ-khưu nữa. Đứng trên một ngọn đồi, không xa hang núi của tỳ-khưu Subhūti, đức Phật đưa tay chỉ, mỉm cười:

- Các thầy có thấy không? Con trai của Như Lai đang vá y đấy! Cái hình ảnh ấy trông đẹp làm sao!

- Thừa vâng, bạch đức Thế Tôn!

- Có cả nhàn hạ, thanh thoi và vắng lặng nữa! Tôn giả Mahā Moggallāna tiếp lời - Đúng là Bạc xứng đáng được cúng dường!

Đức Phật đưa mắt ngắm nhìn chiếc lung cong, cái đầu cúi của tỳ-khưu Subhūti trong trạng thái chăm chú trên đầu mũi kim, sợi chỉ, ngài nói:

- Một động thái nhỏ, con trai của Như Lai cũng chăm chú, định tâm. Vì quá chăm chú, quá định tâm nên ông ta không thấy, không biết chuyện gì xảy ra xung quanh. Như Lai và các thầy đang đứng ở gần đây mà ông ấy cũng không hay biết. Vậy, do định thiên mà vị ấy không cần biết trời mưa hay nắng là điều dễ hiểu hay khó hiểu, này các thầy tỳ-khưu?

- Bạch, rất dễ hiểu ạ!

- Con trai của Như Lai cũng không thềm biết, chư thiên ái mộ, kính ngưỡng mình nên đã che mưa suốt một tháng trường, ảnh hưởng thời tiết, khí hậu cả một vùng, vậy ông ta có tội hay không có tội?

- Vì không cố ý nên không có tội, bạch đức Tôn Sư!

- Ủ, chính xác! Đức Phật nói - Chính tư tác (cetanā), chính cố ý, cố tình mới tạo nên nhân, tạo nên nghiệp là trọng tâm giáo pháp của Như Lai. Tuy nhiên, trong trách nhiệm liên đới, nhân duyên trùng trùng, con trai của Như Lai có đóng góp vào đây một duyên xấu, theo cái hiểu của thế gian là liên đới trách nhiệm đây! Khi nhập định, vị tỳ-khưu cần phải khởi tâm quán xét!

Hội chúng không hiểu. Chỉ có tôn giả Mahā Moggallāna là hiểu nên ngài xin được trả lời:

- Đức Tôn Sư từng dạy rằng, một vị tỳ-khưu nhập định diệt thọ, tưởng bảy ngày, nếu không quán xét những sự việc xảy ra; ví dụ có chuyện trọng đại về tăng sự trong thời gian ấy, vị ấy sẽ bị đức Tôn Sư hoặc các bậc thượng thủ A-la-hán khiển trách! Do thế, thường xuyên định tâm không, chưa đủ, phải thường xuyên tuệ quán nữa!

Đức Phật giảng thêm:

- Một vị tỳ-khưu có định thâm sâu, có tuệ giải thoát

không chưa đủ. Khi cần, trong tuệ có định, trong định có tuệ. Nếu tỳ-khưu Subhūti thuần thực cả hai, định và tuệ đều viên mãn thì khi vào định, nếu cần, có thể dùng tuệ để quan sát tất cả những gì xảy ra xung quanh. Trường hợp như Sāriputta và Mahā Moggallāna, ngồi định ở đây nhưng hai vị còn có thể biết việc xảy ra cả nhiều ngàn thế giới, nếu vị ấy muốn!

Chư vị tỳ-khưu đi theo được mở sáng mắt, họ rừng mình. Có những bàn tán nhỏ nhỏ:

- Nghiêng quá về định cũng không được.
- Không quan sát xung quanh, trên dưới, gần xa; đôi khi lửa cháy rừng không biết thì nguy to!
- Tuy không trực tiếp tạo duyên xấu, nhưng chỉ cần thả chút tuệ rà soát xung quanh thì chắc chắn, hiện tượng trời không mưa cả tháng kia sẽ không xảy ra.

Tôn giả Mahā Moggallāna đi thụt lùi ra sau, gật đầu:

- Khá khen chư hiền đã rất tiến bộ!

Lần bước theo lối đá và con đường mòn nhỏ xuống đồi, đức Phật và hội chúng đến gần nơi am thất của tỳ-khưu Subhūti.

Đức Phật chợt nói:

- Hãy dừng chân đây một lát, đợi thầy tỳ-khưu của chúng ta vá y xong cái đã!

Rồi câu chuyện còn được tiếp tục.

Đức Phật hỏi xung quanh:

- Đức vua Bimbisāra có hứa kiến tạo liêu thất, nhưng sau đó, do bận rộn quốc gia đại sự mà quên đi - vậy, vị đại vương của chúng ta có tội hay không có tội?

Chư tỳ-khưu lại bàn thảo. Kẻ bảo có chút ít, nhưng do bận việc lớn, đem lại sự yên ổn cho nhiều người nên có thể khoan giảm. Người nói, đây là vấn đề nhân, duyên và quả chứ đâu có như luật pháp thế gian mà luận bên này để châm chước cho bên kia? Một vị khác, đức vua của chúng ta có

khiếm khuyết, bất toàn thế nào đó về trí não nên bị cái tội hay quên; nếu có trí nhớ tốt thì chỉ cần ra một khẩu lệnh thì quân hầu lo liệu xây liêu thất được ngay; việc này không liên hệ đến chuyện ổn định biên giới! Vị khác nữa, hay đây là cái tội thiếu định tâm tu tập?

Đức Phật nói với tôn giả Mahā Moggallāna:

- Ông hãy nói rõ điều đó cho họ nghe đi, con trai!

- Dạ thưa vâng, thầy tỳ-khuru khi thuần thực định tứ thiền, nếu vị ấy muốn có túc mạng thông, tức là thắng trí nhớ lại các kiếp sống trong quá khứ - đầu tiên họ nhớ đến một ngày, hai ngày... nhớ lui cho đến giai đoạn vừa sinh ra, trong thai bào, đến kiếp sống trước đó. Cứ thế, cứ thế, và cứ thế, vị ấy nhớ một kiếp, hai kiếp, mười kiếp, trăm kiếp... Cứ vậy, cho đến trăm ngàn kiếp cũng còn nhớ, huống hồ gì là trong ngày! Trường hợp đức vua của chúng ta là thiếu chánh niệm. Người có chánh niệm tinh minh, thuần thực thì đi đứng ăn nói, cử chỉ, thái độ, ý nghĩ bất cứ nơi đâu, lúc nào - nói chung, hoạt trạng của thân hành, khẩu hành và ý hành bất cứ nơi đâu, lúc nào đều được thấy rõ, biết rõ, nhớ rõ!

Đến ngang đây thì mọi người đều đã hiểu. Tỳ-khuru Subhūti cũng đã vá y xong và vị ấy đã thấy đức Phật, tôn giả Mahā Moggallāna cùng chư vị tỳ-khuru đến thăm. Ngài không ngờ có được sự vinh hạnh hiếm có này.

Đức Phật rất giản dị, ngài lựa tìm một chỗ ngồi trên tảng đá có tám tảng-già-lê gấp bốn, quay mặt về hướng cánh rừng xanh xanh trước mặt. Tỳ-khuru Subhūti đến đánh lễ rồi ngồi xuống nơi phải lễ. Đức Phật nói:

- Chắc ông đã học được bài học về chuyện đức vua Bimbisāra rồi chứ?

- Dạ thưa vâng, có ạ!

- Bài học đó như thế nào, con trai?

- Thưa, đệ tử cũng vừa suy ngẫm, chiêm nghiệm từ rừng - và học được bài học đó từ rừng!

- Hãy nói cho Như Lai nghe với nào?

- Ban đêm rừng ngủ, nhưng rừng vẫn luôn luôn sống động, luôn luôn tỉnh thức, bạch đức Thế Tôn! Thế nên, vị tỳ-khưu khi vào định, ngoại trừ định sâu, cũng phải luôn luôn tỉnh thức sống động như rừng vậy!

- Hay lắm! Vậy là trong định có tuệ, ông hãy tu tập cho thuần thục điều mà rừng đã gợi ý cho ông. Vậy, ông còn học được gì từ rừng nữa không, Subhūti?

- Thưa, đệ tử chỉ mới suy ngẫm điều ấy nhưng chưa thực tập về điều ấy!

Đức Phật bèn nói với hội chúng xung quanh:

- Rừng không những chỉ có một đặc tính như tỳ-khưu Subhūti vừa kể. Nó có cả bảy mươi điều, hãy nghe và Như Lai sẽ giảng nói.

- Thưa vâng, bạch đức Thế Tôn!

Rồi đức Phật quay qua nói với tôn giả Mahā Moggallāna đang đứng gần bên:

- Thời pháp này Như Lai nói về rừng nhưng không thuần túy chỉ nói về rừng thôi, mà còn những ý nghĩa khác quan trọng hơn nữa. Vậy ông hãy nhiếp tâm, sử dụng thần thông lực mời thỉnh tất cả các vị trưởng lão, các vị thượng thủ A-la-hán có thắng trí ở tại Vương Xá và xung quanh Vương Xá, qua không gian, hãy đến đây để cùng lắng nghe thời pháp này!

Vâng lời, tôn giả Mahā Moggallāna ngồi xuống, trú định, vào định tứ thiên, xuống cận định, sử dụng đồng lúc tha tâm thông, thiên nhãn thông để gọi tư tưởng theo lời dạy của đức Phật. Chỉ một lát sau đó thôi, chư vị trưởng lão, thượng thủ A-la-hán từ khắp các phương như những cánh chim ưng vàng từ trong những đám mây trắng, đồng vân tập, xuất hiện, đánh lễ đức Phật một cách rất ngoạn mục. Chư tỳ-khưu phàm tăng trở mắt, sững sờ. Lại càng ngạc nhiên hơn nữa, trong một khoảng rừng, góc núi nhỏ thế mà chư vị

thánh tăng vẫn thừa chỗ ngồi, lặng lẽ xung quanh đức Phật mà không gian dường như cũng không lớn rộng thêm ra? Ôi! thật là phúc lành hy hữu cho chư vị tỳ-khuru này!

Đức Phật tiếp tục buổi giảng, như sau:

- Nay các thầy tỳ-khuru! Như Lai nhắc lại, rừng có mười đặc tính; vậy mỗi vị tỳ khuru hãy học hỏi 10 đặc tính ấy để đem đến lợi lạc cho mình và cho giáo pháp.

Thứ nhất, rừng luôn luôn tỉnh thức, vậy một vị tỳ-khuru phải luôn luôn tỉnh thức, bất luận ngày hay đêm. Thứ hai, rừng ẩn trong lòng mình rất nhiều loại gỗ quý; cũng vậy, vị tỳ-khuru phải phát hiện những đức tính quý báu trong tâm của mình. Thứ ba, rừng là nơi hằng trăm hằng ngàn chủng loại động vật, thực vật cộng cư, cũng vậy, trong tâm của chúng sanh cũng đang có hằng triệu, hằng triệu chủng tử tốt có, xấu có từ vô lượng kiếp đến nay đang sinh sống ở đây. Thứ tư, trong lòng đất của rừng có nhiều mỏ vàng, mỏ bạc, mỏ kim cương, cũng vậy, trong tâm một vị tỳ-khuru cũng có những kho báu, đó là những thắng trí, những khả năng phi thường nếu biết đào xới những vỉa quặng ấy. Thứ năm, cây cối trong rừng dù to, dù nhỏ, dù cao, dù thấp thường nương nhau mà tồn tại, cũng vậy, trong giáo hội của Như Lai: Tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, sa-di, sa-di-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, người lớn, người nhỏ, người tốt, người xấu phải nương nhau mà tu tập. Thứ sáu, rừng là nơi giữ nước, là nơi tưới rỉ những dòng suối trong xanh, từ đó, tuôn chảy ra sông ngòi, ruộng vườn nuôi sống muôn sinh. Cũng vậy, giáo hội của Như Lai là nơi lưu giữ chánh pháp, phát triển chánh pháp, những dòng giáo pháp trong xanh, tinh khiết, vô nhiễm đổ tràn ra thế gian để đem đến hạnh phúc, an vui cho trời và người. Thứ bảy, rừng sợ nhất bị chặt phá, bị đốt cháy, cũng vậy, giáo pháp của Như Lai kỵ nhất là sự phá hoại từ nội bộ, bị đốt cháy bởi tham lam, dục vọng của một số tỳ-khuru tầm cầu danh vọng và lợi dưỡng. Thứ tám, rừng có thứ tự cây

cao, cây lớn, cây thấp, cây nhỏ và có cả cây nương nhờ, cũng vậy, trong giáo hội của Như Lai, mọi người phải biết tôn trọng hạ lap, tuổi tác lớn nhỏ, đồng thời phải đùm bọc, che chở những người đang nương nhờ mình. Thứ chín, rừng là nơi điều hòa nhiệt độ cho trái đất, cũng vậy, giáo hội của Như Lai phải là nơi điều hòa sự an vui và hạnh phúc cho nhân quần, xã hội. Thứ mười, rừng hút bụi bặm, ô nhiễm trong không gian rồi nhả hơi nước, tạo không khí trong lành để phụng hiến vô vị lợi cho đất trời; cũng vậy, chư vị tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni sống giữa cuộc đời, phải gánh chịu, nhẫn chịu vào lòng tất cả mọi đắng cay, sự phỉ báng, sự gièm pha, mọi tiếng lời thị phi, tâm địa bất trắc, khó lòng của chúng sanh rồi ban rải tứ vô lượng tâm đến cho họ, cho thế gian nhiều khổ, ít vui này!

Đức Phật kết luận:

- Trước khi chưa thành đạo, Như Lai chưa có pháp nào cả. Thành đạo rồi, suốt bốn mươi chín ngày thọ hưởng hạnh phúc siêu thế; xuống lên, vào ra các tầng thiên cho thuần thục; quán ngược, quán xuôi những duyên khởi cho tinh minh; đến đi, xuất nhập các thắng trí cho tỏ suốt; ngẫm cạn, ngẫm sâu về Tứ Đế cho tỏ tường; chế thô, chế tế các sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến chỗ chi li, tinh mật, từ đây, Như Lai mới có pháp, mới có rất nhiều pháp, mới có Pháp Bảo! Các thầy không thể tưởng tượng được cái thấy biết của Như Lai về thế gian nội tâm, về thế giới vạn hữu, về tất cả các bộ môn học thuật trên cuộc đời này đâu. Nó rộng lớn lắm. Nó bao trùm cả hư không vô tận này. Tuy nhiên, nói hạt vi trần chia bảy mà làm gì khi kiến giải ấy không đem lại sự chấm dứt khổ, lắng dịu phiền não? Nói về các ngân hà, thiên hà mà làm gì khi tri kiến ấy chỉ để mà thỏa mãn kiến thức, một loại trí tham, trí dục, một hình thức khác của bản ngã và si mê mà thôi! Ô, các thầy hãy xem đây!

Rồi đức Phật nắm một nắm lá trong tay, đưa lên rồi hỏi:

- Các thầy thấy nắm lá trong tay của Như Lai nhiều, hay lá trong rừng nhiều?

- Lá trong rừng nhiều hơn, bạch đức Thế Tôn!

- Ủ, đúng vậy! Nắm lá trong tay Như Lai thật là ít ỏi so với lá ở trong rừng. Cũng vậy, nhiều như lá ở trong rừng là thấy biết của Như Lai, là sở học, sở tri, sở chứng, sở ngộ của Như Lai, nói chung là của chư Chánh Đẳng Giác đã tích lũy được qua hằng hà sa số kiếp, qua vô lượng vô biên ba-la-mật. Tuy nhiên, nắm lá trên tay ít, nhưng vừa đủ, vừa đủ để trao truyền cho các thầy những tinh yếu, những nguyên lý để các thầy lên đường, để mà tu tập, để mà diệt tận khổ đau. Giáo pháp của Như Lai là giáo pháp diệt khổ, thoát khổ chứ không phải để mà giải thích về vũ trụ, các ngân hà, thiên hà. Như Lai còn biết nữa rằng, vào thời mà giáo pháp suy đồi, chư tỳ-khưu không còn tu tập giải thoát, thiền định hay giới luật được nữa, chúng sẽ biến giáo pháp của Như Lai thành một mớ triết lý, triết luận nghe thì có vẻ hay ho, cao siêu nhưng mà rỗng không, phù phiếm. Là cái trò chơi văn, giỡn chữ ồn ào, huyên náo ở chợ búa, ở quán nước và ngay cả tại các giảng đường, tu viện, học viện! Một bọn khác, cũng không còn tu học chính đính, hành trì giới luật nghiêm túc được nữa bèn chúng tỏ kiến văn, sở học của mình, muốn giải thích cả số lá vô lượng, vô khả lượng trong rừng cây kia. Chúng muốn vượt qua cả Như Lai! Những điều Như Lai im lặng, không nói vì thấy vô ích, vô bổ, phù phiếm thì chúng lại huyên thuyên giảng nói, không biết đâu trúng, đâu trật; chẳng biết đâu là sở tri hữu dụng và đâu là kiến tri chỉ để lòe đời, bịp đời! Chúng họp bè, kết phái, lập tông... để tự giương danh mình, giải thích giáo pháp của Như Lai bằng cái kiến văn đưng trong cái vỏ ốc, vỏ hến ngu si, tối tăm nhưng đầy kiêu căng và khoa đại của chúng! Có bọn thì thấy giác ngộ, giải thoát, giới luật khó quá nên trở lại với bà-la-môn giáo thời sa đọa là luyện chú, luyện bùa, đọc mật chú,

thần chú để chữa bệnh kiếm tiền, để giúp việc mua may bán đắt, thăng quan tấn chức, lắm vợ nhiều con, được danh đoạt lợi. Chúng còn lấy cái bí bí, mật mật ấy... để dẫn dắt mọi người đến nơi giác ngộ, giải thoát! Cho đến, chúng còn có khả năng siêu nhiên là dẫn dắt thần thức người chết (phàm phu, chưa tu tập) đến các cảnh trời và cả Niết-bàn nữa! Có bọn chúng tỏ ứng hợp với thời đại, đã lấy kinh tế, chính trị, xã hội, khoa học, sinh học, lý học, vũ trụ học, thiên văn học, địa lý học, số học, toán học, cả triết, cả thơ và cả văn để giải thích giáo pháp của Như Lai! Bọn chúng nói chỉ để mà nói, mà khoe mẽ ta đây là học giả, là bác học nhưng năm giới cũng không giữ được, thậm chí, một giới cũng không giữ được - nói gì đến định, đến tuệ, đến tuệ giải thoát!

Này các thầy tỳ-khuru! Hãy tịnh định nơi hơi thở, an trú nơi hơi thở, hãy nghe cảm giác nói gì, tri giác nói gì, tâm hành nói gì, thức tri nói gì? Khở ở đó, lạc ở đó mà giác ngộ giải thoát cũng ở đó. Đừng tìm hiểu Niết-bàn qua ngôn ngữ, qua ý niệm, qua thức tri. Không tới đâu. Cũng đừng định nghĩa nó. Đừng định nghĩa Niết-bàn. Đừng định nghĩa siêu thế. Đừng xác lập nó ở trong hay ở ngoài trái đất. Chỉ khi nào tham sân si, phiền não hoàn toàn vắng lặng, không còn thiêu đốt nội tâm nữa, thì lúc ấy, tuệ tri, minh tri hiện ra; giác ngộ, giải thoát được thấy rõ, ngay tại đây, bây giờ; ngay tại cái thân dài một trượng này cùng với cảm giác và tri giác, là thấy rõ Niết-bàn chớ không ở một nơi nào khác, một chỗ nào khác! Niết-bàn ấy chẳng phải “tại” mà cũng chẳng phải “siêu”! Chẳng bờ bên này, chẳng bờ bên kia! Tất cả chúng đều bất lập!

Hãy lắng nghe với tâm trí rộng rang, vô ngã và vắng lặng! Hãy như vậy mà thọ trì này các thầy tỳ-khuru!

Bài pháp thuyết xong thì trời đã tối. Đức Phật vào nghỉ trong liêu thất của tỳ-khuru Subhūti. Đêm đó, rất đông tỳ-khuru thức ngủ, đàm đạo về giáo pháp cho đến gần sáng; sau

đó có vị kinh hành, vị tọa thiền, vị nằm nghỉ nghiêng lưng hướng đầu về phía đức Phật.

Đêm ấy quả thật là một đêm đậm đà hương vị giáo pháp; và, núi rừng, trăng sao như đồng tĩnh thức trong ánh huy hoàng của đạo giải thoát.

Đại Thần Chú

Trở lại Trúc Lâm, đức Phật cho họp các trưởng lão tăng ni hai viện, thu xếp mọi công việc ở đây trước khi rời chân lên phương bắc. Ngắm thời tiết, đức Phật biết xứ này sắp đến mùa nắng nóng nhưng ở phương bắc thì đang còn nhiều tháng ngày mát dịu.

Đức Phật dự định sẽ du hành một quãng đường xa; và chương trình của ngài sẽ ghé quê hương của Sāriputta, của Mahā Kassapa, ghé Pāṭaligāma, qua sông Gaṅgā, đến Vesāli, qua thăm các xứ Videha, Vajjī - sau đó sẽ lên Mallā, qua Moriya, Koliya rồi đến Kapilavatthu xem thử những ni viện ở các xứ này như thế nào.

Trưa hôm ấy, tại hương phòng, đức Phật nghe ngoài rừng tu viện có nhiều tiếng cười nói. Tôn giả Ānanda cho ngài hay biết, chư phàm tăng đang từng nhóm, từng nhóm bàn tán xôn xao, là có một đạo sĩ bà-la-môn đứt dây thần thông, rơi xuống nơi một vùng người ta đang họp chợ, may là chỉ bị thương nhẹ nhờ rớt trên đồng vải.

Đức Phật hướng tâm đến, ngài mỉm cười.

Tại giảng đường, sau đó, do yêu cầu của tôn giả Ānanda, đức Phật đã kể chuyện về đạo sĩ ấy như sau:

- Đạo sĩ ấy rồi sẽ có duyên với giáo pháp. Kể từ thời đức

Phật Padumuttara, ông ta sinh ra trong một gia đình bà-la-môn giàu có - đã có những cuộc cúng dường trọng thể đến đức Phật và tăng chúng. Hôm ấy, đức Chánh Đẳng Giác tuyên dương một vị tỳ-khưu, do công hạnh tu tập, được “Chư thiên ái kính”; ông hoan hỷ quá phát lời nguyện, là sau này, một vị lai nào đó, sẽ được xuất gia và cũng được như vị tỳ-khưu kia vậy. Đức Phật tùy hỷ công đức và thọ ký cho ông là vào thời của đức Phật vị lai, Sākya Gotama, ông ta sẽ được như nguyện. Vào thời đức Thế Tôn Sumedha Niết-bàn, ông ta lại cúng dường bảo tháp, cúng dường các bậc lậu tận... Sau nhiều kiếp làm người làm trời, nhiều kiếp làm Chuyển luân thánh vương, đến kiếp này, sinh quán ông ở tại Sāvatti, trong một gia đình bà-la-môn có của dư của để. Ông tên là Pilinda, họ Vaccha. Lớn lên, chán đời sống ngũ dục trần lụy, ông xuất gia thành một đạo sĩ du sĩ, lang thang từ nơi này sang nơi khác để tầm sư học đạo. Nhiều năm hành trì yoga, niệm chú, luyện thần chú trong nhiều hang động ở Tuyết Sơn, Pilindavaccha đạt được một vài khả năng nho nhỏ như xuất hồn, biết trước một số việc về tương lai, giỏi nhìn ăn và giỏi nhìn thở! Hôm kia, ông đang ngồi tập định yoga nơi một hóc núi thì thoáng thấy một đạo sĩ có bước đi như lướt gió, chốc là mất hẳn. Hình ảnh ấy lôi cuốn, hấp dẫn quá, Pilindavaccha bươn bả chạy theo hành tung của bậc siêu nhân. May thay, đến một sơn trấn, ông gặp được đạo sĩ đang nghỉ chân độ thực. Lân la đến thăm hỏi rồi Pilindavaccha quỳ lạy đạo sĩ xin được học phép lạ. Đạo sĩ nhìn ông một lát, sau đó nói thật rằng: “Nếu có tâm cần cầu hãy đến nước Gandhāra, tìm cho ra một sơn thôn cũng có tên là Gandhāra, có một bậc thầy siêu việt ở đấy. Cứ thăm hỏi mọi người, về một đạo sĩ già, ẩn tu trong một hang động, ông sẽ được như nguyện. Nhưng mà một năm phải đóng một trăm đồng tiền vàng đấy. Nói thật rằng, trước đây tôi là đệ tử của thầy, do thiếu tiền đóng học phí nên bị đuổi ra khỏi sơn

môn nên sự học của tôi chưa đến nơi đến chốn đâu”. Thế rồi, Pilindavaccha của chúng ta về lại gia đình ở Sāvatti, thu góp vàng bạc, rồi đi tìm thầy học phép siêu nhân.

Sau ba năm học nghệ, Pilindavaccha đã chứng tỏ được khả năng cần câu tu tập chí thú ngày đêm; ông đi được vào định thâm sâu, khi hướng tâm, biết được tâm người khác. Ngoài ra, Pilindavaccha còn luyện được một loại thần chú có tên là “Cūlagandhāra”, sau khi niệm, là có thể bay lượn được như chim giữa trời, mà bí thuật bà-la-môn giáo gọi là “du hành trên không”! Khi cho xuống núi, vị thầy già mỉm cười, nụ cười có vẻ tự châm biếm mình rồi như tâm sự mà rằng: “Ta dạy cho các người là để kiếm cơm nuôi ba bà vợ và mười hai đứa con, chẳng có siêu nhân, đạo hạnh gì như thế gian đồn đãi về ta cả. Bây giờ, người học được ít nhiều đó cũng chỉ là cái thuật, chỉ là cái cần câu để câu danh vọng và lợi dưỡng mà thôi. Tuy nhiên, hãy ghi nhớ lời này. “Cūlagandhāra” mới chỉ là “Tiểu thần chú”; vậy lúc nào trên thế gian, tại địa giới nào đó, có “Mahāgandhāra” tức là “Đại thần chú” xuất hiện thì Cūlagandhāra sẽ mất hết hiệu lực, sẽ không còn tác dụng nữa. Lúc ấy, tự người phải trật y vai phải, tìm đến vị có Đại thần chú ấy, đánh lễ, cúi đầu năm vóc sát đất để xin học hỏi, làm đệ tử của Người, sẽ mang đến lợi lạc cho người thật không xiết kể. Ta chỉ tiết lộ chừng ấy. Tuổi thọ của ta cũng đã sắp hết. Ta thiếu phúc lành hơn người nhiều đấy!”

Tuy chưa hiểu hết những ẩn ý trong lời tâm sự của vị thầy già, nhưng cái gọi là “Đại thần chú” ấy thì Pilindavaccha không quên. Chỉ hơn một năm sau, Pilindavaccha của chúng ta nghiêm nhiên đã là một đạo sư nổi danh khắp các tiểu quốc và thành phố miền Tây bắc châu Diêm-phù-đề. Học trò khắp nơi tìm đến học đạo. Khi mọi danh vọng và vinh quang đã như vàng hào quang xán lạn, Pilindavaccha về thăm quê hương với hàng trăm đồ

chúng vây quanh. Muốn biểu diễn phép lạ cho mọi người thán phục, lựa một quảng trường, Pilindavaccha niệm chú để “du hành trên không” chơi! Lạ lùng sao, vừa bay lên là ông ta bị rớt xuống. Lạnh toát cả người, Pilindavaccha hiểu, là có chuyện rồi, “Đại thần chú” đã xuất hiện rồi! Tuy viện có bị cảm đau không thi thố thần lực để lấy lòng tin với mọi người, nhưng tự thâm tâm, ông hiểu là “Tiểu thần chú” giờ đã hỏng! Tại thành phố này, “Đại thần chú” đã xuất hiện! Mấy ngày sau, bí mật điều tra, Pinlindavaccha biết rằng, tại Kỳ Viên, mấy ngày trước đây đã xuất hiện một vị Phật, một vị Chánh Đẳng Giác! Năm ấy, ngày tháng ấy Như Lai lần thứ nhất ghé thăm Kỳ Viên. Hóa ra, các thầy tỳ-khuru biết không, Như Lai có “Đại thần chú”; bậc có “Đại thần chú” ấy, chẳng là ai khác mà chính là Như Lai!

Có nhiều tiếng cười có vẻ sảng khoái, thú vị. Đức Phật nghỉ hơi một chút. Câu chuyện hấp dẫn quá, hội chúng lại bắt đầu chổng tai lắng nghe, im lặng; và bây giờ chỉ có tiếng ruồi kêu vo ve!

- Hôm ấy, đức Phật kể tiếp - Như Lai biết, các bậc có thắng trí cũng biết, nhưng thấy chưa hợp lúc, chưa đúng cơ duyên. Như Lai còn biết nữa rằng, Pilindavaccha, sau đó, im trống, xếp cờ, lặng lẽ xuôi Nam - và bắt đầu tìm kiếm danh vọng ở quốc độ khác, đầu tiên là ở Bārāṇasī. Tại đây, tả và hữu ngạn sông Gaṅgā là căn cứ địa của bà-la-môn giáo, là nơi hùng cứ của đủ mọi thứ tà thuật, phép thuật, Pilindavaccha nổi danh như cồn. Thuở ấy, Mahā Moggallāna có trình báo chuyện ấy cho Như Lai hay, nhưng Như Lai bảo là chưa đúng thời. Mấy năm vừa rồi Pilindavaccha tung hoành kiếm ăn tại các tiểu quốc cực Nam... Còn bây giờ, lát nữa thôi, Pilindavaccha sẽ đến đây để xin Như Lai học “Đại thần chú”; các thầy hãy xem nào, dường như ông ta và đồ chúng đã xuất hiện ở ngoài bìa rừng... Đã đúng thời, đủ duyên rồi đây!

Đức Phật nói xong thì quả đúng như thế, đạo sĩ Pilindavaccha với dáng đi chững chạc của một đạo sư cùng nhóm đệ tử đã vào đến nơi. Pilindavaccha nhớ lại lời thầy dạy thuở trước, ông trật y vai phải, đánh lễ đức Phật với năm vóc sát đất rồi thưa:

- Kính bạch đại sa-môn! Tôi muốn học “Đại thần chú”, xin ngài từ bi, hoan hỷ tiếp độ!

Cả nhóm đệ tử đi theo đều cùng khấu đầu đánh lễ với ước nguyện như vậy.

Đức Phật mỉm nụ cười ở trong tâm, dịu dàng nói:

- Này Pilindavaccha! Như Lai biết ông đã lâu, nhưng nay cơ duyên mới chín muồi. Vậy, ông hãy xuất gia theo giáo pháp của Như Lai, Như Lai sẽ chỉ dạy cho ông không những là “Đại thần chú” mà cả “Vô thượng, vô thượng chú” nữa đây!

Vị du sĩ đạo sư Pilindavaccha tưởng rằng, xuất gia là bước đầu của việc học thần chú nên ưng thuận ngay. Và sau đó, ông được các trưởng lão làm lễ xuất gia cho, có đức Phật chứng minh. Rồi sau những lời giáo giới căn bản ban đầu, đức Phật quán căn cơ, cho vị tân tỳ-khuru một đề mục thích hợp rồi nói rằng:

- Hãy cần mẫn, chăm chuyên, tinh cần ngày đêm, gấn chặt tâm trí nơi đề mục ấy, đừng hỏi gì cả, đừng nghi gì cả thì đại thần chú, vô thượng, vô thượng chú sẽ xuất hiện!

Sau khi hội chúng giải tán cả rồi, đức Phật nói với hai vị đại đệ tử và Ānanda:

- Do gieo duyên sâu dày với giáo pháp, không lâu sau, tân tỳ-khuru Pilindavaccha sẽ đắc quả A-la-hán; rồi sẽ đạt được nguyện vọng mà đức Phật Padumuttara đã từng thọ ký cho ông ta là vị tỳ-khuru hằng được chư thiên ái kính và ngưỡng mộ như Subhūti vậy.

Thêm Một Gia Chủ Hữu Danh

Hôm ấy, đức Phật và đại chúng tỳ-khưu lại lên đường, bắt đầu một cuộc du hành về hướng làng Nālakagāma⁽¹⁾, sinh quán của tôn giả Sāriputta - ngụ tại khu rừng Pavarikāmba. Nơi đây cũng gần làng Mahātiṭṭha của tôn giả Mahā Kassapa, gần làng Kolilagāma của tôn giả Mahā Moggallāna. Đức Phật lặng lẽ không nói gì - nhưng chính là ngài đang tạo cơ duyên cho ba vị thượng thủ A-la-hán tiếp độ thân quyến của họ. Còn đức Phật thì có việc riêng của ngài.

Đạo sĩ Niganṭhā Dīghatapassa (Trường khổ hạnh giả), sau khi khát thực ở Nālanda, độ ngộ xong, trên đường trở về, nghe đức Phật và đại chúng tỳ-khưu đang ngụ tại rừng Pavarikāmba nên ông tìm đến thăm. Sau vài lời chào hỏi xã giao, ông đứng một bên.

Đức Phật hiền từ, lịch thiệp nói:

- Có tám đá đậy, ông hãy ngồi xuống đi!

Khi đạo sĩ Niganṭhā Dīghatapassa đã an vị, đức Phật bắt đầu vào đề:

- Nay Tapassa! Cho Như Lai được hỏi, thầy của ông,

⁽¹⁾ Đôi nơi còn gọi là Nālanda - và sau này là trường đại học Nālanda.

giáo chủ Niganthā Nātaputta (Ni-kiền-tử) chủ trương có bao nhiêu loại nghiệp để tạo thành ác nghiệp, để có thể diễn tiến ác nghiệp?

- Thưa sa-môn Gotama! Giáo chủ của chúng tôi không có thông lệ chủ trương nghiệp, nghiệp, không nói về nghiệp; mà chỉ nói đến “phạt, phạt”. Phạt, phạt là chủ trương của giáo chủ chúng tôi.

- “Phạt, phạt”, nghe rõ rồi; nhưng Như Lai muốn hiểu từ “phạt” ấy, nó mang ý nghĩa như thế nào mới đúng với quan điểm của quý giáo?

- Phạt có nghĩa là “bắt chịu, gánh chịu, nhận chịu...” ví như một sự thiệt thòi, một khổ cực, một cái gì bất hạnh... Nghĩa phạt ấy, chính xác là như vậy, thưa sa-môn Gotama!

- Như Lai hiểu rồi! Vậy thì quý giáo chủ chủ trương có bao nhiêu loại phạt để tạo thành ác nghiệp, để có thể diễn tiến ác nghiệp?

- Thưa, giáo chủ chúng tôi chủ trương có ba loại phạt để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, đó là thân phạt, khẩu phạt và ý phạt.

- Thế có nghĩa là thân phạt khác, khẩu phạt khác và ý phạt khác?

- Đúng vậy, thưa sa-môn Gotama!

- Vậy thì trong ba loại phạt ấy, loại phạt nào là tối trọng, là quan trọng nhất để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, này Tapasa?

- Thân phạt là tối trọng, là quan trọng nhất, thưa sa-môn Gotama!

Đến đây, đức Phật bèn gặng hỏi:

- Ông nói “thân phạt” là tối trọng, là quan trọng nhất so với khẩu phạt và ý phạt?

- Đúng vậy!

- Thân phạt là tối trọng thật chăng?

- Đúng vậy!

- Thân phật, Như Lai không lầm lẫn đây chứ?
- Đúng vậy!

Nghe đạo sĩ Niganthā Dīghatapassa xác định ba lần thân phật là quan trọng, là tối trọng, đức Phật chỉ mỉm cười và không nói gì nữa.

Đợi một hồi không nghe đức Phật đưa ra kết luận quan điểm ấy là đúng hay là sai, nóng ruột, Tapassa hỏi:

- Thế sa-môn Gotama có quan điểm như thế nào về điều ấy? Sa-môn Gotama chủ trương có bao nhiêu loại phật để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp?

Đức Phật mỉm nụ cười nhẹ:

- Như Lai không có quan điểm, không có chủ trương, này Tapassa!

Du sĩ Niganthā Dīghatapassa ngỡ ngàng.

Đức Phật tiếp:

- Có quan điểm, có chủ trương là còn ở trên bình diện giả thiết, giả định, giả đoán, suy luận... Như Lai do thấy và biết nên Như Lai chỉ nói lên cái thấy cái biết như thực ấy, này Tapassa!

- Vậy sa-môn Gotama thấy và biết có bao nhiêu loại phật?

- Cũng do sự thấy biết ấy, Như Lai không bao giờ nói phật, phật, này Tapassa! Như Lai thấy rõ nghiệp nên Như Lai chỉ nói sự thực về nghiệp, nghiệp cùng những tương quan phát sanh của nó.

- Cái nghiệp ấy như thế nào hở sa-môn Gotama?

- Như Lai thấy rõ là có ba nghiệp, ấy là thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp, này Tapassa!

- Trong ba nghiệp ấy, nghiệp nào là tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp?

- Như Lai thấy rõ ý nghiệp là tối trọng!

- Sa-môn Gotama bảo ý nghiệp là tối trọng?

- Đúng vậy!

- Thật không, ý nghiệp là tối trọng?
- Đúng vậy!
- Ý nghiệp là tối trọng, tôi nghe không lầm đây chứ?
- Ông không lầm đâu!

Khi nghe đức Phật xác định ba lần ý nghiệp là tối trọng, du sĩ Nigaṇṭhā Dīghatapassa không hỏi gì nữa, không nói gì nữa, cũng không tranh luận; ông tôn kính khẽ chào ngài, lặng lẽ đứng dậy từ chỗ ngồi rồi ra khỏi khu rừng. Vừa đi, đạo sĩ vừa nghĩ: “Kinh khiếp thay là vị sa-môn này; ông cuốn hút người ta, ông hấp dẫn người ta như là có huyền thuật vậy. Bình thường, lúc đàm thoại, kể cả tranh luận, ta đâu có thua ai? Nhưng sao đối với vị sa-môn này, ta cảm giác như bị lép vế, bị lấn cán, bị run sợ... rồi cuối cùng là bị nghiêng theo, bị ngã theo lúc nào cũng không biết! Thật là ớn lạnh. Còn cái - Như Lai không có chủ trương, không có quan điểm - mới lạ lùng làm sao? Ta chưa hề nghe thấy bao giờ! Dường như mọi chân lý ông đều đã thấy cả rồi, đã kiểm nghiệm chắc thật rồi - bây giờ ông chỉ việc nói ra mà thôi? Điều cuối cùng, không biết tại sao, ở đâu, vì cái gì không biết: Vị sa-môn này, đối thoại với ai rồi, thì dường như có một mãnh lực, một uy lực - nó bắt mọi người phải tôn trọng, phải kính trọng ông ta! Và quả thật, mình cũng không ngoại lệ”. Nigaṇṭhā Dīghatapassa thấy rầu rầu trong lòng, định phải kể lại toàn bộ cuộc đối thoại này cho giáo chủ của ông ta nghe.

Tại ngôi làng Balāka kế cận, tại trang viên của trưởng giả Upāli, rất đông gia chủ và giáo chúng Nigaṇṭhā đang tề tựu ở đây để nghe giáo chủ Nigaṇṭhā Nāṭaputta thuyết pháp. Người có uy tín, lãnh đạo hội chúng gia chủ tại ngôi làng này chính là trưởng giả Upāli.

- Này Tapassa! Nāṭaputta cất tiếng hỏi - Ông từ đâu đến mà trông cái bản mặt, cái vẻ mặt như đưa đám thế?
- Đệ tử từ sa-môn Gotama mà đến đây, thưa tôn sư!

- Thế ông có đàm luận gì với sa-môn Gotama không?

- Thưa có, câu chuyện vừa chấm dứt xong là đệ tử đến đây ngay.

- Vậy cuộc đàm thoại ấy có nội dung như thế nào, này Tapassa!

Du sĩ Nigaṇṭhā Dīghatapassa kể lại.

Ông giáo chủ khen ngợi:

- Thật là tốt lành thay! Thật là tốt đẹp thay! Ông là một đệ tử đa văn, hiểu biết, đã hiểu đúng đắn lời dạy bảo của ta, đã nói chính xác quan điểm của ta cho sa-môn Gotama nghe. Làm sao mà cái ý phật hèn kém, thấp thỏi lại có thể sáng chói, có đủ uy lực so với thân phật cường đại này kia chứ? Đúng là thân phật mới là cái tối trọng!

Trưởng giả Upāli cũng tán dương Tapassa:

- Xứng đáng lắm! Xứng đáng lắm! Tôn giả Tapassa đã làm nở mày, nở mặt chúng ta! Trước một đối thủ đáng gờm như sa-môn Gotama mà tôn giả vẫn giữ vững được lập trường của đức Tôn Sư! Thật là tuyệt vời!

Đạo sĩ Dīghatapassa đứng một bên, nghe ca tụng mình cảm thấy khó chịu quá, như có cái gì đâm trong óc; nhưng ông ta không thể nói xen được một câu nào - vì mọi người đang phấn khích và đang sôi nổi nói chuyện quá ồn ào!

Trưởng giả Upāli thì đang trên đà hưng phấn, thưa với giáo chủ Nāṭaputta:

- Bạch Tôn Sư! Hãy cho đệ tử được đi luận chiến với sa-môn Gotama! Đệ tử sẽ chơi trò chơi như nắm chặt con cừu lông dài mà vật trụ nó như vật trụ kiến thức của sa-môn Gotama vậy. Đệ tử sẽ chơi trò chơi quân tới, dặc lui, vùn quanh làm cho lý luận của sa-môn Gotama tắt hơi, ngắt xiu luôn! Đệ tử sẽ chơi trò chơi lắc qua, lắc lại làm cho chữ nghĩa của sa-môn Gotama xây xẩm, mệt đừ! Đệ tử sẽ chơi trò chơi của con voi phun nước làm cho mọi chủ trương, lập trường của sa-môn Gotama không còn có chỗ nào mà đón

đỡ! Hãy cho đệ tử được đi luận chiến với sa-môn Gotama một trận!

Nāṭaputta cười ha hả, gật đầu lia lịa, đắc ý nói:

- Phải! Phải! Trong hội chúng này chỉ có ta, ông và Tapassa mới có đủ khả năng luận chiến với sa-môn Gotama mà thôi!

Nghe giáo chủ đồng ý theo yêu cầu của trưởng giả Upāli, du sĩ Dīghatapassa chột can ngăn:

- Đệ tử thật không an tâm chút nào khi Tôn Sư đồng thuận cho trưởng giả Upāli luận chiến với sa-môn Gotama!

Nāṭaputta nhăn mày hỏi:

- Tại sao? Tại sao hử? Tại sao thế, Tapassa? Ta nghĩ rằng, sẽ không có trường hợp Upāli của ta thua cuộc rồi làm đệ tử sa-môn Gotama đâu! Phải hiểu ngược lại mới đúng. Sa-môn Gotama sẽ bị hạ đo ván rồi ông ta sẽ cam tâm làm đệ tử của Upāli cho mà xem! Hãy chống mắt cho to ra!

Dīghatapassa vẫn giữ ý mình:

- Nói gì thì nói, đệ tử cũng không an tâm! Đệ tử không bao giờ đồng thuận việc này.

Khi giáo chủ gặng hỏi mãi lý do, Dīghatapassa bèn phải nói ra cảm nhận của mình. Với giọng chậm rãi, điềm đạm, ông lim nhim mắt như hồi ức rồi nói:

- Đệ tử cảm giác sâu sắc rằng, sa-môn Gotama là một con người không phải tầm thường. Không nói đến tướng mạo đoan trang, nghiêm chính một cách lạ kỳ. Không nói hào quang trí tuệ dường như tỏa sáng xung quanh, tỏa sáng nơi vùng trán, đôi mắt và cả nơi từng ngón tay. Không nói đến ngôn ngữ, âm thanh - mà có lẽ lần thứ nhất trong đời, đệ tử cảm giác nghe được tiếng nói vi diệu không phải của nhân gian trần tục. Đệ tử chỉ nói đến cái cách sa-môn Gotama thiện xảo trong cách sử dụng ngôn ngữ và cách đặt vấn đề. Chỉ sơ sẩy, lơ là một chút là lập trường tư biện của ta sẽ bị mất tích vào nội dung luận chứng của ông ta ngay

lập tức mà không hề hay biết...

Cả hội chúng rúng động. Im lặng.

Dīghatapassa thủng thỉnh nói tiếp:

- Cái ấy tuy ghê vậy nhưng chưa quan trọng...

Mọi người dồn dập hỏi:

- Vậy cái gì quan trọng hơn?

- Thưa, chính là sự hấp dẫn, cuốn hút! Khi đối thoại, đệ tử vừa cảm nhận một từ trường rất an lành, mát mẻ tỏa khắp châu thân, đồng thời như bị say mê cuốn hút vào trong mà không có cách chi cưỡng lại được...

Nói đến ngang đây, Dīghatapassa nhìn mọi người, cất giọng có vẻ thành khẩn, kết luận:

- Sa-môn Gotama còn là một huyễn sư, đã sử dụng huyễn thuật vô hình lôi cuốn cả hằng ngàn, hằng ngàn đồ chúng ở khắp mọi nơi, trên khắp các quốc độ! Hai vị đại vương đại đế của châu Diêm-phù-đề và cả triều đình đều là đệ tử của ông ta. Biết bao nhiêu là trí thức, đại trí thức của thiên hạ đổ xô tìm về quy giáo. Hằng chục, hằng trăm hoàng thân, vương tôn, công tử, danh gia, đại danh gia, thủ lĩnh tướng quân, đại thần, quan tổng trấn, triệu phú, đại triệu phú, công chúa, công nương, vương phi, quận chúa, tiểu thư... đều trở thành thuộc hạ tứ chúng trong giáo hội độc thân vô tiền khoáng hậu ấy! Chúng ta phải lưu ý như vậy! Xem thường đối thủ sẽ thất bại đấy! Mà đối thủ này là ai kia chứ? Người ta bảo là vị Phật đấy, không làm đâu! Một đức Chánh Đẳng Giác chính thị con nai vàng đấy, không phải thứ giả đâu! Xin mọi người hãy tự biết mình! Xin mọi người hãy cẩn trọng!

Giáo chủ bàng hoàng cả người, nhưng ông ta là người trấn tĩnh sớm nhất, cất giọng lớn:

- Thế là ông bị hấp dẫn, cuốn hút vào ngôn ngữ, âm thanh của sa-môn Gotama rồi cảm nhận bậy bạ, đưa ra những nhận xét cảm tính chủ quan! Sa-môn Gotama chỉ dụ

đồ được những người yếu bóng vía, ba cái thứ tôm tép lắt nhắt lảng nhăng mà thôi!

Rồi nhìn Upāli, ông nói to:

- Ông có sợ không, Upāli?

- Không sợ! Trưởng giả Upāli rần rỏi đáp - Không vào hang hùm làm sao bắt được cọp con?

- Phải vậy!

Rồi mọi người cùng cười ha hả với nhau. Riêng Dīghatapassa thì trông cứ vẫn đăm chiêu, rồi cảm thấy buồn đau ở trong lòng, tự nghĩ: “Cả một đám hổ lớn, ngu si, ngốc nghếch, chọt búa, ồn ào, tự mãn như vậy mà đòi đi đối thoại với bậc thiện trí thức trên đời này! Than ôi!”

Trưởng giả Upāli, sau đó, tức khắc đi đến rừng xoài Pavarika, vào gặp đức Phật và sau đó đã xảy ra cuộc đàm thoại như sau.

- Thừa sa-môn Gotama! Có phải vừa rồi, trong cuộc nói chuyện với đạo sĩ Tapasa, đức Thế Tôn có xác định, trong ba nghiệp, ý nghiệp là quan trọng nhất, hơn cả thân và khẩu?

- Đúng vậy, này trưởng giả Upāli!

- Làm sao, cái ý nghiệp nhỏ nhiệm, mơ hồ, vô hình lại có thể có năng lực, có tác động mạnh hơn hai nghiệp kia, nhất là thân nghiệp cụ thể và cường đại này?

- Này trưởng giả Upāli! Ông có thể y cứ nơi sự thật để cùng đàm luận với Như Lai được chăng?

- Có thể được, thừa sa-môn Gotama!

- Này Upāli! Giáo chủ của ông có khi nào nhắc đến một cảnh giới có tên là Manosatta không?

- Dạ thưa có!

- Cảnh giới ấy tại sao lại có tên là Manosatta⁽¹⁾, ông có biết không?

⁽¹⁾ Mano, biến thể của mana là ý, là tâm, tinh thần; satta là chúng sanh, là hữu tình.

- Thừa biết, cảnh giới ấy do chấp trước ý, do ý sanh nên gọi tên là chúng sanh do ý sanh!

- Ông bảo là do ý sanh, nói cách khác là do ý nghiệp (Manokamma) sanh?

- Thừa vâng, ý nghiệp sanh!

Đức Phật mỉm cười, nhìn ông trưởng giả, điềm đạm nói:

- Do chấp trước ý, do ý sanh, do ý nghiệp! Hay lắm! Gia chủ, khi trả lời như thế ông đã suy nghĩ kỹ càng, thận trọng chưa? Ông không sợ lời nói sau của mình đã phủ nhận lời nói trước của mình hay sao?

Trưởng lão Upāli lặng người, tái mặt. Lát sau, định tĩnh lại, ông vẫn nói:

- Dầu thế nào, tôi vẫn với quan điểm thân nghiệp mới là tối trọng - mong rằng vẫn có thể tiếp diễn cuộc đối thoại này chứ, thưa sa-môn Gotama?

- Có thể được, này Upāli, nếu ông vẫn y cứ trên sự thật!

- Thừa vâng!

- Như Lai biết rằng - Đức Phật tiếp tục - Một đạo sĩ Nigaṇṭhā phòng hộ bốn loại cấm giới rất cẩn trọng. Có người vừa đi vừa quét con đường trước mặt, sợ đạp nhầm giun dế, kiến, các loài côn trùng. Có người chỉ uống nước khi đã nấu chín. Có người uống nước ao hồ sau khi đã lọc ba lần. Như thế nào hở ông gia chủ? Các vị ấy có đảm bảo rằng, trong gió, trong hư không, khi hít thở vào lại không có chúng sanh? Có đảm bảo rằng dưới bước chân đi, trong chỗ ngồi, nằm, trong những gáo nước đã uống ấy lại không sát hại những sinh vật li ti nhỏ bé mà mắt thường không thấy được?

- Có thể lắm! Nhưng, không cố ý là không có tội!

- Nếu cố ý thì sao?

- Là có tội, thưa sa-môn Gotama!

- Vậy chỗ quan trọng hóa ra là ý, cũng là ý nghiệp?

- Đúng là ý nghiệp!

Đức Phật lại mỉm cười nữa:

- Không cố ý, không có tội, cố ý, có tội, ý nghiệp! Hay lắm! Câu trả lời này ông có thấy là ông đã tự phủ nhận lập luận của mình, quan điểm của mình chẳng?

Trưởng giả Upāli không tái mặt nữa. Qua hai đoạn đối thoại, qua hai ví dụ cụ thể y cứ trên sự thực của đức Thế Tôn, ông đã nhìn ra vấn đề, đã thấy rõ vấn đề. Tuy nhiên, vì muốn học hỏi, ông vẫn giữ quan điểm đối lập.

- Tuy hay lắm, đúng lắm; nhưng vẫn chưa thuyết phục được tôi, thưa sa-môn Gotama!

- Thôi được! Đức Phật gật đầu - Như Lai cũng kiên nhẫn đưa thêm vài ví dụ cụ thể nữa, được chẳng?

- Thưa vâng!

- Ở vùng này, dân cư có vẻ đông đúc lắm, phải không trưởng giả Upāli quý mến?

- Dạ, đông lắm!

- Nếu có một người điên, hung khí nổi lên, sát khí nổi lên - cầm vũ khí sáng ngời trên tay, y nói với mọi người rằng: “Chỉ trong một thoáng khắc, một sát-na, với thanh kiếm này, tôi sẽ làm cho tất cả mọi người trong vùng này thành một đồng thịt, thành một khối thịt!” Lời của người điên ấy, sẽ thành hiện thực không, khi chỉ với một cây kiếm, trong thời gian một thoáng khắc, một sát-na?

- Thưa, không thể! Dầu là một kiếm sĩ, kiếm vương, với một thanh kiếm trong thời gian một thoáng khắc, một sát-na thì giết vài người đã không được, mười người lại càng không thể, huống hồ dân cư đông đúc cả một vùng!

- Thế nhưng, này gia chủ! Nếu có một đạo sĩ có uy lực, có đại uy lực do thành tựu đại chú thuật - với tâm sân hận, y nói rằng: “Ta sẽ giết hết tất cả mọi người trong mấy ngôi làng này, chỉ trong một thoáng khắc, một sát-na mà thôi!” Lời của đạo sĩ ấy không biết có thể trở thành hiện thực được không? Trong một thoáng khắc, một sát-na, với tâm sân hận,

y có làm được thế chẳng, Upāli?

- Có thể được, thưa sa-môn Gotama! Với tâm sân hận, với đại uy lực do đại chú thuật, trong một sát-na, y không những giết hết mọi người trong mấy ngôi làng, mà còn nhiều hơn thế nữa cũng được đấy!

Đức Phật lại gật đầu, mỉm cười:

- Ông trưởng giả vừa xác nhận là một người, với một thanh kiếm, trong một sát-na, sức hủy diệt của nó không đáng kể gì so với một đạo sĩ có đại chú thuật, có đại uy lực?

- Thưa vâng!

- Thế ra, cái sức mạnh của thân, thân lực không thể nào so sánh được với sức mạnh của ý, ý lực?

- Nhất định vậy rồi!

Nói thế xong, trưởng giả Upāli biết mình không thể nào đứng vào thế đối lập được nữa, ông phụ họa theo:

- Các khu rừng lớn, các khu rừng có tên có tuổi như rừng Daṇḍaka, Kalingā, Mejjha, Mātāṅgā... bị thiêu hủy, mà hiện giờ ai ai cũng không quên được là do tâm sân hận của các đạo sĩ độc ác đấy, thưa sa-môn Gotama!

- Ủ, đúng vậy! Đức Phật nói - Hóa ra ông đã hoàn toàn đồng ý với Như Lai là ý nghiệp có sức mạnh tối thắng hơn là thân nghiệp?

Trưởng giả Upāli chột quỳ xuống, năm vóc sát đất, vô cùng cung kính đánh lễ đức Phật rồi thưa rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Chỉ với ví dụ đầu tiên “rất ngắn gọn, rất minh nhiên, y cứ trên sự thật” của ngài về “Ý trước thiên” đệ tử đã hiểu ra toàn bộ, đã vô cùng thỏa mãn, hoan hỷ. Nhưng vì đệ tử còn muốn học hỏi, còn muốn hiểu rõ sâu cạn, xa rộng của vấn đề nên đã tự trấn tĩnh mình, đứng vào thế đối lập có vẻ ngu si và cố chấp, xin đức Thế Tôn đại bi xá tội ấy cho đệ tử.

Vị gia chủ đánh lễ một lần nữa rồi chấp tay, nói tiếp:

- Ôi! Thật là vi diệu thay! Thật là rõ ràng, minh bạch

thay! Đức Tôn Sư đã bi mẫn và nhẫn nại dùng nhiều phương pháp trình bày, ví dụ, giải thích như trao cho đệ tử một ngọn đèn, một đôi mắt sáng để thấy rõ cái cốt lõi của giáo pháp. Vậy nay đệ tử xin quy y Thế Tôn, quy y Chánh pháp, quy y chúng tỳ-khuru Tăng. Mong đức Thế Tôn nhận đệ tử làm người cư sĩ từ nay cho đến mạng chung, trọn đời quy ngưỡng.

Trưởng giả Upāli đánh lễ một lượt nữa.

Đức Phật nói:

- Từ từ đã, này gia chủ! Hãy suy nghĩ cho chín chắn trước khi phát nguyện quy y. Chín chắn trong suy tư là một cái gì rất tốt đẹp đối với một trưởng giả có học thức, hiểu biết và hữu danh như ông.

Trưởng giả Upāli lại gập đầu, kính cẩn nói:

- Câu nói ấy của đức Thế Tôn, đúng là phẩm cách của bậc chí nhân, chí thiện và đại trí trên đời này; đệ tử lại càng quy ngưỡng hơn nữa. Sự nương tựa của đệ tử lại càng thêm tinh tìn và bất động.

- Này gia chủ! Như Lai nói rất thật lòng, không có chỗ nào là đãi bôi, khách sáo và hư ngụy ở đây cả. Hiện tại, nhà ông là cái giếng nước đầy tràn giữa ngã tư đường cho các Niganthā; là cả một suối nguồn tuôn chảy không bao giờ khô cạn cho các Niganthā. Quy y với Như Lai, các Niganthā sẽ bảo rằng, Như Lai là một huyễn sư đã sử dụng chú thuật, huyễn thuật để quyến dụ ông, đã cướp đi miếng cơm manh áo của họ. Vậy, không cần thiết phải quy y Như Lai! Hãy trở về với giáo chủ của ông và hãy làm trọn phận sự của một đệ tử thuần thành y như trước đây, là hãy chăm lo bố thí, cúng dường đến cho họ, này gia chủ!

Trưởng giả Upāli nghe đức Phật nói như thế, tâm tư ông tràn đầy an vui và mát mẻ, nói rằng:

- Từ lâu, các tôn giáo khác, cụ thể là các ông Ni-kiền-tử họ đã nói với mọi người và đồ chúng rằng: Hãy đến đây mà

quy y với ta, ta mới chính là đạo sư, chân sư, minh sư trên đời này! Hãy đến đây mà bố thí cúng dường đến ta và đệ tử của ta; bởi như vậy mới có được công đức lớn, phước báu lớn; bố thí cúng dường đến người khác, các tôn giáo khác sẽ chẳng có được lợi lạc gì đâu! Ôi! chỉ có đức Thế Tôn mới nói những lời làm cho đệ tử hoan hỷ tâm, hoan hỷ trí đến như vậy. Đệ tử không quy y sao được, không tìm chỗ nương tựa thích đáng, chân chính cho đời mình sao được, bạch đức Thế Tôn!

Biết được Upāli là người trí thức, đã có sự sáng suốt và tự do trong việc lựa chọn của mình nên đức Phật thuận theo cơ duyên, thuyết cho ông nghe một thời pháp. Đầu tiên, ngài nói về thí, về giới, các cảnh trời - sau đó mới nói đến sự thấp thỏi, hạ liệt, nhiễm ô và sự nguy hiểm của các dục; sự an vui và hạnh phúc của sự lìa thoát, bước ra khỏi chúng. Khi biết Upāli trí rất nhạy bén, tâm đã sẵn sàng, đức Phật bèn tiếp tục giảng nói cái cốt lõi nhất của Tứ diệu đế. Không ngờ do phúc dày, duyên đủ, nghe xong, Upāli lìa bỏ được tri kiến cũ, nắm bắt ngay được tri kiến mới, chứng được pháp nhãn thanh tịnh, thanh thoi với những bước chân đầu tiên dẫm lên mảnh đất bất tử.

Với những giọt nước mắt ràn rụa, không nói nên lời, trưởng giả Upāli dập trán mình “lộp độp” xuống đất đến rướm máu với sự tri ân vô hạn. Đức Phật làm lễ quy y cho ông trước sự chứng kiến và sự hoan hỷ của các hàng trưởng lão.

Tại trang viện, sớm hôm sau, trưởng giả Upāli tập họp vợ con, hầu thiếp, mọi người trong nhà, cả hàng trăm gia nhân - rồi trình trọng tuyên bố như sau:

- Từ rày trở đi, các người ghi nhớ lời này: “Hãy đóng cửa đối với các nam Nigaṇṭhā, các nữ Nigaṇṭhā; và hãy mở rộng cửa, tất cả các cửa chính để trân trọng nghinh đón, mời nước, dọn chỗ ngồi đối với các tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, sa-di,

sa-di-ni, nam nữ cư sĩ trong giáo hội của đức Thế Tôn Sākya Gotama!”

Các bà vợ ngạc nhiên, cất tiếng hỏi:

- Sao có việc lạ lùng đến vậy, phũ phàng đến vậy đối với giáo chủ và đồ chúng Niganthā mà trước đây ông đã bắt chúng tôi cung phụng họ không mệt mỏi? Vậy nếu nhớ họ đến thì phải ăn nói làm sao?

Trưởng giả Upāli cất giọng to:

- Đừng ngại gì cả! Đừng sợ gì cả! Cứ nói như thế này: “Thưa các tôn giả, các tôn giả đừng có bước vào! Gia chủ Upāli bây giờ không còn là đệ tử của các Niganthā nữa; ông ta đã là đệ tử của đại sa-môn Gotama rồi!”

- Thế không cúng dường vật thực cho họ nữa hay sao?

- Có! Có! Đức Tôn Sư của ta có dạy bảo là nên cúng dường cho họ. Nhưng trong trường hợp ấy, hãy yêu cầu họ đứng bên ngoài, và các người hãy mang vật thực ra tận nơi mà đặt bát! Hãy nhớ như vậy!

Du sĩ Dīghatapassa khi nghe đồn trưởng giả Upāli đã quy giáo đức Phật, ông tự nhủ rằng: “Đúng là vậy rồi, không thể sai trật!” rồi vội vã đến báo tin ấy cho giáo chủ của mình hay. Niganthā Nātaputta không tin:

- Ngược lại mới đúng, này Tapassa! Có lẽ sa-môn Gotama quy giáo thiện nam tử Upāli của ta mà thiên hạ nghe nhầm đấy!

Dīghatapassa nói đến ba lần và cả ba lần ông giáo chủ cũng lặp lại nguyên ý cũ, lại còn bảo:

- Nếu không tin, ông hãy đến trang viên thiện nam tử của ta mà xem!

Dīghatapassa nói:

- Đi thì đi, nhưng đệ tử biết chắc như đinh đóng cột rằng là, Upāli đã vĩnh viễn từ bỏ Niganthā của chúng ta rồi!

- Tại sao? Ông giáo chủ quắc mắt - Tại sao ông lại nói lên diêm gở ấy?

- Tại sao ư? Vì đệ tử biết rõ Upāli người có trí mà sa-môn Gotama lại là bậc đại trí! Thế thôi!

Thấy Nāṭaputta gườm gườm có vẻ tức giận, Tapassa bước nhanh ra ngoài, tìm đến trang viên của Upāli. Ông bị người ta chặn ở cửa:

- Xin tôn giả chớ có bước vào!

- Tại sao?

- Gia chủ Upāli bây giờ đã là đệ tử của sa-môn Gotama rồi. Nếu muốn, tôn giả cứ đứng ở đây, chúng tôi sẽ đặt đầy vật thực.

- Ta không cần đồ ăn!

Tapassa bước lui và đi liền một mạch về kể lại sự thực cho giáo chủ Ni-kiền-tử.

Muốn hỏi cho ra lẽ, Nāṭaputta triệu tập đồ chúng, kéo đến trang viên của Upāli. Họ cũng bị viên gia nhân chặn ở cửa, không ngoại lệ.

Tức giận quá, Nāṭaputta quát to:

- Hãy báo cho Upāli biết, là giáo chủ Nāṭaputta đang đứng ở ngoài cửa, muốn gặp ông ta.

Khi gia nhân vâng lời đi vào trong thưa báo, giáo chủ Nāṭaputta tự nghĩ: “Tapassa và thiên hạ nói đúng sự thật rồi. Trước đây, khi ta đến, vị gia chủ này đi đón ta xa ngoài ngưỡng cửa, đầu cúi thấp, một tay chấp lại, một tay rải hoa rải hương thơm ngào ngạt. Vào trong, nơi chỗ ngồi tối thượng, tối tôn, tối cao, tối thắng như vua chúa, ông ta còn lấy thượng y quý phái của mình mà lau chỗ ngồi cho ta nữa. Còn nay thì sao? Còn nay thì một tên gia nhân, lại dám đóng sập cửa trước mũi của ta!”

Khá lâu sau, thấy cửa chính được mở ra; và ông quản gia tóc bạc dẫn họ vào một căn phòng lớn, sang trọng. Các chỗ ngồi đâu đó đã được soạn sẵn. Tại chỗ trân trọng nhất, có một lò trầm và một bình hoa tươi thắm đặt trên chiếc bàn phủ nhung đỏ, ở đây là nơi mà ông giáo chủ thường ngồi, thì

nay là Upāli trong phục sức của một trưởng giả phú quý trong địa vị là một gia chủ đang đợi khách!

Upāli cất giọng cười to, đưa bàn tay ra:

- Quý hóa quá! Hân hạnh có tôn giả ghé thăm! Các chỗ ngồi đã được soạn sẵn, nếu muốn, tôn giả cứ lựa tìm chỗ ngồi ở nơi phải lẽ!

Ông giáo chủ nổi giận đùng đùng:

- Ông thật là điên cuồng, này gia chủ! Ông thật là ngu si, này gia chủ! Ông xin ta được đi luận chiến với sa-môn Gotama; nói hay, nói ho, nói đẹp, nói khéo; nói có hình tượng... nào là sẽ vật, sẽ vắn, sẽ dặc, sẽ chơi trò chơi phun nước; sẽ buộc chặt ông ta, trói ké ông ta trong màn lưới luận nghị vô phương vùng vẫy. Bây giờ thì sao nào? Ông đi với hai hòn cao hoàn⁽¹⁾, khi về, cả hai hòn cao hoàn đều bị sa-môn Gotama thiền trụi! Ông đi với hai con mắt, khi về, cả hai con mắt đều bị sa-môn Gotama khoét tiết! Thật sự, ông đã bị huyền thuật của sa-môn Gotam dụ dỗ, lôi cuốn rồi! Tự mãn cái gì? Tự đắc cái gì mà huênh hoang vênh váo thế kia?

Trưởng giả Upāli cười sảng khoái:

- Hay lắm! Tuyệt lắm! Và lại càng vi diệu hơn nữa là trò huyền thuật của sa-môn Gotama! Nếu bà con huyết thống thân yêu của tôi mà được huyền thuật này lôi cuốn thì an lạc và hạnh phúc cho họ xiết bao! Nếu các người sát-đế-ly mà được huyền thuật này hấp dẫn thì an lạc và hạnh phúc cho họ vô cùng! Cũng vậy là các bà-la-môn, vệ-xá, thủ-đà-la! Cũng vậy là chư thiên, ma vương, phạm thiên, loài người, các sa-môn, đạo sĩ... mà được huyền thuật của sa-môn Gotama thì thật là đại hạnh cho ba cõi! Là môn đệ của đức Tôn Sư ấy, Upāli tôi xin được cảm ơn tôn giả đã dùng từ huyền thuật rất chính xác vậy!

Ông giáo chủ cứ “hừm, hừm”, giận quá nên không nói

⁽¹⁾ Xin lỗi, ông giáo chủ đã ví dụ tục tĩu - cao hoàn là hòn dái!

được lời nào cả.

Trưởng giả Upāli thản nhiên tiếp tục:

- Cũng xin cảm ơn tôn giả đã đưa ra hai ví dụ về hai hòn cao hoàn bị thiếu và hai con mắt bị khoét! Thật là hình tượng lảm, mà miệng lưỡi cũng cay chua, độc địa lảm! Tôi cũng có hai ví dụ xin được kể hầu tôn giả đây. Có một ông phú hộ nợ mắt lé, chân thọt, cưới vợ cũng mắt lé, chân thọt; khi sinh ra một cô tiểu thư cũng mắt lé, chân thọt. Thế nhưng, ông ta hãnh diện lảm, nghĩ trên trần gian này, người nào mắt lé, chân thọt đều đẹp cả; ai có được ngũ quan toàn hảo thì ông cho là xấu. Từ đó, ông nhìn cuộc đời bằng cái khuôn “mắt lé, chân thọt”. Và “quan điểm mắt lé, chân thọt” ấy là giáo pháp của tôn giả, thừa tôn giả kính mến. Cái giáo lý ấy thật là kỳ hình dị dạng nhưng tôn giả cho là toàn mỹ, tuyệt bích; ai không tu theo tôn giả thì tôn giả cho là xấu, là sai! Bao nhiêu năm qua, tôn giả đã biến tôi từ một con người bình thường, một tâm và một trí bình thường - thành một con người có mắt lé và chân thọt. Tôi đã nhìn thế gian bằng đôi mắt lé, xiên xẹo, nghiêng lệch nên không còn thấy đâu là cái chính đính, trung chính, đúng đắn, như chân như thực nữa. Còn lộ trình tu tập thì tôi bước đi bằng đôi chân thọt, lập đập, nghiêng bên này, ngã bên kia... theo cái lộ trình sai lảm, ngu si, điên đảo của tôn giả. Đến với sa-môn Gotama, một giáo pháp như chân như thực, đã trả lại cho tôi một con người như chân như thực; tôi như được sống lại, tôi như được vén mở hàng triệu đêm tăm tối để thấy được ánh sáng mặt trời - thừa tôn giả kính mến! Đây là ví dụ thứ nhất.

Tuy biết ông giáo chủ đã giận lảm rồi, nhưng hôm nay trưởng giả Upāli quyết ăn miếng trả miếng, đòi lại cái món nợ “thiếu cao hoàn và khoét mắt” nên thủng thỉnh nói tiếp:

- Có một người thợ nhuộm thiện xảo về nghề nghiệp của mình. Ông ta là vua màu sắc và vua thợ nhuộm: cái gì ông nhuộm cũng được cả. Trong cái xưởng của ông, không

những vải vóc, áo quần... mà bàn ghế, giường tủ, vật dụng gì gì ông cũng nhuộm cả, sắc màu tự ông nghĩ ra. Hôm ấy, vợ ông mua về một con khỉ để cho đứa con nhỏ của ông chơi. Ngắm nghía con khỉ, tự dung, thích thú quá, ông mỉm cười. Sau đó, ông pha chế sắc màu và nhuộm con khỉ theo ý nghĩ của mình. Thế rồi, tay chân, mặt mũi, lưng bụng gì của con khỉ cũng bị nhuộm cả với rất nhiều sắc màu khác nhau. Thế là con khỉ nhảy múa, leo trèo gì trông cũng vui vẻ như một vũ điệu về màu sắc. Đứa trẻ con ông thích thú quá, cười sặc sụa. Nhìn đứa trẻ, thấy chẳng giống con khỉ chút nào - ông bèn nghĩ cách nhuộm đứa bé cho giống con khỉ để chúng chơi với nhau. Bà vợ bước vào, không còn nhìn ra đứa bé con của mình nữa, bà chết giấc! Thừa tôn giả, giáo pháp của tôn giả là ông thợ nhuộm thiện xảo ấy. Tôn giả muốn nhuộm cả thiên hạ cho giống con khỉ kia! “Con khỉ chẳng ra con khỉ là quan điểm, là triết học, là nhân sinh quan” của tôn giả! Tôi đến với tôn giả, tôn giả đã nhuộm tôi như nhuộm đứa bé sao cho giống con khỉ, chẳng nhìn ra con người là ở đâu nữa. May thay mà cũng phúc lành thay, tôi đến với sa-môn Gotama, và tôi đã hoàn thân lại con người với mặt mũi tay chân, tâm trí gì cũng là con người cả! Được trở lại làm người! Đây là ví dụ thứ hai!

Nghỉ hơi một lát, trưởng giả Upāli nói:

- Để kết luận, và đây cũng là lời cuối cùng, trang viện này, từ nay, đóng cửa đối với các nam, các nữ Niganthā, và tôn giả cũng không loại trừ, thừa tôn giả giáo chủ kính mến!

Nói thế là đã “cạn tài, ráo máng”, thế nhưng, vị giáo chủ của chúng ta còn cố vớt vát, hỏi câu cuối cùng:

- Thế gia chủ làm đệ tử sa-môn Gotama thật sao?

Trưởng giả Upāli chột cười ha hả, đứng bật dậy, trật y vai phải, quỳ xuống, hướng đến khu rừng Pavarikāmba, nơi đức Phật đang ngụ, đánh lễ năm vóc sát đất rồi cũng ra oai bắt chước tiếng rống của “tiểu sư vương”:

“- Khi mặt trời đã lên rồi, thì các ngọn đèn, những con đom đóm biết thấp sáng cho ai nữa? Mặt trời ấy là đại sa-môn Gotama, là bậc chân sư, là đạo sư của tôi! Thảm thương thay là những cái lắt lay, leo lét của các ngọn đèn, của những con đom đóm mà dám so với ánh sáng mặt trời! Khi hải triều âm đã vọng lên rồi, thì còn đâu nữa tiếng vỗ của suối, của sông, tiếng reo của lá gió, của muôn phương gầm rú, của khi vượn cộp beo? Hải triều âm kia là chánh pháp của đại sa-môn Gotama, là chân sư, là đạo sư của tôi! Khi đỉnh Himalaya đã cất cao đầu, thiết lập vị trí thống lãnh, đầy uy lực làm vua vạn sơn thì núi lớn, núi nhỏ, những gò, những đồng kia, sao không biết tự thẹn mà còn dám danh xưng thế này thế nọ? Đỉnh Himalaya kia là sự chứng ngộ của đại sa-môn Gotama, là chân sư, là đạo sư của tôi! Ôi! Vị ấy có trí sáng, có tâm vô biên, có giới đức, có tuệ đức, có định đức, bậc điều ngự, vô thượng sĩ, đại ngu vương, đại long vương, đại sư vương, thầy ba cõi, bậc thiện thế, đáng đại giác, đại giải thoát... Và đức Thế Tôn ấy là chân sư, là đạo sư của tôi, tôi là đệ tử Người!”

Nghe trưởng giả Upāli tán thán đức Phật hết ngôn ngữ, hết hình ảnh như thế, Niganthā không còn chịu đựng nổi nữa, ông thổ huyết nóng tại chỗ, các đệ tử đi theo phải dìu ông trở về.

Đạo sĩ Dīghatapassa đứng lại một lát, ông mỉm cười nhẹ rồi nói với gia chủ Upāli:

- Trưởng giả đã sáng suốt lựa chọn con đường cho mình, điều ấy là rất tốt và là việc cần làm! Nhưng trả đũa đến độ làm cho giáo chủ chúng tôi bị thổ huyết, ấy là việc hơi quá đáng, không nên làm!

- Tôi đã biết lỗi lầm của mình rồi!

Nhìn vẻ mặt có vẻ ăn năn của gia chủ Upāli, Dīghatapassa trấn an ông:

- Nhưng vì giáo chủ chúng tôi đưa ví dụ cái “cao hoàn”

ra mà nói chuyện lại càng quá đáng hơn! Lỗi về phần ông ấy! Ngung một lát, thở dài, nhìn Upāli, rồi ông nói như tâm sự - Trước sau gì tôi cũng đi theo bước chân của trưởng giả, tôi sẽ xin xuất gia trong giáo pháp của sa-môn Gotama! Sống với kẻ trí, dù có ngu dốt tới đâu, ta cũng học được một vài lợi ích! Con đường tu học, nếu lựa chọn sai lầm, sẽ khổ đau trong nhiều đời kiếp, có hối cũng không còn kịp nữa!

- Xin cảm ơn đạo sĩ!

- Đừng cảm ơn tôi! Tôi phải cảm ơn gia chủ đã làm cho giáo chủ chúng tôi thức tỉnh một phần nào!

Họ từ giã nhau rất thân thiện.

Trong lúc đức Phật cảm hóa Dīghatapassa thì các vị tôn giả Mahā Moggallāna, Mahā Kassapa tiếp độ thân bằng quyến thuộc của mình. Riêng tôn giả Sāriputta thì dẫn được hai cô em gái là Cālā và Upacālā đi theo về Vesālī rồi sẽ cho xuất gia tại đó.

Khúc Thán Ca Vô Thường Bát Hủ

Rời Nālakagāma, đức Phật và đại chúng bộ hành theo con đường thương mại để đến thị trấn Pāṭaligāma phần vinh bên này phía nam sông Gaṅgā. Tại đây, ngài dừng chân một vài trú xứ, sách tấn tăng ni, sau đó vượt sông lên Vesāli...

Sau trận tai họa dịch bệnh, Vesāli phục hồi sinh lực rất nhanh. Nhờ biết tin vào những giá trị thiêng liêng, biết đoàn kết, biết sinh hoạt hội đồng với tinh thần dân chủ, biết cải cách chính sách kinh tế - nên đất nước sớm giàu mạnh, thịnh cường. Đi vào thành phố, chỗ này cũng công trường, chỗ kia cũng công trường. Ba bức tường thành chón chở và kiên cố vòng quanh Vesāli như những vòng đai thép bảo vệ kinh đô - có ba cửa lớn vào ra luôn luôn có lính ôm gươm giáo sáng lòa. Rồi những vọng gác và những vọng gác, đêm đêm hỏa đăng sáng rực. Những dãy phố, dãy lâu kéo dài từng dặm, từng dặm phô ra tất cả mọi đường nét và sắc màu nguy nga tráng lệ...

Đi bên sau đức Phật, chư tăngi trầm trở vì coi chừng, Vesāli sẽ vượt trội Rājagaha!

Biết đức Chánh Đẳng Giác không muốn xen vào một nhận xét nào, nên tôn giả Sāriputta nói:

- Là bậc xuất gia phạm hạnh, chúng ta không nên góp ý về việc phú cường của một quốc độ. Riêng tôi thì chỉ thấy lòng người thể hiện ra bên ngoài mà thôi! Tôi đọc được rằng, đó là tham vọng chinh phục, tham vọng bá chủ và cả tham vọng củng cố quyền lực. Tôi lại còn nghe mùi binh đao và máu lửa nữa đây!

Nghe vậy, đức Phật bảo:

- Hãy ghi nhớ lời của Sāriputta! Đây cũng là pháp duyên khởi đương nhiên vậy!

Đêm đó, đức Phật và đại chúng ngụ ở Đại Lâm. Tôn giả Sāriputta dẫn hai cô em gái sang ni viện để hôm sau cho thọ giới.

Cuộc lễ vừa chấm dứt thì tỳ-khưu-ni Ambapālī từ ngoài vào, đến đánh lễ đức Phật và chư tôn trưởng lão. Đức Phật mỉm nụ cười nhẹ:

- Này con gái, đời sống phạm hạnh với tuổi già có thấy dễ chịu không?

- Rất mát mẻ và thanh thoi, bạch đức Thế Tôn!

- Ủ! Đức Phật gật đầu - Con cũng đã trải qua không biết bao nhiêu là gian truân, chìm nổi. Chỉ do một phát ngôn bất cẩn, thiếu thận trọng mà con đã chịu không biết bao nhiêu kiếp đọa đày, thống khổ.

- Đệ tử cũng đã biết rồi, đã thấy rồi, bạch đức Thế Tôn!

Thế là cả đại chúng hôm đó đều đã biết người kỹ nữ nổi tiếng thành Vesālī, vị tỳ-khưu-ni già đã chứng quả A-la-hán, luôn cả thân thông.

Và đây là câu chuyện của nàng.

Sau khi xuất gia, tỳ-khưu-ni Ambapālī không được vui do tuổi già, không còn đủ lanh lẹ trong mọi sinh hoạt như các tỳ-khưu-ni khác. Có một dao động mãnh liệt khi thấy bản chất già yếu, lụm khụm, mệt mỏi... và sự biến đổi, thay đổi của thân xác.

Hôm kia, ngồi bên bờ suối vắng vẻ, nhìn ngắm chiếc

bóng già nua thấp thoáng ẩn hiện trong dòng nước, tỳ-khuru-ni Ambapālī kinh cảm, tràn đầy xúc động, thốt lên một bài kệ như sau:

“ - Ôi! Mái tóc thanh xuân của ta,
Mái tóc màu xanh sậm tợ mắt con ong chúa
và bông bành sóng gợn từ gốc tới ngọn
Bây giờ sắc đẹp ấy đã bị phá hủy
Do bệnh hoạn, do tuổi già
Do lửa thời gian thiêu đốt
Nó khô rang giống như sợi vỏ cây gai dầu
Ai rồi cũng phải bị tuổi già khổng chế,
bị sự vô thường chi phối
Đúng như lời dạy bảo của đấng Giác Ngộ, không sai!
Ôi! Một thời,
Mái tóc của ta tỏa hương thơm
giống như một hộp đựng châu báu
hoặc như một hộp đựng hương
Do trên đầu ta luôn phủ đầy hoa puppheti,
hoa campaka, hoa aribian
cùng bột hương và các loại hương liệu tế nhị, quý phái
Còn nữa, mái tóc ta dày rậm
như một khu rừng khéo trồng,
mỗi sợi tóc là mỗi gốc cây luôn được bảo vệ,
chăm sóc như trong công viên của hoàng gia,
Nó mềm mại, êm ái và sực nức thơm tho.
Lại còn được làm đẹp
với lược gấn bằng vàng rờng tinh chất,
với trâm cài có đính kim cương -
Nó óng ánh, đẹp đẽ
và chói sáng giống như ngày hội của muôn sao
Bây giờ thì nó đã thừa thớt dần
Sau khi cạo bỏ,
nó lại phảng phất mùi hôi như lông chú cún,

khó chịu như mùi lông cừ
Ôi! Quả đúng là một rừng bất tịnh
Đúng như lời dạy bảo của đấng Giác Ngộ, không sai!
Ôi! Một thời,
Đôi làn mi của ta
đã được họa sĩ trứ danh khéo vẽ
Đẹp tựa vàng trắng lưỡi liềm
Nó không những điểm màu xanh tinh tế,
màu gợi cảm tinh tế
mà còn pha thêm hồn của liễu rủ,
hồn của những sợi tơ con bướm ngài
Phải nói là nó đẹp đến tuyệt mỹ, vô song
Bây giờ đôi làn mi ấy
chỉ còn là những sợi rơm rạ khô vàng
kéo theo những tia nhăn nheo phủ xuống mệt mỏi,
báo hiệu sự già lão, chết chóc
Ôi! Một thời,
Đôi mắt của ta đen huyền và xanh thẳm
như đôi mắt của chúa bồ câu,
chúa thiên nga, chúa nai trong rừng sâu
Nó lại còn rực rỡ, chói ngời
nhưng xanh trong và tỏa sáng dịu dàng
như hai luồng châu báu
Bây giờ, tháng năm biến đổi
Nó đã đục lờ như nước sữa chua
Nó đã lấm tẩm mọc lên li ti
những mụn bụi, mụn cát màu xám nâu
Nó xấu xí, bạc nhược và vô hồn đến nỗi,
có thể đem so với đôi mắt con cá chết,
nhưng mà con cá chết ươn!
Ôi! Đang lúc tuổi trẻ dậy thì
Mũi của ta mềm dịu,
Ngay thẳng và sáng trong

Sống mũi là một gò núi tinh tế, tuyệt hảo
Nó kiêu diễm như châu ngọc không có tỳ vết
Bây giờ thì nó sụp xuống như ống công bị gãy
lại còn tươm rỉ nước mũi lệt sệt hôi hám
Ôi! Sự thật vô thường thật là khó kham, khó nhẫn;
Đúng như lời dạy bảo của đấng Giác Ngộ, không sai!
Ôi! Một thời,
Đôi tai của ta, vành tai,
trái thùy châu của ta
Nó được những vòng vàng, vòng ngọc,
vòng bạc khéo chế tạo, tế nhị điểm trang
Nó sáng chói như ngọc chuốt
Bây giờ thì nó chảy xệ xuống,
nhăn nheo rủ xuống như hai miếng giẻ rách
Ôi! Sự thật vô thường thật đáng sợ
Đúng như lời dạy bảo của đấng giác Ngộ, không sai!
Ôi! Một thời,
Hàm răng của ta trắng tinh như ngà,
đều đặn như hạt lựu, hạt bắp,
trắng nõn như búp măng chuối mới sinh
Nay thì nó bị bể, bị gãy, bị sâu đục
rồi chiếc rụng, chiếc long
và chúng ngả sang màu vàng, đen xỉn
Trông mới ghê sợ, thê thảm dường bao!
Ôi! Một thời,
Giọng nói, âm sắc của ta ngọt ngào, ngọt lịm
Nó êm ái, du dương
Nó mê ly, thánh thót
Nó quyến rũ mê hồn
Khi ta thốt lên thì nó thỏ thẻ, đường mật,
gợi tình như tiếng chim cu
sống chung trong cánh rừng
cùng những ca sĩ non xanh líu lo tấu nhạc

trong một khúc trường xuân miên viễn
Nay thì nó rè rè, khan khan, đứt đoạn
giống như gió thổi qua ống sáo trúc bị nứt bể!
Ôi! Một thời,
Chiếc cổ của ta thật là kiêu diễm
Nó đầy đặn, mềm mại, tròn sáng
Như vỏ ốc xà cừ bằng vàng
được đánh bóng công phu, khéo tay và tinh tế
Giờ đây trông nó như vỏ mướp đắng phơi khô,
có nhiều gân quăn queo,
chỉ còn là bì da đụng lớp mỡ thừa,
chảy xệ, nhão nhoẹt.
Ôi! Một thời,
Hai cánh tay trần của ta mềm mại, tròn trịa
vàng sáng như được tô ngọc
hòa thêm với ánh trăng đêm mười sáu
Nó còn giống như hai ống ngọc tròn
vòng quanh ngôi đèn tình ái
Nay thì nó đã xiêu đổ, biến dạng, đổi hình
Và nó yếu ớt, tàn tạ
như đóa hoa kèn trắng bệch
không còn chút huyết sắc nào
Ôi! Một thời,
Hai bàn tay của ta trắng trẻo, mềm dịu,
sáng trắng như trứng gà bóc
Lại còn nhẫn vàng, nhẫn ngọc,
nhẫn kim cương, hột xoàn trang điểm
tô chuốt óng ánh bóng ngời
Nay thì nhăn nheo, nhũn nhều
mềm xèo như cây hành héo
như nhúm cải luộc!
Ôi! Một thời,
Cặp nhũ của ta căng phồng, tròn trịa

Mơn nồn như hai trái đào tiên
đầu vú cứng cáp tràn trề sinh lực
và đỏ hồng như điểm chu sa
Nay thì nó chảy xệ xuống
Như bầu da khô sữa không còn căng đầy
Như túi nước đã rỉ hết nước
éo xèo và nhăn nhúm
Ôi! Một thời,
Thân ta thon thả và chói sáng
như áo giáp vàng đánh bóng
Sau khi đã bơi lên một chất son tinh khiết
Đâu cũng mịn màng, láng lầy
Đâu cũng tròn căng và thơm tho
Nay thì chúng đã xuống cấp
Như ngôi nhà mỗi mọt
Đã tàn tạ và mục rữa ở khắp mọi nơi
cả những sinh bào bé tí
cũng cau mặt, nhăn nhu thảm hại
Ôi! Một thời,
Cặp đùi của ta múp míp đầy đặn
ánh ngời như cặp ngà voi
Mềm mại và uyển chuyển
như bước đi của tiên nữ
Và nó đã làm cho bao nhiêu
vương tôn công tử chết đứng chết ngồi
Vì nó đã được ông thợ trời khéo khắc, khéo tạc
Thành một tác phẩm tuyệt mỹ
Nay thì giống như hai ống tre khô giòn
đến thời quăng vào lửa đốt!
Cặp bắp chân của ta cũng thế
Như được uống nước no,
mịn màng và vàng óng
Lúc nào cũng giống như đôi giày được độn đầy bông

Nay thì nó gầy gò, teo tóp, xương xẩu
rất ít thịt và máu
giống như thân cây mè khô
được cắt bỏ ngoài đồng ruộng
khô nỏ, nứt nẻ
Những sợi lông chân của ta
cũng mịn màng vàng óng
Bây giờ thì như cây cỏ
trong ngôi rừng vừa bị lửa cháy!
Ôi! Cái thân, cái thân!
Các pháp hữu vi kết hợp này
Nó chịu cái già lão hủy hoại
Cái ngôi nhà được vô minh và ái dục xây nên
Nay đã cũ kỹ
cột kèo, đòn dông đã bị hư mục
Mái lợp, tấm che đã xiêu rách tả tơi
Và những lớp vôi trét tường đã đến hồi rụng rã
Cái thân vô thường này
là một cái bọc chứa đầy bất tịnh và đau khổ
Lời dạy của đức Tôn Sư
muôn đời là sự thật
Tham luyến, chấp thủ gì nữa
mà không chịu rời xa?”

Sau khi thốt lên lời thán ca về sự vô thường, biến đổi, bất tịnh của cái thân như thế, tỳ-khuru-ni Ambapālī nắm ngay tướng bất tịnh ấy, lià tham ái, chấp thủ, đoạn trừ năm triền cái, năm thiền chi xuất hiện đi vào định thiền, tuần tự sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền chỉ trong thời gian bảy ngày. Nhờ tâm định vững chắc, kiên cố, năng quán sát danh sắc, thấy được thực tánh, tam pháp ấn hiển lộ, chứng đắc các tầng tuệ giác, từ cạn vào sâu, chứng quả A-la-hán với đầy đủ ba minh.

Bồi hồi, bồi hồi, lạc phúc và an tịnh, năng dùng thiên

nhãn, sanh tử minh, rồi tức mạng minh chiêm quan nhìn ngắm các kiếp sống trầm luân sinh tử của mình, cảm thán, nàng thốt lên một bài kệ tán ca nữa:

“- Hóa ra ta đã có căn duyên
từ thời Phật Phussa
Ta thuộc dòng dõi Sát-đế-ly
Là chị gái của đức Hiền Trí ấy
Tuy nhiên, dầu lắng nghe chánh pháp
dầu bố thí cúng dường lớn lao
ta cũng chỉ biết
cầu mong có được sắc đẹp diễm kiều
Đến thời Phật Sīkhī xuất hiện
Ta sinh ra
trong kinh đô Aruṇa tuyệt vời thanh lịch
Ta xuất gia tỳ-khưu-ni trong giáo pháp này
Hôm kia,
dẫn đầu đoàn Ni chúng đông đúc
đến chùa nghe pháp đức Thế Tôn
có một vị Trưởng lão ni lậu hoặc đã tận
do hắt xì hơi nhỏ ra một bãi đờm
Ta bước qua, thấy bãi đờm,
cát lời nguyên rủa
“Con kỹ nữ nào
dám nhỏ cái đống bất tịnh ở đây!”
Do lời ác khẩu
phỉ nhổ bậc thánh vô nhiễm
Ta bị đọa sanh ở cõi hỏa ngục
chịu nhiều cực hình đau đớn
Sau đó bị dư nghiệp của quả báo
Ta bị làm kỹ nữ suốt mười vạn kiếp nữa
Đến thời Phật Kassapa
Ta được xuất gia tỳ-khưu-ni
với bậc Đại Chiến Thắng

Nhờ giới hạnh trong sạch
Tích lũy thiện nghiệp
Ta được hóa sanh vào cõi Tam thập tam
Đến thời Phật Sākya Muni hiện tại
Do đã chán các thai bào dơ uế
Nên tuy sanh làm người
Nhưng ta lại hóa sanh tại cây xoài
Nên được đặt tên là Ambapālī
Do nghiệp còn dư sót
Ta vẫn làm kỹ nữ
Do sắc đẹp, tài năng -
thế gian không ai sánh nổi
Nên được phong danh hoàng hậu kỹ nữ
Khi tuổi chiều bóng xế
Ta lại được nghe pháp của đức Thế Tôn
Duyên xưa trở sanh
được xuất gia tỳ-khuru-ni
Và không mấy chốc
ta đã đạt Tam Minh
Mọi lậu hoặc, kiết sử không còn nữa
Ta thêng thang giải thoát
Ta vô ngại giải thoát
Ta chẳng còn tái sanh, luân hồi nữa
Ta đã làm trọn hảo phận sự của mình
Thực hiện đúng đắn lời dạy của đức Tôn Sư
Chẳng còn gì để làm nữa trên cõi đời
Vô lượng tri ân bậc Vô tỳ vết,
bậc Chiến thắng tam giới,
đã cho con nếm thưởng
hương vị Pháp bảo vô sanh bất diệt!”

Những đoạn kệ, nhất là bài thán ca vô thường bất hủ của tỳ-khuru-ni Ambapālī không mấy chốc được lan truyền đi khắp nơi. Một vị thánh ni, xuất thân là một kỹ nữ vừa được

KHÚC THÁN CA VÔ THƯỜNG BÁT HỦ

sinh ra trong giáo pháp của đức Thế Tôn là một biến cố trọng đại, được mọi người xưng tán, tôn trọng tụng ca, hàm tàng biết bao nhiêu ý nghĩa, khó nói cho hết được.

Chiếc Lá Đẳng

Rời ni viện, đức Phật trở lại Sảnh Đường Nóc Nhọn ở Mahāvana thì thấy chư tăng trong vùng đã tìm đến và đợi ngài rất đông. Các vị tôn giả ở trú xứ này và các vùng lân cận tìm đến đánh lễ và vấn an sức khỏe của ngài.

Đức Phật thấy các vị có số đã già yếu như Vappa, Assaji... ngài khuyên không cần thiết phải ta bà khổ hạnh trì bình khát thực nơi này và nơi kia nữa; nên ở một trú xứ, thường là có tứ sự đầy đủ để cho chư tăng nương nhờ, y chỉ. Các vị trưởng lão khác như Gayākassapa, Nadīkassapa... cũng không cần thiết phải thọ trì hết tất cả các pháp đầu-đà, tuổi tác và khí huyết suy nhược sẽ không kham nổi nắng mưa, sương gió; nếu bệnh mà nằm xuống là thiếu mất những bậc giáo thọ uy nghi, gương mẫu và nhiều kinh nghiệm.

Các vị cúi đầu, tuân mệnh.

Buổi chiều, một vị vua trong số ba vua Licchavī dẫn một hoàng tử còn trẻ đến yết kiến đức Phật. Vị vua tâu nhỏ rằng, hoàng tử, con của ông cứng đầu khó dạy bảo quá; nguy hiểm nhất là nó lại rất độc ác. Sự phẫn nộ, hung dữ của nó thật không còn ai chịu đựng nổi. Với tay chân thuộc hạ xung quanh, khi mà nó nổi trận lôi đình lên thì nó đánh nó đập với đùi với gậy, với cả gươm đao nữa. Nó độc hơn cả một con

rắn độc! Nó điên cuồng hơn cả một con voi động dục! Cha mẹ, anh em, họ hàng không những không khuyên lơn gì được mà nó còn coi chúng tôi không ra gì! Nghe đức Tôn Sư đến, chúng tôi rất mừng. Cả hội đồng hoàng gia họp kín, nói rằng, chỉ may ra đức Tôn Sư mới giáo hóa nó nổi mà thôi! Vậy, trăm lạy Tôn Sư, ngàn lạy Tôn Sư, vạn lạy Tôn Sư hãy mở tâm Đại Từ Bi và Đại Trí Tuệ cứu độ, tiếp độ con của chúng tôi!

Thấy vị vua già sụp lạy với cái trán lộp độp dưới đất, đức Phật đứng dậy, kéo tay ông, chỉ vào một chiếc ghế bên cạnh, nói rằng:

- Hãy bình tĩnh ngồi xuống, thư giãn một chút đi. Chuyện đâu còn có đó. Ừ, Như Lai sẽ giúp đức vua!

Nói xong, đức Phật tản bộ ra ngoài sân, thấy hoàng tử trẻ đang dùng lửa đốt một ổ mối, ngài biết là ác độc đã như là một cái gì bảm sinh do nghiệp quá khứ chi phối đã trở thành quán tính mất rồi! Khởi một làn sóng tâm từ bao trùm “ông hoàng con” rồi ngài dịu dàng nắm tay chú bé kéo dậy. Thấy vị đại sa-môn với nụ cười tươi rạng, đồng thời cảm nhận một cái gì đó mát mẻ cả châu thân, chú bé vui vẻ... bước theo ngài, không cưỡng được. Rồi từng bước một, từng bước một, họ đi dạo như hai người bạn thân.

- Tiểu hoàng tử thấy dễ chịu khi đi bên Như Lai chứ?

- Dạ thưa vâng, rất dễ chịu!

- Ở trong chỗ hoàng cung cao sang, tiểu hoàng tử thường thấy mình dễ chịu hay khó chịu?

- Thưa, ít lắm, lúc nào con cũng nóng nảy, bực bội, muốn đập một cái gì đó, muốn đánh một cái gì đó... cho đã nư, cho hả dạ!

- Những lúc như vậy chắc trong lòng tiểu hoàng tử “nóng” lắm nhỉ?

- Thưa vâng, nóng lắm, nóng như có lửa đốt bên trong!

- Ừ, vậy thì khi nào nóng nảy quá thì đến đây đi dạo với

Như Lai. Không có Như Lai thì đi dạo với các vị trưởng lão, để cho cái lửa ấy nó nguội đi, được chãng?

- Thừa vâng!

Đức Phật mỉm cười, mỉm cười với tâm từ:

- Tiểu hoàng tử đã tỏ ra rất ngoan ngoãn! Vậy thì đi dạo với Như Lai một chút nữa nhé! Như Lai muốn cho tiểu hoàng tử xem cái này!

Dừng lại bên một mầm cây Nimba có vị đắng kinh khiếp vừa nhú lên hai lá, đức Phật nói với chú bé:

- Tiểu hoàng tử có thấy cái mầm cây nhỏ bé mà trông rất sung sức ấy không?

- Thừa, thấy ạ!

- Tiểu hoàng tử hãy nhắm chiếc lá của cái cây ấy xem thử mùi vị nó như thế nào?

Chú bé cúi xuống rút chiếc lá. Trong lúc ấy thì đức Phật trả lại tâm tính tự nhiên cho chú bé, không sử dụng năng lực của tâm từ nữa.

Chú bé đưa vào miệng, vừa cắn một chút từ đầu lưỡi, chú vội vàng nhả ra, vừa nhổ xuống đất vừa phun phì phì - kèm theo lời nguyên rủa:

- Cái lá chết tiệt! Cái lá giết người!

Đức Phật mỉm cười:

- Tiểu hoàng tử cảm nhận chiếc lá ấy ra sao?

Chú bé nhăn mày đáp:

- Thừa đại sa môn! Lá ấy đúng là thuốc độc chết người; nếu mà nó lớn lên, không biết sẽ làm chết bao nhiêu người khác nữa!

Nói xong, chú bực bội nhổ cây Nimba lên, chà nát nó trong hai tay của mình với dáng vẻ vô cùng tức giận. Rồi chú chỉ vào xác lá, đọc lên một câu kệ:

“ - Chỉ chiếc lá tử ti!

Cách đất bôn đốt tay

Mà sao lại độc ác

Lớn lên tích sự gì?”

Đức Phật đứng dẫn trong tâm chú bé đã khởi động, đức Phật dịu dàng nói:

- Cây Nimba nhỏ bé này, vì nó đắng chát chết người, lớn lên sẽ chẳng làm được gì, là đồ ăn hại, có phải thế không, tiểu hoàng tử?

- Thưa, đúng vậy! Là đồ ăn hại, nên con đã hủy diệt nó rồi, thưa đại sa-môn!

Đức Phật lại ân cần nắm tay chú bé, về lại sảnh đường nhưng lại rẽ sang hướng khác.

- Đây tiểu hoàng tử! Chiếc lá đắng của cây Nimba vừa giúp cho Như Lai một bài học, không biết tiểu hoàng tử có muốn chia sẻ điều ấy với Như Lai không?

- Dạ, muốn lắm!

- Chiếc lá cũng được ví như người! Trên thế gian này có biết bao nhiêu là người có tâm tính cũng đắng chát như chiếc lá ấy; và nếu lớn lên, không biết họ làm được tích sự gì; hay là cứ nhỏ hết, cứ chà nát, vò nát hết trong tay như tiểu hoàng tử đã làm?

- Không nên! Chú bé chọt lắc đầu - Với người thì không nên vò nát hết như chiếc lá kia được!

- Vậy thì phải làm sao? Cứ để chúng lớn mạnh, đâm nhánh nảy cành rồi mọc ra hàng trăm, hàng ngàn chiếc lá độc chết người ấy hay sao?

- Con người thì có lẽ phải giáo dục từ từ, thưa Đại sa-môn! Con nghe những bậc giáo thọ trong hoàng cung thường nói như thế!

Đức Phật khen ngợi:

- Giáo dục! Hay! Giáo dục thì đúng quá rồi! Tiểu hoàng tử giỏi lắm!

Chú bé nở mũi, nhưng lại đáp rất khiêm tốn:

- Không dám ạ!

Thế rồi, đức Phật lại bước đi, nói như tâm sự:

- Tiểu hoàng tử biết không, giáo hội của Như Lai có mặt trên cuộc đời cũng nhằm vào chỗ giáo dục như tiểu hoàng tử vừa nói đó. Hằng trăm hằng ngàn sa-môn sống đời xuất gia phạm hạnh mà hoàng tử trông thấy nơi này và nơi kia, ngoại trừ những bậc tối thượng, còn đa phần họ đáng lắm, không đáng kiểu này thì đáng kiểu khác. Thế là Như Lai phải chế từng loại thuốc cho họ uống. Đúng như tiểu hoàng tử vừa nói là phải giáo dục từ từ... Vậy nên, rất đông, không phải hằng trăm mà hằng ngàn chiếc lá không còn đáng nữa. Mà lại còn ngon, còn ngọt, còn bùi, còn béo, còn thơm nữa đây!

- Thật là kỳ diệu! Chú bé thốt lên - Nhưng con chưa hiểu là họ đáng như thế nào?

- Có người rất độc ác, bạo tàn, hay đánh mắng người, chửi rủa người. Không những họ hành hạ người mà còn hành hạ vật, giết vật để thỏa tính hung dữ của họ nữa...

Tiểu hoàng tử chột cau mặt lại, có vẻ trầm ngâm, lát sau, chú hỏi:

- Vậy thì những người rất đáng nọ, sau khi giáo dục từ từ, uống thuốc từ từ thì họ ngon, ngọt, béo, bùi, và thơm, nhưng con cũng chưa hiểu ngon, ngọt, béo, bùi, thơm ấy là thế nào!

- Họ trở nên dịu dàng, mát mẻ; sống có tình, có nghĩa; biết tôn kính các bậc tôn trưởng, cha mẹ; biết yêu thương, chia sẻ, cảm thông và đùm bọc những người xung quanh mình... Họ trở nên là người tốt, rất tốt đây, tiểu hoàng tử ạ!

Đến ngang đây, chú bé chột quỳ sụp xuống, sụt sùi nước mắt, đánh lễ đức Phật rất mực tôn kính rồi cất giọng nghẹn ngào!

- Chiếc lá đáng ấy là con, là chính con chứ không ai khác! Thừa Đại sa-môn, con xin cất lời hứa thiêng liêng là từ rày về sau, con sẽ làm chiếc lá ngon ngọt hữu dụng cho cuộc đời!

Đức Phật lại ân cần nắm tay, cất giọng dịu dàng như

giọng người mẹ hiền:

- Ủ, Như Lai biết là tiểu hoàng tử làm được mà! Ai cũng muốn sống sao cho người khác kính thương, cảm mến, không ai lại dại gì sống cho người khác kính sợ, ghét bỏ và xa lánh, phải vậy không nào, chú bé con?

Nghe đức Phật gọi mình là chú bé con, tiểu hoàng tử bây giờ mới cảm nhận mình chỉ là chú bé con thật sự, tâm tính ngây thơ trở về, chú chột lấy hai tay ôm choàng đức Phật vô cùng thân thiết, có cảm giác như với cha, với mẹ mà chú đã bỏ quên quá lâu!

Trở lại sảnh đường, các hàng trưởng lão và đức vua Licchavī vô cùng ngạc nhiên khi thấy hoàng tử đi bên đức Phật hiền lành, ngoan ngoãn như một chú bê con, như một chú nai hiền, không còn tìm thấy đâu là bóng dáng của một hoàng tử nổi tiếng ác độc nữa.

Đức Phật nắm tay hoàng tử trao cho đức vua:

- Như Lai mượn hoàng tử dạo chơi một lát, bây giờ, Như Lai trả lại cho đức vua một hoàng tử không còn là chiếc lá đắng nữa mà sẽ là chiếc lá ngọt!

Rồi quay sang hoàng tử, đức Phật nói:

- Phải vậy không, chú bé con?

Hoàng tử gật đầu mạnh mẽ:

- Đúng vậy, thưa Đại sa-môn!

Rất nhiều người không hiểu chuyện gì vừa xảy ra? Chẳng rõ đức Phật giáo dục cái kiêu gì mà chỉ trong thời gian đi dạo rất ngắn lại phát sanh điều kỳ diệu như thế chứ! Khi đức Phật về hương phòng, trưởng lão Kondañña mới nói với chư tỳ-khưu xung quanh:

- Khêu gọi cho trẻ một nhận thức đúng đắn, sau đó, tự nó sẽ tự tri, tự giác thì sự chuyển đổi, cải hoán mới chắc thật, mới vững bền! Đây là một trong nhiều phương cách giáo huấn của đức Tôn Sư!

Hạt Giống Hy Hữu

Rời Vesāli, đức Phật và đại chúng ghé thăm Videha, Moriya sau đó qua Malla. Đâu đâu cũng được chur tǎngi và hai hàng cận sự nam nữ tiếp đón, cúng dường. Đức Phật chỉ định các vị thượng thủ A-la-hán thay nhau thuyết pháp. Mọi sinh hoạt tu tập, chùa viện, liêu xá ở những xứ sở này đang từng bước đi vào ổn định.

Hôm ấy, do tiết trời nắng nóng, đức Phật và đại chúng dừng chân tại khu rừng Ampiyamba, gần thành Anupiya trước khi lên đường đến Koliyā thì có một cậu bé trai tìm đến. Nó cứ đưa đôi mắt trong sáng, ngây thơ nhìn đức Phật rồi lượn quần loanh quanh bên các vị trưởng lão chứ không chịu rời đi. Nhìn khuôn mặt sáng sủa, thuần hậu của cậu bé, tôn giả Sāriputta đưa mắt thiện cảm, ân cần hỏi chuyện. Biết cậu bé có thiện cảm đặc biệt khi nhìn tướng hảo của đức Phật, phát tâm trong sạch muốn xuất gia, tôn giả Sāriputta bảo là phải xin phép gia đình đã.

Cậu bé hơn hờ vụt chạy đi, lát sau, dẫn một bà già đến trông còn quắc thước với sắc phục, dáng dấp có vẻ dòng dõi quý phái rồi rành rõi giới thiệu:

- Đây là bà ngoại cháu, bà ngoại cháu rất vui mừng khi thấy cháu được đi theo quý ngài.

Bà già sụp lạy đức Phật và chư vị trưởng lão rồi với nước mắt nước mũi kể lại rằng:

- Tội quá quý ngài ơi! Nó là dòng dõi hoàng tộc xứ Malla đấy. Khi còn trong thai bào, thì mẹ nó, tức là con gái cung của già đây bị chết vì bạo bệnh. Khi đem hỏa thiêu, do sức nóng của lửa làm cho cái bụng người chết nứt ra làm hai. Không biết căn do kỳ lạ nào mà cái bọc thai lại vọt ra, rơi vào một bụi cây, nằm vắt vẻo giữa mấy cành cây, an bình như một phép lạ. Nên được đặt tên là Dabba. Thấy cháu lại tương đến con gái, già xin bên nội cho già được nuôi dưỡng. Bây giờ nó đây, ngoan ngoãn và dễ dạy, thông minh và hiếu thuận. Không có điều gì đáng chê ở nơi tính hạnh của nó cả. Ai cũng thương. Bây giờ nó cứ nặng nạch được xuất gia đi theo quý ngài, già mừng như được chết đi mà sống lại. Thế gian này trăm ngàn sự khổ, ai đi tu được như quý ngài, già cũng mừng...

Bà lão sụt sùi lau nước mắt. Tôn giả đưa tay chỉ đức Phật:

- Đây là đức Thế Tôn! Cậu bé sẽ được nương tựa trong hào quang của đức Tôn Sư vô thượng...

Bà già lại sụp lạy. Lại nói huyền thuyên:

- Già nghe rồi, già biết rồi. Ai không nghe câu chuyện một vị thái tử cao sang kinh thành Kapilavatthu bỏ vương vị, vợ đẹp con xinh để đi xuất gia tầm đạo thì kẻ đó không có tai. Ai không biết vị ấy sáu năm nằm gai nếm mật, khổ hạnh vô thượng, sau đó tìm tới cội bồ-đề, chỉ tịnh và quán minh mới đắc quả Chánh Đẳng Giác thì kẻ ấy không có óc! Hãy cho cháu được xuất gia ngay bây giờ đi, bạch đức Thế Tôn!

Đức Phật mỉm cười:

- Cái hạt giống quý đấy, này Sāriputta! Ông hãy đích thân làm lễ xuất gia sa-di cho Dubba-Mallaputta!

Không biết duyên lành thế nào mà trong hội chúng lại có vị có thừa y bát. Thế là cậu bé được làm lễ xuất gia.

Tôn giả Sāriputta đích thân dẫn Dubba ra bờ suối để cạo tóc. Do túc duyên ba-la-mật sẵn có, khi đường dao cạo thứ nhất vừa lướt qua làn da đầu, Dubba chứng quả Tu-đà-hoàn. Khi đường dao cạo thứ hai vừa kéo theo một chùm tóc, Dubba đắc quả Tu-đà-hàm. Thế rồi, đường dao thứ ba, Dubba đắc quả A-na-hàm. Đường dao thứ tư vừa xong thì Dubba thành tựu rốt ráo cứu cánh sa-môn hạnh, đắc quả A-la-hán luôn cả các thăng minh.

Khi tôn giả dẫn Dubba đến trình diện đức Phật, ngài nói:

- Này, Sāriputta! Chú bé này đã là “con trai” của Như Lai, vậy ông hãy cho thọ luôn cụ túc giới! Đây là trường hợp đặc biệt trong giáo hội của Như Lai.

Nghe đức Phật tuyên bố như vậy, các vị có Tam minh chỉ mỉm cười nhưng một số phàm Tăng thì bàn tán xôn xao:

- Kỳ diệu làm sao, chú bé qua bốn đường dao đã đắc quả A-la-hán rồi?

- Đức Tôn Sư vừa gọi là “Con trai” đó!

- Bảy tuổi lại được thọ đại giới sao?

Sau khi Dabba-Mallaputta trở thành tỳ-khưu trẻ nhất của giáo hội, nhìn tăng tướng đẹp đẽ như một ngoan đồng cõi trời, ai cũng trầm trồ, tấm tắc nhìn ngắm. Bà ngoại của cậu cũng thảng thốt nhìn sững.

Đức Phật chợt nói:

- Này Moggallāna! Ông hãy kể chuyện nhân duyên quá khứ của Dubba-Mallaputta cho cả hội chúng được nghe để họ khỏi thắc mắc và hoài nghi.

Rồi lớp mù sương quá khứ, sau đó đã được vị Đệ nhất thăng trí vén mở, như sau:

“- Vào thời đức Thế Tôn Padumuttara, Dabba sinh ra trong một gia đình trưởng giả hữu danh tại kinh đô Hamsavatī. Ông thường đến chùa để nghe pháp. Hôm đó, đức Phật tán thán, khen ngợi một vị tỳ-khưu đã quán xuyên, giỏi giảng về việc sắp đặt chỗ ăn ở cho mấy chục ngàn vị tỳ

khuru mà đầu đó đều dàng hoàng, tươm tất. Đức Phật đã phong tặng phương danh vị tỳ-khuru ấy là “Đệ nhất về hạnh tri xứ”!

Dabba nghe vậy, thỏa thích, hoan hỷ quá, ông nỗ lực cúng dường lớn, làm các công đức phục vụ Tam Bảo không mệt mỏi rồi quý xin đức Phật Padumuttara chứng minh cho ông, trong một kiếp vị lai nào đó, được xuất gia với một vị Phật và sẽ thành tựu sở nguyện công hạnh giống như vị tỳ-khuru “Đệ nhất về tri xứ” kia. Đức Phật thọ ký cho ông.

Sau nhiều trăm ngàn năm được luân chuyển thọ hưởng phước báu trời và người, đến thời đức Thế Tôn Kassapa, ông được xuất gia và tu tập cùng với sáu vị tỳ-khuru bạn hữu ở trong một hang núi. Khi đức Phật nhập diệt rồi mà cả bảy vị đều chưa chứng được gì cả. Và tình trạng sinh hoạt và tu tập của giáo đoàn cũng không còn nền nếp, nghiêm túc như xưa. Hôm kia, họ họp bàn, thảo luận:

- Đã có triệu chứng giáo pháp suy đồi, chúng ta phải làm sao? Sống chung với những tỳ-khuru thiếu niệm và thiếu tinh cần, chúng ta sẽ thôi thất mất.

- Khi một vị Phật ra đi, một lúc nào đó, trên cõi châu Diêm-phù-đề này sẽ có dấu hiệu phong thịnh, hỏa thịnh, thủy thịnh hay địa thịnh sẽ tạo nên những biến cố bất toàn cho chúng ta.

Sau khi đi đến nhất trí, họ làm một cái thang cao, cùng leo lên một ngọn núi đá có vách dựng đứng; rồi thốt lời đại nguyện rằng:

- Nếu chưa chứng quả, chúng tôi không rời đỉnh núi này, thà thịt nát xương tan, thà tử thân cướp đi mạng sống! Đây là lời hứa thiêng liêng!

Rồi họ xô ngã cái thang.

Thế rồi, chỉ mới ngày thứ năm, một vị tỳ-khuru đã làm xong phận sự của mình, tức là việc cần làm đã làm xong. Lặng lẽ, vị ấy ôm bát sang Bắc Cu-lu-châu khát thực, trở về

nói với các bạn rằng:

- Hãy thọ dụng vật thực, các bạn! Việc lớn tôi đã làm xong rồi, bây giờ, việc đi khát thực hằng ngày hãy để dành cho tôi.

Tuy nhiên, cả sáu vị thà nhịn đói chứ không chịu thọ dụng. Họ nói:

- Khi xô cái thang xuống, chúng ta không hề nói rằng: “Là vị nào đắc Tam minh trước, vị ấy phải có bốn phận đi khát thực để hộ độ cho những vị còn lại chưa đắc!” Vì chưa giao ước như thế nên chúng tôi không dám dùng, thà chết cũng không thể dùng được!

Một vị nói:

- Rất cảm ơn lòng tốt của ngài! Tuy nhiên, ngài đắc Tam minh là do duyên phước ba-la-mật đầy đủ. Còn chúng tôi, nếu căn duyên còn thiếu thì thà chịu đau khổ do đói, khát cũng rèn luyện thêm được ý chí, nghị lực và tinh cần cho mình, cũng là cách bồ tát ba-la-mật vậy.

Thấy không khuyên can được ý chí bất thối của họ, vị A-la-hán đành nói lời phúc chúc rồi quăng bát ra giữa hư không, du hành sang phương khác.

Đến ngày thứ bảy, một vị nữa đắc quả A-na-hàm; nhưng do đói và khát, chấm dứt thọ hành, vị ấy trú thánh định rồi hóa sanh vào cõi Ngũ tịnh cư thiên, Niết-bàn luôn ở đây, không trở lại nhân gian nữa. Năm vị còn lại, không đắc được gì cả, lần lượt ra đi do đói và khát. Nhưng nhờ tâm tinh cần bất thối chuyên ấy, cả năm vị đều được hưởng phước báu luân phiên cõi người và trời. Đến thời đức Phật Sākyā của chúng ta, cả năm vị đều được thác sanh ở châu Diêm-phù-đề, nơi này và nơi khác, như sau:

- Một vị sanh vào hoàng tộc, kinh thành Takkasilā, quốc độ Gandhāra có tên là Pukkusāti. Một vị sanh vào thai bào nữ du sĩ xứ Majjhantikā có tên là Sabhiya. Một vị sanh vào gia tộc của vị trưởng giả xứ Bāhiya có tên là Bāhiya. Một vị

sanh vào thai bào của vị tỳ-khuru-ni có tên là Kumārakassapa. Còn Dabba tái sanh trong dòng hoàng tộc tại thành Anupiya xứ Malla! Thế là cả năm vị tỳ-khuru thuở xưa tu hành tinh cần quá mức cho đến chết, sẽ cùng lần lượt kể trước người sau tao ngộ trong giáo pháp đức Tôn Sư của chúng ta!”

Chuyện kể xong, đại chúng thở phào. Hóa ra cậu bé này có căn cơ sâu dày đến vậy. Nếu cơ duyên tròn đủ, cậu ta đã đắc quả A-la-hán với thời gian cách đây cả một vị Phật, chứ đâu phải tầm thường!

Tỳ-khuru Dabba-Mallaputta bây giờ đã lấy lại tư cách, tác phong, sự chững chạc, đĩnh đạc của một trưởng lão thánh Tăng, quán nhân duyên sau trước, rồi quỳ thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Hãy cho đệ tử về Trúc Lâm tịnh xá để tập sự công việc đúng như lời nguyện thuở trước khi quỳ bên chân đức Chánh Đẳng Giác Padumuttara!

Đức Phật mỉm cười:

- Ừ, đúng vậy, con trai!

Bà ngoại của Dabba đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Chưa thôi, đức Phật còn bảo:

- Con trai hãy quăng bát qua hư không rồi vận thần thông lực trở về Jetavana trình diện các vị trưởng lão ở đấy, rồi xin được làm phận sự của mình cho xứng đáng với danh xưng của vị tỳ-khuru “Ưu thắng về tri xứ”!

Tỳ-khuru Dabba-Mallaputta vâng mệnh, đánh lễ đức Phật và chur tăngi rất từ tốn và chậm rãi, xong, như cánh chim ưng vàng bay qua hư không, chỉ mấy sát-na sau là mất dạng. Đại chúng hoan hỷ, tán thán không hết lời.

Bà ngoại của chú bé thấy mình như đang sống trong truyện cổ tích. Vui mừng quá, tâm tịnh tín phát khởi, bà xin quy y, bắt đầu làm một cận sự nữ thuần thành trong giáo hội của đức Tôn Sư.

Tu Hạnh Chó Và Hạnh Bò

Trên đường về quốc độ Koliyā, đức Phật và đại chúng dừng chân tại thị trấn Haliddavasana. Ở đây có rất nhiều tu sĩ theo phái lõa thể. Đặc biệt là lõa thể Punna Koliyāputta tu theo hạnh con bò, được gọi là Ngưu hành giả; lõa thể Seniya tu theo hạnh con chó, được gọi là Cầu hành giả.

Thấy đức Phật và chư tăng, một hội chúng đông đảo đi trì bình khát thực vàng rực các ngã đường; và dân chúng tín mộ chờ chực nơi này nơi kia để đặt bát cúng dường, lòng Ngưu hành giả nôn nao, nói với bạn là Cầu hành giả:

- Tin truyền, đây là một vị Chánh Đẳng Giác đang chói sáng khắp thế gian. Ta hãy cùng đến chiêm bái ngài, sau đó xin vài lời chỉ giáo.

Lúc ấy, cả hai đang ở trong một cánh rừng ở ngoại ô. Cầu hành giả ngần ngại:

- Đức Phật ấy và tăng chúng ấy theo bạch tịnh y, sạch sẽ và cao sang quá, ta xuất hiện như thế này có tiện chăng?

Ngưu hành giả tập tiếng bò cười, rống lên như bò cười rồi nói:

- Chúng ta đều đi bằng bốn chân thì “vật xấu” ấy nó nằm bên dưới, có ai thấy đâu? Và lại, đã là chó thì phải tư duy như chó, quan niệm như chó, ông bạn chưa thấy vô ngại

được nên còn rơi rớt, chấp thủ tư duy và quan niệm của loài người rồi đấy!

Cầu hành già cũng tập tru như chó, nên tru một tràng, sủa vài ba tiếng rồi cãi lại:

- Ông bạn cũng thể thôi, đã theo được hạnh “nguru hành giả” một cách triệt để đâu?

Nói thì nói vậy nhưng cả hai, sau khi rời rừng, mỗi người lấy một bó lá cột quanh thắt lưng rồi họ cùng đi bằng bốn chân đến yết kiến đức Thế Tôn.

Lúc ấy, đức Phật đã thọ thực xong, đang ngồi tịnh chỉ dưới gốc cây ven lộ.

Lỗa thể Punna Koliyāputta, tức là Nguru hành giả đến đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi một bên. Lỗa thể Seniya, tức Cầu hành giả không đánh lễ, chỉ cất lời thăm hỏi rồi ngồi một nơi phải lễ.

Nguru hành giả cất tiếng nói trước:

- Bạch đại sa-môn! Tôi được nghe đại sa-môn có nhiều thắng trí, tuệ trí, minh trí biết khắp ba cõi, thấy suốt nghìn đời. Vậy xin đại sa-môn cho biết, là bạn tôi đây, Cầu hành giả, đang hành trì theo hạnh con chó, là một hạnh khó hành, không phải ai cũng hành được...

Đức Phật gật đầu:

- Ủ, vậy hãy kể cho Như Lai nghe?

- Bạn tôi đây đi bằng bốn chân, bò lết hoặc chạy đều bằng bốn chân. Nếu có ngồi thì cũng chỉ ngồi hai chân sau còn hay tay thì chống dựng phía trước. Lúc nằm thì nằm sấp trên đất, hai tay úp ở phía trước như chó. Đại tiện, tiểu tiện đều được tập tành cam go như kiêu chó. Ăn thì chỉ ăn những vật người ta quăng bỏ trên đất, còn uống thì liếm liếm, tấp tấp bất cứ vũng nước, hồ nước nào có sẵn bên đường. Nói tóm lại, là Cầu hành giả, bạn tôi, từ tứ oai nghi, ăn uống, đại tiện tiểu tiện đều cố hành trì như chó trong một thời gian dài, rất công phu, rất kiên nhẫn, rất tinh cần. Vậy chẳng hay, trong

tương lai, vận mạng của bạn tôi thế nào, tức là sanh thú, cảnh giới trong mai hậu sẽ như thế nào, thưa ngài đại samôn?

Đức Phật nhíu mày lại:

- Ông đừng hỏi như vậy nữa, có được không, này Punna Koliyāputta!

- Không, không thể dừng câu hỏi được, xin ngài đại samôn cho biết sanh thú, cảnh giới? Tại sao vậy? Tại vì công phu khó khăn, kiên nhẫn và tinh cần bất thối như thế, chắc phước báu sẽ tối thượng chứ?

Đức Phật đã không muốn trả lời, nhưng vì Nguu hành giả nằn nì lần thứ hai, lần thứ ba, đức Phật đành phải nói ra sự thật:

- Này, Punna Koliyāputta! Vậy thì hãy nghe Như Lai xác chứng sự thật như sau: Người nào hành trì hạnh con chó một cách triệt để, nghĩa là hoàn toàn viên mãn theo hạnh con chó thì giới, uy nghi, tâm và trí của người ấy cũng phải hoàn toàn viên mãn như thế!

- Vâng, tôi đã hiểu.

Đức Phật tiếp tục:

- Nếu hành trì giới viên mãn như chó, hành trì uy nghi viên mãn như chó, hành trì tâm viên mãn như chó, hành trì trí viên mãn như chó thì sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sẽ cộng trú với loài chó, thân hữu với loài chó, dòng chủng của loài chó, không sai, không trật vậy.

Câu hành giả đang ngồi một bên, nghe vậy theo thói quen, sửa gâu gâu... rồi khóc rống lên...

Đức Phật cất giọng như tiếng chuông ngân:

- Chưa thôi đâu, này các vị lỏa thể. Cõi địa ngục thường dành cho những tâm địa độc ác, bạo tàn do tâm sân, tâm sát. Nhưng ở địa ngục cũng có những cõi tối tăm, đầy đặc ngu si cả triệu triệu năm dành cho những người tà kiến. Nếu người hành trì theo hạnh loài chó, lại chấp chặt quan điểm rằng:

Do giới này, do uy nghi này, do tâm này, do trí này, do phạm hạnh này, ta sẽ thành vị chư thiên này hay chư thiên khác! Thì tức khắc, người ấy sẽ đọa xuống cõi địa ngục nêu trên. Nói tóm lại là chỉ có hai cõi: Không địa ngục thì bàng sanh, không bàng sanh thì địa ngục!

Trong lúc Cầu hành giả nước mắt ròng rã, sụt sùi, giọt ngắn giọt dài cảm thương cho sinh mệnh tương lai của mình thì Nguru hành giả lại nói:

- Ông bạn sao chưa sáng mắt ra mà còn khóc? Đức đại sa-môn khẳng định rằng: Nếu viên mãn hạnh con chó thì cái quả tợ thành chắc chắn sẽ là loài chó. Nếu không tợ thành, chấp chặt tà kiến thì sanh vào cõi địa ngục tăm tối cả triệu triệu năm đây!

Lấy tay quệt nước mắt nước mũi cho khô ráo, Cầu hành giả chột chập tay thưa:

- Bạch đại sa-môn! Tôi khóc như vậy không phải là khóc vì những câu nói của ngài, vì những xác chứng như thực của ngài. Tôi khóc, tôi tủi thân là vì tôi tiếc. Tôi tiếc rằng là cái hạnh như con chó này, tôi đã gian lao, vất vả, kiên trì, nỗ lực trong một thời gian rất dài. Bây giờ, tất cả chỉ còn là công cốc. Mọi công phu đã trôi tuột tất cả...

Nghỉ hơi một lúc, Cầu hành giả nói:

- Còn bạn tôi, Nguru hành giả sẽ như thế nào, thưa ngài đại sa-môn?

Đức Phật tỏ vẻ bi悯:

- Thì cũng tương tợ như người vậy thôi, này Seniya! Nếu giới viên mãn như bò, uy nghi viên mãn như bò, tâm viên mãn như bò, trí viên mãn như bò - thì sẽ cộng trú với loài bò, thân hữu với loài bò, đồng chủng của loài bò. Còn nếu chấp chặt tà kiến mong được sanh thiên thì sẽ đọa địa ngục tối tăm ngu si không sai, không khác!

Đến phiên Punna Koliyāputta rông lên như bò rồi khóc lóc, sụt sùi, nước mắt tuôn rơi lã chã. Cũng tương tợ như

Seniya, ông khóc là vì tiếc cho công phu Nguru hành giả quá lâu ngày, bây giờ chợt trống rỗng không còn gì!

Lát sau, lấy lại sự tỉnh táo, cả hai đồng xin đức Phật thuyết pháp một đề tài liên hệ để họ hy vọng từ bỏ được hai cái hạnh bò, hạnh chó ngu si này.

Đức Phật, sau đó đã tùy thuận giảng về các loại nghiệp. Ngài đã rộng rãi nói đến bốn loại nghiệp, đây là nghiệp đen, nghiệp trắng, nghiệp đen trắng, nghiệp không đen không trắng, chấm dứt các nghiệp⁽¹⁾. Nghiệp đen là nghiệp xấu ác, tổn hại mình và người sẽ đưa đến đau khổ, thống khổ; là cảnh giới của tứ ác đạo. Nghiệp trắng là nghiệp lành tốt, lợi ích cho mình và người sẽ đưa đến hạnh phúc, an vui; là tất cả các cảnh trời sắc giới và vô sắc giới. Nghiệp đen trắng là nghiệp xấu ác có lẫn lộn lành tốt sẽ đưa đến lẫn lộn đau khổ và an vui là cõi người. Nghiệp không đen không trắng là nghiệp chấm dứt các nghiệp hàm chỉ tứ thánh đạo quả và Niết-bàn...

Sau thời pháp, hai lỏa thể tà mạng ngoại đạo sáng mắt, xin được quy y và xin được sống đời xuất gia phạm hạnh. Đức Phật nói, phải ở bốn tháng biệt trú để chư vị trưởng lão xem xét tánh hạnh và xem có thay đổi được tri kiến làm lạc cũ hay không, sau đó mới được thọ đại giới. Cả hai thành khẩn và hoan hỷ xin được biệt trú bốn năm để gột rửa, tẩy rửa cho sạch sẽ tư tưởng chó và bò còn tồn đọng trong tâm tưởng...

Đức Phật chấp thuận. Sau đó ngài bảo rằng, hãy tắm rửa, cạo bỏ râu tóc, ăn mặc như người cư sĩ áo trắng đến làm công quả tại Kỳ Viên hoặc Trúc Lâm tịnh xá để tích lũy một ít công đức trong thời gian chờ đợi. Họ vâng mệnh nhưng có vẻ hơi lúng túng, hồ thẹn khi đứng lên... Tôn giả Mục-kiền-

⁽¹⁾ Do trình độ thấp thỏi của các tà mạng ngoại đạo - đức Phật phải thuyết cái vô tạo tác, vô hành là nghiệp không đen, không trắng cho họ để hiểu.

liên tâm ý linh thông, ngài đã đến một gia chủ giàu có trong thành, kể lại sự việc và đã xin cho hai người hai bộ áo quần của người cư sĩ, ngài trao cho họ rồi mỉm cười nói:

- Còn biết tầm, quý⁽¹⁾ là tốt rồi đó, hai ông bạn! Hãy đi xuống suối, tắm rửa, mặc áo quần vào rồi hăng lên đường.

Nhiều tiếng cười xung quanh rộ lên, vui vẻ, hỷ xả.

Cả hai, Ngưu hành giả và Cẩu hành giả đi rồi mà đại chúng còn bàn tán xôn xao mãi. Sao lại tự hành thân hoại thể và tu hành một cách ngu si như thế? Tu như chó, tu như bò mà lại đòi được sanh thiên?

Tôn giả Sāriputta gật đầu:

- Các bạn nói đúng! Tuy nhiên, nhờ các bạn đang sống trong giáo pháp quang minh, sáng sủa nên mới biết được, mới thấy được như thế chứ thế gian tối tăm này, phần đông, trong mắt họ nhiều cát bụi lắm, không dễ gì thấy biết được đâu!

Một vị thắc mắc hỏi:

- Hai tà mạng ngoại đạo này, sau này, họ tu tập có được gì không, tôn giả?

Tôn giả cười nhẹ:

- Khi đức Tôn Sư đã tạo duyên rồi, thì nhanh hay chậm, họ cũng đến được bến bờ bình yên thôi, các bạn!

Một vị cất giọng khôi hài:

- Hai vị đại nhân, đại nhân bò và đại nhân chó này, phước đức trăm ngàn đời mới gặp được đức Tôn Sư chúng ta!

⁽¹⁾ Tầm (hiri), quý (ottapa) - hổ thẹn tội lỗi và ghê sợ tội lỗi.

Vị Thánh Bảy Năm Trong Bình Máu

Từ già thị trấn Haliddavasana, đức Phật và đại chúng chậm rãi bộ hành về hướng Devadaha, là kinh đô của nước Koliyā, là quê ngoại của ngài. Lần này, đi theo đức Phật hầu như có đủ mặt các ông hoàng, công tử cả hai quốc độ thuở trước, đây là các trưởng lão Ānanda, Kāḷudāyi, Bhaddiya, Devadatta, Kimbila, Anuruddha... cùng vị thợ cạo Upāli mà bây giờ đã là bậc trưởng lão, tuy chưa có danh xưng nhưng được xem như là đệ nhất tri luật!

Bao nhiêu năm qua rồi, khuôn mặt của kinh thành cũng không thay đổi mấy. Xóm phường lao động thì vẫn bụi và rác, vẫn bò và dê bên những ngôi nhà tồi tàn nhiều năm không được tu sửa, chỉnh trang. Họ vẫn an phận thủ thường với cái nghèo của mình. Giới nô lệ thì cứ vẫn là nô lệ, bị đẩy bật ra ngoài mọi sinh hoạt công cộng. Giới lao động chân tay thì cứ vẫn đen đúa, nhem nhuốc với những công việc hạ cấp của mình. Những khu nhà của giới thương gia, quý tộc thì vẫn uy nghi, hiên hách, cứ vẫn là giàu sang và vương giả như thuở nào!

Đến Devadaha thì trời vừa tối, tôn giả Sāriputta thu xếp, phân phối đại chúng tạm thời qua đêm quanh các khu rừng

để khởi phiên đến dân chúng.

Rạng ngày, như một cuộc diễu hành, đức Phật và đại chúng tách ra từng toán nhỏ đi trì bình khát thực khắp các ngã đường. Dân chúng và phò phường có vẻ xôn xao khi hay tin giáo đoàn đang ở trong thành phố. Và chẳng, đây là quê hương của Devadatta và Yasodharā mà ai ai cũng nghe danh. Và ai cũng biết chuyện đức vua Suppabuddha đã thâm thù đức Phật đến tận tủy xương khi đã cướp đi con trai và con gái của ông! Tuy nhiên, mấy giáo đoàn đang hành hóa tại xứ sở này lại rất thành công. Giới quý tộc, chiến sĩ, thương gia cũng như dân chúng phát sanh tâm tín mộ dạt dào. Có nhiều cư sĩ đắc quả thánh. Rất nhiều quý tộc, thương gia đã đứng vào hàng ngũ cư sĩ cận sự hai hàng. Dầu chưa có những tông lâm lớn rộng nhưng các sinh hoạt tại những tăng xá, cốc liêu của chư tỳ-khưu đã tạo ra được cơ sở vững chắc. Gần đây, trưởng lão ni Gotamī và Yasodharā đã tạo lập được ba ni viện. Một ở Koliyā, một ở Kapilavatthu và một ở Savatthī dành cho tỳ-khưu-ni, nghe đâu cũng thành công.

Khi thấy bình bát đã vừa đủ dùng, đức Phật, hai vị đại đệ tử cùng Ānanda tìm đường đến ni viện để ngộ trai. Một khu vườn xanh mát với nhiều liêu cốc tranh tre thanh nhã hiện ra với nhiều chiếc bóng vàng tới lui thấp thoáng. Rất đông tỳ-khưu-ni lạ mặt ra đón tiếp phái đoàn. Bất chợt, tỳ-khưu-ni Khemā và Dhammadinnā ra quỳ đánh lễ và họ cho biết là vừa từ Trúc Lâm sang; còn trưởng lão ni Gotamī, Yasodharā và Sundrinandā thì đang ở Savatthī.

Đức Phật an tọa trên bồ đoàn, thăm hỏi công việc hoằng hóa ở Koliya. Lát sau, các vị trưởng lão Bhaddiya, Devadatta, Kimbila... dẫn chư tăng trong vùng đến đánh lễ, hầu thăm đức Phật và đại chúng. Hóa ra ở nơi này, chư tăng cũng đã kiến lập khá nhiều cơ sở, đặc biệt có một khu lâm viên khá lớn, sức chứa có thể lên đến năm, bảy trăm vị.

Công trình này do họ hàng hoàng gia bên nội của Devadatta và công nương Yasodharā dâng cúng. Họ đồng quỳ thỉnh đức Phật về ngụ cư ở tăng viện.

Khi hai hội chúng gặp gỡ, đang thân tình thăm hỏi nhau, thì bên ngoài cổng vườn, một chiếc xe hai ngựa dừng lại, một vị hoàng gia hấp tấp đi vào. Một vị ni cho biết đây là ông hoàng Mahāli, có vị phu nhân là công nương Suppavāsā mang thai đã bảy năm mà chưa sinh. Công nương Suppavāsā lại có tâm tín đạo rất lớn. Hai ông bà đã cúng dường khu vườn xinh đẹp cùng với mọi công trình tao nhã tại ni viện này.

Thật ra, không cần phải ai thưa trình, đức Phật đã biết tất cả mọi chuyện khi đến Koliyā, ngài đã tính đúng giờ phút mà công nương Suppavāsā đang chuyển dạ. Có ai biết rằng, công nương Suppavāsā suốt bảy năm qua đã mang trong lòng mình một thánh thai? Sáu năm trước, trong bụng mẹ, dẫu nằm trong một bình máu, nhưng thai nhi đã không dám động cựa, sợ mẹ đau! Đến năm thứ bảy, nhất là những ngày sau cùng, sự đau đớn khốc liệt xảy ra cho công nương Suppavāsā là chuyện tự nhiên của sinh lý cơ thể lúc sắp sinh. Nhưng do tâm lý, “cái quái thai” bảy năm nên sự đau đớn kia như tăng gấp bội làm cho vị công nương tưởng mình sắp chết. Sáng nay, nghe tin đức Phật và đại chúng đang trì bình khát thực trên các ngã đường Devadaha, công nương Suppavāsā mừng quá, những mong được chiêm ngưỡng đức Phật trước khi mạng chung nên đã hồi hã nói với chồng:

- Chàng ơi! Hãy tức khắc đi ngay! Hãy vì thiếp và hãy vì cái quái thai trong bụng thiếp; hãy thỉnh cho kỳ được đức Phật và chư tỳ-khưu Tăng ni đại chúng cho thiếp được chiêm bái và bồ thí cúng dường lớn trước khi vĩnh biệt!

Người rành rõi chỉ chỗ đức Phật. Tội nghiệp ông hoàng thân trẻ tuổi, thương vợ, với nước mắt, tức tốc, hồi hã lên đường.

Thấy dáng dấp hoàng thân Mahāli với bước đi hấp tấp, vội vã cùng với nét sầu não hiện ra nơi sắc mặt, ông chưa kịp đánh lễ, thưa thỉnh thì đức Phật đã mở lời trấn an:

- Này Mahāli! Không sao đâu hoàng thân! Phu nhân sẽ an toàn và cái thai nhi kia cũng sẽ an toàn! Như Lai sẽ chú nguyện cho! Bây giờ, hoàng thân hãy yên tâm mà ra về đi, đừng lo lắng nữa, đứa trẻ sắp chào đời rồi đấy!

Tin tưởng vào đức Thế Tôn, hoàng thân Mahāli thở ra một hơi dài. Và khi ông vừa rời gót, dùng trí sinh tử, đức Phật biết rõ quả nghiệp chịu đựng đau khổ của mẹ con thai nhi đã chấm dứt nên ngài chú tâm, hướng năng lực tâm đến chỗ sản phụ, đọc lên bài kệ với ý rằng: “Công nương Suppavāsā xứ Koliya được khỏe mạnh và an lành, hạ sanh một hài nhi cũng khỏe mạnh và an lành như thế!”. Câu phúc chúc của đấng Mười Lực vừa chấm dứt thì tại biệt phủ, công nương Suppavāsā sinh hạ một hài nhi nhẹ nhàng như nước trong bình đổ ra. Nhìn đứa bé khuôn mặt đẹp đẽ, hồng hào, mũm mĩm như con nhà trời, công nương mừng vui bé trẻ vào lòng với hai hàng lệ tuôn chảy. Cả nhà đổ xô lại. Ai cũng muốn nhìn tận mắt “cái quái thai” bảy năm trong bụng mẹ. Khi thấy trẻ rồi, và vì do phước báu của trẻ mà ai cũng nghe trong lòng thơ thới, mát mẻ, an vui một cách lạ kỳ. Do cảm giác ấy mà mọi người đồng thanh gọi là “Sīvali, Sīvali...” từ đó thành tên.

Hoàng thân Mahāli vừa đến cổng, chưa xuống xe đã nghe không khí vui tươi, nhộn nhịp của cả đại gia đình, ông cảm kích và càng khởi tâm tịnh tín khi biết rõ oai lực vô song của đức Giác Ngộ. Ông hoàng thấy tâm hồn lâng lâng, đi nhanh vào hậu điện. Một bà vú bế trẻ ra cho ông xem. Ông chiêm ngưỡng con mình như chiêm ngưỡng một tác phẩm kỳ lạ của ông thợ trời. Vào phòng, đặt trẻ trong vòng tay của công nương, sung sướng và hạnh phúc quá làm cho đôi mắt ông cũng đỏ hoe!

Hoàng thân thuật lại lời đức Phật chỉ dạy. Công nương chấp hai tay lên trán, làm thắm thốt lời tạ ân đức Phật rồi nói:

- Chàng chịu khó trở lại ni viện một lượt nữa, thỉnh mời đức Thế Tôn và tất cả tăng ni, có đủ năm trăm vị thì càng quý, bắt đầu từ ngày mai, chúng ta sẽ đặt bát cúng dường bảy ngày, ý chàng thế nào?

- Vâng, vâng! Ông hoàng hỏi hả gặt đầu! Phải vậy! Đệ tri tạ ân đức Tam Bảo!

Thế rồi, việc đặt bát cúng dường bảy ngày tại biệt điện đến đại chúng có đức Phật cầm đầu đã diễn ra hỷ mãn. Và trong thời gian ấy, ai ai cũng chứng kiến chuyện lạ lùng, là trẻ Sīvali lớn nhanh như thổi. Chỉ trong ngày thứ nhất, vừa qua đêm, trẻ đã đổi khác. Qua ngày thứ hai, vừa cách đêm, trẻ đã lớn bằng đứa bé hai tuổi. Và cứ thế, đến ngày thứ bảy thì trẻ đã hao hao giống đứa bé ba bốn tuổi nhưng cử chỉ, đi đứng, ăn nói thì đã tỏ ra không thua gì trẻ sáu bảy tuổi. Trẻ đã nói chuyện với cha mẹ với âm giọng khá rõ ràng, nhưng đặc biệt, trong đó lại toát ra sự hiểu biết không phải của con nít! Cậu lại còn biết xin phép cha mẹ cho được tự tay đặt bát cúng dường một vài thứ vật thực đến đức Phật và chư vị trưởng lão!

Chuyện kỳ lạ này không mấy chốc đã lan nhanh khắp cả thành phố. Không những bà con nội ngoại, thân bằng quyến thuộc tò mò tìm đến thăm viếng mà kẻ lạ, người dưng ngày nào cũng đứng chật sân vườn, công ngõ. Trẻ Sīvali tỏ vẻ không được vui, than phiền với mẹ là thiên hạ đến đây ồn ào, huyên náo quá, chẳng yên tĩnh được chút nào! Công nương nhìn cậu quý tử, cứ tròn mắt ngạc nhiên từ chuyện này sang chuyện khác; và bà biết rõ trong tâm, con bà không phải là thường nhân!

Cũng ngày thứ bảy, sau khi nhận đầy đủ vật thực, chư ni trở về ni viện, chư tăng trở về tăng viện, đức Phật bảo tôn

giả Sāriputta ở lại thuyết pháp cho cả đại gia đình cùng nghe. Thế rồi, tôn giả thuyết về khổ sanh, khổ của sự tái sanh và sự khổ của vòng trầm luân sinh tử. Trẻ Sīvali lắng nghe rất chăm chú. Cậu rất thấm thía thời pháp. Cậu thấu hiểu một cách rất sâu sắc và cụ thể về sự khổ sanh vì chính cậu đã nằm trong bụng mẹ suốt bảy năm, bảy ngày! Nằm trong bụng mẹ, như nằm trong cái bọc máu, đã nhận chịu tới tăm, dư ứ mà mọi động cựa cũng phải cẩn thận vì có thể làm cho bà mẹ bị đau! Mặc dầu bà mẹ rất biết kiên nhẫn, nhưng tế bào thần kinh của trẻ rất nhạy. Chỉ một chút cay, chút nóng, chút mặn, chút đắng, chút chua... là cậu như bị tra tấn! Khổ nhất là thời tiết của trời đất thất thường chuyển đổi ở bên ngoài thì bên trong này, trẻ đau đớn cùng cực...

Thời pháp chấm dứt, trẻ Sīvali ăn mặc rất đẹp, bước ra đánh lễ tôn giả rất mực nghiêm cung và lễ độ. Tôn giả dịu dàng cất tiếng hỏi:

- Mọi việc đều an lành và tốt đẹp cả chứ, này Sīvali?

- Hiện tại, trong không khí phước sự và trong thời gian nghe pháp thì đúng là vậy, thưa tôn giả!

Nghe câu trả lời của trẻ “không đơn giản” chút nào, tôn giả ngạc nhiên, nhăn mày hỏi tiếp:

- Con nói hiện tại? Vậy trước cái hiện tại này thì sao?

Trẻ mỉm cười mà như mỉa, rồi đáp:

- Trước cái hiện tại, nghĩa là thời gian suốt bảy năm, bảy ngày con nằm trong một cái bình máu thì an lành và tốt đẹp sao được, thưa tôn giả!

- Đúng là vậy! Tôn giả hoan hỷ nói - Vậy là cái khổ nằm trong bụng mẹ, con là người cảm nhận sâu sắc nhất!

- Không chỉ là cảm nhận - Trẻ Sīvali lắc đầu - con còn kinh sợ nữa, thưa tôn giả!

Qua vài câu đối thoại giữa tôn giả và “hài nhi” mới sanh có bảy ngày đã lôi cuốn sự chú tâm của mọi người. Công nương Suppavāsā hoan hỷ và hãnh diện quá, bà thốt lên:

- Coi kìa! Coi kìa! Con tôi mới có bảy ngày mà đã thảo luận “về sự khổ” với bậc Tướng quân Chánh pháp!

Biết trẻ có căn duyên sâu dày, tôn giả ước hỏi tiếp:

- Nếu kinh hãi sự khổ thì con phải làm sao, Sīvali?

Trẻ có vẻ suy nghĩ rồi mới trả lời:

- Theo thời pháp của tôn giả, xuất gia mà thấy pháp, chứng pháp, giác ngộ pháp sẽ lần lượt cắt đứt tất thấy sự khổ. Vậy trước sau, con cũng xin được xuất gia thôi!

Tôn giả gật đầu:

- Ủ, thế là đúng! Nhưng bây giờ con còn bé dại quá! Hãy sống ngoan ngoãn, hiếu thảo với cha mẹ, hiếu thuận với mọi người. Khi cơ duyên chín muồi, tự đích thân ta sẽ tìm đến con đấy! Nhớ lời hứa đó nhé?

- Dạ xin vâng!

Quay qua đại gia đình rồi nhìn công nương Suppavāsā, tôn giả hỏi:

- Có một trẻ như vậy, thế gian hiếm có! Nay công nương hữu phúc! Công nương có còn muốn những bé trai tương tự như vậy nữa hay không?

Rạng rỡ khuôn mặt, công nương mau mắn đáp:

- Muốn, rất muốn! Nếu có đau khổ bảy lần, được bảy bé trai như thế, đệ tử cũng muốn như thường!

Câu chuyện của trẻ Sīvali, không mấy chốc đã trở thành câu chuyện nóng sốt được bàn tán khắp mọi nơi. Không những tại các tầng, ni viện mà tại cung đình, hoàng gia, quý tộc, các đạo tràng ngoại giáo, đường phố, công viên, chợ búa... ai cũng muốn chiêm ngưỡng trẻ hoặc suy luận về căn cơ, nghiệp từ kiếp trước. Có một số vị tỳ-khưu đem chuyện kể về trẻ Sīvali và trẻ Dabba-Mallaputta vừa mới xảy ra ở khu rừng Ampiyamba gần thành Anupiya xem như đều là những việc hiếm có trên đời. Nói chung, họ cứ thắc mắc, thắc mắc mãi là cả hai mẹ con bị cái nghiệp gì kinh khiếp mà cùng chịu đau khổ chung suốt bảy năm, bảy ngày như

thế?

Tôn giả Moggallāna thấy tiết lộ điều này, tức là nhân của nghiệp quá khứ, chư tăng sẽ hiểu thêm về sức mạnh của nghiệp báo, lợi ích cho việc tu tập của họ nên đã không ngần ngại kể cho họ nghe rằng:

“- Trong một kiếp quá khứ, tiền thân Sīvali là một vị thái tử con vua Brahmadata, kinh thành Bārāṇasī. Thái tử tinh thông các môn học nghệ, đức độ và tài giỏi nên được vua cha nhường ngôi lúc còn rất trẻ.

Đức vua xứ Kosala sẵn binh lực hùng hậu, có dã tâm xâm lược, thấy nước lân bang trù phú, giàu có nên đã khởi một đạo quân lớn, đột ngột tấn công Bārāṇasī, giết đức vua Brahmadata, lấy hoàng hậu vua làm vợ mình. May mắn thay, lúc ấy thái tử đang ở ngoại thành, đang cùng với toán quân vệ sĩ đang đi tuần thú các nơi nên thoát khỏi nạn.

Thấy nước mất, nhà tan, thái tử rất căm hận nên đã tụ họp bên mình những chiến sĩ gan dạ, yêu nước rồi âm thầm đi khắp các trấn thành, thị trấn... kêu gọi đoàn kết, phát cờ khởi nghĩa vệ quốc.

Hôm kia, một đoàn đại quân đàng đàng sát khí, có thủ lĩnh là vị vua trẻ, bao vây Bārāṇasī rồi bắn vào thành một trăm mũi tên viết bằng máu: “Một là giao thành, hai là giao chiến, ba là các người hãy tự sát!”

Đức vua Kosala và quân đội đang hưởng lạc, say men chiến thắng, nhận được tột hậu thư, mỉm cười khinh bỉ: “Thằng trẻ ranh dám hù dọa ta sao?”, bèn cho bắn tên trả lời: “Một tuần nữa, ta sẽ chặt đầu người ở dưới chân thành, cho chó ăn!” Tức giận đến máu trào, thái tử tức tốc cho tấn công, không đợi chờ nữa. Ba lần tấn công cả ba lần đều bị đẩy ra do binh lực của chúng còn rất mạnh.

Trong thành, bà hoàng hậu hay tin, nhờ cảm tử quân ban đêm vượt thành, đưa tin cho thái tử hay: “Quân đội của chúng chưa tổn hao, nhưng lương thực trong thành đã gần

cạn. Vậy, không nên đánh thành mà chỉ nên bao vây, cắt đứt các ngã đường tiếp tế. Chỉ cho đến khi nào củi, nước, gạo trong thành khánh kiệt, không cần đánh mà chúng ta vẫn thắng!”

Nghe lời mẹ, thái tử cho các tướng dẫn quân bao vây, bít chặt mọi lối ra, vào; những ngõ ngách bò dê heo chó gì cũng bịt kín. Thế là đến ngày thứ bảy, dân chúng trong thành do đói khát nên chết rất nhiều. Một số còn đủ sức, họ mang gươm giáo nổi loạn. Quân đội của vua Kosala cũng chết do đói khát, số còn lại thì vật vờ, yếu lả nên không còn đủ sức kháng cự. Dân chúng tràn vào vương cung, chặt đầu vua rồi tự động đem giao nộp cho thái tử. Chàng hiên ngang vào thành, lấy lại vương quốc, mẹ con trùng phùng... Mạng chung, họ đi theo nghiệp của mình”.

Kể xong chuyện quá khứ, tôn giả kết luận:

- Do nhân gieo vây hãm thành bảy ngày làm cho rất nhiều người chết; sau khi bị trả quả khổ ở địa ngục, nghiệp còn dư sót, mẹ mang thai con bảy năm, bảy ngày chịu khổ với nhau để trả cho hết nghiệp xưa! Công nương Suppavāsā bây giờ là hoàng hậu thuở trước, thái tử Bārāṇasī vây thành chính là trẻ Sīvali vậy.

- Trời đất ơi! Một người cát tiếng than! Cái nhân bảy ngày vây hãm thành, cái quả trả dư sót lại lên đến bảy năm, bảy ngày! Xem nào! Một năm vị chi số ngày như thế, chia cho bảy như thế, vị chi gấp năm mươi hai lần cộng thêm bảy ngày! Ôi! khiếp thay cái nghiệp báo - năm mươi ba lần hơn là cái sự khổ phải chịu!

Có tiếng cười. Rồi có người còn thắc mắc, hỏi:

- Trẻ Sīvali rất thông minh, sáng dạ; không những nắm bắt cái “khổ sanh” trong thời pháp, mà còn thảo luận với bậc Tướng quân Chánh pháp vài câu nghe rất có chiều sâu. Như thế, hễ trẻ phải có căn cơ giáo pháp sâu dày nào từ quá khứ, phải thế không, thưa tôn giả?

Tôn giả gật đầu:

- Ủ, đúng vậy! Sẽ còn có lắm điều kỳ diệu về trẻ Sīvali này. Nhưng phải đợi đến khi cậu bé xuất gia, cái căn cơ cũ ấy mới trọn vẹn mãn khai! Hãy đợi đấy mà xem!

Sự việc sau đó xảy ra đúng y như vậy. Ngày hôm sau, tôn giả Sāriputta làm lễ xuất gia sa-di cho Sīvali. Khi làn dao cạo tóc vừa đi xong một đường, cậu bé đã đắc quả Tu-đà-hoàn, đường dao thứ hai thì đắc quả Tu-đà-hàm, đường dao thứ ba thì đắc quả A-na-hàm; và sau khi cạo đầu xong thì Sīvali đã đắc quả a-la-hán cùng các thắng trí.

Và sau này, sa-di Sīvali được đức Phật khen ngợi là người “đệ nhất về lợi lộc”, đặc biệt là về vật thực!

Những Người Bạn Cũ

Đây là lần thứ ba sau khi giác ngộ, đức Phật trở lại quê hương. Trời nắng hanh, khô, bụi bặm bám đầy cây lá ven đường do những đoàn xe bộ hành thương mại ngày ngày ngược bắc xuôi nam.

Lúc qua sông Rohini, đức Phật dừng chân lại. Ngài đi theo ven bờ xuống phía hạ lưu. Sông mùa này cạn nước, chảy lờ đờ, vàng đục. Nơi này nơi kia đọng lại từng vũng, từng vũng; thỉnh thoảng có những hồ nước lớn. Ở đây, người dân hai bên bờ đã làm những con mương nước để dẫn nước sang hai bên rồi dùng sức của những chiếc gàu tay, những thùng tre, đưa nước đến cấp cứu cho những đám ruộng, đám ngô, bắp đậu... ở những bãi biển.

Mấy người nông dân thấy đức Phật và tăng chúng đứng lớ nhố quá đông họ sợ hãi nép núp chỗ này chỗ kia. Đức Phật bước lại, cất giọng từ hòa:

- Như Lai đây mà! Như Lai đi thăm hỏi bà con đây mà! Hiện nay, hai bờ con sông này không còn xảy ra tranh chấp nữa chứ?

- Dạ không! Một người đàn ông có vẽ rành rồi bước ra đáp! Chúng tôi vẫn nhớ câu đức Đại Bi đã dạy là “máu quý hơn nước” nên không dại gì để xảy ra tranh chấp với đời

gậy, vói gươm giáo nữa.

- Tốt, rất tốt! Vậy, hiện tại, quý vị làm lưng có đủ ăn, đủ mặc không?

- Dạ, cơm ăn thì cũng bữa đực, bữa cái; áo quần thì cũng đầu thừa cháp nôi đuôi thẹo, nói chung cũng qua ngày, chưa đến nỗi đói lạnh, thưa đức Tôn Sư!

- Ừ! Thế thì đức vua và các quan tổng trấn họ có tốt không, họ đã đối xử với nhân dân như thế nào?

- Dạ, ông vua này ngó bộ cũng biết lo cho dân! Nhưng quan tổng trấn ở đây thì già rồi, có lẽ không còn được mấy hơi, cứ ì ạch, ì ạch ở lì trong trấn phủ, có khi nào đi quan sát dân tình đâu mà biết!

Đức Phật gật đầu:

- Đúng vậy, quan tổng trấn phải trẻ và phải năng động mới được! Một vị quan tốt phải đến tận nhà dân nghèo, phải biết quan sát cái nôi cơm, nhìn xem cái hố xí! Xin lỗi, đôi khi xem dân ỉa ra cái giống gì mới biết được dân đói hay no, ăn cơm hay chỉ ăn vớ lá và củ!

- Ôi! Hoàn toàn đúng! Đúng đức Tôn Sư là bậc thầy biết khắp thiên hạ, không có gì là không biết!

Mọi người xung quanh đổ xô lại. Một người thưa:

- Quan tổng trấn ở miệt trên, nghe nói trẻ lắm! Đến các vụ mùa gieo cấy hay gặt hái, ông ta ra ngủ vớ dân, đôi khi còn ăn chung, ăn thử món này món kia; và còn tận tình chỉ dạy từng ly, từng tí cách thức trồng trọt giống này, giống kia nữa!

- Vậy là giỏi lắm! Đức Phật khen ngợi - Phải như vậy mới được! Phải như vậy mới được!

Rời Rohini, thế là đức Phật đã biết sơ về tình hình chung của lãnh thổ, quê hương. Và, tương tự như Devadaha, Kapilavatthu cũng không mấy thay đổi. Đức vua Mahānāma dầu có trẻ trung, tháo vát nhưng sức nặng truyền thống, những tập tục cổ hủ, nạn phân chia giai cấp đã làm thui chột

tất thủy mọi năng lực sáng tạo để đưa đất nước đi lên. Thuở xưa, ngài đã bắt lực thì nay Mahānāma cũng bắt lực mà thôi.

Ngang qua khu vườn Lumbinī, thấy nơi này xanh mát, đức Phật và đại chúng dừng lại nghỉ ngơi.

Tôn giả Ānanda đi dạo quanh một vòng, dừng lại nơi gốc cây có khắc dấu kỷ niệm hoàng tử Sākya Siddhattha đản sanh, cất giọng bùi ngùi:

- Mới đó mà đã gần bốn mươi lăm năm rồi. Xem kia, cái gốc cây sālā này trông đã già đi nhiều lắm.

Tôn giả Sāriputta đang đứng sau lưng, góp lời:

- Sau này, đây sẽ là cái cây thiêng liêng đấy, pháp đệ!

Từ giả Lumbinī, đức Phật nói:

- Đúng vậy! Nhưng mà kỷ niệm để làm gì! Quả đất này chật chội lắm; còn chúng ta thì cứ sanh tới sanh lui mãi, chưa nhàm chán sao? Chưa mệt mỏi hay sao? Cứ quăng một cục đá lên trời, nơi nào nó rơi xuống, đào lên, sẽ bắt gặp xương cốt hoặc vật gì đó của chúng ta từ một quá khứ vô định nào!

Lời của đức Phật nói, tuy nhỏ nhưng mà lại thoáng vào tai của đại chúng, rõ mồn một. Họ nghe như có tiếng lá rơi vèo, xào xạc giữa không gian. Trời nắng nóng mà họ cảm nghe ngọn gió hư vô lạnh buốt vừa thổi qua. Rùng mình. Họ trực thức trở lại với chánh niệm ngay, không dám vọng tưởng và hoài niệm nữa!

Tiếp tục lộ trình, đức Phật và đại chúng thanh thân đưa mắt nhìn ngắm hai bên trên con đường vào thành. Nhà nhà mở cửa, quét dọn sạch sẽ. Nơi những nhà giàu còn xông thơm ngát hương chiên-đàn. Họ như một đoàn quân chiến thắng khải hoàn; một chiến thắng vinh quang nhất là chiến thắng khổ đau, phiền não và buộc ràng! Và đây cũng là đoàn quân của giáo hội độc thân, của vô sản, bần hàn; nhưng cũng là của tự do, bình đẳng và dân chủ nhất trên toàn cõi châu Diêm-phù-đề!

Chư tăng đi địa phương và cận sự nam nữ dòng Sākya biết tin đức Phật sẽ về đây từ mấy hôm trước. Khi ngài và đại chúng còn ở Koliya thì họ đã rủ nhau vào khu Rừng Cây Đa (Nirodhavana) để dọn dẹp vệ sinh toàn bộ các nơi. Cốc liêu chư tăng cũng được sơn quét, làm sạch, làm đẹp các lối đi và cả những công trình phụ. Tại giảng đường, họ dùng nệm sạch mới trải khắp, sắp đặt chỗ ngồi, ghè nước và treo đèn kết hoa. Bảo tọa của đức Thế Tôn được lát thảm nhung sẫm nâu, tấm hương liệu rồi họ xông chính giữa giảng đường một lò chiên-đàn lớn để xua tạp khí...

Do chư tăng đi ni đến quá đông nên một số phải di tản. Chư ni được dẫn sang ni viện mới do ni trưởng Gotamī, Yasodharā và dòng Sākya kiến tạo. Nơi này sinh hoạt Phật sự có vẻ tăng thịnh vì dù sao cũng là quê hương của Phật; lại nữa, dòng Sākya thường hãnh diện, tự hào về đức Chánh Đẳng Giác đã xuất sinh ở đây, cùng chung huyết thống với họ.

Đức Phật vừa ngồi xuống nghỉ ngơi thì đức vua Mahānāma cùng các quan đại thần trẻ tìm đến. Họ đánh lễ rất thành kính trong cung cách của những đệ tử tại gia.

Nhìn những sợi tóc bạc lâm tâm của Mahānāma, đức Phật muốn dành một chút thời gian “tâm sự với bạn cũ” nên dịu dàng cất tiếng hỏi:

- Thời gian trôi qua nhanh quá, phải không Mahānāma?
- Đúng vậy, thưa Tôn Sư! Không chỉ nhanh như bóng ngựa qua cửa mà nhanh như từng nháy mắt, từng sát-na!
- Ủ, đúng vậy!

Đức Phật gật đầu. Im lặng một lát, ngài hỏi tiếp ra chiều quan tâm:

- Công việc triều chính, kinh tế, ngoại giao cũng như xã hội, dân sinh... lúc này có những biến chuyển gì, dấu hiệu gì, tốt hay xấu hử đại vương?
- Nói chung là triều chính vẫn trì trệ, mặc dầu đệ tử đã

lựa chọn những quan đại thần trẻ trung xuất thân từ đại học Takkasilā. Do nhân số không đủ, chỉ một ít ở triều chính và một ít ở vài ba tổng trấn lớn. Họ có tư duy mới, cách làm việc mới nhưng do cỗ xe đã quá cũ kỹ, quá hao mòn nên sức người không thể chuyển đổi được sức mạnh của nghiệp cộng với sức mạnh của thuyết định mạng!

- Ủ, Như Lai hiểu! Cái thuyết định mạng của bà-la-môn giáo thiệt là tệ quá. Nó còn làm trì trệ châu Diêm-phù-đề này mấy ngàn năm nữa đấy, Mahānāma!

Im lặng. Lát sau, Mahānāma trình bày tiếp:

- Kinh tế thì càng ngày càng rơi vào thế lực của các tập đoàn. Họ năng động, tài giỏi, tư duy sắc bén lại có nhiều tiền bạc nên thế lực mạnh quá, đôi khi triều đình phải lệ thuộc, cần sự tài trợ của đám thương gia ấy. Chúng ta chưa tìm ra một nhà kinh tế học ưu việt, khả dĩ vừa có biện pháp chế tài vừa có chính sách đem đến lợi ích cho muôn dân! Ước gì có một người có trí tuệ khả dĩ bằng một phần mười sáu của đức Thế Tôn!

Đức Phật mỉm cười:

- Rồi để mà làm gì, hờ Mahānāma?

Câu hỏi của đức Phật làm ông vua bạn cũ nín lặng. Phải, làm gì đã chứ? Thoáng chốc là phù du cái cuộc đời này! Ông là một vị vua quyền uy hiển hách, phú quý và tài lộc thuộc đệ nhất đẳng, ai cũng tưởng là hạnh phúc; nhưng ông nào có mấy niềm vui? Đêm nằm luôn trăn trở, thao thức từ lo nghĩ, toan tính này sang nỗi buồn phiền, ưu tư nọ vì việc nước, việc nhà, việc thế thiếp và các con. Chỗ nào cũng bất như ý, chỗ nào cũng khó chịu, bức bối, chỗ nào cũng là cái ổ phiền não...

Đức Phật biết nỗi lòng của Mahānāma. Không những hàng trăm cái buồn phiền mà chuyện vừa mới xảy ra đã làm cho ông ta không yên tâm. Số là đức vua Kosala muốn kết thân với ngài nên cho sứ giả sang Kapilavatthu để đàm hỏi

một cô công chúa dòng dõi Sākya về làm quý phi. Dòng tộc Sākya vốn kiêu căng, ngã mạn không chịu cho cưới những cô gái cảnh vàng lá ngọc nên họ thuyết phục đức vua Mahānāma gả cô con gái cưng của ông, vốn lai tạp huyết thống của bà mẹ nô lệ. Cô Vāsabha-Khattiya đúng là một công chúa, lại là rất khả ái, nét na, dịu dàng và xinh đẹp nên rất đúng với tiêu chuẩn yêu cầu. Khi gả cô con gái yêu quý đi rồi, một phần nhớ thương con, một phần thì lo sợ đến lúc nào đó triều đình Kosala phát giác con mình không thuần chủng, như thế là coi khinh họ thì khó tránh khỏi hiểm họa cho đất nước vốn mang thân phận nhược tiểu, chur hầu!

Đức Phật biết tất cả mọi chuyện nhân quả, nghiệp báo, không những bây giờ và còn nhiều kiếp về trước nữa, nhưng không thể tiết lộ, ngài chỉ nói:

- Như Lai đã từng thất bại thì đức vua hãy xem sự thất bại như một bài học cụ thể ở đời để giác ngộ, để thấy rõ bản chất như thực của nội tâm cũng như ngoại cảnh trong tương quan phát sinh. Ngay chính những lo nghĩ, những buồn phiền cũng thế, bản chất chúng cũng sinh diệt, này Mahānāma!

Đức Phật dẫn dắt câu chuyện thật là khéo, đã đưa đức vua vào với giáo pháp hời nào mà ông ta cũng chẳng hay! Lời giáo giới ấy cho ông ta một phần nào tỉnh thức, khuôn mặt đã thấy giãn ra!

Câu chuyện vừa ngang đây thì Ānanda, Devadatta, Kimbila, Upāli, Anuruddha, Bhaddiya, Kāḷudāyi... cùng bước vào... Đức vua Mahānāma chưa kịp chào hỏi thì vị này vị kia đến ôm choàng lấy ông làm ông vô cùng mừng tủi. Thấy vị nào cốt cách cũng cao sang, khuôn mặt ngời ngời sáng láng không hề thấy một nếp nhăn dù ai cũng đã trên dưới tứ tuần, ông biết họ có nhiều căn lành, nhiều duyên phúc và nhiều trí tuệ hơn ông!

Đức Phật để cho họ tự do hàn huyên, ngài chỉ hỏi

Ānanda:

- Sāriputta và Moggallāna đi đâu?
- Thưa, hai sư huynh của đệ tử đang giáo giới tại ni viện!
- Vậy thì tối nay, Như Lai sẽ vào hoàng cung với Mahānāma để thuyết pháp cho những người không đi được, còn ông, hãy thuyết pháp đến cho các Sākya cận sự nam nữ!
- Thưa vâng, bạch đức Tôn Sư! Nhưng xin đức Tôn Sư cho đề tài phụ hợp với căn cơ.

- Chuyện phước thôi, này Ānandā! Hãy thuyết làm sao cho dòng tộc Sākya biết giữ ngũ giới cho tốt; ngoài ra, giải thích thêm lợi ích của bát quan trai giới!

Ngạc nhiên, tôn giả Ānanda hỏi:

- Đường như đề tài này, đức Tôn Sư, hai vị đại sư huynh và chư trưởng lão đã thuyết nhiều lần tại đây rồi? Sao không cho đệ tử thuyết những pháp cao hơn?

- Hãy cứ thuyết nữa đi! Do một số khá đông trong họ chưa giữ tròn ngũ giới và họ tỏ ra lơ là bát quan trai giới! Cứ nhắc đi nhắc lại mãi thì rồi họ cũng thấm. Và lại, nếu biết triển khai cho khéo thì những giới sơ cơ ấy cũng có bề rộng và bề sâu vậy!

Ānanda hiểu, tuân mệnh và tôn giả biết mình làm được, thuyết được. Tuy nhiên, tôn giả cũng chưa hiểu dụng ý của đức Chánh Biến Tri, bậc liễu thông tất cả. Chỉ có đức Phật mới biết rằng, trong tương lai, dòng Sākya sẽ bị diệt vong do hiểm họa mà trong tâm tư ông vua Mahānāma đang lo nghĩ! Và chỉ có sức mạnh ngũ giới, bát quan giới được hành trì, tu tập tốt mới là chiếc phao phước báu đưa dòng Sākya đi lên các cõi trời và người mà thôi!

Chiếc Phao Phước Báu

Mấy ngày hôm sau là những cuộc cúng dường đặt bát liên tục từ các gia đình hoàng gia, các quan đại thần cùng các thương gia và gia chủ trong kinh thành. Các buổi chiều, hai vị đại đệ tử và các vị trưởng lão đi giáo giới tại các tăng viện, ni viện. Đức Phật cũng đi thăm một vòng quanh các cơ sở vừa mới thành lập. Đâu đâu không khí cũng có vẻ an lạc và thanh bình. Các vị trưởng lão cho biết là chư tăng ni chưa có những trường hợp nào có vẻ sai phạm lớn về đời sống phạm hạnh. Riêng giới cư sĩ thì có vẻ chưa được thuần thành, nên tổ chức các thời pháp lớn tại Rừng Cây Đa. Và đây cũng là ý của đức Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda đã thuyết ba thời pháp liên tục vào ba buổi chiều. Những thời pháp của tôn giả có tác dụng lớn. Do được nghe nhiều lần nội dung về ngũ giới, về bát quan trai giới từ kim khẩu đức Thế Tôn nên tôn giả đã triển khai theo một chiều hướng khác, cách nói khác, bề rộng và bề sâu khác rất ấn tượng.

Tôn giả thuyết rất mới mẻ rằng,
Giới như ngọn đèn trong đêm tối,
Giới như con mắt sáng nhìn xuyên qua lớp sương mù,
Giới như người bộ hành lên đường có bản đồ và đầy đủ

lương thực,

Giới như chiếc thuyền ra khơi có la bàn định hướng,

Giới như thương gia làm ăn có sẵn vốn liếng,

Giới như vị tướng ra trận có quân cận vệ dũng cảm ở hai bên mình,

Giới như người thợ mộc có đầy đủ thước mực cùng lăm meo hay,

Giới như vị minh quân có sẵn các quan đại thần tài đức gồm đủ,

Giới như hạt mầm vừa mọc lên đầy đủ nước, ánh sáng, phân bón và công chăm sóc,

Giới như người vừa mới sinh ra trong gia đình có cha mẹ giàu sang và hiền thiện...

Do vậy,

Giới là viên ngọc quý, là kho báu, là bảo tàng, là áo giáp thiện hạnh;

là người bạn lành chung thủy,

là đóa hoa tươi thắm sắc hương,

là bài thơ trăng sao giữa nước mây lồng lộng...

Này các vị Sākyaputta - những đứa con của dòng dõi Sākya - hãy xem năm giới như tài sản của mình, vận may của mình, bậc thầy của mình, phước lộc của mình, sức khỏe của mình, sinh mạng của mình, là chiếc chìa khóa có bộ phận cơ cấu chi tiết tỷ lệ vàng có thể mở tất cả mọi cánh cửa người, trời an lành và hạnh phúc.

Đừng đơn giản nghĩ rằng, không sát sanh chỉ là không giết người, giết vật mà còn phải học cho được bài học để giác ngộ rằng: Mới khởi một niệm sát, niệm sân, niệm hại là cái tâm ấy đã ứ nhiễm, đã là bất thiện rồi.

Liên hệ giới này đối với bậc xuất gia thì lại càng khiếp nữa. Có một vị tỳ-khưu uống nước ao hồ mà quên lọc, thế là đã bị giới phạm tỳ vết! Có một vị tỳ-khưu chỉ bút một cọng cỏ vô tình cũng phải đi sám hối!

Đừng dễ dãi nghĩ rằng, không trộm cắp là không lấy cắp của người dù một cọng cỏ, một cây kim là giới ấy đã viên mãn rồi! Phải học cho được bài học để giác ngộ rằng: Chỉ khởi một niệm tham, một niệm chiếm hữu, một niệm sở hữu gì đó thì giới ấy ở trong tâm đã bị lẹm khuyết, đã bị vấy bẩn rồi.

Liên hệ giới này đối với sa-môn phạm hạnh lại càng vi tế hơn nhiều. Một vị tỳ-khưu mà xin món này vật kia là đã không được rồi; thậm chí chỉ gợi ý xa xôi là tâm cũng đã bị hoen ố rồi!

Đừng hời hợt nghĩ rằng, giữ tròn giới thứ ba là không tà vạy bất chánh với vợ con người mà còn phải học cho được bài học để giác ngộ rằng: Một niệm dục, một niệm muốn thỏa mãn giác quan và cảm xúc đã làm cho giới này bị rò rỉ, bị mối mọt, bị sâu đục từ trong ruột.

Đối với chư tăng ni lại càng nghiêm túc hơn nữa. Một vị tỳ-khưu nhìn người phụ nữ mà nắm tướng chung, nắm tướng riêng (biết là trẻ, già, mập, ốm) là đã không được rồi! Có một vị tỳ-khưu, lúc tu tập mà nắm bắt tịnh tướng (đẹp, sạch) là đã bị chúng bạn cười chê!

Đừng nông cạn nghĩ rằng, chỉ không nói dối láo là giữ tròn giới thứ tư mà còn phải học bài học để giác ngộ rằng: Bất cứ tác hành nào về khẩu ngôn, khẩu ngữ mà không y cứ trên sự thật, trên nền tảng cái chân thật thì giới ấy đã bị cong queo, nghiêng lệch rồi.

Các hàng sa-môn quyết đi theo cái như thật, cái như thật đến tận cùng như một vị tỳ-khưu tu tập tuệ minh sát, một khởi ý lệch hướng, sai hướng (Ayonisomanasikāra) đã có thể đi trệch chánh pháp! Một vị tỳ-khưu còn phải tránh xa nói hai lưỡi, nói thêu dệt, nói ác độc, nói phù phiếm, nói hoa mỹ, nói thêm bớt, nói vô ích, nói rỗng không, nói gợi ý, nói ngon ngọt văn chương bóng bẩy... nữa.

Đừng vội vàng nghĩ rằng, không uống rượu và các loại

men đã là tốt rồi. Mà còn phải chiêm nghiệm sâu xa hơn về các loại chất say ấy. Phải học cho được bài học để giác ngộ rằng: Say nào cũng là say; có cái say thô thiển, có cái say vi tế; có chất say thuộc về vật, có chất say thuộc về tâm; có loại say thuộc sắc thanh hương vị xúc, có loại say thuộc về mắt tai mũi lưỡi thân!

Các hàng xuất gia thì công phu miên mật hơn về giới này, ngày đêm bám sát, chánh niệm, tỉnh giác không rời; vì chỉ cần dính ở đâu đó, an trú ở đâu đó hơi lâu thì phải trực thức, phản tỉnh tức khắc, chiếu soi tức khắc là mình đã say, đã đắm, đã dính vào đối tượng đó chưa!

Như vậy đây, nào các hàng cận sự nam nữ! Quý vị đừng có than phiền với đức Thế Tôn là ngũ giới khó khăn, ngũ giới là cái gì rất khó thọ trì đối với hàng tại gia lúc còn phải buôn bán, làm ăn, giao tiếp với cộng đồng, xã hội. Than phiền là tâm lý thường tình của quý vị, một giải đãi, một buông xuôi, một tiêu cực, một cầu an như là một thỏa hiệp với ma vương đầy thôi! Cái đó tùy! Nhưng mai này, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la... là những cánh cửa rộng thênh thang để quý vị đi vào! Quý vị đã thủ chiếc chìa khóa để mở những cánh cửa ấy. Rồi mai này, đừng than nóng, đừng than vạc dầu, đừng than hầm chông, đừng than chặt đầu lột da, đừng than tắm tối, đừng than nhầy nhựa máu mủ, đừng than đói khát, giá lạnh, đừng than tối tăm ngu si, đừng than đàn độn, lông lá, đừng than thống khổ, sợ hãi, đọa đày, sầu bi ưu não...

Hãy thức dậy giữa đám người say ngủ! Hãy tỉnh táo giữa đám người mê lú! Hãy tăng tốc lực phi mã giữa đám ngựa què! Hãy vượt lên đồi cao giữa đám nhân loại bạc nhược yếu hèn! Hãy đi bằng con mắt của mình, đôi chân của mình, ngọn đèn của mình! Hãy chiến thắng! Hãy tự do! Này dòng dõi Sākya anh hùng!

Không dừng lại ở đó, bài pháp của tôn giả còn nói thêm

về ba giới nữa.

Như một con ngựa dòng giống Sidhu lại còn cho ăn uống sung sức.

Như một căn phòng hương lại sắm sanh vật dụng bằng các loại gỗ hương.

Như chiếc thuyền đi đúng hướng lại có thêm chiếc buồm no gió.

Như cánh diều chắc bền lên cao lại được nói thêm dây. Như lối đến một vườn hoa lại được mở ra một rừng kỳ hoa dị thảo!

Ai tu tập thêm ba giới nữa, một ngày, một đêm là tập sống như một vị tỳ-khuru một ngày một đêm!

Ai giữ thêm được ba giới nữa hai ngày hai đêm là tập sống giải thoát như Phật, như chư vị A-la-hán hai ngày hai đêm! Phải kiên quyết thu xếp tất cả mọi chuyện bận bịu vướng mắc của gia đình để thọ trì 8 giới một tháng sáu ngày, tám ngày là quý vị đã gieo duyên chánh tâm, chánh trí, chánh kiến... không còn bao giờ bị đi đọa vào các cảnh giới đau khổ, lạc vào tà kiến, ngoại đạo nữa!

Tóm lại, năm giới, tám giới kia - là chiếc phao phước báu kiên cố, vững bền - chư vị phải biết nắm chắc, hãy cố mà leo lên và hãy ráng dùng sức tay, nghị lực, ý chí mà quẫy, mà bơi!

Hãy bỏ bờ khổ đến bờ vui,

Bỏ bờ ngu sang bờ trí,

Bỏ bờ mê sang bờ giác!

Không ai có thể cứu chúng ta, nếu chúng ta không ra sức tự cứu!

Bài pháp của tôn giả Ānanda đã làm cho cử tọa thính chúng như một con bệnh được uống một liều thần dược, khí huyết chuyển động rào rào. Họ như được tiếp thêm niềm tin và ánh sáng cho lối đi, thêm dinh dưỡng sức khỏe cho tâm và trí... họ cất vang lời tán thán “lành thay! lành thay!” vang

động cả rừng cây trầm mặc. Hoa nầy hương. Cành đơm lá. Đá mọc mầm. Và cận sự nam nữ Sākya thơ thới, an vui bước đi bên sau gót chân xuất trần của giáo đoàn thanh tịnh. Rất nhiều căn cơ bất thối.

Sau thời pháp, tôn giả Ānanda được đức Phật, hai vị đại đệ tử và các hàng trưởng lão khen ngợi; được hai giáo hội tặng ni quý trọng, tín phục và được cả thiện tín hai hàng, cả kinh thành kính yêu và cảm mến!

Sa-Môn Đầu Trọc

Càng ngược tây bắc chừng nào thì khí hậu, thời tiết nghe lại càng dễ chịu hơn. Đức Thế Tôn và đại chúng đã rời Kapilavatthu một ngày đường, chừng hai ba hôm nữa thôi là họ sẽ đến Sāvatti nước Kosala. Vật thực kiếm được bên các xóm làng cũng tương đối đầy đủ cho một hội chúng quá đông. Tuy nhiên, đức Phật đã thận trọng bảo các vị trưởng lão phân chia cách quãng từng đoạn, từng đoạn hoặc rải rác những lộ trình khác nhau. Hai vị đại đệ tử năng động lúc xuất hiện nơi này, lúc xuất hiện nơi khác để chăm sóc hội chúng. Lúc nào cũng có kẻ cảm đau bất ngờ, người nằm nghỉ dọc đường do yếu mệt hoặc chúng sa-di tuy khỏe khoắn nhưng thường ham chơi, nghịch ngợm tắm sông, tắm suối... lạc mất hội chúng là chuyện bình thường!

Đất nước Kosala nổi tiếng là giàu mạnh và tươi đẹp, vượt trội các tiểu quốc và các nước hùng cường phương nam, nhưng nhìn chung thì những thôn làng giáp biên vẫn quạnh vắng và tiêu điều. Nạn cướp đường vẫn thường hay xuất hiện trên lộ trình thương mại này, không thể tảo trừ tận gốc được. Các nhà xã hội học thường giải thích tệ trạng này là do còn nghèo đói, bất công; tuy nhiên, theo giáo pháp của Phật, được nhìn xuyên suốt qua các kiếp sống của chúng

sanh, thì nguyên nhân kia tuy đúng, nhưng nó chỉ là phần ngọn; còn cái phần gốc, cái căn cội sâu xa là do tâm, chủng nghiệp mà sinh ra.

Thật không thể làm gì được, tốt đẹp hơn cho thế gian này bằng sự tu tập và truyền bá giáo pháp cho chúng sinh tự thấy biết nhân quả, nghiệp báo, sợ hãi việc xấu ác và làm những việc lành tốt; cuối cùng là giữ được tâm trí trong lành, mát mẻ, an tịnh là tạo được hạnh phúc cho đời này và nhiều đời sau...

Đi bên bờ nam của một con sông Aciravatī nước cạn, đục lờ, đường sá, nhà cửa trông đã xuống cấp, vài ba ngôi thành bỏ hoang, dân cư thưa thớt, thấp thoáng xa gần là những đàn bò, đàn dê mỗi một gặm cỏ, gặm cây lá trên những đám đất khô vàng... đức Phật bước chậm lại, ngoảnh nhìn phía sau. Nhìn những đoàn sa-môn gọt mái đầu xanh, nối tiếp nhau, lồ nhố, thấp thoáng sau các hàng cây... đức Phật chột mím cười, nụ cười rất lạ. Đi cạnh bên, thấy được vậy, tôn giả Ānanda thưa hỏi lý do nụ cười.

Đức Phật nói:

- Tại chỗ này, vùng này, cả một miền sông núi, thung lũng có vẻ xơ xác, hoang tàn này, thuở xưa có ai ngờ được rằng, là một thị trấn hữu danh, với lâu đài, dinh thự, nhà cửa khang trang, sông trong, cây lành, trái ngọt, trù phú, thanh mậu có tên là Vebhalinga, có một vị Phật ra đời đây, này Ānanda!

- Nhưng mà nó có liên hệ gì nụ cười đâu?

Đức Phật leo lên một ngọn đồi nhỏ ven đường, ngồi nghỉ dưới bóng cây, lấy tay chỉ từng đoàn tỳ-khưu lồ nhố gần xa rồi nói:

- Ông có thấy những chiếc đầu trọc, kế tiếp những đầu trọc, trông rất vui mắt kia chăng?

Tôn giả Ānanda mím cười khi thấy đức Thế Tôn nói đến những cái đầu trọc!

- Dạ có thầy!

- Vì những cái đầu trọc ấy, mà Như Lai liên tưởng thuở đức Phật Kassapa ở thị trấn này, có một chàng thanh niên ngổ ngáo đã từng gọi vị Phật ấy là “sa-môn đầu trọc” nên Như Lai mỉm cười!

Thấy trời đã xế chiều, có lẽ đêm nay sẽ tạm cư ở đây, đức Phật cho triệu tập đại chúng, rồi kể lại tích truyện xưa liên hệ đến sa môn đầu trọc!

“- Thuở ấy, tu viện của đức Phật Kassapa ở gần đâu đây, trong vùng này, để giáo hóa chư tăng. Ngài có một vị đàn tín đệ nhất là người thợ làm đồ gốm, tên là Ghaṭikāra. Mặc dầu nhà nghèo lại sanh thuộc hạ cấp, Ghaṭikāra rất được sự ưu ái của Thế Tôn Kassapa vì ông ta đã thành tựu được lòng tin bất thối với Tam Bảo, đã đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử⁽¹⁾, và đang sống trong giới luật của bậc thánh.

Bạn thân với Ghaṭikāra là thanh niên Jotipāla, thuộc giai cấp bà-la-môn nhưng lại không có lòng tin với tôn giáo. Đã rất nhiều lần, người thợ gốm Ghaṭikāra khuyên bảo bạn mình đến nghe pháp hầu giúp bạn tiến hóa nhưng đều bị Jotipāla từ chối, lại còn nói: “Đến với cái ông sa-môn đầu trọc ấy mà làm gì?”

Chẳng giận, chẳng buồn, chẳng nhụt chí, người thợ gốm vẫn với tâm từ ái và nhẫn nại sâu xa, quyết tâm tìm cách khuyên hóa bạn mình cho bằng được.

Một lần nọ, sau khi chu tất việc cơm nước phụng dưỡng cho cha mẹ mù lòa, Ghaṭikāra đến thăm bạn với trang phục bình dị nhưng dung sắc rạng rỡ được toát ra từ một nội tâm không lúc nào là không thanh tịnh lạc trú.

Thấy Ghaṭikāra, thanh niên Jotipāla cười cười:

- Có phải bạn sẽ mở lời quen thuộc: “Này bạn! Hôm nay trời đất thật là trong sáng, mỹ diệu, thù thắng, không một

⁽¹⁾ Thân kiến, hoài nghi, giới cầm thủ, tình dục, bất bình.

máy bụi. Hoa nở rộ. Hương thơm ngát. Từng con đường cũng trong sáng, thù thắng, mỹ diệu, không một máy bụi. Thế Tôn Kassapa đang ngụ cư trong một tu viện gần đây, không bao xa, ta hãy cùng đến đánh lễ ngài, nghe pháp; rồi ta sẽ hưởng được phúc lạc tối thượng!”

Biết bạn là người thông minh, đã nói câu chặn họng, nhưng Ghaṭikāra không chấp, vẫn mỉm cười, dịu dàng nói:

- Dòng sông mùa xuân trong xanh, mỹ diệu, tuyệt vời, không một máy bụi. Thật là thoải mái, mát mẻ cho ta được bơi lội ở nơi ấy, được hít thở không khí trong lành, không một máy bụi; được chà xát thân thể bằng bột tắm và đồ gãi lưng. Này bạn! Hãy cầm đồ gãi lưng và bột tắm, ta sẽ đi ra sông!

Thanh niên Jotipāla ngạc nhiên, nhưng rồi đã gật đầu lia lịa:

- Thế mới phải chứ! Đây là điều mà ta mong ước, này thiện hữu!

Đến bờ sông, Ghaṭikāra dẫn bạn mình đi xa một tí, đi xa một tí nữa...

Thanh niên Jotipāla dừng phất lại:

- Chỗ này nước xanh và trong, sao không tắm ở đây, lại đi xa hơn năm đòn gánh, mười đòn gánh? À, hóa ra, bạn đã cố ý dẫn ta đến gần tu viện của sa-môn đầu trọc ấy?

Biết không thể qua mặt cái ông bạn có đầu óc sắc bén, tinh tế này, Ghaṭikāra bèn dừng chân lại.

Sau khi tắm xong, Ghaṭikāra nắm chặt tay Jotipāla như cái móc sắt, nói rằng:

- Thật hy hữu thay khi có một đức Thế Tôn, đại A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời. Làm thân người đã khó, làm thân người nam khó hơn, làm thân người nam mà toàn hảo ngũ quan càng khó hơn nữa. Lại sinh nhằm thời có đấng Pháp Vương vô thượng lại càng hy hữu. Hãy đi! Chớ có chần chừ, chớ có trì hoãn! Hãy đến yết kiến ngài và nghe

pháp! Đừng có cứng đầu nữa!

Sau một hồi vung vẩy bằng sức mạnh của mình, thoát ra được, thanh niên Jotipāla cười ha hả:

- Thôi mà ông bạn! Vừa rồi! Đủ rồi! Chán cả cái lỗ tai rồi! Yết kiến sa-môn đầu trọc ấy mà làm gì, an lạc gì, lợi ích gì! Thôi! Đừng có nói nữa!

Người thợ gôm, lần này, khởi lên sự cương quyết tới thượng, sức mạnh được sử dụng định lực để tập trung tới thượng nắm chặt chỏm tóc của thanh niên Jotipāla, cất giọng uy nghiêm:

- Này ông bạn thân! Thế Tôn Kassapa ở gần đây, không có bao xa. Lần này bạn không thể thoát đi đâu được. Ta sẽ nắm chặt, sẽ lôi và kéo bạn đến yết kiến đức Thế Tôn ấy! Dầu tay ta có bị đốt bằng lửa, có bị chặt bằng dao, bạn đừng nghĩ rằng ta sẽ thả tay ra. Ta sẽ không bao giờ thôi nắm chỏm tóc của bạn nếu chưa đạt được ý nguyện!

Nghe lời nói có thép, có lửa ấy, thanh niên Jotipāla chột dưng tóc gáy, thần sắc thay đổi, một ý nghĩ khởi sanh: “Thật là kỳ diệu! Thật là hy hữu! Bạn thân của ta, thợ gôm Ghaṭikāra tuy sanh thuộc hạ cấp, lại dám nắm chặt búi tóc của ta bằng cả hai tay? Lại còn hăm dọa sẽ lôi, sẽ kéo ta đi đâu ta vừa mới gội đầu, đầu ta sanh thuộc giai cấp thượng đẳng? Việc này chắc chắn không phải tầm thường mà phải có lý do trọng đại? Lại nữa, bạn ta còn nói, đầu bị đốt bằng lửa, bị chặt bằng dao, y cũng không buông ra? Việc ấy sẽ có lợi gì cho y mà y khổ tâm đến thế? Thôi! Đúng rồi! Rõ ràng là y đã có tâm từ ái đối với ta chứ không phải là có ác ý! Ô, mà bạn ta có ác ý với ai bao giờ dù cả với con sâu, cái kiến!”

Nghĩ thế xong, thanh niên Jotipāla mềm mỏng nói:

- Ta hiểu rồi! Ta hiểu ý tốt của bạn rồi! Nhưng đến yết kiến ông sa môn đầu trọc kia, có cần thiết phải dùng cả hai tay nắm chặt chỏm tóc, lại còn hăm dọa lôi và kéo nữa?

- Cần thiết lắm chứ! Người thợ gôm gặt đầu cương

quyết – vô cùng cần thiết nếu bạn không chịu đi, không chịu đến yết kiến đức Đại Tôn Sư!

Thấy thần sắc nghiêm nghị của bạn, Jotipāla nghĩ thầm: “Chưa một lần nào, y bốn cọt với ta! Chưa một lần nào mà ta thấy y lẫm lẫm uy nghiêm như thế! Dầu ta có sức mạnh của tượng vương, dầu ta có uy mãnh như sư tử vương, y vẫn lôi và kéo ta đi như thường, không có thối thất, không có nhụt chí!”

- Thôi! Hãy thả tay ra đi, ông bạn hiền thiện! Thanh niên Jotipāla thở ra một hơi dài, có vẻ thua cuộc - Ta hứa ta sẽ đi yết kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác của bạn.

Khi họ cùng đến nơi, người thợ gốm cung kính đánh lễ đức Phật Kassapa còn thanh niên Jotipāla chỉ mở lời chào lạy lễ rồi ngồi một bên.

Ghaṭikāra giới thiệu bạn của mình rồi khẩn thiết yêu cầu đức Thế Tôn ưu ái thuyết cho Jotipāla nghe một thời pháp.

Thế rồi, quán căn cơ xong, đức Phật, với pháp thoại đã làm cho người thợ gốm cùng chàng thanh niên đều thích thú, phấn khích. Họ hoan hỷ tin thọ lời dạy của đức Thế Tôn.

Như vừa được hóa sanh từ giáo pháp, với hỷ và lạc đầy ắp trong tâm, với tín và trí ngời sáng trong mắt, trên đường về, thanh niên Jotipāla nói với người thợ gốm:

- Quả thật là tôi rất ngạc nhiên, là tại sao khi nghe được những thời pháp vi diệu, thù thắng như thế mà bạn lại không từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia theo giáo pháp của đức Tôn Sư?

Thợ gốm Ghaṭikāra dừng lại, nắm chặt hai tay bạn:

- Phải lắm! Với thời pháp tối thượng ấy, ai là người có tai, có trí đều xa lìa thế gian cát bụi để sống đời trong lành, vô nhiễm.

Thanh niên Jotipāla xoay người lại, nắm cổ tay của người thợ gốm với sức mạnh chưa từng được thấy:

- Vậy tại sao bạn không xuất gia? Hay là tôi sẽ nắm chặt búi tóc bạn rồi kéo, rồi lôi bằng thần lực của trăm con voi to, ngàn con voi to?

Ghaṭikāra phì cười:

- Coi kìa! Bạn phẫn khích quá mà quên hoàn cảnh của tôi rồi! Tôi còn cha mẹ mù lòa ở nhà cần phải có người phụng dưỡng chứ!

- Ồ, xin lỗi! Thật tình xin lỗi! Còn tôi, ngay ngày mai, sẽ xuất gia thôi, không chần chờ một ngày nào nữa.

Thế rồi, thanh niên Jotipāla được xuất gia, thọ đại giới vào ngày hôm sau, bước vào đời sống phạm hạnh dễ dàng và thuận duyên như cá bơi trong nước...

Trời đã tối. Đức Thế Tôn mới kể đến ngang đây, đang ngừng hơi thì tôn giả Ānanda cảm thán:

- Cái căn cơ của chàng thanh niên sao mà bén nhạy và sâu dày đến thế? Chỉ một thời pháp đã xoay ngược toàn bộ tri kiến, từ cái câu khinh mạn “sa-môn đầu trọc” qua câu tôn kính “đức Tôn Sư” chỉ có mấy nháy mắt!

Đức Phật mỉm cười:

- Đừng tưởng thanh niên ấy là ai, là Như Lai đấy! Và cũng đừng tưởng người thợ gốm ấy là ai, chính là phạm thiên Sāhampati, người đã phương tiện thỉnh mời Như Lai xuống núi độ sinh tại Bodh-gayā độ nào!

Sự tiết lộ của đức Phật làm đại chúng tròn mắt, rồi xì xào bàn tán. Nghe nói rằng, đức Đạo Sư đã từng phát nguyện Chánh Đẳng Giác từ thời đức Phật Dīpaṅkara, đã tu tập ba-la-mật đến bốn a-tăng-kỳ và trăm ngàn đại kiếp. Lẽ ra, năng lực công phu ấy nó sẽ tiềm tàng trong dòng nghiệp, dòng tâm. Làm sao có thể quên được mà lại phát ngôn mạo phạm một vị Phật kia chứ?

Đức Phật biết cái thắc mắc ấy nên ngài nói:

- Ừ, các thầy nghi ngờ là đúng! Quả thật có một ác nghiệp ngăn che. Một kiếp nọ, có một vị vua trông coi một

quốc độ phồn vinh nhưng lại bị tà giáo lộng hành, đầu đầu cũng là những đạo sĩ giả hiệu lập giáo nơi này, lập giáo nơi kia, ma mị bòn rút của dân. Trăm trăm ngàn ngàn tu sĩ cạo tóc đầu sống đời biếng nhác kiếm ăn đủ mọi cách xảo trá, bất chánh. Thế là kỷ cương, phép nước được đặt ra. Vị vua kia bèn cho quân đội lùng sục các nơi bắt bọn trọc đầu kia phải hoàn tục về nhà làm ăn sinh sống hoặc đuổi ra khỏi nước. Vị vua kia bị ám ảnh... bị ám ảnh “những cái đầu trọc” từ độ ấy; rồi nó còn ăn lan qua kiếp thứ hai, kiếp thứ ba lúc làm một vị quốc sư, lúc làm một quan tổng trấn.

Ồ, các thầy đừng tưởng vị vua ấy là ai, là Như Lai đấy. Tuy nhiên, cũng nhờ căn tu sâu dày, sự che ám ấy chỉ cần một người bạn lành, một người bạn tốt như phạm thiên S nhắc nhở là Như Lai trở lại đường xưa lối cũ ngay!

Đại chúng thở phào do hiểu được sự vận hành kỳ lạ của nhân quả nghiệp báo.

Đến ngang đây thì giữa hư không chợt sáng rực rồi vọng xuống tiếng nói:

- Đức Thế Tôn căn cơ thâm hậu, mãi tiếp gặp triệu triệu lần đệ tử! Nếu không nhắc nhở thì đức Tôn Sư vẫn trở lại với dòng tâm, dòng trí của mình như thường! Cái dòng ba-la-mật ấy cuộn cuộn, với năng lực tối thượng thì vài hòn sỏi, hòn sạn đâu có mấy hơi sức mà đòi ngăn trở!

Đức Phật cũng cất giọng phạm âm:

- Này phạm thiên S! Ông bạn có thuận cho Như Lai kể lại hành trạng tối thượng của người thợ gốm ấy cho đại chúng nghe chăng?

- Đức Thế Tôn tùy nghi! Nhưng theo đệ tử hiểu là đức Thế Tôn nên lựa chọn một hội chúng khác, có lẽ tại Sāvatti, có đầy đủ vua quan cùng hai hàng cận sự nam nữ thì lợi ích thù thắng hơn nhiều!

- Ủ, đúng là vậy!

- Thôi, Thế Tôn hãy nghỉ ngơi! Đệ tử vẫn an sức khỏe

đức Tôn Sư và xin được cáo biệt!

Ai cũng háo hức muốn nghe tiếp nhưng đức Phật đã ngừng chuyện kể. Họ âm thầm đánh lễ đức Phật rồi mỗi người tự tìm lấy một gốc cây, một bãi trống, một hang đá nào đó tùy nghi qua đêm.

Núi rừng như đi vào thiên đĩnh.

Hoá Độ Bà-La-Môn

Nhằm tính thời gian, đức Phật biết là ngài sẽ ở lại Jetavana không được lâu. Sắp đến mùa an cư thứ chín, ngài sẽ có nhân duyên phải trở xuống Bārāṇasī rồi sang Kosambī. Sáng ngày khi rời ngọn đồi, đức Phật lại không đi vào thành Sāvatti mà ở đó, chư tăng cũng như hai hàng cư sĩ mong mỏi - lại đi chệch sang một ngôi làng bà-la-môn hữu danh.

Từ lâu, đức Phật chưa muốn nhập hạ ở Kỳ Viên vì ngài biết rằng, xứ sở này có rất nhiều bà-la-môn uy tín lớn, kéo theo hàng ngàn đồ chúng tín mộ. Ngày nào mà chưa “mở mắt” được những vị bà-la-môn trưởng thượng này thì Kỳ Viên chưa phát triển, hưng thịnh được. Lại nữa, ở đây đã được đức vua Pāsenadi bảo trợ, lại sẵn có nhiều vị trưởng lão, còn những nơi khác thì lực lượng mỏng hơn, phải ưu tiên cho các quốc độ biên địa!

Tôn giả Sāriputta rất rộng kiến văn:

- Đại bà-la-môn Pokkharasāti nổi tiếng nhiều quốc độ. Ông ta là ngọn đèn, là con mắt sáng cho giới cấp bà-la-môn, nghe đâu, ông ta đang ở tại Ukkattha, một chỗ dân cư đông đúc, cây trái, ao hồ, ngũ cốc phong phú, vốn là một lãnh địa ân tứ của đức vua Pāsenadi, ông ta được hưởng một phần lợi tức.

Đức Phật gật đầu:

- Đúng vậy! Nơi này dân cư thưa thớt, khát thực khó khăn cho cả một đại chúng đông đảo như thế này. Vậy các vị trưởng lão tùy nghi phân phối đi nhiều đường, buổi chiều hoặc tối sẽ gặp nhau tại khu rừng thuộc ngôi làng Icchānankala, gần Ukkattha. Tối nay chúng ta sẽ qua đêm ở đây.

Nghe tin đức Phật và đại chúng đang vân hành đến hướng Icchānankala, bà-la-môn Pokkarasādi đã được chúng đệ tử báo tin. Đồng thời, tin đồn về đức Phật như thế nào về huyết thống, dòng dõi, sở học, sự chứng đắc và cả sự rầm rộ sinh hoạt của một tôn giáo mới này đã tràn vào tai họ từ lâu. Ai cũng xôn xao muốn đi chiêm bái, xem thử hư thực ra sao!

Bà-la-môn Pokkharasāti nói với đệ tử thân tín:

- Nay Ambattha! Người đã được ta trao cho tất cả mọi sở học, đặc biệt, chú thuật thượng đẳng ta cũng không che giấu. Vậy, hãy thay mặt ta, đến gặp sa-môn Gotama, nghe nói là tại khu rừng cách đây không bao xa. Đối thoại được thì đối thoại. Tranh luận được thì tranh luận, xem thử kiến văn, sở học của ông ta ra sao. Và điều quan trọng nhất là xem thử ông ta có đầy đủ ba mươi hai tướng của bậc đại nhân không?

Thanh niên bà-la-môn Ambattha hiểu, theo nhân tướng học truyền đời, nếu có đủ ba mươi hai tướng của bậc đại nhân, thì một, là làm Chuyển luân Thánh vương, hai là đắc quả Phật!

Vâng lời, Ambattha đem theo một số đông thanh niên bà-la-môn khác, lên xe ngựa kéo đến khu rừng. Họ hỏi nơi tịnh chỉ của đức Phật.

Một vị tỳ-khưu biết Ambattha, sau khi chỉ chỗ đức Phật, nói với bạn hữu:

- Hấn ta là môn đệ ưu tú của bà-la-môn Pokkharasāti, hữu danh đây, trưởng tràng đây! Lạ gì mấy cái chú ngựa non

háu đá này! Gặp đức Tôn Sư chắc ngài sẽ dạy cho y một bài học thú vị đây!

Nói thế xong, tai truyền tai, miệng truyền miệng, chur tăngi kéo đến, ngồi đứng xa xa, cách một quãng vừa phải ở những gốc cây si to lớn, mát mẻ nơi đức Phật đang an tọa.

Đến chỗ Thế Tôn, các thanh niên bà-la-môn mở lời chào hỏi xã giao rồi ngồi xuống nơi thích hợp. Riêng thanh niên Ambaṭṭha thì không thềm chào hỏi, cứ đi qua đi lại, cất lời ồm ờ, tiếng được tiếng mất, không rõ ràng...

Đức Phật nói:

- Này Ambaṭṭha! Có phải các bà-la-môn trưởng thượng đã dạy cho người rằng, khi gặp một người có tuổi tác chú cha, các bậc giáo sư, tổ sư, các bậc tôn trưởng thì không thềm chào hỏi, cứ đi lui đi tới như thế, thốt lời ồm ờ, tiếng được tiếng mất như thế chăng?

- Không phải vậy, này Gotama! Phải đi mà nói chuyện với vị ấy, khi vị ấy đang đi! Phải ngồi mà nói chuyện với vị ấy khi vị ấy đang ngồi. Các oai nghi khác cũng thế! Đây là điều mà tôi đã được học, phải biết xử sự cho đúng lễ phép ở đời - đối với những bậc trưởng thượng thật sự. Còn ông là gì nào? Hở ông Gotama? Ông là một sa-môn hèn hạ, trọc đầu, dê tiện, đen đui, sanh ra từ nơi chân của một bà mẹ hạ liệt - nên ta phải nói chuyện như đối với một người hạ liệt!

Biết là bị thanh niên phỉ báng, chọc tức nhưng đức Phật chưa cần thiết phải phản ứng; ngài chỉ nói một cách rất nghiêm túc:

- Này Ambaṭṭha! Như Lai chưa rõ người đến đây với dụng ý gì? Hãy khéo tác ý cho đúng với mục đích khiến người tới đây do bà-la-môn Pokkharasāti giao phó! Hãy cẩn thận giữ gìn tư cách và tác phong, đừng sử dụng ngôn ngữ của một tên du đãng vô học, vô giáo dục như thế!

Nghe cụm từ “tên du đãng vô học, vô giáo dục” - thanh niên Ambaṭṭha tức giận đến sôi gan, cất lời thóa mạ:

- Này Gotama! Thô bạo là dòng họ Sākya! Ác độc là dòng dõi Sākya! Khi mạn là dòng tộc Sākya! Hung dữ, đê tiện cũng là giống dòng Sākya! Cái dòng Sākya hạ liệt, xuẩn ngốc, đê tiện của ông lại cả gan không kính nhường, không lễ bái, không tôn trọng, không cúng dường bà-la-môn! Vậy là không hợp lẽ, không đúng pháp!

Đức Phật vẫn bình tĩnh, hỏi lại cho ra lẽ:

- Này Ambaṭṭha! Dòng họ Sākya đã làm gì người mà người phỉ báng họ đến tận cùng như thế?

- Có chứ, này Gotama! Một thời, có công việc do thầy ta ủy nhiệm, ta đã đi đến Kapilavatthu, vào trong hội trường của dòng họ Sākya. Lúc ấy, một số đông thanh thiếu niên Sākya đang ngồi chơi trên ghế cao tại hội trường. Thấy ta, chúng không thèm chào hỏi, không mời ngồi lại còn đùa bỡn, lấy những ngón tay thọc lét nhau rồi cười ha hả, cười hi hi làm ta tức lộn ruột, vì ta chính là mục tiêu của sự bỡn cợt ấy, chứ không phải ai khác!

Đức Phật vẫn ôn tồn:

- Này Ambaṭṭha! Người có thấy những con chim cáy không? Đây là những con chim cáy con, chúng có thể tự ca, tự hát, tự chơi đùa thỏa thích trong cái tổ của chúng. Đây là sự thường thôi. Người có thấy là người đã phật lòng vì một chuyện nhỏ mọn, rồi đi mà phỉ báng, nhiếc mắng cả một dòng họ, có xứng đáng không, có đúng với tư cách của một người hiểu biết không?

Thanh niên Ambaṭṭha lại sùng sộ:

- Hiểu biết cái gì? Chính ông là người không hiểu biết. Ông không hiểu biết rằng, trong bốn giai cấp thì giai cấp bà-la-môn là trên trước, là thượng đẳng. Các giai cấp kia, sát-đế-ly, vệ-xá, thủ-đà-la phải có bốn phận tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, hầu hạ bà-la-môn hay sao?

Đức Phật thấy đã ba lần thanh niên này mạt sát dòng tộc Sākya. Nó ngu si và chấp kiến một cách lì lợm. Và sự ngu

si, chấp kiến ấy đã ăn sâu trong truyền thống. Vậy phải vạch trần sự sai lầm cả truyền thống ấy cho nó thấy, cho thầy nó thấy và cả cho toàn thể bà-la-môn trên toàn cõi châu Diêm-phù-đề này nữa!

Đức Phật, bắt đầu hỏi gốc nguồn của “tên bà-la-môn” này trước:

- Dòng họ ngươi là gì, này Ambatṭha?

- Dòng họ ta là Kaṇhāyanā!

- Này Ambatṭha! Nếu theo phụ mẫu hệ của ngươi về quá khứ thì dòng họ Sākya là thầy của ngươi. Và ngươi chính là con cháu hăng chực đời của một nữ tỳ dòng họ Sākya. Chắc dòng dõi của ngươi đều biết rằng, tiên tổ của dòng họ Sākya là đức vua Okkāka đệ tam. Do ông ta muốn trao vương vị cho vị hoàng tử, con của một bà hoàng hậu được sủng ái mà chín người con, bốn trai, năm gái phải lên rừng để kiến tạo vương quốc mới. Và họ là những người rất dũng cảm, đã làm được điều như họ muốn. Vì muốn bảo vệ huyết thống cho khỏi phai loãng, tám anh chị em họ kết thành vợ chồng, cô công chúa trưởng đứng làm chủ hôn.

Hôm kia, đức vua Okkāka đệ tam hỏi các đại thần, là không biết các hoàng tử và công chúa giờ như thế nào? Được họ trả lời là rất giỏi, rất tài, những bàn tay và những khối óc ấy đã gây dựng được một vương quốc tuy nhỏ bé nhưng rất giàu mạnh! Vua hân hoan quá, thốt lên: “Họ đúng là những Sākya⁽¹⁾ xuất chúng!”. Từ đấy dòng họ Sākya ra đời! Và Okkāka đệ tam chính là tiên tổ của dòng họ Sākya.

Này Ambatṭha! Rồi câu chuyện được tiếp tục như sau. Đức vua thương yêu một cô nữ tỳ, tên là Disā, và họ có sinh một người con, da rất đen và rất xấu xí. Vừa mới sinh, cậu bé đã nói với mẹ: “Này mẹ! Con đen và xấu xí quá, mẹ hãy tắm cho con, hãy gội cho con, hãy tẩy sạch tất cả mọi bất

⁽¹⁾ Cũng như lời cây sồi!

ting ở nơi con. Rồi con sẽ giúp cho mẹ được nhiều việc lắm”. Người mẹ buồn phiền vì ai thấy mặt nó đều nói là “kaṇha, kaṇha” là đen, là xấu, là ác, là ác quỷ từ đó thành tên. Vậy, dòng họ của người, tiên tổ lâu xa của người “Kaṇhāyanā” là từ đó mà phát sanh. Như thế, theo phụ mẫu hệ của người từ quá khứ, tiên tổ của người là con một nữ tỳ dòng họ Sākya! Người đã không biết thân, biết phận là dòng dõi thấp kém, hạ liệt lại đi phỉ báng, nguyên rủa dòng dõi Sākya - thầy của người - là thấp kém, hạ liệt!

Đức Phật ngưng nói vì khi ấy những thanh niên đi theo Ambaṭṭha la ó lên:

- Này Gotama! Chớ có phỉ báng quá đáng tiên tổ Ambaṭṭha là con một nữ tỳ! Thanh niên Ambaṭṭha sinh vào dòng dõi quý tộc, con nhà danh giá, là bậc đa văn, là nhà đại hùng biện, là nhà bác học! Ambaṭṭha có thể biện luận, có thể tranh luận với sa-môn Gotama về vấn đề này!

Đức Phật mỉm cười, gật đầu:

- Nếu quả các người đã tin tưởng Ambaṭṭha là như thế thì các người hãy im lặng, đứng sang một bên để Ambaṭṭha đối thoại với Như Lai được chăng?

- Thưa vâng, Gotama!

Đức Phật nói với Ambaṭṭha:

- Này Ambaṭṭha! Như Lai có một câu hỏi hợp lý, đúng đắn, dầu không muốn, người cũng phải trả lời. Câu hỏi như sau: Người có nghe các bà-la-môn trưởng lão, tôn túc, giáo sư hoặc tổ sư của người nói đến gốc nguồn của dòng họ Kaṇhāyanā hay không? Ai là tiên tổ của dòng họ Kaṇhāyanā?

Nghe đức Phật hỏi câu hỏi ấy, do hổ thẹn nên Ambaṭṭha không trả lời. Lần thứ hai, Ambaṭṭha vẫn im lặng, cúi gằm mặt.

- Này Ambaṭṭha! Như Lai báo cho người biết rằng, bất cứ ai trên thế gian này, nếu khi Như Lai hỏi ba lần một câu

hỏi hợp lý, đúng đắn mà không trả lời hoặc cố ý lấp lửng, tìm cách tránh né sang một bên; hoặc im lặng, hoặc bỏ đi thì ngay tại chỗ, cái đầu của hắn sẽ bị bẻ ra làm bảy mảnh! Đây là lần thứ ba: Ai là tiên tổ dòng họ Kaṇhāyanā?

Lúc bấy giờ, trời Đế Thích đang nắm trong tay cái chùy kim cương (Vajirapāṇi) to lớn, sáng chói, đỏ rực đứng trên đầu Ambaṭṭha, nói nhỏ vào tai y rằng: “Ta là Sakka thiên chủ, là thần hộ pháp của đức Thế Tôn - nếu ngoan cố không chịu trả lời một câu hỏi hữu lý của ngài thì cái đầu của ngươi sẽ vỡ đúng bảy mảnh, không thừa một, không thiếu một!”

Hình ảnh và câu nói ấy của Đế Thích chỉ có đức Phật và Ambaṭṭha nghe thấy mà thôi. Sợ hãi quá, Ambaṭṭha hoảng hốt, tóc dựng ngược, liền cúi rạp mình xuống, lắp bắp trả lời:

- Thưa...thưa...tôn giả Gotama! Con...quả có nghe, đúng...như điều mà tôn giả đã nói. Chính... từ câu chuyện ấy mà phát sanh nguồn gốc dòng họ Kaṇhāyanā. Vị ấy chính là tổ phụ của dòng họ Kaṇhāyanā!

Nhóm thanh niên đi theo lại la hét ồn ã:

- Hóa ra Ambaṭṭha là dòng dõi tiện sanh...
- Hóa ra nó mạo danh quý phái...
- Tổ phụ của nó là con một nữ tỳ dòng dõi Sākya!
- Đúng là dòng dõi hạ liệt rồi!
- Trên đời này chưa nghe ai nói sa-môn Gotama không nói lời chân thực!

- Chuyện này thì chúng ta phải tin sa-môn Gotama!

- Chính y đã thú nhận mình là dòng hạ tiện!

Đức Phật tự nghĩ: “Chùng ấy đủ rồi! Sợ rằng Ambaṭṭha sẽ không chịu nổi! Bây giờ, ta sẽ cứu Ambaṭṭha, sẽ giải tỏa sự sỉ nhục ấy và lấy lại thể diện cho Ambaṭṭha!”. Rồi ngài cất tiếng phạm âm với 8 chất giọng tuyệt hảo:

-Này, các ngươi hãy im lặng, nghe Như Lai nói đây!

Chớ có phỉ báng Ambaṭṭha quá đáng như thế! Kaṇha, tiên tổ của Ambaṭṭha là một ản sĩ vĩ đại!

Lời tuyên bố của đức Phật làm cho nhóm thanh niên phải chăm chú lắng nghe.

Đức Phật nói tiếp:

- Kaṇha có cha là sát-đế-ly, mẹ là chiêm-đà-la; vậy thì dòng máu của y vẫn là sát-đế-ly!

Còn nữa, lúc lớn lên, Kaṇha chịu khó tầm cầu học hỏi và đã sở đắc các chú thuật phạm thiên, trở thành một ản sĩ vĩ đại! Trở lại kinh đô, ản sĩ Kaṇha bảo đức vua Okkāka đệ tam phải gả công chúa Khuddarūpi cho y.

Đức vua nổi giận, mắng rằng:

- Ngươi dẫu là con ta, nhưng mẹ ngươi là nữ tỳ, không biết thân phận hay sao mà đòi cưới con gái xinh đẹp của ta?

Nói xong, đức vua lấp mũi tên vàng vào cung, giương thẳng, nhắm bắn vào Kaṇka. Vị đại ản sĩ niệm chú rồi cười nhạt:

- Cứ bắn đi! Rồi ngươi sẽ đứng yên như thế, cánh tay nguyên như thế, cung và mũi tên cũng nằm yên như thế. Tất cả sẽ bất động!

Đức vua sợ hãi khi thấy toàn thân không nhúc nhích được. Các quan đại thần xúm lại năn nỉ, cầu khẩn xin ản sĩ Kaṇha tha mạng cho đức vua.

Kaṇha gật đầu:

- Ta tha! Nhưng mũi tên đã lấp vào cung rồi thì phải bắn!

Các quan đại thần lo sợ hỏi:

- Bắn ai? Bắn đi đâu?

Kaṇha cất giọng đầy uy lực:

- Ta không biết! Nhưng mũi tên này, nếu bắn xuống đất thì toàn thể quốc độ của nhà vua trong bảy năm sẽ bị khô cháy, hạn hán!

Ai cũng lạnh cả người.

- Nếu bắn lên trời?

- Thì bảy năm trời sẽ không mưa!

Triều thần và cả thái tử lại quỳ sụp xuống van xin...

Kaṇha cất giọng ráo hoảnh:

- Vậy thì hãy quay sang bắn thái tử, nhưng ta hứa, một sợi lông của thái tử cũng sẽ an toàn!

Đức vua lúc này tay chân đã cử động được, nhưng ông nữ nào bắn thái tử? Đột nhiên, vua cảm thấy tay mình không còn tự chủ được, đã tự động giương cung nhắm bắn về phía thái tử. Mũi tên vàng vun vút lao đi. Đức vua nhắm mắt lại. Có tiếng người đau xót la hét lên. Nhưng thái tử vẫn an toàn, vì mũi tên chợt dừng lại rồi biến thành một đóa hoa sālā tươi thắm rơi nằm trên đất. Mọi người thở dài nhẹ nhõm.

Đức vua Okkāka đệ tam sợ hãi, khiếp đảm sự trừng phạt của đấng con trai tạp giống, đồng thuận gả công chúa Khuddārūpi cho Kaṇha.

Kể xong, đức Phật kết luận:

- Vậy này các thanh niên bà-la-môn! Chớ phỉ báng Ambaṭṭha một cách quá đáng, Ambaṭṭha là dòng dõi của một ản sĩ vĩ đại!

Nghe rõ đầu đuôi câu chuyện, đám thanh niên không còn dám khinh rẻ Ambaṭṭha nữa. Còn Ambaṭṭha thì đưa mắt nhìn đức Phật ra chiều cảm kích.

Bây giờ lại quay sang Ambaṭṭha, đức Phật hỏi:

- Một thanh niên sát-đế-ly cưới một thiếu nữ bà-la-môn; cuộc hợp hôn này, một chàng trai sanh ra. Người có thấy trường hợp này không, Ambaṭṭha?

- Thưa có! Và chuyện ấy vẫn thường xảy ra.

- Và khi ấy, những người bà-la-môn ấy đối xử với chàng trai kia ra sao?

- Thưa, vẫn được đối xử đồng đẳng.

- Nghĩa là vẫn có chỗ ngồi, mời nước, dự tiệc, vật cúng

dường, tặng phẩm, dạy chú thuật, được phép cưới thiếu nữ bà-la-môn?

- Thưa vâng!

- Thế giai cấp sát-đế-ly có chịu làm lễ, để cho chàng trai kia trở thành một sát-đế-ly không?

- Thưa, họ không cho! Người sát-đế-ly bảo rằng - vì mẹ nó là bà-la-môn, không cùng giới cấp nên không được phép.

Đức Phật mỉm cười nói:

- Vậy, tự người đã nói ra, “có vẻ” như sát-đế-ly tự coi mình cao sang hơn bà-la-môn đây!

Ambattha giật mình. Mà nhóm thanh niên bà-la-môn bây giờ mới biết rõ sự thật.

Đức Phật tiếp tục hỏi:

-Này Ambattha! Ngược lại, một thanh niên bà-la-môn cưới một thiếu nữ sát-đế-ly, một chàng trai sanh ra. Trường hợp này, giới bà-la-môn có kỳ thị y không?

- Thưa không, vẫn được đối xử đồng đẳng!

- Vậy, giới sát-đế-ly có chịu làm lễ cho thanh niên kia trở thành một sát-đế-ly danh chính, ngôn thuận chăng?

- Thưa, họ không cho, họ bảo rằng, vì cha không phải là sát-đế-ly!

Đức Phật lại mỉm cười:

- Như vậy, cả hai trường hợp, theo truyền thống giai cấp và cả xã hội, sát-đế-ly vẫn ở trên trước, vẫn coi thường bà-la-môn! Sát-đế-ly là ưu, bà-la-môn là liệt - các người có thấy rõ như vậy chưa?

Không ai có thể tranh luận với đức Phật về sự thực đã được ngài minh chứng rõ ràng.

Đức Phật còn muốn đi xa hơn:

- Này Ambattha! Ví như có một bà-la-môn vì tội trọng thế nào đó mà bị các bà-la-môn trưởng thượng cạo trọc đầu, bị đánh bằng bị tro, tẩn xuất người ấy - thì các bà-la-môn khác đối xử ra sao?

- Thưa, cũng tần xuất luôn, không còn là bà-la-môn nữa!
- Ngược lại, có một sát-đế-ly cũng bị tội trọng như trên, bị cạo trọc đầu, bị đánh bằng bị tro, bị tần xuất ra khỏi giới cấp thì các bà-la-môn sẽ đối xử với y ra sao?

- Thưa, họ không có kỳ thị gì!

- Nghĩa là vẫn được chỗ ngồi, mời nước, dự tiệc, vật cúng dường, tặng phẩm, dạy chú thuật, vẫn được phép cưới thiếu nữ bà-la-môn?

- Thưa vâng!

Đức Phật lại mỉm cười:

- Vậy, hóa ra một sát-đế-ly hạ liệt vẫn được đồng đẳng với chúng bà-la-môn! Hóa ra, trường hợp nào đi nữa thì sát-đế-ly vẫn ưu thắng, và bà-la-môn vẫn là hạ liệt - vậy các người tự hào cái nổi gì!

Cả đám thanh niên và cả Ambaṭṭha ngồi im thin thít.

Chưa dừng lại ở đó, đức Phật tiếp:

- Này Ambaṭṭha! Như Lai nghe người là bậc đa văn, bác học, vậy người có biết câu kệ hữu danh này do ai thuyết không, rồi ngài đọc: “Phàm một chúng sanh nào, tin tưởng vào giai cấp, tối thắng ở nhân gian, chính là sát-đế-ly. Phàm một chúng sanh nào, tin tưởng vào tối thắng giữa chư thiên, loài người: Là giới hạnh, trí tuệ!”

Ambaṭṭha tỏ ra là một thanh niên có rộng kiến văn:

- Thưa, bài kệ ấy do phạm thiên Sanam Kumāra thuyết!

Đức Phật gật đầu:

- Và phạm thiên Saham Kumāra là bậc có học hiểu vĩ đại, chú thuật vĩ đại, bậc thầy vĩ đại của giai cấp bà-la-môn?

- Thưa, đúng vậy!

- Và tất cả bà-la-môn trí thức đều có học bài kệ ấy?

- Thưa vâng!

Đức Phật im lặng một lát để cho hội chúng tự suy gẫm đoạn đối thoại ấy. Các thanh niên bà-la-môn thì đã thấy rõ, các thầy của họ từ lâu đã che giấu sự thật. Họ thở dài.

Ambatṭha nói:

- Nhưng tôi chưa rõ chính xác giới hạnh và trí tuệ trong câu kệ ấy như thế nào?

- Giới hạnh và trí tuệ ấy chỉ có mặt trong giáo hội của Như Lai mà thôi!

Sau khi biết cả hội chúng đều muốn nghe, đức Phật thuyết về giới; thế nào là giới của tại gia cư sĩ, thế nào là giới của bậc xuất gia phạm hạnh. Rồi đức Phật xoay quanh chữ “phạm hạnh” này và nhấn mạnh rằng, chỉ có ai thực hiện được những giới luật của tỳ-khuru trong giáo pháp của Như Lai mới xứng đáng được gọi là phạm hạnh, tức là brāhmacariyā chứ không phải chỉ là cái tên suông brāhmaṇa hoặc brāhmaṇi!

Rồi đức Phật nhấn mạnh:

- Thành tựu giới luật phạm hạnh mới được gọi là thành tựu giới đức. Từ giới đức mới có khả năng thành tựu trí đức. Nơi nào có giới đức, nơi ấy có trí đức, này Ambatṭha!

- Vậy thế nào là trí đức, thưa sa-môn Gotama?

- Muốn có trí đức phải tu tập theo lộ trình minh sát để thấy tam tướng, giác ngộ khổ, không, vô ngã lần lượt chứng đắc tứ đạo, tứ quả và Niết-bàn, chấm dứt vô lượng sầu bi ưu não trên cuộc đời được gọi là thành tựu vô thượng trí đức; và không có sự thành tựu nào khác siêu việt hơn, cao thượng hơn sự thành tựu trí đức này! Bậc thành tựu vô thượng trí đức ấy không có luận nghị đến thọ sanh, không có luận nghị đến giai cấp, không khởi sanh ngã mạn để nói “ta bằng người hay người không bằng ta!” Vậy những ai trên đời còn chấp trước lý thuyết thọ sanh, chấp trước lý thuyết về giai cấp, còn ngã mạn thì họ rất lâu xa, hay muốn nói là không thể, không bao giờ có được vô thượng trí đức, này Ambatṭha!

- Xin sa-môn Gotama giảng rộng cho chúng tôi nghe chỗ này!

- Nay Ambaṭṭha! Có bốn loại người chỉ chuốc lấy thất bại chứ không thể nào thành tựu vô thượng trí đức được. Thứ nhất, có người mang theo bên mình những vật dụng của một đạo sĩ, đi vào rừng và nguyện: “Ta chỉ ăn trái cây rừng để sống”. Người này chỉ tập sống theo tập quán của loài khỉ vượn, vô thượng trí đức làm sao đến được với người ấy! Thứ hai, có người mang theo cuốc và giỏ rồi đi vào rừng sâu và nguyện: “Ta chỉ ăn củ, rễ và trái cây rừng để sống”. Người này có vẻ khổ hạnh hơn một chút, nhưng vô thượng trí đức đâu phải chỉ có chút xíu khổ hạnh ấy mà đánh đổi được? Thứ ba, có người chưa thấu đạt pháp “ăn trái cây rừng”, chưa thấu đạt pháp “ăn củ rễ và trái cây rừng”; chỉ đi đến cuối làng, góc rừng nhen một đồng lửa và đọc lên câu chú thờ thần lửa! Người này dẫu cho có đọc chú trăm năm, ngàn năm thì vô thượng trí đức cũng không từ đâu giữa hư không mà rơi vào tâm trí cho ông ta được! Thứ tư, có người dựng giữa ngã tư đường một ngôi nhà chát đầy vật thực và nguyện: “Ta sẽ cúng dường tất cả thầy sa-môn, bà-la-môn nào từ bốn phương đến đây!” Người này dù có tấm lòng, biết bố thí, cúng dường nhưng cũng chỉ xứng đáng làm thị giả theo hầu bậc vô thượng trí đức mà thôi!

Ngưng hơi một lát, đức Phật hỏi:

- Nay Ambaṭṭha! Người và thầy người có được xem là thành tựu vô thượng trí đức không?

- Thưa, không thể hoặc còn rất xa mới nói đến cụm từ thiêng liêng ấy!

- Tuy người và thầy người chưa thành tựu được vô thượng trí đức ấy nhưng người và thầy người có đi vào rừng và nguyện “ăn trái cây” hoặc “chỉ ăn củ, rễ và trái cây rừng” để sống không?

- Thưa không!

- Thế người và thầy người có đốt một đồng lửa để “niệm chú cầu thần lửa” hoặc giả làm “một căn nhà giữa ngã tư

đường để bố thí cho sa-môn, bà-la-môn” chẳng?

- Thưa không!

- Như thế, ngay như bốn pháp chỉ chuốc lấy thất bại khi muốn nói đến thành tựu vô thượng trí đức ở trên, người và thầy người cũng chưa làm được; nghĩa là người và thầy người chỉ xứng đáng làm kẻ hầu người hạ cho bốn đạo sĩ thất bại kia. Thế nhưng, người và thầy người, bà-la-môn Pokkharasāti lại dám cả gan thốt lên: “Những hạng sa-môn giả hiệu, đầu trọc, đê tiện, đen đui, sanh nơi chân bà con ta là ai, mà có thể đàm luận với những bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà?” Thì thử hỏi, người và thầy người làm lỗi như thế nào, có tự biết không?

Ambatṭha và nhóm thanh niên hồ thẹn, cúi đầu.

Đức Phật lại tiếp tục vạch trần sự thật, không khoan nhượng:

- Thầy của người, bà-la-môn Pokkharasāti mặc dầu được ân tứ của đức vua Kosala, nhưng đức vua ấy cũng không cho thầy người diện kiến. Nếu lúc nào cần phải nói chuyện, đức vua ấy chỉ tiếp thầy người qua một tấm màn! Như thế chúng tỏ trong con mắt của nhà vua, thầy người đã là gì đâu, mà người và thầy người lại coi thường người khác, khi rẻ người khác, phỉ báng người khác?

Còn nữa, như đức vua Pāsenadi nước Kosala cùng với các hoàng thân, vương tử, đại thần, tướng lãnh luận bàn quốc sự. Một người hầu cận đứng một bên nghe được toàn bộ nội dung cuộc họp ấy rồi vui miệng, y kể lại cho bạn bè, thân hữu nghe. Dầu người hầu ấy nói lại lời nói của vua, lặp lại câu nói của các quan đại thần, người hầu ấy có thể được xem là vua không, có được xem là một vị quan đại thần không, này Ambatṭha?

- Thưa, thật không thể nào!

- Cũng tương tự như thế. Thuở xưa, những vị ẩn sĩ bà-la-môn, những tác giả các chú thuật, những nhà tụng tán các

chú thuật đã suu tâm, đã hát lên, đã nói lên những thánh cú, thì hiện nay, các bà-la-môn cũng hát lên, cũng nói lên giống như các vị ân sĩ thuở trước. Dầu người và thầy người có thể nói: “Ta là đệ tử, đã học thuộc lòng những chú thuật của các vị ấy!” thì có thể được xem là vị ân sĩ hay đã chứng đắc địa vị của một ân sĩ hay không, này Ambattha?

- Thưa, không thể xem vậy được!

- Thế người có nghe các vị bà-la-môn trưởng lão, tôn túc, giáo sư, tổ sư nói đến đời sống thường nhật của các vị ân sĩ ấy không? Những vị ấy có khéo tắm, khéo chải chuốt, tóc và râu khéo sửa soạn, trang điểm với vòng hoa và ngọc, mặc toàn đồ trắng với lụa là Kāsi thượng hảo hạng, tham đắm và tận hưởng năm món dục lạc như người và thầy người hiện nay không?

- Không có vậy, thưa sa-môn Gotama!

- Các vị ân sĩ ấy có dùng cơm nấu từ gạo trắng thơm thượng hạng với các hạt đen, hạt tằm được gọt bỏ ra? Có ăn canh, ăn cháo... cùng các loại sơn hào hải vị như người và thầy người không?

- Không có vậy, thưa sa-môn Gotama!

- Còn có những thiếu nữ non trẻ, xinh đẹp với đường eo và thắt lưng có tua hầu hạ như người và thầy người không, hử Ambattha?

Đến ngang đây thì Ambattha không dám trả lời nữa, chỉ cúi gầm mặt xuống!

Đức Phật vẫn tiếp tục:

- Hay là các ân sĩ ấy đi trên những chiếc xe sang trọng do những con ngựa cái có bờm kéo, đuôi được bện công phu rồi xoa dầu, xoa hương. Còn chủ nhân thì dùng cây roi bịt vàng, chiếc gậy dài bằng gỗ chiên đàn như người và thầy người hiện nay không, này Ambattha? Hay các vị ấy sống được che chở trong những thành lũy có những chiến hào bao bọc, có những cửa thành hạ xuống từ trên cao, có những

chiến sĩ mang gươm dài túc trực, hộ vệ ngày đêm như người và thầy người hiện nay không?

Ambatṭha ủ rũ, im lặng. Các thanh niên cũng ủ rũ, im lặng.

Đức Phật kết luận:

- Như vậy, người và thầy người không phải là ẩn sĩ, không có học hạnh ẩn sĩ và cũng không sống đời của một ẩn sĩ. Người và thầy người mạo danh bà-la-môn, không học hạnh bà-la-môn, không sống đời phạm hạnh thật sự của một bà-la-môn! Người và thầy người chỉ là một cư dân bình thường ở trên đời, sống hưởng thụ ngũ dục tầm thường và hạ liệt, chẳng có gì là thanh tịnh, cao sang, quý phái để mà tự hào, hãnh diện; lại còn không có bất kỳ một giới hạnh và trí tuệ nào để có thể dạy dỗ người khác... Phải tự hiểu như vậy!

Nói xong, đức Phật đứng dậy, đi kinh hành lui tới.

Cả Ambatṭha và nhóm thanh niên lên nhìn Tăng chúng lặng lẽ, yên tĩnh xung quanh các cột cây, cảm giác như tất cả mọi nền móng, lâu đài của bà-la-môn đều sụp đổ. Tan hoang, thảm thương. Tất cả đều bị phơi bày trần trụi trước tâm và trí, giới và tuệ của sa-môn Gotama này! Thanh niên Ambatṭha chột đưa mắt quan sát, nhìn ngắm từng tướng một của đức Thế Tôn. Là một nhà tinh thông tướng pháp học, Ambatṭha đếm được ba mươi tướng.

Đức Phật thấy và biết, ngài tự nghĩ: “Chúng bà-la-môn này thường không dễ thuyết phục họ, giáo giới họ bằng sự thật, bằng chánh pháp. Nhưng mà nếu ta hiện ra đủ ba mươi hai tướng của bậc đại nhân thì chúng có lòng tin ngay!” Thế rồi, đức Phật sử dụng thần thông, làm cho hiện ra thêm hai tướng nữa, đó là tướng “mã âm tàng” và tướng lưỡi rộng dài.

Khi thấy đủ ba mươi hai tướng rồi, Ambatṭha nói lời từ giả. Sau đó, y về kể lại toàn bộ câu chuyện cho thầy của y, là bà-la-môn Pokkharasāti nghe.

Sau một hồi chưởi mắng, rầy trách thậm tệ đệ tử của mình, bà-la-môn đích thân ghé thăm đức Phật. Và như học trò của mình, khi thấy đủ ba mươi hai tướng của bậc đại nhân, y khởi phát đức tin, cung thỉnh đức Phật và tặng chúng đặt bát cúng dường tại tư gia.

Tại đây, đức Phật đã thuyết pháp cho ông nghe; và bà-la-môn Pokkharasāti liền có được đôi mắt sáng, nhận chân được sự thật. Thế là toàn thể đồ chúng, bạn hữu, vợ con, thuộc hạ đồng xin quy y Tam Bảo, trọn đời quy ngưỡng.

Lại Nhiếp Hóa Bà-La-Môn Nữa

Trở lại Kỳ Viên, đức Phật chưa có thì giờ nghỉ ngơi thì giới bà-la-môn xôn xao kéo đến. Tin đồn đức Phật chủ trương cả bốn giai cấp đều thanh tịnh làm họ bất mãn, phẫn nộ. Lại nữa, bà-la-môn Pokkharasāti hữu danh, uy tín cùng tất thấy đồ chúng, thuộc hạ, vợ con đều đã quy y sa-môn Gotama càng như một tiếng sấm sét vang động giữa trời mưa, ai có tai đều phải nghe.

Họ chùng khoảng năm trăm bà-la-môn từ nhiều quốc độ, đến kinh thành Sāvatti vì một số công việc, khi nghe tin đồn như thế, suy nghĩ rằng: “Ai là người có thể tranh luận với sa-môn Gotama để lấy lại uy tín, địa vị, danh vọng cho giới cấp bà-la-môn? Ai là người không những thông hiểu ba tập Vệ-đà, lại còn quảng văn, quảng kiến, lợi khẩu, biện tài... có thể đối thoại với sa-môn Gotama với thể thượng phong?”

Sau khi tìm kiếm, lựa chọn giữa ngàn người, họ đến nhà thiếu niên Assalāyana vốn đang nổi danh bác học thần đồng ở Sāvatti rồi nêu lên yêu cầu và sở vọng của họ.

Thiếu niên Assalāyana trẻ tuổi, đẹp trai, đầu cao trọc, khuôn mặt sáng và dịu như trăng rằm; y trang nghiêm và kính cẩn lắng nghe tự sự, từ việc đối thoại của đức Phật với

thanh niên Ambatṭha, chủ trương bốn giai cấp thanh tịnh đến việc bà-la-môn Pokkharasāti quy giáo như thế nào. Nghe xong, thiếu niên Assalāyana, mười sáu tuổi, thần đồng, nghiêm túc nói:

- Vậy là sa-môn Gotama đã nói rất đúng pháp, thưa các bậc trưởng thượng!

Hội chúng bà-la-môn ngỡ ngàng, tuy vậy, sau đó họ lại yêu cầu Assalāyana hãy vì danh dự của giới bà-la-môn mà ra tay tranh luận.

Thiếu niên Assalāyana lắc đầu:

- Không thể đâu, chư tôn giả! Với những ai nói đúng pháp thì ta không thể bài bác được. Lại nữa, đừng nói sa-môn Gotama, mà hằng chục đệ tử thượng thủ của vị ấy, chúng ta cũng không có khả năng tranh luận được! Vậy, tôi là ai mà lại dám thảo luận với sa-môn Gotama?

Đến khi hội chúng năn nỉ lần thứ ba, thiếu niên Assalāyana khó lòng từ chối, đành miễn cưỡng nói:

- Thật tình tôi không chấp nhận sự thỉnh cầu của chư tôn giả. Tuy nhiên, tôi sẽ đi theo yêu cầu. Nhưng tôi biết rất rõ rằng, với những bậc nói đúng pháp, có giới hạnh và trí tuệ toàn hảo như sa-môn Gotama, cuộc thảo luận ấy càng đưa ta đến chỗ thất bại thảm thương mà thôi!

Thế rồi, cuộc tranh luận xảy ra.

Thiếu niên Assalāyana với cung cách rất lễ độ, toát ra tư cách của người có học, đưa câu tiền đề:

- Thưa tôn giả Gotama! Theo truyền thống thì bà-la-môn là giai cấp tối thượng, các giai cấp khác là hạ liệt. Vì sao vậy? Vì chỉ có bà-la-môn là nước da trắng sáng, các giai cấp khác màu da đen điu hoặc không được trắng sáng như thế! Lại nữa, chỉ có giai cấp bà-la-môn là thanh tịnh, các giai cấp khác là bất tịnh. Tại sao vậy? Vì bà-la-môn là con chính thống của phạm thiên, được sanh ra từ miệng phạm thiên, do phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự của phạm thiên!

Chẳng hay tôn giả Gotama nghĩ sao về quan niệm truyền thống ấy?

Đức Phật mỉm cười:

- Này Assalāyana! Như Lai chỉ hỏi lại ngươi, ngươi thấy quan niệm ấy có đúng không?

Thấy thiếu niên im lặng, có vẻ lúng túng nên ngài nói tiếp:

- Như Lai là sát-đế-ly, nhưng trong giới bà-la-môn có ai có nước da trắng sáng như Như Lai không? Rồi, còn có cả hằng trăm đệ tử của Như Lai thuộc sát-đế-ly, thuộc vệ-xá, nước da họ cũng trắng sáng, ngời ngời không thua gì bà-la-môn đâu, có phải thế không, Assalāyana?

- Thưa, đúng vậy! Nước da của đức Thế Tôn chưa có ai trong giới bà-la-môn sánh bằng. Các tôn giả khác, rất nhiều, và tôi cũng đã từng thấy.

- Vậy thì tự hào nước da trắng sáng có thể lập được không?

- Thưa vâng, không thể lập!

- Còn nữa, các nữ bà-la-môn họ có kinh nguyệt, mang thai, sanh con và cho con bú. Các nữ sát-đế-ly, vệ-xá, thủ-đà-la cũng có kinh nguyệt, mang thai, sanh con và cho con bú. Vậy thì có sự khác biệt gì giữa các giới mà bà-la-môn lại thanh tịnh, các giai cấp khác là bất tịnh, người xác định cho Như Lai xem với nào?

- Sự thanh tịnh kia cũng không thể lập nữa rồi!

- Con người, thuộc thai sanh, đều ở trong thai bào rồi được sinh ra từ âm căn cả thảy. Các bà-la-môn có thể chứng minh sự thực cho Như Lai thấy là họ khác, họ được sinh ra từ miệng phạm thiên? Họ là nhân vật thượng đẳng nên họ không nằm trong bọc nước ôi dơ ứ, bản thủ và tối tăm ấy?

- Thật đúng vậy rồi! Nên sinh ra từ miệng phạm thiên cũng không thể lập!

Đến đây thì hội chúng la ó, phản đối:

- Assalāyana của chúng ta nói ăn theo!
- Y không có lập trường!
- “Miệng phạm thiên” là lập ngôn có tính chất ẩn ngữ, nghĩa bóng; là nghĩa tư tưởng và triết học!

Thiếu niên chột nghiêm sắc mặt:

- Vậy thì chư tôn giả hãy tranh luận với sa-môn Gotama? Chư tôn giả mà có thể đặt được một bàn chân lên mặt chiếu tranh luận, có thể nhúc nhích, cựa quậy dẫu tí chút thì tôi sẽ nhường cho chư vị, và tôi sẽ xin rút lui!

Hội chúng im lặng.

Thiếu niên Assalāyana thủng thỉnh nói:

- Chư vị tôn giả tưởng tôi không hiểu nghĩa bóng, nghĩa tư tưởng, nghĩa triết học hay sao? Chỉ một thoáng sát-na tư duy, tôi thấy rõ rằng, chúng ta mà lôi nghĩa ấy ra, chúng ta lại càng thất thố, càng bị bẽ mặt, càng bị xấu hổ! Tại sao vậy? Nếu chúng ta có đời sống thanh tịnh, giới luật thanh tịnh, hành trì theo phạm hạnh thanh tịnh thì khi ấy mới dám tự hào là dòng dõi thanh tịnh, được sinh ra từ miệng phạm thiên, là con cháu thừa tự phạm thiên! Còn hiện tại, xin lỗi chư tôn giả, chúng ta có xứng như thế không? Làm sao tôi lại có thể nói sai sự thật được!

Thấy thiếu niên đã trấn áp được hội chúng, đức Phật nói tiếp:

- Có một số quốc độ ở biên địa xa xôi, chưa ảnh hưởng truyền thống và tín ngưỡng bà-la-môn, họ chỉ có hai giai cấp: Chủ nhân và đầy tớ! Ai giàu là chủ nhân, ai nghèo là đầy tớ. Nếu người đầy tớ kia mà giàu liền thành chủ nhân. Nếu chủ nhân kia phá sản, nghèo đói lại trở thành đầy tớ. Vậy thì ai hơn ai? Ai thù thắng, ai hạ liệt có thể phân định được không? Hay là chúng ta lấy lúa gạo, tiền bạc để phân định giá trị một con người, hỡi Assalāyana?

- Không thể! Cái thước đo giá trị phải là tư cách và phẩm chất con người!

- Đúng vậy! Đức Phật gật đầu - Chẳng thể nào chỉ có những người sát-đế-ly, người vệ-xá, người thủ-đà-la mới sát sanh, trộm cắp, tà hạnh trong các dục, nói dối láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói phù phiếm, có tâm tham, tâm sân, tà kiến... còn giới bà-la-môn thì không làm vậy, họ đều có giới hạnh trắng sạch như vỏ ốc, hờ Assalāyana?

- Thưa, không thể có điều đó!

- Vì nhân xấu ác, bất thiện như thế nên ba giai cấp kia bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục còn bà-la-môn thì ngoại lệ, họ được sanh thiên, thiện thú, thiên giới?

- Thưa, không thể như vậy được!

- Vậy thì bất kể giai cấp nào, nếu làm việc lành tốt, thiện pháp thì được sanh thiện thú, thiên giới; nếu làm việc xấu ác, bất thiện thì bị đọa lạc, ác thú, địa ngục; và quả báo ấy là bình đẳng?

- Dĩ nhiên rồi, thưa sa-môn Gotama!

- Người bà-la-môn có thể tu tập từ tâm, không hận, không sân thì ba giai cấp kia cũng có thể tu tập được như thế?

- Thưa vâng!

- Và nếu bà-la-môn tu tập từ tâm, không hận, không sân thì sẽ hoá sanh cộng trú với phạm thiên; ba giai cấp kia cũng tu tập từ tâm, không hận, không sân thì họ cũng được cộng trú với phạm thiên chứ?

Cả hội chúng bà-la-môn im lặng phăng phắc. Cả thiếu niên Assalāyana cũng thế. Đức Phật đã có lời lý luận vững chắc, hợp với nhân quả nhưng đưa đến sự thực như thế thì không một ai ngờ tới. Không chấp nhận, không được; và nếu chấp nhận thì sự cao thượng, thù thắng của giới bà-la-môn được vạch trần, không có một kẽ hở để xen vào!

Đức Phật biết vậy nhưng ngài cũng chưa dừng lại ở đó.

- Một người bà-la-môn cầm cái cào lưng và bột tắm ra sông, kỳ cọ mình mấy và tẩy sạch uế bản thì ba giai cấp kia

cũng làm được như thế chứ? Hay chỉ có bà-la-môn mới làm được như thế thôi?

- Thưa, việc ấy thì ai cũng làm được!

- Một người bà-la-môn cầm cái quay lửa bằng cây sālā hay cây sālāla. Một người sát-đế-ly cầm cái quay lửa bằng gỗ cây sen hay cây chiên-đàn. Một người vệ-xá cầm cái quay lửa bằng gỗ cây elanda, gỗ cây sồi. Một người đồ phân cầm cái quay lửa bằng gỗ máng heo ăn, máng chó ăn. Sau một hồi quay, gỗ khô cọ sát với gỗ khô, lửa và sức nóng hiện ra. Chẳng lẽ nào chỉ có lửa và sức nóng từ tay quay gỗ của bà-la-môn mới dùng được, mới nấu ăn được, còn lửa của ba giai cấp kia không có ngọn, không có màu sắc, không có ánh sáng, không có sức nóng, hử Assalāyana?

- Tôi hiểu rồi, thưa sa-môn Gotama!

- Vậy thì từ cái gốc, cái thể cho đến cái tướng dụng thì trong bản chất, chúng là đồng đẳng, chẳng có giai cấp nào thanh tịnh, ưu thắng, cao thượng hơn giai cấp nào?

- Đúng vậy, thưa tôn giả!

- Vậy thì chúng ta hãy bỏ qua một bên về cái được gọi là dòng dõi, giai cấp được chưa?

- Thưa vâng!

- Này Assalāyana! Một nam tử sát-đế-ly, cưới một nữ nhân bà-la-môn, một bé trai hoặc một bé gái được sanh ra. Bé trai và bé gái ấy được gọi là sát-đế-ly hay bà-la-môn?

- Chúng giống cha nó mà cũng giống mẹ nó nên người thì gọi sát-đế-ly, người thì gọi bà-la-môn đều được cả!

- Ngược lại, một nam tử bà-la-môn cưới một nữ nhân sát-đế-ly, một bé trai hoặc một bé gái được sanh ra. Bé trai, bé gái ấy được gọi là bà-la-môn hay sát-đế-ly?

- Như trường hợp trên, gọi là bà-la-môn hay sát-đế-ly đều được cả!

- Này Assalāyana! Trường hợp khác. Một con ngựa cái giao phối với con lừa, một con vật được sanh ra. Con vật ấy

cũng giống cha nó, cũng giống mẹ nó, sao người ta không gọi là con ngựa hay con lừa mà gọi là con la?

- Đây là trường hợp giao phối khác giống nên có sự sai khác như thế. Tuy nhiên, nếu phân tích cho kỹ - thì con la ấy chỉ là cái tên thôi, tự bản chất, nó cũng giống cha nó là con ngựa, cũng giống mẹ nó là con lừa!

- Chính xác! Đức Phật gật đầu - Tự bản chất, chẳng có sai biệt gì! Vậy chúng ta đừng bàn về huyết thống nữa nhé?

- Thừa vâng!

- Này Assalāyana! Có hai anh em bà-la-môn đồng mẹ khác cha. Một người thông hiểu Vệ-đà, đọc tụng thánh điển và chấp trì mọi nghi thức tế lễ đúng như truyền thống. Còn người kia không thông, không biết, không đọc tụng gì cả. Trong hai người ấy, người ta sẽ tiếp đón, tôn trọng, cúng dường vị nào?

- Dĩ nhiên là người thông hiểu Vệ-đà...

- Thế giả dụ người thông hiểu Vệ-đà ấy hành ác giới, ác pháp, sát sanh, trộm cắp, dối láo, bất thiện, còn người không thông hiểu Vệ-đà lại sống lành tốt, trì giới, hành thiện pháp thì người ta sẽ tiếp đón, tôn trọng, cúng dường ai?

- Dĩ nhiên là cho người lành tốt, trì giới, hành thiện pháp!

Đến đây, đức Phật kết luận:

- Thế là chúng ta đã đi từ sanh chủng, dòng dõi. Bỏ sanh chủng, dòng dõi, ta đi qua huyết thống. Bỏ huyết thống, ta đi qua thánh điển. Cuối cùng, bỏ thánh điển, chúng ta đã đi về sự thanh tịnh của bốn giai cấp như Như Lai đã từng tuyên giảng đó đây!

Cả hội chúng bà-la-môn im lặng, ủ rũ, co vai, cúi đầu, sững sờ, không ai mở miệng ra được, hướng hồ là phản bác. Chỉ riêng thiếu niên Assalāyana biết sự thực là như vậy, nên chàng rất tỉnh táo, lặng lẽ gật đầu, tiếp thu sự chỉ giáo của bậc Đại Sa-môn.

Đức Phật tiếp tục nói chuyện với chàng:

- Quan niệm truyền thống ấy có gốc nguồn từ một thuở rất xa xưa, này Assalāyana! Nếu muốn nghe, Như Lai sẽ nói.

- Vâng, thưa tôn giả Gotama!

“- Thuở xưa có bảy ản sĩ bà-la-môn sống trong một ngôi rừng, họ có công hạnh lớn, chú thuật lớn, uy lực lớn. Hôm kia, họ cùng tự mãn, tự hào, tự tán tụng nhau rồi khởi lên ý nghĩ: “Trên đời này, chỉ có bà-la-môn là ưu thắng, cao thượng, tối thượng; là dòng dõi huyết thống thanh tịnh bảy đời, được sinh ra từ miệng phạm thiên, thừa tự phạm thiên còn các giai cấp khác là thấp thỏi, hạ liệt, chỉ là người hầu kẻ hạ bà-la-môn mà thôi!”

Tại khu rừng kế cận có bậc đại ản sĩ, không những công hạnh, chú thuật, uy lực là bậc thầy của bảy vị ản sĩ kia mà còn hiểu biết, thông tuệ nhiều lãnh vực khác nữa. Tên của bậc đại ản sĩ này thì tràn qua tai của mọi ản sĩ - đấy là Asita Devala - nhưng ai cũng nghĩ chỉ là huyền thoại hoặc là sự thêu dệt của mọi người. Biết được sự thiên cận, ngu dốt và tà kiến của bảy vị ản sĩ; và cũng muốn giáo hoá họ, đại ản sĩ Asita Devala sửa soạn râu tóc, đắp y vải màu đỏ tía, đi dép với nhiều đường viền kiên cố, cầm một cây gậy bằng vàng, với thời gian như viên lực sĩ co duỗi cánh tay, hiện ra trước những am thất của bảy vị ản sĩ, đi tới, đi lui, rồi đi lui, đi tới, miệng thốt lớn:

“- Ôi! Nơi này thật là ngu ngốc! Ôi! Nơi này thật là trống rỗng! Nơi này thật là tà kiến!”

Bảy vị ản sĩ nghe được, tự nghĩ: “Kẻ kia là ai mà cứ đi tới, đi lui như con bò đi vòng tròn, lại dám cả gan thốt lên lời bất nhã, trích thượng, dường như là ám chỉ chúng ta?” Với hận tâm, với sân tâm, với hại tâm, họ đồng sử dụng chú thuật rồi hét to rằng: “Hãy biến thành tro tàn hạ liệt, hỡi lão già đê tiện kia!” Lạ lùng sao, chú thuật kia không đốt đại ản sĩ Asita Devala thành tro tàn, mà ngược lại, làm cho dung

sắc ông ta sáng rực lên, chói ngời lên vô cùng đẹp đẽ, vô cùng khả ái!

Sợ hãi, hoảng hốt và cả buồn phiền, họ tự nghĩ: “Hồng rồi! Uy lực của chúng ta mất tiêu rồi! Trước đây, chỉ cần một người đọc chú, thì hòn núi đá cũng tan tành; mà nay cả bảy người hợp lực, lại làm cho lão già kia đẹp đẽ, khả ái hơn, là nghĩa làm sao cơ chứ?”

Họ bước ra, chăm chăm nhìn vị đạo sĩ kỳ quái.

Đại ản sĩ Asita Devala tùm tùm cười:

- Các bạn đã phục chưa? Đã chịu bỏ tâm hận, tâm sân đối với ta chưa?

- Vâng, chúng tôi sẽ không dám thế nữa!

- Ừ, vậy là tốt! Nhưng hãy hứa đi! Nếu còn khởi tâm giết người nữa, thì một sợi lông chân của ta cũng đưa các ngươi trở về với cát bụi!

Nhìn ánh mắt uy nghiêm, không giận mà oai, toát ra một năng lực phi phàm của vị đại ản sĩ, cả bảy vị co rúm người lại, lấp bắp:

- Xin hứa, chúng tôi xin hứa!

Thấy lão già lại nở nụ cười hiền hoà, họ bạo gan hỏi:

- Vậy ngài là ai? Phạm thiên chăng?

- Cũng đúng! Ta là ản sĩ Asita Devala, và rồi ta sẽ cộng trú với phạm thiên!

Hoảng hồn, họ sụp lạy.

Sau khi tìm kiếm chỗ ngồi thích hợp, ản sĩ Asita Devala tìm cách giáo giới họ.

- Ta đã nghe ý nghĩ khởi sanh trong tâm của các bạn. Bây giờ ta sẽ hỏi điều này. Các bạn có biết mẹ sanh của một bà la-môn, trước đó, bà ta giao hợp với một bà la-môn hay phi bà-la-môn?

- Thưa, thật khó biết.

- Và có chắc chắn rằng, bảy đời tổ mẫu của họ chỉ giao hợp với bà-la-môn chớ không phải phi bà-la-môn?

- Thưa, cũng thật khó biết.

- Cha sanh cũng thế, từ một đời cho đến bảy đời tổ phụ có chắc chắn là chỉ giao hợp với nữ bà-la-môn chớ không phải phi nữ bà-la-môn?

- Quả có thể, không thể xác quyết được!

- Vậy thì không thể, khó biết được, tại sao các bạn lại lấy cái huyết thống thanh tịnh bảy đời mà chủ trương? Nó từ đâu ra?

Cả bọn im lặng, cúi đầu. Họ đã biết mình sai.

Ẩn sĩ Asita Devala đi bước nữa:

- Có ai trong các bạn biết rõ chuyện nhập thai? Nó ra sao?

- Thưa, chúng tôi chỉ biết rằng, vào thời mà người nữ có điều kiện thụ thai, có người nam giao hợp và có một hương ấm (gandhabha) tìm đến. Đầy đủ ba yếu tố ấy, sự nhập thai mới thành tựu.

- Đúng vậy! Và các bạn có thể biết rằng, hương ấm này là bà-la-môn, hương ấm kia là sát-đế-ly, hương ấm nọ là vệ-xá, là thủ-đà-la chớ?

- Thưa, không thể!

- Các bạn lại nói đúng nữa! Nhưng mà này, đây là câu hỏi tối hậu: Ngay chính các bạn, các bạn có biết các bạn là ai không, từ hương ấm vô danh đầu tiên ấy?

Họ chột như thấy rõ được điều gì, đồng sụp lạy bên chân vị đại ẩn sĩ:

- Quả đúng là vậy, sự tình là vậy, chúng tôi không biết chúng tôi là ai!”

Kể xong chuyện, đức Phật kết luận:

- Như thế, bảy vị ẩn sĩ kia đã bị đại ẩn sĩ Asita Devala chất vấn, cật vấn, nạn vấn về vấn đề sanh chủng, tận cùng cho đến thức tái sanh (hương ấm) họ đã không thể ứng đáp được, cuối cùng phải thú nhận không biết mình là ai! Vậy thì nay, người và cả hội chúng bà-la-môn này đều là hạng

LẠI NHIỆP HOÁ BÀ-LA-MÔN NỮA

cháu chít của bảy vị ẩn sĩ lại có thể ứng đối với Như Lai, còn là bậc thầy của đại ẩn sĩ Asita Devala kia nữa!

Tâm phục, tín phục đến tận cùng, thiếu niên Assalāyana quỳ sụp dưới chân của đức Thế Tôn, xin được quy y Tam Bảo, làm một cận sự nam cho đến trọn đời!

Chuyện Tỳ-Khuru Nanda

Sau những buổi “tranh luận” ấy thì uy tín, uy lực của đức Phật và giáo pháp đã làm cho giới bà-la-môn bàng hoàng, không còn dám cự quậy, nhúc nhích nữa. Trí tuệ của đức Phật đã mở phơi trần trụi những bao che, phong kín nguy trang bấy lâu nay của giới cấp bà-la-môn! Họ chẳng còn chỗ nào để tự hào và hãnh diện nữa. Đứng ngài là hiện thân của đức Chánh Đẳng Giác trên đời này thực sự rồi. Cả hai buổi pháp thoại đều được truyền tụng đi khắp mọi nơi; thêm mắm, thêm muối cho câu chuyện được đậm đà; thêm gừng, thêm ớt cho nó cay cay hơn; thêm dấm, thêm chanh cho nó chua chua thêm một chút nữa. Chuyện đời mà. Các giới cấp từ lâu tự xem mình là thấp kém, bây giờ cảm thấy mình được cởi trói, được nở mày, nở mặt, được sống cho ra một con người. Họ tri ân đức Thế Tôn về quan điểm bốn giai cấp đều thanh tịnh ấy. Thế là khí hậu của Kỳ Viên đại tịnh xá như được thêm mưa thuận, gió hòa...

Các trưởng lão ổn định chỗ ăn ở, sinh hoạt, tu tập cho tăng chúng, bây giờ đã trên hai ngàn vị. Đến mùa an cư có thể còn đông hơn nữa. Hai vị đại đệ tử phải tuyển chọn thêm một số vị giáo thọ. Đức Phật gần gũi, trao đổi chuyện với Rāhula để xem chú có tiến bộ không. Ai cũng khen Rāhula

hiếu học. Giới sa-di ở đây rất đông, hai vị đại đệ tử lại thêm vất vả để giáo huấn, được Rāhula phụ giúp rất đắc lực. Riêng tỳ-khuru Nanda thì khuôn mặt không được vui, trong lòng vẫn còn bị đốt cháy bởi khối lửa tình si.

Đức Phật chợt nói:

- Này Nanda! Hôm nay, ông cùng với Như Lai hãy đi chơi một chuyến cho khuây khoả!

Ngạc nhiên, Nanda tròn mắt:

- Đi chơi?

- Phải, lên cõi trời chơi! Tiện thể, Như Lai muốn giáo giới, nhắc nhở ông thiên chủ Đế Thích một chút.

Nói xong, đức Phật vận thần thông lực đưa tỳ-khuru Nanda đến cung trời Đao Lợi. Giữa không gian, khi bay ngang qua một khu rừng vừa bị hỏa thiêu, đức Phật cốt ý để cho Nanda trông thấy một con khỉ cái bị cháy trụi lông; tai, mũi và đuôi đều bị sứt, đang cố ôm bám vào một thân cây trơ trọi để níu lấy sự sống.

Đến cung điện rực rỡ của đệ nhị thiên đường, chuông gió, sáo trời dặt dìu, mê ly, thánh thót; hoa trời nở đầy hai bên lối đi bạch ngọc, trân châu, mã não. Mấy muôn chư thiên lấp lánh ánh sáng, phục sức cao sang và quý phái, dẫn đầu là thiên chủ Đế Thích ra nghinh đón đức Tôn Sư. Và, ô kìa, mười muôn thiên nữ với sắc đẹp lộng lẫy, đài các, diễm lệ, kiêu kỳ xuất hiện giữa đám mây hồng, mây tím; nhóm vũ khúc, nhóm hát ca... có cả quần tiên càn-thát-bà tấu nhạc như một cuộc hội trường xuân miên viễn.

Thấy tỳ-khuru Nanda đang say sưa, mê mẩn ngắm nhìn, đức Phật nói:

- Này Nanda! Ông hãy tùy nghi đi chơi đâu đó cho thỏa thích. Như Lai có công việc với Sakka thiên chủ.

Thế rồi, đợi Đế Thích dẫn đức Phật vừa đi khuất, tỳ-khuru Nanda đi thăm thú cảnh “non bồng nước nhược”! Ở đâu cũng điện các trùng điệp, ở đâu cũng bảy báu trùng điệp.

Không gian sạch trong, không một mảy bụi. Rồi hý trường, công viên, hồ cảnh, thủy tạ, đèn đài, vườn cây, rừng cây với hoa trái lạ lùng chín mọng, hương thơm diệu kỳ. Và ô kìa, tiên nữ và tiên nữ... vóc ngọc, dáng ngà chỗ này chỗ kia thướt tha, uyển chuyển bay lượn đó đây vắng lại tiếng cười vui, âm thanh trong trẻo như ngọc chạm, như pha lê reo!

Tới chỗ nào, tỳ-khuru Nanda cũng như muốn chết sững, chân bước đi không nổi! Ở đây, sắc trời, thanh trời, hương trời nó hấp dẫn, lôi cuốn gấp hàng triệu lần thế gian. Cung điện Kapilavatthu huy hoàng, sang trọng, nhưng đem so sánh với nơi này thì chỉ như cái xó bếp tối tăm, nghèo nàn thật tội nghiệp.

Bước chân đưa đây, dẫn Nanda đến một tòa cung điện với năm trăm bảo tháp kim cương, hội tụ giữa hư không, phản chiếu ánh sáng lấp lánh muôn màu. Bước vào giữa điện, Nanda trông thấy một chiếc ngai khảm bảy báu, trông rất long lẫy, sang trọng. Tuy chưa thấy một vị thiên tử nào ngự ở đấy, nhưng hầu quanh có năm trăm thiên nữ mà cô nào cũng chim sa cá lặn, nguyệt thẹn hoa nhường trông xinh đẹp, mỹ miều mà thế gian thật không tưởng tượng nổi.

Tỳ-khuru Nanda bạo gan hỏi:

- Chiếc ngai bảy báu trên quý thế kia, sao chưa có vị thiên tử diễm phúc nào an ngự ở đấy, thưa quý tiên nương?

Một thiên nữ tủm tỉm cười đáp:

- Thưa tôn giả! Chúng thiếp chuẩn bị sẵn để chờ đợi đón tiếp một vị trong giáo hội của đức Thế Tôn!

Tò mò, Nanda hỏi:

- Vị nào vậy? Quý tiên nương có biết chăng?

- Thưa, nghe nói là tỳ-khuru Nanda! Vị ấy hiện đang hành trì, tu tập rất tinh tấn!

Ra khỏi toà lâu đài rồi mà trái tim Nanda còn nhảy loạn trong lồng ngực.

Trên đường trở về hạ giới, đức Phật hỏi:

- Này Nanda! Hằng muôn tiên nữ nơi cõi đệ nhị thiên đường, cụ thể là năm trăm tiên nữ nơi toà lâu đài bảo tháp kim cương, nếu đem so với công nương Janapāda Kalyāni của ông, ai xinh đẹp, mỹ miều, diễm lệ hơn?

Nanda đỏ mặt ra đến tận mang tai, cúi đầu đáp:

- So với họ thì công nương Janapāda Kalyāni chỉ giống như con khỉ cái bị cháy trụi lông, đen thui, sứt mũi, sứt tai, cụt đuôi tại khu rừng họ.

Đức Phật mỉm nụ cười trong tâm, nói rằng:

- Này Nanda! Vậy hãy tinh tấn, nỗ lực! Như Lai hứa, nếu Nanda kiên trì tu tập giáo pháp thì một ngày kia, năm trăm bảo tháp kim cương, chiếc ngai vàng thất bảo cùng năm trăm tiên nữ ấy sẽ thuộc về của ông!

Từ đó, khi ở tịnh đường, lúc ở nơi liêu đôn, gốc cây, bãi trống, rừng vắng... Nanda thiền định rất mực chuyên cần, rất mực chịu khó và nhiệt tâm.

Mọi người biết chuyện ấy. Các bậc thánh vô học hoặc hữu học thì im lặng, bởi họ biết phương tiện trí rất thâm sâu của đức Thế Tôn. Các vị còn phàm phu, nhất là chư sư trẻ thì có dịp để họ nhạo báng, đùa bỡn hoặc tạo nên những nụ cười vui, vô hại, rất dí dỏm:

- Nè, tôn giả Nanda của chúng ta biết cách “đầu tư công phu” đó nghe!

- Ừa, chuyến buôn bán làm ăn này ông hoàng của chúng ta lãi to rồi!

- Đừng có xía phần! Ai ăn nấy no. Ai tu nấy được!

- Nhưng những năm trăm tiên nữ “nhín” bớt cho một, hai, không được sao?

Chuyện đến tai, Nanda cảm nghe xốn xang, khó chịu vô cùng. Ngẫm nghĩ lại, ông chợt thấy rõ mục đích của mình tỏ ra tầm thường và thấp kém quá. Họ chế giễu là đúng. Họ nhạo báng là họ muốn thức tỉnh mình đây!

Đức Phật xuất hiện rất đúng lúc:

- Này Nanda! Bỏ qua chuyện ấy đi! Hôm nay ông và Như Lai đi chơi một miền xa. Hãy đến một cảnh giới đau khổ!

Lần này, đức Phật lại sử dụng thần thông đưa Nanda xuống thăm một cảnh giới ở địa ngục. Dịp này, Nanda chứng kiến tận mắt những thảm cảnh hãi hùng. Đây là một cột trụ đồng đỏ lửa rừng rực, các tội nhân trần truồng phải bám siết để leo lên, da thịt cháy xèo xèo. Bên kia là những con quỷ mặt trâu, đầu ngựa, cầm những chiếc đinh ba nhọn hoắt, đâm suốt qua lưng tội nhân rồi cất những tiếng tru ghê rợn. Nọ là những con dạ-xoa, la-sát cầm những chiếc cưa sắt nung lửa đỏ lòm, cứ tuần tự cưa tội nhân ra từng khúc, từng đoạn, gan ruột đổ lòng thông, máu me chảy tràn thành vũng. Và thôi, nào là bàn chông, máy chém, máy lóc xương... kể sao cho xiết! Tội nhân chỗ này, chỗ kia giãy đành đạch, la hét, kêu gào... lẫn tiếng cười ghê rợn của quỷ dữ. Những cái cối đồng vĩ đại, những chiếc chày to lớn, đưa lên đưa xuống nhịp nhàng, bên trong là tội nhân với xương thịt bầy nhầy như cốt ý làm chả thịt người cho quỷ sứ ăn!

Nanda rùng mình, ớn lạnh... bước sang một lò nấu người. Những chiếc vạc to lửa cháy xanh lè, bên trong dầu sôi sùng sục. Những con quỷ mặt xanh, mũi đỏ, thò tay quăng tội nhân vào từng chảo một. Nơi chảo khác, dầu sôi như sóng cuộn, lại không có tội nhân...

Ngạc nhiên, Nanda hỏi thì được một con quỷ có vẻ lịch sự, đáp:

- Thừa tôn giả! Cái này thì còn để dành...
- Sao? Để dành? Cho tội nhân nào?
- Nghe nói là một vị tỳ-khưu!
- Ai? Vị nào vậy?
- Cái ông không chịu tu hành; ăn cơm của đàn-na thí chủ mà đêm ngày cứ tư tưởng đến con gái! Là ông hoàng Nanda đấy!

Từng chân tơ, kẽ tóc đều dựng ngược cả lên, da thịt nổi gai ốc, một luồng khí lạnh chạy dọc sống lưng - Nanda quỳ quả theo đức Thế Tôn trở lại trần gian mà cả tâm thần còn bủn rủn, cả tứ chi còn bải hoải!

Nanda phủ phục bên chân đức Phật:

- Xin đức Tôn Sư hãy huỷ bỏ lời hứa về chuyện năm trăm cô tiên nữ, đệ tử sợ hãi lắm rồi!

Đức Phật lắc đầu:

- Chưa! Chưa thể! Chừng nào ông không còn bám víu vào những sự vật trần gian; chừng nào ông đã vĩnh viễn xuất ly dục lạc; nội tâm hoàn toàn thanh tịnh như viên bạch ngọc trong suốt không tỳ vết nhiễm ô thì lúc ấy, Như Lai huỷ bỏ lời hứa cũng không muộn gì!

Nói thế xong, đức Tôn Sư đọc một bài kệ:

“- Đau khổ và khoái lạc

Bùn như đáy mặt hồ

Hương hoa sen toả ngát

Cho người diệt si mê!

Khoái lạc và đau khổ

Xúc động tâm phàm phu

Người vĩnh ly nhiễm ái

Hoa sen thấm mặt hồ!”

Trong lúc Nanda lắng nghe câu kệ có vẻ chú tâm thì đức Phật đã không còn ở đây. Vì ngài biết, bắt đầu từ bây giờ, Nanda sẽ gạt bỏ được những tư tưởng ô nhiễm, xấu xa để dành thời gian cho sự kiên trì tu tập. Rồi sẽ có hiệu quả tốt và không còn lo ngại gì về ông hoàng si tình ấy nữa.

Sắc Đẹp Hoa Sen

Đức Phật, hai vị đại đệ tử cùng Ānanda, Rāhula sang ni viện; ngài muốn thăm ni viện mới, xem sinh hoạt của ni chúng, đồng thời thăm ni trưởng Gotamī, Yasodharā, và Sundrī-Sunandā.

Vị ni trưởng đã chớm già nhưng vẫn còn quắc thước, khỏe mạnh. Bà đã chứng đạt quả vị A-la-hán và các thắng trí, có nhiều khả năng và kinh nghiệm hướng dẫn và lãnh đạo ni chúng. Yasodharā trông cũng đã vững vàng, ổn định vì bà cũng đã làm xong những việc cần phải làm. Còn nữa, hiện tại, bà là một trong bốn vị⁽¹⁾ có đại thần thông; nhưng bản chất khiêm tốn, lặng lẽ, ít nói, không muốn mọi người biết đến nên ai cũng cảm giác bà chẳng có gì nổi bật. Đức Phật mừng cho họ, những người thân yêu nhất của ngài.

Chỉ riêng Sundrī-Sunandā thì còn có vẻ bất an do cô xuất gia không phải tự nguyện mà bởi tình cảm huyết thống dòng tộc và gia đình, căn duyên lại chưa đủ đầy. Trường hợp này thì phải đợi nhân, đợi duyên thôi!

Rất nhiều tỳ-khưu-ni mới xuất gia gần đây ra đánh lễ đức Phật cùng các vị trưởng lão, đặc biệt, sau buổi pháp

⁽¹⁾ Chỉ có 4 vị có đại thần thông: Hai vị đại đệ tử, bà và sau này còn có trưởng lão Bakkula nữa.

thoại, ngài tán dương một cô ni trẻ đẹp vừa đặc tứ vô ngại giải vừa đạt các thắng trí. Đây là tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā (Người có sắc đẹp như hoa sen, có làn da như hoa sen).

Cuộc đời kỳ lạ của Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc) đã được đức Phật kể lại, sau đó các vị kết tập sư trước thuật như sau:

- Kể từ thời chư Phật quá khứ như Padumuttra, Vipassī... nàng đã có duyên lành, đã từng được nghe pháp và cúng dường lớn; đặc biệt là hay cúng dường hoa sen, và cũng đã từng phát nguyện sau này sẽ đắc quả A-la-hán, trở thành vị thánh có khả năng thuyết pháp và có cả thần thông.

Vào thời không có đức Chánh Đẳng Giác ra đời, nàng sinh ra trong một gia đình lao động. Một hôm, vào lúc sáng sớm, trên đường ra đồng gặt lúa, nàng thấy dưới đầm có mấy đóa sen vừa nở rất đẹp. Thích thú quá, nàng lội xuống, hái mấy bông sen và ngắt thêm mấy lá sen nữa. Đến căn chòi lá giữa đồng, chuẩn bị buổi trưa cho mình, nàng ngồi rang cơm, chừng năm trăm hạt nổ rồi lấy những lá sen gói lại.

Lúc ấy, tại núi Gandhamādana có một vị Độc Giác Phật (Pacceka - Buddha) vừa xuất thiên duyệt sau bảy ngày an trú định diệt thọ tưởng; quán căn cơ, thấy cô gái nông dân có duyên lành nên ngài ôm bát khát thực, có mặt tức khắc tại căn chòi lá của nàng.

Cô gái vừa định bước xuống ruộng, chợt trông thấy vị đạo sĩ, do căn lành quá khứ, liền khởi phát đức tin trong sạch, vào chòi, lấy gói cơm rang ra đặt bát rồi dùng luôn mấy đóa hoa sen phủ lên trên cho đẹp. Với tất cả tấm lòng thành, nàng chấp tay, phát nguyện:

“- Do phước báu cúng dường cơm rang và hoa sen ngày hôm nay, xin cho con có được rất đông con trai bằng số lượng hạt rang ấy; và mỗi bước chân con đi đều xuất hiện mỗi bông sen tươi thắm!”

Vị Độc Giác nói lời tùy hỷ phúc chúc rồi vận thần thông bay về núi, đặt ngay ngấn mây bông sen trên tảng đá rồi đi khuất vào hang động, ngòi thợ thực. Tất cả mọi diễn tiến hành động của ngài đều hiện ra rõ ràng trong tầm mắt của cô gái, làm cho nàng vô cùng hân hoan và thỏa thích.

Phước báu ấy đưa cô hưởng phúc các cõi trời, hết cõi trời, cô lại sanh làm người, nhưng lại nằm thai hóa trong một búp sen tại một đầm nước dưới chân núi. Có một vị ẩn sĩ ngụ cư gần đấy. Sáng kia, ra đầm rửa mặt, thấy tất cả sen đều nở, nhưng có một búp sen to lớn lạ thường, lại đang như còn ngâm sương; ngài nghĩ: “Hẳn có một lý do hoặc có một duyên sự đặc biệt, hy hữu nào đây!” Tò mò, vị ẩn sĩ lội xuống đầm, đặt tay lên búp sen thì kỳ lạ chưa, những cánh sen lại từ từ nở ra, và bên trong hiện ra một cô bé gái nhỏ nhắn, xinh đẹp đang nằm khoanh tròn như hài nhi trong bụng mẹ. Vị ẩn sĩ chợt xúc động, tình phụ tử khởi sanh, ngài ôm cả bông sen và cô bé gái về căn chòi của mình, đặt lên sàng cỏ. Nhìn bé gái như được kết tinh tất cả mọi tinh túy của hương sắc hoa sen, vị ẩn sĩ chợt trầm ngâm, lo lắng vì biết lấy gì mà nuôi nó? Chợt dừng, đầu ngón tay trở của ông rịn ướt và một dòng nước trắng trắng chảy ra. Nếm thử, ngài biết đấy là sữa. Thấy nhân duyên gì mà nhiệm màu quá, ông biết rằng, phước báu của cô bé gái này không phải tầm thường, vượt ra ngoài tầm hiểu biết của phàm phu. Từ đấy, vị ẩn sĩ hết lòng chăm sóc, nuôi dưỡng hài nhi. Cứ ngày ba bữa, ông chỉ cần đưa ngón tay vào miệng bé thì sữa tự động chảy ra. Sau đó, khi bé no bụng thì sữa cũng tự động tắt! Cô bé lớn nhanh như thổi, bắt đầu biết đi, biết chạy, vị ẩn sĩ phát giác thêm một điều kỳ lạ, là mỗi bước đi của cô bé lại có một bông sen đỡ chân. Hình ảnh ấy như ảo ảnh, vì khi ông tới xem thì không thấy bông sen kia nữa! Điều kỳ lạ thứ hai là ông không cần xăm xiêm y cho bé; vì xiêm y của bé cũng tự có, một loại lụa rất đẹp, và sắc màu cũng tương tự lá

sen, cánh sen, nhụy sen! Da mặt, da tay chân của cô bé có một màu hồng mơn, trắng nõn hoặc trắng phớt hồng, bước đi tới đâu thì hương sen tỏa ngát đến đấy! Vị ẩn sĩ thâm hiểu rằng, đây là một vị tiên nữ từ cõi trời nào đó mà hoá sanh nên tứ đại kết dết nên cô bé đều là loại vật chất tinh khiết, không hề thấy chất bất tịnh như thân xác con người. Một là cô bé bị đọa, hai là cô bé sẽ có một sứ mạng nhân duyên nào đó tại cõi người này chăng?

Hằng ngày, vị ẩn sĩ phải vào rừng hái trái, đào củ để nuôi mạng. Cô bé học lời ăn tiếng nói do ẩn sĩ dạy. Và họ sống như tình cảm cha con đầm ấm và hạnh phúc nhất trên trần đời. Khi cô bé thành thiếu nữ thì vị ẩn sĩ đâm ra lo ngại mơ hồ. Cái trần gian bất tịnh và xấu xa này, không nơi nào có chỗ cho cô con gái trong trắng và thuần khiết của ông ở được. Và ông cũng không thể chăm sóc, gìn giữ sự thuần khiết cho cô bé suốt đời! Và thế là chuyện xảy ra sẽ phải xảy ra.

Có một tiểu phu làm củi gần đấy. Trưa hôm kia, khi vị ẩn sĩ mang trái và củ từ rừng về, người tiểu phu thấy một cô gái đẹp tợ bông sen, trong chòi bước ra, đưa búp tay trắng hồng đỡ cây gậy và bình nước rồi dìu ông ta vào trong. Người tiểu phu cau mày, tự nghĩ: “Quái, bao nhiêu năm rồi, vị ẩn sĩ này có giới hạnh rất thanh tịnh, không một hạt bụi nào có thể bám vào đời sống phạm hạnh thiêng liêng của ông được, nhưng bây giờ sao lại có một cô gái xinh đẹp ở chung?” Tò mò, mà cũng muốn điều tra sự thật, người tiểu phu bỏ công nhiều ngày rình rập mới biết họ là cha con. Người tiểu phu vẫn cứ còn thắc mắc: “Không thể nào, cô gái này không thể là người được. Đã là người thì sắc đẹp cũng chừng mực thôi! Cô ta rõ là một búp sen hồng tươi thắm, mà, hương sắc còn là chúa của loài sen nữa! Là ma chăng? Là tiên chăng?”

Hôm kia, đánh bạo, người tiều phu vào chòi lá xin nước uống. Vị ả sĩ lấy trái cây dãi dềng. Cô gái phụ với ả sĩ việc này việc kia. Hương sen tỏa ngát. Khi tiều phu cáo từ, vị ả sĩ ân cần và thành khẩn nói:

- Con gái tôi từ cõi trời mà xuống, mai này nó lên lại cõi trời. Trần gian này độc ác và xấu xa lắm, nó sẽ không ở lâu. Vậy xin ông hãy giấu kín việc này, đừng cho ai biết nhé! Cha con tôi đội ơn ông nhiều lắm!

Người tiều phu gật đầu hứa với lời lẽ ngon ngọt. Về nhà, lòng tham nổi lên, nghĩ rằng, nếu dâng cho vua tin này thì sẽ được một món hời, ăn hoài không hết! Cái nghề đốn củi được bao hơi, lại khổ cực suốt đời nữa, đại gì mà giữ chữ tín!

Lựa một bộ đồ tương đối lành lặn và sạch sẽ nhất, ông vào thẳng hoàng cung Bārāṇasī, trình với lính canh là có việc hệ trọng cần bẩm báo trực tiếp với đức vua. Rồi sau đó, người tiều phu kể lại sự xuất hiện của “cô gái tiên” tại chòi lá của vị ả sĩ cho đức vua nghe.

Thế rồi, với một toán quân cận vệ, vô số lễ vật, đức vua tìm đến ngôi rừng, cắm trại cách chòi lá không bao xa, cho người điều tra hư thực. Sau khi biết chắc về chuyện cô tiên là có thật, đức vua tiến hành việc dạm hỏi với lễ vật trọng hậu.

Vị ả sĩ nói:

- Con gái ta là tinh hoa của hoa sen, là phước báu từ cõi trời mà có, vậy xin nhà vua đối xử với nó như đối xử với một nụ hoa trong sương sớm. Nó không chịu được nắng quái và gió chướng của cuộc đời.

Rồi ông quay qua con gái:

- Này Padumavatī! Con gái cung của ta! Trên trần gian này, quyền lực của đức vua là tối thượng! Và nếu nhân duyên tốt thì sự nương tựa nơi đức vua cũng là chỗ tối

thượng! Cả ta và con đều không có một lựa chọn nào khác!
Hãy theo đức vua mà về hoàng cung đi!

Cô gái khóc nức nở, khóc thảm thiết.

Đức vua sai lấy áo xiêm, mũ miện gắn đầy bảy báu, phong cô gái làm hoàng hậu ngay tại chỗ rồi rước nàng về cung. Vị ả sĩ nói với đức vua:

- Ngài hãy cho người mang theo luôn những mâm vàng, mâm bạc này đi! Ta không biết dùng những thứ ấy. Ta chỉ cần trái cây và nước lã thôi!

Thế rồi, khi con gái đi rồi, vị ả sĩ bèn bỏ chòi lá, lên ả tu tạt Tuyết Sơn, cuối đời, thiên chứng, sanh về phạm thiên giới.

Cô gái, Padumavatī, về làm hoàng hậu được đức vua cưng chiều hết mực làm cho những bà phi ganh ghét, đố kỵ, gièm pha rồi tìm cách ám hại. Theo với lời nguyện xưa, nàng sanh được năm trăm con trai, nhưng chỉ có hoàng tử Mahā-Paduma là thai sanh, bốn trăm chín mươi chín vị còn lại là thấp sanh. Do các bà phi lập kế độc, vu cáo Padumavatī sinh ra những cục máu, rõ là yêu quái nên bị đức vua truất phế ngôi hoàng hậu. Sau nhờ Đế Thích thiên chủ dùng thần lực làm sáng tỏ sự thật nên nàng lại được phục chức. Về sau, cả năm trăm vị hoàng tử đều làm đạo sĩ xuất gia, đắc quả Độc Giác Phật và họ sống ở rừng sâu. Cuối đời, do cô quạnh, phiền muộn, lâm chung, nàng Padumavatī lại sanh vào gia đình nghèo khổ. Nàng lại làm phước thiện, được sanh thiên, sau đó, trôi nổi nhiều cõi trời và người nữa.

Vào thời đức Phật Kassapa, nàng thác sanh vào gia đình hoàng tộc, là công chúa, con của đức vua Kikī, quốc độ Bārāṇasī. Họ có bảy chị em⁽¹⁾ và nàng là thứ hai, tên là

⁽¹⁾ Xem lại chuyện tỳ-khưu-ni Khemā, Dhammadinnā, cô bé Visākhā... 7 cô công chúa là Samanī, Samaṇagutta, Bhikkhunī, Bhikkhudāyikā, Dhammā, Sudhammā và Saṅghadāyikā.

Samaṇagutta. Mặc dầu sống trong xa hoa nhung lụa, tài sắc vẹn toàn nhưng cả bảy cô đều từ chối chuyện lập gia đình, chỉ đi nghe giáo pháp, sống đời giới hạnh không mệt mỏi, không thối thất. Sau khi xin xuất gia, do đức vua không đồng ý, cả bảy cô sống đời cư sĩ tại gia, thường bố thí, cúng dường lớn; lại còn thiết lập tu viện, đại lâm viên, xây dựng cốc liêu cho đức Phật Kassapa và tặng chúng nữ.

Kiếp hiện tại, nàng sanh ra trong một gia đình trưởng giả tại Sāvatti, do phước báu xưa, nàng lại có làn da như cánh sen, hương thơm như nhụy sen nên được đặt tên là Uppalavaṇṇā!

Lớn lên, nàng đẹp quá, không những nổi tiếng khắp kinh thành mà còn lan xa nhiều tiểu quốc. Các hoàng tử, vương tôn, công tử... ngày nào cũng ngựa xe nườm nượp đến đánh tiếng dạm hỏi, châu chực đầy sân, đầy nhà. Thấy phiền lụy quá, nhận lời người này thì mất lòng người kia, vị trưởng giả thờ dài, nói với con gái:

- Con đẹp và tươi xuân như đóa sen mới nở, ai cũng muốn bẻ, muốn ngắt!

Vì là kiếp cuối của tử sinh, nàng nói:

- Nhưng rồi thì nó sẽ tàn, sẽ phai sắc và rữa hương thôi, thừa cha thân!

Vị trưởng giả ngạc nhiên:

- Con nghĩ ra điều đó thật à?

- Thừa vâng, con thấy rõ như thế mà!

- Vậy sao con không xuất gia? Đi xuất gia quách! Con biết ni trưởng Gotamī chứ?

- Thừa biết! Con thường hay đến nghe pháp tại ni viện. Ôi! Ở đây có biết bao nhiêu là cành vàng lá ngọc đã tự nguyện cắt bỏ mái tóc thanh xuân, sống đời giải thoát như hư không! Con cũng muốn xuất gia như họ!

Thế rồi, tiểu thư Uppalavaṇṇā phủ tay mọi cám dỗ của giàu sang, danh vọng, địa vị và cả tuổi thanh xuân đến ni

viện xin xuất gia; sự kiện ấy làm rung động cả kinh thành, làm vỡ nát trái tim của biết bao nhiêu chàng trai hào hoa, phong nhã.

Nhân duyên chứng ngộ

Hôm kia, quét dọn giảng đường, thấp sáng những ngọn đèn dây đỏ; ánh lửa đỏ làm nàng chú tâm, nhìn ngắm rất lâu. Lấy ánh lửa của ngọn đèn làm đèn mục, tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā nắm bắt được “tướng lửa”, trú tâm miên mật vào tướng lửa rồi đạt an chỉ định ngay tại chỗ.

Vào trình bày thiền chứng với ni trưởng Gotamī để được hướng dẫn thêm về thiền quán vipassanā, tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā rút vào một nơi vắng lặng để tu tập, khởi tâm quyết đạt cho bằng được tuệ giải thoát tối hậu.

Tuy nhiên, khi quán ngũ uẩn, những hình ảnh khả ái, khả ý của “sắc đẹp” cứ hiện ra, quấy nhiễu tâm trí cô, làm cho cô khó nắm bắt tướng vô thường, vô ngã của nó. Cô đâu có biết rằng, lời nguyện thốt trước, do muốn sanh nhiều con, do muốn có sắc đẹp như hoa sen nên các dục ấy cứ hiện lên quấy rối, trở thành một trở ngại, một bức tường chặn bít làm cho cô không thể nào quán như thực tướng được! Những hình ảnh ấy, chúng như được tàng trữ, giấu kín trong vô thức, trong mù sương của ký ức, lâu lâu lại hiện ra. Sau nhờ nghe một câu chuyện thương tâm, không chỉ đơn thuần là thương tâm mà phải nói là đáng kinh sợ, đáng kinh hãi “sự lỗi lầm của các dục” nên cô đã ly thoát được chúng.

Chuyện ấy là như sau:

Hôm kia, cả tăng và ni viện bàn tán xôn xao về chuyện hai mẹ con cùng lấy một chồng, với những tình tiết rất éo le và hy hữu. Câu chuyện lâm li, bi thống ấy tràn qua cửa tai của mọi người.

Tại kinh thành này có hai vợ chồng thương buôn trẻ vừa lập gia thất. Không bao lâu thì người chồng cùng bạn bè đi một chuyến hàng xa. Họ phải lên các quốc độ sa mạc

phương bắc xa xôi cùng với đoàn ngựa thồ, mang hàng về tận Rājagaha để bán; chuyến đi có thể mất gần cả năm trường.

Người mẹ thấy con trai vắng nhà mà cô con dâu bụng càng ngày càng lớn, sinh nghi, bà vặn hỏi. Cô con gái cứ tình thật trả lời là nàng chưa hề chung chạ với người đàn ông nào cả. Đứa con trong bụng này chính là cháu nội của bà chứ không phải ai khác.

Người mẹ không tin, ngày nào cũng cất vấn khó dễ, bắt khai ra tác giả cái thai bào, nếu không, sẽ bị đuổi ra khỏi nhà. Cô gái tủi thân, thu vén ít tiền bạc làm lộ phí, cương quyết đi tìm chồng. Với bụng mang dạ chửa, lần hồi cũng đến được Māgadha, kinh thành Rājagaha. Phố phường nhộn nhịp, lạ nước lạ cái, đất rộng người đông, biết chồng ở đâu mà tìm?

Ngày kia, nàng nghe chuyện dạ. May mắn thay, có một phước xá bên đường và có mấy người đàn bà thấy tội nghiệp đã tận tình giúp đỡ nên nàng sanh hạ được một bé trai bụ bẫm, dung sắc như vàng ròng. Từ đó, nàng thu vén một góc phước xá, ở luôn đấy để nuôi con. Sở dĩ có được duyên may như vậy là vì đức vua Bimbisāra cho lập trong kinh thành và rải rác khắp các con đường lớn những phước xá như vậy cho khách lữ hành dừng chân, đồng thời, mỗi tháng hai kỳ, chẩn tế cho người nghèo khổ. Nàng và đứa bé tạm thời sinh sống qua ngày nhờ ân huệ nọ.

Hôm ấy, nghe có một đoàn thương buôn đi ngang, nàng lấy áo khăn quấn đứa bé kỹ càng, đặt trên cái bệ thấp rồi chạy đi thăm hỏi tin tức chồng.

Nàng vừa đi khuất thì có một doanh gia cất bước nhàn du, ngang phước xá, nghe tiếng trẻ khóc, vào xem. Thấy một đứa bé đẹp đẽ, xinh xắn được quấn trong khăn áo của người nghèo khổ, tưởng là bị bỏ rơi, xúc cảnh, sinh tình nên mang về nhà nuôi dưỡng tử tế.

Người mẹ vừa thất vọng không hỏi được tin tức chồng, trở về phước xá thì thấy mất con, khóc lóc thảm thiết. Hỏi xung quanh xóm phường cũng không ai biết mà trả lời. Buồn khổ, mắt hờn, mắt vía, nàng đi lang thang không định hướng. Bước chân xiêu lạc, thất thểu đưa nàng ra phía ngoại ô. Một thủ lĩnh tướng cướp còn trẻ cùng bảy bọn đang chuẩn bị đi ăn hàng đêm đang tụ họp nơi góc núi. Thấy một cô gái trẻ đẹp đi lang thang, hỏi chi cũng không ừ, không hử; đôi mắt thất thần nhưng không giấu được sắc đẹp trời cho. Động lòng, hắn dẫn nàng về sơn cốc, bảo người cho ăn uống, tắm rửa và thay đổi xiêm y... thì lạ lùng làm sao, cô ta liền hiện nguyên hình với một sắc đẹp chim sa cá lặn. Thời gian khá lâu, nàng mới lấy lại được trí nhớ, mới rõ mình đang ở đâu. Biết mình không còn chỗ dung thân, lại thấy tên thủ lĩnh tướng cướp cũng hết lòng hết dạ yêu thương mình, nàng đành thuận lấy hắn làm chồng.

Năm sau, nàng sinh cho tên tướng cướp một bé gái đẹp đẽ như ngọc nữ.

Càng lớn thì cô bé càng đẹp, một vẻ đẹp sắc sảo, rực rỡ hơn cả mẹ. Đến một ngày nọ, trong cuộc cãi vã, xô xát với chồng, lỡ tay, nàng đẩy con gái ra xa, té ngã ngửa và đầu nó đụng vào một vật nhọn, xé rách một đường, máu chảy đầm cả tóc. Hốt hoảng, nàng chạy tới xem xét vết thương phía sau đầu, tức khắc nhai một nắm lá để ngăn máu chảy. Tên tướng cướp giờ thương con hơn vợ, gương mặt hằm hằm, cầm cây đao trên tay, rượt đuổi dọa giết! Sợ hãi, nàng trốn khỏi sơn trại, không dám về nhà nên lại đi lang thang, léch thếch thêm một lần nữa.

Trở lại kinh thành Rājagaha, may thay nàng gặp được một người đàn bà nhà giàu tốt bụng, nhận làm con nuôi và cho trông coi một cửa hàng tơ lụa. Chỉ một thời gian sau, nhờ ăn sung mặc sướng, cô ta như trở lại với sắc đẹp thuở

còn là con gái; không ai có thể tưởng tượng được rằng nàng đã có hai mặt con với quá khứ phong trần, trôi nổi.

Sáu bảy năm sau nữa, khi nàng tưởng đời mình đã sóng yên bể lặng thì có một chàng công tử tìm đến để mua tơ lụa. Có lẽ quá giàu sang nên vị công tử này cứ mỗi ngày một sắc áo, đều là lụa là thượng hạng xứ Kāsi! Đôi mắt của vị công tử cứ dính chặt vào nàng không chịu rời. Sau đó, trăm phương nghìn cách, quyết hỏi nàng làm vợ cho bằng được. Bà mẹ nuôi thấy vậy lại nói vào, tìm cách gấn kết tơ duyên cho hai người! Cầm lòng không đậu, thế là lần thứ ba, nàng lại lên kiệu về nhà chồng!

Hóa ra vị công tử là con trai một đại doanh gia, vợ con, thế thiếp cả hàng chục người, tôi trai tứ gái cả hàng trăm. Cậu ta chỉ thích của ngon, vật lạ nên chỉ thời gian sau là chán nàng rồi cưới thêm một cô gái khác nữa! Cô gái này rất đẹp, rục rỡ như hoa anh đào, nhưng chỉ qua mấy tháng, chàng ta lại tỏ ra ơ thờ, lạt lẽo!

Hôm kia, thấy dung sắc cô gái phờ phạc, đầu bù tóc rối, động lòng, nàng tới an ủi, nhân tiện, lấy lược chải tóc, làm đẹp lại cái đầu tóc cho cô gái. Lúc kéo mảng tóc ra, gỡ rối, nàng thấy vết sẹo nằm ở vị trí vết thương thuở xưa của con gái nàng! Xúc động tâm can, bà nghĩ: “Không thể nào! Không thể có sự trùng hợp ngẫu nhiên như vậy được! Cô bé này chính thị là con gái của ta rồi!” Thẩn thờ, bỏ lược xuống, nhìn cô gái cho kỹ, những đường nét quen thuộc thuở xưa hiện về! Như sét đánh ngang đầu, như điên, như cuồng, bà bỏ chạy... không thấy đường sá, không thấy bụi bờ, gai góc, chỉ có nỗi đau, chỉ có nỗi đau âm ỉ như lửa đốt trong lòng, rồi ngã ra, ngất xỉu...

Trong mơ màng, bà nghe thoảng tiếng nói:

- Thôi, hãy tỉnh dậy đi! Hỡi người nữ đau khổ!

Thấy mình đang nằm ở nơi một chõng tre và xung quanh có rất nhiều vị tỳ-khưu-ni với khuôn mặt hiền từ, phúc hậu;

bà có cảm giác lạ lùng như đang ở bên cạnh những người thân, như về bên ngôi nhà của mẹ.

Bà khóc nức nở:

- Hãy cho tôi được chết thôi! Tôi đã phạm một tội tày đình. Ôi! Oan nghiệt! Oan nghiệt! Hai mẹ con mà cùng lấy một chồng!

- Chưa đâu! Giọng một vị ni lạnh lùng cất lên - Chừng ấy chưa oan nghiệt đâu, còn có một cái oan nghiệt khác kinh khiếp hơn nữa kia!

Nàng bật ngồi dậy. Vị đang nói chuyện với bà là một tỳ-khuru-ni rất đẹp.

- Có cái gì oan nghiệt hơn thế nữa, thưa ni sư?

Vị ấy mỉm cười:

- Nếu tôi nói ra thì bà phải tức khắc lựa chọn hai con đường: Một là xuất gia, hai là tự tử! Bà có đồng ý như thế thì tôi mới nói.

- Vâng! Đồng ý!

- Hai mẹ con cùng lấy một chồng, nhưng ông chồng ấy chính là con trai của người mẹ! Nói cách khác, cô gái kia lại cùng mẹ lấy anh trai của mình! Nói cách khác nữa, cậu con trai lại lấy mẹ và em gái của mình làm vợ! Thật là kinh khiếp! Thật là vô luân! Thật là bậy bạ hết sức! Thật là không thể tưởng tượng nổi!

Nghe xong, bà lại ngất xỉu lần nữa.

Người tiết lộ chuyện ấy là tỳ-khuru-ni Khemā, sau đó, vị nữ sa-môn đọc tiếp mấy một kệ:

“- Cuộc đời đầy thống khổ

Oan nghiệt thay các dục

Dơ bẩn thay các dục

Xấu xa thay các dục

Vô luân thay các dục

Vậy sao không từ bỏ

Đoạn lìa ái trầm luân

Quay đầu là thấy bên
Xoa tay sạch nợ trần!”

Do tỳ-khuru-ni Khemā sử dụng thần thông khi đọc bài kệ nên người đàn bà nghe rõ mồn một bên tai.

Sau đó, khi thấy bà đã bình tĩnh trở lại, tỳ-khuru Khemā kể chuyện quá khứ cho bà nghe, là trước đây bà đã từng dính mắc vào các dục như thế nào, và cũng đã từng tu tập trong nhiều kiếp như thế nào... Vậy đừng oán trách những oan nghiệt kia nữa. Ai trong vòng trầm luân sinh tử cũng mù quáng như vậy cả! Hãy tỉnh giấc mộng dài đi thôi!

Bà ngồi dậy với nước mắt lã chã, tỉnh táo nói:

- Tôi hiểu rồi! Tôi thấy rồi! Hãy cho tôi được xuất gia như các vị để cắt đứt vòng trầm luân thống khổ và oan nghiệt ấy!

Vậy là Ni viện tại Rājagaha, từ đó lại có thêm một tỳ-khuru-ni, được xem như là người đau khổ đệ nhất, gặp được giáo pháp như một chiếc phao cứu độ.

Tỳ-khuru-ni Uppalavaṇṇā đã trình bày lại đức Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Nghe xong câu chuyện của người đàn bà ấy, đệ tử dựng tóc gáy, thấy sợ hãi các dục, kinh sợ các dục, nhòem góm các dục, nội tâm thoảng chốc tự xa lìa mọi trần cấu, nhiễm ô, thấy rõ tam tướng; sau đó không cố gắng nhiều lắm, chứng ngộ vô sanh và viên mãn luôn các thắng trí.

Lại nhìn tỳ-khuru-ni Khemā ở bên cạnh, cô nói tiếp:

- Đệ tử lại còn biết nữa rằng, vào thời đức Phật Kassapa, vị sư tử này của đệ tử chính là trưởng công chúa, tên là Samanī, con đức vua Kikī nước Kāsi thuở xưa; đệ tử là công chúa thứ hai, tên là Samaṇagutta... Và đệ tử còn biết nhiều chuyện về các công chúa khác nữa...

Ôi! Hóa ra, chúng đệ tử đều từ duyên xưa lồi cũ mà trở về sau bao nhiêu kiếp trầm luân, lưu lạc.

Lúc ấy, tôn giả Ānanda lắng lắng nghĩ thâm trong tâm rằng: “Bảy nàng công chúa này, thế là bốn vị đã xuất đầu lộ diện rồi! Sẽ còn ba vị nữa! Ôi! Dòng trầm luân sinh tử này thật là lạ lùng, nhân và duyên cũng thật là khéo léo, kỳ diệu vậy thay!”

Cảm Hóa Cô Dâu Hư!

Trở lại Kỳ Viên, liên tiếp mấy ngày hôm sau thì đức vua Pāsenadi và hoàng hậu Mallikā viếng thăm, nghe pháp, đặt bát cúng dường đức Phật và tăng chúng. Trưởng giả Cấp Cô Độc cũng không chịu thua đức vua, đặt bát cúng dường nhiều ngày hơn thế nữa.

Nhưng đức Phật biết, vị đại thí chủ này đang có nhiều chuyện buồn về gia đình, nên ngài hỏi:

- Tâm ông có vẻ có nhiều bất an, phải thế không, Sudatta (Tu Đạt, Cấp Cô Độc)?

Trưởng giả cất giọng rầu rĩ:

- Chỉ khi được làm phước, tâm đệ tử mới thư thái và mát mẻ. Chỉ khi nghe tin em trai của đệ tử, tỳ-khưu Subhūti tu hành rất tốt, đệ tử mới vui tươi và hoan hỷ!

- Ủ, Subhūti (Tu-bồ-đề) thì cả trí và hạnh đều viên mãn. Con trai của Như Lai thường trú tuệ không (trí bát-nhã) hay trú tâm từ (hạnh phương tiện) nên chư thiên thường ca tụng, tán thán rải hoa trời cúng dường... Vậy, ông còn mong gì nữa, hử Sudatta?

- Thưa, chẳng mong cầu gì nữa! Vợ con, ba đứa con gái đều hiền thiện, tốt lành... Nhưng chỉ đáng tiếc là cậu con

traí, cô dâu, người làm công thì chưa xu hướng chánh pháp nên đệ tử rất buồn...

Thế là hôm kia, không báo trước, đức Phật ghé tư gia ông Cấp Cô Độc; và những pháp thoại của ngài đã làm cho cả nhà phát sanh đức tin trong sạch. Phu nhân của ông, bà Punnalakkhanā một đời hiền lương, chất phát, từ hòa. Cô con gái lớn là Mahā Subhadda, cô con gái thứ hai là Cūla Subhadda có tâm đạo nhiệt thành, đã đắc quả Tu-đà-hoàn; riêng cô con gái út lại đắc quả Tư-đà-hàm. Cậu con trai duy nhất của ông là Kāla thì lại ham chơi, ngỗ nghịch không bao giờ chịu nghe pháp... nhưng cuối cùng cũng bước được vào dòng thánh. Rồi toàn thể kẻ ăn người ở trong nhà cũng thấm nhuần giáo pháp, họ biết thọ trì ngũ giới và có người thọ bát quan trai giới...

Riêng cô con dâu, nàng Sujātā thì ông trưởng giả thừa rằg:

- Nó vốn là con nhà giàu có, được nuông chiều từ thuở nhỏ, lớn lên trong nhung lụa nên không biết gì về nhân tình thế thái, cách sống, cách đối xử với mọi người xung quanh. Đến nỗi nó cũng không nghe lời khuyên dạy của cha mẹ chồng, đôi khi lại hỗn hào tiếng một, tiếng hai. Chồng nó, nó cũng coi không ra gì. Nó cũng không biết tôn trọng, kính trọng, lễ bái đức Thế Tôn. Lúc nào đức Thế Tôn và tăng chúng đến nhà là nó trốn biệt ở trong phòng, khóa cửa lại!

Đức Phật mỉm cười, rải tâm từ đến cho cô rồi bảo người nhà gọi cô xuống. Cũng do năng lực tâm từ của đức Phật mà cô đã dịu dàng bước xuống, đánh lễ ngài rất phải phép.

- Này Sujātā! Như Lai nghe rằng, trên thế gian có bảy hạng vợ, con có muốn nghe chằg?

- Dạ, con muốn nghe!

- Thứ nhất, người không có tâm bi mẫn, suốt đời không biết xót thương ai cả, súc vật, gia cầm sống quanh mình lại càng không! Người này không bao giờ có thái độ, cử chỉ,

ngôn ngữ nhã nhặn, ôn hòa. Người này không biết chăm sóc chồng, lo cho chồng. Người này dễ bị khêu gợi, bị lôi cuốn bởi ngoại cảnh; dễ bị kích thích làm chuyện trác nết, hư hèn có khuynh hướng phá rối, quấy rầy chồng và mọi người trong gia đình chồng.

Thế gian gọi hạng vợ này là: Người vợ quấy rối! Con có phải là hạng vợ ấy không, này Sujātā?

- Bạch đức Thế Tôn! Con dẫu là con gái hư nhưng cũng chưa đến nỗi thuộc hạng ấy!

- Ủ, tốt! Đức Phật gật đầu rồi tiếp - Thứ hai, người hay phung phí của cải, tiền bạc của chồng và nhà chồng. Tất cả tài sản, gia sản có được do khối óc, bàn tay, mồ hôi, nước mắt của chồng tạo nên bằng nông nghiệp, thương mại hay các công nghệ... lần hồi, hạng vợ này vung tay phá tán hết sạch.

Thế gian gọi hạng vợ này là: Người vợ như quân trộm cắp! Con có phải là hạng vợ ấy không, này Sujātā!

- Con dẫu có tiêu pha chút ít, nhưng tiền bạc là của con. Con không thể là kẻ trộm cắp ấy được, thưa đức Tôn Sư!

- Ủ, tốt! Như Lai biết là con nói đúng. Bây giờ, qua hạng thứ ba. Đây là mẫu người làm biếng, tham ăn, cả ngày không làm gì cả; chỉ ưa ngồi lê chuyện gẫu, tán phào, la lối, gắt gỏng kẻ ăn người ở; còn sai khiến chồng làm chuyện này chuyện kia cho mình nữa.

Thế gian gọi hạng vợ này là: Người vợ mà như bà chủ! Con có phải là hạng vợ ấy không, này Sujātā?

- Dạ thưa không, con cũng chưa đến nỗi tệ mạt như thế đâu!

Đức Phật lại mỉm cười từ hoà:

- Con chỉ chút chút như thế thôi, không đến nỗi nào phải không con?

Cô Sujātā đỏ mặt, đáp lí nhí “Dạ...”

Đức Phật tiếp:

- Thứ tư, là loại người hiền lương, giàu lòng từ mẫn; chăm sóc chồng như bà mẹ hiền chăm sóc đứa con duy nhất. Lại còn thận trọng giữ gìn của cải, tài sản mà chồng tạo nên; trông nom và để ý từng ly, từng tí mọi chuyện trong gia đình chồng.

Thế gian gọi hạng vợ này là: Người vợ mà như bà mẹ!
Con có phải là hạng vợ ấy không, này Sujātā?

- Thưa, con không dám được như thế!

- Thứ năm, người kính trọng, nể nang chồng; lúc nào cũng khiêm nhu, từ tốn, ôn hoà, hết lòng chăm sóc cho chồng như em gái đối với anh ruột của mình vậy.

Thế gian gọi hạng vợ này là: Người vợ mà như em gái!
Con có phải là hạng vợ ấy không, này Sujātā?

- Thưa, con cũng không dám được như thế!

- Thứ sáu - đức Phật tiếp - Người đối với chồng luôn luôn vui vẻ, hoan hỷ trên sắc mặt như gặp lại người bạn rất thân xa cách lâu ngày. Luôn đối xử với chồng bằng tình cảm cao quý và chân thực.

Đây là hạng vợ mà như một người bạn! Con có được thế không, này Sujātā?

- Thưa, con không được như vậy!

- Thứ bảy, người luôn luôn vâng lời chồng, ngoan ngoãn, dễ dạy. Người mà cho dầu bị chồng hăm dọa, hình phạt hoặc làm cái gì đó tổn hại đến mình vẫn trầm tĩnh chịu đựng mà không nổi giận, không có ác ý, không nuôi dưỡng tâm cố chấp.

Hãy gọi người ấy là hạng vợ mà như người tớ gái! Và con cũng không làm được như thế?

- Thưa vâng!

- Vậy trong bảy hạng vợ ấy, theo con, hạng vợ nào là tốt, hạng vợ nào là xấu?

- Thưa, vợ khuấy rối, vợ trộm cắp, vợ bà chủ thì xấu rồi, hồng rồi! Còn vợ mà như bà mẹ, như em gái, như bạn, như người tứ gái đều tốt cả!

- Ủ, đều tốt! Đức Phật gặt đầu rồi nhấn mạnh - nhưng hạng nào là tốt nhất?

- Như tứ gái là tốt nhất, bạch đức Tôn Sư!

- Tại sao?

Nàng Sujātā chợt nêu “chánh kiến” của mình:

- Có thể thế gian nghĩ rằng, vợ mà như người tứ gái là không tốt! Tại sao? Vì vợ mà như vậy thì lệ thuộc chồng, nô lệ chồng!

Còn nữa, nếu gặp phải người chồng độc ác, xấu xa mà cũng luôn luôn ngoan ngoãn nghe theo chồng, vâng lời dạy bảo của chồng hay sao? Phải biết nghĩ suy cái gì nên nghe theo và cái gì không nên nghe theo chứ? Cái gì cũng vâng vâng, dạ dạ, cúi đầu tuân phục, có nghĩa là dẹp bỏ luôn mọi cá tính, tư cách, tiếng nói trong cộng đồng gia đình mà mình còn có bổn phận và trách nhiệm của một người mẹ trong tương lai nữa!

- Chính xác! Đức Phật khen ngợi - Thế nhưng, tại sao, con xem vợ như người tứ gái là tốt nhất?

- Bạch đức Thế Tôn! Vì con sống trong một gia đình mà ai cũng tốt cũng lành cả, con cảm thấy con là kẻ tệ hại nhất! Tuy nhiên, như sống gần ánh sáng thì lần hồi tâm trí của con cũng được phát quang theo chứ!

Như giáo pháp mà đức Thế Tôn và chư vị trưởng lão thường giảng nói trong ngôi nhà này, như bố thí, cúng dường, năm giới, tám giới; đôi khi là tâm từ ái, tâm bi mẫn, nhẫn nại, không có ác tâm hại người hại vật, không có nóng nảy, đừng có chấp thủ... gì gì đó dẫu không muốn nghe, nhưng những lời vàng ngọc ấy vẫn cứ lọt vào tai, len sâu vào tâm trí của con.

Lại nữa, vẻ đẹp đạo đức, thiên mỹ trong ngôi nhà này đã được thiết lập, phát sáng... thì tại sao con lại không vâng vâng dạ dạ cúi đầu tuân phục?

Và nếu sống được như thế thì con tu tập được đức tính dễ dạy, nhẫn nại, vô hận, vô sân ... nghĩa là phát triển tâm từ, tâm bi không tốt hơn sao? Vậy nên, con vẫn xác định vợ mà như người tứ gái là tốt nhất, đối với trường hợp của con!

Lời phát biểu của cô gái được xem là hư xấu làm cho cả nhà đôi mắt phải mở to, kinh ngạc! Riêng ông trưởng giả Cấp Cô Độc có cảm giác như không còn tin vào đôi tai của mình nữa!

Chợt nhiên, nàng Sujātā quỳ sụp xuống:

- Xin đức Thế Tôn chứng giám cho con! Từ rày về sau, con sẽ thuộc hạng vợ như người tứ gái để phục vụ chồng và gia đình chồng!

Thế rồi, cả toàn thể đại gia đình ông bà trưởng giả cũng phủ phục bên chân đức Đạo Sư:

- Chúng con thật không dám tán thán, ca ngợi ân đức giáo hóa sâu dày của đức Tôn Sư nữa. Phải nói là cả cái kiến, con sâu, cọng cỏ, hạt bụi trong ngôi nhà này cũng phát tâm hoan hỷ.

Bạc Chiến Thắng Bất Diệt, Bạn Của Ta Giờ Ở Đâu?

Sớm hôm ấy, tại Kỳ Viên tịnh xá, chư tăng ai cũng lấy làm ngạc nhiên, tò mò khi thấy một trung niên thợ săn, hình dong cao lớn, râu ria xồm xoàm, bước ào vào cổng, cất giọng ồm ồm, hỏi vị này, vị kia, cũng chỉ một câu hỏi:

“- Bạc chiến thắng bất diệt, bạn của ta, giờ ở đâu?”

Hay tin, đức Phật mỉm cười, bảo tỳ-khuru thị giả:

- Hãy bảo người ấy vào gặp Như Lai!

Và sau khi, người thợ săn ấy vào gặp đức Phật, không biết ngài đã giáo giới như thế nào mà buổi chiều, đức Phật bảo tôn giả Sāriputta sắm sữa y bát, và tôn giả Mahā Kassapa chủ trì cho ông ta thọ đại giới.

Câu chuyện lạ lùng ấy làm cho chư tăng bàn tán suốt mấy hôm. Đức Phật phải đích thân kể chuyện lại một cách vắn tắt là:

- Sau khi thành đạo dưới cội bồ-đề, trên đường về Vườn Nai gióng trống pháp, Như Lai gặp một vị đạo sĩ trên đường ngược chiều, ông ta chính là Upaka thuộc phái Ājivakā. Thuở ấy, Như Lai đã gieo một hạt giống, và hạt giống ấy hôm nay đã nảy mầm, tăng trưởng nên ông ta đã tìm đến đây xin xuất gia sống đời phạm hạnh. Rồi ông ta sẽ đắc được

quả Bất Lai, và bà vợ của ông ta, sau này sẽ đặc quả A-la-hán đấy!

Các vị đa văn, các vị kết tập sư, sau này đã cố gắng tìm hiểu câu chuyện, sắp đặt lại bố cục, tình tiết rồi họ thuật lại như sau:

- Upaka là một nhà tu khổ hạnh trẻ tuổi, đẹp trai; vì ở lâu trong rừng núi nên người ta gọi chàng là “ân sĩ thanh tịnh!”; lại nữa, chàng có đôi mắt đen rất đẹp nên người ta cũng gọi chàng là “đạo-sĩ-mắt-đen!”

Thuở nhỏ, Upaka đã lìa bỏ gia đình, xin xuất gia theo giáo phái Ājivakā, từ đó, rừng núi là nơi chàng chọn lựa để tu tập thiền định. Ngày ngày, Upaka đi khát thực đâu đó rồi trở lại ngôi rừng thân yêu của mình, nhưng tâm chàng cứ như vượn hoang, như khỉ núi chẳng an trụ được. Nhưng mọi người thấy dung mạo, cử chỉ, thái độ và hạnh độc cư thanh tịnh của Upaka nên cứ đồn đãi chàng là một vị A-la-hán.

Ven khu rừng có một xóm làng nhỏ, ít người nhưng đời sống khá sung túc nhờ ruộng rẫy, gỗ quý và cả nghề săn bắn. Ở đây, ai cũng tín mộ, thương quý chàng. Đặc biệt, có một gia đình trù mọt, thương quý chàng. Đặc biệt, có một gia đình trù mọt săn hào phú kia thường trực đặt bát cho đạo sĩ mắt đen.

Hôm nọ, sau cuộc vân du trở về, trên đường ngược chiều, Upaka trông thấy một người, một sa-môn trung niên (đức Phật). Chàng đứng sững lại...

Sa-môn kia không cao lớn thái quá, chẳng phải gầy, chẳng phải mập mà đầy đặn. Y áo chẳng phải cũ, chẳng phải mới mà thanh sáng và hài hòa. Tất cả nơi ông sa-môn đều toát ra cái chừng mực, vừa phải nhưng đẹp, uy nghi và gọi cảm một cách lạ lùng.

Upaka bước tới rồi bước lui, nhìn ngắm mê mải. Có một thứ ánh sáng sáu màu, khi đậm, khi nhạt, khi lan rộng như hòa lẫn giữa hư không; lúc thì thu nhỏ lại, rục rờ, tỏa hắt ra,

lung linh, chập chờn rồi yên lặng, phẳng lặng như mặt nước hồ thu không gợn sóng.

Đến gần hơn tí nữa thì Upaka hoàn toàn bị nhiếp phục bởi sự trầm tĩnh, ổn định, an lạc toát ra từ đôi mắt, từ bước đi... Có một sự khôn ngoan vượt ngoài thế giới, sự minh triết rạng ngời, một trí tuệ siêu đẳng ở ẩn đâu đó, không chỉ nơi vùng trán bát ngát thông minh, mà còn ở nơi cả từng sợi tóc, lông mi, từng ngón tay, móng tay và cả ngón chân nữa!

Upaka tự nghĩ: “Đấng này, vị sa-môn này, chắc chắn không phải là người, là phạm thiên chăng?”

Sau đó, Upaka cất tiếng chào, mở lời thân thiện, tán thán rằng:

- Ôi! Con người của bạn nó tỏa ra sự an ổn và thanh tịnh làm sao! Rồi còn nước da nữa, sao mà trông như mạ vàng ròng, chắc sức khỏe của bạn dồi dào lắm! Thế thì bạn tên chi? Xuất gia với ai? Bạn tin tưởng vào giáo pháp nào?

Đức Phật, sau đó, cũng hỷ xả cho Upaka biết rằng:

- Như Lai là bậc đã vô nhiễm giữa trần cảnh, đã đoạn tận ác pháp, đã tịch tĩnh, vô dục, đã bước ra khỏi mọi chấp kiến bản thân và thế gian điên đảo kiến. Như Lai đã chiến thắng tam giới, chứng quả Vô Thượng Giác thì Như Lai đâu còn cần xuất gia với ai nữa? Giữa chúng chư thiên, ma vương, phạm thiên thì Như Lai đứng một mình và là thầy của họ.

Nay Như Lai đang đi về Bārāṇasī, tại Vườn Nai để quay bánh xe pháp, gióng tiếng trống bát tử cho chúng sanh tỉnh giấc mộng dài...

Upaka bèn nói:

- Mong rằng sự thật đúng như bạn nói. Bạn thật xứng đáng được gọi là bậc Chiến Thắng Bất Diệt!

Đức Phật đáp:

- Nay Upaka! Kẻ giải thoát ra khỏi mọi trói buộc trần gian xứng đáng được gọi như vậy. Kẻ mà ma quân, phiền não không còn tìm thấy dấu vết, xứng đáng được gọi như

vậy. Các đức Như Lai, Chánh Đẳng Giác thường được danh xưng là Tối Thượng Tôn, Vô Năng Thắng, là bậc Chiến Thắng Bất Tử, Chiến Thắng Vô Tận, Vô Hạn Định!

Upaka gật đầu lia lịa:

- Thật đúng như vậy! Thôi, này bạn của ta, chào bạn và chúc bạn sức khỏe!

Sau khi đối thoại với đức Đạo Sư, tán thán đức Đạo sư, gật đầu lia lịa, chào “bạn của ta”, Upaka không dừng chân ở giáo pháp này, chàng bỏ đi. Bằng đường tắt, Upaka trở lại lều cỏ, nơi khu rừng Vakahara thân yêu của mình. Lại khát thực, lại thiền định, lại tâm viên ý mã, lại đi về thanh tịnh, trang nghiêm; lại được mọi người kính mộ coi chàng như là một bậc A-la-hán.

Gia đình ông trùm thợ săn kia có cô con gái đào tơ, sen ngó; nàng là pho tượng, là tác phẩm tuyệt mỹ của thợ trời, thợ nghiệp. Nàng đẹp đến nỗi, ông thợ săn không dám cho con gái đi đâu, sợ làm phiền hà, rầy rà các chàng trai trẻ trong vùng! Nàng tên là Cāpā.

Hôm kia, vì cả nhà đi vắng, nên Cāpā phải ra đặt bát cho chàng “đạo-sĩ-mắt-đen”. Thế là Upaka chết lặng, sững sờ, tiếng sét ái tình đột ngột như đập vỡ trái tim chàng. Căn nhà khép cửa đã lâu mà chàng như còn mãi chôn chân một chỗ, không rời chân đi được.

Cuối cùng, Upaka như người mất hồn, lững thững lê bước về ngôi lều cỏ, tâm thần choáng váng như vừa uống một tách rượu say. Upaka không ăn, không uống gì được. Chàng ngồi trọn bảy ngày như thế, bình bát chưa hề mở ra.

Trong sâu xa mơ hồ, Upaka thấy rõ tâm tư và quyết chí của mình: “Một là ngồi chết khô, hai là phải lấy được cô con gái kia làm vợ!”

Sau thời gian đi công việc trở về, ông trùm thợ săn chợt hỏi cô con gái rượu:

- Này con thân! Bạc A-la-hán của chúng ta vẫn đều đặn đến đây khát thực đó chứ!

- Thừa cha! Một lần thôi.

- Sao kỳ vậy chứ? Ngài có đi vân du ở đâu không?

- Các bậc A-la-hán thường nhập định bảy ngày, chắc ngài “đạo-sĩ-mắt-đen” của chúng ta là như thế chẳng?

Ông trùm thợ săn cảm giác có cái gì đó không ổn, hồi hả đi vào rừng. Đến cửa lều, nhìn qua nệm cỏ, thấy một cái xác vô hồn đang ôm bình bát trong lòng, đôi mắt lơ đãng, mê dại...

- Ối! Ông thợ săn hốt hải la to - Ngài bị bệnh gì? Hay là ma nhập? Ối! Quỷ ma gì đây trời đất ơi!

Upaka tỉnh lại, nhận ra người thợ săn, mệt mỏi, xiêu ngã đứng dậy, bình bát rơi đổ tung tóe những thức ăn đã mốc meo. Rồi bất ngờ nhất, Upaka ôm chầm lấy người thợ săn khóc nức nở...

Người thợ săn hoảng hồn, hoảng vía, gỡ ra không được, hỏi dồn dập:

- Sao vậy? Sao kỳ lạ vậy ngài? Bệnh gì đây? Ma quỷ gì đây hở trời?

- Ông ơi! Tôi chết mất thôi! Upaka mở miệng, tiếng được tiếng mất, sau đó nói một hơi - Con gái ông đã lấy hồn tôi, đã làm cho tôi bị bệnh. Cái bệnh này còn vạn lần đau khổ hơn cái bệnh thân xác. Ông hãy cứu tôi! Tôi không phải là bậc A-la-hán đâu. Tôi chỉ là kẻ tâm thường. Tôi đi tu là vì yêu thích hình bóng của các ông đạo sĩ. Nay thì tôi yêu thương con gái của ông hơn. Con gái ông đã chiến thắng tôi, là bậc “chiến thắng bắt diết”! Ông ơi! Ông hãy giải thoát cho tôi khỏi mối tương tư. Một là tôi chết khô, hai là ông cho tôi người con gái. Nàng là một thiên thần, là người trên đầu trên cổ tôi, là thượng đế của tôi! Ông ơi! Ông hãy cứu tôi!

Nói như vậy là hết kinh điên, hết chữ nghĩa, hết tín ngưỡng, hết thiêng liêng, thần thánh...

Ông thợ săn bối rối, ngỡ ngàng trước sự việc như thế. Hồi lâu, nghĩ cũng cảm cảnh thương tình, ông ân cần, dịu dàng nói:

- Thôi được rồi! Để tôi giải thoát mối đau khổ cho ngài. Thời tuổi trẻ tôi cũng đã từng biết yêu thương nên tôi hiểu.

Nhìn bậc tu hành từ dung sắc chói sáng, tuyệt mỹ mà phút chốc trở nên xanh xao, tiều tụy, ông thợ săn thương cảm xiết bao. Nhưng nghĩ cũng có điều thực tế nan giải, ông bèn nói:

- Mà này ngài ạ! Khi cưới nhau rồi, chẳng thể “một mái nhà tranh, hai quả tim vàng mà được đâu!” Ôi! Người ta bảo rằng: “Hạnh phúc thường phải ăn ngon, mặc đẹp, bạn mà cho nó ăn rau, uống nước lã thì nó sẽ phui chân và bỏ đi ngay!” Ngài xuất gia từ nhỏ, ít quen được nắng mưa lam lũ, nghề chân nghề tay trệ vai, đổ mồ hôi, sôi nước mắt. Con gái tôi vì là con một nên tôi cũng chịu, tôi “nâng như nâng trứng, tôi hứng như hứng hoa”. Tuy không giàu hơn ai nhưng nó ưng gì được này. Nó quen mặc xiêm lụa kāsī, quen vòng hoa pāṭalim. Tóc tai nó, thân thể nó quen ướp hương haricandana tuyệt hảo; da thịt nó óng ánh ngọc ngà như nụ paduma mới nở. Vậy ngài định làm gì mà có thể nuôi nổi nó?

Upaka vừa thòng hai chân xuống cuộc đời, đã vấp phải sự thật như cục đá ngáng đường, im sững.

Ông thợ săn gục gặc đầu, nói tiếp:

- Đây! Ngài tính đi! Bụng làm dạ chịu. Tôi cũng thương ngài lắm, nhưng thực tế nó vậy, biết làm sao?

Sau một hồi suy nghĩ, Upaka nói:

- Ông đã thương thì thương cho trót. Thú thiệt, tôi chẳng biết một nghề gì. Nhưng những khi ông bắn rơi một con chim, bẫy được một con thú, tôi có thể “làm nghề” lượm chúng, mang xuống chợ bán để đổi gạo, đổi thức ăn cho cả... gia đình ta?

Cầm lòng không đậu, ông thợ săn tốt bụng gặt đầu, dẫn về nhà, cho y phục rồi đem đến trình diện cô con gái rượu:

- Này con gái thân! Bắt đầu từ nay, cha nuôi ‘bạc ản sĩ trong nhà’, con chịu chứ?

Nàng Cāpā đã đoán ra mọi sự, nhưng giả vờ ngỡ ngẩn hỏi:

- Bạc ản sĩ sao lại ản trong nhà có con gái?

- Không! Đây là bạc ản sĩ đã hết ản sĩ rồi!

- Sao kỳ vậy cha?

- Vì bây giờ ông ản tại gia, có nghĩa là muốn nhận cha làm nhạc gia!

Nàng Cāpā kêu ré lên, bỏ chạy. Ông thợ săn vui vẻ cất tiếng cười hào sảng. Upaka mặt đỏ bừng, cúi gằm xuống mà lòng thấy hạnh phúc vô cùng...

Cũng là duyên, cũng là nợ. Cũng là nợ, cũng là duyên. Cái quả của sự gặp gỡ, thương yêu nhau, tuy hơi hiếm muộn, đến hơn mười năm sau, họ mới có được một mụn con trai, xinh xắn, bụ bẫm.

Đến lúc này thì sắc đẹp, tính nết nàng không còn như thời con gái nữa. Upaka bây giờ mới thấy thấm thía rằng, cái hạnh phúc vợ chồng mà chàng ước ao, bên người con gái đẹp như tiên nga ấy, hóa ra cũng tầm thường thôi. Nó khác xa so với trí tưởng tượng của chàng. Hơn thế nữa, thực tế áo cơm nó nghiệt ngã quá. Chàng đã phải nay núi này, mai núi khác. Gió sương, mưa nắng, khuôn mặt chàng đã cứng queo, khô quắp, nước da đã chai sạn màu đồng hun, đâu còn là chàng đạo-sĩ-mắt-đen đẹp trai năm xưa nữa! Làm “nghề lượm thịt săn” không đủ sống, chàng phải phụ thêm đôn củi, đốt than cùng nhiều nghề chân tay khác đến đổ mồ hôi, sôi nước mắt!

Vất vả, gian lao quá, đôi khi chàng mơ màng nghĩ đến đời sống nhàn cư, thanh tịnh cũ. Tỉnh thoảng, chàng tưởng

nhớ đến hình bóng của người bạn gặp trên đường, bậc “Chiến Thắng Bắt Diệt” ấy!

Nàng Cāpā rất thương chồng, thấy vì vợ con mà chàng cơ khổ, lam lũ cũng cảm cảnh than dài. Nhưng, như chim đã liền cánh, bóng đã dính hình, âu nhân, âu duyên đành phải thê!

Một hôm con khóc, nàng vô tình hát rằng:

“- Ấu ơ... ru con, con ngủ cho ngoan
Cha con ẵm sỡ lợn thịt sẵn giữa rừng
Ấu ơ... ẵm sỡ rớt bát nửa chùng
Vì con, vì vợ còng lưng thàng ngày!”

Nghe được, Upaka tức giận nói:

- Này nàng Cāpā! Nàng nói ta “ẵm sỡ lợn thịt sẵn, ẵm sỡ rớt bát!” Nàng chế nhạo ta vừa vừa thôi chứ! Cục đá mà có tai, nó cũng chảy nước mắt vì câu nói của nàng đó! Ta không có cúi đầu, còng lưng mãi ở trong cái ngôi nhà này đâu! Ta biết ta là kẻ ăn đậu, ở nhờ, vô gia cư, vô nghề nghiệp. Ta biết thân, biết phận của mình lắm. Nói cho nàng biết, chẳng phải ta là kẻ tứ cố vô thân không nơi nương tựa đâu. Ta có một người bạn. Bạn của ta là “bậc Chiến Thắng Bắt Diệt!” Ta sẽ đến ở với bạn của ta!

Thấy chồng vì tự ái mà nổi giận, nàng Cāpā đầu dụi, phân trần:

- Em không có ý nghĩ như vậy đâu, chàng-mắt-đen của em! Sự thực, em thấy chàng suốt ngày cúi đầu và còng lưng lượm thịt sẵn một cách vất vả, một cách khôn khổ. Vì yêu chàng mà em hát cho con nó nghe đó thôi!

Upaka gằn giọng:

- Nàng có cách nói hai nghĩa, nghĩa đằng đầu và nghĩa đằng đuôi! “Cúi đầu và còng lưng!” Chà! Ta biết quá mà! “ẵm sỡ lợn thịt sẵn!” Chà! Lời mỉa mai hay nhỉ! Ta nói cho nàng biết, ta đã sa chân xuống đầm lầy khôn cùng và túi

nhục. Ta tỉnh ngộ rồi. Ta sẽ xuất gia trở lại. Ta sẽ đi theo bạn ta, nương tựa nơi bạn ta, bậc “Chiến Thắng Bất Diệt!”

- Chớ có tức giận em, chàng-mắt-đen của em! Có thể em đã đại dột, lỗ lòi, xin chàng thứ tội!

Upaka lồng lên:

- Ta không có thứ tội. Chí ta đã quyết. Ta sẽ rời khỏi ngôi làng này, ngôi nhà này, nơi ta đã bị trói buộc, bị quyến rũ bởi sắc đẹp ma quái của nàng. Ích gì cái kỷ niệm đau xót này!

Nàng Cāpā năn nỉ:

- Ôi! Chàng-mắt-đen của em! Hãy ở lại! Chớ có bỏ đi! Em không đại dột thế nữa đâu. Em sẽ hầu hạ chàng, phục tùng chàng, là nô lệ của chàng!

Upaka cười lạt:

- Không thể nữa đâu, này nàng Cāpā! Lời rủ rê của nàng có thể làm cho trăm vạn nam nhân phải bủn rủn, mê mết - nhưng ta thì không thể nữa đâu!

Nàng Cāpā xuống nước, mềm mỏng, gọi tình:

- Chàng-mắt-đen của em! Em đã đến nỗi nào! Em vẫn còn như cây takkārīm nở hoa trên đầu núi. Những vòng hoa patalim vẫn rục rở hương sắc hiến tặng chàng. Những chiếc xiêm lụa kāsī vẫn làm dịu mắt chàng. Tóc em, da thịt em vẫn còn ướp hương haricandana thơm lừng lụng!

Upaka chột cất giọng ráo hoảnh, chậm rãi:

- Bây giờ nàng lại định dùng mọi sắc đẹp để bủa giăng cánh chim trời đầy phông? Dầu nàng là dòng dõi thợ săn thiện xảo đến bảy đời, cánh chim kia cũng chỉ một lần sa lưới thôi!

Đến lượt nàng Cāpā tức giận:

- Chàng nói thế mà nghe được sao? Em bủa giăng hay tự chàng bước chân vào lưới?

Upaka nín lặng. Nàng Cāpā quắc mắt:

- Này! Còn đứa con thì tính sao đây?

- Là quyền của nàng!

- Thế giả dụ tôi đánh nó, tôi giết nó thì ông cũng không thèm cứu ư?

- Nó từ trong núm ruột của nàng mà rút ra, là máu huyết của nàng - thì nàng muốn làm gì đó thì làm!

Nàng Cāpā chột thở dài. Thế là hết rồi. Con hổ đã muốn trở lại rừng xưa. Chàng đã trở lại với cái tâm xuất ly thanh tịnh. Sắc đẹp ta, nụ cười ta, vòng tay ta và cả con cái nữa, đã bất lực trước chàng.

Nàng Cāpā buồn bã, cất giọng dịu dàng:

- Chàng-mắt-đen của em! Chàng đành đoạn bỏ đi, không thương xót em và con sao?

Trái tim của Upaka thoáng xao xuyến, đầu cố gắng trấn tĩnh nhưng giọng nói đã mềm đi:

- Ta cũng biết thế. Nhưng nàng hãy thông cảm cho ta. Ta phải tự cứu mình!

Nàng Cāpā đã hiểu, tự nghĩ:

“- Chẳng phải Upaka đã hóa thành gỗ đá. Chàng vẫn còn thương vợ, xót con nhưng vì đã quá đau khổ, không còn chịu đựng nổi hoàn cảnh ràng buộc với những té toái của đời sống nên nói cứng, nói gắt ngoài miệng thế thôi. Vậy nếu ta thật tình yêu thương chàng thì hãy để chàng ra đi cho tròn ước nguyện!”

Nghĩ vậy, nàng Cāpā gạt nước mắt, nói:

- Thôi, đã vậy thì chàng hãy ra đi đi, ở nhà, mọi việc em lo liệu được. Nhưng chàng đi đâu?

Upaka cảm động, nắm tay Cāpā:

- Cảm ơn em! Cảm ơn em đã hiểu ta. Việc ta đi đâu thì em không cần phải lo lắng. Ta sẽ đến với bạn của ta, bậc “Chiến Thắng Bát Diệt!”

- Vị ấy ở đâu?

- Ta cũng không biết. Nhưng cách đây đã hơn mười năm về trước, bạn của ta đi gióng tiếng trống bắt tử ở Vườn Nai

tại Bārāṇasī. Còn bây giờ thì không rõ chiếc xe pháp ấy lăn bánh về đâu cũng không rõ nữa!

- Vậy làm sao mà tìm?

- Nàng yên trí, bạn ta nổi tiếng lắm! Lúc xuống chợ búa trao đổi hàng, ta có gặp một vài đoàn đạo sĩ, vài đoàn du sĩ, họ nô nức đi chiêm bái vị ấy. Đây là một vị Phật, một đức Chánh Đẳng Giác, là bậc thầy của chư thiên và loài người!

Im lặng khá lâu giữa hai người.

Nàng Cāpā chợt nói:

- Vậy thì khi gặp vị ấy, đấng ấy, hãy nhiễu quanh ba vòng về phía hữu, chàng thay mặt em, đánh lễ vị ấy giùm em!

Upaka mỉm cười sung sướng:

- Phải thế! Nói vậy là đúng đắn. Vì lợi ích cho cả hai ta, ta sẽ tỏ lòng cung kính vị ấy đúng y như vậy!

Chuyện chấm dứt ngang đó. Nhưng sau này, nàng Cāpā kia, nghe nói, cũng gởi con trai cho ông ngoại, theo chân Upaka, xuất gia với trưởng lão ni Gotamī. Vậy là ‘thiên tình sử’ hy hữu của họ được truyền tụng qua cửa tai của mọi người.

Sau này, lại có kẻ đặt ra một câu kệ thơ để ví von trường hợp chàng đạo sĩ mắt đen và cô con gái “tan” rồi lại “hợp” trong giáo pháp bất tử:

“- Tích xưa, chuyện cũ rành rành

Có khi gương vỡ lại lành hơn xưa!”

Đặc Tính Của Biển Lớn

Chuyện ông thợ săn dám kêu đức Phật bằng “bạn của ta” làm cho ai cũng mỉm cười, ai cũng ngạc nhiên. Nhưng có vẻ ai cũng hỷ xả, chẳng chấp trách gì vì biết bản chất ông ta thuần hậu, chất phác. Có người đoán vì đức Phật thấy tâm xuất ly của ông quá mạnh, căn cơ lại sâu dày nên cho xuất gia ngay. Mà quả thật vậy, khi được mặc y, mang bát, trông tăng tướng Upaka đẹp và uy nghi như một vị tôn túc trưởng lão.

Mấy ngày hôm sau, đức Phật định thuyết một thời pháp có sự tham dự đầy đủ cả tăng ni hai viện, đầy đủ hai hàng cư sĩ, có sự tham dự của đức vua Pāsenadi, hoàng hậu Mallikā và cả triều thần trước khi rời Kỳ Viên. Hai vị đại đệ tử đã cho chư tăng thông báo rộng rãi chuyện ấy.

Hôm ấy, đại giảng đường Kỳ Viên chỗ chứa hơn hai ngàn mà chật ních người. Chư vị trưởng lão tăng ni và các bậc có thắng trí tình nguyện nhường chỗ. Các vị thâm niên, nghe pháp đã nhiều cũng nhường chỗ cho lớp hậu sinh.

Hai vị đại đệ tử đã cho người thu xếp chỗ ngồi khá chu đáo và hợp lý. Tăng bên trái giảng đường, ni bên phải. Chính giữa dành cho đức vua, hoàng hậu, các quan cùng các

trưởng lão gia chủ, nam nữ cư sĩ lớn tuổi. Ngoài hiên, các hành lang là những người tuổi trẻ thuộc tất cả các giới.

Tôn giả Ānanda thông minh, đứng ở cuối sảnh vẫn nghe được lời đức Phật, do trí nhớ tốt, có thể thuyết lại đúng nguyên văn, nhận việc thuyết lại cho rất đông thính giả cư sĩ đứng đầy ngoài vườn rừng!

Sau khi nói vài lời khen ngợi Tăng ni có tâm cầu học, tán thán đức vua, hoàng hậu và triều thần đã chịu khó đến nghe pháp, hai hàng cận sự nam nữ cũng như thính chúng đủ mọi giai cấp đã vân hội về đây thật như một biển lớn rồi đức Phật thuyết về biển lớn! Sau, các vị A-xà-lê thuật lại:

- Nay chư vị! Vừa rồi đây, sau hạ thứ tám⁽¹⁾, Như Lai đi du hóa nhiếp độ hai tộc rồng và dạ-xoa ở miền Nam đảo. Đặc biệt hôm ấy là do long vương Mahādarānāga thỉnh mời. Như Lai đã đến Kalyānī, rồi đến đỉnh núi Sumanakūṭa, để lại ở đấy mấy dấu chân⁽²⁾. Lúc trở lại đất liền, khi Như Lai đang ngắm biển thì A-tu-la vương⁽³⁾ quản nhậm biển nam, có tên là Pahārāda, từ đâu đó với dung sắc đỏ sáng, trang phục y áo, mũ miện, binh khí chói ngời, hóa hiện ngay bên cạnh Như Lai. Nó cất giọng tự nhiên, nói:

- Tôi biết sa-môn Gotama đấy!

- Ta cũng biết người đấy, này Pahārāda!

Nó cười:

- Sa-môn Gotama đứng làm gì ở đây, tại miền biển xa xôi, lạnh lẽo này!

- Ủ, Như Lai đang ngắm biển!

⁽¹⁾ Theo Đức Phật và Phật pháp của ngài Nārada thì hạ thứ 8, đức Phật ở tại rừng Bhesakalā gần tảng đá Sumsumāra, thị trấn Bhagga.

⁽²⁾ Theo Pháp Hiên, hai dấu chân cách nhau 15 do tuần. Dấu chân trên đỉnh có xây một bảo tháp cao 400 bộ, được trang hoàng bằng châu báu.

⁽³⁾ Có rất nhiều A-tu-la vương. Đây là A-tu-la vương biển Nam - Còn các A-tu-la vương biển Đông, Tây nữa. Trên đất liền cũng có rất nhiều. Riêng A-tu-la vương cõi trời có tên là Vepacitta - Asurina.

- Biển có gì thích thú mà ngắm, thưa tôn giả?

- Vậy người, Như Lai biết là người cũng thích thú biển lắm mà, tại sao?

- Ô, tôi ấy à! Không những tôi mà các A-tu-la đại thần, binh tướng của tôi cũng rất thích thú biển lớn. Chúng dựng lâu đài trên biển, ca vũ nhạc kịch trên biển, tiệc tùng, dạ yến trên biển, vợ chồng, con cái chúng cũng say sưa trên biển. Bày mưu, tập trận đánh nhau cũng trên biển! Thú vị lắm!

- Người quản nhiệm biển, sống lâu trên biển; vậy người có nhận biết biển lớn có những tính chất đặc thù như thế nào chăng?

- Biết chứ! Biết rất rõ ràng và sành sỏi là khác! Tôi còn có thẩm quyền đệ nhất để nói về điều ấy, nói về biển hơn bất cứ ai trên đời này, kể cả tôn giả, vốn được thế gian tôn xưng là bậc thầy của trời và người!

Như Lai mỉm cười:

- Khá lắm! Vậy thì người hãy nói về biển cho Như Lai nghe với nào!

- Thưa vâng! A-tu-la vương đáp rồi bắt đầu nói - Biển lớn có tám đặc tính mà không ở nơi nào có được.

Thứ nhất, biển xuôi dần dần, xuôi từ từ, từ cạn đến sâu, không có thành lồi, không có đột ngột tạo nên những hang, những vực...

Thứ hai, biển muôn đời vẫn đứng một chỗ, không xô dịch như sông, như suối; nó lại còn thủ phận, nhẫn nại không phá vượt qua bờ này hay qua bờ kia...

Thứ ba, biển không chứa chấp, không dung chứa những xác chết người và thú; nó quăng vạt ngay lên bờ hết, không bao giờ lưu giữ những vật bất tịnh ấy trong lòng mình!

Thứ tư, phàm có con sông lớn nào như sông Gaṅgā, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, sông Mahī... khi chảy về biển lớn, chúng liền bỏ quên tên tuổi của mình để hoà nhập với cái đại đồng.

Thứ năm, dầu tất cả sông cái, sông con chảy vào biển một trăm năm, một ngàn năm; dầu mưa trên trời cũng đổ xuống một trăm năm, một ngàn năm... lòng biển cũng dung chứa hết mà không bao giờ tràn ra ngoài; nó còn chẳng vơi, chẳng đầy là khác nữa!

Thứ sáu, biển chỉ thuần nhất một vị mặn, dầu cả triệu triệu năm cũng không thay đổi tính chất của mình.

Thứ bảy, lòng biển lớn chứa giữ tất cả châu báu của trần gian như: Trân châu (muttā), mañi châu (mañi), lưu ly (veluriyo), xa-cừ (sangho), ngọc bích (silā), san hô (pāvālam), bạc, vàng, ngọc đỏ (lohitanko), mã não (masāragallam).

Thứ tám, biển là trú xứ của vô lượng chúng sanh - nhất là những chúng sanh lớn. Ngoài asura, nāgā, gandhabbā... còn có những chúng hữu tình dài một trăm do-tuần, hai trăm do-tuần đến năm trăm do-tuần...

Nói thế xong, Asura vương kết luận:

- Đây là tám tính chất thù thắng, vi diệu nên chúng tôi rất thích thú cư trú ở đây! Còn sa-môn Gotama thì sao? Khi ngài thiết lập giáo pháp, rao giảng giáo pháp thì những tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, sa-di, sa-di-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di... có thích thú sống trong giáo pháp ấy không, như chúng tôi vô cùng hoan hỷ và thích thú biển lớn?

- Có chứ, này Pahārāda! Đức Phật đáp - Họ cũng hoan hỷ và thích thú trong pháp và luật của Như Lai, tương tự như người hoan hỷ và thích thú trong biển lớn vậy đó!

- Thế pháp và luật của sa-môn Gotama có những đặc tính thù thắng gì, tính chất vi diệu gì mà chúng đệ tử có thể hoan hỷ và thích thú để sống trong đó?

- Như biển lớn có tám tính chất đặc thù mà người vừa kể cho Như Lai nghe thì pháp và luật của Như Lai cũng có tám tính chất đặc thù, vi diệu, thù thắng chẳng nơi nào có được, này Pahārāda!

Asura vương rất thú vị:

- Tôi xin được rửa tai để lắng nghe tám điều kỳ diệu chưa từng có ấy?

Rồi đức Phật mở lời:

- Này Pahārāda Asura vương! Hãy nghe! Như Lai sẽ giảng nói đây!

Thứ nhất, pháp và luật của Như Lai cũng xuôi từ từ, xuôi dần dần, từ cạn vào sâu, không có đột ngột tạo hang, tạo vực. Tại sao vậy, vì pháp và luật mà Như Lai giảng nói bao giờ cũng tuân tự thứ lớp từ dễ đến khó, từ thấp lên cao, từ cạn vào sâu. Học pháp là phải thuận thứ như vậy, con đường hành trì cũng thế mà sự chứng ngộ cũng tương tự thế, không bao giờ có chuyện thành linh mà thể nhập, không có sự đột nhiên mà chứng ngộ!

Asura vương reo lên:

- Hay quá là hay! Vậy cho nghe điều thứ hai, là biển chỉ đứng một chỗ, không vượt qua bờ?

- Điều thứ hai, giáo pháp của Như Lai là từ chứng nghiệm, giác ngộ sự thực, từ chân lý như thực mà nói ra nên không thay đổi, biến hoại theo thời gian. Đệ tử của Như Lai sống trong lòng giáo pháp ấy, thích thú trong giáo pháp ấy, ở yên một chỗ, không bao giờ dám vượt qua một giới hạn nào, bờ này hay bờ kia của tri kiến. Có vị thà chịu hy sinh thân mạng để giữ gìn pháp và luật ấy huống hồ là vượt qua hay phá rào!

- Kỳ diệu vậy thay!

- Thứ ba, biển lớn không chứa chấp vật bất tịnh thì giáo pháp của Như Lai cũng tương tự vậy. Người nào ác giới, sống theo ác pháp, có sở hành bất tịnh đáng ngờ, có những hành vi che đậy, không phải là sa-môn mà tự nhận là sa-môn, không sống phạm hạnh mà lại giả danh phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục bất chánh thì Tăng-già

cũng sẽ quăng vút người ấy, hội họp rồi trục xuất người ấy, không cho sống chung cùng với tăng đoàn nữa!

Thứ tư, những con sông về với biển đều phải bỏ tuổi, bỏ tên. Cũng vậy, trong giáo hội của Như Lai có bốn giai cấp: Sát-đế-ly, bà-la-môn, phệ-xá, thủ-đà-la. Khi họ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, họ cũng từ bỏ giai cấp, bỏ họ, bỏ tên, bỏ danh vọng, bỏ địa vị, bỏ sự nghiệp, bỏ quê hương, chủng tộc để chỉ còn là những tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, là những sa-môn Thích tử (Sākyaputta) mà thôi!

Thứ năm, trăm sông đổ về biển, trăm lượng nước mưa xuống từ trời cũng không làm cho biển đầy hay vơi. Cũng vậy, này Pahārāda! Có nhiều tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni nhập Niết-bàn không có dư y, mà sau này, nếu có vô lượng, vô lượng tỳ-khưu, vô lượng tỳ-khưu-ni nhập Niết-bàn không có dư y như thế, thì Niết-bàn cũng không tràn, cũng không đầy, cũng không vơi như biển vậy.

Thứ sáu, này Pahārāda! Nếu biển chỉ có một vị mặn thuần nhất thì giáo pháp của Như Lai cũng thế: Nó cũng chỉ có một vị thuần nhất, thuần chất, ấy là vị giải thoát.

Thứ bảy, này Asura vương! Nếu biển tích lũy mọi châu báu của nhân gian thì giáo pháp của Như Lai cũng là nơi chứa giữ những châu báu siêu thế. Đây là bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, thánh đạo tám ngành.

Thứ tám, biển là trú xứ của rất nhiều chúng sanh lớn thì giáo pháp của Như Lai cũng là trú xứ của những bậc thánh nhân, còn hơn là chúng sanh lớn, còn hơn là các vị đại vương, các vị thiên vương; ấy là các bậc Dự lưu đạo, Dự lưu quả, Nhất lai đạo, Nhất lai quả, Bất lai đạo, Bất lai quả, A-la-hán đạo, A-la-hán quả.

Đức Phật nói xong tám tính chất đặc thù của giáo pháp, Asura vương Pahārāda kính cẩn thốt lên:

- Quả thật là vi diệu, thừa sa-môn Gotama! Trước đây tôi chỉ nghe tin đồn đức Thế Tôn là như vậy, là như vậy với những danh xưng, tôn xưng thẳng vượt tam giới. Nay thì tôi thấy rõ, sa-môn Gotama là bậc lợi tuệ, thông tuệ, quán tuệ, ưu việt tuệ, mà thế gian, cả triệu lần sinh diệt của quả địa cầu cũng không có người thứ hai! Tôi vô cùng ngưỡng mộ, và xin được làm kẻ hộ trì cho giáo pháp của đức Tôn Sư!

Kể xong câu chuyện, đức Phật nói:

- Nay chư vị! Biển lớn với tám đặc tính ưu việt ấy cũng vẫn là chưa đủ so với giáo pháp của Như Lai, chưa vi diệu bằng giáo pháp của Như Lai.

Tại sao vậy? Ví như tại đại giảng đường Kỳ Viên ngày hôm nay, chẳng khác gì một biển lớn, gồm tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận sự nam, cận sự nữ; đầy đủ cả bốn giai cấp, đầy đủ các vị thánh sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả; đầy đủ những chúng sanh lớn như đức vua Pāsenadi, hoàng hậu Mallikā... các quan đại thần và các đại gia chủ đều cùng nhau nghe pháp, tu học nhưng không lấn bức nhau, ăn hiếp nhau; ai có chức phận, bổn phận, nhiệm vụ nấy. Còn biển lớn kia thì chúng sanh lớn ăn thịt chúng sanh nhỏ, cá lớn nuốt cá bé để nuôi mạng mình. Như thế, giáo pháp của Như Lai vi diệu hơn biển lớn kia nhiều.

Còn nữa, biển lớn kia, những chúng hữu tình thấp thỏi, nhỏ bé thì muôn đời là thân phận thấp thỏi, nhỏ bé, không bao giờ trở thành chúng sanh lớn được. Giáo pháp Như Lai hoàn toàn khác thế! Tại sao vậy? Vì một chúng sanh nhỏ sanh trong giai cấp thấp thỏi, hạ liệt, ví như làm nghề đồ phân, hốt rác, nạo vét ống cống có thể trở thành một thánh nhân, nghĩa là trở thành một chúng sanh lớn! Ví dụ như tỳ-khưu Sunīta xuất thân là một người gánh phân, mấy năm trước, xuất gia ở đây, bây giờ đã trở thành một chúng sanh lớn, một vị thánh. Ví như con một nữ nô lệ trong đại gia đình trưởng giả Cấp Cô Độc, là tỳ-khưu Dasaka, bây giờ

cũng đã là một chúng sanh lớn, một vị thánh. Ví như tỳ-khuru-ni Ambapālī trước đây là một kỹ nữ, bây giờ cũng đã là một chúng sanh lớn, một tỳ-khuru-ni, một vị thánh A-la-hán!

Như thế, giáo pháp của Như Lai vi diệu hơn biển lớn kia quá nhiều!

Còn nữa, những chúng sanh trong biển lớn, chúng sanh ra trong biển lớn, lớn lên trong biển lớn, ăn giết nhau trong biển lớn, già đời trong biển lớn rồi chết đi trong biển lớn. Còn biển lớn của Như Lai hoàn toàn khác thế. Biển lớn Niết-bàn của Như Lai không sanh, không già, không bệnh, không chết, không sầu bi khổ ưu não...

Còn nữa, biển lớn kia chỉ thuần nhất một vị mặn, một vị vô tri, bên trong chẳng chứa giữ một thuộc tính ưu việt nào. Giáo pháp của Như Lai tuy cũng thuần một vị giải thoát; nhưng có vị giải thoát lại có luôn những năng lực thắng trí, tứ vô ngại giải, tứ vô lượng tâm cùng những khả năng siêu việt khác.

Còn nữa, trong biển lớn, chúng sanh nhỏ là chúng sanh nhỏ, không có chuyện vừa nhỏ vừa lớn. Giáo pháp của chư Phật khác thế. Ví như có người sanh thuộc giai cấp thủ-đà-la, làm nghề chân tay, nặn đồ gốm, là chúng sanh nhỏ, nhưng người ấy thật vô cùng lớn: Giới lớn, tín lớn, tâm lớn, tuệ lớn... ngay chuyện bố thí cúng dường, của cải, tài sản có bao nhiêu, thế mà được đức Phật Kassapa tán thán là bậc đàn tín hộ trì tối thượng, còn hơn cả đức vua Kikī kinh thành Bāraṇasī!

Thuyết đến ngang đây, đức Phật yên lặng. Ai cũng náo nức muốn nghe câu chuyện lạ kỳ. Nôn nóng nhất là số hội chúng đã từng nghe chuyện “Sa-môn trọc đầu” bên bờ sông Aciravatī.

Và người tò mò muốn nghe tiếp theo, chính là đức vua Pāsenadi - vì ông ta tự nghĩ:

“- Người thợ gốm ấy có khả năng tài sản như thế nào mà lại được tán thán là bổ thí tối thượng, hơn cả đức vua Kikī cai trị một quốc độ Bārāṇasī hùng cường và giàu mạnh?”

Người Đàn Tín Hộ Trì Tối Thượng

Đức Phật tiết lộ, kể chuyện:

- Người ấy chính là tiền thân đại phạm thiên Sāhampati, bạn của Như Lai từ thời đức Thế Tôn Kassapa, một người bạn tối thượng, như một viên ngọc tối thượng!

Hôm ấy, đức Thế Tôn Kassapa từ thị trấn Vebhalinga tại miền bắc, du hành cùng với đại chúng tỳ-khuru đến xứ Bārāṇasī, ngụ tại Isipatana.

Vua xứ Kāsi, tên là Kikī, nghe vậy, liền cho thặng các cỗ xe mỹ diệu, thù thặng; với nghi vệ của bậc đại vương cao sang đến yết kiến đức Phật.

Nghe xong thời pháp, đức vua xứ Kāsi hoan hỷ, phấn khích, mời thỉnh đức Thế Tôn cùng đại chúng, ngày mai đặt bát cúng dường tại hoàng cung.

Thế rồi, sau buổi cúng dường lớn với thượng phẩm, với mỹ vị, đức vua còn mời thỉnh đức Phật và đại chúng an cư mùa mưa tại Bārāṇasī để ông có cơ hội hộ trì Tam Bảo, tích lũy thêm công đức!

Đức Phật đáp:

- Như Lai và chư tăngi đã nhận lời mời nơi khác rồi, tâu đại vương!

Lần thứ hai, lần thứ ba, đức Phật cũng lặp lại là có người mời thỉnh rồi.

Đức vua Kikī tâm tư sâu muộn, tự nghĩ: “Đức Thế Tôn không nhận lời mời làm cho ta mất an lạc! Chẳng lẽ, trên đời này lại có người đàn tín hộ trì tối thượng hơn ta? Hơn một bậc đại vương giàu sang với quyền uy và danh tiếng lẫy lừng?” Bèn thưa:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng lẽ đức Thế Tôn và đại chúng tỳ-khuru đã có một đại thí chủ khác, với công đức thù thắng hơn đệ tử, là Kikī, vua xứ Kāsi?

- Không phải vậy! Nhưng xin đừng có sầu não quá thế, đại vương!

Đức vua xứ Kāsi thở dài, cất giọng buồn bã, có vẻ như tủi thân, tủi phận:

- Trước đây, đệ tử tưởng rằng, đệ tử là phú quý đệ nhất, tài sản cung khổ đệ nhất, trân châu, ngọc báu cũng đệ nhất, hóa ra không phải vậy. Đức Thế Tôn và đại chúng tỳ-khuru đã có một đại thí chủ mà cái gì cũng hơn đệ tử cả!

- Không phải vậy, đại vương hiểu lầm rồi! Người ấy đúng là đàn tín hộ trì tối thượng, nhưng y chẳng phải là bậc giàu sang vương giả, phú quý đệ nhất, đệ nhị gì cả!

Đức vua Kikī mở tròn mắt:

- Tại sao?

- Đại vương có muốn nghe không, Như Lai sẽ kể về người đàn tín hộ trì tối thượng ấy?

- Thưa, rất muốn nghe!

Thế là đức Phật Kassapa kể:

- Có một thị trấn tên là Vebhalinga, tại đây có người thợ gốm tên là Ghaṭikāra, anh ta rất nghèo, sanh thuộc giai cấp thấp kém, sống trong căn nhà cỏ cùng với cha mẹ mù loà...

Đức vua chợt thốt lên:

- Có thể như thế được ư? Người ấy mà là đàn tín hộ trì tối thượng sao?

- Phải! Đức Phật gặt đầu - Đây là vị thí chủ mà Như Lai đã nhận lời an cư trong mùa mưa này!

Có một ý nghĩ chợt khởi sinh lên trong tâm của nhà vua: “Chắc có nguyên nhân thù thắng thế nào đây - để đến nỗi bậc đại A-la-hán, Chánh Đẳng Giác phải lập đi lập lại mãi như thế chứ?” Bèn nói:

- Đệ tử đang cung kính lắng nghe đây!

- Thợ gốm Ghaṭikāra dẫu nghèo nàn, dẫu sanh thuộc hạ cấp nhưng đã quy y Tam Bảo, đã từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của chưa được cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, từ bỏ rượu men, rượu nấu... Nay đại vương! Đại vương nghĩ thế nào, một người như vậy có xứng đáng được gọi là vị đàn tín hộ trì tối thượng chăng?

Đức vua Kikī lắc đầu:

- Chưa! Y có thể là một người cư sĩ tốt, nhưng chưa thể gọi là hộ trì tối thượng được!

Đức Thế Tôn Kassapa vẫn cất giọng đều đều:

- Thời gian sau, thợ gốm Ghaṭikāra thành tựu lòng tin bất động với Tam Bảo, thành tựu giới luật của bậc thánh; không có một nghi ngờ nào đối với khổ, với khổ tập, với khổ diệt, với con đường đưa đến khổ diệt.

Nay đại vương! Thợ gốm Ghaṭikāra chỉ ăn mỗi ngày một bữa, hành thiện hạnh, sống theo thiện pháp. Ông ta từ bỏ ngọc và vàng, không cầm, không nắm, không giữ, không nhận bạc và vàng. Với trí tuệ, với lòng dục được đoạn trừ, với thánh hạnh thanh tịnh mạng, vị ấy tự nuôi sống mình bằng nghề thợ gốm. Dẫu làm nghề gốm, rất cần đất sét tốt, thế nhưng Ghaṭikāra không tự tay cuốc và đào; ông ta lấy đất từ những bờ đê sạt lở, lấy đất những nơi do chuột và cáo đào hang vung vãi ra - rồi nặn lên những chum, vại, chén, bát cùng những vật gia dụng khác.

Này đại vương! Đại vương nghĩ thế nào, một nam cư sĩ thánh hạnh như vậy có xứng đáng để được gọi là người đàn tín hộ trì tối thượng chăng?

Đức vua Kikī giờ mới gật đầu, nhưng tán thán theo cách của mình:

- Ôi! Quả là tốt! Quả là hạnh khó làm!

- Còn nữa, này đại vương! Thợ gốm Ghaṭikāra với những sản phẩm làm ra, được nắn, nung thiện xảo, có hoa tay, có giá trị mỹ thuật nhưng ông ta không đổi bằng vàng và bạc, không đổi bằng tiền giấy, tiền kẽm, tiền đồng, tiền xu! Khi có người đến mua, vị ấy nói: “Này thiện hữu, này bà con kính mến! Hãy lấy đi bất kỳ vật dụng nào mà mình muốn, mình thích và sử dụng được rồi bỏ vào đây một ít thôi, cái gì mà quý vị sẵn có: Ví như vài nhúm hạt gạo có vỏ và không vỏ, một vài nhúm các hạt đậu, ít củ khoai, củ sắn, củ nâu, củ chuối... hoặc muối, hoặc vừng, hoặc thứ gì quý vị ăn được thì tôi ăn được. Chớ có mua. Đừng có mua và bán!” Này đại vương! bằng cách ấy, thợ gốm Ghaṭikāra sinh sống không có ác mạng, không có tà mạng, không những nuôi được mình mà còn phụng dưỡng cha mẹ mù lòa rất là chu đáo, rất là hiếu hạnh. Người như thế có xứng đáng là bậc hộ trì tối thượng chăng?

- Ôi! Quả là chí thiện! Bạch đức Tôn Sư!

- Còn nữa, thợ gốm Ghaṭikāra đã dập tắt năm hạ phần kiết sử⁽¹⁾, tâm và trí đã là vị thánh Bất Lai, trên đời này! Thế có xứng đáng với danh gọi là bậc đàn tín hộ trì tối thượng chăng, hử đại vương?

Đức vua Kikī chột phủ phục xuống đất:

- Đệ tử, Kikī, vua nước Kāsi xin thành kính đê đầu đánh lễ bậc đàn tín hộ trì tối thượng ấy!

Đức Phật Kassapa kể tiếp:

⁽¹⁾ Thân kiến, hoài nghi, giới cầm thủ, tình dục, bất bình.

- Này đại vương! Một thời, ở thị trấn Vebhalinga, với đại y vắt vai, với bình bát cầm tay, Như Lai đến căn nhà cỏ của thợ gốm Ghaṭikāra rồi hỏi vọng vào:

“- Người thợ gốm có nhà không?”

Cha mẹ mù loà của y hỏi lại:

“- Ai hỏi con trai của tôi thế?”

“- Thế Tôn đây! Ông Phật Kassapa hỏi đấy!”

“- Bạch đức Thế Tôn! Con trai con đã đi vắng, nhưng y có dặn lại rằng: Nếu Thế Tôn Kassapa, bậc đại A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có đến thì xin ngài hãy tự ý, tùy nghi lấy cháo ở trong nồi, lấy thức ăn ở trong chảo mà dùng!”

Rồi này, đại vương! Như Lai đã tự mình đi vào bếp, lấy cháo và thức ăn vừa đủ dùng, ngồi xuống đất, thợ thực ngay tại chỗ rồi mới trở về liêu thất.

Thợ gốm về nhà, thấy khuyết phần cháo và thức ăn, nói với cha mẹ mù loà:

“- Sao cha mẹ ăn ít quá vậy? Con nấu ăn không vừa miệng cha mẹ hay sao?”

“- Không phải vậy đâu con! Thật là hạnh phúc làm sao khi đức Thế Tôn đã tự ý vào bếp, lấy thức ăn rồi ngồi xuống đất, thợ thực ngay tại chỗ!”

Thợ gốm Ghaṭikāra sung sướng quá, hỷ lạc phát sanh trong tâm ông suốt nửa tháng; và cha mẹ mù loà của ông thì hỷ lạc phát sanh trọn bảy ngày...

Đức vua Kikī lại chấp tay giữa hư không, cảm thán thốt lên:

- Quả thật là vi diệu! Vi diệu thay là hạnh trạng của người thợ gốm này!

- Lại nữa, này đại vương! Như Lai an cư mùa mưa năm đó tại thị trấn Vebhalinga, bấy giờ cái cốc đột ngột bị mưa dột. Như Lai nói với các vị tỳ-khưu gần cạnh:

“- Hãy đến nhà thợ gốm Ghaṭikāra, trông xem đâu đó có cỏ, có lá, có tranh không!”

Một hồi lâu, chúng đi về và thưa rằng “có”!

“- Vậy thì đi lấy về đây, lợp lại cái cốc của Như Lai đã bị mưa dột!”

Thế rồi, các vị tỳ-khưu đến nhà người thợ gốm, chẳng thưa chẳng hỏi, chẳng nói lý do gì cả - đã tự ý leo lên mái nhà, và gỡ tranh của người ta!

Cha mẹ mù loà của người thợ gốm, nghe sột soạt trên mái, hỏi vọng lên:

“- Ai đó? Ai làm gì trên mái nhà của tôi?”

“- Chúng tôi đến gỡ tranh!”

“- Quý vị là ai mà tùy tiện quá vậy? Nhà chúng tôi đang ở mà!”

“- Thưa đại huynh, đại tử! Chúng tôi là tỳ-khưu! Cái cốc của đức Thế Tôn bị mưa dột!”

Cha mẹ người thợ gốm nghe vậy, mau mắn nói:

“- Vậy thì hãy lấy đi, chớ tôn giả! Hãy lấy hết đi, chớ tôn giả! Chúng tôi thì không sao, nhưng đức Thế Tôn thì không thể ở chỗ ướt dột được!”

Người thợ gốm về nhà, nhìn lên, thấy tranh mất nhiều mảng, nhiều tấm, hỏi lý do, cha mẹ ông trình bày lại tự sự. Thế là hoan hỷ quá, cũng như lần trước, hỷ lạc trong ông phát sanh đến nửa tháng. Còn cha mẹ ông thì hỷ lạc phát sanh trọn cả bảy ngày!

Đức Phật Kassapa kết luận:

- Đây là câu chuyện về người đàn tín hộ trì tối thượng của Như Lai. Ghaṭikāra rất nghèo lại sanh thuộc hạ cấp. Như Lai đã nhận lời an cư mùa mưa do ông ta hộ độ. Thật tình mà nói, ông ta đâu có thượng phẩm, mỹ vị mà dâng cúng như đại vương; chỉ có sản khoai rau củ gì đó thôi - làm sao dám sánh với đại vương được!

Đức vua Kikī hân hoan phát sanh, hỷ lạc phát sanh, bùng bùng cả từng chân tơ kẽ tóc - thốt lên:

- Không! Trăm phần, ngàn phần công đức của đệ tử dẫu cho thượng vị loại cứng, loại mềm, cứng dường một hai năm, cho đến cả trăm năm cũng không thể bằng một phần của người thợ gốm Ghaṭikāra, người đàn tín hộ trì tối thượng ấy!

Thế rồi, ngay ngày hôm sau, đức vua cho quân binh vận chuyển vật liệu làm nhà, năm trăm xe gạo có vỏ và không vỏ, năm trăm xe thực phẩm khô và đồ gia dụng các loại, tức tốc lên miền bắc, đến tại thị trấn Vebhalinga tìm đến nhà người thợ gốm. Họ chẳng nói lý do, tự động làm lại một tòa nhà chắc bền với những loại gỗ tốt, sàn tường đều được lát gỗ quý và gỗ thơm. Họ cũng tự động làm các công trình phụ, các kho lẫm...

Sau đó một vị văn quan đại thần đã được sự chỉ dạy của đức vua, khôn khéo nói rằng:

- Này tôn giả! Này bậc hiền trí! Hãy sử dụng căn nhà mộc mạc này! Hãy thọ nạp cả một ngàn xe lương thực và thực phẩm này. Hãy làm tất cả các thiện sự! Hãy làm các công đức tùy thích. Hãy hộ độ, cúng dường đức Thế Tôn Kassapa và đại chúng tỳ-khưu! Tất cả đây chỉ là chút tấm lòng thành của đức vua Kikī, nước Kāsi tại Bārāṇasī; nó thật không đáng kể gì, so với công đức vô lượng của tôn giả, những công đức chí thiện, trắng bạch như vỏ ốc!

Thợ gốm Ghaṭikāra là bậc có thắng trí, biết tất cả mọi việc xảy ra nên cũng không khách sáo gì, hoan hỷ thọ nhận; và nói một lời cũng mang rất nhiều ý nghĩa:

- Cầu nguyện cho đức vua chí tôn thấy rõ pháp, thâm đạt pháp - rồi chúng ta sẽ cùng nhau tạo ngộ nơi cõi Vô Sanh Bất Tử!

Đức Phật kết luận:

- Thợ gốm Ghaṭikāra cuối đời, mệnh chung nhưng ông không an nghỉ ở tịnh cư thiên, mà nguyện sanh ở phạm thiên

giới, làm người hộ pháp cho giáo pháp đức Thế Tôn Sākya Gotama, một người bạn cũ!

Như vậy, giáo pháp của Như Lai, nói chung là của chư Chánh Đẳng Giác đều giống nhau, trong đó, có chúng sanh nhỏ, căn trí sâu dày, tu tập công hạnh thành bậc thánh nhân, đến nỗi, chúng sanh lớn như đức vua Kikī kia, dẫu phú quý, cao sang hiên hách cũng phải tán thán, tôn xưng, đánh lễ, cúng dường người thợ gốm giai cấp thấp thỏi. Ôi! Tính chất vi diệu ấy thì biến thế gian làm thế nào so bì được!

Thời pháp hôm ấy của đức Phật có ba điều lợi lạc vi diệu sau đây:

Thứ nhất, đức vua, hoàng hậu, các quan đại thần, đại gia chủ, đại danh gia... đã chuyển hướng cách nhìn, không dám tự phụ mình là người có quyền uy hoặc giàu sang nữa; không dám coi khinh các giai cấp thấp kém và những người có ít của cải, tài sản.

Thứ hai, hội chúng tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni được mở sáng mắt, biết kính trọng phải lẽ những cư sĩ tuy nghèo nhưng có đời sống thánh hạnh, thanh tịnh mạng, hộ trì Tam Bảo bằng tín, giới, tâm và tuệ của mình. Họ còn học được bài học, sẵn sàng từ chối đức vua dù thượng phẩm, mỹ vị mà nhận lời người cư sĩ nghèo với sắn, khoai, rau củ!

Thứ ba, các giai cấp thấp kém không còn mặc cảm tự ti về dòng dõi hay tài sản mà cảm thấy mình bình đẳng trong giáo pháp coi trọng các giá trị tinh thần hơn cái vinh hoa và hào nhoáng của thế giới vật chất.

Một làn gió mát mẻ, trong lành của giáo pháp đang rì rào thổi qua nhân sinh và xã hội, nhất là kinh thành Sāvatti!

Một Doanh Gia Thành Đạt

Do nhu cầu nghe pháp, tại Kỳ Viên, đức Phật phải thuyết thêm hai thời pháp nữa, riêng cho hai hàng cận sự nam nữ. Nhân dịp này, đức Phật khuyến khích mọi người nên thọ trì bát quan trai giới mỗi tháng hai ngày, bốn ngày hay sáu ngày.

Cuối thời pháp, có một người thanh niên, tướng người cao lớn, phương phi, ăn mặc có vẻ thương gia - xin được sống đời xuất gia.

Đức Phật biết rõ nhân, biết rõ duyên, biết rõ người ấy là ai, nhưng ngài cũng hỏi:

- Dòng dõi, xuất thân, sở học, nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình của ông như thế nào? Và nguyên nhân bởi đâu mà ông lại lựa chọn đời sống xuất gia không cửa, không nhà?

Người thanh niên kể:

- Con sinh ra trong một gia đình vệ-xá (thương gia, các công nghệ) tổ tiên, dòng dõi làm ăn buôn bán nhiều đời. Do gia đình khá giả, con được học hành tương đối vững chắc từ thuở ấu thơ. Lớn lên, con kế nghiệp thân phụ đi buôn bán đường xa. Các quốc độ ven hai bờ sông Gangā, sa mạc miền Tây Bắc cho chí các bờ biển phương Đông, phương Nam chẳng có đâu mà không có vết chân của con. Làm giàu là

châm ngôn của tổ tiên, dòng họ; con trai vệ-xá là phải biết chịu thương, chịu khó, chấp nhận mọi gian khổ; không tạo ra được sản nghiệp bằng mồ hôi, nước mắt, bằng bàn tay và khối óc của mình thì không xứng đáng là con trai dòng dõi thương nhân. Và suốt mười năm qua, con đã không hổ thẹn mang dòng máu của tổ tiên.

Bạch đức Thế Tôn! Biết bao nhiêu lần bị sự thúc hối của cha mẹ, nhưng con không muốn lập gia đình. Con biết rõ giới cấp của con. Họ là những người có nghị lực và ý chí. Bạc tiền đối với họ là mục đích tối thượng trên cuộc đời. Sau những chuyến hàng đường trường gian khổ, đôi khi thiếu củi, thiếu nước, thiếu lương thực! Đôi khi bị bọn cướp, thổ phỉ hoặc các sắc tộc săn đầu người trang bị vũ khí tấn công. Chết là chuyện thường, sạt nghiệp cũng chuyện thường mà bỏ mạng dọc đường cũng là chuyện thường! Phải nói là họ đánh đổi mạng sống để kiếm tiền. Hàng mua một họ bán mười, có món lời gấp trăm! Do vậy, họ ăn chơi, hưởng thụ đôi khi còn hơn cả con vua, cháu chúa! Gian khổ, kiếm tiền và hưởng thụ - nó là một vòng tròn loanh quanh luẩn quẩn không bao giờ thoát ra, không bao giờ có thể thoát ra. Con và họ có đời sống tương tự nhau. Chỉ có điều con khác họ là con có suy tư, có dăm chiêu, có chiêm nghiệm; đôi khi còn tự vấn, tự đáp lặng lẽ trong lòng mình. Còn họ thì không. Họ thỏa mãn, sung sướng, tự hào và hãnh diện. Con khác họ điều thứ hai nữa là khi bán lấy lời quá nhiều là con cảm thấy áy náy, khó chịu vô cùng. Ôi! Cái tiền bạc này nó có cái gì như dơ bẩn, như ma quỷ chứ không trong sạch, tốt đẹp chút nào. Cuối cùng, là sau mỗi cuộc hưởng thụ, ăn chơi phù phiếm ấy, con đều cảm thấy chán nản, ghê tởm. Chán nản, ghê tởm cái bề trái của cuộc đời, và chán nản, ghê tởm cả với con thú ở ẩn trong lòng mình nữa!

Bạch đức Thế Tôn! Cha mẹ con là đại phú gia, họ có hạnh phúc đâu? Cha con năm thê, bảy thiếp. Các bà vợ luôn

luôn gấu ó, cắn xé nhau. Những người con trai con gái luôn luôn dòm ngó của cải, tài sản. Sự chân tình và sự thương yêu thật sự không có mặt! Các gia đình bạn hữu phú gia của con cũng tương tự thế: Là tan hoang, trần trụi một đời sống vật chất, bản năng! Nếu ai có tín ngưỡng thì tin bậy, tin bạ vào trăm cái ông thần quý quái chỉ ưa hiến tế đồng nam, đồng nữ, đầu và máu súc vật vô tội! Không nơi đâu có được chút bình an và bình lặng tâm hồn. Cứ mỗi một năm, đôi khi hai năm, về nhà, thấy tình cảnh ấy, con lại ra đi! Và ra đi, lại gian khổ, lại kiếm tiền, lại hưởng thụ, rồi con lại bị rơi vào cái vòng xích bết tắc cũ, không có lối thoát!

Bạch đức Thế Tôn! Con nghe danh đức Thế Tôn đã lâu qua các dặm trình xuôi ngược. Con đã nghe thoáng giáo pháp giác ngộ giải thoát của ngài. Con đã từng thấy bóng dáng của những vị sa-môn áo vàng, chỗ này và chỗ kia trên nhiều quốc độ. Con chưa rõ họ tu tập ra sao, nhưng đập vào mắt con là ai tóc râu cũng sạch sẽ, ai y áo dù cũ rách hay nhiều tấm vá nhưng trông đều thơm tất. Không ai có vẻ lập dị hoặc đóng bộ ta đây là người tu hành! Cái ấn tượng nhất là rất nhiều vị trưởng lão, rất già, nhưng đi đứng khoan thai, tự tại, trong lòng dường như không vướng bận điều gì, không dính mắc điều gì! Nhìn họ, con cảm giác rất quen thuộc, dường như đời sống này con đã từng sống qua!

Bạch đức Thế Tôn! Mấy ngày hôm nay, mấy trăm xe hàng của con và bạn hữu đang từ sa mạc tây bắc đi xuống, đang dừng chân tại kinh đô này. Thấy mỗi chiều chiều, rất đông đông bào các giới mang hương hoa, dầu đèn, lễ phẩm tấp nập đổ về Kỳ Viên. Con đã đoán là đức Thế Tôn có lẽ đang thuyết giáo ở đó. Trong lúc bạn hữu đang tìm nơi du hí thì con theo họ đến đây. Con đã nghe được ba thời pháp. Thời pháp nào cũng thấm thía. Thời pháp nào con cũng hoan hỷ. Thời pháp nào cũng dường như đưa con hướng đến một đời sống tinh thần cao đẹp. Và con biết chắc, tin chắc là con

đã lựa chọn đúng đắn - khi con muốn sống đời xuất gia phạm hạnh, bạch đức Thế Tôn!

Trình bày tóm tắt nhưng khá đầy đủ, khúc chiết về nhân và quả, trí và tâm, về cuộc đời của mình, thanh niên thương gia phủ phục xuống với năm vóc sát đất rất mực cung kính.

Đức Phật nói:

- Nay Punṇa⁽¹⁾! Trong quá khứ, ông đã có một nhân duyên rất tốt đấy! Nhờ nhân duyên ấy ông mới có được những nhận thức như thực về bản chất của đời sống, và rồi nó đưa ông đến đây!

Rồi đức Phật kể:

- Mới cách đây thôi, sau khi giáo pháp đức Phật Kassapa tiêu hoại, ông sinh ra trong một gia đình trưởng giả bà-la-môn, thụ hưởng một đời sống ngũ dục rất sung mãn. Thời gian sau, ông chán chê, ghê tởm ngũ dục nên đã từ bỏ tất cả, nên non cao, dựng một am thất sống đời xuất gia đạo sĩ. Tại sườn núi bên cạnh có một vị Độc Giác Phật đang tĩnh cư. Hôm ngài nhập diệt, ánh sáng tỏa khắp một vùng do vị ấy trú quang định trước khi chấm dứt hơi thở. Thấy ánh sáng diệu kỳ, ông tìm đến, thấy một đạo sĩ già ngồi xếp bằng, an nhiên thị tịch. Khởi tâm kính mộ, ông đã chịu khó lặn lội khắp cả khu rừng, tìm lấy tất cả mọi loại gỗ thơm rồi hỏa táng nhục thân của Phật Độc Giác. Nhờ phước báu ấy, mà cũng nhờ nhân duyên ấy, ông tái sanh, hóa sanh nhiều kiếp trời và người. Kiếp này, ông lại được sinh ra trong một gia đình cự phú, tại xứ Sunāparanta, nơi một bên cảng sầm uất, tên là Suppāraka, có phải vậy không, Punṇa?

⁽¹⁾ Punṇa này quê ở tận Pagan - Myanmar bây giờ - khác với Punṇa cháu của tôn giả Koṇḍañña, con của bà Mantānī nên có tên là Punṇa-Mantānīputta ở tại Kapilavatthu - vị này (vị sau) đã đắc quả A-la-hán vào hạ thứ hai của đức Phật, nổi danh đệ nhất thuyết pháp.

Đức Phật vừa mới hé mở một chút quá khứ đã làm cho tâm tịnh tín của chàng thanh niên Punṇa càng thêm được củng cố, tăng trưởng.

**Đức Hạnh Nhãn Nhục
Của Tỳ-Khuru Punna
(Phú-Lâu-Na)**

Sau khi cho chàng xuất gia xong, đức Phật dành thì giờ khá lâu giảng cho Punna nghe về giáo pháp căn bản, đời sống sa-môn, thiền định và thiền quán rồi nói rằng:

- Ông là người có căn trí, Như Lai trang bị cho ông như vậy là vừa đủ. Vậy từ nay, ông có thể tự mình với tam y, nhất bát lên đường được không, Punna?

- Có thể được, bạch đức Tôn Sư!

- Nếu Như Lai để cho ông tự lựa chọn trú xứ - thì ông có thể đi đâu, Punna?

- Đệ tử có thể trở lại quê nhà tại xứ Sunāparanta!

- Như Lai biết rõ rằng, dân chúng xứ Sunāparanta đa phần sống theo những giáo phái cuồng tín, bản chất họ còn rất hoang dã. Thô ác, hung bạo, dữ tợn là tâm tánh của họ. Vậy nếu họ nhục mạ, phỉ báng, mắng nhiếc ông thì ông phải làm sao? Có chịu đựng nổi không?

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu có trường hợp họ đối xử với đệ tử như thế, đệ tử vẫn tâm niệm họ là người tốt. Tại sao vậy? Thưa, vì họ mới chỉ nhục mạ, phỉ báng, mắng nhiếc đệ

tử bằng lời nói chớ họ chưa đánh đập đệ tử bằng tay hay bằng chân!

- Thế nếu họ đánh đá ông bằng tay, bằng chân - thì ông làm sao?

- Thưa, đệ tử vẫn cảm ơn họ, vì họ vẫn chưa dùng đá, gạch, sỏi để quăng ném đệ tử!

- Vậy giả dụ họ sử dụng đá, gạch, sỏi quăng ném ông thì sao hả?

- Thưa, đệ tử vẫn cảm ơn họ như thường, vì họ chưa sử dụng đui gậy.

- Vậy nếu, không những họ dùng đui gậy đánh đập ông, mà còn cả dao bén và kiếm sắc đâm chém ông nữa thì ông phải làm sao?

Đến đây, chợt tỳ-khuru Punna mỉm cười, biểu lộ sự tự tin vô hạn:

- Bạch đức Thế Tôn! Cho dầu mà như thế chẳng nữa thì đệ tử vẫn sẵn có đủ áo giáp của tâm nhẫn và tâm từ để chịu đựng và thương yêu họ, vì họ dù đâm dù chém nhưng vẫn chưa giết hại đệ tử!

- Vậy nếu họ giết ông thì sao?

- Thì đệ tử vẫn cảm ơn họ, vì họ đã xả bỏ giùm cái thân giả hợp, bất tịnh này!

Đức Phật tán thán:

- Lành thay, Punna! Lành thay, Punna! Với tâm niệm ấy, với hành trang nhẫn và từ ấy, ông có thể vô ngại đến sống ở xứ Sunāparanta. Và rồi ông sẽ nhiếp phục, cảm hóa được người dân bản chất thô ác và hung bạo ấy. Như Lai chúc lành cho ông!

- Tri ân đức Tôn Sư!

- Sớm mai, ông sẽ tự mình bộ hành, trở về quê quán mà hành đạo. Lúc nào gặp khó khăn quá, cứ khởi tâm tưởng nghĩ đến thì tức khắc, Như Lai hoặc hai đệ tử ưu tú của Như Lai sẽ có mặt ngay ở bên cạnh.

ĐỨC HẠNH NHÃN NHỤC CỦA TỖ-KHUU PUNNA

Hôm sau, khi vị tân tỳ-khưu Punna lên đường rồi, đức Phật nói với hai vị đại đệ tử, có cả Ānanda bên cạnh nữa:

- Sau này, tại bến cảng Suppāraka⁽¹⁾ ấy, chỉ một mình Punna là đủ sức giáo hóa chúng ngoại đạo; bên cạnh ông ta sẽ có năm trăm cận sự nam và năm trăm cận sự nữ rất có tâm tín đạo, nhiệt tình, hộ pháp rất đặc lực.

⁽¹⁾ Tên một giang cảng của nước Sunāparanta (hoặc Aparanta). Theo tự điển Pāli Proper Names thì ngày nay là nước Miến Điện, nằm bên phải con sông Irrawaddy, gần Pagan. Từ Suppāra (Suppāraka) đến Sāvatti xa 120 leagues (01 leagues bằng 03 dặm Anh, tức 4,8 km; vậy 120 leagues là 570 km). Đây cũng là địa giới gần Suvanabhūmi (kim địa). Đức Phật đã có một lần du hành đến đây với 499 vị tỳ-khưu A-la-hán.

Một Nghệ Sĩ Kỳ Lạ

Trong lúc hai vị đại đệ tử và các bậc trưởng lão thu xếp, sắp đặt công việc để làm một cuộc du hành về phương nam thì đức Phật ôm bát đến tư gia vợ chồng trưởng giả Assalāyana và Candavatī. Cả hai người đều là những cận sự tín đạo, thuần thành.

Biết tuổi thọ cả hai người sắp mãn, cần phải có chỗ trú tâm vững chắc nên đức Phật chỉ giảng sơ lược về các pháp thanh tịnh và cách thức trú tâm vào các pháp thanh tịnh ấy.

Đặc biệt, đức Phật chỉ nói đến giới và tâm. Giới thanh tịnh từ lâu được hiểu là thân và khẩu thanh tịnh. Tuy nhiên, đối với người cận sự nam, cận sự nữ thì chỉ cần không nói lời xấu ác, không hành động xấu ác là đủ gọi là giới thanh tịnh rồi. Về tâm, cũng tương tự như thế, chỉ cần không suy nghĩ những điều xấu ác, không hận, không sân đã là tâm thanh tịnh rồi.

Bên cạnh, lúc ấy, có thanh niên Mahākoṭṭhita, là con trai lớn của hai ông bà, đang đứng quạt hầu đột ngột chấp tay thưa hỏi:

- Bạch đức Thế Tôn! Giáo pháp của ngài sao mà giản dị và dễ hiểu đến thế? Lại còn đi trực tiếp ngay vào sự hành trì, cụ thể và thiết thực nữa.

Đức Phật mỉm cười:

- Hóa ra ông đã từng nghe ở đâu về giới thanh tịnh và tâm thanh tịnh này rồi?

- Thưa vâng! Các giáo phái trong và ngoài truyền thống Vệ-đà, các thanh tịnh này đều rơi vào khổ hạnh cực đoan. Ví dụ như tịnh khẩu, treo thân lên, nhịn ăn ép xác, nằm bàn chông, nằm trên đất! Nói tóm lại là làm cho cái thân khô kiệt đi thì thân khẩu mới thanh tịnh. Tâm thanh tịnh thì phải ghép mình vào cúng tế, cầu nguyện, đọc thần chú hoặc luyện yoga...

- Vậy thì ông thấy có sự khác biệt nào giữa họ và Như Lai hay sao?

- Thưa, thân khẩu ý (tâm) là một vận hành tương quan, tương tác. Từ ý nghĩ khởi sanh rồi làm việc, sinh hoạt, ăn uống, đi đứng ngồi nằm; và nếu nó được giác tỉnh thì ta dễ thấy rõ cái gì là xấu ác, cái gì là lành tốt. Từ chỗ này mà hành trì, tu tập như lời dạy vừa rồi của đức Thế Tôn thì giản dị, dễ hiểu và giá trị thiết thực vô cùng. Chính con tâm đặc ở chỗ này!

Đức Phật mở lời khen ngợi:

- Như Lai mới giảng giải sơ lược giới, tâm thanh tịnh cho người tại gia, ông mới nghe qua mà đã lần được vào giới, tâm thanh tịnh của bậc xuất gia rồi đấy, này Mahākoṭṭhita!

- Con không dám!

Chợt nhiên, đức Phật hỏi:

- Sở học của ông như thế nào, này Mahākoṭṭhita?

- Con được cha mẹ cho các thầy bà-la-môn rèn cặp từ năm sáu tuổi. Đến năm mười tám tuổi thì con đã nghiên cứu hết mọi tư tưởng của các giáo phái trong và ngoài truyền thống Vệ-đà; nhưng không biết tại sao, tâm trí con không dính ở đó. Con có điều đặc biệt hơn mọi người, bạch đức Thế Tôn!

- Hãy kể cho Như Lai nghe những cái đặc biệt ấy với nào?

- Cả mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của con đều rất tinh tế và nhạy cảm.

- Ví dụ?

- Thưa, thấy một chiếc lá rơi, con cũng xúc động! Thế là con ngồi con quan sát, chăm chú xem thử chiếc lá ấy nó có màu sắc như thế nào, khô vàng như thế nào rồi rơi rụng như thế nào. Lắng nghe cho kỹ, khi chiếc lá rơi, nó có âm thanh, nó có ngôn ngữ, có tiếng nói riêng của nó! Con nghe được, bạch đức Thế Tôn!

- Nó nói như thế nào, này Mahākoṭṭhika?

- Thưa, nó ngậm ngùi, nó thở dài, nó tiếc rẻ cả một đời xuân xanh! Con thương nó quá!

- Đúng vậy, nó cũng bị sanh, bị tử vậy.

- Vâng! Còn nữa, khi nghe một tiếng chim! Ô, không đơn thuần chỉ là tiếng chim đâu. Không biết bao nhiêu là cung bậc, bao nhiêu là tiết tấu, bao nhiêu là tâm sự, nỗi lòng, bao nhiêu là tình cảm buồn vui xen trộn phức tạp! Rồi còn hàng trăm giọng chim khác nhau nữa! Là cả một thế giới bất khả tri lượng.

Con đã sử dụng hàng chục loại đàn, nhưng sau đó, rất mau chóng con cảm nhận sâu sắc và bi thảm rằng, các nhạc cụ của thế gian chẳng đều bất lực.

Rồi còn âm thanh của gió, của suối, của sóng, của dế giun, của ếch nhái, của mưa rơi, của giông bão... lại càng bất lực hơn nữa. Ngay như tiếng gió đi qua rừng trúc, rừng thông, qua núi đá, qua sa mạc, qua núi lửa, qua thôn làng, qua phố thị, qua biển rộng, sông dài, qua những đền đài, phé tích lịch sử... thì nó đã có những ngôn ngữ hoàn toàn khác nhau rồi...

Đức Phật mỉm cười:

- Thuở còn là thái tử ở trong Cung Vui, Như Lai cũng biết sử dụng tất cả các loại nhạc cụ, sau đó, Như Lai thường hay thổi tiêu, nó cũng chuyên chở được chút ít nỗi lòng thuở ấy. Sau đó, Như Lai cũng mau chóng cảm giác là chúng bất lực như ông cũng đã từng có cảm giác bất lực đây, này Mahākotṭhita!

- Thật là thú vị!

- Ừ, thật thú vị! Còn tiếng gió nữa! Cái ngôn ngữ của gió thì Như Lai cũng đã từng nghe, từ đêm này sang đêm khác...

Thanh niên Mahākotṭhita cảm giác như gặp người tri âm, tri kỷ, thốt lên:

- Hóa ra đức Thế Tôn là một đại nghệ sĩ! Có phải đức Thế Tôn từng nghe tiếng gió lúc thì nó cuồng nộ, lúc thì nó bình hòa, lúc thì nó thanh thản, lúc thì nó thật là thê lương, thật là hư vô... có phải thế chăng?

- Ừ. Đúng vậy!

Im một lát, chàng thanh niên nói tiếp:

- Trăng sao con cũng cảm xúc, sương mù con cũng cảm xúc, một đỉnh núi đá trơ vơ con cũng cảm xúc, một phế tích, một đền đài cổ kính rêu phong... con cũng cảm xúc và rung động.

Nói tóm lại, là mắt tai mũi lưỡi thân ý của con cảm nhận ngoại giới không chỉ ở bình diện bên ngoài, nó lặn sâu vào trong. Do vậy, không những con là một nhạc sĩ, mà con còn làm thơ, họa sĩ, cả làm thầy khắc chạm nữa! Con chỉ muốn lưu giữ thực tại trong từng khoảnh khắc! Con muốn lưu giữ thực tại như nó đang là! Nhưng mà bất lực! Mọi thiên tài nghệ sĩ đều bất lực!

Ôi! Con yêu tất cả vẻ đẹp của đất trời, đồng thời con cũng yêu cả nguyên động lực hủy diệt cái vẻ đẹp ấy. Tại sao vậy? Vì hủy diệt sau đó lại sanh hóa, hay nó chính là năng

lực của sự sanh hóa? Ở chỗ này, đôi khi nó làm cho con bối rối và bất an, bạch đức Thế Tôn!

- Đúng vậy! Điều mà ông bối rối và bất an - chính là điều mà Như Lai đã từng bối rối và bất an!

Nhưng mà này, Mahākoṭṭhita! Chính do năng lực sinh thành và hủy diệt ấy của vạn hữu nên mới có được những tâm sự như trên... khiến cho các nhà nghệ sĩ tạo nên thơ, nhạc, hội họa, điêu khắc ... Họ muốn chụp bắt vĩnh cửu, mô tả thực tại hoặc tái hiện nỗi lòng, này chàng trai! Và vì bất lực nên biết bao nhiêu thiên tài nghệ sĩ đã đau khổ, đã thống khổ... sống đời lập dị, bị tâm thần hoặc si cuồng, điên loạn.

Sự ngây thơ và ấu trĩ trong nhận thức ấy đẩy họ đi đến thế giới hư tưởng, vọng tưởng, hoang tưởng... lúc nào không hay! Đây mới chính là vực thẳm hoặc hư vô thật sự đấy, này chàng trai! Sự sinh thành và hủy diệt ấy là cái tất định của vạn hữu mà! Vì nếu không có những luật tắc thiên nhiên và tự nhiên ấy thì một hạt bụi, một mầm xanh trên thế gian này cũng không tồn tại!

Tại sao, không một ai trong số họ, hiện quán, hãy ngắm nhìn vào bên trong, để thấy rằng, bên trong ấy cũng có sinh thành và hoại diệt. Một tâm niệm cũng được tham lam, sân hận, si mê chúng tạo tác, sinh thành và hoại diệt? Rồi chúng sinh ra sầu bi khổ ưu nào!

Giáo pháp của Như Lai được thiết lập ngay tại chỗ này, và đó mới chính là nhận thức về khổ đế một cách thông minh, trưởng thành, có chiều sâu, như chân như thực, này chàng trai!

Thanh niên Mahākoṭṭhita rúng động cả châu thân. Trầm ngâm một hồi, chàng lại hỏi:

- Vậy thì cái sinh thành và hủy diệt của ngoại giới... tạo nên bi, khổ... là ảo tưởng, là māyā à, thưa Tôn Sư?

- Điều ấy, chính ông phải tự vắt tay lên trán mà chiêm nghiệm lấy, này chàng trai!

Đức Phật mỉm cười, không trả lời gì nữa cho chàng trai, đầu được hỏi.

Về lại Kỳ Viên, đức Phật kể chuyện ấy rồi nói với hai vị đại đệ tử:

- Mahākoṭṭhita, con trai của ông bà trưởng giả Assalāyana và Candavatī sẽ tìm đến đây xuất gia trong vài ngày tới. Sāriputta có duyên làm thầy tế độ. Moggallāna có duyên giáo huấn, dạy dỗ. Vậy hai ông ở lại đây ba bốn hôm nữa. Như Lai, và đại chúng sẽ lên đường trước. Sau đó, hoặc muốn ở tại đây hoặc muốn đi đến Rājagaha, Vesāli hay Kapilavatthu... thì hai ông cứ tùy nghi công việc.

Đúng như đức Phật dạy, hai hôm sau, chàng trai nghệ sĩ kỷ la ấy đến Kỳ Viên; và cuộc lễ xuất gia đã diễn ra sau đó.

Có điều hy hữu được nói lên, là khi đang cạo tóc, Mahākoṭṭhika đoạn lìa tất thảy mọi tà kiến, chánh kiến phát sanh. Và sau khi vừa mặc y xong, ông đắc quả A-la-hán, được luôn cả tứ vô ngại giải.

Hai vị tôn giả biết là vị tân tỳ-khuru này, về sau, sẽ trở thành một pháp khí đặc biệt. Ông ta sẽ có ngữ, nghĩa, pháp, biện đều vô ngại nhưng lại có duyên với giới nghệ sĩ, sẽ sử dụng ngôn ngữ của giới nghệ sĩ để cứu độ họ, dẫn dắt họ vào miền nghệ thuật tối thượng là sự im lặng và bình an vĩnh cửu của tâm hồn!

Vị Thánh Trong Bụng Cá

Đã lâu lắm rồi, tại Bārāṇasī, thiên hạ xôn xao bàn tán một câu chuyện lạ lùng. Nó như sau:

- Có một gia đình trưởng giả tại Kosambī, sinh hạ được một bé trai. Theo tập quán nhân gian, bà vú nuôi mang hài nhi ra sông Mahāyamunā để tắm. Người ta tin tưởng rằng, chỉ cần nhúng vào nước ba lần là đứa bé sau này sẽ mạnh khỏe, không có bệnh tật, ốm đau do đã trình diện với thần sông rồi!

Khi bà vú vừa đặt trẻ xuống nước thì có một con cá to lượn tới nuốt đứa bé rồi lặn đi mất.

Không kể chuyện khóc than, thương tiếc của gia đình trưởng giả, chỉ nói chuyện về con cá. Chẳng rõ lộ trình xuôi ngược dưới sông của chú cá như thế nào mà sau đó, nó bị dính lưới của một ngư phủ tại phía hạ lưu sông Gaṅgā, tận Bārāṇasī; rồi với bốn người khiêng, họ mang ra chợ bán.

Nhân duyên tiếp theo, tại Bārāṇasī, một gia đình phú hộ kia, do tổ chức một buổi tiệc lớn chừng một trăm người ăn. Thường thì chỉ gia nhân đi chợ; nhưng hôm ấy, bà chủ có cảm giác kỳ lạ xúi giục là chính bà phải đích thân làm việc ấy. Đến chợ, khi thấy con cá, bà nghĩ là phải mua con cá

này. Sau đó, cùng với gia nhân, mua sắm thứ này, thứ kia rồi bà thuê người gánh con cá to lớn ấy về nhà.

Khi đám tớ trai mổ bụng cá ra, phát giác trong bụng cá có một hài nhi còn sống, ngạc nhiên, bà tới xem, thấy là con trai, bà nghĩ thầm, mình không có con nối dõi tông đường, bây giờ, từ trong bụng cá, lại hiện ra một chú bé trai như thế này, không là của thần linh trao tặng cho là gì! Mừng quá, bà bồng trẻ đi tắm rửa cho sạch nhót, sạch máu còn dính đầy nơi thân thể thì thấy hiện ra một chú bé kháu khỉnh, mồm mỉm. Thôi thì bà hít, bà thom, bà nựng; và chợt nhiên một tình cảm lạ lùng xâm nhập tâm hồn bà: Tình mẫu tử thiêng liêng!

Ông phú hộ cũng sung sướng không thua gì bà, cho làm cuộc tế lễ lớn để cảm tạ thần linh.

Tin đồn lan ra, mọi người trong xóm phường đổ xô tới nơi xem chuyện lạ về đứa trẻ được sinh ra trong bụng cá!

Trở lại chuyện ông bà trưởng giả tại Kosambī mất con. Sau nhiều tháng ngày tiếc thương, sầu não - vì ông bà cũng không có con trai nối dõi - nhưng hôm kia, ông bà có linh tính là nó chưa chết nên thuê người đi dọc triền sông Mahāyamunā, bờ bên này, bờ bên kia để tìm kiếm xem thử có manh mối gì không, nhưng tìm hoài vẫn không thấy tăm hơi gì.

Bỏ sông nhỏ, họ xuống sông Gaṅgā, và suốt mấy năm tìm kiếm ở thượng lưu, cũng không có tin tức gì. Về phía hạ lưu, lần hồi đến Bārāṇasī; và chính tại đây, họ nghe tin tức về đứa bé. Sau nhiều ngày điều tra, theo dõi nữa, biết chính xác là đứa bé trong bụng cá rồi, tại ngôi nhà của ông phú hộ nên họ về báo lại với chủ.

Thế rồi, với nhiều xe lễ vật trọng hậu, hai ông bà trưởng giả ở Kosambī tìm đến gia đình phú hộ ở Bārāṇasī, xin lại đứa con trai, bây giờ đã sáu, bảy tuổi. Chuyện bất thành, vì gia đình phú hộ không đồng thuận.

Ông bà trưởng giả cũng không chịu để mất con trai, đến phủ đường kinh thành cầu cứu, nhờ quan phân xử. Phủ quan bắt lực, nội vụ sau đó được mang đến đức vua. Nhìn đứa bé có tướng mạo hình dong dễ thương, nhìn sang cả hai bên gia đình, thấy ai nấy đều không muốn mất con, đức vua phán:

- Một bên là máu huyết, mang nặng đẻ đau; một bên là cứu đứa bé trong bụng cá, lại có công nuôi dưỡng. Dem lên cân cân tình lý thì hai bên cân bằng, không nghiêng lệch bên nào. Vậy trăm phán xử, đứa bé là con của cả hai gia đình nên trăm sẽ đặt tên cho nó là Bakkula (trẻ của hai gia đình). Hãy tuân thủ theo quyết định của trăm. Bakkula lúc ở bên này, lúc ở bên kia, chia phân cho đồng đều; và sau này, cũng được quyền thừa kế cả hai nơi!

Câu chuyện trên sở dĩ được kể lại, là vì sau khi đức Thế Tôn và đại chúng ghé Bārāṇasī, ngụ tại Isipatana, thuyết pháp cho hai hàng cận sự nam nữ thì có một ông già đã tám mươi tuổi đến xin xuất gia. Ông già này nổi tiếng trong vùng vì nằm trong bụng cá, ai cũng biết, có tên là Bakkula.

Đức Phật hỏi:

- Ông đã quá già, có kham nổi đời sống xuất gia không, này Bakkula?

- Con kham hẳn được, bạch đức Thế Tôn!

Quán nhân duyên quá khứ, đức Phật mỉm cười, biết là ông ta tu được, không những tu được mà còn đắc quả A-la-hán cùng thắng trí, bèn hỏi tiếp:

- Vậy thì ông đã thu xếp xong xuôi chuyện gia đình chưa, này “Người con trong bụng cá”?

- Rất dễ dàng thôi, bạch đức Tôn Sư! Thuở nhỏ, con thừa kế gia sản cả hai gia đình được tám trăm triệu đồng tiền vàng. Cha mẹ sinh và cha mẹ dưỡng đều đã mất. Số tiền ấy, con sẽ dùng một nửa chia cho con và cháu cả hai gia đình. Một phần con sẽ bố thí cơm áo, thuốc men cho những người nghèo đói trong xứ.

Hiện tại, còn phần cuối cùng, sau khi chia cho con cho cháu hết rồi, cho con được tu sửa, chỉnh trang toàn bộ đại lâm viên này và cúng dường tứ sự bảy ngày đến đức Tôn Sư và đại chúng.

Ông già Bakkula đánh lễ đức Phật rồi đi lo công chuyện, sau đó, được đức Phật cho thọ đại giới với một vài chỉ dạy vắn tắt về định, về tuệ. Lão tân tỳ-khưu này tiếp thu rất nhanh, lại còn nguyện thọ thêm một số pháp đầu-đà như: Chỉ trì bình khát thực và thọ dụng trong bát; không nhận y hoặc vật thực do thí chủ cúng dường; chỉ ngủ ngồi, không dựa lưng dù chỉ một tấm ván, sống hạnh độc cư không giao tiếp với ai...

Đại chúng lại bàn tán sôi nổi, không hiểu tại sao thuở trước ông nằm trong bụng cá mà lại không chết? Tại sao đã tám mươi tuổi rồi, xin xuất gia mà đức Phật vẫn mỉm cười và cho xuất gia? Hẳn là có nhân, có duyên nhiệm màu nào?

Để phá tan mọi nghi ấy, đức Phật giảng:

- Kiếp cuối cùng của một bậc A-la-hán không có một năng lực gì đoạn hoại sự sống của vị ấy được. Như ngọn đèn trong chiếc ghè, nó leo lét cháy nhưng không một ngọn gió nào, một năng lực nào có thể làm tắt được. Cậu bé Bakkula nằm trong trường hợp ấy. Và ông ta còn có nhân duyên đặc biệt hy hữu khác nữa... để kiếp này, suốt đời không nhức đầu, sổ mũi, không ho hen, cảm mạo, không bệnh tật, ốm đau; và có tuổi thọ vượt quá một trăm năm ước định của đời người!

Thấy ai cũng háo hức muốn nghe, đức Phật kể:

- Từ thời đức Phật Anomadassī, là một bà-la-môn có gia sản lớn, rất giỏi về y dược, nhưng ông ta đã xả bỏ tất cả, lên non sống đời xuất gia đạo sĩ.

Nhờ có thiên chứng và thắng trí, biết được đã có một đức Chánh Đẳng Giác ra đời nên đạo sĩ tìm đến nghe pháp, quy y rồi xin được xuất gia. Nhưng đức Thế Tôn bảo: “Xuất

gia thì ông chưa đủ duyên nhưng ông lại có việc làm khác mà không ai có thể thay thế ông được! ”

Hôm kia, đức Phật Anomadassī bị bệnh đau bụng, đạo sĩ mang thuốc đến cúng dường. Chỉ một liều thuốc nhỏ, đức Phật khỏi bệnh, ngài mới nói: “Một đức Chánh Đẳng Giác ra đời, thường có một vị đại lương y xuất hiện. Và ông chính là người ấy!” Thế rồi, vị đạo sĩ tận tình chăm sóc sức khỏe cho đức Tôn Sư và đại chúng tỳ-khưu!

Với công đức ấy, đạo sĩ sanh lên phạm thiên giới⁽¹⁾, rồi luân phiên cõi người và cõi trời với phước báu sang cả, thù thắng.

Đến đời vị Phật tiếp theo, tức là đức Thế Tôn Padumuttara, vị ấy sinh ra trong một gia đình cự phú tại Hamsavatī. Trong một lần nghe pháp, thấy đức Thế Tôn tán thán biểu dương công hạnh của một vị tỳ-khưu, thù thắng hơn tất cả vị tỳ-khưu khác do nhờ kiếp trước làm thầy thuốc, cúng dường thuốc men đến đức Phật và đại chúng nên kiếp này được trường thọ, vô bệnh. Rất thỏa thích và hoan hỷ, vị cự phú khởi tâm cúng dường tứ sự, nhất là thuốc men đến đức Phật và chư tăng trong suốt bảy ngày với lời nguyện:

“- Xin cho vào thời Phật vị lai, tôi sẽ được làm một vị Thanh Văn đệ nhất vô bệnh và được trường thọ y như vị tỳ-khưu ấy!”

Đến đời Phật Vipassī, Phật Kassapa, ông vẫn thực hiện những công hạnh cũ, lại còn làm một người cận sự nam nhiệt tình xây dựng các trú xá, hộ độ Tam Bảo suốt cả cuộc đời.

Bây giờ, đến thời của Như Lai, Bakkula sinh ra tại Kosambī... và câu chuyện như thế nào thì mọi người đều đã nghe thấy.

⁽¹⁾ Có lẽ có tu tập định.

VỊ THÁNH TRONG BỤNG CÁ

Tuy nhiên, đức Phật chưa tiết lộ, là do nhân duyên đặc biệt như vậy, nên Bakkula, sau khi xuất gia, chỉ sống với phàm phu tánh có bảy ngày, rạng ngày thứ tám, lão tăng đặc quả A-la-hán. Và sau này, ông ta sẽ thọ đến một trăm sáu mươi tuổi!

Quả đúng là một vị tỳ-khưu “vị tăng hữu!”⁽¹⁾

⁽¹⁾ Nghĩa là “chưa từng có”.

Những Câu Hỏi Vớ Vẩn!

Còn vài tháng nữa đến hạ thứ chín, từ Bārāṇasī, đức Phật bộ hành lên thượng lưu sông Gaṅgā với năm trăm vị tỳ-khưu, trong đó có một số trưởng lão đi theo để chăm sóc hội chúng như Moggallāna, Ānanda, Nanda. Đặc biệt, tôn giả Sāriputta dẫn theo một số sa-di chững chạc như Rāhula, Sīvali để hướng dẫn, kèm cặp, rèn tập đời sống không cửa, không nhà.

Tại ngã ba sông Yamunā, đức Phật định đến an cư mùa mưa tại đất nước Vamsā. Tin tức này nhanh chóng lan truyền đây đó khắp kinh thành Kosambī. Tuy nhiên, đức Phật chưa ghé kinh thành vội, ngài bảo dừng chân ở một thị trấn có công viên Badarikārāma, cách Kosambī chừng hai do-tuần⁽¹⁾ vì ở đây cũng có một tịnh xá lớn. Trước đây nhiều năm, các vị trưởng lão đã hành hóa ở nơi này, đặc biệt là tỳ-khưu Khemaka; và nghe nói, những cốc liêu và những công trình chính và phụ đã khá hoàn chỉnh.

Đức Phật nói với đại chúng:

- Như Lai phải ghé thăm Badarikārāma vì mấy năm trước, ở đây đã xảy ra một câu chuyện lạ lùng và thú vị!

⁽¹⁾ 14 dặm Anh - là theo sử liệu của Tây, nhưng theo cách tính quen thuộc là 32km.

Nói thế xong, đức Phật đột ngột im lặng. Lát sau, ngài tiếp tục:

- Tự mình thuyết pháp cho người về đạo lộ giải thoát A-la-hán rồi tự mình đắc quả A-la-hán luôn là câu chuyện lạ lùng đầu tiên trong giáo hội của Như Lai!

Biết mọi người ai cũng tò mò muốn nghe hư thực, đức Phật kể tiếp như sau:

- Tỳ-khưu Khemaka thuộc dòng tộc Sākya, nhiều năm về trước, ông ta xuất gia ở Rừng Cây Đa tại Kapilavatthu thưở Như Lai về thăm quê nhà lần thứ hai. Sau khi nhận được đề mục tu tập từ Như Lai, ông ta xin được đi về một phương trời xa xôi để hành đạo. Vị tân tỳ-khưu này tu tập rất tinh tấn. Bản thân Như Lai và cả Mahā Moggallāna đã giúp đỡ nhiều lần, sau đó ông đắc được quả vị Tu-đà-hàm. Từ đó, ông ta lang thang du hóa nơi này và nơi khác, khi đến công viên Badarika thì ông ta ngã bệnh. Đây là một vùng dân cư thưa thớt, công viên này là nơi cư trú của nai, khỉ, thỏ, sóc và chim. Ở nơi một cái chòi hoang, tỳ-khưu Khemaka cứ bình tĩnh dùng năng lực của định thiền mà chữa bệnh.

Chuyện kể tiếp theo. Có một vị tỳ-khưu tên là Dasaka xuất thân là nô lệ, ông ta là con của một nữ nô lệ trong đại gia đình trưởng giả Cấp Cô Độc. Khi tịnh xá Kỳ Viên đi vào sinh hoạt, công việc ở đây rất bận bịu, trưởng giả Cấp Cô Độc đã sai thanh niên nô lệ Dasaka hằng ngày đến đây để trông coi vườn tược kiêm cả việc gác cổng. Dasaka bầm chất tháo vát, lanh lợi, chịu khó nên ai cũng mến yêu và tin cậy. Ngày qua ngày, Dasaka cảm thấy đời sống xuất gia sao mà thanh bình, an ổn và cao đẹp quá, cậu thầm ước ao trong lòng, là làm sao mình cũng sống được đời sống phạm hạnh như vậy. Hôm kia, đến Kỳ Viên có việc, trưởng giả Cấp Cô Độc tình cờ trông thấy Dasaka đứng lặng trông theo đoàn chư vị tỳ-khưu đang ôm bát vào kinh thành để khất thực.

Đôi mắt của Dasaka như bị hút dính vào hình ảnh vô sự và thanh thoát ấy không chịu buông rời.

- Con đang suy nghĩ gì đây, này Dasaka?

Trưởng giả cất tiếng hỏi, Dasaka giật mình quay lại, lắp bắp:

- Dạ... dạ...

Như đọc được tâm ý của người thanh niên, ông trưởng giả quan tâm cất tiếng hỏi:

- Con có thích đời sống ấy không, Dasaka?

- Thưa, con không dám đâu. Con là thân phận nô lệ thấp hèn...

Trưởng giả với tấm lòng bao dung, rộng lượng, nở nụ cười thơm ngát như đóa hoa sen:

- Giáo hội của đức Tôn Sư không hẹp hòi thế đâu con! Máu ai cũng đỏ và nước mắt ai cũng mặn, ngài không hề phân biệt giai cấp. Nếu con sống được đời sống xuất gia cao thượng ấy, ta sẽ xóa bỏ thân phận nô lệ cho con. Khi ấy con sẽ không còn là kẻ nô lệ thấp hèn nữa. Và nếu con tu tập tốt, ta sẽ đánh lễ con, cúng dường những vật dụng cần thiết đến cho con với tất cả tấm lòng thành, với tất cả sự quý kính...

Thanh niên Dasaka xúc động, chảy nước mắt, quỳ xuống ôm chân trưởng giả, nghẹn ngào không nói được nên lời.

Thế rồi, sau đó, thanh niên Dasaka được xuất gia. Tuy tu hành định tuệ gì cũng không bằng người nhưng ông ta có đức tính phục vụ rất nổi bật. Bất cứ việc gì mà chư tăng giao phó, ông đều vâng lời chu toàn bổn phận. Đặc biệt, do trong dòng nghiệp, tích lũy nhiều đời là phi nhân nên ông ta có đôi chân đi nhanh và dẻo dai đến lạ lùng. Do vậy, việc trao truyền thông tin đây đó, từ quốc độ này sang quốc độ khác, từ tịnh xá này sang tịnh xá kia thường là trách nhiệm và bổn phận của Dasaka. Cũng vì việc Tăng nên hôm kia tỳ-khưu Dasaka đến Kosambī, đúng lúc, tỳ-khưu Khemaka ngã bệnh đang nằm một nơi hẻo lánh tại Badarika.

Chư tănggi Kosambī từ lâu vốn đã nghe tiếng tu hành nghiêm túc của tỳ-khuru Khemaka, rất ngưỡng mộ ngài nên nhờ tỳ-khuru Dasaka đến thăm hỏi bệnh tình.

Tỳ-khuru Dasaka vốn thất học, chất phác, không biết ăn nói nên tình thật hỏi:

- Vậy phải thưa hỏi làm sao?

- Nói là chư tănggi Kosambī quan tâm, lo lắng thăm hỏi bệnh tình của ngài, hiện ngài có kham nhẫn nổi với cơn đau hay không? Ngài đã xoay sở và tự chữa bệnh cho mình có hiệu quả hay không?

Đến công viên Badarika, tỳ-khuru Dasaka thấy tỳ-khuru Khemaka nằm bệnh nơi một cái chòi hoang tồi tàn, dường như chỉ còn bộ xương nhưng thần sắc rất an nhiên, tự tại. Sau khi lặp lại lời thăm hỏi của chư tănggi Kosambī, đợi câu trả lời nhưng không nghe ông ta nói gì cả. Tỳ-khuru Dasaka bèn tự động đi quét dọn, chùi rửa nơi này nơi khác, tìm cách múc nước đầy nơi chỗ chứa - lạng lẽ đánh lễ vị trưởng lão rồi từ giã. Trước sau, tỳ-khuru Khemaka vẫn không nói một lời, ông chỉ nghĩ thầm trong bụng rằng: “Mấy ông tỳ-khuru ở Kosambī không có việc gì làm hay sao mà cho người đến thăm hỏi vớ vẩn như vậy chứ? Tu không chịu tu, cứ làm ba cái chuyện tào lao không!”

Lần thứ hai, sau khi không nhận được câu trả lời nào, tỳ-khuru Dasaka được cử đi một lần nữa, với câu hỏi của chư tănggi ở Kosambī: “Ngài đã thấy tự tánh của ngũ uẩn chưa?” Lần này, tỳ-khuru Khemaka cũng chẳng ừ với chẳng hử! Tiếp tục, tỳ-khuru Dasaka được cử đi lần thứ ba với câu hỏi: “Ngài đã đắc quả A-la-hán chưa?” Nghĩ là với câu hỏi ấy thì hơi quá đáng, và cũng đã “quá tam ba bận”, không đáp không được, tỳ-khuru Khemaka nói cộc lốc, cụt ngắn: “Chưa!”

Thế mà vẫn không yên, Dasaka được cử đi lần thứ tư với câu hỏi: “Khemaka có nghĩa là gì trong tự tánh?”

Hết chịu nổi với những câu hỏi ngu ngốc, phù phiếm của những tỳ-khuru ở Kosambī, bốn lần khó chịu dường như vón đặc lại thành một cục trong cổ họng, khạc mãi không ra, tỳ-khuru Khemaka vùng ngồi dậy. Mặc dầu sức khỏe còn yếu, ông cũng gắng gượng chống gậy cùng với tỳ-khuru Dasaka đến Kosambī. Và thật kỳ diệu, do đường xa lao nhọc, ông toát mồ hôi lớp này đến lớp khác và người cảm thấy rất nhẹ nhàng, rồi lành bệnh.

Và cuộc đối thoại giữa tỳ-khuru Khemaka với nhóm sáu mươi tỳ-khuru ở Kosambī đã xảy ra:

- Tại sao quý vị làm phiền tôi quá vậy?

- Nghe đồn về đời sống giới hạnh nghiêm túc và khả năng giáo pháp của ngài, nên chúng tôi chỉ muốn học hỏi thôi!

- Thế tại sao quý vị không chịu khó khởi cái tâm một chút, chịu khó nhấc cái chân một chút mà lại làm phiền đến tỳ-khuru Dasaka chắt phác và hiền lành này?

- Chúng tôi thấy người bạn trẻ này rất nhiệt tình và không hề than van lấy nửa lời.

- Hóa ra, do vậy mà các vị đã lợi dụng lòng tốt của người ta?

- Chúng tôi xin sám hối!

- Không phải là với tôi!

Tỳ-khuru Dasaka vội xua xua tay, mỉm cười nói:

- Tôi có đôi chân tốt, giúp nhau một tí thôi! Không cần thiết phải nghiêm trọng sám hối như vậy đâu!

Sau đó, đoạn đối thoại được tiếp tục.

Tỳ-khuru Khemaka nghiêm sắc mặt:

- Rồi còn những câu hỏi nữa. Tại sao chư vị cứ chơi cái trò rỗng không và vô ích như thế?

Nhóm tỳ-khuru kia cúi đầu như nhận lỗi. Tỳ-khuru Khemaka nghĩ là cần phải nghiêm khắc, đưa họ từ đường biên, trở về với nẻo chánh, bèn thuyết giáo rằng:

- Chỉ những câu nói giúp nhau tiến triển giới, định, tuệ và tuệ giải thoát mới được gọi là lời nên nói, mới là chánh ngữ, đây là lời nghiêm huấn của đức Tôn Sư. Ngoài ra, không chỉ nói và nghe suông mà còn cần phải thực hành, thường trực niệm và quán ngày cũng như đêm, đêm cũng như ngày. Tự tánh của ngũ uẩn là sanh diệt, là rỗng không, điều đó ai cũng biết, nhưng chỉ biết bằng tướng tri hoặc thức tri thì có ích lợi gì, có hay hướm gì mà đặt câu hỏi? Cái biết ấy chỉ là ngoài da. Chúng phải được nhìn thấy và chứng nghiệm bởi tuệ giác do công phu hành trì miên mật, quý vị phải hiểu như thế chứ !

Thấy nhóm tỳ-khuru kia có vẻ chăm chú lắng nghe, có vẻ phục thiện nên ngài tiếp:

- Còn Khemaka có nghĩa là gì trong tự tánh ư? Chẳng có gì ráo! Nó chỉ là cái tên suông thôi! Tuy nhiên, ngay chính tôi cũng chưa hề thấy được như thực cái tên suông ấy, cái danh ấy, bao giờ tôi cũng sinh khởi cái tôi ấy mà biết, sinh khởi cái của tôi ấy mà hành! Chưa bao giờ tôi trả được tự tánh vô thường, vô ngã lại cho vô thường và vô ngã cả! Tôi chưa làm được điều đó. Một vị thánh A-na-hàm đầu đã đoạn tận năm món kết buộc và sai sử⁽¹⁾ mà vẫn còn bị ràng buộc bởi cái tôi ấy, cụ thể là vẫn còn ngã mạn, phóng tâm và vô minh. Chư vị hãy biết rõ như vậy, thấy rõ như vậy chứ!

Lời của tỳ-khuru Khemaka vừa chấm dứt, chợt ông lặng người, một sự kỳ diệu xảy ra trong tâm ông, ông đắc quả A-la-hán ngay tại chỗ. Và còn kỳ diệu hơn thế nữa, sáu mươi vị tỳ-khuru kia cũng đắc quả A-la-hán luôn.

Thế rồi, khi câu chuyện này được lan truyền ra, mọi người tín mộ, cả tăng và tục ùn ùn kéo đến; từ đó, Badarika mới bắt đầu được xây dựng cốc liêu ngày càng nhiều và mọi

⁽¹⁾ 5 món kiết sử: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, tình dục, bất bình.

công trình chính và phụ trông cũng tươm tất. Hiện giờ được gọi là công viên Badarikārāma.

Đức Phật kể ngang đó, biết mọi người còn thắc mắc về thân phận nô lệ của tỳ-khưu Dasaka, ngài nói tiếp, và sau đó, ai cũng hiểu như sau:

- Bây giờ tỳ-khưu Dasaka đã đắc quả A-la-hán rồi. Trước đây, ông tinh tấn phục vụ thì tốt nhưng hễ cứ ngồi thiền thì hôn trầm, thụ miên lại kéo đến. Đức Phật và tôn giả Mahā Moggallāna đã khiển trách và cũng đã nhiều lần sách tấn, khuyến khích, tìm biện pháp thích nghi diu dắt ông ta từng bước một. Do nhân duyên quá khứ, cách đây chín mươi một kiếp (kappa), tiền thân Dasaka gặp được đức Phật Độc Giác Ajita và có cúng dường đến vị này một quả xoài. Đến thời đức Phật Kassapa, ông ta đã là một vị tỳ-khưu. Đây là nhân và duyên giúp tỳ-khưu Dasaka đắc A-la-hán quả. Tuy nhiên, trong một kiếp quá khứ khác, ông ta sai bảo một vị A-la-hán làm một số việc lật vật cho mình nên đã nhiều đời kiếp phải mang thân nô lệ.

Nhân như vậy đó, duyên như vậy đó và quả cũng như vậy đó. Hóa ra từ những câu hỏi vớ vẩn, mà cuối cùng, từ cái vớ vẩn mà thành tựu đạo quả! Thật kỳ diệu và thú vị vậy thay!

Rāhula **Ngủ Trong Nhà Xí**

Hội chúng du hành hôm ấy, như những đám mây trời, lại ra đi, lại lên đường. Tôn giả Sāriputta, bao giờ cũng vậy, là kẻ đi sau cùng để tìm cách giúp đỡ các vị sư già yếu hoặc thành linh ốm bệnh. Tôn giả quả như là một người mẹ hiền với đàn con dại cần được chăm sóc. Sẽ có khá nhiều vị sư, vì lý do nào đó rơi rớt lại dọc đường, nên ngài thường cùng các vị tỳ-khưu trẻ trung, các vị sa-di biết việc, tháo vát sẽ cáng đáng tất cả các trường hợp bất ngờ phát sanh.

Bởi vậy, lúc ấy đã khá khuya mới đến công viên Badarikārāma, tôn giả cùng hội chúng của ngài không tìm ra nơi nào để qua đêm. Cốc liêu đặc biệt riêng thường dành cho tôn giả đã bị người khác chiếm chỗ. Đi quanh một vòng, không còn một hành lang, một gốc cây, một lùm cây nào là còn khoảng trống. Thế rồi, tôn giả phải ra ngoài trời, cột một tấm y tạm che sương, trải tọa cụ lên đất rồi ngồi kiết già suốt đêm.

Các vị sa-di theo thói quen, ghé vào các liêu thất, ngủ dưới sàn nhà của bất cứ vị tỳ-khưu nào, nhưng đều bị đuổi ra ngoài. Không ai giải thích lý do. Riêng có một vị tỳ-kheo

già, thấy Rāhula, con trai của đức Phật cùng chịu chung cảnh ngộ nên đã cặn kẽ trình bày nguyên do, nói rằng:

- Nay Rāhula quý mến! Trước đây sa-di ngủ chung với tỳ-khuru thì được, nhưng hôm đó, tại điện Aggāḷava, thành phố Āḷavī, đức Phật đã chế định điều luật: Tỳ-khuru không được ngủ chung phòng với người chưa thọ giới. Có lẽ Rāhula chưa nghe biết đó thôi.

- Thừa vâng!

- Chỉ mới mấy tháng trước, tại Āḷavī, nhiều tỳ-khuru-ni và nhiều nữ cận sự thường đến tịnh xá để nghe đức Thế Tôn thuyết pháp, buổi giảng pháp thường tổ chức vào ban ngày. Sau một thời gian, những thời pháp lại chuyển sang ban đêm chỉ để dành cho tỳ-khuru và cận sự nam. Sau thời pháp, chư vị trưởng lão thì có cốc liêu nên họ rút về phòng, còn chư tỳ-khuru trẻ và cận sự nam thì nằm ngủ chung chạ tại giảng đường. Khi họ ngủ, những hình ảnh thiếu mỹ cảm hiện ra. Có vị tỳ-khuru nằm ngáy khò khò vang dội. Có vị tỳ-khuru nằm há hốc như miệng cá ươn, nước dãi chảy tràn ra. Có vị tỳ-khuru ngiên răng như cóc ngiên. Có vị nằm gác chân ngang dọc, ngược xuôi lên vị khác, y áo lổ lỗ, hở hang cả hạ thể trông rất khó coi. Trong hội chúng ấy có một thánh nam cư sĩ, chứng kiến hình ảnh không đẹp mắt ấy, sợ một số cư sĩ sẽ mất đức tin với chúng tỳ-khuru, nên sáng hôm sau, thưa bạch mọi điều tai nghe mắt thấy lên đức Thế Tôn. Vậy là buổi giảng pháp hôm sau, đức Phật chế định học giới ấy.

Nghe rõ nhân và quả, sa-di Rāhula tri ân vị tỳ-khuru già rồi lặng lẽ đi tìm kiếm chỗ nghỉ cho mình. Qua sân, ra vườn, Rāhula đứng lặng một hồi chiêm ngưỡng hình ảnh đẹp đẽ, vô ngại của thầy mình - tôn giả Sāriputta - rồi bước vào bên sau. Đến hương phòng của đức Phật, thấy bên cạnh có phòng vệ sinh, còn chập chờn ánh đèn dầu lạc và tỏa ra mùi

huong⁽¹⁾, Rāhula khẽ hé cửa bước vào, và chú có cảm giác ở đây như là cung điện của phạm thiên!

Sáng ngày, đức Phật đứng trước phòng vệ sinh và đặng hắng⁽²⁾, bên trong vẳng lại tiếng đặng hắng đáp lời. Đức Phật hỏi:

- Ai đây?

- Đệ tử Rāhula đây!

Cửa mở, Rāhula thu xếp lại y bát trên nền đất rồi đánh lễ đức Phật.

- Sao con lại nằm ở chỗ bất tịnh này?

Rāhula kể lại mọi sự. Chú cũng không quên kể lại trường hợp tôn giả Sāriputta cũng không có chỗ nghỉ, phải qua đêm trên nền đất lạnh ngoài vườn.

Xúc động chánh pháp, đức Phật suy nghĩ: “Quả thật, ta có chế định điều đó tại Ālavī nhưng chỉ là với nam cư sĩ, và ta cũng chưa cho tuyên bố rộng rãi lý do là vì khắp nơi cốc liêu còn chật chội. Mà cho dù với sa-di chẳng nữa thì cũng chỉ là chế định mà thôi. Gọi là chế định thì bao giờ cũng tùy lúc, tùy khi, tùy trường hợp phát sanh! Cái kiêu mà chúng áp dụng cứng nhắc như vậy là giết chết sinh mạng học giới (chưa thành luật) của Như Lai, luôn cần phải uyển chuyển và thích nghi theo từng hoàn cảnh. Chuyện ấy đã tệ mà chuyện với Sāriputta còn tệ hơn! Chúng còn coi thường luôn bậc thầy của họ, dám ngang nhiên chiếm luôn tịnh thất riêng của Sāriputta thì còn chi tôn ti hạ lạp, tôn kính, kính trọng các bậc trưởng thượng?”

(1) Bất cứ đại tịnh xá nào cũng có thiết kế hương phòng, nhà vệ sinh riêng cho đức Phật (các công trình này thường thiết kế rất khéo léo, tế nhị, mỹ cảm; luôn có đèn, có hoa, có hương thơm phảng phất - không do thí chủ tạo thì cũng do chư thiên làm). Đôi nơi có thêm liêu thất của hai vị đại đệ tử nữa.

(2) Thói quen lịch sự của ngài, dù có người hay không có người ngài cũng lên tiếng đặng hắng như vậy.

Thế rồi, đức Phật cứ để cho không khí sinh hoạt diễn ra bình thường như không có chuyện gì xảy ra, chỉ bảo thị giả Upavāna và các vị trưởng lão thông báo toàn thể chư tăng ni trong thị trấn Bādarika tụ họp đông đủ tại tịnh xá để nghe ngài thuyết giảng.

Vào buổi chiều, khi hội chúng đã tụ tập đầy đủ, tràn ra cả khu vườn, mở đầu cuộc giáo giới, đức Phật hỏi:

- Này Sāriputta! Đêm hôm qua, Rāhula, đệ tử của ông, ngủ nghỉ ở đâu?

- Thưa, đệ tử không rõ, vì lúc đến đây đã khá khuya!

- Nó ngủ nghỉ trong nhà vệ sinh đấy!

Cả hội trường như thảng thốt, bàng hoàng.

Đức Phật yên lặng một lát, đưa đôi mắt nghiêm khắc lướt quanh một vòng rồi chậm rãi nói:

- Sāriputta không biết, đúng vậy! Vì chính ông ta, một người lớn tuổi, một vị thượng thủ, một bậc thầy của giáo hội cũng phải ngồi suốt đêm ngoài sương lạnh! Lý do là tịnh thất của ông ta đã bị tỳ-khuru khác chiếm mất chỗ! Thế đấy! Chẳng lẽ nào giáo pháp của Như Lai, cái giáo hội độc thân này lại tệ hại, tệ mạt như thế? Tệ hại, tệ mạt vì trẻ thì bị vứt bỏ chẳng ai ngó ngang đến, mà tuổi lớn, hạ lap cao, bậc trưởng thượng lại không được cung kính và tôn trọng hay sao!?

Lời khiển trách của đức Phật làm cho cả hội trường như bị hóa đá.

Đức Phật bắt đầu xuống giọng:

- Với Rāhula mà chư tỳ-khuru còn đành đoạn quay lưng, vất bỏ như thế thì nói chi đến tình tương thân, tương ái, tương nhượng? Rồi còn rất nhiều những sa-di mới học tu khác nữa, không biết số phận còn tôi tệ đến dường nào? Rồi sau này, biết được chuyện này, có cha có mẹ nào mà còn dám cho con em họ vào học tu trong giáo pháp không có một chút quan hoài, thiếu thốn tình người như thế?

Chuyện tại Ālavī, bây giờ Như Lai chế định lại cho rõ ràng, kéo nhiều vị hiểu lầm, như sau:

- Tỳ-khuru không được ngủ chung phòng với nam cư sĩ, riêng sa-di, nơi nào thiếu phòng ốc, liêu xá thì cho ngủ chung được ba đêm, quá ba đêm thì phạm tội pācittiya (ba-dật-đê). Khi phạm tội này thì phải thú nhận và sám hối trước tăng. Tỳ-khuru-ni cũng tương tự vậy. Và các vị trưởng lão phải công bố điều này một cách rộng rãi và đều khắp trong các hội chúng tu học.

Voi, Lừa Và Đa Đa

Sau khi chế định lại điều học, vì các vị tỳ-khưu chỉ thêm một chữ “chưa thọ giới” và “chưa thọ đại giới” mà sinh ra có sự, đức Phật lại quay sang kể chuyện xưa để giáo giới chuyện xảy ra với tôn giả Sāriputta.

- Nay hội chúng! Thuở xưa, rất là lâu xưa, trong khu rừng già nọ có một con voi, một con lừa và một con chim đa đa chung sống, làm bạn với nhau rất là thuận hòa và êm ấm. Chúng thường vui chơi với nhau, nô giỡn với nhau, tụ họp, chuyện vãn với nhau dưới tàn đại cổ thụ cành lá sum suê đã hàng ngàn năm tuổi.

Hôm nọ, voi chợt nói:

- Nay các bạn! Chúng ta sống với nhau dường như đã quá lâu, không ai còn nhớ thời gian, và cũng không ai biết là ai sinh trước, ai sinh sau, ai lớn, ai nhỏ! Kỳ không? Phàm lớn là anh mà nhỏ là em! Ít ra, chúng ta phải làm thế nào để biết rõ ai lớn ai nhỏ để xưng hô cho phải lẽ chứ? Nhỏ thì phải biết vâng lời, tôn kính, tôn trọng lớn; lớn thì phải biết nhường nhịn, chớ che, đùm bọc nhỏ! Các bạn nghĩ có đúng thế không?

Chim đa đa gật đầu, nhưng lừa thì chợt cười:

- Trên nguyên tắc thì đồng ý! Nhưng bạn voi ơi! Chữ gọi là nhỏ và lớn của bạn đưa ra có vấn đề đấy! Nói rõ là nó có vẻ ồm ồm, lấp lửng, không rõ nghĩa! Tại sao ư? Bạn to con, lớn xác, chẳng lẽ bạn làm anh ư? Vậy phải xác định rõ, lớn ở đây là lớn về tuổi tác, chứ không phải là to con, lớn xác, đồng ý thế không?

Voi vỗ chân đồm độp:

- Bạn đã bóp méo vấn đề. Câu tôi nói là thời gian sinh trước, sinh sau mà!

- Vậy thì được!

Chim đa đa nói xong, bèn quay sang hỏi tuổi tác của ông voi.

Voi bần thần ngẫm ngợi một lúc, rồi chột đưa mắt ngược nhìn cây đại cổ thụ cao gấp cả hàng chục lần nó, đáp rằng:

- Tôi không biết là tôi sinh ra từ lúc nào, ở đâu, nhưng còn nhớ rất rõ, khi tôi lớn lên, cái vôi của tôi có thể sờ cái đọt cây này một cách dễ dàng!

Lừa cười, bày cả hàm răng trắng hếu:

- Vậy là bạn còn nhỏ tuổi. Thuở lớn lên, tôi cao ngang bằng cây đại thụ này và tôi ăn những đọt lá của nó dễ như chơi, không cần phải nhón chân, độn móng!

Nghe voi và lừa kể, chim đa đa chột hót lên một tràng không giống ai, kèm thêm giọng cười hin hít, chin chít rất khó nghe.

Cả hai bèn hỏi chim:

- Bạn làm cái quái gì vậy?

- Tôi cười! Chim đáp - tôi vui quá nên tôi cười kiểu chim đa đa như vậy đó! Các bạn hiểu tại sao không? Tôi không còn nhớ thời gian hay tuổi tác, nhưng tôi biết rõ như thế này. Thuở ấy, khi qua chơi trên Himalaya, tôi ăn được một chùm trái ngon ngọt như mật ong, khi bay ngang đây, tôi ỉa xuống một bãi phân. Rồi từ trong đó, một cái hạt nứt ra, mọc lên thành cây đại cổ thụ bây giờ!

Voi vốn đôn hậu, thật thà, xác nhận:

- Hóa ra tôi to con lớn xác mà lại là sinh sau đẻ muộn. Vậy so tuổi tác với các bạn, tôi nhận mình là em út đó nghe! Bạn lừa là anh thứ của tôi, còn chú đa đa bé tí xiu kia lại là anh cả, anh trưởng. Vậy từ rày về sau, chúng ta cứ theo thứ tự tuổi tác để xưng hô cho phải lẽ.

Đức Phật cất giọng kết luận như tiếng chuông ngân tinh thức:

- Voi, lừa, đa đa là giống súc sanh, noãn sanh thể mà chúng còn biết phân biệt tuổi tác lớn nhỏ, biết tôn ti trật tự, biết cách xưng hô để tôn kính kẻ lớn tuổi hơn mình. Còn trong giáo hội này, chuyện gì đã xảy ra?

Như Lai thường coi Sāriputta như ngang hàng với Như Lai, là bậc trưởng thượng, thượng tôn tăng đoàn. Là vị đệ nhất đại đệ tử, là thượng thủ của giáo hội, thế mà các ông tỳ-khuru trẻ lại không biết tôn kính Sāriputta, con trai trưởng của Như Lai!

Này đại chúng Tăng ni! Sāriputta niên cao, lạp⁽¹⁾ lớn, hằng quan tâm đến đại chúng, đến sự phát triển của giáo hội, đến sự hoằng dương giáo pháp nên ít có cơ hội nghĩ đến bản thân mình, nếu không muốn nói là ông ta đã dứt bỏ cái bản ngã, ít ăn, ít ngủ, chỉ sống cho mọi người, lo cho mọi người. Thế mà ở đây đã có một số vị không thấy, không biết cái ân đức ấy của Sāriputta. Từ tu viện này sang tu viện khác, từ vườn rừng này sang vườn rừng khác, ở đâu cũng có tấm lòng và bàn tay chăm sóc, vun quén của Sāriputta! Từ việc nhỏ đến việc lớn, từ trong ra ngoài, việc gì ông ta cũng chu tất, toàn mãn không chê vào đâu được. Sāriputta lo cho người bệnh, người già yếu, hướng dẫn giáo pháp không mệt

⁽¹⁾ Lạp là nói tắt của hạ lạp, tàu lấy ý từ chữ vassa (hạ), an cư mùa mưa. Sở dĩ tàu dùng chữ lạp (tháng chạp) là nhằm nói đến hết năm. Vị tỳ-khuru thường tính tuổi đạo bằng bao nhiêu mùa an cư (vassa), một hạ được coi như là một năm tuổi đạo.

mỏi; không bỏ quên cả một sa-di nhỏ tuổi, quan tâm đến cả từng bữa ăn, một cái chần đắp, một cái mụn nhọt chưa lành của ai đó. Thế gian này không có một ông Sāriputta thứ hai với những phẩm chất tuyệt hảo như thế, muôn triệu năm mới có một người. May ra chỉ có thêm Moggallāna là tương tự. Thế mà, đêm qua, Sāriputta của chúng ta không có được một chỗ nghỉ, dầu là một mái che nhỏ, dầu là một góc hành lang! Tịnh thất đặc biệt dành riêng cho ông ấy đã bị mấy ông tỳ-khuru trẻ nào đó chiếm chỗ. Thế là với một lá y tạm che sương, Sāriputta qua đêm giữa sương lạnh!

Đại chúng nghĩ thế nào về điều tệ hại ấy? Các vị sống trong giáo pháp phát triển đời sống tinh thần bậc cao mà tại sao lại còn thua con voi, con lừa, con đa đa trong câu chuyện kể trên?

Đức Phật im lặng. Giảng đường yên lặng. Cả con muỗi bay cũng nghe được âm thanh. Có một số các vị tỳ-khuru xấu hổ cúi gầm mặt xuống. Có một số vị thì học được bài học nghìn vàng.

Đến ngang đây thì tôn giả Sāriputta đâu từ bên ngoài bước vào, đánh lễ đức Phật rồi thưa rằng:

- Sự giáo giới của đức Thế Tôn quả thật là lợi lạc cho đại chúng, là hữu ích cho kỷ cương, phép tắc của giáo hội. Đã làm cho trang nghiêm giáo hội. Nhưng ở đây chỉ có một số tỳ-khuru còn nhỏ tuổi, trẻ người, non dạ chưa được thuần thục trong giáo pháp mà thôi. Sau khi đức Thế Tôn đã giảng thời pháp này rồi thì có lẽ không còn ai dám để mình phải thua con voi, con lừa, con chim đa đa kia nữa. Riêng đệ tử, một đêm ngoài trời thì cũng chưa đến nỗi nào. Tôn giả Mahā Kassapa, đệ tử của tôn giả và hằng trăm vị tỳ-khuru sống đời đầu-đà khổ hạnh, họ luôn ngủ nghỉ dưới những chỗ không có mái che mà tinh thần vẫn kháng kiện, sức khỏe vẫn tốt.

Đệ tử xin thay mặt số chư sư đại đệ tử ấy, sám hối dưới chân đức Thế Tôn, vì một phần lỗi cũng do đệ tử,

Moggallāna hoặc chư trưởng lão khác chưa dạy dỗ họ đến nơi đến chốn!

Đức Phật im lặng thọ nhận cái lạy và lời sám hối ấy xong, ngài nói:

- Chư vị thấy chưa? Lỗi của mấy ông tỳ-khuru ngu si mà Sāriputta phải sám hối đây!

Rồi ngài nhìn tôn giả với tia mắt vô cùng thương yêu và trân trọng, nói rằng:

- Thôi, ông hãy đứng dậy đi! Như Lai sẽ xá tội cho tất cả!

Sau đó, đức Phật dạy:

- Từ rày về sau, tất cả sa-di đều phải xem tỳ-khuru là thầy, là cha của mình. Tỳ-khuru cách nhau ba hạ lạp cũng phải được quy định bởi sự tôn kính như thế. Riêng các vị đại trưởng lão, Tăng chúng phải xem gần như ngang hàng với Sāriputta, Moggallāna, Mahā Kassapa... Và nếu như ngang hàng với các vị ấy cũng có nghĩa là ngang hàng với Như Lai. Tất cả mọi trú xứ, chỗ ngủ nghỉ, trong nhà ăn, tại nhà hội, giảng đường, trên đường đi đều phải theo tôn ti hạ lạp. Như Lai không muốn có trường hợp xảy ra như hôm qua nữa. Sāriputta đã sám hối cho các ông, vậy nếu không khôn ngoan hơn, lửa địa ngục sẽ thiêu cháy các ông rất nhiều đời kiếp đây, chẳng ai có thể cứu nổi đâu nếu mình không biết tự cứu!

Tâm Gương Học Tập Của Rāhula

Suốt mấy ngày sau đó, đại chúng khắp thị trấn cứ mãi bàn tán về chuyện tôn giả Sāriputta!

Ồ! Tôn giả đã được đức thế Tôn tán thán như vậy, ca ngợi như vậy... lại còn xem ngang hàng với ngài. Và quả thật, tư cách, phẩm chất cao quý của ngài được tán dương là chuyện đương nhiên.

Riêng Rāhula ai cũng đưa mắt cảm kích yêu mến người con trai của đức Phật. Thường thì với tâm lý thường phàm, ai cũng y lại mình là con của đức Phật oai danh lừng lẫy, thầy của ba cõi, thế mà Rāhula lặng lẽ ôm y bát vào ngủ trong nhà vệ sinh, không ta thán lấy một lời. Quả là một nhân cách hiếm có!

Một số vị tỳ-khuru từng sống, từng biết Rāhula tại Kỳ Viên, còn kể thêm rằng:

- Chư vị chưa biết đó, Rāhula còn có những phẩm hạnh khác nữa đấy.

Rồi họ kể:

- Những năm mới vào học tu, từ bảy tuổi đến mười tuổi, cứ mỗi sáng sớm, Rāhula ngày nào cũng ra vườn, tung một nắm cát lên trời rồi nguyện rằng, ngày hôm nay sẽ học nhiều

như đám cát kia. Và quả thật, Rāhula cứ lặng lẽ, miệt mài theo đuổi sự học, khi là với thầy của mình là tôn giả Sāriputta, sau đó là với tôn giả Moggallāna hoặc các vị trưởng lão có đầy đủ tuệ phân tích hoặc tinh thông pháp học. Đừng thấy Rāhula ít nói mà khinh thường nghe, pháp và luật cậu ta nằm lòng đấy. Lại còn xin tôn giả Sāriputta học thêm Abhidhamma nữa! Giỏi một cái nữa là Rāhula học nhiều mà không sinh ngã mạn chút nào. Đối với tỳ-khuru, cậu chưa hề lên mặt hoặc xem thường bất cứ một ai!

- Đúng vậy! Vị khác tiếp lời - Thỉnh thoảng, các vị trưởng lão tìm cách thử thách, xem thử tâm địa của Rāhula ra sao, họ quăng rác lung tung chỗ này, chỗ kia, nơi nào Rāhula bước qua. Rồi giả vờ quát lớn:

- Này chú bé, ai quăng rác bừa bãi ở đây?
- Thừa tôn giả, đệ tử không biết!
- Ai nữa! Chỉ có ông ở đây thôi mà!
- Vậy thì thừa tôn giả thứ lỗi cho, đệ tử sẽ tức khắc dọn rác ngay!

Nói xong, Rāhula kiếm cách quét dọn đâu đó sạch sẽ đàng hoàng rồi mới bước đi!

Mọi người ai nghe cũng cảm kích, mến yêu.

- Chưa thôi! Một vị trưởng lão thấy nhiều tỳ-khuru đàng hoàng muốn nghe chuyện nên tiếp lời - Tôi ở Kỳ Viên lâu năm, tôi biết. Bình thường thì ở đây nhân số chừng năm bảy trăm vị, nhưng khi nghe có mặt đức Thế Tôn, chư tăng mười phương lũ lượt tìm về, có khi lên đến con số bốn, năm ngàn người. Những lúc như thế thì thật khổ cho chư vị trưởng lão, nhất là hai vị đại đệ tử. Việc ăn, việc ở, việc tới lui phức tạp, nhà tắm, nhà cầu, phòng ăn... thật là hằng trăm thứ việc phải lo toan, cằng đáng. Chuyện thường xuyên bức xúc nhất là trật tự, kỷ cương, ngăn nắp, vệ sinh trong sinh hoạt tịnh xá. Tăng chúng quá đông, thế là chim linh, phượng hoàng ở lẫn với gà cồ, gà mái; ngọc vàng lẫn với bụi cát. Cả

hằng trăm tỳ-khuru và sa-di còn quá nhiều phàm tính, tục tính, chưa được thuần thục trong giáo pháp, chính họ là thủ phạm làm xáo trộn nếp sống yên ả, thanh bình ở đây. Có nhiều nhóm, đôi khi chỉ vì một gốc cây, một chỗ nghỉ mà sinh ra tranh giành, ẩu đả, chửi mắng nhau. Nhiều vị do ích kỷ, biếng nhác, ăn và chơi, không chịu sờ mó công việc, không chịu tu tập mà chỉ mong chiếm tiện nghi, thủ lợi riêng cho mình, ai ra sao, mặc kệ. Chư thánh trưởng lão sống đời khiêm tốn, vô tranh, từ hòa, vắng lặng nên họ luôn là kẻ thua cuộc, lặng lẽ ôm y bát nhường chỗ, nhường phần cho họ.

Thấy câu chuyện diễn ra giữa khu vườn, ngày càng lôi cuốn nhiều vị sư ghé đến lắng nghe. Vị trưởng lão hào hứng tiếp tục:

- Chư đệ biết không? Người mà đề tâm chăm lo tất tẩn tất công việc ở Kỳ Viên chính là Rāhula, con trai của đức Thế Tôn đấy!

- Ô!

- Chư đệ hãy lắng nghe đoạn đối thoại giữa tôn giả Sāriputta và Rāhula mà tôi còn nhớ nội dung rất rõ...

- Vâng!

- Hôm đó - vị ấy kể - bên ngoài rừng cây, tôn giả Sāriputta ngồi quây quần với một nhóm sa-di. Câu chuyện như sau:

- Ta mới đi có mấy hôm, nhưng sao trở về thấy đâu cũng sạch sẽ ngăn nắp, thơm mát như thế? Không biết Rāhula đã cắt đặt công việc như thế nào mà hay vậy?

- Không phải mình đệ tử đâu, là khối óc và bàn tay chung của rất nhiều vị đấy ạ!

- Cứ kể lại tình hình cho ta nghe!

- Thừa vâng! Rāhula mau mắn đáp - Nơi bệnh xá lúc này hiện có một số tỳ-khuru ở Takkasilā, Vamsā, Aṅgā, Kosambī, Kuru... về; có nhiều vị do đường xa nên ngã bệnh. Họ bị sốt rét, tả lỵ hoặc thương hàn... Hôm kia, tôn giả Mahā

Moggallāna ghé thăm, ngài đã ủy lạo và sách tấn tinh thần. Tôn giả còn kể lại một câu chuyện cũ để nhắc nhở chư tỳ-khuru và chúng sa-di. Rằng là đã có trường hợp đáng tiếc xảy ra ở đây, chuyện ấy không thể lặp lại. Có một thầy tỳ-khuru bị bệnh mụn nhọt, lở loét, hôi hám, dơ dáy... đã bị chúng quăng bỏ vào bìa rừng. Sáng ngày, chính đức Đạo Sư đã sai mang vào phòng giữ lửa; chính ngài đã đích thân nấu nước sôi, tắm khăn ấm lau sạch thân thể cho người bệnh. Sai người giặt y ngoại phơi khô, lấy y ngoại đắp rồi giặt sạch y nội... Do bệnh quá trầm trọng nên sau đó vị tỳ-khuru kia qua đời. Nhưng mà trước khi còn hơi thở, đức Phật quán căn cơ, thuyết một thời pháp, vị ấy đắc quả A-la-hán và Niết-bàn ngay tại chỗ. Kể xong chuyện ấy, khi đi, tôn giả để lại năm vị tỳ-khuru trẻ ở lại, nhiệt tình chăm sóc cho người bệnh. Còn chuyện com nước, thuốc men, mật, đường, sữa... trưởng giả Cấp Cô Độc vẫn thường cho người cung cấp rất chu đáo. Còn việc quét dọn bệnh xá, nấu nước sôi giặt rửa y áo, chăn màn, đồ ống bô cùng nhiều việc linh tinh khác ở đây, thường thì chúng sa-di đảm nhiệm, thưa tôn giả!

- Ủ, hay lắm! Ta rất cảm động. Ta xin cảm ơn tất cả các con!

- Dạ... nhưng...

- Con cứ nói!

- Thưa! Vẫn có tình trạng một số tỳ-khuru khai dối bệnh để được dùng vật thực đặc biệt; họ còn thu giấu đường, sữa, mật ong, tích trữ thuốc! Thật là phức tạp...

- Ủ, chuyện muôn đời mà!

- Noi tăng xá - Rāhula kể tiếp - Noi chỗ chư tăng ở và đi thì thật là lộn xộn. Biết bao cái sờ sờ trước mắt như giường hư, gối bẩn, mùng mền rách và dơ. Chúng con ba bốn người làm không xuể. Tôn giả Mahā Kassapa đi ngang qua, thấy thương tình nên cất đặt thêm cho bốn vị tỳ-khuru trẻ đến phụ giúp.

- Tốt quá!

- Còn đại giảng đường mênh mông thì công việc cũng mênh mông. Ngay chỗ thuyết pháp của đức Tôn Sư bao giờ cũng có cả rừng hoa tươi, hoa héo lẫn lộn nhau, lại có một số hoa đã mủn ra. Nơi chỗ bệ đặt chiên đàn và hương liệu, lúc nào cũng vấy bẩn tàn tro, cái cháy, cái cháy dở rơi rớt xung quanh. Hàng ngàn tám ngòi, hàng trăm tấm lót đủ loại, đủ cỡ bừa bộn, linh kinh tấp một đồng chỗ này, tấp một đồng chỗ kia, xâm chiếm cả các hành lang. Ngay việc sắp xếp, quét dọn vào mỗi buổi sớm, mười người lo cũng không xuể. Tội nghiệp cho tôn giả Ānanda đầu tắt mặt tối ở đây cùng với bảy tám đệ tử của ngài. Cách đây mấy hôm, chúng con có thêm mười sa-di tình nguyện đến phụ giúp công việc hằng ngày tại đại giảng đường để đỡ đàn công việc cho tôn giả được nghỉ ngơi chút ít.

- Ô, tốt quá, rất tốt!

- Ngoài hương phòng của đức Tôn Sư, ngoài một số thị giả không thường xuyên thay đổi nhau, chúng con bao giờ cũng có sẵn một hoặc hai sai-di lanh lẹ, ý tứ quét dọn cho sạch sẽ cỏ rác, đường kính hành lan đến khoảng vườn xung quanh...

- Đúng thế!

- Nơi phòng tắm công cộng, nhà tiêu công cộng, phòng giữ lửa... bao giờ mỗi nơi cũng túc trực sẵn hai sa-di.

- Chu đáo lắm!

- Nơi phòng tiếp tân cũng rất bề bộn công việc. Cứ phái đoàn này đi thì phái đoàn khác đến. Tôn giả Ānanda thường trực cho một số tỳ-khưu mặt mày sáng sủa, ăn nói văn vẻ, khiêm cung, lịch thiệp để tiếp khách. Dầu là vua chúa, các quan đại thần, tướng quân, đại triệu phú, tiểu triệu phú, giáo chủ các tôn giáo, du sĩ, đạo sĩ hành cước... bất cứ ai muốn diện kiến đức Thế Tôn đều không thể tùy tiện, phải ngồi đợi

ở đây trước đây. Tại đây, sa-di chúng con luôn túc trực bốn vị để làm vệ sinh, dẫn khách hoặc chờ được sai vật...

- Đúng vậy rồi!

- Còn nữa, nơi chỗ ngoài và trong khuôn viên đại tịnh xá, bao giờ cũng lảng vảng mấy trăm kẻ tàn thực, họ làm vậy bản, dơ ứ đủ mọi thứ. Trước đây, có một số tỳ-khuu trẻ tình nguyện chăm sóc ở đây nhưng rồi họ lần lượt bỏ đi hết vì không chịu nổi tâm địa hạ liệt của chúng. Bọn tàn thực ấy đi lung tung, nói năng lung tung, xả rác lung tung, khạc nhổ, phóng ứ lung tung, chửi bậy và đánh nhau cũng lung tung; ăn uống thì giành giựt, cẩu xé nhau. Thật không ai chịu nổi. Bây giờ thì chúng đệ tử đã quy định họ một nơi, có giới hạn. Khi nào vật thực thừa do sự cứng dờng dư dả của thí chủ, vật thực dùng không hết của chư tăng thì vị nào cũng mang đến san sẻ cho họ...

Tôn giả Sāriputta chột nhíu mày:

- Trưởng giả Cấp Cô Độc đã mấy lần quy tập họ về trại té bản rồi mà?

- Thưa, họ không chịu ở đó, cứ trốn ra ngoài, trốn ra ngoài tự do hơn.

- Thật đáng xót thương!

- Xót thương thì cũng đáng xót thương, nhưng rõ ràng tâm sao thì cảnh vậy. Địa ngục và ngạ quỷ có sẵn trong tâm họ, cả a-tu-la nữa, nên chúng đi đâu thì mang theo cảnh giới ấy. Ăn no rồi sinh chứng trộm cắp, mắng chửi, gấu ó, đánh đập nhau. Chúng kéo ra bờ sông, bìa rừng để đú đờn, rưng mỡ, cười cợt, khóc lóc, nhảy nhót... luôn luôn than khổ, luôn luôn than đói... Rõ là chúng không bao giờ biết đủ và không bao giờ có một khoảnh khắc yên lặng!

- Chúng mà sống đời biết đủ, biết dùng và có được một khoảnh khắc yên lặng thì thế gian này làm gì có bốn con đường khổ hã con!

- Thừa vâng! Thật phải kham nhẫn, chịu thương chịu khó, mở rộng tâm lòng từ may ra mới tiếp xúc, thương yêu và thông cảm với họ được. Ai đòi, cho họ y phục, vật thực, thuốc men mà họ vẫn cứ chửi mắng tỳ-khưu, nói xấu tỳ-khưu, ganh ghét, đố kỵ tỳ-khưu... đôi khi rất lỗ mǎng, rất cộc cằn, rất tục tĩu là khác nữa!

Tôn giả Sāriputta tán thán:

- Phải vậy! Biết được vậy là quý lắm! Là tốt lắm! Ta rất cảm ơn các con! Ta rất cảm ơn các con!

Chuyện kể xong, rừng cây yên lặng như tờ. Có vị đưa mắt nhìn ra xa. Có vị thấy mình còn cần phải học hỏi nhiều, trong tu tập cũng như trong công việc. Nếu ai cũng đến và đi thông dong, tự tại cả thì ai là kẻ lo cho mình trú xứ, phòng ốc, giường gối, chỗ ăn, chỗ ở, nơi nghe pháp, nhà tắm, nhà vệ sinh?

Quả thật, vị trưởng lão vô danh kia đã mở mắt cho khá nhiều vị tỳ-khưu hôm đó. Và còn nữa, câu chuyện hôm nay sẽ còn được kể đi, kể lại nhiều nơi, như là những tám gương sáng, soi chung cho đại chúng vậy!

Bài Học Của Nai Tô

Rời công viên Badarikārāma, hướng về Kosambī, đức Phật nghe chư tăng nhóm này nhóm kia cứ nhắc lại tấm gương học tập của Rāhula, lúc ngồi nghỉ dưới rừng cây, ngài nói:

- Nay chư tỳ-khưu! Cái tánh của con người, của chúng sanh thường do thói quen được huân tập của nhiều đời kiếp, rất nhiều đời kiếp. Ví dụ những tánh xấu như: Tánh tham ăn, tánh trộm vặt, tánh ưa chém giết, tánh tham tài, tánh tham sắc, tánh ưa được nổi tiếng, tánh ngu si, tánh làm biếng, tánh ưa gây gỗ, tánh ưa tranh cãi, tánh hay giành giật, tánh hay gian lận, tánh thích ngồi mát ăn bát vàng, tánh hay nói xấu người, tánh ngồi lê đôi mách, tánh ưa thêu dệt, tánh thích châm chọc, tánh hung dữ, tánh nhiều ganh ghét, đố kỵ, tánh bợ đỡ, nịnh hót, tánh ham ngủ... Và những tánh tốt như: Tánh ăn uống chừng mực, tánh không lấy cắp của người, tánh ngại chém giết, đao trượng, tánh biết đủ, tánh ngại nữ sắc, tánh không ham danh, không hiếu lợi, tánh khôn ngoan, thông minh, tánh siêng năng, tháo vát, tánh cần kiệm, biết lo xa, tánh rộng rãi, thương người hay bố thí, thích giúp đỡ, san sẻ cho người khác, tánh thật thà, tánh khiêm tốn, biết nhường nhịn, tánh không ăn vặt, tánh im lặng, ít nói, tánh

chỉ nói cái tốt của người, không nói xấu người, tánh ưa ẩn dật, không thích khoe khoang giữa đám đông, tánh hiền lành, tánh cương trực, tánh đôn hậu, tánh hy sinh, tánh dễ dạy, tánh tinh cần, tánh ham học, tánh ham hiểu biết...

Những cái tánh ấy, tốt và xấu, nó đã ăn sâu ngủ kỹ trong dòng tâm, dòng nghiệp của chúng sanh; nhất là những tánh xấu thì trong một đời, hai đời, ba đời... đôi khi không thay đổi được, không chuyển hóa được. Còn nếu là tánh tốt thì mãi được tăng trưởng thêm, phát triển thêm cũng là lẽ thường.

Như trường hợp của Rāhula, ham học và ham hiểu biết không phải chỉ mới có bây giờ, trong kiếp hiện tại này, mà đã từ rất lâu xưa, trong quá khứ, Rāhula cũng đã từng ham học hỏi, ham hiểu biết như vậy...

Khi chư tỳ-khưu muốn nghe chuyện quá khứ, nhân và quả của cái tánh “ham học hỏi, ham hiểu biết” kia, đức Phật đã kể lại như sau:

- Thuở xa xưa ấy, có một con nai chúa, thống lĩnh và chăm sóc một đàn nai lớn mấy trăm con, vây quanh một khu rừng và một bình nguyên lớn rộng.

Nai chúa có một bà chị là một con nai cái, rất tin tưởng trí tài và sự khôn ngoan của em mình; nên sau khi sinh được một chú nai tơ, nai mẹ dẫn con đến nai chúa, nói rằng:

- Này em! Em hãy chịu khó dạy cho cháu về trí tài và sự khôn ngoan của loài nai! Nếu nó học được chỉ một phần mười sáu ở nơi em thôi thì nó sẽ đầy đủ bản lãnh đi đây, đi đó, tự bảo vệ được mình khỏi những tên thợ săn gian manh, quỷ quyệt!

- Được rồi! Chị hãy về đi và yên tâm đi, em sẽ lo cho cháu học hành một cách chu đáo.

Thế rồi, từng buổi chiều, từng buổi chiều, đúng thời, đúng khắc như vậy, ra tại bãi cỏ như vậy, nai chúa dạy bảo

ra sao được nai tơ tuân thủ một cách nghiêm túc, không bao giờ tỏ ra lơ là, chệnh mảng giờ giấc cũng như sự học hành.

Bài học đầu tiên: Cháu hãy nằm một bên hông, không vùng vẫy, chân duỗi ra một cách tự nhiên... giả vờ như chết rồi, dẫu xung quanh xảy ra chuyện gì cũng không được mở mắt, không được thay đổi oai nghi!

Nai tơ tuân lời làm theo. Bài học đạt điểm xuất sắc, vì nai chúa đã tìm cách cho một số nai khác khua động âm ỉ ở xung quanh, nhưng nai tơ vẫn nằm yên lặng, không mở mắt, không có một dấu hiệu của sự sống.

Bài học thứ hai: Lấy móng chân cào đất ngay tại chỗ rồi tìm cách hất những bụi cỏ rơi vãi lung tung, làm sao trông giống như sự tuyệt vọng, sự vùng vẫy đuối sức trước khi chết!

Bài học này cũng đạt điểm tốt nhưng chưa xuất sắc do một vài đám cỏ cào xới trông không được tự nhiên, nai chúa phải chỉnh lại một đôi chỗ.

Bài học thứ ba: Tập đại tiện, tiểu tiện...

Nai tơ ngạc nhiên:

- Làm sao khi không lại có thể đi đại tiện, tiểu tiện được, thưa chú?

- Không biết! Phải tập! Tập sao mà khi cần thì phải đại tiện tiểu tiện được mới hay!

Thế là suốt một tuần lễ, nai tơ mới học được bài học khó khăn này.

Bài học thứ tư: Tập nín thở càng lâu càng tốt, nhưng phải biết giữ hơi bên trong, làm sao cho bụng trương phình lên.

Bài học này cũng khó nên ba hôm sau, nai tơ mới làm được.

Bài học thứ năm: Tập thở chỉ một lỗ mũi phải, rất nhẹ, sau đó tập thở với chỉ một lỗ mũi trái, rất nhẹ; trợn mắt và le

lưỡi, sau đó làm sao căng toàn thân cứng đờ ra như một xác chết.

Bài học này rất khó nhưng sau một tuần lễ, nai tơ thực tập được.

Thế rồi, hôm bế mạc lớp học, nai chúa còn ân cần dạy bảo thêm:

- Đừng đi đến những nơi có loài người, có vườn tược, ruộng đồng của loài người vì đây không phải là nơi an toàn cho loài nai. Nên tránh xa chỗ loài người thường hay lui tới; luôn cẩn thận quan sát trước mặt, bên phải, bên trái; để ý cái gì có móc, có vòng, những thanh tre, thanh gỗ có vẻ bất thường, thiếu tự nhiên vì đây có thể là bẫy sập của thợ săn. Nhưng nếu lỡ bị sập bẫy, phải bình tĩnh, đừng có sợ hãi, rồi thực tập những bài học giả chết như đã học, tên thợ săn ngu ngốc tưởng là nai chết thật rồi, cởi dây trói hoặc tháo vòng sắt ra, thế là con phóng vọt đi, thoát nạn.

Nai tơ rất chịu khó nghe lời rồi thực tập tới lui rất chăm chỉ, rất thuần thục.

Hôm kia, nai tơ vô ý bị bẫy sập, nó thảng thốt kêu lên, đàn nai bỏ chạy về báo lại cho mẹ nó. Bà mẹ đến nai chúa và hỏi:

- Không biết cháu nó đã học được sự khôn ngoan của loài nai thông thạo chưa?

Nai chúa nói:

- Chị yên trí. Em dạy một, nó học được hai. Sẽ không có diêm dữ đâu. Chị cứ đợi và mỉm cười, chưa tới trưa mai, cháu sẽ trở về ngay thôi!

Rồi nai chúa đọc lên một bài kệ:

“- Nai duỗi chân, tập nằm

Biết cào đất tám móng

Biết vẩy cỏ lên mình

Biết đại tiện, tiểu tiện

Sinh hôi và dơ dáy

Lỗ mũi trái thở nhẹ
Lỗ mũi phải thở nhẹ
Vớ thân thể cứng đờ
Trợn mắt và le lưỡi
Kiến ruồi đến bu quanh
Đúng xác chết thật rồi
Vậy là nai thoát nạn!”

Và đúng như nai chúa nói. Khi bị sập bẫy, nai thực tập những điều đã học. Sáng hôm sau, tên thợ săn đi đến thấy một xác chết hôi hám, bụng phình trương, cứng đờ, kiến ruồi bu quanh, mấy con quạ lượn lơ kêu quang quác; ông lấy tay vỗ bụng nó, nói rằng: ‘Mới dính bẫy đó mà sao mày lại sinh thối rồi? Vậy thì tao sẽ nướng thịt ngay tại đây rồi mang về nhà!’ Người thợ săn mở dây, gỡ kẹp cho nai. Xong, ông bắt đầu đi kiếm cây khô, cành khô để chuẩn bị nướng nai. Trong lúc đó thì nai tơ trôi dạt, đứng vững vàng bốn chân, vươn cổ rồi như một đám mây vàng bị gió lớn thổi tan, nó phóng rất nhanh, qua rừng, về với bầy đàn, thoát nạn!

Kể chuyện xong, đức Phật nói:

- Nai chúa chính là Như Lai đây, và nai tơ chính là Rāhula bây giờ. Thuở xưa nó cũng ham học lắm, ham học đã trở thành cái tánh tốt của nó. Vậy chư tỳ-khưu hãy cố gắng huân tập những tánh tốt, nếu chưa đạt đạo quả thì cũng tích lũy được rất nhiều lợi lạc an vui trong các cõi trời và người.

Có vị tỳ-khưu chột hỏi:

- Vậy nai mẹ là ai, bạch đức Tôn Sư?
- À, là tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā hiện nay đó!

Cô Thị Nữ Lung Gù

Đến Kosambī, đức Phật ghé thăm khu vườn rừng Ghositārāma, khu vườn rừng Kukkuṭārāma, sau đó thì ngài sang ngụ tại lâm viên Pāvārikārāma⁽¹⁾. Nơi nào cũng trên năm bảy trăm vị tỳ-khưu, riêng Pāvārikārāma thì khoảng chừng vài trăm. Các vị trưởng lão niên cao lập lớn, hiện giờ đang hoằng pháp tại Kosala, Bārānasī, Rājagaha, Vesālī, Mallā, Koliya hoặc Kapilavatthu nên chư tăng tại Kosambī này còn thiếu sự dẫn dắt tu tập, cần phải đặc biệt quan tâm nhiều hơn.

Sau một thời gian giáo giới tại hai trú xứ kia, đức Phật an cư tại vườn rừng Ghositārāma.

Cả đại gia đình ba nhà phú hộ Ghosaka, Kukkuṭa, Pāvārika tức tốc sai gia nhân trang hoàng nhà cửa trong ngoài cho rạng rỡ, quang đảnh và sạch sẽ để có dịp họ cung thỉnh đức Phật và tăng chúng về tư gia đặt bát cúng dường.

Dịp này, ông Sumana, là chủ vườn hoa nổi tiếng Kosambī có cơ hội kiếm tiền. Vì bao nhiêu hoa, bao nhiêu tràng hoa cũng không đủ cung cấp cho ba nhà triệu phú tiền rừng bạc biển này - để cung đón đức Phật. Nhưng hôm nay, bỗng dưng ông Sumana chợt đăm chiêu, tư lự. Rồi để mặc

⁽¹⁾ Hoặc Pāvārikambavana.

công việc hái hoa, khâu tràng hoa cho gia nhân, ông tức tốc lên ngựa lần lượt đến gặp ba nhà triệu phú, thưa rằng:

- Xin cho tôi được cung thỉnh đức Phật và tặng chúng chúng chừng mười vị để cho tôi được dịp cúng dường một lần trong đời.

Cả ba vị phú hộ đồng mỉm cười:

- Tại sao ông lại khởi tâm như thế, này Sumana?

- Thưa, tấm gương bố thí, cúng dường của ba ngài phú hộ như ba ngôi sao tỏ rạng kinh thành Kosambī. Hôm nay, nó lóe sáng lên trong cái tâm hồn tối tăm của tôi. Vậy xin ba ngài gia ân cho kẻ thấp hèn này được như nguyện.

Động lòng bi mẫn, cả ba vị triệu phú đến vườn rừng Ghositārāma thưa bạch với đức Phật thỉnh nguyện của lão trồng hoa, ngài im lặng nhận lời.

Vô cùng sung sướng, ông Sumana trở về nhà, tất bật công việc để ngày hôm sau cung đón đức Thế Tôn. Vốn là nhà trồng hoa nên ông muốn bao nhiêu hoa đẹp, hoa quý mang ra chung bày hết. Đồng thời, chẳng thềm tính tiền tính bạc, ông sai gia nhân đi mua sắm thức ngon, vật lạ, thượng vị loại cứng, loại mềm để đặt bát. Vườn nhà trong ngoài của ông giờ trông như khuôn viên của cõi trời, được sắp đặt thêm các chỗ ngồi sang trọng, chỗ đi lót thảm quý, những chậu những ghè đựng nước rửa chân, rửa tay có khăn thơm.

Sáng sớm, mọi công việc đã xong, ông xoa tay nở nụ cười hoan hỷ, mãn nguyện.

Trong lúc ấy thì một cỗ xe ngựa quen thuộc từ triều đình đức vua Udena dừng lại ở đầu ngõ. Cô thị nữ sang trọng và quý phái của hoàng hậu Sāmāvatī bước vào với cái lưng hơi gù, với cái giỏ xách tay.

- Có việc gì mà trang hoàng ngôi nhà như cõi trời thế, ông già Sumana?

Ông Sumana hớn hờ kể lại mục đích công việc của mình rồi tiếp lời:

- Vậy thì việc mua hoa hằng ngày xin quý nương hoãn lại cho một chút được không? Bao nhiêu hoa tôi đem chung cả rồi. Một đời, một lần được dịp cúng dường đức Phật mà! Chắc hoàng hậu thánh đức và nhân hậu của chúng ta cũng thông cảm cho thôi!

Nghe chuyện cúng dường đức Phật, tâm cô thị nữ Khujjuttarā lung gù chợt phát sanh niềm hân hoan kỳ lạ. Một cảm giác phơi phới, lâng lâng khó tả. Cô mỉm cười, dịu dàng đáp:

- Được, không sao! Hơn thế nữa, dù có mang về cung hoa héo, hoa tàn gì chắc hoàng hậu cũng hoan hỷ cả, tại sao ông Sumana biết không?

Rồi cô kể chuyện:

- Hoàng hậu Sāmāvātī là đệ tử của đức Thế Tôn. Năm ngoái, khi đức ngài an cư mùa mưa ở đây, hoàng hậu đã đến nghe pháp, cúng dường. Bà còn hiến cúng cả khu rừng trầm hương cho Ni chúng nữa đó. Hôm ấy, bà đang mang thai, đức Phật có chú nguyện cho trẻ sau này trở thành một hoàng tử tốt. Gần một năm trôi qua, khi sinh đứa trẻ mẹ tròn con vuông, sáng sớm nào, bà cũng hướng vọng về miền Tây Bắc để đánh lễ đức Tôn Sư. Ôi! Chú hoàng tử nhỏ kháu khỉnh và dễ thương lắm đấy.

Ông Sumana thốt lên:

- Ôi! Lành thay! Quý hóa quá!

Cô thị nữ Khujjuttarā chợt cất giọng buồn buồn:

- Nhưng cũng một năm nay, hoàng hậu của chúng ta không được vui. Tuy nhiên, đức Phật năm nay mà an cư ở đây là tốt rồi!

Ông già Sumana dường như cũng biết chuyện:

- Cái bà thứ hậu Māgaṇḍiyā lần quyền à?

- Cả nước này ai cũng biết! Nó đẹp quá, kiêu xa quá, rực rỡ quá nên đức vua mê mẩn. Nó là dạ-xoa chứ không phải người! Cái con quỷ cái mà năm kia, đức Phật đã từng chê là

“không dám sờ đụng đến, dù là sờ đụng bằng chân” nổi tiếng cả kinh thành ấy mà!

- Ủ, tôi cũng có nghe chuyện ấy.

Chợt cô Khujjuttarā như sực tỉnh, cất giọng mau mắn nói:

- Ôi! Tôi đã sa đà lắm chuyện. Đức Thế Tôn lúc nào ngài ngự đến? Xem tôi có phụ giúp được công việc gì không nào? Chuyện mua hoa tính sau. Tôi cũng muốn ở lại cung đón đức Thế Tôn và còn muốn nghe pháp nữa!

Thế rồi, đúng giờ, đức Phật cùng mười vị tỳ-khuru bộ hành đến nhà người trồng hoa. Ông bà Sumana, cô thị nữ Khujjuttarā và một số gia nhân trân trọng làm bốn phận của mình. Đức Thế Tôn và chư sư độ thực tại chỗ. Cuối buổi ngộ trai, đức Phật chú nguyện phúc lành cho người đã khuất và kẻ hiện tiền đồng lợi lạc, an vui.

Sau đó, đức Phật quán căn cơ, ban bố đến cho gia chủ một thời pháp nói về phước báu của bố thí, cúng dường. Đức Phật cũng nhấn mạnh về đức tin trong sạch, thanh khiết, chân chính là như thế nào? Ngài cũng giảng sơ qua nhưng rõ ràng về bốn hạng người mắt sáng, mắt mù trên thế gian:

Người mắt sáng, ở chỗ sáng tìm về chỗ sáng.

Người mắt sáng, ở chỗ sáng tìm về chỗ tối.

Người mắt mù, ở chỗ tối tìm về chỗ sáng.

Người mắt mù, ở chỗ tối tìm về chỗ tối.

Đến ngang đây, đức Thế Tôn chợt hỏi:

- Vậy ông là hạng người nào trong bốn hạng người ấy, này người trồng hoa?

- Dạ thưa! Con từ chỗ tối tìm về chỗ sáng!

- Đúng vậy! Nhưng ông lấy cái gì để biết mà từ chỗ tối tìm về chỗ sáng, này Sumana?

Thấy ông già lúng túng, cô thị nữ Khujjuttarā lung gù đứng dậy:

- Bạch đức Tôn Sư! Có phải dùng trí đúng đắn, trí chơn chánh để thấy biết cái đúng, cái sai, cái lành tốt, cái xấu ác không ạ?

Đức Phật nhẹ nhẹ gật đầu, sau đó, ngài giảng thêm, phân tích cho mọi người rõ những cái thấy biết xấu quấy, sai trái, tức là tà kiến, không nên theo. Và những cái thấy biết đúng đắn, chơn chánh nên thọ trì, nên thực hành là như thế nào!

Cuối thời pháp, phát sanh điều bất ngờ nhất là cô thị nữ Khujjuttarā lung gù đặc quả thánh Tu-đà-hoàn.

Cảm xúc tâm linh tuôn tràn, cô lặng lẽ quỳ xuống bên chân đức Đạo Sư, thành kính tri ân đánh lễ mà ngài không nói được nên lời.

Đức Phật biết rõ chuyện gì xảy ra, ngài quay qua nói với cô gái:

- Con đi mua hoa này mà lại được hoa khác, có phải vậy không, này Khujjuttarā?

- Tâu, vâng, bạch đức Thế Tôn!

- Toàn bộ buổi pháp thoại hôm nay, con có thể ghi nhớ và có khả năng lặp lại y hệt như vậy được không, Khujjuttarā?

- Tâu, vâng, bạch đức Thế Tôn! Đệ tử có thể làm được như vậy!

- Ừ! Để lợi ích cho nhiều người, từ rày về sau, con về xin với hoàng hậu Sāmāvatī được đi nghe pháp trong thời gian Như Lai an cư ở đây, được không, này Khujjuttarā?

- Tâu, vâng, bạch đức Tôn Sư! Hoàng hậu chắc sẽ hoan hỷ về điều ấy lắm.

Lúc tiễn chân đức Phật và tăng chúng về rồi, cô thị nữ lung gù lấy tám đồng tiền vàng mua hoa rồi ra xe trở về hoàng cung.

Thấy một giỏ hoa đẹp và nhiều hơn mọi bữa, hoàng hậu Sāmāvatī ngạc nhiên:

- Sao hoa hôm nay lại nhiều vậy, Khujjuttarā? Người bỏ thêm tiền túi à?

Cô thị nữ thú tội:

- Không phải vậy! Bữa nào cũng tám đồng tiền vàng cả, nhưng con thường ăn bớt hết một nửa, chỉ mua bốn đồng mà thôi!

Bà hoàng hậu hiền từ nói:

- Thế tại sao hôm nay người lại không khởi tâm ăn bớt, này Khujjuttarā?

- Do hôm nay con đã được nghe pháp từ đức Thế Tôn nên con sẽ không còn trộm cắp, ăn bớt, ăn xén xấu xa như trước đây nữa!

- Ô! Quý hóa quá! Vậy người đã nghe được pháp gì kỳ diệu mà có thể thay tâm đổi tánh tuyệt vời như thế hở Khujjuttarā?

Cô thị nữ cất giọng bí hiểm:

- Pháp ấy nó trong và nó ngọt như nước suối tận nguồn cao. Hôm nay con đã uống được vài giọt. Cõi nhân sinh này không có loại nước ấy đâu, hoàng hậu quý kính ơi!

- Thế người thuyết lại cho ta uống với?

- Pháp ấy không dễ thuyết. Thứ nhất là phải biết kính trọng pháp, thứ hai là phải biết kính trọng người thuyết, thứ ba là người thuyết và người nghe phải dọn mình cho sạch sẽ, thanh tịnh!

Hoàng hậu Sāmāvatī do khát khao giáo pháp nên chẳng nề hà gì, làm theo tất cả yêu cầu nghiêm túc của cô thị nữ. Mọi người còn chung hoa và xông hương chiên đàn nên cả không gian chợt trở thơm ngát và thanh tịnh

Vậy là buổi chiều, sau khi ai cũng tắm rửa sạch sẽ, cô thị nữ ngồi trên pháp tọa cao, giảng nói lại toàn bộ buổi pháp thoại buổi sáng của đức Thế Tôn cho hội chúng gồm hoàng hậu Sāmāvatī và một số cung nga thị nữ nghe!

Cô thị nữ Khujjuttarā lung gù đã tỏ ra bản lĩnh thiên tài của một vị pháp sư, không những ý nghĩa khúc chiết, mạch lạc mà giọng nói còn trầm bổng, du dương như thu nhiếp hồn người.

Và cũng kỳ diệu thay! Đức Phật dẫu ở xa, nhưng ngài đã hướng tâm nghe được và ngài còn biết khá nhiều cung nga, thể nữ đã được uống giọt nước bất tử!

MÙA AN CƯ THỨ CHÍN
(Năm 579 trước TL)

Cúng Dường Bằng Tâm Ý

Sau thời pháp của vị “nữ pháp sư” Khujjuttarā, thì gần như toàn bộ cung nga thể nữ của đức vua Udena trở thành con người mới. Ai cũng tỏ ra kính trọng cô gái người hầu của hoàng hậu Sāmāvatī. Vốn từ một thân phận thấp hèn nhất, bỗng dung lại được các cung nga kêu xa gọi bằng chị, tới lui, vào ra đều được mọi người quan tâm, ưu ái và đối xử rất mực lễ độ.

Hơn ai hết, hoàng hậu Sāmāvatī biết rõ rằng, giá trị tinh thần thiêng liêng nó nâng con người lên, và đó chính là sự thăng hoa tác phong và tư cách chứ không phải bởi quyền lực, địa vị, danh vọng hoặc ngọc vàng. Ôi! Bà xiết bao tôn kính đức Đạo Sư, một hiện thân siêu việt, đã đem lại giá trị đích thực cho kiếp sống làm người. Cô thị nữ Khujjuttarā và cung nga thể nữ cũng nhận thức như thế. Ai cũng mong muốn thềm lặng trong tâm là được gặp mặt đức Tôn Sư, được cúng dường và nhất là được nghe pháp. Rồi ai cũng đến gặp Khujjuttarā nhờ bàn mưu, tính kế giúp họ.

Cô thị nữ Khujjuttarā thường được phép ra ngoài mua hoa, quan hộ thành cũng như quân canh đều đã quen mặt. Cô thấy cứ mỗi buổi sáng, đức Phật và Tăng chúng thường bộ hành con đường phía sau cung điện để qua nhà các vị đại

phú hộ hoặc trì bình khát thực trong kinh thành, cô bèn nảy ra một ý rồi bàn với mọi người.

- Cửa sổ tầng cao bên sau hậu cung hiện trở ra con đường đức Phật và chư tăng thường đi qua. Vậy quý cô hãy khoét tường thành một lỗ tròn vừa đủ cái đầu và tay thò ra ngoài. Vậy thì bất cứ ai muốn chiêm ngưỡng kim thân của đức Phật hoặc muốn cúng dường gì đến ngài và Tăng chúng cũng được hết!

- Chiêm ngưỡng ngài thì được, nhưng còn cúng dường thì chúng ta phải làm sao?

- Quý cung nương cứ đưa vàng bạc đây, tôi sẽ nhờ người mua vật phẩm cúng dường. Họ sẽ đích thân lo việc ấy, đại diện cho quý cung nương, và chúng ta sẽ tính trả thù lao hậu hĩ cho họ.

Một cô nga hỏi:

- Thế thì mình không dâng cúng tận tay thì làm sao có phước được?

Cô thị nữ Khujjuttarā giải thích:

- Nơi sanh phước có ba: Thân, khẩu và ý. Nếu ta không thể hiện bằng thân và khẩu thì ta sẽ cúng dường bởi tâm ý cũng đã thành tựu phước rồi. Đừng lo, đức Chánh Đẳng Giác biết rõ điều ấy và ngài sẽ chú nguyện tâm thành ấy cho chúng ta.

Thế rồi, công việc được tiến hành.

Hôm ấy, đức Phật và tăng chúng trên đường sang nhà ông triệu phú, lộ trình theo lối hậu cung thì gặp một số đông nam nữ giai cấp thủ-đà-la đặt vật phẩm cúng dường rất trang trọng, rất phải phép do họ đã được cô thị nữ Khujjuttarā đã ý tứ hướng dẫn. Trên lầu cao, những cung nga thể nữ thò đầu và tay ra ngoài với những cành hoa vẫy đưa qua đưa lại. Đức Phật dừng chân. Và như tâm ý cùng liên thông, chư tăng cũng dừng lại và đều lặng lẽ quay mặt về phía họ để thọ nhận vật thực.

Đức Phật sử dụng thần thông, nói một câu pháp thoại “tùy hỷ” như rót vào tai họ và cho cả chư thiên, thọ thần quanh vùng đều được nghe:

- Cúng dường tâm ý là cách cúng dường của chư thiên. Với chính tâm, thành ý này, Như Lai chúc phúc cho quý cung nương sắc đẹp, sức khỏe, trường thọ, an vui và trí tuệ. Hãy duy trì đức tin với thiện pháp để bước đi an toàn nơi cõi trời và người!

Mấy trăm cung nga thể nữ xiết bao hoan hỷ. Thêm một lần nữa, có người đạt tâm bất thối. Riêng hoàng hậu Sāmāvatī mừng vui đến dầm nước mắt.

Chỉ cúng dường được một hôm thì bị thứ hậu Māgaṇḍiyā tình cờ phát giác. Bà hỏi một cung nữ lý do những cái lỗ tròn trên lâu hậu cung. Cô ấy vô tình và vui thú tiết lộ.

- Chúng tôi chiêm bái và cúng dường đức Phật và Tăng chúng qua cái lỗ tròn ấy.

Thứ hậu Māgaṇḍiyā mỉm cười như không có chuyện gì, vô sự bước đi nhưng trong lòng lại nghĩ: “Ta có mối thù ‘bất cộng đái thiên’ với ông Gotama, y đã từng sỉ nhục ta, phỉ báng ta một cách quá đáng. Đây quả là dịp để ta sẽ phục thù, rửa hận. Còn mấy trăm con tiện tì, a đầu này cùng a dua theo bà Sāmāvatī - ta cũng sẽ làm cho cả bọn chúng biết tay!”

Đến gặp đức vua Udena, bà thứ hậu Māgaṇḍiyā tìm có đầu răng:

- Mấy trăm cung nữ của chánh hậu đang có âm mưu gì đó nên đã khoét những cái lỗ tròn sau vách lâu hậu cung. Một là muốn tư thông với bên ngoài, hai là có âm mưu bất chánh gì đó, đại vương phải để tâm một chút!

Đức vua mỉm cười:

- Hoàng hậu rất trang nghiêm, mẫu mực, đứng đắn nên những cung nữ ở đây cũng học được một phần nào đức tánh tốt của bà ấy. Họ không làm gì đáng ngại đâu.

- Đại vương hãy quá bộ ngọc thể đến xem. Tiện thiếp không hề nói sai ngoa.

Đến lần thứ ba, chẳngặng đặng dừng, đức vua đích thân đến xem, thấy những cái lỗ khoét tròn.

Hoàng hậu Sāmāvati tình thật kể lại đầu đuôi tự sự cho vua nghe rồi kết luận:

- Họ không dám bước ra ngoài theo điều lệ của hậu cung. Họ cũng có tâm muốn bố thí, cúng dường đến đức Phật và tăng chúng như tiện thiếp vậy. Kính xin bệ hạ cho họ một đặc ân, là niềm vui tín ngưỡng thiêng liêng trong lòng họ!

Đức vua đáp:

- Hậu khéo nói quá! Ủ! Quả thật điều ấy thì trăm cũng phải nên trân trọng.

Nghỉ hơi một lát, nhìn những cái lỗ trống hoác, đức vua chỉ tay nói:

- Nhưng gió bão, cáo chồn chim chuột có thể từ chỗ ấy mà vào, sẽ bất ổn, sẽ bất tiện cho việc ăn ở ngủ nghỉ. Trẫm sẽ cho người thiết kế một loại cửa đặc biệt để lấp trống những cái lỗ ấy lại. Làm sao để cho cung nga thể nữ cũng đưa được tầm mắt ra bên ngoài, mà còn ngăn được thú vật, gió dữ, gió lạnh, gió chướng nữa.

Thế là mấy ngày hôm sau, thợ thầy đặc biệt của hoàng gia đã lấp kín các lỗ trống bằng một loại cửa có tên gọi là “Khuddacchiddakavātapānāni”⁽¹⁾. Từ đó về sau, cung nga thể nữ có thể chiêm ngưỡng đức Phật và tăng chúng, có điều là họ không thể thò đầu và tay ra ngoài được nữa. Tuy nhiên, có lẽ đức Chánh Đẳng Giác cũng biết nhân, duyên và quả nên đã dạy trước cho họ là cúng dường bằng tâm ý là cách cúng dường thanh tịnh và vi tế của chư thiên!

⁽¹⁾ Không biết chính thức tên là gì - nhưng sau này người ta cải tiến trở thành cửa sổ được gọi tên là “cửa sổ mắt cáo”.

Như Thốt Voi Giữa Trận Tiền

Thấy âm mưu tố cáo của mình bất thành, bà thứ hậu Māgaṇḍiyā tự nghĩ:

“- Đức vua dẫu sủng ái mình nhưng vẫn đang còn trọng vọng chánh hậu. Vậy chưa thể làm hại cả bè lũ chúng được. Việc ta cần làm ngay là hãy tập trung vào ông sa-môn Gotama. Phải đối phó, phải hạ nhục ông ta trước đã!”

Nghĩ thế xong, bà cho gọi một vị quan hậu cung thân tín, tìm gặp những tay đầu sỏ du đãng, côn đồ, trộm cắp trong kinh thành, tung tiền bạc cho chúng để thuê chúng làm duy nhất một việc như sau:

“- Bất cứ đâu, bất cứ lúc nào, sa-môn Gotama và đệ tử của ông trì bình khát thực, đi và về trên các ngã đường, bọn chúng phải mắng nhiếc, lăng mạ, chửi rửa bằng bất cứ lời tiếng gì cay độc nhất, xấu xa nhất, thô bỉ nhất, hèn hạ nhất, dơ bẩn nhất... Càng chửi hay chửi càng nào, nhục mạ đẹp chửi càng nào sẽ được tiền thưởng nhiều chửi càng ấy!”

Thế là ngày hôm kia, khi đức Phật dẫn đầu Tăng chúng chừng trăm vị, có thị giả Nāgita theo hầu từ lâm viên Ghositārāma bộ hành đi đến nhà ông bà triệu phú Ghosaka;

vừa quành ngang con lộ dẫn vào thành phố thì một bọn đầu trộm đuôi cướp ở đâu đó ùa ra chưởi rửa, nhiếc mắng...

Đức Phật biết chuyện này nên nói nhỏ vừa đủ cho chư tăngi bên sau nghe:

- Bà thứ hậu Māgaṇḍiyā trả thù đây! Hôm nay họ sẽ nhiếc về những con thú!

Và quả vậy! Nào là “Những con chó hủi, hãy lui đi khỏi thành phố!” Nào là “Này, đàn bò lộn giống, hãy cút đi!” Nào là “Này, bọn heo dê tiện! Kinh thành này không phải là cái máng heo cho bọn bây!”... Chúng chưởi nhiều lắm, chúng ví von nhiều lắm! Từ chó, bò, heo rồi sang chuột đồng, bọ hung, lừa, lạc đà, súc sanh, sâu kiến, dòi bọ... hay bất cứ con vật xấu xí nào mà chúng vừa nghĩ ra được! Tuy nhiên, các vị thánh nghe thì mỉm cười trong tâm, còn phàm Tăng, kể cả tôn giả Ānanda thì nghe xốn tai, tức không chịu nổi.

Thế rồi, ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư... hết thú vật, chúng quay sang chưởi mắng ma xó, quỷ đói, dạ-xoa thúí... Hết ma quỷ, dạ-xoa... chúng quay sang phỉ báng người: Bọn bây là kẻ ngu si, quân cướp ngày, phường ăn bám, bọn ăn hại, lũ điên khùng... Hết người chúng nói ra những cái dơ bẩn nhất như hàm phân, đồng dòi, cục cứt, máu dơ, đờm dãi, nước tiểu, cầu xí...

Hôm ấy, khi đã về đến tu viện, chúng còn tập hợp cả một đám người say rượu dữ dần, mặt đỏ như mặt trời, lăm lăm đui gậy, đao kiếm với sát khí đằng đằng, cất tiếng hăm dọa nữa:

- Chúng tao gọi lời tối hậu cho ông Cù Đàm và bè lũ là hãy cút khỏi Kosambī, bằng không sẽ không an toàn tánh mạng, sẽ bỏ xác trên những con đường đây!

Một vị tỳ-khưu vô lậu, có thắng trí, bạch với đức Phật rằng:

- Có nên sử dụng năng lực để giáo hóa chúng không, bạch đức Tôn Sư?

- Chưa cần thiết đâu, này con trai! Lửa bùng lên ở đâu thì lửa sẽ tự tắt ở đấy!

Đức Ānanda thưa:

- Chúng mạ ly, phỉ báng quá đáng, đệ tử không chịu nổi. Hay là chúng ta đi qua nơi khác?

- Đi đâu hở Ānanda?

- Thị trấn nào, thành phố nào cũng được!

- Vậy nếu ở đó cũng bị chưởi rủa, mắng nhiếc nữa thì ta phải làm sao?

- Thì ta lại đi sang vùng khác.

- Nếu vùng khác ấy lại được tái diễn sự việc giống như mấy ngày hôm nay thì ta phải làm sao?

- Thì ta sẽ đi nữa!

Đức Phật mỉm cười, nụ cười dịu dàng và mát mẻ như vàng trắng mùa thu:

- Và nếu cứ đi nữa, đi mãi cho đến hết kiếp quả địa cầu cũng sẽ không có nơi đâu là an toàn, là an ổn, là vừa lòng, là toại ý ta được. Đây là định luật của pháp, sự thực bất toàn của pháp! Chẳng nên làm thế đâu, Ānanda! Chỗ nào mà ngại pháp, chướng pháp, hại pháp, nã pháp phát sanh thì ta sẽ lắng nghe, chịu đựng, rộng không, tĩnh lặng, từ, nhẫn, xả để làm lắng dịu chúng, xa lìa chúng, đoạn trừ chúng, dập tắt chúng... ngay tại chỗ ấy.

Đức Ānanda tuy hiểu biết sâu xa vấn đề, nhưng không biết tại sao trong tâm ông ta vẫn còn nhẩn nhó, chưa yên:

- Vậy biết bao giờ mới chấm dứt, thưa Tôn Sư?

- Loại phiền não này phát sanh từ đâu, do đâu hở Ānanda?

- Thưa, chúng thuộc “khẩu thiệt”, xàm ngôn, loạn ngữ, ác khẩu...

- Ủ, nếu chúng thuộc khẩu, đối với Như Lai, đối với một vị Chánh Đẳng Giác thì không có một năng lực lời tiếng nào

của thế gian có thể tồn tại quá bảy ngày. Vậy, sau bảy ngày, chúng sẽ tự diệt, này Ānanda!

Buổi chiều, trong giờ pháp thoại, đức Phật giảng một thời pháp liên hệ đến nội dung kể trên rồi cũng kết luận tương tự:

- Như một thớt voi ra giữa trận tiền, phải hứng chịu hằng trăm ngàn mũi tên, hòn đạn từ bốn phía bắn vào; cũng vậy, là sa-môn khát sĩ như Như Lai và chúng đệ tử của Như Lai, đi giữa cuộc đời cũng phải nhận chịu tất thảy tiếng lời gièm pha, nhiếc mắng, mạ ly, phỉ báng, sỉ nhục từ những người không có đức tin, kẻ thiếu trí, ác giới, cuồng si, điên loạn... Vậy phải biết nhẫn nhục, mát mẻ, vắng lặng, rỗng không với tâm từ, với tâm xả! Làm được như thế mới thật xứng đáng là phẩm hạnh của sa-môn ôm bát xin ăn cao thượng đi giữa cuộc đời.

Rồi đức Phật đọc lên một bài kệ:

“- Thớt voi đứng giữa trận tiền
Hứng bao mũi đạn, lằn tên sá gì
Như Lai chịu đựng ác tri
Nhẫn chịu ác giới, ngu si lòng người”⁽¹⁾

Dường như muốn bổ túc thêm cho tròn đầy ý nghĩa, đức Phật đọc thêm hai bài kệ nữa.

Một, nhấn mạnh đức tính nhẫn nại vô úy và vô thương của sa-môn:

“- Ngựa, voi đã luyện, đã thành
Con nào thuần nhất để dành vương quân
Cao thượng nhất giữa nhân quần
Chịu đựng phỉ báng, dao đâm tiếng lời!”⁽²⁾

⁽¹⁾ Pháp cú 320: Ahaṃ nāgo’ va saṅgāme cāpāto patitaṃ saraṃ. Ativākyam titikkhissaṃ dussīlo hi bahujjano.

⁽²⁾ Pháp cú 321: Dantaṃ nayanti samitimaṃ dantaṃ rājābhirūhati. Danto seṭṭho manussesu yo’ tivākaṃ titikkhati.

Hai, nói lên đức tính quý báu của sa-môn là phải tự thu thúc, tự điều tiết, tự chế ngự lời nói và hành động:

“- Con la tinh thực quý thay
Ngựa kỳ, ngựa ký tung mây, quý là!
Quý sao, voi lớn có ngà
Quý hơn tất cả, chính ta tự điều!”⁽¹⁾

Rồi đúng như đức Phật tiên tri, đúng bảy ngày thì chuyện nhicc mắṅg, phỉ báng kia tự động chấm dứt. Thứ nhất là do bà thứ hậu thấy tốn vàng, tốn bạc quá mức - nhưng “ông Gotama và đệ tử của ông ta” cứ “trơ trơ” như khúc gỗ, xem ra chẳng có tác dụng gì! Bà đành chịu thua, sẽ nghĩ kế khác.

⁽¹⁾ Pháp cú 322: Varam assatarā dantā ājānīyā ca sindhavā. Kuñjarā ca mahānāgā attadanto tato varam.

Gà Sống, Gà Chết

Hôm kia, nhằm ngày đức vua đãi yến các quan đại thần, thứ hậu Māgaṇḍiyā khởi tâm xin vua được trông coi công việc ngự thiện. Bà nảy sanh ý nghĩ là phải trả thù chánh hậu Sāmāvātī cùng mấy trăm cung nga thể nữ⁽¹⁾ mà theo bà, chúng nó cứ xu hướng sa-môn Gotama, tin tưởng sa-môn Gotama thật là dễ ghét.

Để khởi đầu mưu thâm kế độc của mình, bà bàn chuyện với ông chú ruột Cūla Māgaṇḍi - bây giờ nghiêm nhiên là bậc quốc trượng - để bàn những việc cần làm và làm những gì, làm như thế nào. Trong đó có một việc quan trọng, là nhờ ông chú mang đến tám con gà trống loại quý hiếm đang còn sống và tám con gà trống đã chết. Còn mọi việc trong triều, bà Māgaṇḍiyā đã tỉ tê bàn tính với viên cận thần bồi yến, viên cận thần hầu rượu và đã đút lót cho họ đầu vào đây rất hậu hĩ cả rồi!

Đúng giờ hẹn, ông quốc trượng Cūla Māgaṇḍi mang đến cung một chiếc lồng lớn được che chắn kín đáo, trịnh trọng đến dâng cho đức vua, tâu rằng:

⁽¹⁾ Kinh pháp cú nói là 500 vị.

- Đây là tám con gà trống, chúng có sắc lông đen tuyền⁽¹⁾, theo thầy thuốc cho biết, nếu nấu cháo hầm với gạo lúa sālī, chưng thêm nhân sâm thì chắc gân, bổ xương và còn cường dương, tráng kiện nữa. Cả kinh thành này, hạ thần lòng mua, chỉ có được tất cả là tám con, hôm nay xin được dâng lên bệ hạ, chúc sức khỏe của người và chúc người sống lâu muôn tuổi.

Đức vua rất đẹp dạ, cười ha ha:

- Quý hóa thay! Nhưng mà sống làm chi đến muôn tuổi dữ vậy?

Ông quốc trượng còn cẩn thận hé lòng cho vua thấy vài con gà loại quý hiếm ấy, vì thật ra, chỉ được mấy con gà quạ, số còn lại là gà thường và cả tám con gà chết nữa, rồi trao cho viên cận thần bồi yến, đều là một phe của ông ta cả.

Viên cận thần hầu rượu lại góp ý cho mưu kế của bà thứ hậu được vẹn toàn:

- Chỉ có hoàng hậu Sāmāvātī vốn cẩn thận, chu đáo mới có khả năng sai bảo, chỉ bày cho các cung nữ làm món ăn “thích khẩu” này để kính dâng bệ hạ ngự thiện mà thôi!

Viên cận thần hầu rượu để thêm:

- Đúng vậy đó, tâu đại vương! Làm món ấy không ai bằng đức chánh cung!

Đức vua đâu có biết đây là mưu kế gì, cứ vô tư ừ hử gật đầu.

Thế rồi, viên cận thần bồi yến, mang lồng gà ra sau, giấu tám con gà chết, mang tám con gà sống đến cung hoàng hậu truyền đạt lệnh của đức vua, đồng thời kể lại cách làm món ngự thiện ấy.

Thấy tám con gà đang còn sống, hoàng hậu ngần ngại chưa biết nói sao thì cô thị nữ Khujjuttarā lưng gù la bai bai:

⁽¹⁾ Ta gọi là gà quạ.

- Không được đâu là không được đâu! Chúng tôi ở đây ai cũng giữ gìn giới hạnh trong sạch cả. Chẳng ai đang tay giết hại mạng sống của chúng sanh. Xin cảm phiền ông mang đi chỗ khác. Việc ấy thì nhà trù hoàng gia làm cũng được mà!

Viên cận thần đưa mắt có vẻ hỏi han, nhìn hoàng hậu Sāmāvātī. Bà nhè nhẹ, mỉm cười:

- Đúng như vậy đó! Tại bốn cung, ai cũng giữ năm giới hoặc tám giới cả. Ông hãy về tâu trình lại với hoàng thượng điều ấy, đích thân ta sẽ nói với ngài sau.

“Vậy là khớp với kế hoạch”, nghĩ thế xong, viên cận thần trở lại trình báo với đức vua, kể lại việc hoàng hậu từ chối.

Đức vua im lặng chưa tỏ thái độ gì, thì thứ hậu Māgaṇḍiyā đã mau mắn nói:

- Chỉ là cách viện cớ để thoái thác công việc một cách khôn ngoan thôi, tâu đại vương!

- Tại sao? Vua nhăn mày hỏi.

Bà Māgaṇḍiyā được dịp tố cáo:

- Từ khi thiếp phát giác những cái lỗ tròn, biết hoàng hậu Sāmāvātī và các cung nữ ở đây đã có “chuyện gì đó” với ngoại nhân mà bệ hạ không tin. Cụ thể họ đã có tâm địa “ri khác” với sa-môn Gotama, có xu hướng đến sa-môn Gotama, nghiêng lệch về phía sa-môn Gotama, vì ông ta tướng hảo quang minh, cao sang, đẹp đẽ, nữ nhân nào nhìn ông ta, thấy ông ta mà không rung động trái tim? Vậy đó! Nếu muốn xác chứng sự thật ấy, bệ hạ hãy nói lại với họ là làm món này để dâng cúng cho sa-môn Gotama là họ sẽ làm ngay tức khắc cho coi! Với bệ hạ thì họ viện cớ chuyện sát sanh, còn đối với sa-môn Gotama thì lại khác, họ sẵn sàng giết, hoan hỷ giết! Bên nào khinh, bên nào trọng, bệ hạ thử là biết ngay liền hà!

Nghe được chuyện ấy, đức vua Udena lòng chùng xuống, rồi bất giác, ông gật đầu:

- Ủ, cứ thử vậy xem!

Viên cận thần bồi yến “tâu vâng” rồi lanh lẹ ra lối sau, tráo tám con gà sống, lấy tám con gà chết mang đến cung của hoàng hậu Sāmāvatī:

- Tâu! Đức vua biết chánh hậu là người có giới nên sai hạ thần mang tám con gà chết này để cung nữ làm món ăn đặc biệt rồi dâng cúng đến sa-môn Gotama!

Mấy cô thị nữ bên cạnh thấy “vật đã chết rồi”, lại dâng cúng cho sa-môn Gotama nữa nên họ mau mắn nhận gà rồi hoan hỷ nói:

- Việc làm này là chơn chánh! Đúng là phận sự của chúng tôi đây!

Thế rồi, bữa ngự yến hôm đó, đức vua không dùng được bao lăm. Ngài buồn. Vì rõ ràng, hoàng hậu Sāmāvatī và mấy trăm cung nữ họ đã trọng vọng sa-môn Gotama hơn ông. Rồi đức vua lại nghĩ tiếp, liên tưởng sâu xa hơn:

“- Sa-môn Gotama vốn gốc là thái tử thuộc dòng dõi Thái Dương anh hùng, đến ngày đăng quang, ông ta lại từ bỏ vương vị, vợ đẹp, con xinh, ba tòa Cung Vui để xuất gia tầm đạo. Thanh danh của ông, từ khi xuống núi độ đời, chưa hề dính một chút bụi phàm tục. Ngay chính thứ hậu của ta, diễm lệ kiêu xa thế đó mà ông ta còn bảo là “không sờ đụng dẫu là sờ đụng bằng chân!” Một nhân cách thanh cao, trong sáng vẹn toàn như thế thì hậu của ta, cung nữ của ta kính trọng, quy y theo cũng là chuyện đương nhiên! Việc mà thứ hậu bảo là có “ri khác” với sa-môn Gotama, hẳn nhiên là phải loại ra rồi! Lại còn cái giáo pháp mà ông ta đang tuyên thuyết nữa? Chắc phải là kỳ tuyệt vô song nên mới vô hiệu hóa uy lực của kinh điển Vệ-đà và truyền thống bà-la-môn. Mọi điện đài thiêng liêng của tín ngưỡng, tôn giáo, triết học cùng mười ngàn năm văn minh của tộc người thượng đẳng

Aryan này đã bị sa-môn Gotama đốn gục, hạ bệ không còn dư tàn. Ta đã từng nghe các vị lão thần minh triết ở xứ sở này tường trình, tâu báo lại như vậy hẳn là không sai ngoa! Vậy, cung kính, cúng dường một bậc thanh tịnh như vậy cũng là phải lẽ. Và việc ấy, ta cũng nên khuyến khích, vì sao? Vì khi mà những giá trị tôn quý của tinh thần và những uy đức thiêng liêng còn được trân trọng, bảo lưu, gìn giữ thì quốc độ sẽ được thanh bình, an lạc! Các vị tiên đế cũng đã từng dạy bảo như thế! Chính vì lẽ này, ta mới hiểu ra, tại sao hai vị đại vương lớn của châu Diêm-phù-đề là đức vua Bimbisāra, kinh đô Rājagaha nước Magādhā, và đức vua Pāsenadi, kinh đô Sāvatti nước Kosala lại quy hướng về và cả hai triều đình đều đã trở thành cận sự nam, cận sự nữ trong giáo hội thánh đức ấy? Rồi còn quân vương các nước cộng hòa chiến sĩ anh hùng Licchavī, thủ đô Vesālī; nước cộng hòa Videha, thủ đô Mithilā và liên bang Vajjī nữa? Rõ là mình đã nghe tràn tai về cả thành phần ưu tú của giáo hội ấy nữa, nam cũng như nữ. Họ đã quăng vát tất cả vinh quang của cuộc đời này như tấm giẻ rách để lên đường xin ăn, sống đời bần hàn ta-bà vô trú! Ồ, còn ta là gì nhỉ? Ta là gì nhỉ? Một đức vua nhỏ bé, như hạt cát, lại dám nghi ngờ nọ kia với hậu của ta? Một con người có sắc đẹp thùỵ mị, dịu dàng lại có cả tâm hồn đôn hậu, chân thật, khiêm cung, bao dung, quảng đại, lại chưa có lỗi lầm gì với ta? Họ cúng dường sa-môn Gotama thì sao nào? Mà thôi, cứ để đấy đã, chớ quyết định điều gì một cách vội vàng! Đức vua thờ dài - nghĩ là tự mình sẽ âm thầm điều tra, chẳng thể tin ai được. Bà thứ hậu được cái sắc đẹp lôi cuốn ta nhưng lúc nào nói cũng quá nhiều. Đàn bà mà nói nhiều thường lắm chuyện, nếu không phù phiếm, nhảm nhí thì cũng ba hoa, xảo ngôn, thiếu chân thật!”

Nghĩ thế xong, đức vua trầm tĩnh trở lại.

Mũi Tên “Phản Nghịch”

Đức vua Udena có một hoàng hậu là Sāmāvatī cùng hai thứ hậu, đó là Vāsuladattā và Māgaṇḍiyā. Về chuyện phòng the thì cứ luân phiên, mỗi bà như vậy, ông vua này thường ngự ở đây bảy ngày. Ba bà có ba cung đặc biệt và cung nga thể nữ riêng⁽¹⁾ do mỗi bà tự tuyên chọn hoặc đức vua, tùy theo mức độ sủng ái mà ban phát cho.

Gần một năm nay, trong ba bà thì đức vua sủng ái thứ hậu Māgaṇḍiyā hơn, tuy nhiên, với các bà kia đức vua cũng có thỉnh thoảng!

Chuyện xảy ra vừa rồi làm đức vua khởi ý là sẽ viếng thăm cung vui của hoàng hậu Sāmāvatī để dò xem hư thực như thế nào, vì theo vua, dù sao thì chánh hậu cũng đã có một trai tuấn mỹ, danh phận đã thành, trước sau bà vẫn là quốc mẫu, không ai thay thế được.

Biết được chuyện ấy, thứ hậu Māgaṇḍiyā lại nũng nịu can ngăn:

⁽¹⁾ Các vương triều Ấn Độ cổ xưa không biết như thế nào - nhưng Trung Quốc thì cung nga thể nữ chia nhiều loại, nhiều nhóm khác nhau: Ví dụ tài nữ, học nữ, ca nữ, vũ nữ... Lại còn có một số con gái đẹp được tuyên chọn để đức vua tùy nghi “du hí”, được gọi là ngự nữ! Tuy nhiên, chuyện thường xảy ra trở thành thảm kịch trong hậu cung, là có những cô gái sống đến già đời trong cung vẫn chưa được đức vua ban mưa móc lấy một lần!

- Sự thực rõ ràng như ban ngày, đã hai lần thiếp dè chừng mà bệ hạ vẫn không tin. Đêm qua, thiếp nằm mộng dữ, tiên báo có chuyện chẳng lành nếu bệ hạ sang cung của chánh hậu.

- Mộng dữ gì vậy?

Đầu óc kẻ xảo của bà thứ hậu Māgaṇḍiyā xẹt nhanh như lần chớp trong trí:

- Thiếp thấy một con rắn độc suýt cắn bệ hạ!

Đức vua phì cười:

- Nhưng dù gì thì gì, trăm cũng phải sang đây!

Biết không thể can vua được, bà biểu người tức tốc nhờ ông chú quốc trượng mang đến một con rắn độc rất nhỏ đã nhổ nọc để sử dụng cho mục đích của mình.

Biết rằng, thường thì tiếng trống lâu thành báo khắc đêm, mặt trời vừa tắt, đèn vừa thắp lên là đức vua ngự kiệu sang cung các hậu. Trong lúc đó thì tiểu dạ yến ở chánh cung cũng đã được các cung nữ chăm lo chu đáo. Ca nữ, vũ nữ, nhạc công cũng đã có mặt để hầu tiếp niềm vui cho bậc chí tôn! Ngoài ra, đức vua còn một thú vui là lúc nào, đi đâu cũng mang theo cây tiêu “điều tượng”⁽¹⁾, thỉnh thoảng nhã hứng thổi một vài khúc chơi! Gân đáy của cây tiêu này có một lỗ nhỏ thường dùng để buộc một sợi dây lụa kết chỉ vàng lóng lánh. Vậy nên, vào khoảng giữa chiều, bà thứ hậu đã đích thân lên vào tẩm cung⁽²⁾ của đức vua, bỏ con rắn độc vào trong lỗ ống tiêu rồi khéo tay lấy một bông hoa gấm nhỏ nhét lại giống như vật trang trí.

Đức vua đâu có biết gì. Một đêm vui qua mau, sáng ngày định chuẩn bị dùng sáng rồi đi thiết triều thì thị nữ thông báo, là thứ hậu Māgaṇḍiyā muốn dâng đức vua món cháo yến sào tẩm bổ khí huyết, ngài phải thọ nhận. Trong

⁽¹⁾ Pháp cú chú giải ghi là cây đàn - tôi nghi là cây tiêu, ống tiêu mới có lỗ cho con rắn nhỏ chui vào. Còn “điều tượng” có lẽ là để điều khiển voi chằng?

⁽²⁾ Tẩm cung: Phòng ngủ.

khi hoàng hậu Sāmāvati đang sắp xếp vật thực để cho đức vua ngự dụng, thì bà thứ hậu giả vờ lảng xãng đi thu dọn vật này vật kia rồi lạnh tay rút bông hoa nơi ống tiêu đang còn nằm trên long sàng. Chú rắn nhỏ được giải phóng, ngo nguẩy bò ra.

Chính lúc đó, bà thứ hậu mới hô hoán lên:

- Con rắn độc! Con rắn độc!

Mọi người sững sốt. Thị nữ bên ngoài nghe hô hoán đã chạy vào và họ đã nhanh tay lấy khăn dày bắt con rắn ấy đi. Bà thứ hậu được dịp đổ thêm dầu vào lửa:

- Thấy chưa? Bệ hạ đã thấy chưa? Âm mưu giết bệ hạ rành rành, không còn chôi cãi vào đâu được nữa. Nhưng cảm ơn thương để Rāmā đã bảo vệ sanh mạng cho bệ hạ nên suốt đêm con rắn độc này đã ở yên đâu đó trong tấm chăn.

Đức vua lặng người, nhìn hoàng hậu một lát rồi trầm tĩnh hỏi:

- Hậu muốn giết hại ta thật à?

Hoàng hậu khuôn mặt không biến sắc, nghĩ là cũng phải biện hộ cho mình nên đáp:

- Tâu bệ hạ! Việc ấy, đệ tử của đức Phật không bao giờ làm, huống gì thiếp lại rất yêu kính bệ hạ. Việc ấy lại càng không thể, nếu con rắn ở trong chăn suốt đêm, hóa ra thiếp lại ngu dại tự giết mình! Việc càng vô lý hơn nữa, là con trai thiếp đã được bệ hạ đương nhiên cho kế thế ngôi vị thì thiếp còn mong cầu gì hơn trên đời này nữa?

Thấy cũng có lý nên đức vua nín lặng, phân vân chưa biết xét thế nào.

Bà thứ hậu tung ra đòn độc cuối cùng:

- Tham vọng quyền lực của con người khó hiểu lắm, tâu đại vương! Bệ hạ mất, bé trai kia sẽ lên làm vua, và người buông màn nhiếp chính bên sau là ai, bệ hạ rõ rồi. Và đương nhiên người làm vua nước này, thâu tóm mọi quyền lực cho bản thân, cho dòng họ cũng hữu lý lắm chứ, tâu đại vương!

Như điễm trúng yếu huyết. Nó là sự hữu lý, là ông chánh án của mọi hữu lý trên đời, nên khuôn mặt đức vua tái đi. Hết tái rồi quay sang đỏ rần rần. Con giận của đức vua bị lửa sân thiêu đốt, âm ỉ rồi bốc cháy, vỡ òa trong tiếng hét:

- Địch thân ta sẽ ra tay giết ngươi, con tiện tỳ! Kể cả những cung nữ trưởng phòng, trưởng nhóm, ta cũng giết hết luôn để trừ hậu hoạn!

Buổi chiều, tại pháp trường của cung đình, bà hoàng hậu Sāmāvātī và mười cung nữ có chức vụ hai tay đều được cột bởi những tấm khăn lụa rồi bị lính hộ cung dẫn ra đứng một hàng một.

Thị nữ Khujjuttarā lưng gù, vì thân phận thấp hèn không bị tội, nói với mười một phạm nhân:

- Hoàng hậu không làm! Mấy trăm cung nữ ở đây đều là Phật tử nên cũng không ai làm! Ai có mưu kế ác độc đó thì chúng ta biết rồi. Nhưng khó có thể biện minh. Đây có lẽ do nghiệp quá khứ tối tăm nên bị nó dẫn dắt trả quả xấu. Đức Thế Tôn có dạy rằng: “Chỉ có tâm từ, năng lượng của tâm từ mới có thể tiêu tai, giảm họa”. Vậy xin hoàng hậu với quý cung nương cứ trú tâm từ một cách an nhiên và bất động!

- Đúng vậy! Hoàng hậu gật đầu - chúng ta còn rải tâm từ đến cho đức vua và đến cho cả người do si mê mà làm hại ta nữa.

Một việc hy hữu đầy thương tâm sắp xảy ra. Bá quan văn võ đứng đầy đặc hai bên. Người của ba cung sáu viện cũng cùng nhau đứng chen chân không kẽ hở. Ai ai cũng thầm cảm thương nỗi hăm oan của hoàng hậu. Những giọt lệ chảy âm thầm và những tiếng khóc tức tưởi được kìm nén đó đây.

Đức vua Udena vốn nổi tiếng là một tay đại xạ thủ, và sức tay của đức vua vốn vô địch trong triều ngoài nội. Ông không những bắn chuẩn hồng tâm mục tiêu mà còn bắn xuyên một lúc mười mấy thân chuối!

Đức vua đã bước ra với cây cung vàng mà ngài ít khi sử dụng. Đây là cây cung được truyền từ nhiều đời, là bảo vật quốc gia, nó rất nặng có tên là Sahassathāmasiṅgadhānu⁽¹⁾ và khi bắn, sức bật của nó thường đi rất xa.

Trong lúc hoàng hậu Sāmavātī cùng mười cung nữ đang bất động tĩnh lặng trú vào tâm từ thì đức vua giương cung lên, búng thử dây cung. Một âm thanh lạ lùng cất lên như xé tan không gian yên lặng. Cả quảng trường im phăng phắc, mọi người căng mắt, nín thở.

Đức vua thò tay phải rút mũi tên vàng lấp vào cung rồi căng mạnh cánh tay. Đức vua tự nghĩ: “Chỉ một điểm ngay trái tim của con tiện tỳ thì mũi tên kia còn đi xuyên suốt mười trái tim bên sau trở thành một râu như râu chim vậy”.

Rồi cung bật. Mũi tên lao vút đi như làn sao xẹt. Mọi người nhắm mắt lại. Có vài tiếng la hét sợ hãi rú lên...

Nhưng chuyện lạ đã xảy ra. Mũi tên vàng vừa tới nơi trái tim của hoàng hậu, nó như bị một sức mạnh vô hình dừng đứng lại. Và rồi, mũi tên như có con mắt, nó chuyển hướng, quay ngoắt về phía đức vua và lao vút đi. Đức vua chưa kịp định thần, chưa hiểu chuyện gì xảy ra thì mũi tên đã đến gần trái tim của ông. Và ngạc nhiên làm sao nó cũng dừng sững lại rồi rơi xuống đất!

Cả quảng trường im phăng phắc, trở mắt, sững sờ.

Đức vua bần thần, thả rơi cây cung, lạnh người. Tự nghĩ: “Cây cung truyền đời này, mũi tên đặc biệt này chỉ sử dụng lúc truyền ngôi, với bốn lực sĩ vác đến đặt vào tay thái tử kế vị, yêu cầu phải bắn trúng hồng tâm mặt trống đồng đặt cách xa tối thiểu là một govo⁽²⁾. Nó có thể xuyên thủng thân cây sālā một vòng ôm. Nó có thể xuyên thủng vách tường thành bằng đá. Thế nhưng tại sao, với mãnh lực nào, uy lực nào nó

⁽¹⁾ Tạm dịch nghĩa, đây là cây cung rất nặng, với sức lực của một ngàn con sư tử mới nhắc lên nổi (?).

⁽²⁾ Là 434 mét.

không dám đụng đến hoàng hậu? Đã không dám đụng đến tội nhân mà nó lại còn quay ngoắt trở lại suýt xuyên thủng lồng ngực ta? Ô! Vậy đúng là do đức hạnh của hoàng hậu rồi! Chính do giới đức và trái tim nhân từ của hoàng hậu mà mũi tên kia cũng không nở giết ta!”

Xúc cảm tâm linh và cũng thành tâm hối quá, đức vua ra lệnh lính cận vệ mở trời cho hoàng hậu và mười cung nữ rồi ông bước tới, quỳ xuống bên chân hoàng hậu, chân thành thốt lên:

- Ta thật có lỗi, xin hậu hãy đại lượng tha thứ cho ta!

Hoàng hậu Sāmāvatī cầm tay đức vua nâng lên:

- Xin bệ hạ giữ gìn ngọc thể!

Đức vua chưa chịu đứng dậy:

- Hậu tha thứ cho ta chớ?

- Đương nhiên! Thần thiếp không những tha thứ cho bệ hạ bây giờ, mà trước khi, trong khi bệ hạ giương cung bắn thì thiếp và tất cả cung nữ còn rải tâm từ đến cho bệ hạ, đến cho cả người vu oan giá họa hiểm hại chúng thiếp nữa đó!

Đức vua rơi nước mắt:

- Trẫm đã si mê lạc bước lối đi mà không thấy, không biết đường về! Vậy từ nay hậu cho trẫm nương tựa với nhé?⁽²⁾

- Vậy là rất tốt! Hoàng hậu nói - Nhưng không phải nương tựa nơi thần thiếp mà bệ hạ phải thành tâm nương tựa nơi đức Chánh Đẳng Giác, vì chính ngài mới là bậc cao quý, cao thượng trên đời này. Nơi mà cõi người và cõi trời đều nương tựa.

- Vâng! Ta sẽ quy y với đức Thế Tôn.

⁽²⁾ Dịch thoát từ câu kệ Pāli: “Sammuyhāmi pamuyhāmi. Sabbā mayhanti me disā. Sāmāvatī maṃ tayaṃsu. Tvaṅca me saranaṃ bhavāti”.

- Bệ hạ phải đích thân đi đến chỗ đức Thế Tôn tức khắc bây giờ chứ?

- Vâng! Ta sẽ làm như vậy.

Đức vua nói xong, đứng dậy ân cần nắm bàn tay của hoàng hậu, khẩn thiết nói:

- Ngay bây giờ đây, trăm chuẩn hứa cho hậu, rằng là hậu mong ước gì, mơ ước gì, sở thích gì, bất cứ điều gì, trăm cũng sẵn lòng đáp ứng cho. Nên nhớ đây là ân huệ tối thượng đặc biệt trăm dành cho hậu đó!

- Vâng! Hoàng hậu Sāmāvatī mỉm cười nói - Một điều thôi! Và đây được xem như ân huệ tối thượng đại vương ban cho thần thiếp. Là sau khi bệ hạ đến bên chân đức Đạo Sư, xin quy y Tam Bảo rồi, thiếp mong bệ hạ cho phép thiếp, thay mặt thiếp thỉnh mời đức Phật cùng năm trăm vị tỳ-khưu đến hoàng cung để cho chúng thiếp được đặt bát cúng dường và được nghe pháp trong vòng bảy ngày. Đây là ước nguyện khẩn thiết duy nhất của chúng thiếp vậy.

Đức vua khuôn mặt rạng rỡ, gật đầu đồng thuận và trong tâm lại phát sanh lòng kính trọng đối với hoàng hậu vô cùng. Tự nghĩ: “Bà không xin kim cương trân bảo, xin địa vị, quyền lực, không xin truy cứu kẻ mưu hại mình mà chỉ xin được bố thí, cúng dường, nghe pháp! Ô! Hậu của ta thật sự đã trở thành bậc thánh nhân rồi!”

Đức vua đứng lặng. Vừa tri ân vừa cảm kích tấm lòng vô lượng của hoàng hậu Sāmāvatī. Và ngay giây khắc ấy, đã có một sự chuyển hóa thật sự trong nội tâm của ông.

Giải Rách Cũng Hữu Dụng

Quốc vương Udena sau khi quy y Tam Bảo bên chân đức Thế Tôn, thừa bạch lại lời thỉnh cầu của hoàng hậu Sāmāvātī rồi lễ độ ngồi xuống một bên để nghe pháp.

Đức Phật biết ông vua này trước đây bản chất hung bạo, thường săn bắn giết vật để làm thú tiêu khiển, lại còn đam mê tử sắc, hiện vừa mới hồi đầu hướng thiện nên ngài không giảng nhiều, chỉ giáo giới ngắn gọn một vài nguyên lý thuộc về đạo trị dân, an dân; một vài đức tính, phẩm chất cần thiết của giai cấp chiến sĩ lãnh đạo, điều hành đất nước. Đức Phật cũng tỏ lời tán thán đức tin thanh khiết của hoàng hậu Sāmāvātī trước đây đã hiến cúng khu lâm viên trầm hương cho Ni chúng có chỗ tĩnh cư và chuyện thỉnh mời đặt bát cúng dường bảy ngày tại hoàng cung. Đức Phật cũng nói rõ cho đức vua biết, là ngài chỉ đi một bữa đầu tiên với năm trăm tỳ-khưu, sáu ngày còn lại sẽ có một vị trưởng lão khác đại diện dẫn đầu chư tăng. Vì ngài còn phải đề tâm tiếp độ rất nhiều gia chủ trong kinh thành nữa.

Đúng hẹn và đúng sáng hôm ấy, đức Phật với đại y vắt vai, với bình bát màu mạn chín dẫn đầu năm trăm tỳ-khưu gồm: Hai trăm vị tại vườn rừng Ghositārāma, hai trăm vị tại

vườn rừng Kukkuṭārāma và một trăm vị tại lâm viên Pārārikambavana; rồi họ cùng bộ hành về hướng cung vua.

Tại Kosambī, cả ba lâm viên, tặng chúng gần hai ngàn vị, nhưng họ thường chia ra hàng chục đoàn khác nhau, bố trí rải rác khắp thành phố và cả các làng lân cận để trì bình khát thực. Họ ít khi đi một đoàn đông người vì như vậy thì khó đủ vật thực nuôi mạng.

Vào các dịp an cư như năm nay, cả ba lâm viên đều đã có ba vị thí chủ lớn hộ độ hoặc mời thỉnh mời về tư gia nên trường hợp đức Phật dẫn đầu một lúc năm trăm vị tỳ-khuru đi trì bình khát thực thường là vào các dịp đặc biệt. Dân chúng hiếu kỳ đứng xem rất đông. Chuyện đức Phật và tăng chúng bị bọn du đặng, côn đồ chưởi rửa, mắng nhiếc, phỉ báng, hạ nhục chỉ mới mười ngày trước đây đã trôi về quá khứ. Đức Phật và năm trăm vị tỳ-khuru đi hàng một, thanh thoát, chậm rãi như hình ảnh con rồng màu vàng sẫm nhip nhàng uốn lượn trên các ngã đường như toát ra sự tĩnh tại, bình an, vô tranh, vô sự.

Đức Phật vừa đến cổng hoàng cung thì đồng lúc, lâu thành mở ra, hai tấm cửa vĩ đại bằng gỗ lim như tự động lùi sang hai bên lộ ra còn đường đá cẩm thạch hun hút đi sâu vào bên trong. Hai tháp canh hai bên cao chón chở bổng vọng lên hai hồi trống canh như báo hiệu “thượng khách” đã đến! Ai cũng thầm nghĩ, quốc độ Vamsa dầu là tiểu quốc nhưng cách bố trí vương thành kiên cố như thế này thì không dễ gì các đại quốc xâm phạm được. Có lẽ vì vậy nên ông vua này gối cao nằm nghỉ và săn bắn, tửu sắc ăn chơi hưởng thụ!

Thế rồi, buổi lễ đặt bát cúng dường ngày thứ nhất diễn ra vô cùng trọng thể. Hoàng hậu Sāmāvatī và mấy trăm cung nữ tươi rạng nét mặt, tới lui sốt com bánh vật thực cho đức Thế Tôn và tăng chúng. Riêng đức vua Udena, dầu vậy, đức tin chưa vững vàng, viện cớ bận quốc sự, hội họp tại triều

đình. Riêng bà thứ hậu Māgaṇḍiyā thì cảm tức, uất hận đầy lòng, lánh mặt trong hậu cung.

Độ thực xong, đức Phật ban bố một thời pháp. Ngài giảng khái quát lộ trình quần quanh từ cảnh giới sinh tử này sang cảnh giới sinh tử khác của tất cả chúng sanh trong ba cõi, sáu đường. Và nhấn mạnh đến bốn cảnh giới đau khổ, thống khổ và các cõi an vui người và trời như thế nào. Sau đó, đức Phật khuyên răn mọi người bố thí, giữ giới, sống đời trong lành, hiền thiện.

Hoàng hậu Sāmāvatī và mấy trăm cung nga thể nữ nghe như uống cả vào lòng. Riêng cô thị nữ Khujjuttarā lưng gù thì chú tâm, tư tác lắng nghe pháp cho đến nỗi không thấy, không biết bất cứ cái gì xảy ra xung quanh. Thời pháp chấm dứt thì cô đã khắc sâu tứ lời vào tâm khảm và có thể thuyết lại cho người khác mà không bỏ sót bất cứ một ngữ nghĩa nào, một chi tiết nào. Chuyện xảy ra trong tâm tư cô thị nữ lưng gù chỉ có đức Phật và một số bậc thánh có thắng trí biết mà thôi.

Sau buổi đặt bát cúng dường còn lại, đức Phật thấy các vị trưởng lão cao hạ đang đi du hóa nhiều phương chỉ còn đại đức Ānanda là năm hạ, tương đối lớn nên có bốn phạm dẫn đầu đi vào cung điện. Và rồi, sáu thời pháp của đại đức Ānanda cũng uyển chuyển, lưu loát như nước chảy của con sông dài; ngôn ngữ, đoản ngôn, kệ ngôn, dụ ngôn đều rõ rờ sáng trong, cụ thể. Sắc tướng của đại đức vốn quang minh, đẹp đẽ mà ngôn lời, âm thanh của ngài lại như ngọc chạm, như tiếng pha-lê reo, trầm bổng du dương... làm cho thính chúng bị cuốn hút, mê đi, chìm lắng trong biển pháp. Vậy là chỉ mới ngày thứ năm, cung nga thể nữ của chánh hậu đã dâng cúng bên chân đại đức Ānanda đến năm trăm lá y, có nghĩa là họ có bao nhiêu tấm y quý nhất, đẹp nhất do vua ban, họ chưa sử dụng do hoan hỷ quá nên họ đem dâng cúng hết.

Chuyện đến tai đức vua Udena, ông rất bực mình, tự nghĩ: “Mấy ông sa-môn này bắt đầu lộ diện chân tướng rồi! Tu hạnh xả ly, vô sản bản hàn mà lại thọ nhận một lúc năm trăm lá y quý đẹp? Rõ là lòng tham tích lũy của cái tài sản còn hơn là kẻ thường nhân nữa! Được rồi, ngày mai, trước đám đông, ta sẽ lột mặt nạ ông ta!”

Buổi lễ ngày thứ bảy diễn ra bình thường, có khác một chút là có đức vua và một số các quan trọng thần lắng nghe. Bực thì bực, ghét thì ghét nhưng quả thực là thời pháp không chê vào đâu được. Và sắc tướng, âm thanh của đại đức Ānanda còn lôi cuốn, hấp dẫn họ nữa. Tuy nhiên, đức vua Udena không quên công việc định làm của mình. Thế rồi, cuộc chất vấn bắt đầu:

- Bạch đại đức! Trẫm nghe nói đại đức đã thọ nhận của cung nữ năm trăm lá y, việc ấy là đúng sự thực hay không đúng sự thực?

- Là đúng sự thực, tâu đại vương!

- Trẫm nghe nói, một vị tỳ-khưu trong giáo hội của đức Đạo Sư chỉ được phép sử dụng ba y và không thể sở hữu nhiều hơn, có phải thế chăng?

- Quả thật là vậy, tâu đại vương!

- Nghĩa là đại đức cũng chỉ sở hữu ba y đúng như là một vị tỳ-khưu chân chính, là tri túc, xả ly và vô sản bản hàn?

- Quả vậy, tôi “đang cố gắng tu tập” như vậy đó, tâu đại vương!

- Vậy thì quả thật trẫm không hiểu là đại đức sử dụng năm trăm lá y ấy như thế nào?

- Thưa, tất cả tôi đều đã cúng dường lại cho những vị tỳ-khưu có y cũ rách!

Đức vua lộ vẻ ngạc nhiên:

- Đại đức cúng dường trở lại hết à?

- Thưa vâng!

- Thế đại đức không để dành cho mình một tấm y quý đẹp nào trong năm trăm tấm y ấy?

- Thưa không, không cần thiết. Vì tấm y cũ tôi đang dùng đây nó vẫn còn tốt!

Đức vua lặng người khi biết rằng mình đã ngờ oan cho người ta rồi, nhưng do tò mò, ông làm như thản nhiên, hỏi tiếp:

- Vậy thì năm trăm vị được đại đức dâng cúng y mới, thế y cũ của họ, họ dùng làm gì?

- Thưa, họ sẽ cúng dường lại cho những vị có y cũ rách hơn nữa!

- Rồi thì năm trăm tấm y quá rách nát ấy, họ sử dụng vào việc gì?

- Thưa, họ làm tấm trải giường.

- Vậy sau trải giường?

- Thưa, họ lót trên sàn, trên nền tại các liêu cốc.

- Sau đó nữa?

- Tâu, họ làm giẻ chùi chân!

- Rồi sau khi không còn sử dụng được nữa?

- Không phải là không sử dụng dù cái mà thế gian đã quăng bỏ đi. Miếng giẻ chùi chân đã phế thải ấy, môn đệ của đức Thế Tôn sẽ xé nhỏ ra, quét cho nhuyễn với đất sét để trám vào các lỗ thủng, lỗ hư trên các vách tường liêu thất, tâu đại vương!

Đức vua Udena hỷ lạc dâng đầy tràn trong tâm đến nỗi tê rần cả người, ông đổ gập người xuống, quỳ bên chân đại đức Ānanda, thốt lên:

- Ôi! Cao quý thay là đệ tử của đức Vô Thượng Giác. Đến nỗi khi thọ nhận vật dụng của thí chủ, dù một miếng giẻ chùi chân cũng không bỏ sót, cũng trở nên hữu dụng. Ôi! Tấm lòng biết trân trọng ấy, trên đời này có ai có thể bằng được một phần mười sáu đệ tử của đức Tôn Sư?

Thế rồi, theo với niềm vui của mình, đức vua Udena sai quan thủ khổ cho người mang thêm năm trăm lá y quý đẹp nữa đem dâng cúng thêm cho vị pháp sư.

Đại đức Ānanda sau khi thọ nhận, ngài chột mỉm cười tươi tắn như nụ sen vừa mới nở, cất tiếng lời lạnh lớt, thanh tao như tiếng chim ca-lãng-tần-già để giáo giới thêm cho đức vua:

- Tâu đại vương! Môn đệ của đức Đạo Sư, của đức Thế Tôn, của đức Chánh Đẳng Giác sống giữa cuộc đời, khi đi vào giữa xóm làng với chiếc bát xin ăn, bao giờ cũng chỉ thọ nhận vừa đủ từ tấm lòng của bá tánh với tâm bình đẳng, nhẵn nại, rỗng rang, tịch lặng, không hận, không sân. Như con ong chỉ khẽ khàng tìm chút nhụy lớt lòng nhưng không làm hại nụ hoa, cánh hoa! Như bài kệ sau đây:

- Như ong kiếm tí mật thôi
Sắc hương chẳng hại, lá chồi cũng không
Khẽ khàng chút nhụy lớt lòng
Bậc thánh như vậy, thông dong vào làng!⁽¹⁾

Ngoài ra, họ còn biết tôn trọng và tri ân quốc vương, quốc độ; tôn trọng và tri ân bá tánh, chúng sanh và xã hội. Mục đích của chư môn đệ là luôn tâm niệm mang đến an lạc và hạnh phúc cho mình và cho người, tâu đại vương!

Đức vua Udena quý kính tận đáy lòng:

- Trẫm đã sáng mắt, sáng lòng ra rồi, thừa đại đức! Trẫm hiểu rồi và hiểu sâu xa vô cùng! Tri ân đại đức cùng đại chúng tỳ-khuru tăng!

⁽¹⁾ Pháp cú 49: “Yathā pi bhamaro puphaṃ vaṇṇagandhaṃ aheṭṭhayaṃ; paleti rasaṃ ’ādāya evaṃ gāme munī care”.

Ngọn Lửa Hận Thù

Sau bảy ngày đặt bát cúng dường và nghe pháp, biệt cung của hoàng hậu Sāmāvati như được tiếp thêm sinh lực mới, nhiên liệu mới. Họ trang hoàng lại khắp mọi nơi, mọi chỗ. Tại phòng hội, họ quét dọn, lau chùi, mở các cửa sổ, thay đổi các bức rèm cho có màu sắc tươi sáng, thanh nhẹ hơn. Họ thay đổi những hương liệu xa xỉ thay thế bằng hương liệu thanh tao, khiết nhã từ hoa, từ chiên đàn, từ đinh hương, hồi hương. Hoa được thay đổi mỗi ngày và chưng vào các kệ gỗ nhỏ sát tường trông vui tươi và mát mẻ như không khí mùa xuân. Họ lót những tấm thảm lớn làm chỗ ngồi thiền. Một pháp tọa tháp có lót thảm vàng dành chỗ cho pháp sư, và đó chính là thị nữ Khujjuttarā lưng gù.

Tại sao lại có chuyện ấy xảy ra? Vì mỗi ngày sau khi nghe pháp, rất đông cung nữ không nắm bắt hết ý nghĩa. Tới lại, nơi phòng hội này, cô thị nữ đã thuyết lại toàn bộ cho họ nghe mà không bỏ sót bất cứ đoạn nào. Và những ngày hôm sau đều diễn ra như vậy. Lại nữa, cô thị nữ này còn có cả một kho tàng giáo pháp tích lũy được từ những dịp được phép ra ngoài, hầu như cô cũng không bỏ sót buổi thuyết pháp nào cho các hàng cư sĩ tại gia ở cả ba lâm viên. Có lần, tại vườn rừng Ghositārāma, đức Thế Tôn đã tuyên dương cô

là “nữ cư sĩ pháp sư cung đình” đây. Thế nên, cách bố trí căn phòng này là theo ý của hoàng hậu. Một là, vào mỗi buổi chiều, cô thị nữ Khujjuttarā phải có một thời pháp cho mọi người cùng nghe. Hai là, ai muốn tĩnh tâm, tham thiền thì lấy không gian thanh tịnh này mà tu tập. Và thị nữ Khujjuttarā đã làm trọn vẹn phận sự của mình tại “tịnh xá” học tu này.

Nói về thứ hậu Māgaṇḍiyā thì bà luôn gùm gùm, dăm dăm tìm mưu kế trả thù.

Sau khi theo dõi, bà biết vào mỗi buổi chiều, hoàng hậu và cung nữ đều tụ họp tại phòng hội. Bà mừng quá vì biết rằng “việc lớn sẽ thành”!

Hôm ấy, lợi dụng khi đức vua đi tuần du các thị trấn ngoại thành, bà mật bàn với ông chú quốc trưởng của mình là Cūla Māgaṇḍi phương kế hãm hại hoàng hậu Sāmāvātī và mấy trăm cung nữ tu theo ông Cù Đàm! Theo với kế này, ông quốc trưởng được phép mở kho vải, cùng một số thân tín tay chân, dùng vải ấy nhúng dầu rồi quấn quanh các cây cột gỗ tại biệt cung của hoàng hậu. Tính toán kỹ càng, đúng vào thời điểm mọi người đang nghe pháp là họ ra tay, sau đó, họ còn âm thầm và nhẹ nhàng khóa kín tất cả mọi cánh cửa để không ai có thể thoát ra lối nào.

Thực hiện hoàn hảo kế hoạch từ đầu đến đuôi, rồi họ cho người ở sân xa, bắn vào bên trong vài chục mũi tên lửa là biệt cung bốc cháy rần rật. Và sự việc diễn tiến đúng như thế thật.

Than ôi! Lúc mọi người biết ra thì đã muộn quá rồi. Lửa bên ngoài nổ lốp bốp đã lần sang mái biệt cung, khói tỏa ngùn ngụt, mịt mù, đã gây ra cảm giác khó thở. Cánh cửa này, cánh cửa kia đều bị những cây sắt khóa chặt. Sức lực nữ nhi thì biết làm gì, có thể dùng cánh tay liễu yếu đào tơ đập vỡ những tấm gỗ lim dày cứng hay sao? Họ đã trơ mắt, bất lực, mệt mỏi; đã có vài tiếng khóc tỉ ti, nức nở được kìm

nén những vẫn thoát ra ngoài bằng những âm thanh ư ử, hích hích...

Hoàng hậu Sāmāvatī trầm tĩnh nhất, bảo mọi người đừng có hỗn loạn, hãy cùng ngồi xuống bên nhau rồi bà ban lời giáo giới như sau:

- Chị em chúng ta đã từng phiêu bạt, lang thang trong vòng luân hồi tử sinh thống khổ từ muôn xưa đến nay, chẳng biết đâu bến, đâu bờ. Duyên may, chúng ta gặp được đức Thế Tôn và giáo pháp thoát khổ, chúng ta đã có ngọn đèn soi sáng để lên đường trong đêm tối. Vậy chẳng có gì đáng để sợ hãi cả. Ngọn lửa hung bạo này có thể thiêu rụi thân xác chúng ta nhưng nó không thể đốt cháy trí tuệ của chúng ta, ý chí và nghị lực kiên cường một lòng với giáo pháp của chúng ta. Vậy, hơn lúc nào hết, chúng ta hãy công phu tu tập tinh tiến ngay từ giờ phút này.

Mọi người thấy đều nghe lời, không gian đã trở nên yên lặng. Hoàng hậu Sāmāvatī nói tiếp:

- Cô Khujjuttarā lưng gù, là bạn lành của chúng ta, là thầy của chúng ta, đi mua hoa chưa về; nếu có cô ấy thì cô ấy cũng sẽ nói như sau: Trong hoàn cảnh cái chết kề bên lưng như thế này, thì tùy theo tâm tánh và sở thích của mỗi người để lựa chọn đề mục thích hợp cho mình. Có thể tĩnh tại niệm hơi thở vào ra. Có thể quán sự khổ, khổ thân, khổ của sự chết. Có thể quán ngay đề mục lửa. Có thể quán vô thường, vô ngã của ngũ uẩn, thập nhị duyên khởi... Chúng ta cứ thực hành như thế để có được sự lợi lạc tối thượng. Và khi ấy thì cái sống, cái chết của cái thân này có ý nghĩa gì đâu!

Sau đó, dường như một phép lạ đã xảy ra. Bên ngoài lửa cháy ngất trời, trống đánh, chiêng đánh, thanh la, nã bạt đánh, tiếng người hô hoán, rầm rập chạy đi cứu lửa thì trong căn phòng khói phủ mịt mù, hoàng hậu Sāmāvatī và mấy trăm cung nga thể nữ yên lặng tọa thiền, người định, người

quán an nhiên, tĩnh mặc. Cuối cùng, khi xác thân họ bị thiêu cháy thì số ít đạt tam quả, một phần được nhị quả, số còn lại đều đạt đệ nhất quả chảy vào dòng sinh an⁽¹⁾.

Hôm sau, chư tăng đi vườn rừng Ghositārāma, và nói chung cả Kosambī đang xôn xao bàn tán hung tin ấy. Có người đau lòng bi thương. Có người hoài nghi nhân quả. Có người không biết kiếp trước họ làm việc ác gì mà kiếp này bị trả quả kinh khiếp như vậy. Có người lại khởi tâm muốn biết cảnh giới lai sanh của họ ra sao, do việc thiện vừa mới làm thì nghiệp dữ tức khắc đến kéo lôi đi? Lại còn chuyện cô thị nữ lưng gù, tại sao lại được thoát chết, rồi còn do nhân quả như thế nào mà lại có khả năng thông suốt giáo pháp để giảng nói lưu loát, rành rẽ như vậy?

Đức Phật hướng thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, sanh tử thông nên thấy, nghe, biết tất cả mọi sự nhưng vẫn lặng lẽ chưa nói gì vì ngài biết rõ là cái nghiệp riêng kia, cái nghiệp chung kia nó vẫn còn tiếp diễn.

⁽¹⁾ Ở đây có một câu hỏi được đặt ra, là tại sao, hoàng hậu Sāmāvatī sử dụng năng lực tâm từ để vô hiệu hóa mũi tên của đức vua, vậy tại sao khi lửa thiêu cháy cung điện, hoàng hậu lại không sử dụng năng lực của tâm từ? chỉ có một câu trả lời là, khi nghiệp dữ đến thì năng lực thần thông cũng bất lực, lại càng bất lực hơn khi đấy còn là năng lực của cộng nghiệp?!

Báo Ứng

Đức vua đang ngự du tuần tra ngoại vi kinh thành, khi nghe phi mã báo hung tin, ông tức tốc trở về thì chứng kiến một thảm cảnh kinh hoàng. Ông đứng lặng nhìn biệt cung của chánh hậu với những tòa lầu đài ngang dọc, bây giờ chỉ còn là đám tro tàn âm ỉ khói.

Lòng đức vua nặng trĩu, ảo não, thương bi đủ cả khi nghĩ đến ân đức, tấm lòng độ lượng của hoàng hậu; nhưng ông cố trấn tĩnh, cố giữ nét mặt điềm nhiên không phán xét gì, không hạch hỏi ai, không nói một tiếng nào, lặng lẽ đi về tẩm cung. Đức vua đuổi tất cả tả hữu ra ngoài, tự mình tắm rửa, thay xiêm đôi áo rồi ngồi lặng như hóa đá, như thiên định.

Rồi những con người, những sự việc diễn tiến đi qua tâm trí của đức vua như một cuốn phim quay chậm. Ông nhớ lại từ hồi nhập cung, hoàng hậu Sāmāvati suốt mười năm nâng khăn sửa túi, bà lúc nào cũng nho nhã, nhu thuận, dịu hiền, kín đáo và thanh cao như một đóa cúc trắng. Cũng chính nhờ bà, lây lan những đức tính tốt của bà mà ông đã trở nên khá hơn, tự chủ hơn, trầm tĩnh hơn. Ngay chính những sự nóng giận, kể cả sẵn thú giết vật, kể cả chửi rủa, đánh đập, la mắng người vô cớ ta cũng đã giảm được năm

sáu phần! Còn nữa, bà chưa hề yêu cầu điều gì, nguyện ước điều gì, xin ban cái gì cho cá nhân mình cả. Đối với cha mẹ, thân bằng, quyến thuộc bà cũng xử sự chừng mực, tình lý cân phân và cũng chưa hề xin cho người bà con nào một chức quan nhỏ. Năm ngoái, khi có thai, bà chỉ xin được đi nghe pháp từ đức Thế Tôn và cũng cầu nguyện cho hài nhi sau này trở thành một hoàng tử tốt, sáng suốt và lương thiện. Sau khi gặp đức Phật trở về, bà dường như có nhiều niềm vui nội tâm hơn. Rồi bà cũng giáo dục cho cung nga thể nữ những đức tính hay đẹp như thế. Đứa trẻ ra đời, bà hết lòng chăm sóc, sau trao lại cho bốn bà nhũ mẫu cùng mười cung nữ săn sóc ở gần cung điện của đức vua. Sáng nào bà cũng sang thăm, nâng niu, trịu mến, và ông cũng tiện đường dễ dàng ghé chơi, hôn hít cậu ấu hoàng xinh đẹp như con nhà trời. Vậy, hoàng hậu Sāmāvātī không thể thả con rắn độc, bà không có mục đích để làm việc tà đình ấy. Chuyện con gà sống cũng thật đáng ngờ. Ai mang tám con gà sống đến? Và tại sao lại được phủ kín, chỉ hé cho ta xem cái màu lông đen của gà thôi? Đằng trong ấy được che giấu cái gì? Ô, tại sao ta lại hồ đồ tin người như vậy chứ? Cái bàn tay ông chú ấy hơi run run! Cái ông được mệnh danh là quốc trượng ấy thế là đáng ngờ. Thật ra, quốc trượng phải là thân sinh bậc chánh cung kia! Nhưng do hồi ấy ta mê mẩn sắc đẹp của Māgaṇḍiyā nên đã chịu theo ý của nàng ấy. Rồi lại còn một biệt phủ cho ông ta nữa chứ. Tiếp đến, lòng gà được trao cho ai? Tên cận thần bồi yến? Ai tâu là món ngự thiện nên để cho cung nữ chánh hậu làm? Tên cận thần hầu rượu! Vậy là tên quốc trượng, tên bồi yến, tên hầu rượu có vấn đề gì đó ám muội rồi.

Còn con người thực của thứ hậu thì sao? Cô ta nhập cung là vì thâm thù sa-môn Gotama do cha mẹ chọn sa-môn Gotama làm giai tế nhưng ông ta không dám sờ đụng bằng chân. Cô được ta yêu thương là cô ta sẽ có kế sách báo thù.

Vậy là cô ta yêu môi thù của cô ta hơn là yêu ta. Chuyện chột trở nên sáng tỏ khi nửa tháng trước đây cô ta tung hết tiền ra thuê bọn đầu trộm đuôi cướp phỉ báng, nhục mạ samôn Gotama và tăng chúng. Vậy là đã rõ tâm địa của thứ hậu. Từ từ ta sẽ đưa cô ta vào bẫy. Việc cần làm hiện nay là âm thầm điều tra chuyện tám con gà sống trước đã. Cái này thì dễ, vì chỉ cần lôi tên cận thần bồi yến là biết ngay!

Tôi ấy, đức vua cho kêu tên cận thần vào cung sau, và với sắc mặt lạnh như tiền, ông nói:

- Có hai con đường, ngươi có thể chọn một. Một là trầm tam mượn chiếc đầu của ngươi, hai là ngươi hãy kể rõ sự thật cái gì giấu kín khó hiểu bên trong lòng gà hôm tiêu yến?

Nghe cách hỏi của đức vua, tên cận thần biết là không thể giấu giếm ngại được nữa nên đã tình thật khai hết. Đức vua bàng hoàng. Xảo kế mà như vậy vừa sâu xa khó lường vừa thâm độc còn hơn nọc độc của rắn. Ôi! Thương xót thay chánh hậu của ta, bị hàm oan mà không hề than oán một lời! Lại còn rải tâm từ cho ta và cả cho con tiện tỳ kia nữa chứ!

- Chuyện tám con gà sống, tám con gà chết, vậy là trầm đã rõ mọi chi tiết của kịch bản. Thế chuyện con rắn độc, ngươi có thấy biết manh mối gì không?

Tên cận thần bồi yến tâu thật lòng:

- Bà thứ hậu mua chuộc hạ thần và cả viên hầu rượu cho bệ hạ, luôn theo sát bệ hạ. Chuyện con rắn độc thì hạ thần không biết. Nhưng sau khi nghe nội cung bàn về con rắn nhỏ hạ thần biết ngay là chính thứ hậu đã lén bỏ vào ống tiêu của bệ hạ.

- Sao ngươi biết?

- Chiều hôm ấy, thấy quốc trượng hấp tấp đi vào cung rồi trao cho thứ hậu một cái hộp nhỏ, nói thoảng rằng: “Đề ý đó! Nó độc lắm đó!” Khi quốc trượng về, thứ hậu nhìn cửa trước, nhìn cửa sau, lúc ấy bệ hạ đang ngự chơi bên phòng

của ấu hoàng rồi lên vào phòng của bệ hạ. Và chắc chắn nó đã được lén bỏ vào bên trong ống tiêu của bệ hạ.

Đức vua gật đầu:

- Đúng vậy rồi! Chớ chẳng lẽ nào hoàng hậu lại để rấn trong chần của mình?

Trầm ngâm hồi lâu, đức vua cẩn thận nói nhỏ với tên cận thần:

- Bây giờ trăm phạt người nhin đói một ngày, ngoan ngoãn ở yên đây, đừng có kêu ca, la oán gì. Chiều mai trăm sẽ mở khóa thả người ra đói chừng.

Sáng hôm sau, lúc lâm triều, đức vua cho hội họp hết quần thần và cả đại diện hai cung, năm viện; với khuôn mặt bình thản, an nhiên như không có gì xảy ra. Quần thần người này, người kia mở lời chia buồn, khuyên giải đức vua đừng quá sầu não mà họa hại đến sức khỏe, ảnh hưởng đến muôn dân, bá tánh.

Đức vua chợt cất giọng cười ha hả:

- Các khanh làm rồi! Trăm không buồn mà trăm còn vui nữa đây! Các khanh biết tại sao không?

Đức vua tự hỏi rồi tự trả lời:

- Cứ mỗi lần nghĩ đến con rấn độc tại cung của hoàng hậu là trăm còn rón cả tóc gáy. Biết bao nhiêu ngày trăm ăn không ngon, ngủ không yên, luôn luôn phập phồng lo sợ, không biết còn có mưu kế nào rình rập nữa hay chẳng? Còn con rấn độc thứ hai, thứ ba nữa hay chẳng?

Nghỉ hơi một lát cho cả triều thần hiểu trọn vẹn ý nghĩa rồi đức vua tiếp:

- Nay thì toàn bộ cái cung lầu ấy bị thiêu rụi rồi, những con người với những kế độc ấy cũng rủ nhau ra đi cả rồi; cho nên từ nay trăm sẽ gồi cao nằm ngủ, không còn lo sợ gì nữa.

Một viên lão thần chợt tâu:

- Tâu đại vương! Một bậc mẫu nghi thiên hạ và năm trăm cung nữ bị thiêu cháy không phải là việc nhỏ. Mấy tòa cung lầu ngang dọc nguy nga tráng lệ bị đốt ra tro không phải là việc nhỏ. Theo hạ thần, là chúng ta phải lập một ban điều tra để tìm cho ra thủ phạm cùng những người đồng lõa, có tội danh, tội chứng, sau đó xử phạt tội hình đàng hoàng mới có thể nghiêm được phép nước!

Đức vua gật đầu:

- Lão khanh nói đúng. Nhưng lão chỉ biết một mà không biết hai. Vậy trăm sẽ hỏi khanh nhé?

- Tâu vâng!

- Nếu có người đặt đũa lên bàn cân, một bên là trăm, một bên là hoàng hậu và năm trăm cung nữ thì bên nào nặng hơn?

- Bệ hạ nặng hơn!

- Một bên là mười ngàn đồng tiền vàng để kiến tạo lại biệt cung, một bên là trăm thì bên nào nặng hơn!

- Cũng bệ hạ nặng hơn!

Đức vua cười ha hả:

- Trăm nặng hơn, vậy là đã rõ! Vì an toàn tánh mạng cho trăm, vì muốn cắt đi gánh nặng sợ hãi ngày đêm của trăm nên ai đó đã ra tay làm việc này. Chắc người ấy là một người có tâm hồn cao thượng, yêu thương trăm hết mực nên đã bảo vệ tánh mạng cho trăm đấy!

Đức vua còn lặp lại:

- Tánh mạng của trăm là đệ nhất! Hộ trì tánh mạng cho trăm tức là hộ trì quốc độ vậy. Trăm vô cùng cảm ơn vị ân nhân đó.

Thứ hậu Māgaṇḍiyā nghe đến đây, không còn chịu nổi nữa, muốn xưng danh để lập công liền:

- Tâu bệ hạ! Người làm việc âm thầm vô danh ấy là thiếp! Phi thiếp ra, ai có khả năng làm được việc ấy? Chính

thiếp đã thảo kế hoạch rồi nhờ quốc trọng phụ giúp một tay, bây giờ bệ hạ mới hoàn toàn được an toàn như vậy đó!

Đức vua giả vờ ngạc nhiên:

- Ô, thế sao? Chính thật là nàng sao? Trước quần thần, hai cung năm viện, trăm tuyên dương công trạng đệ nhất cho nàng đó!

Thứ hậu xiết bao vui sướng.

Giọng đức vua còn vang vang cả triều nội:

- Vậy là ngoại trừ thứ hậu ra, trên đời này chẳng còn ai yêu thương trăm một cách thật lòng, một cách sâu sắc và chung thủy như thế. Để tri ân thứ hậu, trăm còn muốn ban tước lộc cho quốc trọng cùng tất cả bà con quyến thuộc của nàng, kể cả những người âm thầm góp tay, góp sức nữa. Vậy thì chiều nay, ngay trước sân rồng, cuộc ban thưởng trọng hậu sẽ diễn ra ở đó, tất cả mọi người hôm nay đều phải có mặt để chia niềm vui chung với trăm.

Thế rồi, buổi chiều, ngay tại sân rồng, khi thứ hậu Māgaṇḍiyā, quốc trọng Cūla Māgaṇḍi cùng thân bằng quyến thuộc, một số tay chân bộ hạ tề tựu đông đủ, đức vua ra lệnh cho quân cận vệ bắt trói cả thầy. Viên cận thần hầu rượu và bồi yến cũng bị bắt trói dẫn ra tại chỗ.

Giọng đức vua Udena uy nghiêm, đồng dục:

- Đốt rụi biệt cung, thiêu chết hoàng hậu và năm trăm cung nữ, thủ phạm chính là con nha đầu này cùng với ông chú của nó, tay chân bộ hạ của nó, đã do chính từ miệng nó nói ra. Thân bằng quyến thuộc ba họ của nó cũng phải bị vạ lây. Đúng như viên lão thần đã nói, phải trừng trị để cho nghiêm phép nước. Chư quan thấy trăm làm như vậy có đúng không, có sai lệch chỗ nào không?

Quần thần hô to:

- Bệ hạ anh minh, sáng suốt!

- Chuyện tám con gà sống, tám con gà chết thì thủ phạm có bốn người: Con tiện tỳ điều trá này, ông chú ác độc này

cùng hai tên hầu yến và hầu rượu, ta đã điều tra kỹ càng và tuyên bố công khai, minh bạch với mọi người trước ánh sáng mặt trời.

Quần thần hô to:

- Bệ hạ anh minh, sáng suốt.

- Chuyện con rắn độc thì thủ phạm chỉ có hai, không nói thì ai cũng biết rồi. Một tên đưa rắn độc và một tên lén bỏ vào ống tiêu “điều tượng” của trẫm để giá họa cho hoàng hậu đức hạnh!

- Bệ hạ anh minh, sáng suốt.

- Chuyện đốt cung lầu giết hại hoàng hậu và năm trăm cung nữ thì tất cả bọn chúng đều có góp tay, góp sức tham gia, đồng lõa.

Quần thần xôn xao bàn tán không biết đức vua điều tra như thế nào mà chỉ chưa được nửa ngày ông đã biết rõ tất cả.

- Trẫm tuyên bố: Toàn bộ gia sản của hai tên đầu sỏ sẽ bị tịch thu. Vàng bạc lấy được trẫm sẽ cúng dường sửa sang ba đại lâm viên để nhờ đức Phật và chư tăng tụng kinh, hồi hướng siêu độ cho hoàng hậu và năm trăm cung nữ. Trẫm xử lý như vậy có được không?

- Bệ hạ anh minh, sáng suốt!

- Trẫm tuyên bố: Con tiện tỳ cái tội quá nặng tương đương địa ngục a-tỳ, trẫm sẽ cho lóc từng tấm thịt, bỏ vào chảo chiên, bắt nó ăn. Khi nào nó ăn không nổi, quăng nó vào chảo rồi chiên giòn! Cái tên được mệnh danh là quốc trượng này cũng chiên vàng luôn như thế. Tên hầu rượu thì cho năm ngựa phân thây. Tên hầu yến do thành thật khai báo, thú tội nên được tha chết, đuổi về quê quán. Bà con quyền thuộc cũng bị tịch thu gia sản, toàn bộ bị chém đầu rồi cho chôn cất tử tế.

Bản án của đức vua tuyên bố không ai dám góp thêm một lời nào. Và ngay chính tội nhân cũng không dám phản biện dù chỉ trong ý nghĩ.

Ai cũng khâm phục đức vua đã dàn dựng một kịch bản đầy mưu trí để cho thủ phạm độc ác tự đưa đầu đưa cổ của mình vào tròng.

Nghiệp Nhân Từ Quá Khứ

Tại giảng đường vườn rừng Ghositārāma, biết là chư tăng đang bị nhiều mối nghi ở trong lòng, đức Phật liền vén mở bức màn quá khứ đã bị che lấp liên hệ đến những sự việc xảy ra tại hoàng cung đức vua Udena.

- Nay chư tỳ-khưu! Một thuở rất xa xưa, dưới triều đại đức vua Brāhmadatta, vào thời không xuất hiện một vị Chánh Đẳng Giác nào, có tám vị Độc Giác trú cư tại núi non thuộc kinh thành Bārāṇasī, và các ngài thường vào thành phố để trì bình khát thực. Lâu lâu, đức vua lại triệu thỉnh họ vào cung, lệnh cho hoàng hậu, thứ hậu, thứ phi, cung nga thể nữ thay phiên nhau đặt bát cúng dường và nghe một vài pháp thoại. Cả tám vị đều được đức vua tôn kính, trọng vọng; là chỗ nương tựa tinh thần của đức vua, họ được ngài coi như là linh hồn của quốc độ vậy.

Hôm ấy, sau khi đi bát xong, có bảy vị quăng bát qua hư không để lên núi Himalaya. Chỉ còn một vị đến bờ sông Gaṅgā thọ thực, sau đó vào một lùm cây rậm thọ hưởng lạc về thiên, lạc về quả.

Đức vua trị vì Bārānasī hôm ấy nhã hứng cùng chư hậu, chư phi, cung nga thể nữ du lãm ở ngoại thành, bày cuộc vui săn bắn, sau đó họ nghỉ ngơi tại hành cung ven bờ sông.

Như những cánh chim được xổ lồng, có một bà phi dẫn năm trăm cung nữ đi dạo chơi ven sông, sau đó tha hồ nhón nhơ ngụp lặn, bơi lội, đùa giỡn thỏa thích trong dòng sóng nước.

Lúc họ lên bờ thì trời trở lạnh. Ai cũng run lẩy bẩy. Bà phi sáng ý chạy đến lùm cây, gom lá khô, rác khô, cành khô rồi đốt lửa sưởi ấm. Vô tình, ngọn lửa lớn cháy lan đến lùm cây có vị Độc Giác đang trú định. Do cây cháy nên lộ ra hình tướng vị Độc Giác quen thuộc, và có lẽ vì ngài đang an trú diệt thọ tướng định nên chẳng hề hay biết chuyện gì xảy ra xung quanh.

- Chết rồi! Bà phi chột la lên - Đây là bậc thầy của đức vua. Nếu ông ta tiết lộ chuyện này chắc chị em ta không thoát khỏi tội chém đầu! Thôi, một liều ba bảy cũng liều, chúng ta hãy phi tang, hãy chắt thêm rác khô, củi khô đốt cháy ông ta luôn đi. Sau khi chỉ còn tro tàn thì trời không biết, đất chẳng hay!

Thế là năm trăm cung nữ làm theo lời bà phi. Mỗi người chỉ cần gom lượm một bó nhẹ, cả năm trăm người như thế thì đã thành một ngọn núi nhỏ vây quanh vị Độc Giác Phật. Khi thấy lửa đã bốc cháy rần rật họ mới bỏ đi, yên trí với việc làm kín đáo của mình. Tuy nhiên, đức Độc Giác Phật sau bảy ngày trú định diệt thọ tướng đã không thể bị chết cháy, y bát và vật dụng bên mình đều được bảo toàn do năng lực tối thượng của định này; ngài xả thiên, đi trì bình khát thực rồi như cánh chim ưng, nhẹ nhàng bay về Tuyết Sơn.

Kể đến ngang đây, đức Phật kết luận:

- Đốt lửa lần đầu do vô tâm, vô ý, không có tư tác giết nên không có tội nhân không có tội quả. Đốt lửa lần hai là có cố ý, có chủ tâm, có tư tác (cetanā) nên có tội nhân có tội

báo. Bà phi thuở xưa, hiện nay là hoàng hậu Sāmāvatī, là kẻ chủ mưu trong việc thiêu cháy Phật Độc Giác; năm trăm cung nữ thuở xưa là kẻ tòng phạm, chính là năm trăm cung nữ hiện nay. Chủ mưu hoặc tòng phạm tạo tác một nghiệp ác chung, bây giờ bị trả quả cộng nghiệp là lẽ đương nhiên vậy. Hoàng hậu Sāmāvatī và năm trăm cung nữ bị trả quả thiêu đốt cả hằng trăm, hằng ngàn kiếp rồi, và cái quả báo hiện tại chỉ là cái nghiệp dư sót mà thôi vậy⁽¹⁾. Lạnh lùng thay là nghiệp. Công bằng thay là nghiệp. Mà phân minh thay cũng là nghiệp vậy!

Sau khi biết rõ sự thật, cả pháp đường ai cũng rùng mình, lặng người.

Đức Phật còn giảng thêm rằng:

- Hoàng hậu Sāmāvatī và năm trăm cung nữ bên cạnh sự chết nhưng nhờ không phóng dật, chuyên cần chú niệm nên đã đặt chân được ở cõi bất tử.

Do vậy, bậc thiện trí kiên cố nhiếp tâm, hoan hỷ trong pháp sẽ nếm thưởng hương vị cảnh giới an lạc của thánh nhơn. Người chuyên niệm, tinh tấn vững vàng, cõi bỏ, vượt thoát mọi trói buộc, sẽ thành tựu Niết-bàn tối thượng.

Rồi ngài đọc liên tiếp ba câu kệ:

“- Con đường phóng dật: Nguy nan!

Con đường tỉnh thức: Vinh quang đời đời

Buông lung là kẻ chết rồi

Pháp môn bất tử đợi người cần chuyên!”

“- Trí nhân thấy rõ cơ duyên

⁽¹⁾ Câu chuyện Sāmāvatī được bao gồm quanh câu chuyện của vua Udena. Để biết thêm chi tiết xem trong chú giải Dhammapada. i. 187-91, 205-225; câu chuyện có xuất hiện một vài chi tiết trong chú giải Anguttara Nikaya. i. 232-4, 236ff., và cũng được đề cập tóm tắt trong chú giải Udena. 382f., loại bỏ chi tiết nguyên nhân cái chết của hoàng hậu Sāmāvatī được giải thích khá dài trong Udāna (Ud.vii.10) xử lý vụ việc. Cf. Divyāvadāna, ed. Cowell and Neill (Cambridge). 575 f. theo Thanh Tịnh Đạo (tr. 380f), ước muốn của Māgandiyā là giết hoàng hậu Sāmāvatī để lên làm chánh hậu.

Nhiếp tâm kiên định lên thuyền sang sông

An vui, hoan hỷ tự lòng

Dự vào cảnh giới thanh trong thánh mầu!”

“- Trí nhân tinh tấn thiền hành

Kiên trì nỗ lực duyên sanh Niết-bàn

Ma vương khó buộc, khó ràng

Tự do tối thượng thênh thang bến bờ!”⁽¹⁾

Đại đức Ānanda chột phát biểu:

- Bạch đức Thế Tôn! Người phóng dật, giải đãi dầu còn sống nhưng xem như đã chết rồi! Người chú niệm, tinh cần, dẫu chết rồi nhưng vẫn bất tử! Ý nghĩa ấy chúng đệ tử lãnh hội rồi! Ôi! Cái vòng nhân quả báo ứng này, ngoài sự kiện nổi bật, gây nhân thiêu cháy nên bị trả quả thiêu cháy, nó còn hé lộ cho ta thấy rõ hai hiện tượng nhân quả phân minh nữa: Một, bà phi thuở xưa do đặt bát cúng dường nên hiện nay do phước bảo trợ sinh làm hoàng hậu với danh phận, địa vị, sắc đẹp được bảo toàn. Hai, lại do nhân được nghe pháp thuở xưa nên kiếp này bà là người đầu tiên nghe pháp rồi sau đó sống trong pháp. Năm trăm cung nữ theo hầu đều được giải thích tương tự thế. Không biết kiến giải của đệ tử như vậy có trùng khít với sự thật nhân duyên, nhân quả nhiều đời không?

Đức Phật gật đầu:

- Nó như vậy đấy! Tuy nhiên, trong cái riêng có cái chung và trong cái chung vẫn có cái riêng nên không phải lúc nào họ cũng gặp gỡ nhau, chung sống với nhau như chủ và tớ. Vẫn có hằng trăm, hằng ngàn kiếp họ thất lạc nhau trong luân hồi, tương tự một trận bão, một cơn lốc cuốn đi

⁽¹⁾ Pháp cú 21, 22, 23: Appamādo amatapadaṃ pamādo maccuno padaṃ. Appamattā na mīyanti ye pamattā yathā matā.

Etaṃ viśesato ñatvā appamādamhi paṇḍitā. Appmāde pamodanti ariyānaṃ gocare ratā. Te jhāyino sātatikā niccaṃ daḥhaparakkamā. Phusanti dhīrā nibbānaṃ yogakkhemaṃ anuttaraṃ.

qua một cánh rừng, nó bứt tung những ngọn lá bay tản mát mấy phương trời vô định vậy. Hiện tại, họ gặp nhau lại do phúc duyên đã chín vàng, nên khi ra đi, một số đắc Bất Lai, nhiều hơn là đắc Nhất Lai, số còn lại đều được vào Thất Lai cả.

Cả giảng đường như đồng thanh tán thán: Sādhu, lành thay!

Đại đức Ānanda chợt hỏi:

- Còn Cô thị nữ lưng gù? Nhân duyên quá khứ của cô gái đa văn này như thế nào mà lạ lùng vậy, thưa đức Đạo Sư?

- Ủ! Cô ta không ở trong số năm trăm cung nữ thuở trước nên được thoát chết. Cô ta chỉ cùng chung cộng nghiệp bố thí, cúng dường cho tám vị Độc Giác Phật, nhưng riêng cô ta thì nghe pháp nhiều hơn, chăm chú tư tác nhiều hơn. Có điều đặc biệt nữa, là có lần, khi họ dâng bát vật thực còn nóng sốt đến tám vị Độc Giác Phật, các ngài vừa đưa tay ra thì phát giác là bát còn nóng. Cô gái này, tiền thân thị nữ Khujjuttarā, mau mắn, lanh trí lấy từ hai cổ tay ra tám chiếc vòng ngọc dâng cho quý ngài rồi nói rằng: “Đệ tử kính dâng luôn tám vòng ngọc này để quý ngài ngăn bát trên tay cho đỡ nóng!” Do phước báu của cái nhân này nên bao giờ cô ta cũng vượt trội trong chúng về thông hiểu giáo pháp, trí thông minh cũng như sắc tướng!

Ở đâu đó có tiếng cười nhẹ rồi có tiếng hỏi:

- Còn cái lưng gù là tại sao, bạch đức Thế Tôn?

Đức Phật cũng mỉm cười:

- À, cái cô ấy thiệt là quá quắt, thiệt là tinh nghịch! Số là trong tám vị Độc Giác ấy có một vị có cái lưng hơi gù! Hôm ấy, giữa mấy trăm chị em rồi việc, cái cô này lấy một tấm chăn giả làm y, một cái bát vàng giả làm bát khất thực, rồi cô gù lưng xuống, ôm cái bát đi tới đi lui, nói rằng: “Ngài Độc Giác của chúng ta đi tới như vậy, đi lui như vậy, khi

đứng thì cái lưng trông như cái vòng cung như vậy”. Nói thế xong cô ta cười ngật nghẻo. Do nhân ấy, cô ta bị trả quả gù lưng như vậy đó!

Đại đức Ānanda thay mặt đại chúng hỏi tiếp:

- Vậy vì cái nhân gì mà cô ta phải làm thị nữ (đầy tớ, người hầu) bạch đức Thế Tôn?

- Đây là nghiệp riêng của cô ta. Chỉ mới đây thôi, vào thời đức Phật Kassapa, cô ấy là một tiểu thư con một bậc trưởng giả kinh thành Bārāṇasī. Cả đại gia đình đều là đệ tử thuần thành của đức Phật Kassapa. Ngôi trang viên này là giếng nước giữa ngã tư đường cho chư tăng ni đến và đi. Họ đặt bát cúng dường thường xuyên cho chư tăng ni của giáo hội. Chiều hôm ấy, khi cô đang ngồi kẻ lông mày thì có một vị thánh ni đến nhà viếng thăm có việc với gia đình trưởng giả. Do quá quen biết nên vị thánh ni ngồi xuống một bên. Vì bận trang điểm bằng cả hai tay, cô ta nói:

“- Sư cô cho phép đệ tử được đánh lễ sư cô bằng lời nói. Tiện thể, nhờ sư cô lấy giúp cái hộp phấn màu nằm phía bên tay trái của sư cô đó!”

Vị thánh ni suy nghĩ:

“- Nếu ta không lấy cái hộp trang điểm theo lời yêu cầu của cô gái thì nghịch ý cô ta, có thể đưa đến sự phiền giận. Mà phiền giận theo tính khí ung gì được nấy đã thành nề của cô ta, đôi khi tạo oan trái đến một người đã vô lậu giải thoát như ta thì cô ta sẽ bị quả báo rất nặng, có thể đọa địa ngục. Còn ví bằng, ta thuận lấy để trao cho cô ta, như vậy là cô ta đã sai bảo một vị thánh lậu tận; thế là sau này cô ta sẽ mang lấy những kiếp tội đòi, hầu hạ người khác. Thôi ta đành để cho cô ta mang thân phận thấp thỏi còn hơn là nghiệp báo oan trái đọa địa ngục!”

Do cân phân hai tội nặng và nhẹ như vậy nên vị thánh ni lấy hộp trang điểm cho cô gái. Và bởi nhân xưa như thế nên

đã nhiều kiếp rồi, cô Khujjuttarā phải mang thân phận thấp hèn, làm nô lệ cho người.

Thế là nhân và quả, người và vật của toàn bộ câu chuyện xảy ra tại hoàng cung đức vua Udena đã được đức Phật vén mở từ trong mù sương của quá khứ, ai nấy đều nghe biết rõ ràng, chẳng còn nghi ngờ, thắc mắc gì nữa. Tất thảy phàm Tăng đều kinh hãi khi chứng kiến sự diễn tiến lạnh lùng nhưng phân minh của nhân quả nghiệp báo.

Sau khi hoàng hậu Sāmāvatī qua đời, do cái chết của bà rất bi thương, thâm thảm; có hai người bạn đều có tên là Sāmā, rất đau buồn, từ bỏ tất cả để xuất gia, sau trở thành hai vị trưởng lão ni.

Hoàng hậu Sāmāvatī được công nhận là một trong những người nữ đệ tử tại gia xuất sắc nhất của đức Phật, và được ngài công bố là người có tâm từ bi rộng lớn hàng đầu (aggam mettāvihāriyam)⁽¹⁾, vì năng lực của bà có thể bảo vệ khỏi mũi tên được bắn bởi vua Udena, và chuyện này cũng thường được tham khảo đến trong các chú giải⁽²⁾.

Riêng Khujjuttarā, sau khi mất đi người chủ hiền đức, cô đã dành tất cả thời gian còn lại trong đời cho Phật sự bằng cách nghe pháp và thuyết pháp cho mọi người. Đức Phật đã xác nhận cô ta là một người lỗi lạc giữa hàng nữ tại gia vì sự nghe nhiều học rộng của cô (bahussutānam)⁽³⁾ và có cả tài thuyết pháp trong hàng cận sự nữ nữa.

Cả hoàng hậu Sāmāvatī và cô pháp sư thị nữ lung gù đều là những nhân cách lỗi lạc trong hàng cận sự nữ, còn rọi sáng dịu dàng cho đến ngày hôm nay.

⁽¹⁾ Anguttara Nikāya. i. 26; cf. iv. 348.

⁽²⁾ Ví dụ trong chú giải Buddhavaṃsa. 24; chú giải Itivuttaka. 23; chú giải Patisambhidāmagga. 498; chú giải Anguttara Nikāya.ii. 791.

⁽³⁾ Anguttara Nikaya. i. 26.; chú giải dhammapada. i. 208ff.; chú giải Anguttara Nikaya .i.226,237.; chú giải Itivuttaka. 23f.; chú giải Patīambhidāmagga. 498f.

Giọt Nước Cặn Trong Gáo Vệ Sinh

Sau mùa an cư thứ chín, mọi sinh hoạt, tu tập trong tất cả những lâm viên, tu viện, tịnh xá của giáo hội đức Bổn Sư đã đi vào nề nếp. Đại lược là ở đâu, Tăng chúng cũng có những vị pháp sư, giảng sư, kinh sư để giảng nói hoặc tuyên đọc lại những bài kinh mà đức Phật hoặc đại đức Sāriputta thuyết giảng. Họ sống đoàn kết với nhau, nương tựa nhau, tương kính nhau, đối xử với nhau đúng theo những giới điều mà đức Phật đã ban hành đại cương rồi sau đó, được chư vị trưởng lão khai triển thêm nhất là trưởng lão Sāriputta và Upāli. Cuộc hội thảo năm ngoái tại lâm viên Ghositārāma này, dường như đầy đủ chư vị trưởng lão như Sāriputta, Upāli, Vappa, Assaji, Gayākassapa, Nadīkassapa, Yasa, Kāḷudāyi, Ānanda, Devadatta, Bhagu, Anuruddha, Kimbila, Bhaddiya, Nandiya... đã phân ra mười nhóm giới điều, sau đó phổ biến rộng rãi cho bảy học chúng tu tập⁽¹⁾. Từ đó về sau, mặc dầu giới luật chưa toàn vẹn, cụ túc nhưng những cách thức như hành tăng sự, các lễ sám hối đầu và giữa tháng nơi nào cũng chấp trì nghiêm túc giống nhau.

⁽¹⁾ Tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, sa-di, sa-di-ni, sikkhamanī, uru-bà-tắc, uru-bà-di.

Suốt hơn tháng, đức Phật, có thị giả Sunakkhatta tháp tùng rời vườn rừng Ghositārāma bộ hành sang giáo giới chư tăng tại lâm viên Pāvārikambavana, rồi sang vườn rừng Kukkuṭārāma. Đức Phật còn để thời gian, thỉnh thoảng sang khu rừng trầm hương giáo giới cho Ni chúng ở đây, khoảng chừng năm mươi vị.

Hôm kia, đại đức Ānanda đến gặp đức Phật và tường trình lại chuyện không hay vừa xảy ra tại vườn rừng Ghositārāma. Một chuyện tranh chấp không đáng có. Việc ấy thật ra, ban đầu thì nhỏ thôi nhưng sau lại sinh ra lớn chuyện.

Một vị pháp sư, chuyên giảng kinh, có bên mình mấy trăm tỳ-khưu theo học, bữa ấy đi vệ sinh; khi xong việc, rửa ráy xong đầu đó, ông ta bước ra ngoài mà quên úp cái gáo xuống, nên bên trong còn ít nước đọng. Vị luật sư, chuyên trì luật và giảng luật, cũng có bên mình mấy trăm tỳ-khưu theo học, đi cầu tiếp theo, thấy cái gáo đọng nước, biết rằng ông bạn của mình, vị pháp sư kia không rành luật, không thông luật.

Lúc gặp nhau, vị luật sư thân mật nói chuyện với bạn mình:

- Hiền giả đi cầu mà đã không úp cái gáo lại!
- Ô, thế hả! Ủ, tôi đã quên! Chưa già mà đã vô ý, vô tứ như vậy đó!

- Không sao, quên là vô tâm, mà vô tâm thì không có tội! Còn nếu cố tình thì phạm dukkaṭa (tác ác) đấy! Lần sau hiền giả đừng có quên như vậy nữa!

- Thừa vâng! Xin cảm ơn hiền giả đã quan tâm, ái từ nhắc nhở!

Chuyện chỉ có vậy. Rõ cả hai vị đều là bậc thiện trí thức. Trong một buổi dạy luật, vị luật sư đem chuyện ấy kể lại cho học trò nghe, chỉ cố ý đưa ra một ví dụ cụ thể để làm bài học cho học chúng mà thôi. Tuy nhiên, do đa phần chư tỳ-khưu

học luật, phạm tính còn nhiều, thường lảm chuyện, hay ưa đâm thọc, thích nói xấu người. Nên khi đi khất thực hoặc gặp nhau tại nơi này nơi kia, được dịp chứng tỏ mình học luật, chê bai người học kinh. Ví dụ:

- Các ông học kinh thì biết gì về luật nào?

- Thầy của các ông - ngài pháp sư - đi cầu mà không úp gáo lại, “phạm giới dukkata” đấy!

Câu kia đáng lẽ là phải nói đầy đủ nguyên văn như vị luật sư: “Không sao, vô tâm là không có tội. Còn nếu cố tình thì phạm dukkata đấy!” Nhưng câu lặp lại của chúng đệ tử đã bị khúc xạ với ý đồ không được tốt.

Các vị tỳ-khưu học trò của vị pháp sư buồn lòng vì bị chỉ trích, đem việc ấy thuật lại với thầy của mình để mong biết hư thực của câu chuyện. Vị pháp sư kể lại câu chuyện đúng sự thực như thế nào cho chúng đệ tử nghe, sau đó than phiền rằng:

- Cái vị luật sư này thật là đa sự. Đã xác định vô tâm là không có tội rồi, mà tại sao bây giờ lại vọng ngôn, vọng ngữ sinh chuyện ra thế?

Như được dịp trả đũa, những tỳ-khưu học trò còn phạm của vị pháp sư, gặp đệ tử của vị luật sư, nói rằng:

- Thầy chúng tôi, vô tâm nên không có tội. Còn thầy của các ông, ngài luật sư, lại vọng ngôn, vọng ngữ thì phạm tội gì nào?

Chuyện đến tai vị luật sư, nghe mình bị kết tội “vọng ngữ” thì sân hận nổi lên, không còn làm chủ mình được nữa, la toáng lên:

- Giới là áo giáp, giới là viên minh châu, giới là nền tảng của mọi đức hạnh. Nơi nào có giới thì nơi ấy có trí. Nơi nào có trí thì nơi ấy có giới. Mấy cái ông pháp sư không biết gì về giới thì học pháp, học kinh mà làm cái quái gì?

Nếu câu chuyện đến chỗ này thì cũng dễ giải quyết. Chỉ cần hai vị pháp sư và luật sư gặp nhau, triệu tập một cuộc

họp, đầy đủ cả hai bên, kể thực lại câu chuyện cùng đoạn đàm thoại của hai vị lúc ấy. Rồi khuyên mọi người đừng có hiểu lầm, cố chấp gây ra xích mích, tranh cãi nhau không tốt cho môi trường tu học, đánh mất sự hòa khí, đoàn kết giữa huynh đệ trong giáo hội của đức Tôn Sư.

Tuy nhiên, điều kỳ vọng ấy không xảy ra, vì sau đó thì cái bản ngã pháp sư, bản ngã luật sư đã được dịp củng cố, huân trưởng, đồng thời hai nhóm đệ tử hai bên đã trở thành hai lực lượng hộ trì cho hai bản ngã nêu trên. Ông nào cũng chạm tự ái, ông nào cũng bị sân hận làm mờ mắt, ông nào cũng bảo mình đúng hơn, phải lẽ hơn, bên kia mới sai quấy, mới đáng tội.

Thế rồi, bỗng dung tu viện Ghositārāma phân thành hai nhóm để cãi vã, tranh luận nhau, ai cũng biện hộ, bảo vệ cho thầy của mình. Cuộc cãi vã, tranh luận mà ai cũng giành phần đúng về mình, rõ ràng là đã bước sang giai đoạn đấu tranh với binh khí miệng lưỡi như dầu sôi, như lửa cháy rồi.

Đức Phật hay chuyện, bộ hành sang vườn rừng Ghositārāma, họp đại chúng cả hai phe, ngài hỏi tự sự đầu đuôi rồi tìm cách hòa giải, bằng lời giáo giới như sau:

- Nay chư tỳ-khưu! Giáo hội của Như Lai và đệ tử của Như Lai là thiện bạn hữu, thiện thân tình, đoàn kết, hòa hợp như nước với sữa. Nơi nào có đoàn kết, hòa hợp, thương yêu nhau thì nơi ấy sẽ tồn tại, an lạc và hưng thịnh. Nơi nào chia rẽ, bất hòa, gấu ó, cãi vã, ghét ganh nhau thì nơi ấy sẽ phân ly, đau khổ và suy vong!

Này các thầy tỳ-khưu! Chuyện xảy ra quả thật rất đơn giản. Sắp đến kỳ sám hối cuối tháng rồi. Câu chuyện trung thực đầu tiên giữa hai vị pháp sư và luật sư phải được kể lại. Sau đó, các thầy hãy ngồi lại với nhau, hai nhóm phân ròi cho đều ra, một người ngồi xen kẽ (āsannatarikāya) một người bên này và bên kia rồi tình thật sám hối với nhau,

sādhu lành thay với nhau, sau đó tất thảy phải bỏ qua, tâm của ai cũng sẽ trắng bạch như vỏ ốc!

Như Lai nói ít, các ông hiểu nhiều! Hãy tự tác, tự ý, tự nguyện, tự giác mà xử sự ôn hòa, yên ấm với nhau đi, đây là phần việc của các ông!

Chuyện Đàn Chim Cun Cút

Đức Phật vừa rời chân đi được một thời gian thì tu viện Ghositārāma, tình trạng miệng lưỡi binh khí trở lại như cũ. Cả hai phe vẫn không ai chịu nhường nhịn ai. Ngày bố-tát cuối tháng họ cũng không ngồi lại với nhau, xen kẽ nhau trong tinh thần thương yêu, hòa hợp.

Sự việc diễn tiến như vậy nó bắt đầu lây lan sang thiện nam tín nữ. Nếu chư tăng phân thành hai phe thì cận sự nam nữ cũng phân thành hai phe, một bên đặt bát, cúng dường hộ độ cho nhóm pháp sư, một bên đặt bát, cúng dường, hộ độ cho nhóm luật sư.

Chưa thôi, tất cả địa thiên, thọ thân, dạ-xoa, phi nhân sống trong phạm vi không gian và địa giới Ghositārāma cũng phân chia thành hai phe, tuy họ không tranh cãi nhau như loài người nhưng đã có tâm chia biệt. Rồi một có số chư thiên các cõi tâm chưa được thanh tịnh cũng chia ra làm hai phe rồi họ chỉ ủng hộ, hoan hỷ với phe của mình.

Thấy sự việc càng ngày càng trầm trọng, đức Phật cùng thị giả Nāgita trở lại lâm viên để tìm cách giảng hòa lần thứ hai.

Tại pháp đường, cả hai hội chúng đang tách ra hai nhóm mà ai cũng với khuôn mặt nặng nề tỏa ra một uất khí do tâm hận tâm sân còn lưu giữ.

Lần này, đức Phật kể lại một câu chuyện xưa:

- Thuở xưa, có một kiếp nọ Như Lai sinh làm con chim cun cút chúa, sống doanh vây xung quanh hàng ngàn con chim cun cút tại một khu rừng sâu xanh tươi, trù phú.

Lúc bấy giờ tại làng sơn cước kế cận có một tay thợ săn khôn ngoan, trí xảo. Hằng ngày vào rừng, y thấy hàng ngàn hàng ngàn chim cun cút mập to như quả dưa, khởi tâm tham, tìm kế săn bắt. Tên thợ săn quan sát, thấy cun cút thường cất tiếng gọi nhau sau đó mới tụ họp lại. Y bèn khổ công bắt đầu bắt chước tiếng kêu ấy rồi tập luyện hằng ngày. Khi đã thành thạo rồi, y sắm một tấm lưới lớn rồi núp trốn, giả tiếng chim cun cút. Bầy chim cun cút nghe bạn gọi, tức thời sau đó một đàn lớn đáp xuống. Tên thợ săn nhanh chóng đứng dậy, tung lưới ra, úp chụp được cả trăm con, tóm tất cả chúng thành một mối, bỏ vào giỏ, mang về nhà. Y mang xuống chợ bán và nuôi sống gia đình một cách nhàn nhã.

Hôm kia, cun cút chúa thấy đàn chim cun cút hao hụt dần, khởi sự điều tra nguyên nhân thì biết rõ sự việc. Cun cút chúa họp cả đàn lại, nói chuyện như sau:

- Gã thợ săn kia giết hại bà con ta nhiều quá. Ta có phương kế thoát khỏi thảm nạn ấy, vậy các ngươi hãy định ninh ghi nhớ lời ta. Từ nay trở đi, khi một nhóm nào bị gã thợ săn xảo quyết quăng lưới phủ trùm thì đừng có sợ hãi. Khi không sợ hãi, có được sự bình tĩnh, hãy quan sát từng mắt lưới. Lúc thấy mắt lưới rồi, hãy chui đầu vào mắt lưới ấy, cùng nhau hô một, hai, ba một tiếng rồi tức khắc đồng loạt, nhất loạt, đồng đều, không sau, không trước cùng nhấc bổng cái lưới lên, bay lên cao rồi hạ xuống trên một lùm cây. Xong, các ngươi sẽ thoát lọt ở bên dưới. Nhớ làm theo

lời ta dặn, đồng tâm, đồng sức thì mưu sâu, kế độc của gã thợ săn sẽ vô tác dụng. Và chúng ta sẽ được an toàn!

Có một con chim cun cút nhỏ cất tiếng ngây thơ hỏi:

- Thân tôi như trái cau thế này, làm sao mà đủ sức nhấc lưới?

- Không sao! Từng giọt nước, từng giọt nước khi kết hợp lại với nhau trở thành một dòng thác, các bạn không thấy sao?

- Thấy rồi!

- Từng màng nhện li ti tơ mảnh, kết hợp lại, nó có khả năng bắt được cả những con ong to, không thấy sao?

- Thấy rồi!

- Cái thân chim cun cút bằng quả cau, bằng trái dừa, kết hợp lại một trăm con, hai trăm con, sức mạnh bằng cả con voi con đày các bạn!

- Phải rồi!

Tin vào sự thông minh, khôn ngoan của cun cút chúa, bọn chúng làm như vậy và thành công. Khi thấy tám lưới được bày chim đồng lòng nhấc lên rồi quăng bỏ trên đầu một bụi gai; tên thợ săn bứt óc, bứt tai; chỉ có việc gỡ lưới ra không đã đến lúc mặt trời lặn. Sau đó, chỉ việc hậm hực mang giỏ không mà về nhà.

Suốt một tuần lễ như vậy, tên thợ săn thất bại, bữa nào cũng tối mịt mới thất thểu lê chân về.

Người vợ tức giận nói:

- Ngày nào ông cũng hai bàn tay không mà trở về! Hay là ông đã trao chim để nuôi dưỡng một bà, một cô nào rồi?

Tên thợ săn sùng sộ:

- Này bà, đừng có nói móc, xía xói bậy bạ như thế! Hãy nuốt lưới đi cho tôi nhờ. Những con chim cút bây giờ chúng đã trở thành ma, thành quỷ chó không còn là giống chim nữa. Chúng đã đồng lòng nhấc lưới lên một loạt. Rồi với sức mạnh của con chim đại bàng, chúng vút lên cao, bỏ xuống

một lùm cây gai rồi chúng thoát ở bên dưới. Khổ thân tôi, chỉ việc tháo gỡ lưới ra thôi cũng đã tới mịt trời.

Người vợ hiểu có sự, thương chồng, dọn cơm nước cho chồng, nói lời an ủi:

- Dù sao chúng cũng chỉ là chim thôi, đâu thể khôn ngoan bằng giống người. Tôi biết ông sẽ có mưu kế khác, tròng trệ nó mà!

Tên thợ săn ăn xong, mỉm cười:

- Ta sẽ tóm chúng, nhất định rồi, nhưng bây giờ thì chưa được bà mày ạ!

- Tại sao?

- Hiện tại, chúng hòa hợp và đoàn kết quá! Trăm con mà tâm đồng như một con. Hai trăm cái đầu mà chúng kết dính với nhau như chỉ một cái đầu. Phải đợi đến lúc nào chúng cãi cọ, tranh chấp, gấu ó, chửi mắng nhau, lúc ấy mọi kết hợp sức mạnh đều rệu rã, phân ly, tan tác... Đây là lúc ta tóm tất cả bọn chúng!

Hào hứng quá, tên thợ săn nói lên một câu kệ:

- Khi chúng sống hòa hợp

Đồng lòng nhấc lưới đi

Nếu bất hòa, tranh cãi

Túm chúng có khó gì!

Hôm kia, một con chim cun cút đậu xuống chỗ ăn, vô ý bước lên đầu một con chim khác.

- Đứa nào vô lễ bước trên đầu ta?

- Xin lỗi, tôi hơi vô ý!

Con chim kia hằm hằm nói:

- Bộ ông tưởng rằng chỉ có một mình ông là nhấc nổi lưới lên chăng?

Một chỗ khác. Khi một con cun cút làm rơi một rác khô lên mình con chim kia, sau đó chúng đã gây ra một cuộc cãi mỗ rụng lông, xơ cánh...

Rồi ba vụ, bốn vụ, năm vụ xảy ra chỗ này chỗ kia tương tự như vậy nữa.

Thấy có sự xô xát, đụng độ nhau không đáng có, chim cun cút chúa tìm cách giảng hòa, khuyên giải rồi tóm tắt bằng bài kệ:

- Nếu thương yêu, hòa hợp
Sẽ tăng thịnh, an vui
Bằng giận nhau, xô xát
Bị họa hại tức thì!

Tuy nhiên, lũ chim lại ngoan cố, cứng đầu không chịu nghe. To nhỏ, cặn kẽ giảng giải nhiều lần mà chúng cũng cứ trơ trơ, vẫn cãi nhau om sòm, vẫn cắn mổ nhau rụng lông, tươm máu, chim cun cút chúa tự nghĩ: “Khi bọn chúng tranh cãi, phá vỡ sự đoàn kết thì nơi này không còn an toàn nữa. Cái lưới trên đầu chúng làm sao còn nhắc lên nổi? Gã thợ săn xảo quyệt sẽ nắm ngay cơ hội ấy để tóm tắt cả chúng. Cả đoàn sẽ bị hoại diệt, tử vong! Thôi thì ta đành phải tự cứu mình vậy!” Nghĩ thế xong, chim cút chúa với một đàn nhỏ biết nghe lời bèn vội vàng thiên di sang phương khác.

Tên thợ săn rình núp nơi này nơi kia, biết chuyện bất hòa giữa đàn chim nên đã kịp thời quăng lưới.

Ngay lúc tính mạng nguy hiểm như thế mà chúng còn tranh cãi:

- Người giỏi thì tự mình nhắc lưới đi!
- Nghe nói, người không cần ta mà!

Đại loại như thế. Và do lũ chim không chịu đồng lòng với nhau nữa nên tên thợ săn đã dễ dàng từng lúc từng lúc tóm thâu chúng! Thế là đàn chim cút bất hòa đã tự mình hủy diệt chính mình!

Sau khi kể lại chuyện tức sanh, như một tấm gương sáng rõ như vậy, đức Phật còn cất giọng từ hòa nói tiếp:

- Nay các thầy tỳ-khuru! Nơi nào có khẩu chiến, xô xát, bất hòa, tương tranh thì nơi ấy đưa đến ly tán, họa hại, hủy

diệt! Nơi nào thương yêu, đoàn kết, vô tranh, hòa hợp thì nơi ấy có được sự an vui, hưng thịnh và thanh bình! Đây là định luật tương đối trên thế gian này! Chim cú là vật thiếu trí nhưng chúa của chúng tỏ ra là bậc thiện trí, đã thấy rõ đâu nhân đâu quả, đã hết lòng khuyên bảo, răn dạy vẫn vô ích mà thôi!

Chẳng lẽ nào các thầy, một tỳ-khưu, một sa-môn trong giáo hội của Như Lai, học pháp và luật của Như Lai lại chỉ như bọn chim cú cứng đầu, tự giết hại chính mình mà không tự biết hay sao?

Mỗi người hãy tự chiêm nghiệm, tự quán sát để giác ngộ bài học.

Sau pháp thoại, đại đức Ānanda tự nghĩ: “Bài học thật là thâm thúy. Đằng sau câu chuyện còn nổi bật một sự thật: Nếu hai nhóm tỳ-khưu không tìm cách sống hòa hợp, đoàn kết với nhau thì cũng giống như lũ chim cú cứng đầu, vô trí kia mà thôi!”

Rồi đại đức chợt cảm thấy buồn khi đức Thế Tôn đã lao tâm, khổ tứ, đã mỗi hơi, mỗi miệng đối với chư tăng Ghositārāma, nhưng mà những lời giáo giới chí tình ấy thì lại như nước đổ đầu vịt!

Không Hận Thù⁽¹⁾ Mới Dập Tắt Được Hận Thù

Một tháng sau nữa trôi qua, đức Phật đã trở lại Ghositārāma lần thứ ba thì nơi đây hiện tượng bất hòa chia rẽ đã đến mức trầm trọng. Hội chúng luật đang bàn tính tụng tuyên ngôn để trục xuất vị pháp sư về việc vi phạm giới mà không chịu sám hối. Hội chúng kinh pháp cũng đâu có thua gì, kiên quyết bảo vệ thầy của mình và họ cũng dự định tụng tuyên ngôn trục xuất vị luật sư vi phạm giới vọng ngữ!

Đến lúc này thì tình hình cận sự nam nữ hai hàng đã phân ra hai nhóm; những con đường, những ngôi nhà, những phần vật thực cũng được phân đôi như thế. Ông triệu phú Ghosaka rất buồn lòng vì chuyện xảy ra trong lâm viên của mình, tìm gặp hai nhà triệu phú bạn là Kukkuṭa và Pāvārika tìm cách phân giải. Nhưng phân giải với nhau thì có ích gì. Họ đích thân đi đến nhà từng nhóm thiện tín nói lời hơn thiệt, cũng hoài công. Bên ủng hộ luật nói, ngài luật sư của chúng tôi sống một đời giới hạnh trong sạch thể mà bị vu oan giá họa cái tội vọng ngữ thì ai mà chịu được? Bên ủng

⁽¹⁾ Đôi nơi dùng chữ từ bi. Từ (mettā) cầu mong mọi người cùng hạnh phúc, an vui; bi (karuṇā) khởi tâm thương xót (bi mẫn) đến những người bất hạnh quanh mình - nên muốn an ủi, sẻ chia...

hộ kinh nói, ngài pháp sư của chúng tôi là bậc trí tuệ, hiền hòa, nho nhã, bụng chứa cả rừng kinh pháp thể mà bị nhóm kia muốn tung tuyên ngôn trực xuất “cái tội không có tội” là thế nào? Vừa vừa thôi chứ!

Ba nhà triệu phú lại đến trình bạch với đức Thế Tôn sự việc đến hồi họa hại, khó cứu vãn.

Tại giảng đường hôm ấy, đức Phật ngồi yên lặng quán sát hai hội chúng và ngài biết rõ là từ tranh cãi, bất hòa bây giờ tâm của họ đã bước sang ranh giới của bực tức, oán ghét, sân hận. Đức Phật cảm nhận rõ lửa từ tâm sân của họ bốc lên đã làm ô nhiễm không khí, môi trường xung quanh; chúng lan ra cả ngoài rừng cây, ảnh hưởng đến cả địa tiên, thọ thân, dạ-xoa, phi nhơn nữa. Một số đông chư thiên ở các cõi trời dục giới cũng xôn xao, bàn tán, tranh luận xem ra cũng chưa ngã ngũ bên nào đúng hơn bên nào. Vị thích giới luật thì bảo vệ giới luật. Vị thích kinh pháp thì bảo vệ kinh pháp.

Thấy đức Thế Tôn im lặng quá lâu không nói gì. Một vị tỳ-khưu thuộc nhóm luật cất tiếng:

- Bạch đức Đạo Sư! Hay là đức Đạo Sư cứ giữ yên lặng như vậy. Đức Đạo Sư cứ an trú với tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Còn việc tranh chấp gây xáo trộn ở nơi đây thì hãy để cho chúng đệ tử tự giải quyết lấy!

Một vị tỳ-khưu thuộc nhóm kinh phụ họa:

- Đúng vậy! Bạch đức Thế Tôn! Ngài hãy cứ an hưởng lạc về thiền, lạc về quả! Hy vọng chuyện xảy ra ở đây không ảnh hưởng gì đến niềm bình an siêu thoát của ngài!

Bây giờ đức Chánh Đẳng Giác mới cất tiếng rống uy mãnh của sư vương:

- Thôi vừa rồi! Thôi đủ rồi! Các thầy tưởng rằng tâm của Như Lai bị ảnh hưởng vì điều này, bị chi phối bởi điều kia chăng? Các thầy tưởng rằng Như Lai nên an trú vào tâm tuệ giải thoát là cái phúc lạc riêng tư của Như Lai chăng? Chỉ có

người bụi cát nhiều ở trong mắt nên nhìn thấy đâu cũng là bụi cát. Chỉ có người ích kỷ, nhỏ mọn nên nhìn thấy đâu cũng ích kỷ, nhỏ mọn! Chỉ có người ở trong ống ghè nhìn lên bầu trời thì thấy bầu trời cũng chỉ ngang bằng cái ống ghè! Chính các thầy không tự thấy là tự mình đang tự đào hố chôn mình? Các thầy đã không tự biết từ khẩu tương tranh, khẩu bất hòa, khẩu luận chiến thì nó đưa đến ý bất hòa, ý tương tranh, ý luận chiến? Từ ý bất hòa, ý tương tranh, ý luận chiến sẽ đưa đến kiến rối ren, kiến hoang vu, kiến điên đảo, kiến rừng rậm, kiến sa mạc? Rồi từ khẩu, từ ý, từ kiến phân ranh, đối lập, chia biệt, xô xát chúng sẽ dẫn đến thân bất hòa, giới bất hòa rồi vật dụng phát sanh cũng chia năm xẻ bảy, kẻ có người không, kẻ ít người nhiều. Thế là toàn bộ lục hòa là đời sống tốt đẹp duy trì phạm hạnh, duy trì thương yêu, hiểu biết, duy trì giáo hội sẽ đưa đến phân ranh, tan rã rồi hủy diệt hay sao?

Để cho hội chúng thâm thấu ý và lời ấy, đức Phật tiếp giọng hòa hoãn, ôn nhu:

- Những chuyện phức tạp trong đời sống ước lệ, thế phàm, tương đối chúng ta cũng có thể có những giải pháp ước lệ, thế phàm, tương đối. Từ đó, cái gì, pháp nào cũng có cách đối trị cả. Chuyện khẩu tranh, tương tranh, bất hòa chia rẽ ở đây thật ra có thể giải quyết dễ dàng. Cho chí những mối hận thù rỉ máu, xé tim mà bậc hiền trí xưa cũng dùng nước từ bi mà rưới tắt được.

Thấy hội chúng lắng nghe, đức Phật lại kể chuyện xưa, giọng trầm âm, sâu, vang xa tạo một âm lượng len lõi nhẹ nhàng vào tâm và trí của từng người:

- Này các thầy tỳ-khuru! Một thuở lâu xưa, đức vua Brāhmadatta trị vì kinh thành Bārāṇasī, nước Kāsi là một vị đế vương hùng cường, giàu mạnh. Ông ta có nhiều tài sản, của cải; có một đội binh vĩ đại, lăm xe ngựa, nhiều voi chiến. Ông ta cai quản một quốc độ mênh mông rộng lớn

với những kho châu báu, kho vải vóc, kho khí giới, kho lúa, vựa lúa lúc nào cũng đầy ắp.

Xa về phương bắc, giáp ranh lãnh thổ Kāsi là nước Kosala có đức vua Dīghīti cai quản một đất nước nghèo nàn, ít tài sản, ít của cải, ít lúa gạo, ít xe cộ, binh lực kém, quốc khố chẳng có gì quý báu.

Lòng tham của Brāhamadatta không dừng lại, ông ta dòm ngó nước láng giềng rồi đem binh khởi chiến. Khi quân biên phòng phi ngựa trạm về cấp tốc thông tin:

- Vua Brāhmadatta nước Kāsi, mang ba loại quân binh⁽¹⁾ hùng hậu, rầm rộ như lửa cháy, như bão táp sắp tấn công Kosala, xin bệ hạ hãy khẩn tính! Đây là báo cáo cấp nguy! Nguy lắm rồi!

Đức vua Dīghīti lặng người, suy nghĩ:

“- Nước ấy, quân ấy là con kinh ngư rộng miệng, là con sư tử khát máu! Ôi! Nước ta, quân ta nhỏ bé, yếu đuối thì làm sao chống đỡ nổi dù chỉ thời gian một trống canh?! Thôi, chi bằng ta trốn quách! Quan quân bá tánh sẽ vô sự, vì những ông vua hiền hách, ngạo mạn này thường thích kẻ thù quỳ dưới chân xin tha tội chết mà thôi!”

Thế rồi, đức vua Dīghīti cùng hoàng hậu cải trang thành người dân nghèo khổ, trốn ra khỏi cung, len lỏi tránh quân binh rồi đi mãi, đi mãi.

Đức vua Brāhamadatta chiếm được kinh thành, chiếm được nước không tốn một mũi tên, hòn đạn nhưng quân lính lòng sục mãi không tìm thấy tăm bóng đức vua và hoàng hậu đâu. Tức giận quá, ông hét lên:

- Quân láo xược! Kho đụn, của nả trống không! Quân binh, ngựa xe èo uột! Còn cái ông vua vô dụng, vô năng cũng trốn biệt đâu rồi? Ta biết trút giận vào ai bây giờ?!

⁽¹⁾ Tượng binh, kỵ (mã) binh, bộ binh (thuở ấy chưa có thủy binh)

Trong lúc đức vua Brāmadatta chiến thắng vẻ vang cái kinh đô nghèo nàn, trống không thì đức vua Dīghīti và hoàng hậu lại đào tẩu về phương nam, vượt sông Gaṅgā đến kinh đô Bārāṇasī, tìm ẩn trú trong nhà người tiện dân làm đồ gốm. Với lời hay đẹp, dịu dàng, ái ngữ, đức vua đã thuyết phục được người thợ gốm cho nương nhờ. Rồi ông ta hoan hỷ sẵn lòng thu xếp cho hai vợ chồng một căn nhà đất tuềnh toàng, nhưng cũng tạm thời đủ che mưa đỡ nắng.

Đức vua Dīghīti vốn bản chất thuần hậu, dịu dàng nhưng tâm cơ linh biến đã biết cách thích nghi với hoàn cảnh, chẳng chút phiền hà. Nhưng hoàng hậu lại khác, bà hiện đang có thai, bà lại đang căm tức, buồn phiền, lúc nào cũng muốn báo cừ, rửa hận. Đức vua Dīghīti khuyên lơn hoàng hậu mãi: “Bực tức, căm giận, buồn phiền thường ảnh hưởng không tốt đến thai nhi đấy! Hãy nghĩ đến giọt máu trong bụng nàng mà nuốt hận vào lòng đi!”

Nhờ có mang theo phòng thân một số ngọc ngà, châu báu, họ sử dụng rất chừng mực để nuôi sống bản thân và cả cho con cái trong tương lai. Đứa con trong bụng hoàng hậu càng ngày càng lớn. Hôm ấy, sắp đến ngày giờ sinh, hoàng hậu nói với đức vua:

- Thiếp có một thềm muốn. Nếu thềm muốn này không được thỏa mãn thì đứa con trong bụng không thể sanh ra đâu, và ngay thiếp cũng không bảo toàn được tính mạng!

Ngạc nhiên, đức vua cất giọng dịu dàng:

- Thềm muốn gì thế? Vì đứa con của ta, vì sinh mệnh của nàng, ta sẽ cố hết sức mình!

Hoàng hậu nhỏ giọng, thổ lộ:

- Vào lúc mặt trời mọc, ba hoặc bốn hôm nữa, khi nào thiếp đứng trên lầu cao nhìn xuống, thấy ba loại quân binh hùng dũng, oai phong với binh khí được vũ trang, dàn trận trên một đám đất bằng phẳng, rồi họ hét lên một tiếng xung

mây, đồng cúi xuống uông một bùm nước rửa đao kiếm, chỉ khi ấy, tối đến, đưa con mới được sinh ra!

Đức vua la lên nho nhỏ:

- Thượng đế Rāmā ơi! Trời đất ơi! Chúng ta đang mang thân phận lẩn trốn, chôn danh, giấu tính thì lấy đâu ra ba loại quân binh hùng dũng, oai phong? Lại còn bày ra vũ trang, dàn trận, uống nước rửa đao kiếm nữa chứ!

Hoàng hậu khóc nức nở:

- Nếu không được thế thì thiếp chết mất!

Đức vua Dīghīti nằm vắt tay lên trán, suy nghĩ, suy nghĩ... Trong vùng ký ức mù sương, bỗng hiện ra bóng dáng một người. Đây là người bạn cũ của vua, bạn rất thân, là một bà-la-môn hiền thiện, có trí và có cả đức đại độ, bao dung nữa; ông ta hiện là vị trọng thần, giữ chức tế tự của đức vua Brāhamadatta, là linh hồn của quốc độ Kāsi. Mừng quá, như chết đuối vớ được phao, đức vua Dīghīti khôn ngoan lần dò thăm hỏi tìm đến được nơi ở của viên quan bà-la-môn tế tự.

Khỏi nói chuyện ngạc nhiên, tâm lý buồn vui, thương nhớ phức tạp, đức vua đi thẳng vào vấn đề, kể lại toàn bộ câu chuyện lần mong muốn kỳ lạ của hoàng hậu cho bạn mình nghe, không giấu một chi tiết nào!

Trầm ngâm một lát, vị bà-la-môn nói:

- Đức vua và hoàng hậu còn sống là tôi mừng. Lại càng mừng hơn khi nghe ngài sắp có tin vui nữa. Đức vua nước tôi bản chất hung dữ, độc ác lại có lòng tham không đáy, nhưng có điều là ông ta còn biết sợ thần linh, tôi nói gì thì ông ta nghe nấy. Bệ hạ yên trí, báo tin vui cho hoàng hậu, là chuyện này tôi giúp được!

Xiết bao mừng rỡ, đức vua ôm chầm bạn mình, cảm động đến chảy nước mắt:

- Bạn đã sinh ra tôi lần thứ hai đây, bạn biết không!

- Đừng nói thế! Hôm qua tôi nằm mộng một điềm triệu, dường như là linh ứng với việc này: Mặt trời nuốt mặt trăng

làm cho tất cả tối đen. lát sau, từ trong chỗ tối đen đó lại hiện ra một mặt trăng khác, sáng vàng vặc... Vậy đũa con của đức vua chính là cái mặt trăng ngời ngời này đây, tốt lắm!

Nghỉ hơi một lát, vị bà-la-môn bắm mấy đốt ngón tay, ngẫm ngợi, tính toán rồi nói:

- Ba hôm nữa, mặt trời sẽ đi vào chánh cung, hoàng đạo. Khoảng trưa đứng bóng sẽ có ba loại quân binh dàn trận tại vùng đồng cỏ phía nam kinh thành, và họ sẽ làm y như yêu cầu của hoàng hậu. Sớm ấy, hai người sẽ chặm rãi bộ hành về hướng Nam, từ từ leo lên những bậc cấp của lâu thành; từ độ cao ấy nhìn xuống sẽ thấy rõ tất cả.

Bây giờ, tôi sẽ vào cung gặp đức vua và chuyện ấy sẽ được thực hiện đúng ngày, đúng giờ, đúng địa điểm, không sai trật vậy.

Quả thế, vị quan bà-la-môn té tự vào triều gặp đức vua Brāhmadatta, tâu với ý rằng:

- Ba loại quân binh của bộ hạ trước đây đã trở uy thần võ, đánh bại cả những đội quân hùng mạnh nhất của châu Diêm-phù-đề. Nó như sư tử chúa giương vuốt. Nó như con đại bàng xoải cánh. Nhưng mấy năm nay, tự mãn phát sanh, kiêu binh phát sanh, hồng hách phát sanh, xa hoa hưởng thụ phát sanh, biếng nhác phát sanh! Sức nó bây giờ như con chim cụt cánh, như con rắn bị bẻ nọc. Hãy chân chỉnh lại. Hãy tập tành lại, đại vương! Xa về phía đông, có một quốc độ rất hùng mạnh, đế quốc Māgadha, là đại cường địch, với binh lực sung mãn, đang dòm ngó quốc độ Kāsi của chúng ta đó!

Đức vua Brāhmadatta sợ hãi, người nổi gai ốc:

- Vậy phải làm sao, hỡi thần linh của trẫm?

Vị bà-la-môn té tự bèn chỉ bày cho đức vua cách thực hiện y như mưu kế của mình. Đức vua chuẩn tấu.

Sau khi nhìn thấy ba loại quân binh như vậy, như vậy... hoàng hậu rất thỏa nguyện, tối ấy, bà hạ sanh một hoàng tử với dung nghi khác phàm. Đứa trẻ được đặt tên là Dīghāvu.

Trẻ lớn lên trong túp lều rách nát nhưng được đức vua và hoàng hậu dạy dỗ rất chu đáo. Nó rất thông minh, sáng dạ, học một biết hai ba. Qua tuổi thiếu niên thì đức vua đã trang bị cho Dīghāvu một kiến thức sâu rộng, quảng bác như là một bà-la-môn xuất chúng, đồng thời các môn học nghệ, binh thư, văn võ, trị nước, an dân đều được nghiên cứu thấu đáo. Dīghāvu còn một khả năng bẩm sinh là ca, hát và múa. Đặc biệt là giọng ca thiên phú, trầm bổng du dương của Dīghāvu làm cho tượng đá, gạch ngói cũng phải rung động.

Để cho Dīghāvu được tiến xa hơn và cũng để bảo vệ an toàn cho trẻ, đức vua còn nhờ vị quan tể tự giới thiệu những bà-la-môn thông thái rồi gửi trẻ tới đấy, khá xa thành phố để ăn học với thù lao khá hậu hĩ.

Thời gian trôi qua. Hôm kia, đức vua đi ra phố chợ mua một số hàng nhu dụng thì rủi thay, có một người quen nhận diện được. Y là thợ cạo, thợ hót tóc một thời cho đức vua Dīghāti nước Kosala, thường hay được phép vào cung làm phận sự của mình mỗi tháng bốn kỳ nên khuôn mặt, tai, mắt mũi, miệng của đức vua, y đều quen thuộc. Thấy đức vua, y mừng rơn trong lòng, phen này ắt sẽ có được phần thưởng xứng đáng. Để một ngày theo dõi, y biết rõ nơi ăn chốn ở của đức vua và phát giác thêm cả hoàng hậu nữa.

Thế rồi, tên thợ cạo dứt lốt quân canh vào gặp vua, tâu trình mọi điều tai nghe, mắt thấy.

Đáng thương thay đức vua và hoàng hậu sau gần hai mươi năm ẩn trốn đã bị quân lính tới bắt, trói tay dẫn đến triều đình đức vua Brāhmadatta.

Ông vua hung bạo cười ha hả:

- Trốn đâu hả? Trốn đâu khỏi tay ta? Ta đang còn giận căm gan đây!

Rồi nhìn đức vua nước bại trận đang nằm khoeo dưới chân mình, ông ta quát như sấm nổ:

- Quân bây đâu? Hãy cạo trọc đầu chúng! Hãy lấy dây thừng to cột cả hai đũa lại. Với trống đánh inh ỏi, với kèn thổi um tai, kéo lôi chúng đi khắp các ngã đường trong thành phố, qua cổng thành phía đông, phía bắc, phía tây rồi phía nam. Và tại đây, chặt mỗi đũa thành bốn khúc rồi quăng cho chim ưng, kên kên, cho diều quạ, cho chó sói, chồn cáo nó xơi, nó đớp!

Lại nhắc đến thanh niên Dīghāvu, đã lâu chợt cảm thấy thương cha nhớ mẹ nên xin phép thầy về thăm nhà. Vừa vào thành phố, trên một con đường, nghe trống đánh, kèn thổi chàng lần bước tới. Lúc ấy, tại ngã tư đường, đám lính đang dừng chân lại, đang dùng loa tuyên cáo tội trạng của đức vua và hoàng hậu nước Kosala. Dīghāvu lặng người, tóc dựng ngược trên đầu khi thấy rõ đây là cha mẹ mình. Tuy nhiên, chàng có đủ sự khôn ngoan để giả vờ như khách lạ, nếu không thì nguy hiểm cho tánh mạng của mình.

Thấy con trai đã đến gần bên. Đức vua và hoàng hậu mắt rung lệ, thảm thiết nhìn con. Ngay giây khắc ấy, sợ không còn thời gian nào nữa, đức vua nói to, trống không giữa trời đất:

“- Này Dīghāvu con ơi! Hãy ghi nhớ lời này. Một cái là đừng kéo sợi dây ấy dài xa thêm nữa. Một cái là đừng làm cho cái gì giùn lại hoặc gãy vụn, đứt khúc. Hận thù sẽ không làm lắng dịu được hận thù, chỉ có không hận thù mới dập tắt được hận thù vậy”.

Đức vua lặp lại ba lần và thanh niên Dīghāvu không bỏ sót một chữ, một lời trần trời kín đáo của vua cha. Nhưng đám lính thì họ cười rộ:

- Ông già điên! Ở đây có ai là con trai Dīghāvu của ông hả?

- Cứ nói nhảm miết! Chút nữa bị chém bốn khúc rồi đó!

- Ta không điên đâu, ta không nói nhảm đâu - Đức vua nói tiếp - lúc này ta tỉnh táo hơn lúc nào hết. Người thông minh mới biết được ý nghĩa, còn ngu dốt như bọn bây thì hiểu được cái gì!

Dân chúng do thấy hình ảnh đức vua và hoàng hậu thảm thương quá nên họ lánh dân đi, chẳng ai hưởng ứng cái trò lếu láo của quân lính cả. Có một số người thì nhăn trán bởi câu nói bí hiểm, có ẩn số của đức vua!

Thanh niên Dīghāvu âm thầm theo dõi cho đến lúc cha mẹ bị thảm hình tại công thành Nam. Đợi đêm xuống, giả vờ như một tên du tử, chàng mang rượu và thức nhắm đến mời mấy người lính gác. Khi thấy bọn lính đã say, nằm ngủ ngáy như sấm rôi, chàng gom củi, cây, lá, rác xung quanh chất thành đống rồi đi lượm thi thể của cha mẹ chỗ này, chỗ kia, đốt lửa hỏa thiêu.

Thanh niên Dīghāvu gục khóc lặng lẽ. Đợi đám lửa tàn, bình minh đã rạng, chàng chấp tay đi quanh đám tro ba vòng rồi từ giã. Mấy ngày hôm sau, chàng trốn vào rừng sâu khóc lóc thảm thiết. Khi nỗi niềm sâu thương đã nguôi ngoai, biết làm sao trả thù mới hận thiên thu này, chàng nghĩ:

“- Phải tìm cách tiếp cận với tên vua ác đức. Ta sẽ xin một chân luyện voi hay luyện ngựa rồi trở giọng ca thiên phú của ta, chắc có lúc nào đó cũng lọt được vào tai ông ta!”

Như đã sẵn sàng, thanh niên Dīghāvu trở lại nhà thầy dạy, lén trốn vào bên trong, để lại mấy chữ ký hiệu, với lời lẽ hiểu biết, khiêm tốn báo chuyện ra đi không từ biệt là có lý do riêng. Thật ra, bản thân chàng cũng không muốn người khác liên lụy, sự họ bị chuốc họa.

Hôm ấy, đi ngang qua trại nuôi voi cạnh hoàng cung, thanh niên Dīghāvu vào gặp thầy huấn luyện voi, lễ độ thưa rằng:

- Thầy ơi! Cha mẹ cháu cho cháu một số tiền bảo hãy đi học nghề cho giỏi. Đi ngang đây, cháu thấy những con voi

to, oai hùng, đỉnh đạc quá nên cháu khởi tâm muốn học nghề. Xin thầy hãy vui lòng dạy dỗ cho cháu.

Nói xong, Dīghāvu thành tâm trao cho ông già huấn luyện voi một bọc tiền, không nhiều lắm, nhưng cũng không ít lắm!

Liếc thấy một thanh niên khôi ngô, tuấn tú, ăn nói lễ độ, nho nhã; lại còn cả lễ lạt hậu hĩ nữa, ông già chấp thuận ngay:

- Này chàng trai trẻ đáng mến! Được rồi, cứ ở đây mà học với ta, ta trao hết, không giấu giếm gì đâu!

Thế rồi, tại đây, thanh niên Dīghāvu học nghề rất chăm chỉ, siêng năng. Sớm sớm, chàng đã thức dậy rồi, lau chùi chuồng trại, dọn dẹp cất đặt từng đồng thức ăn vương vãi đó đây. Chàng làm không ngơi tay. Những hôm sau nữa, chàng vui vẻ ca hát với rộn rã tiếng cười. Sau đó nữa, cứ mỗi cuối canh đêm, chàng thức dậy sớm, lấy một cây đàn, thế rồi là một điệu ca giọng hát trỗi lên vắng trong làn sương sớm.

Giọng ca thiên phú, du dương như khúc nhạc trời cùng với lời ca thánh thót, mê ly của Dīghāvu như đi xuyên qua không gian, lọt vào giấc ngủ muộn của đức vua Brāhmadatta. Ông chợt ngồi nhòm dậy, nghiêng tai lắng nghe, và nó đã hút hồn, đã ru hồn của ông thật sự rồi.

Sáng ngày, đức vua gọi một tên cận vệ:

- Này, sớm nay người có nghe không? Có một khúc nhạc trời, có một giọng ca mê ly, phát sanh đâu đó ở hướng trại nuôi voi. Người hãy tức thời đi điều tra và nghiên cứu hư thực chuyện ấy và báo cho ta ngay!

Một lát sau, đức vua nhận được lời tâu trình:

- Đó là một chàng trai thanh niên trắng trẻo, khôi ngô, vui tươi, dễ mến. Tiếng đàn ấy là của y, lời ca tiếng hát ấy cũng là của y, tâu đại vương!

- Hãy bảo lão huấn luyện voi, trao chàng trai trẻ có giọng ca ấy cho ta.

Lát sau, thanh niên Dīghāvu được dẫn đến triều kiến. Vua nói:

- Người hãy ở đây, hầu hạ phục dịch ta, và khi nào ta cần, hãy tấu nhạc và hát ca cho ta nghe.

- Tâu vâng, đội ơn bệ hạ.

Thế rồi, với bả́m chất thông minh, trí sáng, tháo vát, chăm chuyên, cần mẫn, vui tươi, thanh niên Dīghāvu trở thành người tin cậy và quý mến nhất của đức vua. Tại sao vậy? Vì chàng lúc nào cũng thức dậy sớm và đi ngủ sau. Chàng sẵn sàng làm tất cả mọi việc trong tầm tay, trong tầm mắt mà không cần ai sai bảo. Chàng luôn luôn có ngôn ngữ tao nhã, lịch thiệp, dịu dàng với đức vua. Nổi bật hơn tất cả là khuôn mặt và nụ cười của chàng sao mà rạng rỡ, dễ mến đến thế. Khi chàng cầm cây đàn, một vài nốt nhạc vừa khảy lên thì đất trời như ngưng lặng. Và khi mà tiếng ca du dương của chàng cất lên, hát lên thì nó dường như đưa hồn đức vua vào thế giới âm thanh vi diệu nào đó của thần tiên.

- Này chàng trai trẻ! Người đã làm cho mát mẻ, hoan hỷ cái lỗ tai của ta, thư thái cả cái đầu óc của ta nữa. Kể từ nay, ta bổ nhiệm người chức vụ cận thần thân tín ở bên cạnh.

Từ khi được chính thức nhận nhiệm vụ quan trọng này, đức vua còn xiết bao thích thú khi khám phá những tài năng lạ lùng khác của chàng. Từ việc đọc sách, ngâm thơ đến việc cỡi ngựa, múa gươm không có gì mà chàng không biết. Thật ra, chàng còn cố ý che giấu cái tài của mình đi, chỉ làm như chỉ biết chút chút vậy thôi, hoa hòe, hoa sởi bên ngoài vậy thôi để đức vua ác độc khỏi sinh nghi.

Đức vua Brāhmadatta trao cho chàng một thanh bảo đao rồi cười ha hả:

- Người cái gì cũng biết, nhưng không có cái gì là thực biết! Tốt! Ta đi đâu người đi đấy! Hãy bảo vệ ta bằng nụ cười, bằng tiếng nhạc lời ca và bằng cả thanh gươm này nữa nhé!

Hôm kia, đức vua Brāhmadatta cùng với tùy tùng vào rừng sâu săn bắn. Khi ham rượt đuổi một con hươu sao, vua tôi đi lạc vào một khu rừng già rậm rịt. Vừa đói, vừa mệt, đức vua bảo thanh niên Dīghāvu ngồi xếp bằng xuống và ông ta gối đầu trên bắp vế của chàng rồi chìm vào giấc ngủ say.

Thanh niên Dīghāvu suy nghĩ: “Tên vua khát máu bạo tàn này đã tước đoạt binh lực, xe cộ, ngựa voi, châu báu, kho lẫm, đất đai, lãnh thổ của cha ta. Điều này ta không trách được, vì kẻ mạnh thắng kẻ yếu là định luật muôn đời. Cái tội lớn nhất của ông ta là nhục hình cha mẹ ta, không buông tha cha mẹ ta, dẫu sau gần hai mươi năm hai người đã ẩn trốn trong hoàn cảnh và trong thân phận thấp hèn, hạ liệt nhất. Cái thảm cảnh ấy ám ảnh ta từng đêm và từng ngày. Bao nhiêu tháng ngày ân nhục, nay là thời ta phải báo thù!”

Thanh niên Dīghāvu với sát khí đằng đằng rút mạnh thanh bảo đao ra. Rồi thanh bảo đao của chàng chột run run rồi nằm yên, bất động. Tại sao vậy? Tại vì lúc ấy, lời vua cha trấn trối chột vọng mồn một bên tai chàng: “Này Dīghāvu con ơi! Hãy ghi nhớ lời này. Một cái là đừng kéo sợi dây ấy dài xa thêm nữa. Một cái là đừng làm cho cái gì giùn lại hoặc gãy vụn, đứt khúc. Hận thù sẽ không làm lắng dịu được hận thù, chỉ có không hận thù mới dập tắt được hận thù vậy”.

Ôi! Câu nói này của cha ta, ta đã thuộc nằm lòng, và ta cũng đã từng suy nghĩ tất thấy mọi ý nghĩa bên sau của nó nữa. Cha ta muốn tha thứ cho ông vua độc ác, hung sát này. Ta không thể làm sai cái điều mà cha ta đã trấn trối dặn dò!

Dīghāvu vừa tra bảo đao vào vỏ thì đức vua hốt hoảng thức dậy, láo liên nhìn xuôi ngược, thờ hồn hèn.

- Bệ hạ có chuyện gì?

- Ta vừa nằm mộng thấy đứa con trai của đức vua Dīghāti định giết ta bằng một thanh bảo đao!

- Bệ hạ yên trí! Thanh niên Dīghāvu mỉm cười, trấn an - Có hạ thần ngồi đây, với thanh bảo đao này, bệ hạ sẽ được an toàn! Hãy ngủ đi, bệ hạ!

Đưa mắt nhìn chàng trai trẻ với tia mắt thiện cảm, tin cậy, đức vua lại chìm vào giấc ngủ mệt.

Lần thứ hai, tâm Dīghāva lại chột như sóng sôi, như lửa cháy, mối hận kia lại bốc lên đến mờ cả mắt; giống như tự phát, thanh đao lại được rút ra. Và cũng như lần đầu, cái câu “hận thù không dập tắt được hận thù” vọng lên, lại làm cho chàng không thể ra tay được.

Đức vua có vẻ như kinh hoàng lắm, thức giấc rồi hốt hải nói:

- Con trai của đức vua, cơn giận của y chột như mặt trời đỏ, lại rút đao giết ta lần nữa!

Dīghāvu lại an ủi, đức vua nằm ngủ trở lại.

Lần thứ ba, vừa chớm nghĩ cái thân của cha mẹ bị cắt làm bốn khúc, máu nóng chàng lại sôi lên, thanh đao lại được rút ra. Rồi lời cha lại cất lên trong đầu: “ ... chỉ không hận thù mới dập tắt được hận thù”. Chàng lại một lần nữa, im sững.

Đức vua lại thức giấc, lông tóc dựng ngược, áo dác, hoảng hốt:

- Y đã sắp cắt cái đầu ta bởi một thanh đao!

Thanh niên Dīghāvu lần thứ ba này, không cất đao nữa. Tay trái chàng mân mê cái cần cổ của đức vua, tay phải với thanh đao, gật đầu, bình tĩnh nói:

- Phải rồi! Cái cần cổ của bệ hạ đây, thanh bảo đao kia cũng ở đây, và chàng thanh niên trong giấc mộng, con trai của đức vua Dīghāti chính là hạ thần đây. Đây là lần thứ ba, hạ thần đã định cắt cái đầu của bệ hạ, nhưng do tuân theo lời của vua cha dặn dò, trăn trối nên hạ thần đã tha chết cho bệ hạ. Cầu mong cái cần cổ của bệ hạ nguyên vẹn và mạng sống của bệ hạ được bảo toàn. Hạ thần đi đây!

Nói xong, chàng nhẹ nhẹ đặt cái đầu của đức vua xuống cỏ rồi đứng dậy.

Bàng hoàng, đức vua níu tấm áo ngoài của thanh niên, đôi mắt ngời sáng với một vẻ chân tình hiếm có:

- Khoan đã, hãy cho ta hỏi vài lời.

Giọng chàng lạnh lùng:

- Có gì hãy nói ngay!

- Người ban mạng sống cho ta thật à?

- Hạ thần là gì mà lại dám ban cho bệ hạ mạng sống? Chính cha ta, đức vua Dīghāti hiền nhân đã ban mạng sống cho bệ hạ đó chứ!

Đức vua bây giờ mới lấy lại bình tĩnh, cất tiếng hỏi:

- Này chàng trai! Câu chuyện ấy ra sao? Đức vua quá cố đã trăn trối lại điều gì mà uy lực của nó có thể đẩy bảo đao vào cái vỏ của nó?

- Tâu, ngay chính khi cha hạ thần sắp bị bệ hạ chặt làm bốn khúc, đã nói ba lần với hạ thần nguyên văn như sau, hạ thần lặp lại không bỏ sót một chữ: “Này Dīghāvu con ơi! Hãy ghi nhớ lời này. Một cái là đừng kéo sợi dây ấy dài xa thêm nữa. Một cái là đừng làm cho cái gì giùn lại hoặc gãy vụn, đứt khúc. Hận thù sẽ không làm lắng dịu được hận thù, chỉ có không hận thù mới dập tắt được hận thù vậy”.

Đức vua lẩm nhẩm lại rồi hỏi:

- Cái câu: “Một cái là đừng kéo sợi dây ấy dài xa thêm nữa”, có nghĩa là gì?

- Đây là cha hạ thần dặn dò là đừng nên kéo dài xa mãi cái sợi dây hận thù ấy nữa. Tại sao vậy? Tại vì hạ thần báo thù bệ hạ, rồi con cháu của bệ hạ lại tìm cách báo thù cho bệ hạ. Rồi cứ thế, con cháu của hạ thần lại báo thù con cháu bệ hạ... Và cứ thế, cứ thế, cái sợi dây oan trái kia cứ kéo dài ra mãi. Vậy biết lúc nào mới chấm dứt!

Đức vua có vẻ khâm phục:

- Hay quá! Chỉ có bậc thông thái mới hiểu được ẩn ý ấy. Rồi còn câu: “Một cái là đừng làm cho cái gì giùn lại hoặc gãy vụn, đứt khúc”, có nghĩa là gì?

- Tâu bệ hạ! Thế gian này sở dĩ được tồn tại, thịnh vượng, tốt đẹp, an lành, hạnh phúc là nhờ vào những chất keo của các giá trị tinh thần, ấy là đạo đức, hiền thiện, ấy là hiểu biết và nhân đức; ấy là cảm thông, chia sẻ, tha thứ, đùm bọc, thương yêu nhau. Cha của hạ thần khuyên hạ thần là đừng nên làm cho các yếu tố nêu trên bị đứt khúc, gãy vụn, vì như thế là thế gian sẽ bị tàn hại, diệt vong!

Đức vua Brāhamadatta chột quỳ xuống dưới chân thanh niên như thân cây đổ:

- Ôi! Cao quý thay là những lời này! Ôi! Tâm đức của đức vua quá cố như mặt trăng vàng vạc giữa đỉnh trời! Và người cũng vậy, hỡi chàng trai trẻ! Người đã dạy cho ta một con đường hiền thiện trong kiếp làm người, và đó cũng là chính sách để trị quốc, an dân nữa! Một lần nữa, ta tri ân đức vua quá cố đã ban cho ta mạng sống!

Khẽ nâng đức vua dậy, chàng nói:

- Thế bệ hạ có ban cho thần mạng sống không?

- Nhất định như thế rồi! Và còn hơn thế nữa!

Khi đã trở lại được hoàng cung, lúc lâm triều, đức vua nhìn quần thần rồi nói:

- Nay các quan! Nếu các quan nhìn thấy con trai của đức vua Dīghāti nước Kosala, bắt được chàng thanh niên ấy thì các ông xử lý như thế nào?

Rất nhiều ý kiến được tâu lên:

- Chặt hai tay, hai chân.

- Treo cổ ngoài cổng lâu thành cho bách tính thấy thế để làm gương.

- Chặt bốn khúc quăng vất cho chó nó ăn như cha mẹ của y vậy!

Đức vua trầm tĩnh cho không khí lắng dịu rồi đưa tay chỉ vào chàng thanh niên khôi ngô, tuấn mỹ đang mang bảo đao theo hầu, đứng vòng tay bên sau ông ta:

- Đây này! Đây chính là chàng trai trẻ Dīghāvu, con trai của đức vua Dīghāti nước Kosala đã bị diệt vong. Bây giờ các ngươi muốn làm gì nào? Ai đụng đến chàng ta là đụng đến ta đây!

Cả triều đình lặng ngắt không ai biết chuyện gì.

Đức vua bèn chậm rãi, gãy gọn lần lượt kể lại tất thảy mọi chi tiết, không bỏ sót cả hoàn cảnh sống trước đây của cha mẹ chàng nữa. Đặc biệt, đức vua nhấn mạnh câu “Hận thù không thể dập tắt được hận thù, chỉ có không hận thù mới dập tắt được hận thù” của đức vua quá cố. Rồi tuyên bố:

- Bởi vì thanh niên Dīghāvu này có một tâm hồn cao thượng, đã ban cho ta mạng sống nên ta sẽ trả lại binh lực, xe cộ, ngựa voi, châu báu, kho lẫm, đất đai, lãnh thổ và cả quyền lực cai trị vương quốc Kosala cho y. Ngoài ra, ta sẽ chọn chàng trai này làm phò mã, sau này, nếu ta mất đi, ta sẽ di chúc tặng luôn cho y cả đất nước Kāsi hùng cường và giàu đẹp này nữa”.

Kể xong chuyện xưa, đức Phật đưa tầm mắt bao quát nhìn toàn thể hội chúng, nói rằng:

- Nay các thầy tỳ-khưu! Ngay chính những người cầm đao, cầm kiếm mà vẫn có lòng bao dung, độ lượng sẵn sàng tha chết cho kẻ thù. Và chính ông vua khát máu, bạo tàn kia cũng phải xúc cảm, hồi đầu hướng thiện, gục xuống như thân cây đổ để sám hối lỗi lầm của mình! Còn các thầy là gì? Là những sa-môn học hạnh giải thoát, tu tập tứ vô lượng tâm mà không thể làm dịu nguôi cơn tim, làm tắt đi cơn lửa nóng, ngồi lại bên nhau để hòa giải, đoàn kết, thương yêu nhau được hay sao? Tất cả những đấu tranh, khẩu tranh, luận tranh chỉ đưa đến đau khổ và phiền muộn. Mỗi người hãy

KHÔNG HẬN THÙ MỚI DẬP TẮT ĐƯỢC HẬN THÙ

biết tự chế, nhường nhịn nhau thì những bất như ý, bất hòa, chia rẽ sẽ tự động lắng yên, đúng như kệ ngôn sau đây.

Rồi đức Phật đọc:

“- Luận tranh chẳng có ích gì

Tranh cường, hiếu thắng lắm khi phiền hà

Ai người suy gẫm sâu xa

Nói năng tự chế, bất hòa lắng yên”⁽¹⁾

⁽¹⁾ Pháp cú 6, nguyên văn: “Pare ca na vijānanti - mayamettha yamāse. Ye ca tattha vijānanti - tato sammanti medhagā”.

An Lạc Của Hạnh Độc Cư

Vào buổi sáng hôm sau, đức Thế Tôn mang y cầm bát, không chào ai, rồi đi thẳng vào thành Kosambī để khát thực.

Hơn ai hết, ngài hiểu rằng, hai nhóm chư tăngi ngoan cố, cứng đầu này đã không còn cách gì khuyên răn, giáo hóa được nữa. Cả ba lần hòa giải thầy đều vô ích. Lần cuối vừa rồi, chúng im lặng, nhưng là sự im lặng của rừng cây gai với những mắt, những gai nhọn, những dây quấn chằng chịt buộc dính không có cách gì tháo gỡ được. Ta ra đi như thế này là bài học cuối cùng cho chúng. Ta dạy không được thì pháp sẽ dạy. Pháp sẽ dạy cho chúng những bài học đốn đau cả thân lẫn tâm, may ra chúng mới giác ngộ bài học “khổ đế” được.

Vào khoảng cuối xuân, trời mát mẻ, đức Phật cứ một mình thong dong đi mãi. Ngày thì có bát khát thực, đêm thì có cội cây. Hôm kia, đức Thế Tôn nhắm hướng đông bắc cất bước rồi ghé vào làng Bālakalona-kāraka - nơi đây dân chúng sống bằng nghề làm muối. Lúc đức Thế Tôn tìm một lùm cây để thọ thực thì gặp tỳ-khưu Bhagu đang sống độc cư thiên định ở đây.

Độ ngộ xong, đức Phật hỏi:

- Ông sống một mình thì có cảm giác ra sao? Có chiêm nghiệm được sự lợi lạc nào chăng?

Đại đức Bhagu đáp:

- Chiêm nghiệm được sự thanh bình và an ổn, bạch đức Tôn Sư!

- Thanh bình và an ổn như thế nào, hử Bhagu?

- Thưa, mắt đệ tử chỉ nhìn thấy màu xanh và sự tịch lặng, an ổn của ngôi rừng. Tai đệ tử chỉ nghe tiếng gió, tiếng chim, tiếng nước chảy, tiếng lá rơi hoặc tiếng của muông, thú... Âm thanh của thế giới tự nhiên và thiên nhiên này luôn thanh bình và vô sự. Cả ngũ quan của đệ tử đều như thế. Tâm ý nó cũng tương ứng như thế. Nơi đây lại còn xa vắng chỗ loài người, nghĩa là xa vắng chỗ ồn ào, huyên náo, xa lửa tham, lửa sân. Xa chuyện khẩu tranh, tương tranh, lợi tranh, thô lỗ, ác khẩu, ý ngữ và trăm vạn nỗi nhương, phiền tạp khác. Bạch đức Thế Tôn! Sống độc cư ở đây, chẳng vào sâu các định mà tâm hồn đệ tử luôn như trú tại thanh tịnh cư thiên!

Đức Phật mỉm cười:

- Quả là vậy! Quả là vậy, này con trai! Lúc nào về các thành phố, thị trấn, ông hãy giảng thuyết những điều lợi lạc vi diệu như vậy về hạnh độc cư (Ekacarikavatta) này cho một nhóm, hai nhóm, ba nhóm... tỳ-khuru nghe!

- Thưa vâng!

- Vậy thì hạnh độc cư có chừng bao nhiêu điều lợi lạc, này con trai!

- Thưa, có chừng mười điều lợi lạc sau đây: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân - tự nhiên được hộ phòng, bảo vệ, thu thúc một cách thanh bình, thoải mái, chứ không cần phải cố gắng ngăn chặn, kềm giữ quá kịch liệt, quá sức, quá mệt mỏi!

- Đúng vậy! Đây là năm điều lợi lạc hy hữu rồi!

- Thứ sáu là tâm ý cũng sẽ thư xả, nhẹ nhàng mà đi vào hỷ, vào an và vào cả tịnh chỉ!

- Đúng vậy, khá lắm, này con trai! Thuở Như Lai còn là một tiểu nhi năm tuổi hôm lễ hạ điền, đã để tâm trong sáng và hồn nhiên nên dễ dàng đi vào định sơ thiên. Vậy khi năm giác quan được thanh bình, an ổn thì tâm ý của ông nó có giống như tâm ý trẻ thơ không, này con trai?

- Gần như vậy mà hóa ra không phải vậy, bạch đức Thế Tôn.

- Cũng đúng nữa! Và Như Lai rõ biết là ông muốn nói gì rồi. Chúng ta tiếp tục, lợi lạc thứ bảy là gì nào?

- Thừa, là rừng có sẵn năng lượng tứ vô lượng tâm. Vậy khi tâm vắng lặng tham sân, khí huyết điều hòa, hít thở vào ra an nhiên tĩnh tại, thanh bình, siêu thoát, dầu không miên mật tu tập thiền tứ vô lượng tâm nhưng nếu ta hướng tâm từ thì có từ, hướng tâm bi thì có bi, hướng tâm hỷ thì có hỷ, hướng tâm xả thì có xả. Đây là thêm bốn lợi ích nữa là thành mười, thừa Tôn Sư!

- Phải! Đức Phật gạt đầu - đây là mười điều lợi lạc của hạnh độ cư mà do ông tự chiêm nghiệm bằng sự thực chứng cụ thể, hiện tiền mà nói ra, chứ không phải do Như Lai hoặc hai vị trưởng tử giảng thuyết. Nó đúng vậy đấy, này con trai! Và nếu ông có được trí phân tích biện tài, ông còn đưa ra thêm một chục, hai chục, ba chục, bốn chục... cái lợi lạc của hạnh độ cư nữa đấy, này con trai!

- Xin đức Thế Tôn chỉ dạy thêm.

- Không cần thiết. Một, hai điều mà đôi khi lại là quá dư thừa, nhưng ba bốn chục điều, học thuộc lòng như con vẹt đôi khi cũng còn thiếu rất nhiều đấy! Chính ông phải tự chiêm nghiệm, thâm sát thêm nữa vì hạnh phúc cho chư thiên và loài người, này con trai!

Nói thế xong, đức Phật đứng lên, từ giã, rời ngôi làng của dân làm muối, trả lại sự thanh bình và an ổn cho vị ẩn sĩ độ cư rồi cất bước nhẹ nhàng như đám mây trời thông dong vô sự.

Như Nước Với Sữa

Trời bắt đầu xuất hiện những đám mây đen xám, âm u báo triệu những cơn mưa đầu mùa nhưng tiết trời lại khá oi bức, đức Phật vẫn sống đời ta-bà vô trú, chưa có dự định dừng chân lại ở nơi đâu. Ngài cứ đi, cứ lang thang vô định xứ.

Hôm nọ, thấy một khu vườn rừng cây cao bóng cả, trong lành và xanh mát, đức Phật hướng chân bước vào.

Một người làm vườn chợt chặn lại:

- Thưa ngài sa-môn! Cảm phiền ngài hãy dừng chân lại cho!

Đức Phật biết rõ lý do, nhưng ngài mỉm cười, cất tiếng hỏi:

- Tại sao?

- Thưa, vì trong ngôi vườn tĩnh lặng này có ba vị sa-môn ẩn sĩ mày thanh mắt sáng, trước đây đều là con cái của những gia đình quý tộc danh giá nay họ xuất gia rồi, đang ở nơi đây với đời sống tĩnh cư, giới hạnh trắng bạch như vỏ ốc! Như là những bậc thánh. Vậy xin ngài sa-môn hãy hoan hỷ rời chân đi nơi khác, đừng phiền nhiễu đến họ.

Đức Phật mỉm cười, gật đầu:

- Đúng là vậy!

Đại đức Anuruddha đang tĩnh cư gần đây, nghe tiếng người làm vườn và giọng phạm âm của đức Thế Tôn, bước ra nói:

- Này bác làm vườn! Vị ấy chính là đức Đạo Sư của chúng tôi đó!

Ông ta kính sợ, vội vàng sụp lạy, nói lắp bắp:

- Hèn gì! Tôi đã ngờ ngờ! Đức Thế Tôn còn sáng rõ hơn cả mặt trời, mặt trăng nữa. Tôi đã nghe danh đức Thế Tôn lâu rồi.

Lần vào bên trong, tuy lối đi đường đất nhỏ hẹp uốn quanh co nhưng nơi nào cũng xanh sạch, mát mẻ. Vài cành cây khô, những chiếc lá vàng cũng nằm an hưởng sự thanh bình. Những tiếng chim hót êm tai. Máy chú bướm sặc sỡ chập chờn, bay lượn vui mắt.

Đến một chòi lá, chắc dùng nơi để hội họp hay độ thực thì từ hai phía khác nhau, sau những lùm cây rậm, tỳ-khưu Nandiya và tỳ-khưu Kimbila bước đến nghinh đón đức Tôn Sư. Một vị đón nhận y bát. Một vị sắp đặt chỗ ngồi. Một vị mang nước rửa chân, ghé kê chân và tắm chà chân. Đức Thế Tôn rửa chân rồi ngồi trên chỗ ngồi đã được soạn sẵn. Cả ba vị đại đức đến đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

- Các ông sống ở đây như thế nào? Sức khỏe có tốt không? Trì bình khát thực hằng ngày có dễ dàng không?

- Bạch đức Thế Tôn! Đại đức Anuruddha nói - chúng đệ tử nhờ tâm bình, khí hòa, máu huyết lưu thông nên chẳng có bệnh tật ốm đau gì cả. Còn việc nuôi mạng ở đây thì chẳng có gì đáng phải phàn nàn.

- Thế các vị sống với nhau tâm tánh có xung khắc với nhau không? Có thân thiện, khiêm nhu với nhau không? Có hòa hợp với nhau như nước với sữa không? Có thường nhìn nhau bằng ánh mắt chan hòa từ ái không?

- Bạch đức Thế Tôn! Đại đức Anuruddha nói - Quả thật chúng đệ tử đã sống với nhau cũng được như thế!

- Sự thân thiện ấy là như thế nào, hỡi Anuruddha?

- Thưa! Chúng đệ tử sống thân thiện với nhau qua thân hành, qua khẩu hành và qua ý hành.

- Cụ thể thân hành là thế nào hỡi Anuruddha?

- Thưa, khi có công việc gì bằng tay hay bằng sức lực thì cứ làm, hoan hỷ làm không cần thiết phải cho vị khác biết. Còn khi cùng làm chung nhau thì hoặc là ai làm việc này, mỗi người một tay, đôi khi có việc phải phụ giúp nhiều tay. Mà ai cũng từ hòa, mát mẻ. Đấy được gọi là thân thiện hành.

- Còn khẩu thiện hành?

- Thưa! Là luôn luôn nói lời từ ái, tao nhã, êm dịu lỗ tai, hoan hỷ lỗ tai; ngoài ra, nội dung của khẩu thiện hành còn chú ý đến việc lợi ích cho giới, lợi ích cho định, lợi ích cho tuệ, lợi ích cho bản thân, lợi ích cho tất cả chúng sanh nữa!

- Ủ! Vậy là đúng đắn! Thế ý thiện hành là sao hỡi Anuruddha?

- Thưa, ngoài không hận, không sân, ngoài tứ vô lượng tâm ra, chúng đệ tử, khi cần, ai ai dường như cũng quăng vất cái tâm của mình đi, rồi lắng nghe, quan sát xem thử tâm của bạn mình muốn gì, nghĩ gì, sở thích gì để đáp ứng khuynh hướng ấy, yêu cầu ấy một cách an nhiên, tự nhiên không có cố gắng lắm. Nhờ vậy, ngay chính một vài “tập khí” còn rơi đọng lại của người này, người kia cũng dễ dàng được thông cảm, cứ để cho chúng tự lướt đi, trôi đi như giọt nước trên lá sen, chẳng dính vào đâu cả! Nói hơi cường điệu một chút, nhưng sự thật là vậy, chúng đệ tử ba người mà sống với nhau như chỉ “đồng một tâm”!

- Đồng một tâm?! Quý hóa quá! Như Lai hiểu!

Đức Phật lại mỉm cười, quay sang hai vị kia:

- Anuruddha là vậy! Còn hai ông, Nandiyā và Kimbila thì sao ha?

Nandiyā đáp:

- Chúng đệ tử cũng vậy! Từ khẩu thiện hành, thân thiện hành, ý thiện hành đi đến sống với nhau như đồng một tâm, hòa hợp với nhau như nước với sữa, bạch đức Thế Tôn!

- Như Lai nắm bắt tất thấy những khái niệm ngôn ngữ, cả lời và nghĩa ấy, nhưng cái thể hiện đời sống cụ thể của chư vị trong sinh hoạt hằng ngày là như thế nào, hỡi Kimbila? Tức là cái biểu hiện ra bên ngoài của “đồng một tâm ấy” cái như “nước với sữa” ấy?

- Thưa, Kimbila đáp - Cụ thể là như thế này. Vị nào trong chúng đệ tử khát thực từ làng trở về trước, vị ấy sắp xếp chỗ ngồi, chuẩn bị nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân, rửa sạch chậu đựng đồ thừa, chuẩn bị nước rửa và nước uống. Vị ấy có thể tùy nghi độ thực trước hoặc đợi bạn về cũng không sao.

Vị về thứ hai, thứ ba cũng vậy. Sau khi dùng xong, ai đứng lên sau cùng thì người ấy quăng bỏ những vật thực thừa, dọn dẹp, cất đặt lại toàn bộ rồi quét sạch từ trong ra ngoài.

Ngoài ra, một vị nào đó thấy lu nước uống, lu nước rửa chân, lu nước nhà vệ sinh bị cạn nước thì tự động đi múc nước đổ cho đầy vào. Một vị nào đó thấy một thân cây đổ, một chân ghế bị gãy, một đám đất cáo chồn vương vãi... thì vị ấy tự động biết mình phải làm gì. Dường như chúng đệ tử ai ai cũng thấy được chỗ này chỗ kia phát sanh việc này, phát sanh việc khác như đồng một cái thấy vậy.

Có một số việc nặng, đôi khi không thể tự làm một mình, phải cần hai hoặc ba người thì chỉ cần đưa tay làm dấu hiệu chứ không cần phải nói ra, và ai cũng hiểu là khi ấy cần phải có người phụ lực.

Do vậy, ở đâu cũng yên lặng, ở đâu cũng chẳng có một lời tiếng nào. Như thế, cả lâm viên này đều lay lan, ảnh hưởng năng lực tĩnh lặng của tâm thiên đó, bạch đức Tôn Sư!

Đức Phật nhẹ nhẹ gật đầu.

Đại đức Nandiyā tiếp lời:

- Cứ mỗi năm ngày một kỳ, một đêm, chúng đệ tử gặp nhau ở đây, tại cái chòi lá này để thảo luận về giáo pháp, cùng nhau ôn tập, ôn tụng hoặc nhắc lại cho nhau nghe những kinh và pháp mà đức Thế Tôn, hai vị trưởng tử, thuyết giảng hoặc khai triển nơi này và nơi khác. Việc này rất lợi ích cho sự tu tập cũng như lợi lạc khi cần phải giảng nói đến cận sự hai hàng.

Cũng trong đêm này, những kinh nghiệm thiền chứng, lộ trình giải thoát tâm... vị này và vị kia cũng đem ra bàn thảo, trao đổi để bổ khuyết cho nhau, san sẻ cho nhau, hướng dẫn cho nhau. Không một bàn tay nào được nắm lại. Không một pháp nào bị che giấu.

- Ngoài ra, đại đức Kimbila nói tiếp - Cứ mỗi tháng hai kỳ, chúng đệ tử gặp nhau ở đây để sám hối; sau khi sám hối chúng đệ tử thay nhau tụng đọc những học giới cho đến thuộc lòng để hy vọng sau này dạy bảo lại cho những vị tỳ-khuru hậu lai!

Đại đức Anuruddha như kết luận:

- Chúng đệ tử không nói đến nỗ lực, tinh tấn. Chúng đệ tử không nói đến chánh niệm, tỉnh giác. Chúng đệ tử không nói đến định hoặc minh sát. Mà khi cùng sống với nhau trong mọi sinh hoạt, giao tiếp với ngoại giới cùng những tương quan duyên khởi, phải nói là chúng đệ tử sống với toàn bộ bát chánh đạo, toàn bộ giáo pháp trong lòng mình, trong từng lúc, từng khi, trong mọi oai nghi đi đứng nằm ngồi, trong từng mỗi hơi thở, trong từng mỗi sát-na! Do vậy, khi nói giới định tuệ thì có ngay giới định tuệ, khi cần đồng một tâm tức khắc có ngay đồng một tâm, khi muốn như nước với sữa thì liền hòa hợp với nhau như nước với sữa, bạch đức Thế Tôn!

- Hay lắm! Đức Phật thốt lên - Buổi pháp thoại hôm nay, các ông cần phải giảng nói rộng rãi cho các nhóm học chúng, hội chúng tu học! Nếu chư tỳ-khưu trong giáo hội của Như Lai, cụ thể là hai nhóm hội chúng kinh và luật tại lâm viên Ghositārāma mà sống được chỉ một phần mười sáu như các ông thì đừng nói chia rẽ, tương khắc, bất hòa, khẩu chiến, khẩu tranh... không thể tồn tại mà một ánh mắt khó chịu, một lời nói không hoan hỷ lẫn tai nhau cũng không thể xảy ra!

Cuối cùng, tuyệt vời, tuyệt hảo nhất là các ông đã ở bờ kia mà không thèm nói tới bờ kia. Các ông thường trực sống trong chân đế mà chỉ sống và nói với tục đế. Các ông đã uống được giọt nước giáo pháp tận đầu nguồn của Như Lai, cho nên khu lâm viên này luôn được tưới tắm sự trong lành, bình an và mát mẻ. Một vài trạng thái giải thoát có được, các ông cũng không dính mắc, không chấp thủ! Tốt lắm! Quý lắm! Như Lai khen ngợi đó!

MUC LUC

Con Chó Khôn Ngoan.....	7
MÙA AN CƯ THỨ TÁM.....	19
Chánh Hậu Của Đức Vua Udena	20
Một Số Giới Điều Cần Thiết	30
Hiện Tại Pháp Lạc.....	38
Về Hơi Thở.....	54
Chỉ Việc Thở Thôi	62
Hoá Độ Du Sĩ Magandiya	65
Ôi! Chàng Gọi Chúng Em Là Những Bà Chị!	74
Cô Bé Visākhā.....	81
Thế Nào Là Một Bà-La-Môn Chân Chính?	86
Bà Phu Nhân Xinh Đẹp.....	102
Bài Học Về Vườn.....	113
Bậc Chư Thiên Ái Kính	118
Bài Học Về Rừng	129
Đại Thần Chú	139
Thêm Một Gia Chủ Hữu Danh.....	144
Khúc Thán Ca Vô Thường Bất Hủ	166
Chiếc Lá Đắng.....	177
Hạt Giống Hy Hữu	183
Tu Hạnh Chó Và Hạnh Bò	189
Vị Thánh Bảy Năm Trong Bình Máu	195
Những Người Bạn Cũ	205
Chiếc Phao Phước Báo.....	212
Sa-Môn Đầu Trọc.....	218
Hoá Độ Bà-La-Môn	227
Lại Nhiếp Hoá Bà-La-Môn Nữa	244
Chuyện Tỳ-Khuru Nanda	255
Sắc Đẹp Hoa Sen.....	261
Cảm Hoá Cô Dâu Hư!	275
Bậc Chiến Thắng Bất Diệt, Bạn Của Ta Giờ Ở Đâu?.....	281
Đặc Tính Của Biển Lớn	292
Người Đàn Tín Hộ Trì Tối Thượng	301
Một Doanh Gia Thành Đạt.....	309
Đức Hạnh Nhẫn Nhục Của Tỳ-Khuru Punṇa.....	314
Một Nghệ Sĩ Kỳ La	317
Vị Thánh Trong Bụng Cá.....	323
Những Câu Hỏi Vớ Vẩn!	329
Rāhula Ngủ Trong Nhà Xí	336
Voi, Lừa Và Đa Đa	341

Tám Gương Học Tập Của Rāhula.....	346
Bài Học Của Nai Tơ.....	353
Cô Thị Nữ Lung Gò.....	358
MÙA AN CƯ THỨ CHÍN.....	365
Cúng Dường Bằng Tâm Ý.....	366
Như Thốt Voi Giữa Trận Tiên.....	370
Gà Sống, Gà Chết.....	375
Mũi Tên “Phản Nghịch”.....	380
Giẻ Rách Cũng Hữu Dụng.....	387
Ngọn Lửa Hận Thù.....	393
Báo Ứng.....	397
Nghiệp Nhân Từ Quá Khứ.....	405
Giọt Nước Cặn Trong Gáo Vệ Sinh.....	412
Chuyện Đàn Chim Cùn Cút.....	417
Không Hận Thù Mới Dập Tắt Được Hận Thù.....	423
An Lạc Của Hạnh Độc Cư.....	441
Như Nước Với Sữa.....	444

NHÀ XUẤT BẢN...

Chịu trách nhiệm xuất bản

Chịu trách nhiệm nội dung

Biên tập :

Vi tính, bìa, trình bày : Thiện Niệm, Chơn Quán

Sửa bản in :

In quyển, khổ 14 x 20.5 cm tạiSố đăng ký
KHXB: Quyết định xuất bản số:,
cấp ngày In xong và nộp lưu chiểu
.....
